TRẦN QUANG ĐỨC

Chuyện Trà

Lịch sử một thức uống lâu đời của người Việt

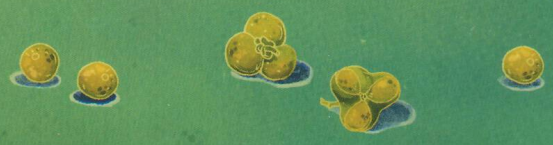

nhà nam
THẾ GIỚI
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Chuyện Trà

CHUYỆN TRÀ
TRẦN QUANG ĐỨC

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa
Công ty Văn hóa Truyền thông Nhã Nam và tác giả Trần Quang Đức, 2021

Bản quyền © Trần Quang Đức

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả.
Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

TRẦN QUANG ĐỨC

Chuyện Trà

Lịch sử một thức uống lâu đời
của người Việt

nhã nam
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

NHÂN DUYÊN TỪ TRÀ

Trong nhiều năm làm xúc tiến thương mại ngành chè, chúng tôi đã đi nhiều nơi, gặp nhiều người và nói nhiều về chè Việt, về niềm tự hào là quốc gia sản xuất và xuất khẩu chè đứng thứ năm trên thế giới. Vậy mà khi khách hàng hỏi Việt Nam có các vùng chè hay sản phẩm chè nổi tiếng như Trung Quốc không, chúng tôi chỉ biết pha trà Thái Nguyên, phẩm ngon nhất, và nhỏ nhẹ đáp lời. Nền công nghiệp chè Việt Nam thời độc lập bắt đầu từ năm 1958 với sự giúp đỡ của nước Nga - Xô Viết, trước đó được kế thừa từ Pháp với hai viện nghiên cứu chè và một sở trà tại Cầu Đất. Từ đó cho đến tận những năm 90 của thế kỷ trước, chúng ta chỉ chăm lo trồng trọt, sản xuất để xuất khẩu số lượng lớn chè đen không thương hiệu để đổi lại thực phẩm, thuốc men và dầu lửa... Cho đến khi phải thực sự đem chè đi bán sang xứ người giai đoạn cuối thập niên 90, chúng tôi mới thấm thía sự thiếu hụt về câu chuyện chè trong nước. Mọi dẫn chứng về chè Việt hầu hết chỉ được ghi lại qua một số bài thơ, câu ca dao hay một số tác phẩm tiểu thuyết văn chương. Ngay đến khi được yêu cầu chọn một câu thơ cho đoạn video ngắn quảng cáo chè Shan tuyết cổ thụ gần đây, chúng tôi cố gắng mới tìm được bài thơ của Nguyễn Trãi, hoàn toàn không phải viết về cách thức chế tác hay pha hãm, mà chỉ nhắc đến trà như một thức uống nuôi dưỡng tinh thần trong quãng thời gian ẩn cư núi rừng của ông. Kể từ đó, là người làm chè, giới thiệu và kể chuyện

chè Việt, chúng tôi luôn mong mỏi có được những tác phẩm nghiên cứu chỉn chu, sâu sắc và đầy đủ hơn về lịch sử chế tác cũng như thưởng thức trà của người Việt để câu chuyện trà Việt có thể được biết đến nhiều hơn, xứng tầm hơn. Đó cũng là nguyên do dẫn chúng tôi đến với tác giả Trần Quang Đức.

Tôi biết Trần Quang Đức cũng nhờ nhân duyên từ cuốn *Trà kinh* do Nhã Nam xuất bản. Trước đó, do hay tìm tòi về lịch sử, tôi đã để ý đến anh qua mạng xã hội bởi những bài thơ, những trích dẫn lịch sử, thậm chí là sự tò mò về tác giả của cuốn sách *Ngàn năm áo mũ*. Lúc đó, tôi không nghĩ sẽ gặp được người thật ngoài đời do không có mối liên hệ nào với giới văn nhân và nghiên cứu có tiếng trong nước. Đến khi chúng tôi lần tìm những ghi chép cổ xưa về cây chè để viết câu chuyện về chè cổ thụ Shan tuyết mọc trong rừng sâu nước ta, đọc kỹ những mô tả trong *Trà kinh* mà thực sự không hiểu hết ý tứ của cổ nhân, tôi bèn dốc lòng nhờ cậy bạn trà để mong gặp được dịch giả của cuốn sách. Nhân duyên qua trà quả thực có thật.

Lần đầu tôi gặp Trần Quang Đức tại một quán trà ấm cúng, bàn luận về trà và một vài đoạn trích trong *Trà kinh*, rồi sau đó chúng tôi trở thành bạn trà từ lúc nào không hay. Một nhóm bạn thường xuyên tụ tập uống trà, bàn luận về sách vở, lâu thành quen, không chỉ thử trà mới từ các vùng chè gửi về, còn kể cho nhau nghe những câu chuyện Đông Tây kim cổ về trà. Với kiến thức phong phú, Trần Quang Đức luôn kể cho chúng tôi những khám phá thú vị của anh về trà cũng như những câu chuyện lịch sử xoay quanh. Do chúng tôi khát cầu kiến thức nên luôn tìm cách hỏi thêm và lần nào cũng nhận được những câu trả lời đầy ắp thông tin, lại còn được gợi mở nhiều điều hay ho hơn nữa. Lâu dần, ai cũng nghĩ, sao Trần Quang Đức không viết một cuốn sách về trà, một cuốn sách mang tính khảo cứu dựa trên lịch sử, không võ đoán, không thiên vị, một cuốn sách kể lại lịch sử trà nhưng không khô khan mà được dẫn dắt bởi người kể chuyện đầy kinh nghiệm? Trần Quang Đức nhận lời, vì đó cũng là nỗi bận tâm của anh từ lâu.

Chúng tôi đã cùng Trần Quang Đức đi thăm một vài vùng chè, gặp gỡ nhiều người sản xuất chè đặc sản để anh hiểu rõ hơn về ngành chè Việt Nam. Các cuốn khảo cứu mang tính chuyên môn nhất của ngành chè cũng được gửi tới anh. Trần Quang Đức rất bận với nhiều lịch giảng

dạy trong Nam ngoài Bắc, nhưng việc trải lòng với trà vẫn được anh giữ nhịp đều đặn. Còn nhớ quãng tháng Tư năm 2020 khi đại dịch Covid bắt đầu tràn lan trên thế giới và Hà Nội bắt đầu có những đợt giãn cách đầu tiên, tôi nhận được bản thảo của chương một, "Trà nguồn cội". Thực tình, đêm đó tôi đã thức để đọc liền mạch và chẳng tài nào ngừng được. Lời văn tuôn chảy như có sẵn trên đầu bút, như mạch suối nguồn thông suốt, thanh tỉnh và mát mẻ, tràn đầy năng lượng. Sau đó, khi cuộc sống tạm trở lại bình thường, Trần Quang Đức có nói anh sẽ thay đổi cách viết một chút và cần thêm thời gian để nghiên cứu, và rồi anh đi Huế, Hà Giang. Lần nào gặp lại, chúng tôi cũng đùa về việc thai nghén cuốn sách trà của anh, sao mãi vẫn chưa thấy chào đời. Thế mà bẵng đi đến giữa năm 2021, anh đã vào Đà Lạt "khăn gói ở ẩn" từ lúc nào, để "dụng tâm tận lực" hoàn thành cuốn trà thư.

Ngày gặp lại sau hai tháng với bản thảo cuốn *Chuyện Trà*, Trần Quang Đức đọc cho chúng tôi nghe một vài đoạn trong cuốn sách, cả phòng khi thì cười rộ, khi thì tâm đắc vỗ đùi, lúc lại trầm ngâm suy tưởng. Bản thảo lần này không chỉ như suối nguồn tuôn chảy về kiến thức mà nhiều quãng là sự cô đọng, nhấn nhá của từng ngụm trà được ủ vừa đủ, rót ra đúng lúc. Có hương thơm thoảng của hoa và cỏ lá rừng già, có cái chát nhẹ nhưng ngọt dịu cuống lưỡi, có cái thanh mát như bạc hà lẩn khuất, uống rồi vẫn còn dư vị đâu đây, còn muốn nâng chén lên tiếp tục thưởng thức.

Trà mang đến nhiều nhân duyên, cho bạn gặp nhiều người, lắng nghe nhiều câu chuyện vui buồn để dặn lòng mình hãy sống vui hơn, có ý nghĩa hơn nữa. Vậy nên, để nghe được chuyện của trà cũng là nhân duyên hiếm có. Xin cảm ơn Trần Quang Đức và tấm lòng của anh với trà!

Mùa Vu Lan năm 2021, viết tại Mính Shan cư
Nguyễn Thị Ánh Hồng
Phó Chủ tịch Hiệp hội Chè Việt Nam

ĐỌC CHUYỆN TRÀ NGHE THẤY TIẾNG CHA ÔNG

Nhận được đề nghị viết mấy lời giới thiệu cho cuốn sách *Chuyện Trà - Lịch sử một thức uống lâu đời của người Việt* từ ông bạn Trần Quang Đức, tôi cảm thấy vừa bất ngờ vừa thích thú.

Bất ngờ vì sau "áo mũ" là "trà". Sau "mặc" là "uống". Vẫn biết sau *Ngàn năm áo mũ*, Trần Quang Đức sẽ tiếp tục viết một cái gì đó trong âm thầm nhưng nó là gì thì thật khó đoán. Gặp nhau trên mạng hay ngoài đời có hỏi thì "cụ" Trần Quang Đức (chúng tôi vẫn thường gọi đùa nhau như thế) chỉ cười cười và bảo "Ờ ờ. Đang viết. Đang viết".

Ừ, phải viết chứ!

Nếu sau *Ngàn năm áo mũ*, Trần Quang Đức chỉ mê mải trèo non, lội bể, gảy đàn, làm thơ mà không viết gì về lịch sử nữa thì tiếc biết bao!

Ở Việt Nam suốt từ xưa đến nay, người ta chỉ mải mê với lịch sử chính trị và chiến tranh, rất ít sử gia có mối quan tâm và đi sâu vào lịch sử xã hội. Trong khi đó đại chúng, dù già hay trẻ đều rất quan tâm chuyện từ trước đến nay cha ông, cụ kỵ chúng ta đã ăn gì, uống gì, ở đâu, mặc ra sao và đi lại thế nào.

Bản thân tôi khi đi dạy học thi thoảng vẫn ấp úng vì không thể trả lời được học sinh khi các em đặt ra những câu hỏi liên quan đến những vấn đề như thế. Hiểu biết của tôi có hạn đã đành mà sách vở đáng tin cậy, hấp dẫn để giới thiệu cho học sinh đọc, tra cứu cũng không có mấy.

Khi sách vở tra cứu và để đọc không có, những lời đồn đại nhảm và những câu chuyện mang màu sắc hư hư thực thực vô căn cứ được dịp lan truyền mạnh mẽ.

Sự nôm na không văn tự có thể giúp vui trong chốc lát nhưng có hại cho học thuật và tư duy của cá nhân, cộng đồng nhiều lắm.

Bởi thế, tôi thật sự cảm thấy thích thú và mừng vui khi nhận được bản thảo cuốn sách mới của Trần Quang Đức.

Nhìn tên sách, người ta ngỡ đây sẽ là một chuyên khảo về trà, một cuốn sách dày dặn đầy tính học thuật giống như đã từng thấy ở *Ngàn năm áo mũ*. Nhưng đọc rồi ta sẽ thấy, khi nghĩ như thế, ta mới đúng một nửa. Ở *Chuyện Trà* ta vừa thấy một Trần Quang Đức nghiêm cẩn, tỉ mỉ, công phu, sắc sảo trong *Ngàn năm áo mũ* vừa thấy một Trần Quang Đức khác. Đấy là Trần Quang Đức của những chuyến đi, những trải nghiệm, cũng là một Trần Quang Đức của văn chương và đời thường.

Cuốn sách không phải là một chuyên khảo lịch sử xã hội kiểu biên niên kết hợp với phân tích thuần túy. Ở đây còn có sự kết hợp và pha trộn giữa học thuật với tản văn. Những sử liệu cổ kim Đông Tây sẽ được pha trộn, điểm xuyết bởi những trải nghiệm của "tôi", tác giả, bởi những ngẫm suy của tác giả về chuyện xưa, chuyện nay và cả những thế thái nhân tình. Bởi thế, so với *Ngàn năm áo mũ*, *Chuyện Trà* mềm mại hơn, giàu chất văn chương hơn và dễ đọc hơn nhiều. Khi đọc sách, có những đoạn khiến tôi căng đầu suy nghĩ vì ngổn ngộn sử liệu Đông Tây kim cổ nhưng cũng có những đoạn lại khiến tôi bâng khuâng, cảm khái. Những đoạn viết về Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát, Phạm Đình Hổ... thậm chí còn gợi lên trong lòng tôi những xúc động sâu xa. Đấy là những cảm xúc rất khó có được nếu đọc sách chuyên khảo thuần túy. Dường như thời gian và những trải nghiệm của cuộc đời đã thêm vào Trần Quang Đức chất nghệ sĩ và... đạo sĩ. Thi thoảng, nhìn thấy ảnh ông bạn vui chơi nơi núi sâu, rừng thẳm, tôi lại nhắn và gọi anh là "chân nhân" là vì thế.

Nghe Trần Quang Đức kể *Chuyện Trà*, bạn đọc sẽ biết thêm về lịch sử của trà ở Việt Nam thông qua những sử liệu nhiều nguồn mà tác giả thu thập được và xử lý công phu. Lịch sử ấy còn được làm rõ thêm bởi những kiến giải, so sánh với lịch sử trà ở Trung Hoa, Nhật Bản với sự tra cứu, phân tích thận trọng, tỉ mỉ và thực chứng. Nhưng không chỉ có thế, qua *Chuyện Trà*, ta còn được biết về kỹ thuật pha chế, cách thức thưởng

thức trà của nhiều giới từ quý tộc cung đình tới nho sĩ, tăng lữ và người dân lao động trong suốt chiều dài lịch sử. Thú vị hơn, câu chuyện về trà không chỉ dừng lại ở cái chung mà còn đi vào những câu chuyện rất cụ thể với con người cụ thể. Tôi thích những đoạn Trần Quang Đức viết về những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thưởng trà. Xuyên suốt cuốn sách là sự thấp thoáng của những nhân vật ấy, nhưng dường như chính tác giả cũng chưa thỏa mãn nên rốt cuộc đã dành hẳn một chương để viết về *Trà tinh thần*. Ừ, có thế chứ, uống trà với thi nhân, nho sĩ, với người tu hành và đôi khi với cả người bình thường nữa, phải đâu giản đơn chỉ là chuyện uống trà. Lúc trồng chè, chế biến, pha trà và đặc biệt lúc ngồi uống trà dù là uống một mình hay uống cùng tri kỷ, tình nhân, hiển nhiên con người ta sẽ phải ngẫm suy về nhiều thứ. Bên ấm trà bốc khói, tỏa hương sẽ là sự sục sôi hay sâu lắng của thế giới tinh thần. Người bình dân không để lại sách vở nên khó biết tâm tư, nhưng các thi nhân, nho sĩ thì ít nhiều còn lưu lại những đoản văn, những bài thơ, câu thơ viết trong lúc ấy. Tôi thích đọc những câu thơ, đoạn văn mà Trần Quang Đức trích ra trong cuốn sách này của những người như Lê Hữu Trác, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phạm Đình Hổ, Cao Bá Quát... Với tôi, trong lịch sử Việt Nam, họ là những nhân vật rất đặc biệt. Cho dù cách thức ứng xử với trung tâm quyền lực và số phận cuộc đời mỗi người có khác nhau, họ đều chia sẻ điểm chung là đã chọn cho mình một thái độ, lối sống khác biệt với đại đa số các nho sĩ khác cùng thời. Và hiển nhiên, khác biệt thường đi kèm với cô đơn. Cô đơn sẽ song hành với tâm sự. Thơ văn ngày xưa thường kiệm lời, thời gian và sự phá hoại của con người cũng tàn nhẫn với những gì tiền nhân để lại. Nhưng chỉ cần qua những gì họ đã viết và được dẫn ra trong cuốn sách, ta cũng thấy ở đó, bên chén trà, những tâm tình, tư tưởng, sự khắc khoải đớn đau của họ.

Trần Quang Đức thật biết chiều lòng độc giả khi có đưa vào phần cuối cuốn sách phụ lục "Thưởng trà giai phẩm", tức phần tuyển và dịch những bài thơ, đoản văn của người Việt viết về trà và việc thưởng trà. Sẽ thật tuyệt vời nếu ta vừa thưởng trà vừa chậm rãi đọc những áng văn thơ được trích ở đây.

Thật mừng cho "cụ" Trần Quang Đức có tác phẩm mới. Xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc xa gần cuốn sách quý này.

Mỗi người, khi cầm cuốn sách này lên và đọc sẽ tìm thấy trong nó những điều thú vị riêng. Với riêng tôi, khi đọc *Chuyện Trà*, tôi thấy mình thêm một lần được nghe thấy tiếng của cha ông.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2021
Nguyễn Quốc Vượng

LỜI TỰA

Quãng mười lăm năm trước, tôi hay lê la quán xá, sáng tối nã trà bồm như một thói quen, chưa thể nói là mê trà. Từ khi chơi thân với người bạn vong niên, được đãi toàn trà tuyệt phẩm, dần mới bén duyên thực sự với trà, về sau, dù leo núi hay ra sông, đều lăm lăm mang theo trà cụ. Trà bầu bạn, gắn liền với cuộc sống kể từ đó.

Hà Nội trước chỉ có vài quán trà có thể điểm mặt gọi tên, thành ra mỗi khi hay tin có quán mới, tôi cùng anh bạn thân lại hẹn nhau tới chơi, gặp được chủ quán là dân làm trà, càng lấy làm thích. Giao du với dân trà, được nghe câu chuyện về trà nhiều hơn. Dĩ nhiên, đã gọi là câu chuyện thì có tính chất sáng tác, đôi khi là sáng tác ngẫu hứng, tức thời. Trong giới trà vốn đầy rẫy những câu chuyện ba thực bảy hư. Đến khi trà thiền vang bóng, tinh thần uống trà lại càng vi diệu. Với rượu mà nói, rượu ngon là ngon, mấy ông nhậu cùng lắm tấm tắc khen đôi câu, sau đó nâng ly cạn chén, uống là uống, chẳng lý sự rườm. Nhưng trước bàn trà lại khác, không chỉ cần áo xiêm đạm nhã, trà cụ tinh tươm, thao tác nhịp nhàng, nói cười khẽ nhẹ, đôi lúc trong khoảng thinh không lắng đọng, tinh thần lãng đãng, người ta còn nói về trà như một thức uống tịnh tâm, như sương tựa mây, như tiên tựa bụt. Hai thức trà rượu, bản chất đều có điều hay dở. Ngay như Lục Vũ, trà thánh Trung Hoa, bên cạnh danh trước *Trà kinh*, còn viết *Hủy trà luận*, cũng chính bởi thấy được tinh thần quá câu nệ hình thức của người uống trà.

Xét ra, con người ai chẳng có hai phần tính cách, phần động hướng ngoại và phần tĩnh hướng nội. Tùy từng thời điểm, từng chặng đường phát triển, tâm tính bộc lộ ra có lúc này lúc khác. Khi sôi nổi thì hòa đồng, lăn xả, thích khuấy động cho ra trò; lúc trầm lắng lại rút về cô độc, tha thẩn chơi trong một góc riêng mình. Cái thú trước cuộc rượu bàn trà cũng như thế. Rượu có xu hướng hướng ngoại, trà thì hướng nội. Uống rượu ắt phải có hội bạn, cùng nhau ngả nghiêng vung chén, hò hét vang trời mới vui. Còn thưởng trà chỉ cần một đôi người, khi xem hoa sớm, lúc ngắm trăng khuya, nhiều khi chẳng cần bầu bạn, bất tất nhiều lời. Rượu đa phần có sẵn, ẩm giả lấy rượu là men say, tạo hứng khởi hoặc xua tan phiền muộn, "*hôm nay có rượu, nay say khướt; ngày mai sầu đến, ngày mai sầu*" (La Ẩn), "*chỉ mong già chết trong hoa rượu, chẳng muốn khom mình trước ngựa xe*" (Đường Dần), mấy ai có nhu cầu tìm hiểu sử rượu, cũng như cách thức nấu pha. Trà lại khác. Trà phải để ý nước nôi, sắp đặt ấm chén chậm rãi thong thả, trà nhân cũng thường khoái cảnh nhâm nhi chén trà bên trang sách, "*trà quện hương hoa mộc, sách xanh biếc tàu tiêu*" (Cao Bá Quát), "*kẹp sách im lìm song trúc biếc; chén trà thanh nhẹ án sen thơm*" (Tuy Lý vương Miên Trinh). Người thưởng trà cũng thích tìm hiểu xem các phẩm trà ngon được chế tác thế nào, hương trà bởi đâu mà có, cách pha hãm làm sao để được chén trà thơm ngon, tinh tế. Đi xa hơn, còn thắc mắc, trà nguyên sản từ đâu; đất Việt có những danh nhân nào sành trà; các vị Trần Thái Tông, Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát thưởng trà, cách thức có khác nhau không? Nhu cầu tìm hiểu sử trà bởi vậy cần thiết hơn rượu. *Chuyện Trà* ra mắt bạn đọc là vì thế.

Chuyện Trà là tập hợp những câu chuyện lịch sử xoay quanh trà Việt sau khi được khảo chứng, đối chiếu với sử liệu. Nội dung bao quát từ chè tươi tới trà sao sấy, ướp hương; từ cách uống trà với gừng đun bằng nồi cho tới lối trà chuyên với trà cụ tươm tất; từ trà Việt Nam tới trà Trung Quốc; từ trà Thiền đạo tới thơ phú văn chương. Mặc dù cố gắng khảo cứu khách quan, song xét đến cùng, vẫn không thể khẳng định hết thảy câu chuyện trình bày đều là sử thực, cho nên *Chuyện Trà* chỉ nên coi là những câu *chuyện* được kể lại có chứng lý nhất trong khả năng của tác giả mà thôi. Bên cạnh đó, đây không phải dạng sách khảo cứu chuyên môn, không có những giải trình khoa học như danh xưng trà Việt cần định nghĩa ra sao; nước vối, nước hoa cúc, trà thảo mộc có được coi là trà

không; nội hàm trà Việt bao gồm trà của những dân tộc nào? v.v. Những thứ khoa học rắc rối ấy không tương thích với việc thưởng trà.

Chuyện Trà được tôi khởi thảo vào đầu năm 2020, trong đợt giãn cách xã hội đầu tiên diễn ra trong cả nước. Sau nửa năm, cuốn sách bị tạm gác do dịch tình trong nước được khống chế, việc dạy việc nhà choán hết thời gian. Tới tháng Năm năm 2021, khi đại dịch lại hoành hành khắp Bắc Nam, tôi lánh vào Đà Lạt để tập trung hoàn thành cuốn sách. *Chuyện Trà* chắc chắn không thể hoàn thành sớm nếu không có sự giúp đỡ và động viên của những người đồng nghiệp, người bạn thân thiết của tôi. Nhân đây, tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn tới Công ty Gốm sứ Minh Long đã có hỗ trợ tài chính đáng quý giúp đỡ tôi trong thời gian viết sách. Xin cảm ơn chị Nguyễn Thị Ánh Hồng, phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Chè Việt Nam, người đã chia sẻ với tôi nhiều kiến thức và tư liệu chuyên môn. Cảm ơn em Nguyễn Thùy Chi, Dương Xuân Quang, Lê Phương Duy, Cao Thiên Sinh, bạn Trần Văn Quyến, Alex Giang, chị Quách Thu Hiền, anh Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Tuấn Công, Lê Hồng Khánh, Nguyễn Thế Bách đã ít nhiều giúp đỡ tôi tìm tòi và cung cấp tư liệu tương quan. Cảm ơn công ty Trà Minh Lam, công ty Trà Việt, Tân House, Trà Phong đã cung cấp một số hình ảnh minh họa cho cuốn sách. Xin cảm ơn những người bạn Nguyễn Văn Hải, Trần Trọng Ngữ, Nguyễn Hữu Sử, Nguyễn Quốc Vương, Nguyễn Ngọc Dân, Nguyễn Ngọc Thanh, Phùng Đắc Quang, Từ Quốc An, Nguyễn Thái Bình, Trần Đức Lân, Đỗ Thu Lý, Đỗ Thị Mỹ Vân, Dương Hồng Hạnh, Vũ Phi Yên, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa đã luôn sát cánh động viên tinh thần. Cảm ơn các anh chị, các bạn quản lý Nhà Trăng, Andante Đà Lạt đã yêu quý, hỗ trợ trong quá trình tôi viết sách tại đây. Đặc biệt xin cảm ơn bố mẹ và em gái tôi, những người đã thu vén việc nhà để tôi có thể vắng mặt, chuyên tâm vào công việc.

Mọi ý kiến đóng góp của bạn đọc xin được gửi về hòm thư: *tranquangduc165@gmail.com*. Cuốn sách chắc chắn sẽ được hoàn thiện hơn, trong những lần tái bản sau. Tôi xin chân thành cảm ơn!

Đà Lạt, ngày 28 tháng 5 năm 2021
Trần Quang Đức tự tựa.

Dành tặng con gái Hàn Dương!

MỤC LỤC

5 Nhân duyên từ trà
9 Đọc *Chuyện Trà* nghe thấy tiếng cha ông
13 Lời tựa
21 Lời nói đầu
29 Phàm lệ
31 Dẫn chuyện

TRÀ NGUỒN CỘI

37 *Nam phương giai mộc: Nguồn gốc cây chè*
49 *Đông Tây kim cổ: Sự lan tỏa của thú uống trà*
67 *Văn tự kỳ khu: Khảo về tên gọi trà*

TRÀ MỘC MẠC

81 *Giải mật Cao Lô: Lý giải một biệt danh của trà*
93 *Nam trà quốc túy: Sự phổ biến của chè tươi*
105 *Phong vị ngàn xưa: Lối uống cổ truyền dân dã*
114 Phụ lục *Những vùng sản Nam trà thế kỷ XIX*

TRÀ HƯƠNG SẮC

119 *Tranh kỳ đấu xảo: Sự dụng công chế tác trà tàu*
137 *Phô sắc khoe hương: Những bước tạo nên hương sắc của trà*
151 *Ướp quện thần hoa: Lược khảo về trà hương hoa*

TRÀ THƯỞNG THỨC

171 *Nước sôi vạc cổ: Cách dùng nước và hỏa lò của người xưa*
185 *Đun mạt điểm hoa: Các cách pha hãm trà trong lịch sử*
205 *Tống quân dàn trận: Lược khảo về dụng cụ trà chuyên*
220 Phụ lục *Trà và trà cụ nhà Thanh tặng cho triều Tây Sơn và triều Nguyễn*

TRÀ TINH THẦN

227 *Cày nhàn câu lặng: Tinh thần thưởng trà của trà nhân*
247 *Thiền trà một vị: Thưởng thức trà với tinh thần Phật giáo*
261 *Muôn vàn kết nối: Không chỉ là câu chuyện về trà*

269 Lời bạt
273 Phụ lục "Thưởng trà giai phẩm":
Những áng văn thơ hay viết về trà của người Việt
337 Thư mục sách trích dẫn tham khảo

LỜI NÓI ĐẦU

Trước khi kể chuyện trà, để câu chữ được dịp bay bổng, thiết nghĩ vẫn cần có đôi lời phi lộ để trình bày tinh thần làm việc của cuốn sách, có lẽ cũng là phần khô khan nhất, vốn chẳng nên lạm bàn khi thưởng trà. *Chuyện Trà* tuy được trình bày dưới hình thức tự sự xen lẫn khảo cứu, song ý niệm trước khi đặt bút vẫn hướng tới sự khách quan. Càng cố gắng hướng tới khách quan, khoa học, càng tiệm cận với sử thực, hạn chế tối đa suy diễn, vốn là đặc trưng của bộ não người. Dù biết rằng, nhận thức luôn mang dấu ấn của trải nghiệm cá nhân, của tuổi tác, của thời đại, cho nên việc theo đuổi đến cùng sự thật khách quan là điều không thể. Vậy nên mỗi cuốn sách đều thể hiện tư duy, góc nhìn cũng như phương pháp làm việc của cá nhân tác giả tại thời điểm viết, chắc chắn có những bất toàn và không thể đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của mọi độc giả.

Xét chung tư liệu trà Việt Nam từ đầu thế kỷ XX trở về trước, ngoài đoạn mô tả khá chi tiết của Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút, Quần thư tham khảo* về lối uống trà tàu ở ta giai đoạn cuối Lê (thế kỷ XVIII), cơ bản không có tư liệu cổ nào viết riêng về trà. Rải rác trong các tập thơ có những bài tả cảnh uống trà, họa hoằn xuất hiện đôi dòng chú thích của tác giả về trà là những dòng ghi chép hiếm hoi đáng quý. Điều này không phải do chiến tranh hỏa hoạn gây nên, tôi cho là do tự thân trí thức Việt trước đây không có nhu cầu viết mà thôi. Trước thuật ở ta thời Lý Trần không đồ sộ như hằng tưởng, đọc khảo cứu của các cụ Lê Quý Đôn, Phan

Huy Chú có thể biết được diện mạo tổng quan. Đến như thời Nguyễn là thời sách vở phát triển nhất so với các triều đại phong kiến, cũng chẳng thấy có chuyên trước nào về ẩm thực, chứ đừng nói là trà. Phải đến thời Pháp thuộc, chủ đề phong tục tập quán mới nóng lên. Đây cũng là thời điểm tinh thần quốc gia, dân tộc hình thành mạnh mẽ. Từ đó bắt đầu xuất hiện các trước tác truy tìm nguồn gốc dân tộc, cũng như văn hóa Việt nói chung. Ghi chép kỹ hơn về việc dùng trà của người Việt bắt đầu xuất hiện từ đây. Tuy nhiên, việc quy thuộc văn hóa Việt vào khối Bách Việt chung với quan niệm cặp đôi Bách Việt miền Nam lúa nước, Hoa Hạ miền Bắc du mục như một giới tuyến vô hình phân chia hai cộng đồng Việt-Hán, đồng thời dựa vào ghi chép hay bản đồ cổ xưa để chứng minh nguồn gốc của cây chè, tôi cho là có phần nhẹ dạ, mà kỳ thực không cần thiết. Với **sử tiền sử**, chỉ có hiện vật khảo cổ là thiết chứng, tư liệu chữ viết muộn màng về sau chỉ nên dùng tham khảo. Có điều, việc phân tích và lý giải kết quả khảo cổ thế nào lại là công việc phức tạp, đòi hỏi trang bị nhiều kiến thức liên ngành. Sự giao thoa, hỗn dung văn hóa cũng như những biến động của tộc người thời tiền sử phức tạp, đa dạng hơn nhiều so với những gì người ta có thể ghi chép và hình dung.

Độ năm mươi năm trở lại đây, các sách nghiên cứu tiêu biểu về trà trong nước có thể kể đến *Hương trà* của Đỗ Trọng Huề (1968), *Đất lề quê thói* của Nhất Thanh (1970), *Văn hóa trà ở nước Việt Nam dân chủ cộng hòa* của K. M. Dzhemukhadze (1976), *Chè và công dụng* của Đặng Hanh Khôi (1983), *Cây chè Việt Nam* của Đỗ Ngọc Quỹ - Nguyễn Kim Phong (1997), *Văn hóa trà xưa nay* của Tổng công ty Chè Việt Nam (1999), *Chè và văn hóa trà* của Trần Ngọc Thêm (2005), *Trà kinh* của Vũ Thế Ngọc (2006), *Bước đầu tìm hiểu tư liệu liên quan đến ngành trà và văn hóa uống trà Việt Nam* của Nishimura Masanari (2011), *Văn minh trà Việt* của Trịnh Quang Dũng (2012) v.v. Đặc biệt, *Cây chè Việt Nam* (1997) có thể nói là chuyên luận khoa học nhất về trà Việt cũng như lịch sử ngành chè Việt Nam từ thời Pháp thuộc cho tới thập niên 90 của thế kỷ trước. Đây là những tác phẩm đáng ghi nhận, góp phần đặt định nền móng cho việc nghiên cứu trà Việt nói chung. Tuy nhiên, sau khi khảo sát các cuốn sách, tôi nhận thấy một số thông tin thiếu chính xác được nhiều tác giả trích dẫn, cần được đính chính và làm rõ ngay từ đầu.

Thứ nhất, câu thơ "*Sơn tăng hoạt kế trà tam mẫu, ngư phủ sinh nhai trúc nhất can*" (Kế sống sơn tăng trà ba mẫu, sinh nhai ngư phủ trúc một cần),

được tác giả Nhất Thanh trích dẫn đầu tiên, đồng thời cho biết xuất xứ nằm trong sách *Cao tăng truyện* của tác giả khuyết danh thời Lý (*Đất lề quê thói*. Tr.139), để đi tới nhận định rằng các nhà sư Việt thời Lý đã trồng ba mẫu trà làm kế sinh nhai. *Chè và văn hóa trà*, *Văn minh trà Việt* về sau đều dẫn dụng lại. Có điều, *Cao tăng truyện* là bộ sách của Trung Hoa, không phải sách Việt thời Lý.

Tương tự cách trích dẫn không rõ nguồn gốc như trên, TS. Phan Quốc Sơn trong *Nghệ thuật gốm trà Việt Nam*[1], dẫn dụng tư liệu cho biết câu "*Chỗ uống trà là chỗ thập phương thí chủ dồn về*" là câu văn bia do sư Pháp Ký viết cho thầy mình, thiền sư Tịnh Thiền (1121-1193), để đi tới kết luận chùa chiền xưa kia là chỗ uống trà. Nhiều tác giả về sau đều dẫn lại nguyên văn từ TS. Phan Quốc Sơn, bỏ qua việc truy nguồn văn bản gốc. Thông tin trên, nguyên được tiến sĩ Sơn dẫn từ *Thiền uyển tập anh*, mục thiền sư Tịnh Thiền. Trong đó, câu trích "*chỗ uống trà*" có nguyên văn chữ Hán: "香杯浮處" (hương bôi phù xứ), nghĩa là nơi dâng chén thơm. Học giả Lê Mạnh Thát chú thích trong bản dịch của mình: "*Hương bôi, tức chén nước thơm dùng để cúng Phật, cũng gọi là A già bôi, hay Ư già bôi, (ở đây) chỉ chùa chiền*"[2].

Thứ hai, việc chúa Trịnh Sâm "*vẫn gọi mình là Trà nô*" cùng câu nói "*Trà nô tửu tướng*" lưu truyền rộng khắp trên sách báo lâu nay, vốn là hư cấu văn chương của tác giả Nguyễn Triệu Luật trong tiểu thuyết *Bà chúa Chè* (Tr.100) xuất bản năm 1938. Vương Hồng Sển dẫn trong *Khảo về đồ sứ cổ men lam Huế* (Tr.57) cho biết: ông Nhất Thanh (tác giả *Đất lề quê thói*) nói với ông rằng, câu chuyện trà nô "*không có chứng tích gì bảo là từ Trịnh Sâm*", song theo ông Sển, "*vì là chúa Sâm ưa thích (trà) nên tạm gọi là 'của chúa' cũng được*". Cái *tạm gọi* theo ý ông Vương, theo thời gian đã không còn là tạm nữa, bởi từ đó tới nay, người yêu trà trong nước đã coi đây là sử thực. Cho đến thời điểm hiện tại, ngoài những chén trà ký kiểu của chúa và ghi chép chúa cùng bà Tuyên phi thưởng trà sen, Nguyễn Khản viết thư xin chúa lạng trà, chưa thấy sử liệu nào ghi nhận thông tin này.

Ngoài ra cũng cần nói thêm, sáng tác văn chương hư cấu không thể được coi là sử liệu, dù là tác phẩm đồng đại, cùng lắm có thể được dùng

1. Trích tham luận Hội nghị Phật giáo thế giới lần thứ XI tại Tp. HCM.
2. *Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam 3*. Tr.676.

làm tư liệu bàng chứng mà thôi, huống hồ là sáng tác cách những mấy thế kỷ. Như chuyện Dương Thiên Tích, nhân vật hư cấu sống vào thế kỷ XIII, "*thích uống trà, thường tự ví mình với Lư Đồng, Lục Vũ*", được Nguyễn Dữ, tác gia thời Lê thế kỷ XVI, sáng tác trong tác phẩm *Truyền kỳ mạn lục*. Các sách *Hương trà*, *Văn minh trà Việt* đều viện dẫn sáng tác của Nguyễn Dữ như sử liệu thời Lý, sáng tác của Nguyễn Triệu Luật như sử liệu thời Lê, quả thực thiếu tính khoa học.

Thứ ba, về việc xuất khẩu trà Việt sang phương Tây thông qua thương điếm Anh, Hà Lan vào thế kỷ XVII, tác giả *Văn minh trà Việt* dẫn chứng tư liệu *Những người châu Âu ở nước An Nam* "(Đàng Ngoài) *không có chè vì quá đắt, vả chăng người Hà Lan đã mua hết số chè hiện có*", để đi đến nhận định rằng "*thời Lê Trịnh nghiệp chè thịnh vượng... chè Việt đã từng rất có giá vả không đủ cho nhu cầu xuất khẩu*" (*Văn minh trà Việt*. Tr.379). Có điều, cũng trong sách *Những người châu Âu ở nước An Nam*, C.B. Maybon còn cung cấp thông tin: "*Ở Đàng Ngoài thì chẳng hề sản xuất ra lượng chè đáng kể, người ta phải nhập từ Vân Nam thứ chè không ngon*" (Tr.165), đồng thời cho biết các chi điếm của người châu Âu không tồn tại được lâu do lợi nhuận ít, trong khi mối quan hệ với các chúa Trịnh nảy sinh quá nhiều trắc trở. Người Anh đã rời bỏ hẳn Đàng Ngoài năm 1697, sau đó là người Hà Lan; người Bồ Đào Nha thì chọn sang Macao buôn bán đồ sứ và chè (Tr.84). Trên thực tế, tra cứu kỹ toàn bộ *Tư liệu các công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Đàng Ngoài thế kỷ XVII* (Hoàng Anh Tuấn, 2010), trà hoàn toàn không xuất hiện trong hạng mục thổ sản được buôn bán. Tuyệt đại đa số mặt hàng Đàng Ngoài xuất khẩu là tơ, lĩnh, xạ hương và đồ sứ. Người Anh nói "*vả chăng người Hà Lan đã mua hết số chè hiện có*", là vì không thấy có chè khô, và đoán chừng là người Hà Lan mua, song kỳ thực người Hà Lan chưa từng buôn bán chè ở Đàng Ngoài. Cho nên có thể khẳng định, trước năm 1882, Việt Nam cơ bản không sản xuất đủ lượng chè khô để xuất khẩu. Thói tục dân gian chỉ thích uống chè tươi, chỉ một bộ phận quý tộc văn nhân ưa chuộng trà tàu kiểu cách và phần lớn là chè khô nhập từ Trung Quốc.

Tiếp tục củng cố nhận định nghề chè phát triển ở thời Lê Trịnh, tác giả *Văn minh trà Việt* dựa trên bản dịch *Vân đài loại ngữ* của dịch giả Tạ Quang Phát: "*Ở Giao Châu, trong vườn cau, vườn trà, vườn cam, vườn quýt, vườn lệ chi, trồng được một ngàn cây thì hằng năm thu lợi đến ba bốn trăm*

quan." (*Vân đài loại ngữ*. Tr.222) để đi tới kết luận "*vườn trà 1000 cây thu lợi 300-400 quan/năm*" (Tr.62). Trong khi đây vốn chỉ là phỏng đoán của Lê Quý Đôn. Nguyên văn chữ Hán Tạ Quang Phát sử dụng để dịch như sau: 在交南則檳榔、茶、橙、柑、橘、荔枝園植千樹亦能致三四百緡 (Tr.75a). Bản dịch của học giả Trần Văn Giáp có đôi chút khác biệt: "*Ở Giao Nam mà trong vườn trồng được 1000 cây vừa cau, vừa chè, chanh, cam, quýt, vải, cũng một năm thu lợi được ba bốn trăm quan*" (*Vân đài loại ngữ*. Tr.444). Chè vườn được đề cập đây thực chất là chè tươi, ở chương sau tôi sẽ tiếp tục trình bày. Qua đây có thể thấy, khi sử liệu được cắt riêng từng câu, trích dẫn không đầy đủ, có thể làm thay đổi toàn bộ nội dung thông tin, dẫn đến kết luận sai lạc.

Thứ tư, về việc Đinh Liễn cống "hương trà - *trà thơm*" sang nhà Tống vào năm 975, ghi nhận trong *An Nam chí lược* của Lê Tắc, lần đầu tiên được tác giả Nhất Thanh khai thác trong *Đất lề quê thói* (Tr.139), kèm lời nhận định ngay từ thời Đinh "*ta đã biết sao chế trà có hương thơm, không phải chỉ uống tươi mà thôi*". Các tác giả sau này đều không kiểm tra, phê bình sử liệu, lập tức trích dẫn khai thác, theo tôi, có phần bất cẩn. Ghi chép về sự kiện Đinh Liễn cử sứ thần Trịnh Tú sang triều cống nhà Tống năm 975, ngoài *An Nam chí lược* của Lê Tắc, còn có các sách *Văn hiến thông khảo*, *Tống sử*, *Tống hội yếu tập cảo*, *Việt kiệu thư*, *An Nam chí nguyên*, *Đại Việt sử ký toàn thư* cùng ghi nhận. Song nội dung cống phẩm ghi chép trong các sách này có đôi chỗ xuất nhập như sau:

CỐNG PHẨM TRIỀU ĐÌNH VIỆT GỬI SANG NHÀ TỐNG NĂM 975

Xuất xứ	Tên sách	Nội dung
Trung	***Văn hiến thông khảo*** 文獻通考・卷三百三十・四裔考七・交趾	犀象香藥 Sừng tê, ngà voi, hương dược
Trung	***Tống hội yếu tập cảo*** 宋會要輯稿·蕃夷七·曆代朝貢	犀象香藥 Sừng tê, ngà voi, hương dược
Trung	***Tống sử*** 宋史・卷四百八十八・列傳第二百四十七・外國四・交趾	犀象香藥 Sừng tê, ngà voi, hương dược

Trung	***An Nam chí lược*** 安南志略 • 卷十一 • 丁氏世家	金帛犀角象牙香茶 Vàng lụa, sừng tê, ngà voi, *hương trà*
Trung	***Việt kiệu thư*** 越嶠書·卷之四·宋	犀象香藥 Sừng tê, ngà voi, hương dược
Việt	***Đại Việt sử ký toàn thư*** 大越史記全書 • 南北分爭紀 • 丁紀	金帛犀象 Vàng lụa, sừng tê, ngà voi
Trung	***An Nam chí nguyên*** 安南志原 • 卷第三	金帛犀角象牙香藥 Vàng lụa, sừng tê, ngà voi, hương dược

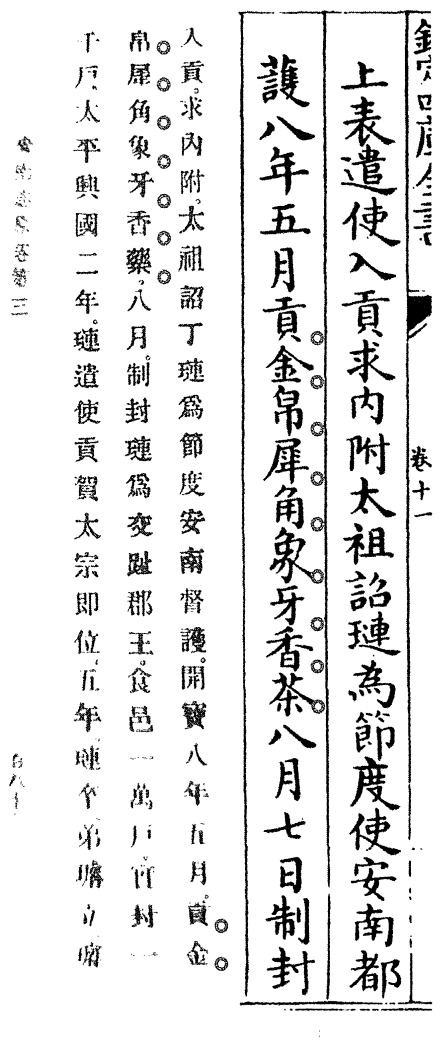
上表遣使入貢求內附太祖詔璉為節度使安南都護八年五月貢金帛犀角象牙香茶八月制封璉為交趾郡王食邑一萬戶食封一千戶太平興國二年璉遣使貢賀太宗即位五年璉卒弟壻立璉

Có thể thấy toàn bộ sử liệu Trung Hoa, ngoài *An Nam chí lược*, đều thống nhất ghi nhận cống phẩm triều đình Đinh Liễn gửi sang nhà Tống năm 975 gồm "*sừng tê, ngà voi, hương dược*", phần lớn là chép lại lẫn nhau. Riêng *Đại Việt sử ký toàn thư* không ghi nhận "hương dược". Chỉ có *An Nam chí lược* chép "hương trà". Ở đây cần lưu ý, *An Nam chí nguyên* (thế kỷ XVII) xuất hiện sau *An Nam chí lược* (thế kỷ XIV) hơn ba trăm năm, tuy nhiên nội dung kỷ nhà Đinh ở hai sách cơ bản giống nhau tới từng chữ, ngoại trừ hạng mục cống phẩm năm 975. Hoàn toàn có cơ sở để suy luận, tác giả *An Nam chí nguyên* đã tham khảo, chép lại

Ghi chép về cống phẩm triều đình nhà Đinh gửi sang nhà Tống năm 975 trong *An Nam chí lược* và *An Nam chí nguyên*.

một phần nội dung *An Nam chí lược* từ một dị bản nào đó mà bấy giờ hương trà vẫn được ghi là hương dược. Văn bản *An Nam chí lược* hiện lưu hành là bản hiệu kham dựa trên các dị bản in trong *Tứ khố toàn thư* do nhà Thanh biên soạn, truy xa hơn vốn xuất phát từ văn bản thuộc *Vĩnh Lạc đại điển* thời Minh. Văn bản trước nữa đã không còn. Tôi cho rằng, nhiều khả năng trong quá trình sao chép, khắc in *An Nam chí lược* sau này, chữ Dược 藥 (藥) đã bị nhầm thành chữ Trà 茶, vốn đều có chung bộ Thảo đầu và bộ Mộc. Ngoài ra, theo thống kê của Đặng Xương Hữu (*Nghiên cứu quan hệ triều Tống và Việt Nam*. Tr.105-106), triều đình Việt sai sứ sang triều cống nhà Tống tổng cộng khoảng 128 lần, có 106 lần ghi rõ cống vật. Trong số lễ vật này, chủ yếu là các hạng mục thổ sản như vàng bạc, sừng tê, ngà voi, voi, các loại hương như tiên hương, thục hương, nhũ hương, trầm hương, quế bì, long hoa nhị (được gọi chung là hương dược). Khảo sát các hạng mục cống phẩm triều đình Việt đã cống sang triều đình Trung Hoa thời Nguyên, Minh, Thanh cũng không thấy xuất hiện trà. Do vậy, trường hợp hương trà chép trong *An Nam chí lược* tôi để lại tồn nghi, không khai thác sử dụng trong sách này.

Qua việc đính chính các thông tin trên, tôi muốn nhấn mạnh, việc nghiên cứu lịch sử cần được thực hiện trên văn bản gốc, có thao tác đối chiếu, phê bình sử liệu cẩn thận; phân biệt giữa hư cấu văn chương và sử thực. Với những tư liệu hoặc nghiên cứu chưa thể xác quyết, nên để lại tồn nghi. Đây là những thao tác tư duy cơ bản buộc phải tuân thủ khi nghiên cứu, không chỉ đối với thông tin lịch sử, thậm chí trước tin tức lan tràn trong cuộc sống đương đại, cũng cần có thái độ thận trọng tiếp nhận và hoài nghi như vậy.

PHÀM LỆ

Quy cách trình bày trích dẫn trong *Chuyện Trà* được thống nhất như sau:

Tư liệu sách tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp chỉ ghi tên sách và số trang. Tư liệu tiếng Hoa, tiếng Nhật, bên cạnh tên sách dịch ra tiếng Việt, được ghi kèm tên sách bằng ngôn ngữ gốc.

Tư liệu sách Hán Nôm Việt Nam và tư liệu cổ văn Trung Quốc được trình bày: *(Thời đại) Tên tác giả. Tên sách. Nguyên văn chữ Hán Nôm.* Ở phần Nguyên văn có cung cấp thêm thông tin phân mục để tiện cho các nhà nghiên cứu và những bạn quan tâm khi cần có thể tra cứu lại thông tin gốc. Riêng tư liệu cổ về trà Trung Hoa hầu hết được dẫn nguồn từ bộ sách *Trà điển*. Ngoại lệ có một số tư liệu cổ sao chụp, tôi khai thác tại các trang web quốc tế, có ghi rõ xuất xứ tại cước chú với từng tư liệu, bạn đọc quan tâm có thể tham khảo trực tiếp từ trang web.

Tư liệu thơ ca Việt Nam các đời được tham khảo từ *Tổng tập văn học Việt Nam* gồm bốn mươi hai tập, *Thơ văn Lý Trần* gồm ba tập, *Tuyển tập Ngô gia văn phái*, cùng một số thi tập cá nhân của các tác gia như *Ức Trai di tập* (Nguyễn Trãi), *Cao Bá Quát toàn tập, Thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm tổng tập, Minh Mệnh ngự chế thi tập, Thạch Nông thi tập* (Nguyễn Tư Giản), *Thương Sơn thi tập* (Tùng Thiện vương Miên Thẩm), *Vi Dã hợp tập* (Tuy Lý vương Miên Trinh), *Nhã Đường thi tập* (Hòa Thịnh vương Miên Tuấn), *Huệ Phố thi tập* (công chúa Huệ Phố Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa), *Diệu Liên*

tập (công chúa Mai Am Nguyễn Phúc Trinh Thận), *Phương Đình anh ngôn thi tập* (Nguyễn Văn Siêu) v.v. Một số bài thơ tra cứu từ thivien.net, có đối chiếu lại với văn bản gốc. Các bản dịch thơ không chú thích xuất xứ dịch giả, đều do tác giả phiên dịch.

Toàn bộ thông tin tư liệu (tên sách, ký hiệu thư viện, năm xuất bản, nhà xuất bản v.v.) trích dẫn trong *Chuyện Trà* được cung cấp đầy đủ tại phần Thư mục trích dẫn cuối sách.

DẪN CHUYỆN

Kết thúc bữa sáng hoặc trưa, theo thói quen từ thời sinh viên, phải súc miệng với đôi ba chén chè Thái pha đặc, mới cảm thấy mồm miệng sạch sẽ, nhất là ưa hậu vị ngòn ngọt dớp dính lâu lâu trong cuống họng, chẳng thiết đến mùi hương, thành thử tôi cũng từng nghĩ trà ngon phải là trà để lại hậu vị lâu, không đắng chát không gọi là trà. Cách pha giản đơn thì từ bé nhìn mãi mấy ông tôn trưởng trong nhà thao tác đâm cũng thạo. Sục sục lọ chè ra lòng bàn tay, ném thẳng vào cái ấm sứ trắng to tướng, tráng qua lượt nước sôi cho chè chín, lần nước thứ hai mới dùng. Mà mỗi khi chiêu xong ngụm trà, theo thói quen, thế nào mấy ông cũng khẽ chép một hai tiếng ra miệng. *Rượu khà, trà chép* thành ra thứ ngôn ngữ cơ thể của cánh mày râu miền Bắc, tự vô thức bật ra mỗi khi kết thúc tợp rượu hay ngụm trà. Sau này thù tiếp với bạn bè vong niên nhiều hơn, được đãi bằng những vị trà cổ thụ Tà Xùa, Tủa Chùa, Lũng Phìn v.v. cùng đôi ba vị trà tàu Thiết Quan Âm, Đại Hồng Bào, Nhục Quế v.v. mới dần nhận ra trà ngoài vị còn phải có hương, có vận cảm. Bên cạnh đó, ở nhiều quán cóc vỉa hè, đặc biệt miền quê, còn bảo lưu hẳn một lối uống chè tươi cổ truyền, lâu đời và nguyên sơ hơn bất kỳ lối pha chế nào, mộc mạc đến mức người ta coi chẳng khác gì lá vối, nhân trần. Lá chè hái xuống gột sạch, cho thẳng vào nồi nước sủi tăm hoặc chần qua một lượt nước sôi, sau mới hãm trong nồi hay giành tích. Ở Bắc ưa uống nóng, ở Trung trước đây còn đem pha với nước nguội, đôi khi thả thêm gừng. Ngày nay, từ

Thanh Hóa trở vào Hội An đi đâu cũng thấy chè tươi, hàng quán luôn om trữ sẵn sàng.

Năm 2008, tôi dịch xong *Trà kinh*, "trả hàng" cho Nhã Nam xuất bản cùng năm. Hồi ấy, thú thực, ngoài tập quán uống chè tươi, chè đặc của dân ta, tôi hoàn toàn ngoại đạo với thú uống trà tàu. Song vì có mối nhân duyên với anh chủ Nhã Nam, người cứ nài tôi ôm sách về ngâm cứu, rồi thành ra ngâm hơn một năm mới trả. Mang tiếng dịch *Trà kinh*, kỳ tình, dịch xong cũng chỉ như kẻ lơ ngơ đứng trước cửa, chưa dám nói đã nhập môn. Phần vì lối uống trà thời ông Lục Vũ cách nay ngót ngàn ba trăm năm đã quá lạ lẫm với mình. Nhưng được cái tiện, bấy giờ du học Bắc Kinh, hay chè chén, đâm tôi cũng dần quen với lối pha rót tỉ mỉ của người bên kia. Một bàn trà dàn trận với chiếc ấm chĩnh chện đặt trên mặt thuyền trà như chiếm vị trí độc tôn, chén tướng, chén quân sắp thành hàng nằm rạp phía dưới, trông đến có tổ chức. Siêu nước trên bếp hồng ngoại chực sẵn kế bên, chốc chốc lại phả khói sôi sục. Sau một lượt tráng nước vào ấm chén, người pha trà khẽ cầm thanh trúc, đầu đã vót tròn như cái thìa con, còi trà từ lọ ra, nằm dãi trên trưng trà bằng sứ, rồi mới từ từ dốc đổ vào ấm. Lượt nước đầu tiên hãm trong ấm vài giây lập tức trút vào chén tống, người ta cũng chưa uống ngay mà san đều ra các chén quân cho bén chút hương đầu. Đoạn mới tưới lên mặt ngoài chiếc ấm da chu, dưỡng lấy mùi hương đặc biệt của phẩm trà ưa thích. Sau khi chén trà đầu tiên đã cầm lên tay, chẳng ai đánh liền một hơi, mà chậm rãi ngắm màu nước sóng sánh, ngửi mùi hương dịu dàng, đoạn mới nhấm nháp cảm nhận vị trà trong miệng. Qua được bậu cửa thưởng thức pha rót, là bước vào một vườn trà với cả trăm loại hương vị, nào Thủy Tiên, Nhục Quế, Long Tỉnh, Thiết Quan Âm, Đại Hồng Bào, nào Phượng Hoàng Đơn Tùng, Đông Phương Mỹ Nhân, Bạch Hào Ngân Châm v.v. đủ các loại từ bình dân cho tới tuyệt phẩm, giá cả chênh lệch đúng nghĩa trời vực. Đứng trong vườn trà này hồi lâu dễ sinh hoa mắt chóng mặt, chực muốn bước ra.

Dĩ nhiên, nhìn vào tiểu tiết, mỗi người có mỗi kiểu pha rót, mỗi phẩm trà có mỗi nét hương vị khác nhau. Song xét về tổng thể, chẳng phải cùng là bỏ trà vào ấm, hãm bằng nước sôi, rồi trút ra các chén nhỏ đó thôi. Công đoạn tuy khác nhau mà lối uống thực chỉ là một. Vả lại, lối pha trà giản tiện ở ta, vốn là kết quả của mấy thập kỷ chiến tranh, rồi kinh tế bao cấp. Bên Trung Quốc lưu hành kiểu uống đại oản trà cũng giản dị

không kém. Bên cạnh đó, lối uống trà kiểu cách Nguyễn Tuân miêu tả trong *Vang bóng một thời* vẫn âm ỉ lưu truyền đến tận ngày hôm nay. Đó là lối uống trà tàu ở ta, cũng đủ bộ dầm bàn tống tốt, ấm da chu. Những người sành trà vẫn truyền tai nhau câu thơ gợi ý cho việc chọn ấm: "*Thứ nhất Thế Đức gan gà, thứ nhì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần*". Kỳ thực, kiểu cách pha rót bằng ấm chén chung ở cả hai nước ấy, nguyên ủy là lối pha hãm xuất hiện từ thế kỷ XV, trước đó, người ta không làm như vậy.

Cách thức chế tác lá trà, lối pha hãm và trà cụ cùng hình thành nên nhau, một khi hình thức lá trà thay đổi, cách thức chế ẩm kèm dụng cụ pha hãm cũng theo đó thay đổi. Văn hóa là một dòng chảy, liên tục vận động, có hấp thu, có tiếp biến, có đào thải và có cách tân. Nhìn chung dù giản đơn mộc mạc hay kiểu cách cầu kỳ, văn hóa trà Việt đều có mối liên hệ sâu xa và lâu dài với văn hóa trà Trung Quốc. Để tìm hiểu về văn hóa trà Việt, không thể không khảo sát văn hóa trà tàu, đó là sự thật không thể né tránh. Mặc cho các học giả tranh cãi và tự hào về nguồn gốc bản địa của cây chè; chè sinh ra trước tiên, tự có đời sống, không gian riêng của nó, trước khi con người chia vùng lãnh thổ, hình thành ý niệm quốc gia. Còn với người thực sự yêu trà, cũng chẳng màng tới giới hạn địa chính trị, chỉ cần biết trà ngon và làm sao để thưởng thức được trọn vẹn hương vị của phẩm trà ngon mà thôi.

Trà

NGUỒN CỘI

NAM PHƯƠNG GIAI MỘC

Nguồn gốc cây chè

"Trà là giống cây quý phương Nam".
(Đường) Lục Vũ, *Trà kinh,* Nguồn gốc của trà

Lục Vũ, từ nhỏ bị bỏ rơi, không rõ năm sinh, được sư ở Cảnh Lăng nhặt về nuôi, sau lớn lên, tự đặt tên hiệu Cảnh Lăng Tử (người Cảnh Lăng). Cảnh Lăng nay thuộc thành phố Thiên Môn, tỉnh Hồ Bắc. Khái niệm "phương Nam" trong nhận thức của họ Lục chỉ chung các vùng đất Vân Nam, Quý Châu, Lưỡng Quảng, Lưỡng Hồ, Phúc Kiến v.v. Cảnh Lăng cũng thuộc về đất phương Nam. Vào thời Lục Vũ, trà đã được di thực, đem trồng ở các vùng đất này. Vậy nên *"trà là giống cây quý phương Nam"* nên hiểu là cách nói phiếm chỉ, còn cụ thể giống cây xuất hiện đầu tiên

Phẩm trà đồ, tranh Trần Hồng Thụ, thời Minh, Đóa Vân Hiên lưu giữ.

ở đâu, họ Lục không đề cập. Đến thiên "*Chuyện về trà*" trong *Trà kinh*, theo thói quen chung khi làm sách của người Trung Hoa, Lục Vũ liệt kê tất cả sách cổ nhắc đến trà, sắp xếp theo trục thời gian. Mở đầu là câu nói của Chu Công trong *Nhĩ Nhã*, rồi *Thần Nông thực kinh*, như một khẳng định trà đã được tổ tiên người Trung Hoa sử dụng từ rất lâu đời. Trong khi, *Nhĩ Nhã* hay *Thần Nông thực kinh* đều là sách hình thành vào thời Hán, tác giả vốn chẳng liên quan đến Chu Công hay Thần Nông.

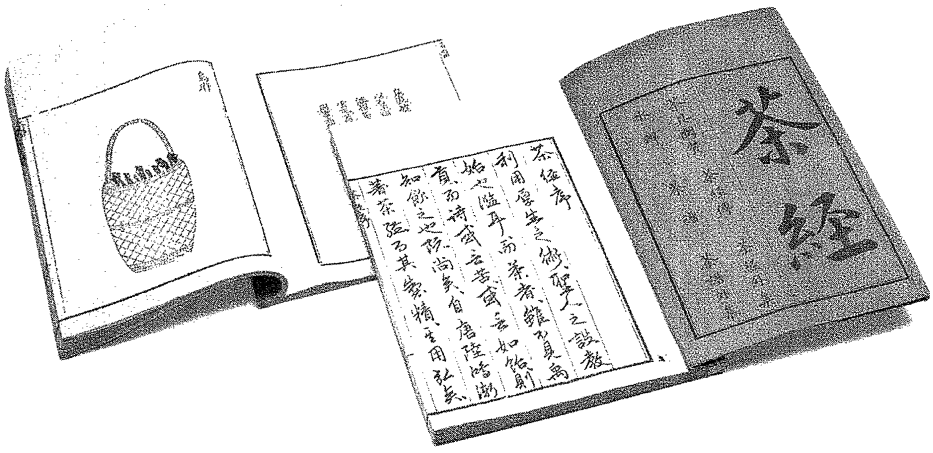

Trà kinh của Lục Vũ, bản khắc in tại Nhật Bản vào năm Tenpo thứ 15 (tức 1844).
Nguồn ảnh: arton.net.

Tôi không quả quyết người Trung Hoa nói nhiều, nhưng chắc chắn họ là dân tộc có truyền thống viết nhiều. Người Hoa đa phần nệ cổ, gìn giữ truyền thống, lâu dần hình thành thói quen tầm chương trích cú, thích viện dẫn lời cổ nhân. Nhiều người tin sách vở hơn tin vào đời thực. Hơn hai ngàn ba trăm năm trước, Mạnh Tử cảm thán: "*Tận tín thư, bất như vô thư!*" Hàn Phi thì kể câu chuyện ngụ ngôn người nước Trịnh mua giày, không tin vào chân mình mà tin vào cái thước đã đo sẵn cỡ chân để quên ở nhà, phần cũng vì nguyên do này. Song cũng chẳng riêng người Trung Hoa cả tin vào sách vở. Kể từ khi có chữ viết, con người đều tin vào giấy trắng mực đen, cũng như người nay chắc mẩm tờ đăng ký kết hôn đảm bảo đôi lứa thủy chung, ăn đời ở kiếp vậy. Nhưng không có giấy tờ ghi chép, người ta lại dễ đặt điều.

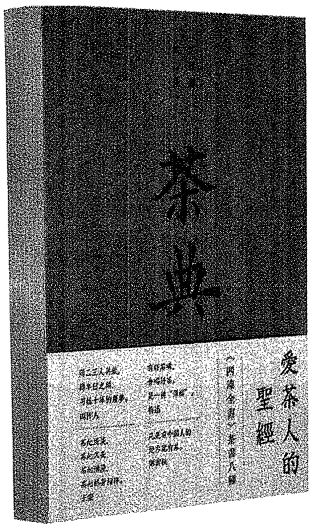

Trà điển do Sơn Đông họa báo xuất bản xã xuất bản năm 2004, thu lục mười ba cuốn sách trà kinh điển trong lịch sử Trung Quốc.

Phải công nhận người Trung Hoa xưa nay viết rất nhiều sách về trà. Nhiều cuốn bàn luận cặn kẽ cách chế tác, thưởng thức, từ việc lựa chọn nguồn nước, chén bát, không gian, thời gian uống trà, cho tới việc định ra tiêu chí đạo đức đối với trà nhân. Lục Vũ nhận định trà hợp nhất với người có đạo đức, giản kiệm là thế. Các cuốn *Trà kinh, Trà lục, Trà luận, Trà sớ, Trà tiên* v.v. được viết suốt từ thời Đường đến thời Thanh, trong khoảng ngàn năm, thực sự đều là những trước tác đáng quý. Người ta nói Trung Quốc là cái nôi của *văn hóa trà*, phần vì điều này. Các sách sớm nhất và đáng tin cậy của Trung Quốc ghi chép về trà xuất hiện vào khoảng đầu Công nguyên. Có điều, theo truyền thống lâu đời, để nâng cao giá trị tác phẩm, người ta thường gán ghép tác giả cuốn sách cho nhân vật thời xa xưa, như *Thần Nông bản thảo kinh, Đồng Quân thái dược lục* hay *Hoàng Đế nội kinh* chẳng hạn. Tương tự ở ta, nguồn gốc của mọi thứ đều được đẩy về thời Hùng Vương xa xôi, cũng chung một nhẽ. Các học giả về sau không thận trọng rất dễ cả tin vào niên đại được gán cho sách, thành thử khi chứng minh trà có nguồn gốc bản địa, hầu hết người Trung Hoa đều viện dẫn cổ thư như chính Lục Vũ đã làm. Có thể đơn cử, trong *Trà kinh Trung Quốc*, GS. Diêu Quốc Khôn[1] dẫn *Thần Nông bản thảo* cho rằng Thần Nông đã sớm tìm ra trà, đoạn lại viện vào *Sử ký, Hoài Nam Tử, Trang Tử*, phân tích câu chuyện Thần Nông, cho đây là mẫu nhân vật tiêu biểu của con người thời đại đồ đá mới ở Trung Quốc, để đi đến suy luận: "*Ở Trung Quốc, việc phát hiện và sử dụng trà bắt nguồn từ xã hội thị tộc mẫu hệ nguyên thủy, đến nay hẳn có lịch sử bốn năm nghìn năm*"[2]. Văn bản *Thần Nông bản thảo kinh* hiện lưu hành là tác phẩm được nối bút bởi nhiều tác giả trong nhiều thế kỷ, xuất hiện khá hoàn chỉnh vào thế kỷ

1. GS. Diêu Quốc Khôn 姚国坤 (sinh năm 1962) hiện là phó bí thư thường vụ, phó chủ nhiệm ủy viên học thuật Hội Nghiên cứu văn hóa trà quốc tế Trung Quốc, giáo sư Đại học Thụ Nhân Chiết Giang.
2. *Trung Quốc trà kinh*《中国茶经》. Tr.4.

thứ III sau Công nguyên, cũng là khoảng thời gian trà đang dần phổ biến ở Trung Quốc. Bởi vậy về nguyên tắc, khó có thể đưa ra suy luận như GS. Diêu. Mặc dù có nhiều học giả Trung Quốc phủ định niên đại của các sách kể trên, song, hoặc dựa vào sự hình thành tiến hóa của cây chè, sự thay đổi của môi trường tự nhiên, hoặc căn cứ theo sự phân bố của cây chè hoang cho tới nguồn gốc từ nguyên v.v. họ đều cố gắng chứng minh Trung Quốc là cái nôi của cây chè[1].

Rừng chè Hồ Thầu, Hoàng Su Phì, Hà Giang. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

Về phía Việt Nam, dù các trí thức Việt xưa kia sáng tác không ít giai phẩm miêu tả thú vui thưởng trà, song tuyệt đại đa số chẳng ai quan tâm viết sách. Như thời Cảnh Hưng, mặc dù giới văn nhân, quý tộc Đại Việt hết sức sành trà, phân loại giám thưởng rất mực tinh tế, song Phạm Đình Hổ nhận định *"việc biên kinh chép phổ, bậc thức giả vẫn trách là phiền"*. Bởi vậy, ghi chép về trà ở ta cơ bản rất thiếu vắng. Trong khi đó, một vùng chè hoang hơn bốn chục ngàn cây mọc thành rừng ở Suối Giàng và nhiều vùng chè cổ phía Tây Bắc đất nước là minh chứng thuyết phục để học giả trong và ngoài nước nhất trí: Việt Nam là một trong những cái nôi của cây

1. *Trà sử sơ thám*《茶史初探》. Tr.6.

chè[1]. Đặc biệt phải kể đến nghiên cứu của viện sĩ Viện hóa sinh thuộc Viện khoa học Liên Xô, K.M. Dzhemukhadze[2].

Ở một diễn biến khác, học giả phương Tây cũng không ngừng tranh luận về nguồn gốc cây chè từ thế kỷ XIX. Trong khoảng thời gian đó, đa số tin rằng chè có nguồn gốc từ vùng Assam Ấn Độ[3]. Năm 1918, nhà thực vật học C.P. Cohen Stuart khảo sát ghi chép về chè hoang trải dọc các dãy núi Tây Tạng, vùng rừng nhiệt đới Vân Nam và mạn thượng Đông Dương, đi đến tuyên bố: *đây có lẽ chính là vườn chè tự nhiên đầu tiên trên thế giới*. Theo hướng của Cohen Stuart, trong *All about Tea* xuất bản năm 1935, William H. Ukers nhận thấy cây chè hoang tự nhiên mọc khắp rừng khí hậu gió mùa Đông Nam Á, trải từ vùng Shan Bắc Thái Lan, Đông Miến Điện, Vân Nam, vùng thượng Đông Dương và Ấn Độ thuộc Anh. Ông cho rằng, vùng đất của những cây chè hoang này, tuy có đường biên giới chính trị, song suy cho cùng chỉ là giới tuyến do con người đặt ra. Trước khi con người kịp ý thức tới, dải đất này từ lâu đã là một vườn

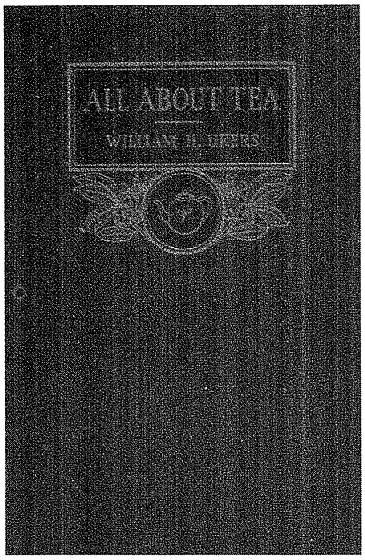

All about Tea, tác giả William H. Ukers, xuất bản năm 1935, tại Mỹ. Nguồn ảnh: Google Books.

1. Các học giả Đỗ Ngọc Quỹ, Nguyễn Kim Phong và Dzhemukhadze đều có những bài viết về vấn đề này.

2. Ông Dzhemukhadze trình bày tham luận *Văn hóa trà ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* trong cuộc hội thảo về thực vật học toàn cầu tại Moscow năm 1974. Sau đó, ông cho ra mắt xuất bản phẩm: Культура чая в Демократической Республике Вьетнам / К. М. Джемухадзе; Акад. наук СССР, Ин-т биохимии им. А. Н. Баха. - Москва : Наука. 1976. Ở Việt Nam, cuốn sách được dịch ra với tên *Cây chè miền Bắc Việt Nam*, xuất bản năm 1981 (tên tiếng Nga của tác giả bấy giờ được phiên thành Djemukhatze). Dựa trên kết quả phân tích sự tổng hợp thành phần castesin từ mẫu chè hoang lấy từ các vùng chè cổ, Dzhemukhadze nhận thấy mẫu chè Shan Việt Nam có sự tổng hợp đơn giản nhất, từ đó đưa ra kết luận cây chè thế giới có nguồn gốc từ Việt Nam, đồng thời đề xuất thay tên khoa học của cây chè từ Camella sinensis (chè Trung Quốc) thành Thea wietnamica (chè Việt Nam). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Dzhemukhadze trong suốt năm mươi năm qua, không thấy có học giả quốc tế nào dẫn dụng, cũng không có phản biện từ các nhà chuyên môn, chỉ thấy sách vở đơn phương từ phía Việt Nam trích dẫn như sự thực hiển nhiên. Tôi cho là ở đây còn nhiều điều đáng bàn. Nếu xác định hướng phân tích thực vật học các mẫu lá chè của Dzhemukhadze là đúng đắn, giới trà học Việt Nam cần triển khai thẩm tra, hoàn thiện toàn bộ kết quả nghiên cứu của ông và sớm công bố lại với cộng đồng nghiên cứu trà quốc tế. Song cần lưu ý rằng, học giả Trung Quốc cũng từng công bố nghiên cứu tương tự. Và xét đến cùng, địa chính trị cũng như biên giới quốc gia là thứ hình thành muộn màng.

3. Năm 1823, Robert Bruce, một nhà thám hiểm người Scotland đã tìm thấy cây trà hoang ở Assam Ấn Độ, giới thiệu tới châu Âu (Nitin Aant Gokhale. P.4); Samuel Baildon, tác giả của *Tea in Assam*, vào năm 1877, một mực chủ trương vùng chè nguyên thủy phải ở Ấn Độ (William H. Ukers. P.5).

chè nguyên thủy, nơi có khí hậu và lượng mưa thích hợp với sự phát triển của cây chè[1]. Tôi cho đây là góc nhìn khách quan của nhà thực vật học, đứng từ góc độ thực vật, từ chính bản thể cây chè, tránh được sự tranh cãi nguồn gốc địa chính trị thuần túy tưởng tượng của con người. Những cây chè ở Vũ Di, Trung Quốc hay Thái Nguyên, Việt Nam là kết quả của những đợt di thực, nhân giống do con người tạo nên, diễn ra vào những thời điểm lịch sử khác nhau, là câu chuyện của con người. Trong khi đó, chè hoang tự sinh sôi nảy nở, thênh thang độc chiếm một dải núi rừng rộng lớn là câu chuyện riêng, muôn thuở của thiên nhiên. Vùng chè nguyên thủy tự nhiên bấy lâu nay vẫn nằm yên ở đó, nơi các nước láng giềng đều góp chung một phần lãnh thổ.

6 ALL ABOUT TEA

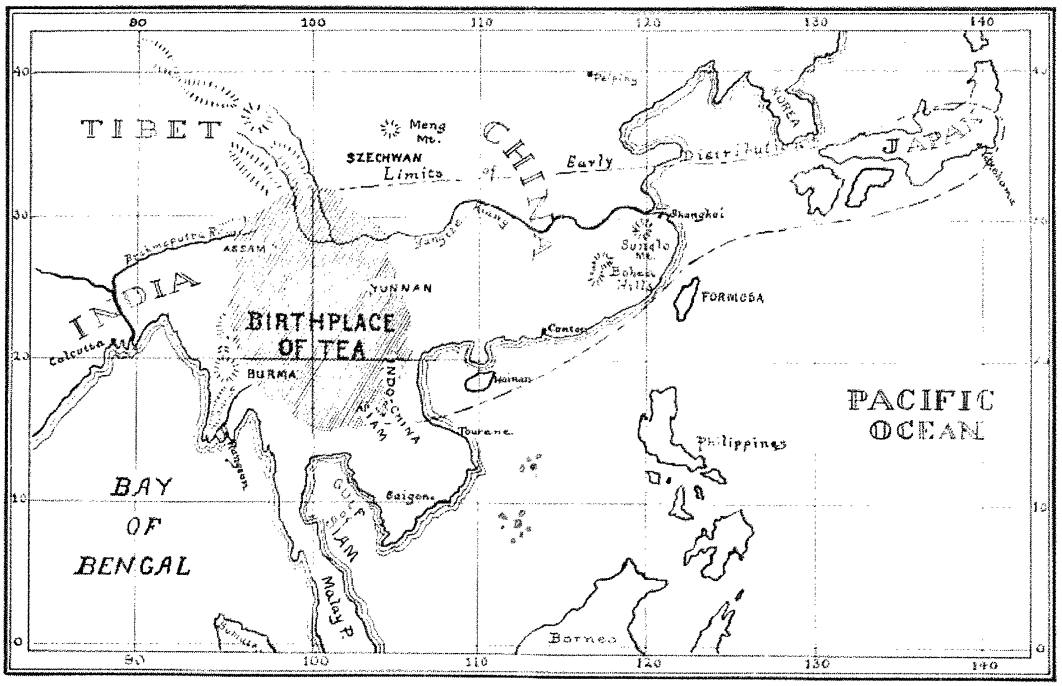

"*Nơi sinh của trà*", vườn chè tự nhiên trong vùng gió mùa Đông Nam Á.
Nguồn ảnh: *All about Tea*.

1. *All about Tea*. Tr.6.

Chè tự bao đời vẫn vươn lên xanh rợp, trổ những bông hoa trắng, ưa không khí mát, thích hơi ẩm, cần một lượng mưa vừa đủ quanh năm. Càng ở vùng cao, chất lượng trà càng tốt. Chè cho cây lớn, lá to khi tiến tới gần vùng xích đạo với mùa hè nóng nực. Đi dần lên phía Bắc, nơi có nhiệt độ lạnh hơn, chè cho lá nhỏ và cứng hơn. Trong địa phận miền Bắc nước ta, với khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, các vùng Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái đều có những rừng chè Shan cổ thụ bạt ngàn. Có những cây cao 18m, tán rộng 14m, gốc lớn hai người ôm không hết[1].

Điều kiện sinh thái của cây chè: Lượng mưa 1500mm-2000mm. Độ ẩm 80-85°C. Nhiệt độ: 22-28°C. Đất có tầng dày, tơi xốp, giữ ẩm, canh tác sâu (từ 60-100cm), có phản ứng chua, độ pH từ 4.5-5.5, độ dốc thoải 5-25°.

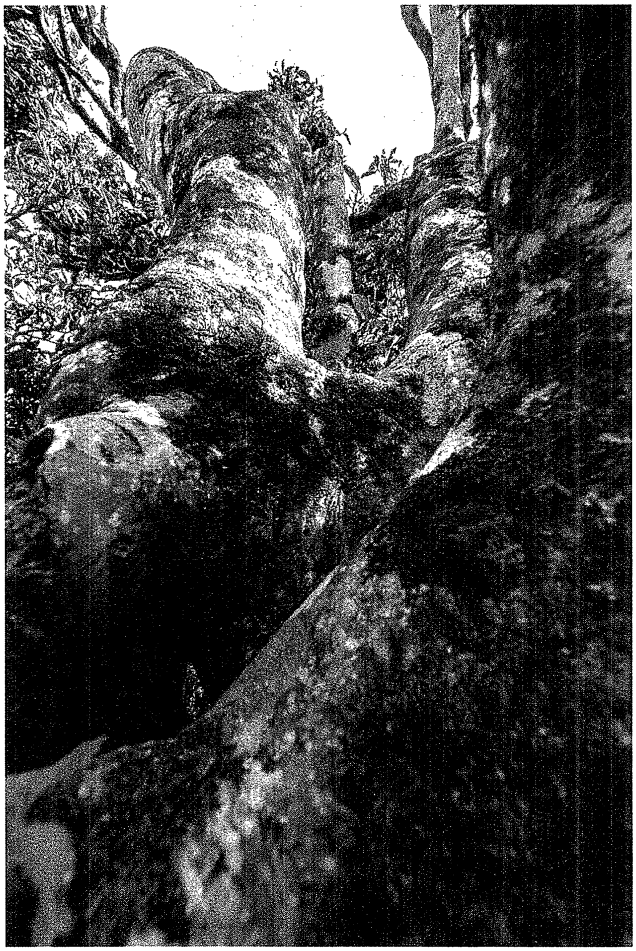

Cây chè cổ Tà Xùa.
Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

1. *Văn hóa trà Việt Nam*. Tr.167.

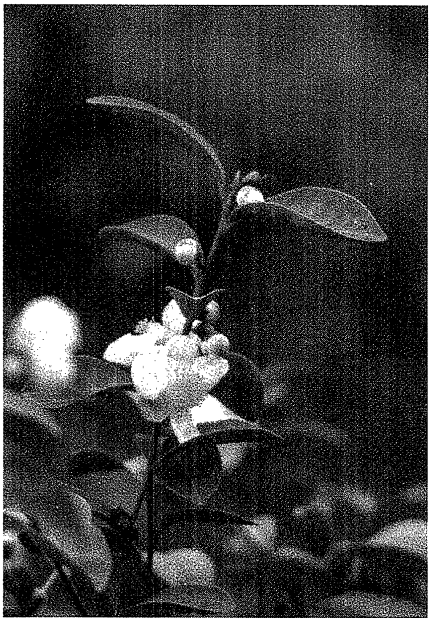

Chè được Carl Linnaeus đặt tên khoa học từ thế kỷ XVIII là Camellia[1] sinensis. Có hai giống chính: sinensis và assamica. Sinensis nghĩa là Trung Quốc, còn assamica là vùng Assam Ấn Độ. Giống Camellia sinensis var sinensis mọc ở phía Tây khu vực Vân Nam Trung Quốc, lại phân làm loại chè lá to và lá nhỏ; còn giống Camellia sinensis var assamica phân bố khắp vùng Assam Ấn Độ, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam và khu vực Hoa Nam Trung Quốc.

Hoa chè. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

Chè đã mọc sẵn trong tự nhiên. Trong quá trình lựa tìm lá cây làm thuốc, người ta phát hiện thấy chè. Ở một số ngôn ngữ thuộc nhóm Thái - Kadai phía Bắc Việt và Nam Trung Hoa, chè và thuốc là từ đồng nguyên, có cùng nguồn gốc. Thuốc đông y đa phần là thảo mộc, được đem sắc uống, cũng có chung nguyên lý này. Lối sắc uống nước lá, Lục Vũ cũng đã nhắc đến khi dẫn y thư *Đồng quân lục*. Cuốn sách cho biết từ đầu Công nguyên, người ta đã lấy lá cây đun uống để có lợi cho sức khỏe. Người Ba Đông (tức Vạn huyện Tứ Xuyên

Rừng chè Hà Giang. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

1. Ở đây cần nói thêm, trong ấn bản đầu tiên của cuốn *Các loài thực vật*, Carl Linnaeus xuất bản năm 1753, ông đề nghị gọi cây chè theo tên Latin là Thea sinensis, theo quan điểm của một học giả người Đức, Engelbert Kaempfer, trước đó. Tuy nhiên, trong ấn bản năm 1762, Linnaeus định danh cây chè thành **Camellia**, nhằm tôn vinh những đóng góp của một tu sĩ dòng Tên kiêm dược sĩ, Georg Joshep **Kamel** (1661-1706), đối với thực vật học, dù Kamel chẳng liên quan đến cây chè.

ngày nay) uống lá trà, thói tục chung còn đun lá bạch đàn với mận đen, uống lạnh. Người Giao-Quảng (tức khu vực Quảng Đông, Quảng Tây và miền Bắc Việt Nam ngày nay) đặc biệt chuộng lá cây qua lô, giống chè, nhưng có vị đắng chát. Ngày nay, người Việt Nam ngoài lá chè tươi, vẫn có thói quen uống lá vối, nhân trần; người dân một số tỉnh phía Bắc còn uống lá chè đắng, lá vằng; người vùng trung du Vĩnh Phú hái uống lá vàng la v.v. Việc đun nước lá cây đến nay vẫn là lối uống phổ biến trong nhiều cộng đồng dân cư, nói theo ngôn ngữ khảo cổ, phản ánh một nếp sống kinh tế hái lượm phổ tạp từ thuở xa xưa[1], truyền nối từ đời này qua đời khác.

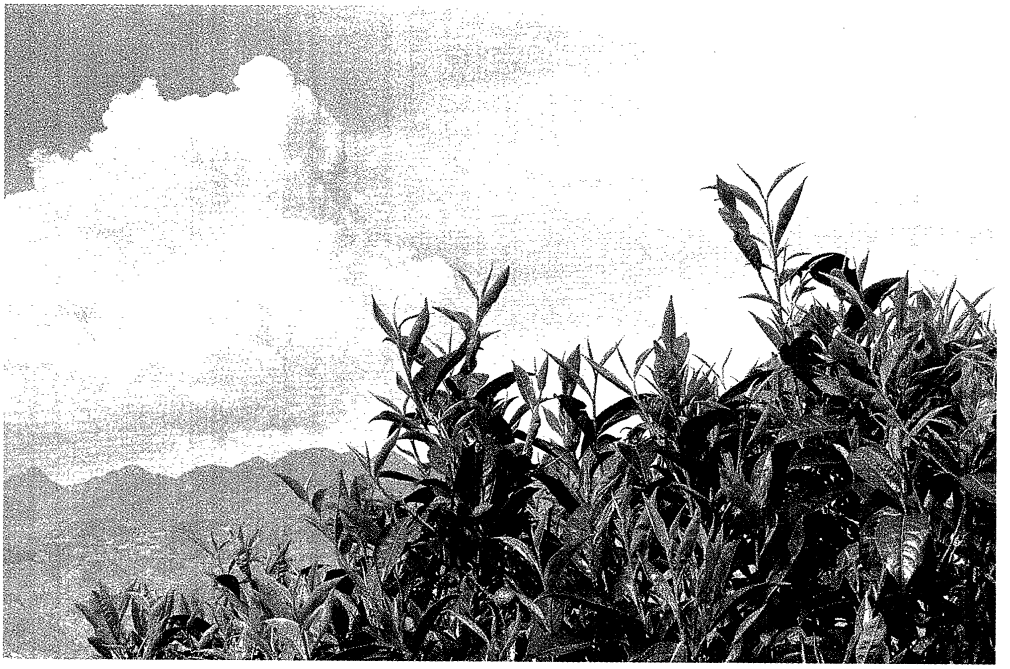

Cây chè ở Mường Khương, Lào Cai. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

Cũng như *Đồng quân lục*, nhiều thư tịch Trung Quốc đầu Công nguyên khi nhắc đến chè, thường đề cập tới đất Thục (Tứ Xuyên). *Trà kinh* cũng dẫn khá nhiều tư liệu liên quan đến Thục, như chuyện Phó Hàm (239-294) chứng kiến bà cụ người Thục bán chè ở miền Nam bị đám quận

1. Hà Hữu Nga. *Chè và lịch sử văn hóa Việt Nam*. Dẫn theo *Văn hóa trà Việt Nam*. Tr.129.

lại đập vỡ quảy hàng giữa chợ. Bởi vậy, cuối thời Minh, học giả Cố Viêm Vũ (1613-1682) mới cho rằng, từ sau khi người Tần lấy đất Thục mới bắt đầu có chuyện uống trà[1]. Thục là một trong những cái nôi khởi nguyên của trà Trung Quốc. *"Những người đầu tiên uống trà và trồng trà không phải dân tộc Hoa Hạ ở Trung nguyên, mà là cộng đồng dân tộc thiểu số ở khu vực Ba Thục"* là điều đa số học giả Trung Quốc ngày nay công nhận[2]. Ngoài ra, thư tịch cuối Đường còn miêu tả trà mọc khắp các núi trong địa phận thành Ngân Sinh (Phổ Nhĩ, Vân Nam), được thu gom rải rác tự nhiên, không chế tác. Người Mông Xá đem trà cùng gừng, tiêu, quế, quấy đều đun uống[3].

Thiếu nữ Mông hái chè ở Hà Giang. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

1. (Thanh) Cố Viêm Vũ. *Nhật tri lục*. Nguyên văn: 顧炎武《日知錄·卷七》是知自秦人取蜀而後，始有茗飲之事。
2. *Trà sử sơ thám*《茶史初探·序》. Tr.1.
3. (Đường) Phàn Xước. *Man thư*. Nguyên văn: 樊綽《蠻書·管內產物第七》茶出銀生城界諸山，散收無采造法。蒙舍蠻以薑椒桂和烹而飲之。

Như vậy có thể nói, các cộng đồng cư dân sinh sống quanh vùng chè tự nhiên là những người đầu tiên sử dụng lá chè làm thức uống. Đây là khối cư dân lớn, đa dạng về sắc tộc, không thể phân tách đơn giản là người Ấn Độ, người Trung Quốc hay người Việt Nam, dựa theo nhận thức dân tộc và quốc gia hiện đại. Chắc chắn rằng, tập tục uống trà của họ đã được nối truyền tự xa xưa, trước khi có những ghi chép bằng văn bản xuất hiện. Những gì chúng ta đọc được là từ sách vở của những dân tộc có chữ viết lâu đời. Còn những cộng đồng cư dân vốn không có chữ viết, ai viết nên lịch sử của họ? Những cư dân cổ thực sự biết đến lá chè đầu tiên hẳn cũng chẳng bận tâm xem liệu mình có phải người đầu tiên uống trà, cũng chẳng có ý niệm quy thuộc về một quốc gia tưởng tượng nào ngày nay cả. Bởi vậy, *tin cả vào sách, chẳng thà không có sách*. Ngoài những điều sách vở ghi lại được, còn vô vàn thực tế đa dạng, phức tạp, không bút mực nào có thể miêu tả được trọn vẹn.

ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Sự lan tỏa của thú uống trà

"Tinh hoa trời đất sinh chồi lá, giải khát tiêu sầu thật chẳng ngoa."
(Nguyễn) Khiếu Năng Tĩnh, *Trà Lâm Tri*

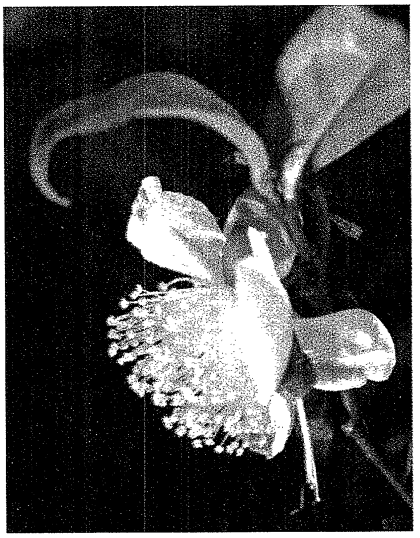

Hoa chè. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

Trà thoạt kỳ thủy giản đơn là thứ lá cây giải khát, kiêm thảo dược, từ sau khi được dụng công chế tác, mang lại sắc hương tinh tế, dần dà trở thành nghệ thuật ẩm thực, gắn kết với đời sống tinh thần. Về sau, theo thuyền buôn vượt đại dương, trà được du nhập sang các nước phương Tây, rồi trở thành một trong những thức uống phổ biến nhất toàn cầu. Dương Văn An (1514-1591), quan nhà Mạc, ngợi ca trà là *"bách thảo chi khôi"* (đứng đầu trăm loại thảo mộc), tương tự như Edmund Waller (1606-1687), chính trị gia kiêm nhà thơ nước Anh, tán tụng trà là *"the best of herbs"*. Dù ở đâu, trà luôn được nhiệt tình chào đón và ca tụng. Trung Quốc, đất nước sở hữu quốc thổ rộng lớn, là một trong những cái nôi của cây chè hoang tự nhiên, hình thành nền văn hóa, nghệ thuật trà.

Chuyện kể vào thời Tấn ở Trung Quốc, có quan tư đồ trưởng sử tên

Vương Mông (309-347) rất thích uống trà. Hễ có khách đến chơi, ông ta lại thết trà đãi. Trà trong khoảng một nghìn năm đầu Công nguyên được uống bằng bát, không phải chén nhỏ như hiện nay, thành ra sĩ đại phu bấy giờ mỗi khi phải gượng uống trà để lấy lòng quan lớn, đều thấy thậm khổ. Uống lắm trà đâm ra ấm ách bụng, lợi tiểu, bởi vậy, lần nào có việc tới chầu chực họ Vương, người ta lại bảo: *hôm nay có "thủy ách"*[1]. Thủy ách tức là tai ách lũ lụt, từ đó trở thành điển tích chỉ việc uống trà. Lại có chuyện Vương Túc (464-501) cùng cha làm quan cho triều đình Nam Tề, sau khi cha và anh bị hại liền đầu quân cho Bắc Ngụy. Là người phương Nam, Vương Túc có thói quen ăn canh cá diếc và uống trà, mỗi lần uống là uống cả đấu. Sau khi ở đất Bắc Ngụy vài năm, đã quen theo thói tục đất Bắc, uống sữa, ăn thịt cừu. Có bận, Vương Túc dự tiệc trên điện, ăn thịt uống sữa rất nhiều. Ngụy Hiếu Văn đế Nguyên Hoành mới hỏi, khanh thấy trà so với sữa thế nào. Vương Túc thản nhiên trả lời, trà không đáng làm *"lạc nô"*, tức là nô lệ của sữa. Bấy giờ ai cũng phì cười. Riêng Bành Thành vương Nguyên Hiệp ngồi cạnh, đoạn mới mời Vương Túc hôm sau qua phủ để cùng nhau thưởng thức "lạc nô"[2]. "Lạc nô" từ đó trở thành biệt danh của trà, tương tự "thủy ách", vốn ban đầu đều mang hàm ý châm biếm, khi trà còn chưa phải thức uống được ưa chuộng ở khắp Trung Hoa.

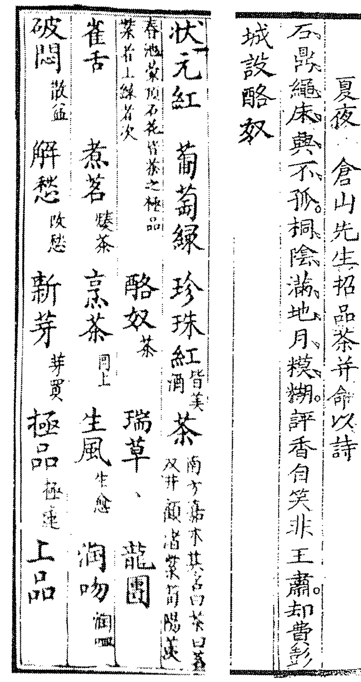
夏夜。倉山先生招品茶并命以詩
石鼎繩床興不孤。桐陰滿地月模糊。評香自笑非王肅。却費彭城設酪奴
狀元紅 葡萄綠 珍珠紅 茶
酪奴 茶 瑞草、龍團
雀舌 煮茗 烹茶 生風 潤吻
破悶 解愁 新芽 極品 上品

Điển tích "lạc nô" chép trong trang thơ *Diệu liên tập* của công chúa Mai Am (1826-1904) và mục từ về trà trong *Đại Nam quốc ngữ* (in năm 1899).

---

1. (Thanh) Lục Đình Xán. *Tục trà kinh*. Nguyên văn: 陸廷燦《續茶經·茶之事·海錄碎事》晉司徒長史王濛，字仲祖，好飲茶。客至輒飲之。士大夫甚以為苦，每欲候濛，必云今日有水厄。

2. (Bắc Ngụy) Dương Huyễn Chi. *Lạc Dương già lam ký*. Nguyên văn: 楊衒之《洛陽伽藍記·卷三》肅初入國不食羊肉及酪漿等物，常飯鯽魚羹，渴飲茗汁。京師士子見肅一飲一斗。經數年已後，肅與高祖殿會，食羊肉酪粥甚多。高祖怪之，謂肅曰 [...] 茗飲何如酪漿。肅對曰 [...] 惟茗不中與酪作奴。

"Vạc đá, ghế thừng, sẵn bạn thơ. Bóng thông rợp đất, ánh trăng mờ.
Hương thơm bình phẩm cười Vương Túc, uống tiệc Bành Thành thết lạc nô."

(Nguyễn) Mai Am công chúa Nguyễn Phúc Trinh Thận,
Đêm hè, tiên sinh Thương Sơn vời tới thưởng trà, rồi lệnh làm thơ[1]

Trà bắt đầu được lan tỏa trong giới quý tộc Trung Hoa kể từ thời Tấn (266-420) qua những buổi giao đãi như vậy. Nếu trước kia, người ta hái lá chè hoang, đóng bánh đem bán, thì vào khoảng những năm 350, chè chính thức được trồng ở Tứ Xuyên, từ đó lan rộng sang lưu vực sông Trường Giang, rồi tới các vùng duyên hải. Đến cuối thời Đường (620-907), chè đã được trồng khắp các tỉnh phía Nam Trung Quốc[2]. Học giả thời Đường là Dương Hoa cho biết, ông chưa từng nghe nói đến chè vào thời xưa, chỉ thấy từ thời Tấn Tống (317-479) trở lại, người Giang Nam hái lá chè đun uống. Từ những năm Khai Nguyên, Thiên Bảo (713-756), chè mới dần xuất hiện ở Trung nguyên, đến những năm Kiến Trung (780-783) đã rất hưng thịnh[3]. Ban đầu chỉ có những người miền Nam Trung Quốc thích uống trà, người miền Bắc không thật ưa chuộng. Về sau, từ các vùng Sơn Đông dần cho tới thành thị kinh kỳ, đâu đâu cũng thấy mở nhiều hàng quán đun trà bán, bất kể người tu đạo hay thường dân đều bỏ tiền mua uống[4].

Thị nữ bưng trà thời Đường khai quật tại mộ số 187 Astana, Turpan, Bảo tàng Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương.

1. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Trinh Thận. *Diệu Liên tập* - Hạ dạ Thương Sơn tiên sinh chiêu phẩm trà tịnh mệnh dĩ thi. Nguyên văn: 阮福貞慎《妙蓮集·夏夜倉山先生招品茶并命以詩》石鼎繩床興不孤，桐陰滿地月模糊。評香自笑非王肅，卻費彭城設酪奴。Tiên sinh Thương Sơn nhắc tới ở đây là Tùng Thiện vương Miên Thẩm.
2. *All about Tea*. Tr.6.
3. (Đường) Dương Hoa. *Thiện phu kinh thủ lục*. Nguyên văn: 楊華《膳夫經手錄》茶，古不聞，近晉宋以降，吳人採其葉煮之，是為茗粥。至開元、天寶之間，稍稍有茶，至德、大歷遂多，建中已後盛矣。
4. (Đường) Phong Dần. *Phong thị kiến văn ký*. Nguyên văn: 封寅《封氏見聞紀·卷六》茶，南人好飲之，北人初不多飲 [...] 自鄒、齊、滄、棣漸至京邑城市，多開店鋪，煎茶賣之，不問道俗，投錢取飲。

Tiêu Dực trám Lan Đình đồ, do họa sĩ thời Đường là Diêm Lập Bản vẽ,
Bảo tàng Cố cung Quốc lập Đài Loan lưu giữ.

Kể từ thời Trung Đường (766-835), trà đã trở thành nhu yếu phẩm trong đời sống thường nhật, ai ai cũng có nhu cầu uống trà. Tầng lớp trí thức Trung Hoa vẫn tiếp tục nghiền ngẫm từ nguồn trà, nguồn nước, cách chế tác, cho tới cách đun pha, cốt sao chế ra được bát trà ngon, tinh tế nhất. Và rồi chúng ta thấy sự xuất hiện của Lục Vũ (?-804) với *Trà kinh*, vừa khéo đúng lúc. Lục Vũ tự kể lại, đầu những năm 760, ông ẩn cư ở Thiều Khê, đóng cửa đọc sách, chỉ giao du với danh tăng cao sĩ, đàm đạo suốt ngày[1]. Danh tăng cao sĩ được Lục Vũ nhắc tới là sư Hiệu Nhiên và Chu Phóng, đều là những người mê trà bấy giờ. Lục Vũ viết *Trà kinh* trong khoảng thời gian này. Sư Hiệu Nhiên có bài thơ *Chín ngày cùng ẩn sĩ Lục Vũ uống trà*, ghi lại câu chuyện: *"Chín ngày trong chùa núi, giậu Đông cúc vàng hoa, kẻ tục hay uống rượu, ai hiểu được hương trà."*[2] Nhắc đến danh tăng, cũng phải nói thêm, giới tăng sĩ và Phật tử thời Đường không những là những người cổ xúy cho thị hiếu thưởng trà, đồng thời còn tiên phong gắn kết trà với đời sống nghệ thuật, tinh thần[3]. Lục Vũ, vốn xuất

1. (Thanh) Đổng Cáo. *Toàn Đường văn*. Nguyên văn: 董誥《全唐文·陸文學自傳》上元初，結廬於苕溪之湄，閉關對書，不雜非類，名僧高士，談宴永日。

2. (Thanh) *Toàn Đường thi*. Nguyên văn:《全唐詩·卷817·九日與陸處士羽飲茶》九日山僧院，東籬菊也黃。俗人多泛酒，誰解助茶香。

3. *Trung Quốc trà kinh*《中国茶经》. Tr.27.

thân từ cửa chùa, tư tưởng chịu ảnh hưởng sâu đậm từ nhà Phật. Ông tự viết về mình trong những chuỗi ngày ở ẩn: *"Thường xuyên một mình dạo bước ngoài đồng, tụng kinh Phật, ngâm thơ xưa, gậy gõ cây rừng, tay khua nước suối. Loanh quanh luẩn quẩn, từ sáng tới chiều, đến khi tối trời cạn hứng, mới gào khóc quay về."*[1]

"Một bát môi họng nhuận, hai bát phá sầu muộn,
Ba bát gột ruột khô, chỉ còn chữ nghĩa năm ngàn cuốn.
Bốn bát mồ hôi toát, đời bao chuyện bất bình, theo lỗ chân lông thoát.
Năm bát người nhẹ tênh, sáu bát thông tiên linh.
Bảy bát uống không nổi nữa, chỉ thấy hai nách vi vu ngọn gió thanh."

(Đường) Lư Đồng (795?-835), *Thất oản trà ca*

Sau khi *Trà kinh* ra mắt, tiếng tăm của Lục Vũ lập tức vang dội bởi nội dung cuốn sách ông viết có ích cho cả người thưởng trà, lẫn người trực tiếp canh tác. *Tân Đường thư* sau này công nhận: *"Vũ thích trà, viết ba thiên* Trà kinh *nói về nguồn gốc trà, phép chế trà, dụng cụ trà, tất cả đều hoàn bị. Khắp trong thiên hạ đều dần biết tới việc uống trà vậy*[2]*."* Nói khắp thiên hạ dần biết tới việc uống trà từ khi có sự xuất hiện của Lục Vũ, thực ra không thật chính xác, hoặc giả phải hiểu theo nghĩa khác. Bởi có Lục Vũ hay không, việc uống trà vẫn thịnh hành. Tuy nhiên sự xuất hiện của họ Lục cùng *Trà kinh* lại khiến lối uống trà thời Đường trở nên tinh tế hơn, dần dà được nâng tầm trở thành môn nghệ thuật.

Cũng bởi nhu cầu uống trà rộ lên, nghề buôn trà theo đó phát triển. *"Khách trọng lợi khinh thường ly cách, mải buôn chè sớm tếch miền khơi."*[3] Người chồng của thiếu phụ chơi đàn tỳ bà trên bến Tầm Dương được mô tả trong thi phẩm của Bạch Cư Dị chính là dân buôn trà. Năm 783, thời Đường Đức Tông, triều đình nhà Đường lần đầu tiên đánh thuế trà. Con đường Trà Mã nổi tiếng, trao đổi buôn bán trà ngựa qua vùng biên giới Tây Nam Trung Quốc được triển khai mạnh mẽ vào thời Đường. Người

1. (Thanh) Đổng Cáo. *Toàn Đường văn*. Nguyên văn: 董誥《全唐文·陸文學自傳》往往獨行野中，誦佛經，吟古詩，杖擊林木，手弄流水，夷猶徘徊，自曙達暮，至日黑興盡，號泣而歸。
2. (Tống) *Tân Đường thư* - Lục Vũ truyện. Nguyên văn:《新唐書·陸羽傳》羽嗜茶，著經三篇，言茶之源、之法、之具尤備。天下益知飲茶矣 。
3. Bản dịch *Tỳ bà hành* của Phan Huy Thực.

Tiệc trà trong *Đường nhân cung hội đồ* thời Đường, Bảo tàng Cố cung Quốc lập Đài Loan lưu giữ.

Tây Tạng bắt đầu đổi ngựa lấy bánh trà, còn thương nhân nhà Đường luôn mang theo trà đi khắp nơi. Nhắc đến việc buôn bán trà, không thể không đề cập tới *Tuất dân thông thương chế* (Chế lệnh về việc thông thương cứu dân) do Đường Ý Tông ban hành năm 863[1].

Tờ chế này đặc biệt ở chỗ nhắm tới việc thông thương giữa các châu huyện với An Nam, tên nước ta thời thuộc Đường, trong đó có việc buôn bán trà. Sở dĩ có tờ chế này là bởi những năm 860, 862, quân Nam Chiếu liên tục tấn công, chiếm cứ thành trì An Nam, khiến quan dân bản địa phải chạy trốn, nương náu nhờ vào các khe động. Trà và thuốc từ phía Bắc Ngũ Lĩnh là những vật phẩm thiết yếu, từ trước thương nhân các châu huyện đã buôn bán vào An Nam. Song do tình hình chiến loạn, các đạo đều cấm lái buôn qua lại. Đường Ý Tông ban tờ chế, xuống lệnh không được cấm cản, tiếp tục cho thông thương như cũ. Đây cũng là sử liệu sớm nhất cho thấy trà từ Hoa Nam được buôn bán vào Bắc Việt từ thời thuộc Đường.

---

1. (Hậu Tấn) Lưu Hú. *Cựu Đường thư*. Nguyên văn: 劉昫《舊唐書・卷十九上・本紀第十九上》四年七月朔制：安南寇陷之初，流人多寄溪洞。其安南將吏官健走至海門者人數不少，宜令宋戎、李良瑛察訪人數，量事救卹。安南管內被蠻賊驅劫處，本戶兩稅、丁錢等量放二年，候收復後別有指揮。其安南溪洞首領，素推誠節，雖蠻寇竊據城壁，而酋豪各守土疆。如聞溪洞之間，悉藉嶺北茶藥，宜令諸道一任商人興販，不得禁止往來。廉州珠池，與人共利。近聞本道禁斷，遂絕通商，宜令本州任百姓採取，不得止約。Ngày mồng một tháng Bảy năm Hàm Thông thứ tư, xuống chế: "*An Nam lúc đầu bị giặc đánh hãm, người lưu vong phần nhiều nương vào khe động. Số tướng tá quan lại An Nam chạy tới cửa biển không ít, nên lệnh cho Tống Nhung, Lý Lương Hoán xem xét số người, lượng sự cứu giúp. Những nơi bị giặc man xua cướp trong quản hạt của An Nam, miễn hai thuế bản hộ và tiền đinh trong hai năm, đợi sau khi thu phục lại, có hướng dẫn sau. Thủ lĩnh khe động ở An Nam, trước nay rất mực trung trinh, dù giặc man trộm chiếm thành trì mà tù hào ai nấy vẫn giữ cương thổ. Lại nghe các vùng khe động, hết thảy đều trông cậy vào trà thuốc ở Lĩnh Bắc, nên lệnh cho các đạo để cho thương nhân buôn bán, không được cấm chỉ vãng lai. Chu Trì châu Liêm chung lợi với người. Gần đây nghe đạo ấy cấm đoán, cắt đứt thông thương, nên lệnh châu ấy cho bá tánh triển khai, không được ngăn cản.*"

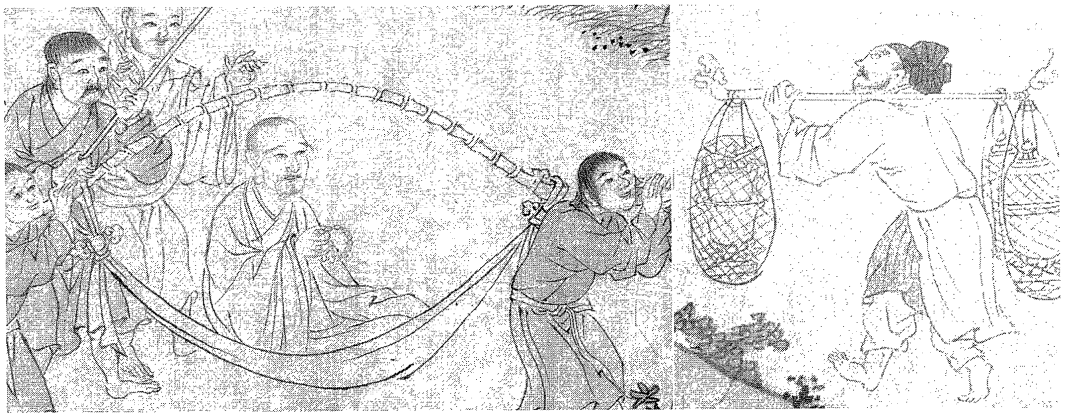

Chân dung Phật hoàng Trần Nhân Tông và lính gánh hỏa lò cấp thiêu thể hiện trong họa quyển *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn chi đồ*, bảo tàng Liêu Ninh (Trung Quốc) lưu giữ.

Tuy nhiên không phải toàn bộ số trà người bản địa bấy giờ sử dụng đều là trà từ Hoa Nam đưa xuống. Nhà thơ Trương Tịch (767?-830) trong một dịp tới thăm ngôi chùa ở Nghệ An, đã viết bài thơ *Tặng sư Nhật Nam trong núi*. Trong đó mô tả vị sư Việt: *"Đắp đá khơi giếng mới, xuyên rừng tự trồng trà."*[1] Đủ thấy trà từ sớm đã đi vào đời sống chùa Việt, do chính những nhà sư địa phương tự tay canh tác. Tư liệu sớm nhất ghi nhận việc người Việt di thực cây trà đem về trồng ở nơi cư ngụ, cũng chính là câu thơ này. Câu thơ *"Sơn tăng hoạt kế trà tam mẫu"* (Vị sư trong núi trồng ba mẫu trà làm kế sinh nhai), tuy không phải do người Việt thời Lý viết nên, nhưng mô tả chân thực đời sống của giới tăng lữ trong khu vực Đông Á khi ấy. Những dòng thơ về trà sớm nhất ở Việt Nam cũng chính là những dòng thơ được viết nên bởi các vị thiền sư. Mở đầu là câu thơ của thiền sư Viên Chiếu (999-1090), kế đến là những dòng thơ thiền trà của các vị vua Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông và thiền sư Huyền

Ni sư thời Nguyễn bên kỷ trà.
Nguồn ảnh: Albert Kahn.

1. (Thanh) *Toàn Đường thi.* Nguyên văn:《全唐詩・卷三百八十四·山中贈日南僧》甃石新開井，穿林自種茶。

Quang v.v. cho thấy trà luôn là thức uống không thể thiếu của tăng lữ người Việt trong suốt hai triều đại Lý Trần. Tới đầu thế kỷ XIX sau này, ta vẫn thấy sư cụ chùa Long Đọi (Hà Nam) tự tay trồng trọt, chế tác trà, đem tặng cho khách hữu duyên sau khi qua chùa thăm viếng. Câu chuyện trà thiền vẫn là cuộc giao lưu tinh thần quen thuộc của giới văn nhân quý tộc với các vị cao tăng quanh kinh thành Huế khi xưa.

"Hỏi: Thế nào là nếp nhà của hòa thượng?
Đáp: Áo rách ôm mây sáng húp cháo, bình xưa dốc nguyệt tối đun trà."

(Trần) Trần Nhân Tông, *Sư đệ hỏi đáp*

Điểm trà thể hiện trong *Ngũ Bách la hán đồ* thời Nam Tống, chùa Taitokuji (Đại Đức) ở Kyoto (Nhật Bản) lưu giữ.

Trà gắn liền với đời sống tu sĩ, nhất là thiền sư, nguyên nhân chính là vì trạng thái tỉnh thức trà mang lại phù hợp với việc tọa thiền. Đặc biệt vào thời Tống ở Trung Quốc, nhiều nhà sư miền Hoa Nam cũng đồng thời là các bậc thầy về trà. Họ tự trồng trọt và tinh thông cách thức pha trà. Chính những thiền sư kiêm trà sư đã từng bước hòa quện tinh thần Phật giáo vào văn hóa trà, biến việc thưởng thức trà đơn thuần dần trở thành đời sống tinh thần, tâm linh. Đời sống trà cùng đạo ấy không chỉ ảnh hưởng tới giới tăng lữ, văn nhân Trung Quốc, còn lan truyền sang quốc gia láng giềng theo bước chân của các nhà sư phương xa tới du học. Lúc này, bên cạnh lối tiên trà đặt ra từ thời Lục Vũ, người Tống còn đặc biệt chuộng lối điểm trà. Cả hai cách pha chế đều được truyền sang Nhật Bản, góp phần hình thành nên phong cách trà đạo Nhật về sau. Nói tới trà đạo Nhật Bản không thể không nhắc tới hai vị thiền sư được coi như tổ khai sơn là Myōan Eisai (Minh Am Vinh Tây, 1141-1215) và Murata Jukō (Thôn Điền Chu Quang, 1423-1502).

Thiền sư Eisai được coi là tổ sáng lập Thiền tông Nhật Bản, cũng là khai sơn tị tổ của trà đạo Nhật, dù rằng trước đó Nhật Bản đã du nhập văn hóa trà từ thời Đường. Sư Eisai tới Chiết Giang lần thứ hai vào năm 1187, ở lại chùa Cảnh Đức với tư cách là đệ tử của thiền sư Hư Am Hoài Sưởng dòng Lâm Tế. Sau khi tu học bốn năm, sư quay về Nhật, mang theo kinh điển Thiền tông và hạt giống trà. Ngay lập tức, ông thành lập thiền viện đầu tiên tại Kyushu, đồng thời cho trồng hạt trà trên núi Hiei. Năm 1211, sư Eisai viết *Kissa yōjōki* (Khiết trà dưỡng sinh ký). Đây là cuốn trà thư đầu tiên, giới thiệu trà từ tên gọi, nguồn gốc cho tới công dụng dược lý, được ví như *Trà kinh* của Nhật Bản đương thời. Sư ca ngợi trà hết mức, coi trà là thứ thần dược có thể trị bách bệnh[1]. Lịch sử trà đạo Nhật Bản được đánh mốc son đầu tiên kể từ sư Eisai cùng cuốn sách trà của ông.

Chân dung thiền sư Eisai (Vinh Tây), chùa Kenninji (Kiến Nhân) ở Kyoto (Nhật Bản) lưu giữ.

Trang mở đầu trong *Khiết trà dưỡng sinh ký*, chùa Jufukuji (Thọ Phúc) ở Kanagawa (Nhật Bản) lưu giữ.

"Trà là tiên dược dưỡng sinh, là thuật diệu kỳ kéo dài tuổi tác. Sơn cốc sinh ra trà, đất ấy thần thánh sao! Con người hái uống trà, người ấy sống lâu sao! Thiên Trúc, Đường thổ[2] cùng quý trọng trà, Nhật Bản triều ta cũng từng yêu thích trà. Ấy là tiên dược kỳ lạ xưa nay, không thể không hái [...] Nước ta nhiều người ốm yếu là do không uống trà gây nên. Hễ khi con người ta tinh thần không khỏe, ắt phải uống trà để điều hòa tâm tạng, tiêu tan

1. *The Japanese Way of Tea: From Its Origins in China to Sen Rikyū*. Tr.75.
2. Thiên Trúc chỉ Ấn Độ và Đường thổ chỉ Trung Hoa.

muôn bệnh. Trà thật quý thay! Trên thông với cảnh giới chư thiên, dưới cứu giúp con người. Mỗi loại thuốc trị một loại bệnh, mà trà là loại thuốc trị được muôn bệnh vậy!"[1]

(Nhật) Minh Am Vinh Tây, *Khiết trà dưỡng sinh ký*

Tiếp nối thiền sư Eisai là học trò ông, thiền sư Dōgen Kigen (Đạo Nguyên Hy Huyền, 1200-1253). Bảy năm sau khi thầy mất, sư Dōgen lại vượt biển tới chùa Thiên Đồng, Chiết Giang, theo học dòng thiền Tào Động. Sau khi về nước, sư trở thành vị tổ đầu tiên của tông Tào Động Nhật Bản. Lúc này, sư dựa vào lễ nghi phép tắc trong thiền viện nhà Tống, đặt định *Vĩnh Bình thanh quy* 永平清規, áp dụng quy định trà lễ, có ảnh hưởng lâu dài tới nghi lễ trà đạo Nhật về sau[2].

Được hai tổ sáng lập dòng thiền Lâm Tế và Tào Động Nhật Bản triển khai, quảng bá, trà lễ dần trở thành nghi lễ quan trọng trong đời sống chùa Nhật với không gian kiểu cách trang nghiêm, trà cụ tinh mỹ, tuy nhiên, người thưởng thức chỉ giới hạn trong bộ phận tăng lữ cùng giới quý tộc. Sau này, người gắn kết tinh thần trà-Thiền, khiến văn hóa trà đạo trở nên dung dị, gần gũi hơn với người dân, là thiền sư Murata Jukō (Thôn Điền Chu Quang, cũng viết là Shukou). Nhắc tới sư Jukō, thoạt tiên không thể không đề cập người thầy có ảnh hưởng lớn lao tới tư tưởng ông, một trong những vị thiền sư danh tiếng bậc nhất Nhật Bản thời trung đại, sư Ikkyū Sōjun (Nhất Hưu Tông Thuần, 1394-1481).

Sư Ikkyū tu theo dòng Lâm Tế, tự đặt hiệu Cuồng Vân. Thời trẻ giữ nghiêm đạo hạnh, song về sau ông nhận thấy thanh quy trong nhà chùa hư hão, nhất là tinh thần cấm dục của Thiền tông. Ông cho rằng, người thực sự đã kiến tính, giác ngộ, ắt thấy sự sống, cái chết và Niết Bàn đều là một, chẳng còn muốn tái sinh cõi Phật. Từ đó vượt lên mọi điều tiếng, ông sống tự do phóng khoáng, ăn thịt, uống rượu, thường xuyên

---

1. (Nhật) Minh Am Vinh Tây. *Khiết trà dưỡng sinh ký*. Nguyên văn: 明菴栄西《喫茶養生記・巻之上》: 茶也，養生之仙藥也，延齢之妙術也。山谷生之，其地神靈也。人倫采之，其人長命也。天竺、唐土同貴重之，我朝日本曽嗜愛也。古今奇特仙藥也，不可不摘乎！[...]我國多有病瘦人，是不吃茶之所致也。若人心神不快之時，必可喫茶調心臟，而除愈萬病矣。貴哉茶乎！上通諸天境界，下資人倫矣。諸藥各為一種病之藥，茶能為萬病藥而已。(Tr.6, 42.)

2. *Quan hệ giữa sự hình thành trà đạo Nhật Bản với các tông phái Thiền Trung Nhật*, dẫn theo tập san *Nông nghiệp khảo cổ*《农业考古》1997. Tr.278-282.

Chân dung thiền sư Ikkyū (Nhất Hưu), bảo tàng Quốc lập Tokyo (Nhật Bản) lưu giữ.

lui tới kỹ viện, năm 76 tuổi còn yêu và chăm sóc một cô gái mù tên Shin 森 (Sâm)[1]. Cũng chính sư Ikkyū đưa trà đạo vào tự viện, đại chúng hóa Thiền tông, tạo nên tông phong riêng biệt cho chùa Dai-toku-ji (Đại Đức tự), nơi ông trụ trì. Trong mắt giới tăng sĩ đương thời, Ikkyū bị coi là cuồng tăng. Song chính tư tưởng tự do phóng khoáng, phá bỏ lề lối, hòa đồng với đời sống dân dã của Ikkyū đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới học trò mình, một trong những vị tổ sáng lập trà đạo Nhật, thiền sư Jukō (Chu Quang).

Sư Jukō tiếp thu tư tưởng của thầy Ikkyū, kết hợp trà với tinh thần Thiền, tính dân gian với vẻ quý tộc; tán dương sự mộc mạc, tàn khuyết, tự nhiên của trà cụ, đối lại vẻ hoàn mỹ trong phong cách trà Nhật Bản và Trung Hoa khi đó. Đặc biệt, ông thích gắn lại bát trà sứt mẻ bằng những vết vá bằng vàng, kim loại, khiến giá trị của chúng cao hơn nhiều so với những chiếc lành lặn thông thường. Song ông cũng cho rằng việc quá mức quan tâm tới hình thức mộc mạc hay hoàn hảo cũng đều bất cập như nhau, xuất phát từ ý niệm vô chấp của Thiền tông. Tinh thần *Thiền trà nhất vị*, wabi sabi, "cẩn kính thanh tịch" (kính cẩn, tôn trọng, trong trẻo, lặng lẽ), là những tư tưởng đặc sắc trong nghệ thuật trà đạo của sư Jukō[2], có ảnh hưởng lan tỏa lâu dài, không chỉ bó hẹp trong xứ sở Phù Tang.

Bát trà Việt xuất Nhật thế kỷ XVI, miệng được trám vàng, bảo tàng Quốc lập Tokyo (Nhật Bản) lưu giữ.

1. *A History of Japanese Buddhism*. Tr.196-197.
2. *Zen-life: Ikkyu and Beyond*. Tr.143-168; *An Introduction to Japanese Tea Ritual*. Tr.29-31.

Thiền sư Jukō sống vào thế kỷ XV, khi ấy, bên Trung Hoa, đã là một trăm năm kể từ khi nhà Minh thành lập, một trăm năm nhà Minh hạn chế trà bánh, cổ xúy chế tạo trà lá rời. Việc cải cách phương thức chế tác lá chè ảnh hưởng lớn tới hình thức của trà cụ cũng như cách thức pha rót. Lúc này người Minh chế ra ấm chén cùng lối hãm trà trong ấm. Khoảng những năm Chính Đức (1491-1521), ấm tử sa ở Nghi Hưng bắt đầu phát triển. Trong khi người Nhật vẫn sử dụng trà bột (matcha) đánh trong âu bát theo kiểu Tống, người Việt đã du nhập ấm chén và dần pha chế theo lối hãm trà kiểu Minh muộn nhất từ thế kỷ XVI.

"Ấm nước hiếm khi nguội lạnh, người cùng trà giải khuây mỗi tối,
cùng trà an ủi hằng đêm, và cùng trà chào đón bình minh."[1]

(Anh) Samuel Johnson (1709-1784),
Nhìn lại hành trình tám ngày du lữ

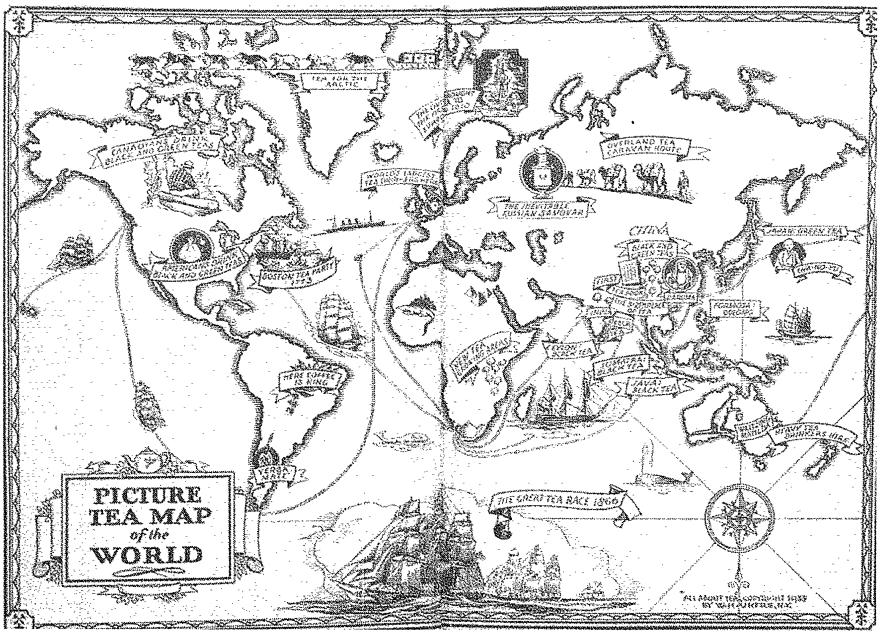

Bản đồ Trà lan tỏa khắp thế giới. Nguồn ảnh: *All about Tea*.

1. *Review of A Journal of Eight Days' Journey*, dẫn theo *The Literary Magazine* 2, no. 13 (1757). Nguyên văn: *Whose kettle has scarcely time to cool; who with tea amuses the evening, with tea solaces the midnight, and, with tea, welcomes the morning.* (Nguồn: http://jacklynch.net/Texts/tea.html)

Thế kỷ XVI cũng là quãng thời gian người châu Âu bắt đầu vượt đại dương, khám phá, xây dựng quan hệ giao thương với các quốc gia phương Đông. Mặc dù thương nhân Bồ Đào Nha là người đầu tiên nhập khẩu trà phương Đông, song những người biến việc buôn bán trà trở thành vụ làm ăn lớn xuyên lục địa, đồng thời đóng vai nguồn cung cấp trà đầu tiên cho châu Âu lại là người Hà Lan. Đây cũng là hai nguồn du nhập "trà" vào kho từ vựng của cộng đồng các ngôn ngữ châu Âu khi ấy. Trà có mặt tại Amsterdam lần đầu vào năm 1606, sau đó vài năm, trở thành mặt hàng thương mại phổ biến ở cả Hà Lan và Bồ Đào Nha[1]. Khoảng giữa thế kỷ XVII, trà được nhập vào New Amsterdam (New York), thuộc địa của Hà Lan tại Mỹ[2]. Việc uống trà nhanh chóng được người Pháp, người Anh yêu thích, thành món thưởng thức thời thượng ở cả Paris và London đương thời.

Nhu cầu trà của các nước phương Tây ngày càng tăng mạnh. Đặc biệt phải kể đến vương quốc Anh. Năm 1657, ngay sau khi người Hà Lan mang trà tới London, người Anh đã được phục vụ trà lần đầu tiên tại tiệm cà phê Garraways ở Exchange Alley. Ban đầu được coi là thức uống của giới thượng lưu, chẳng lâu sau, trà đã trở thành món ẩm liệu ưa chuộng của mọi tầng lớp trong xã hội. Chuyện kể công chúa Bồ Đào Nha Catherine of Braganza (1638-1705) được gả cho vua Charles II nước Anh vào năm 1662. Bà là người có cá tính mạnh mẽ, ưa chuộng phong vị quê hương, đặc biệt là trà, bấy giờ đã là thức uống được yêu thích nhất trong cung đình Bồ Đào Nha. Trong các món đồ hồi môn Catherine mang theo, nghiễm nhiên có một hòm trà xanh nhập từ Trung Quốc. Sau khi lên ngôi hoàng hậu, bà đã tổ chức tiệc trà trong

Chân dung hoàng hậu Catherine of Braganza được vẽ vào khoảng những năm 1660-1661. Nguồn ảnh: National Portrait Gallery.

1. *Lịch sử của trà*. Tr.145.
2. *Tea culture*. Tr.14.

cung đình Anh. Từ cách thức pha rót cao sang cảnh vẻ, tới các đồ ấm chén sứ long lanh, tất cả đã khiến phụ nữ quý tộc ở London mau chóng ưa thích. Thú uống trà bởi vậy dần lưu hành trong tầng lớp quý tộc, giàu có ở Anh quốc. Vào ngày sinh nhật của hoàng hậu Catherine cùng năm, nhà thơ kiêm chính trị gia Edmund Waller đã viết bài thơ ca ngợi trà dâng lên hoàng hậu[1]. Trong đó, nhà thơ ca tụng trà đứng đầu các loài thảo dược, vượt hơn hẳn hoa sim trong tay thần Vệ Nữ, nguyệt quế của thần Mặt Trời, và xứng làm bạn với Nữ thần Thơ bởi công dụng trợ giúp trí tưởng tượng, xua tan muộn phiền và giữ cho cõi lòng được lặng yên. Catherine chính là vị hoàng hậu nước Anh đầu tiên uống trà, bài thơ của Waller cũng là thi phẩm trứ danh đầu tiên viết về trà bằng tiếng Anh. Năm 1699, Công ty Đông Ấn Anh nhập khẩu từ Trung Quốc ba trăm thùng trà xanh cùng tám mươi thùng trà Vũ Di. Kể từ đó cho tới cuối thế kỷ XVIII, năm nào Anh cũng nhập khẩu trà từ Trung Quốc với bình quân 3,3 triệu bảng/năm; đặc biệt năm 1834, con số này tăng vọt lên 32 triệu bảng[2], cùng năm, bình quân một người Anh uống tới 0,86kg trà[3]. Lúc này, Anh trở thành một trong những nơi tiêu thụ trà lớn nhất thế giới. Năm 1840, bữa trà chiều lót dạ gồm một ít trà, bơ, bánh mì và bánh ngọt do nữ công tước Anna Russell thiết kế đã nhanh chóng được lan truyền tới các phòng trà trong nước. Trải tới ngày nay, trà chiều (afternoon tea) kiểu Anh dần xuất hiện trở lại trong nhiều quán cà phê trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Người Anh uống trà với sữa, đôi khi với chanh, kèm đường cùng bánh ngọt, có thói quen nhúng bánh quy vào trà.

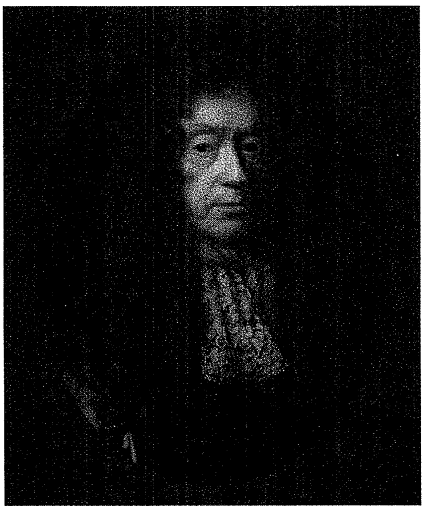

Chân dung Edmund Waller, tác giả bài thơ trà đầu tiên bằng tiếng Anh. Nguồn ảnh: National Portrait Gallery.

1. *All About Tea.* Tr.43-44.
2. *Trà sử sơ thám* 《茶史初探》. Tr.102.
3. *The Industrious Revolution - Consumer Behavior and the Household Economy, 1650 to the Present.* Tr.184.

Hoa sim tay Vệ Nữ. Nguyệt quế tóc Nhật Thần
Xứng cùng lời ca tụng. Trà so vẫn hơn phần.
Hoàng hậu đệ nhất muôn năm!
Cùng loài thảo mộc tuyệt thơm ở đời.
Từ vùng dốc thẳm, xa xôi
Thích nghi miền đất Mặt Trời hiện ra.
Dồi dào phẩm đáng ngợi ca
Nàng Thơ kết bạn cùng trà làm thân.
Xui tưởng tượng, dưỡng tinh thần,
Muộn phiền ấm ức, dần dần xua tan.
Cõi lòng giữ được lặng yên,
Gặp ngày khánh thọ, tâu lên Đức Bà!

(Anh) Edmund Waller (1606-1687), *Trà tụng*[1]

Thế kỷ XVIII, XIX, triều đại Mãn Thanh áp dụng chính sách bế quan để dễ dàng kiểm soát, chỉ cho phép Quảng Châu là nơi giao thương với người châu Âu. Xuất phát từ sự khó khăn trong giao thiệp với Trung Hoa, trong khi nhu cầu trà ngày một cấp thiết, người châu Âu bắt đầu tìm kiếm những nguồn khai thác mới để có được trà thay thế. Và rồi người Anh khai thác Ấn Độ, Sri Lanka; người Hà Lan khai thác thuộc địa Indonesia, còn người Pháp khai thác Việt Nam. Năm 1848, công ty Đông Ấn Anh đã cử Robert Fortune giả danh quan lại, tới Trung Quốc "học lỏm" thông tin về việc trồng và chế biến trà[2]. Từ

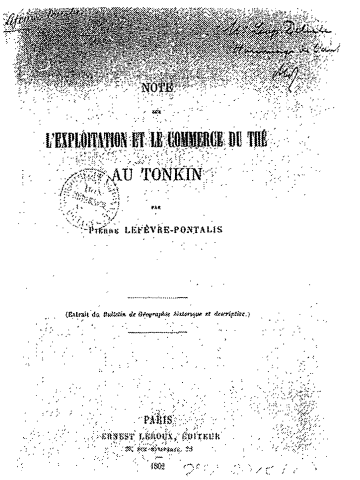
NOTE
SUR
L'EXPLOITATION ET LE COMMERCE DU THÉ
AU TONKIN
PAR
PIERRE LEFÈVRE-PONTALIS
PARIS
ERNEST LEROUX, ÉDITEUR

Ghi chú về việc khai thác và buôn bán chè ở Bắc kỳ (Tonkin) của Pierre Lefèvre Pontalis, năm 1892.

1. *Of Tea commended by her majesty*. Nguyên văn: *Venus her myrtle, Phoebus has his bays; Tea both excels, which she vouchsafes to praise. The best of Queens, and best of herbs we owe. To that bold nation, which the way did show. To the fair region where the sun doth rise. Whose rich productions we so justly prize. The Muse's friend, tea does our fancy aid. Repress those vapors which the head invade. And keep the palace of the soul serene. Fit on her birthday to salute the Queen.*
2. *Lịch sử của trà*. Tr.181.

đó họ sử dụng máy móc, phát triển trà theo đường hướng riêng, khiến Ấn Độ, Sri Lanka và Indonesia sau này dần trở thành ba vùng sản xuất trà lớn ở châu Á, chỉ đứng sau Trung Quốc. Năm 1882, sau khi chiếm được Hà Nội, người Pháp mới bắt đầu khảo sát, nghiên cứu ngành trà tại Việt Nam. Quãng thời gian từ năm 1918 tới năm 1940 là giai đoạn ngành trà Việt phát triển mạnh mẽ dưới sự quản lý của người Pháp[1].

Như vậy trong gần 2000 năm, từ một vùng trà nguyên sinh nơi rừng nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á, thông qua con đường giao thương và tôn giáo, trà không ngừng được lan tỏa, có mặt ở khắp mọi nơi, trở thành một trong những thức uống phổ biến nhất toàn cầu. Nhiều cuộc chiến, cuộc xung đột đã xảy ra vì trà; nhiều tư tưởng triết học, thơ ca đã được truyền bá qua trà; nhiều con người vốn muôn vàn khác biệt được gắn kết hơn, yêu thương nhau hơn cũng bởi trà. Gạt sang một bên những biến dị về cách thức cùng dụng cụ pha chế, tên gọi trà, chè, cha, tea v.v. tự khởi nguyên vốn đều cùng nguồn gốc. Từ một gốc nảy sinh ra tất cả sự biến dị, tất cả sự biến dị vốn đều bắt nguồn từ một gốc. Mọi việc khác chẳng phải cũng vậy sao!

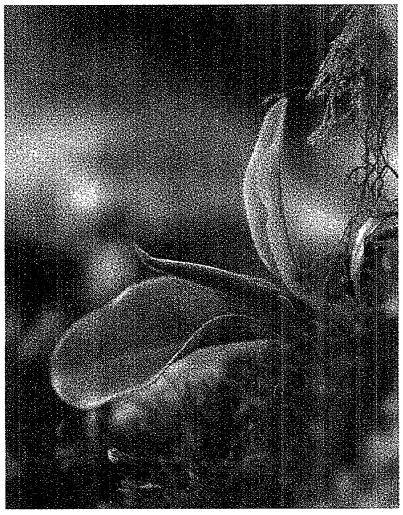

Đọt chè Tà Xùa.
Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè

1. *Cây chè Việt Nam*. Tr.18.

"*Afternoon Tea for Three*" vẽ bởi họa sĩ Charles Soulacroix (1825-1879).
Nguồn ảnh: Lillian Piscantor.

VĂN TỰ KỲ KHU

Khảo về tên gọi trà

"Đuốc soi trang sách còn dang dở.
Suối mới đem pha mấy lượt trà."

(Nguyễn) Nguyễn Tư Giản,
Chuyện trò đêm rằm tháng Hai với Thường Phu

Chân dung Nguyễn Tư Giản (1823-1890).

Chục năm xông xáo giang hồ trước đây, rượu tuyệt chẳng dám nói ngông, riêng quán trà ở đất Hà thành, tôi và anh bạn thân cơ hồ đều đã từng lui tới. Anh là người khiêm cung, nghiện trà mấy chục năm trời, vẫn luôn háo hức khi thưởng thức hương vị mới, nhất là phẩm trà do trà nhân Việt chế tác lại càng lấy làm trân trọng. Nâng chén trà thưởng hương phẩm vị, nhắm mắt mím môi gật gù là đủ biết ông anh tâm đắc lắm. Tôi thì vốn ưa chữ nghĩa, thưởng trà xong thế nào cũng phải hỏi đến tên trà. Vả lại, cũng muốn hiểu

thêm thức uống mình vừa nhấm nháp có liên hệ hữu cơ gì tới tên gọi hay không. Dù rằng tên gọi chỉ là vỏ ngôn từ, song tâm tư, thị hiếu của người đặt thế nào, đều gián tiếp bộc lộ ra cả. Người thì ưa âm đọc lạ, bất chấp ý nghĩa. Người thì thích chọn từ giản đơn, âm nghĩa đều phải mang lại cảm giác thư thái nhẹ nhàng; người lại chuộng màu sắc cổ phong, tên đặt gợi nhắc ngàn năm xưa cũ; cũng lại có người đặt tên mô tả sắc hương vị vận của trà một cách lãng đãng, mơ màng v.v. Mỗi tên mỗi vẻ, song nhìn chung, người ta không còn gọi trà là *chè* như chè Mạn, chè chi, chè Bạng, chè Thái như trước nữa, nhất loạt đều đổi sang dùng từ *trà*. Gặng hỏi, trà nhân nói *chè* và *trà* khác nhau, theo ý hiểu thông thường, *chè* chỉ tên cây hoặc sản phẩm thô mới qua sơ chế, còn *trà* chỉ thành phẩm đã được dụng công chế tác. Hơn nữa, *trà* đem lại cảm giác trang trọng, còn *chè* có hơi hướng mộc mạc bình dân. Hiểu như vậy cũng đúng, mà cũng lại chưa hoàn toàn đúng. Xét đến cùng thì *trà* với *chè* cũng chỉ là một mà thôi.

Ngôn ngữ cũng như văn hóa, luôn du nhập, đào thải và biến đổi. Chẳng riêng chữ viết có thể chuyển đổi hoàn toàn sang hệ thống văn tự khác, âm đọc cũng có khi thay da đổi thịt đến mức khó nhận ra mối liên hệ bà con của cùng một từ ở hai thời điểm quá cách xa nhau. Như nay ta nói "*sáu con rắn*", một ngàn năm trước, người Việt thời Lý phát âm tương tự /*plău*/ con /*psănh*/[1] chẳng hạn. Cũng có nhiều từ biến đổi không đến mức chóng mặt như thế, như một số từ có phụ âm *v* vốn bắt nguồn từ *b*, ví dụ vập - bập, véo - béo, vùng - bùng, vốc - bốc v.v. Tương tự, một số từ mang nguyên âm *a*, cổ xưa hơn được đọc là *e*, như xa (lộ) - xe, áp (lực) - ép, pháp - phép, hạ - hè, trà - chè v.v. Đây không phải sự khác biệt của cách

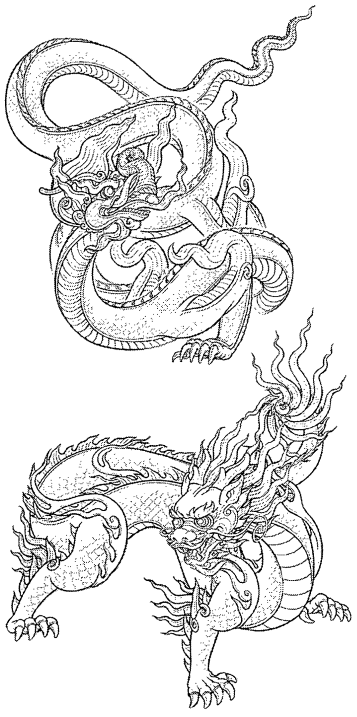

Hình tượng rồng thời Trần và rồng thời Nguyễn, do Hiệu Sicula minh họa.

1. *Lý thuyết và thực hành chữ Nôm*. Tr.48.

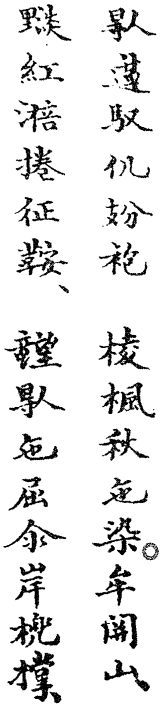

Câu thơ "*Người lên ngựa, kẻ chia bào, rừng phong thu đã nhuốm màu quan san. Dặm hồng bụi cuốn chinh an, Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh*" trong *Truyện Kiều* (bản của Trúc Viên Lê Mạnh Liêu).

đọc địa phương, mà là sự thay đổi của ngữ âm lịch sử, theo thời gian. Chữ Latin là văn tự ký âm, bởi vậy tư duy Latin tạo nên thói quen viết đúng theo quy ước chính tả, coi trọng cách viết chuẩn và âm đọc. Trong khi chữ Hán Nôm là văn tự có thành tố biểu ý, tư duy Hán Nôm chấp nhận một chữ có thể có nhiều âm đọc, thậm chí vài cách viết, nhưng ý nghĩa không thay đổi. Như chữ 心 có thể vừa đọc là *tâm* hoặc *tim*, 茶 có thể vừa đọc là *trà* hoặc *chè*, 染 có thể vừa đọc là *nhiễm, nhuộm, nhuốm, ruộm* v.v. Âm đọc cụ thể thế nào, được cân nhắc theo văn cảnh, đôi khi tùy thuộc ý kiến chủ quan của người phiên đọc. Điểm này những ai học qua tiếng Nhật chắc hẳn rất thấm thía. Vậy nên câu thơ chữ Nôm của Nguyễn Du được phiên ra quốc ngữ: "*Rừng phong thu đã 染 màu quan san*", về mặt lý thuyết, 染 có thể cho bốn cách đọc, bình đẳng về tính xác suất lựa chọn, song về mặt cảm nhận chủ quan, người ta thường phân vân chọn giữa âm *nhuộm* và *nhuốm*.

Chuyện kể giai nhân xinh đẹp bậc nhất phủ chúa, sủng cơ của Thịnh vương Trịnh Sâm, Tuyên phi Đặng Thị Huệ là người làng Trà Hương, Phù Đổng, trấn Kinh Bắc. Bởi xuất thân từ làng Trà Hương, chúa lại hết sức yêu vì, nên đặt tên hiệu cho Tuyên

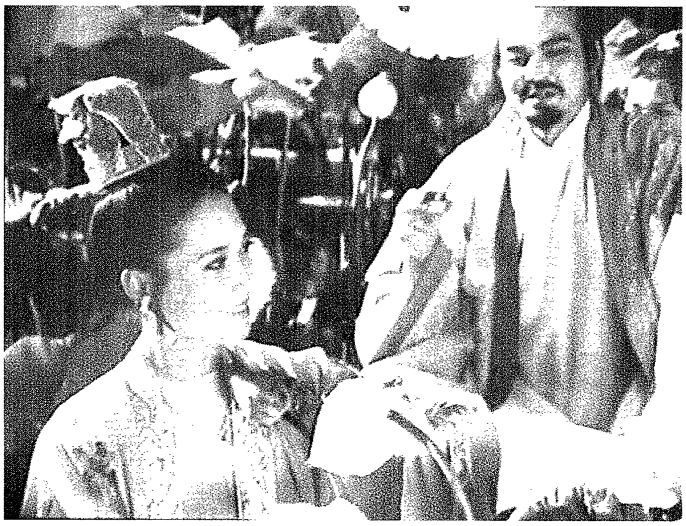

Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm và Tuyên phi Đặng Thị Huệ cùng thưởng trà sen trong phim *Đêm hội Long Trì*.

phi là "Bà chúa Chè"[1], gây cảm hứng cho nhà văn Nguyễn Triệu Luật viết nên tiểu thuyết nổi tiếng cùng tên vào đầu thế kỷ XX. Trà Hương cũng là tên một làng thuộc huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương, có tên gọi dân gian là làng Chè. Hoàng Đạo Thúy (1900-1994) lại kể, giữa phố Cầu Gỗ có một phố nhỏ đi ra Bờ Hồ xưa chuyên bán chè tươi và trà. Đó là thôn Hương Mính (*mính* cũng có nghĩa là trà) với tên Nôm là thôn Hàng Chè, chuyên bán chè. Phố Hàng Chè ghi nhận trong *Đại Nam nhất thống chí* là chỉ chung đoạn phố này. Con phố này nay là phố Hồ Hoàn Kiếm, con phố ngắn nhất Hà Nội, tính ra có năm mươi hai mét, dọc phố giờ đây toàn cửa hàng nộm bò khô, không còn thấy bóng dáng cửa hàng chè nào nữa.

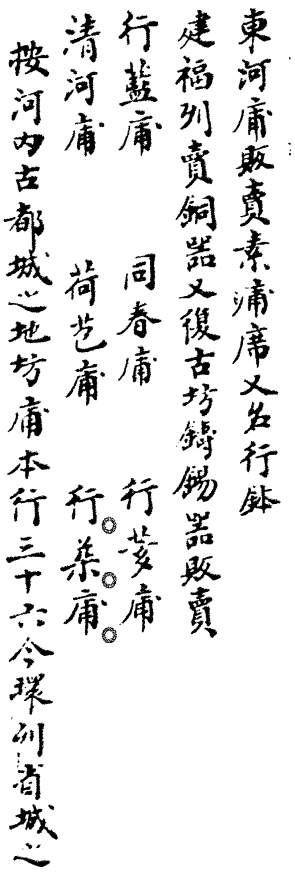
東河庸販賣素蒲席又名行鉢
建福列賣銅器又復古坊鑄錫器販賣
行藍庸　同春庸　行菱庸
清河庸　荷芝庸　行菜庸
按河內古都城之地坊庸本行三十六今環列省城之

Phố Hàng Chè ở Hà Nội ghi nhận trong *Đại Nam nhất thống chí*.

Trà và *chè* trước đây vẫn được dùng lẫn, sách vở ghi lại rất nhiều. Cứ lấy định nghĩa về *trà*, *chè* trong *Đại Nam quấc âm tự vị*, từ điển tiếng Việt đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ xuất bản năm 1895 là đủ biết[2]. Việc gán thêm ý nghĩa để phân biệt trà - chè, tôi cho rằng mới diễn ra quãng một vài chục năm trở lại đây. Dĩ nhiên, nói vậy không có nghĩa rằng hai từ này hoàn toàn giống nhau. Một trong những sự khác biệt cơ bản giữa chúng, xét từ góc độ ngôn ngữ học, nằm ở chỗ: *trà* được coi là âm đọc chữ Hán trên sách vở, dùng để đọc các văn bản quan phương thời phong kiến, là âm Hán Việt, hình thành

1. (Lê) Bùi Dương Lịch. *Lê quý dật sử*. Tr.40, 45. 裴楊璮《黎季逸史》.

2. *Đại Nam quấc âm tự vị*. Tr.17, 798, cho biết: "**Chè:** *thứ cây nhỏ, lá có chia, người ta hay phơi sấy để nấu nước mà uống*", "**Trà:** *c. (chè). Thứ lá cây người ta hay dùng mà nấu nước uống cho tiêu khiển*", "**Pha nước, pha trà, pha chè:** *Nấu nước trà, chế nước bỏ trà mà uống*."

trong khoảng thế kỷ VIII, IX; còn *chè* thuộc lớp từ vựng cổ Hán Việt, đi vào tiếng Việt trước thời Đường (602-907) qua con đường khẩu ngữ[1], sử dụng trong đời thường. Ta có cảm giác từ *trà* trang trọng, tao nhã, còn từ *chè* mộc mạc, bình dân là vì vậy.

"Phong lưu mòn mỏi ba đường cúc,
Ngày tháng tiêu ma một bát chè."

(Lê sơ) Nguyễn Trãi, *Tự thán bài 3*

Bản đồ phương ngữ Trung Quốc, dẫn theo Vividmaps.

Chẳng riêng tiếng Việt mới tồn tại song song đôi ba cách đọc cho cùng một chữ Hán. Các ngôn ngữ nằm trong vòng ảnh hưởng của văn hóa chữ Hán như tiếng Nhật, tiếng Hàn cũng có hiện tượng tương tự. Trong tiếng Nhật có bốn âm đọc chữ "trà" 茶 được du nhập từ Trung Quốc qua những thời kỳ khác nhau[2]. Trong đó, âm đọc quen dùng nhất

1. *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*. Tr.19-21.
2. 茶 trong tiếng Nhật, tùy từng từ ghép mà được đọc với các âm biến thể là *ja, ta, sa, cha.*

đến ngày nay là *cha*. Hầu hết phương ngữ tiếng Trung hiện đại đều đọc trà 茶 với âm gần gụi như *cha*, riêng tiếng Mân Nam, ngôn ngữ phía Nam tỉnh Phúc Kiến, phương ngữ ở Đài Loan cùng tiếng Triều Châu lại cho âm đọc *tế*[1].

Âm đọc, từ vựng thậm chí ngữ nghĩa giữa các tiếng địa phương Trung Quốc khác nhau đến chóng mặt. Không những người Bắc Kinh, Quảng Đông, Thượng Hải, Phúc Kiến ngồi chung trong một bàn trà nói tiếng địa phương không thể đối thoại, mà thậm chí người trong cùng một tỉnh, có khi chỉ ở khác huyện, nói chuyện đã chẳng ai hiểu được ai. Như tiếng Mân (Phúc Kiến) đã có sự khác biệt lớn giữa tiếng Mân Nam, Mân Đông, Mân Trung và tiếng Bồ Tiên. Ngay trong nội bộ tiếng Mân Nam vẫn tiếp tục có sự biến dị giữa các tiểu vùng. Lịch sử chia cắt, sáp nhập, thống nhất của Trung Quốc tạo nên điều đó. Có phương ngữ lưu giữ được đặc điểm ngữ âm thời Đường, cũng lại có phương ngữ lưu giữ đặc điểm thời Hán, rồi Ngụy Tấn Nam Bắc Triều v.v. Để thống nhất, tạo ra một ngôn ngữ chung chuẩn mực giữa các vùng, mỗi triều đại lại chọn ra *Nhã ngôn* riêng, được quy định bởi cộng đồng nắm giữ quyền lực nhất. Tỉ như ngôn ngữ quan phương sử dụng trong triều đình thời Minh-Thanh được gọi là Quan thoại (tiếng nhà quan), và nay là tiếng Phổ thông chẳng hạn. Tuy chữ Hán không thể đánh vần, song âm đọc của từng chữ được các học giả bắt đầu từ thời Hán, bằng cách này hay cách khác cố gắng mô tả lại. Chính nhờ có các sách tự điển, vận thư mô tả âm đọc, được biên soạn vào nhiều triều đại, các nhà nghiên cứu ngữ âm lịch sử ngày nay mới có thể phục dựng được âm đọc của từng chữ trải qua từng thời kỳ. Với riêng chữ 茶, Edwin George Pulleyblank (1922-2013), nhà Hán học người Canada, phục dựng âm Hán trung cổ (420-907) tiêu chuẩn thời kỳ đầu là /drɛ:/ (tương ứng với âm *chè*, *tế*), thời kỳ cuối là/trɦa:/ (tương ứng với âm *trà*, *cha*)[2].

1. Forvo. All the words in the world. Pronounced. https://zh.forvo.com/word/茶/
2. 古音小鏡 • 歷史語言學共享網站。中古音查詢、上古音查詢 http://www.guguolin.com/niyin.php

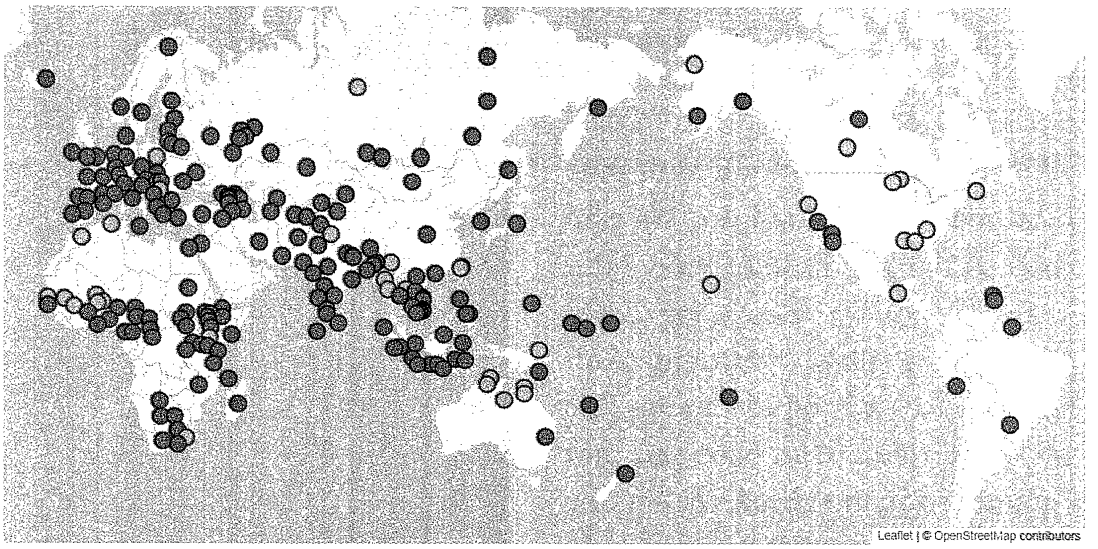

Bản đồ thống kê các ngôn ngữ trên thế giới có từ "trà" bắt nguồn từ *cha* trong tiếng Hán (màu đỏ), bắt nguồn từ *té* trong phương ngữ Mân Nam (màu xanh) và những từ có nguồn gốc khác (màu xám). Nguồn ảnh: *The World Atlas of Language Structures online* (wals.info).

Cách gọi trà trong các ngôn ngữ trên thế giới hiện nay hầu hết bắt nguồn từ âm đọc *cha* và *té* xuất phát ở hai vùng phương ngữ Trung Quốc Quảng Đông và Mân Nam (Phúc Kiến). Các thương nhân Hà Lan nhập trà từ Amoy (Hạ Môn), theo lẽ tự nhiên, gọi trà là *thee* (đọc là /te:/) theo tiếng Mân Nam *té*. Hà Lan là nguồn nhập khẩu trà chính vào châu Âu qua **đường biển** vào thế kỷ XVII, cho nên các nước châu Âu cùng thuộc địa cũ của Hà Lan bấy giờ đều du nhập tên gọi *thee* với nhiều biến thể như *thea*, thé, tea, tee, tè[1] v.v. Tuy nhiên, người Bồ Đào Nha mới là những người đầu tiên nhập trà vào châu Âu. Họ đã tiếp xúc và mua trà từ Macao, vùng đất sử dụng tiếng Quảng Đông (Cantonese), từ thế kỷ XVI. Bởi vậy, từ trà trong tiếng Bồ Đào Nha - *chá* bắt nguồn từ *cha* theo cách đọc của người Quảng Đông. Âm đọc *xà* trong thức uống *bát bảo lường xà* (bát bảo lương trà, trà mát bát bảo) ở ta trước đây cũng có chung nguồn gốc này. Cùng một lẽ, các nước Đông Âu và châu Á qua ***con đường giao thương trên***

1. Như tiếng Latin *thea*; tiếng Anh, tiếng Hungari *tea*; tiếng Đức *tee*; tiếng Ý *tè*; tiếng Pháp *thé*; tiếng Tây Ban Nha *té*; tiếng Đan Mạch, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan *te*; tiếng Indonesia và Malaysia *the*.

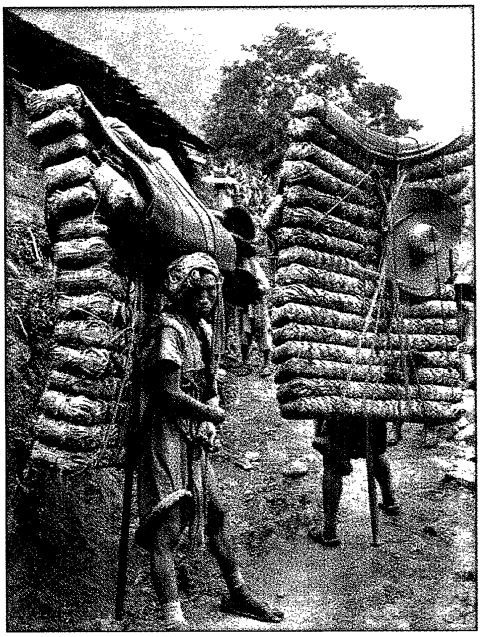

Phu gánh chè ở tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc) năm 1908. Nguồn ảnh: Thư viện đại học Harvard.

đất liền, đều gọi trà với hình thức *cha* hoặc *chai*[1] là âm đọc trà phổ biến ở đại lục Trung Quốc. Như vậy tên gọi trà theo tiếng Latin thea, tiếng Pháp *thé*, tiếng Anh *tea* v.v. đều bắt nguồn từ âm đọc *té* trong tiếng Mân Nam, có mối quan hệ dây mơ rễ má với âm đọc *chè* trong tiếng Việt. Bởi *té* hay *chè* đều bảo lưu âm đọc cổ của *trà* từ trước thế kỷ VI. Còn lại, *trà* hay *cha*, *chá*, *ja* v.v. là âm đọc phái sinh khi nguyên âm *e* chuyển thành *a* trong quá trình biến đổi ngữ âm phát sinh trong nội bộ tiếng Hán.

Như đã đề cập, trong địa phận Trung Quốc ngày nay, những cư dân sử dụng lá trà đầu tiên không phải dân tộc Hoa Hạ ở Trung nguyên, mà là những người Ba Thục Tứ Xuyên cùng cộng đồng các dân tộc ở Vân Nam. Qua khảo sát các danh xưng được sử dụng để gọi cây chè trong tiếng Hán, có thể thấy các từ vựng này vốn không phải từ cố hữu nội sinh, mà là từ ngoại lai. Đồ 荼, trong tiếng Hán vốn mang nghĩa rau đắng, được gán thêm nghĩa cây chè kể từ khi người Hoa Hạ tiếp xúc, sau đó sáp nhập đất Tứ Xuyên. Sách *Nhĩ Nhã* cho biết, *chè* có tên gọi là *giả, khổ đồ, mính, suyễn*[2] v.v. Quách Phác (276-324), nhà ngôn ngữ nổi danh thời Tây Tấn, chú thích: người Thục gọi cây chè là khổ đồ. Đây là từ song âm

1. Östen Dahl. *The world Atlats of Language structures online - Chapter Tea.* Max Planck Digital Library. (https://wals.info/chapter/138). Như tiếng Thái /chaa/, tiếng Tạng /ja/, tiếng Nga, tiếng Bungari, tiếng Ukraina /chai/, tiếng Hy Lạp /tsai/, tiếng Ấn Độ /cāe/ v.v.

2. (Tấn) Quách Phác. *Nhĩ Nhã*. Nguyên văn: 郭璞《爾雅·釋木·第十四》樹小似栀子，冬生葉，可煮作羹飲。今呼早採者為荼，晚取者為茗，一名荈，蜀人名之苦荼。"*Cây nhỏ như cây dành dành, mùa đông mọc lá, có thể đun làm canh uống. Nay gọi lá hái sớm là* **đồ** 荼, *lá hái muộn là* **mính** 茗, *một tên khác là* **suyễn** 荈, *người Thục gọi là* **khổ đồ** 苦荼". Sách *Nhĩ Nhã* được hình thành vào khoảng thế kỷ thứ II trước CN cũng là khoảng thời gian nhà Tần lấy đất Thục. Tác giả của *Nhĩ Nhã* được gán ghép cho Chu Công.

tiết ghi lại tiếng Thục cổ, về sau mới **gọi tắt** thành *đồ* 荼[1], vô hình trung khiến một chữ mang hai nghĩa hoàn toàn khác biệt. Về mặt văn tự, đầu Công nguyên, để phân biệt giữa hai loại cây rau đắng và chè trong cùng một chữ *đồ* 荼, người ta mới viết bớt một nét ngang ngắn của *đồ* 荼 thành *trà* 茶 tạo ra hai chữ với hai nhiệm vụ riêng biệt[2]. 荼 là rau đắng, còn 茶 là trà. Cũng bởi hai chữ quá giống nhau, thành ra nhiều người mới đọc lẫn hoa đồ mi với trà mi là vì vậy. Sau này, *trà* 茶 trở thành chữ dùng phổ biến, chính tắc trong tất cả các nước đồng văn sử dụng chữ Hán, một phần nhờ công thống nhất cách viết của Lục Vũ cùng sự lan truyền rộng rãi của *Trà kinh*.

"Bấy giờ (Hưng Đạo vương) Quốc Tuấn đã cắt tóc ngắn, mặc áo vải thô. Tới sứ quán, vào phòng trong, Sài Thung đứng dậy vái chào rồi mời ngồi [...] Ông ngồi lặng yên đun mính (nguyên chú: âm đọc là mính, là loại trà hái muộn), cùng uống với hắn[3]."

Trích *Đại Việt sử ký toàn thư*

Cây chè ngoài danh xưng bắt nguồn từ tiếng Thục, còn được gọi là *mính* 茗 theo tiếng Ngô vùng Giang Chiết, Hoa Nam[4]. Tên tờ báo kinh tế viết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên *Nông cổ mín*[5] *đàm* (uống trà bàn chuyện nông, thương), phát hành tại Sài Gòn đầu thế kỷ XX, hay như thôn Hương Mính (Hàng Chè, Hà Nội), cùng

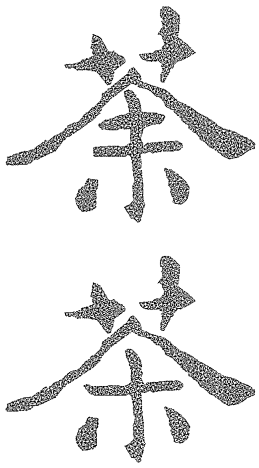

Đồ và *trà* trong chữ Hán.

1. *Trà sử sơ thám* 《茶史初探》. Tr.24.
2. Xưa nay nhiều người vẫn cho rằng phải tới thời Đường mới xuất hiện chữ *trà* 茶. Gần đây, các nhà khảo cổ Trung Quốc đã phát hiện thấy chữ 茶 xuất hiện trên hũ trà thời Đông Hán. Nên có thể khẳng định, từ đầu Công nguyên, người Hán đã bắt đầu có dụng ý phân biệt hai chữ 荼 và 茶.
3. (Lê) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Ngô Sĩ Liên. Nguyên văn: 吳士連《大越史記全書·卷之五·仁宗本紀》時國峻已剪髮，服布衣矣。至舘入房，椿起揖延坐。人皆驚異，殊不知剪髮布衣乃北和尚状也。坐定瀹茗 茗音酩 茶晚取者 與之飲。
4. (Ngô) Lục Cơ. *Mao Thi thảo mộc điểu thú trùng ngư sớ*. Nguyên văn: 陸璣《毛詩草木鳥獸蟲魚疏》蜀人作荼，吳人作茗。
5. Theo chính tả miền Nam bấy giờ. (BBT)

tên hiệu Mính Viên (vườn chè) của Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947) đều sử dụng biệt danh *mính* bắt nguồn từ phương ngữ Ngô này. *Mính* vốn dĩ tương đương với *trà*, Quách Phác thời Tấn chú thích sách *Nhĩ Nhã*, mới phân biệt hai từ, lần lượt chỉ loại chè hái muộn và chè hái sớm. Tuy nhiên về sau, hai từ này lại được dùng lẫn. Diên dụng đến ngày nay, *mính* được coi là tên gọi trang nhã của trà. Ngoài ra, cũng trong sách *Nhĩ Nhã*, trà còn được gọi với danh xưng thông dụng chính thức bấy giờ là *giả* 檟, vốn có nguồn gốc từ ngôn ngữ Thái-Kadai, phân bố ở khu vực Vân Nam, Lưỡng Quảng và Bắc Việt Nam.

NÔNG-CỔ MÍN-ĐÀM

農賈若談

CAUSERIES SUR L'AGRICULTURE ET LE COMMERCE

MỖI TUẦN LỄ IN NGÀY THỨ NĂM

Nông cổ mín đàm, tờ báo kinh tế đầu tiên của Việt Nam.

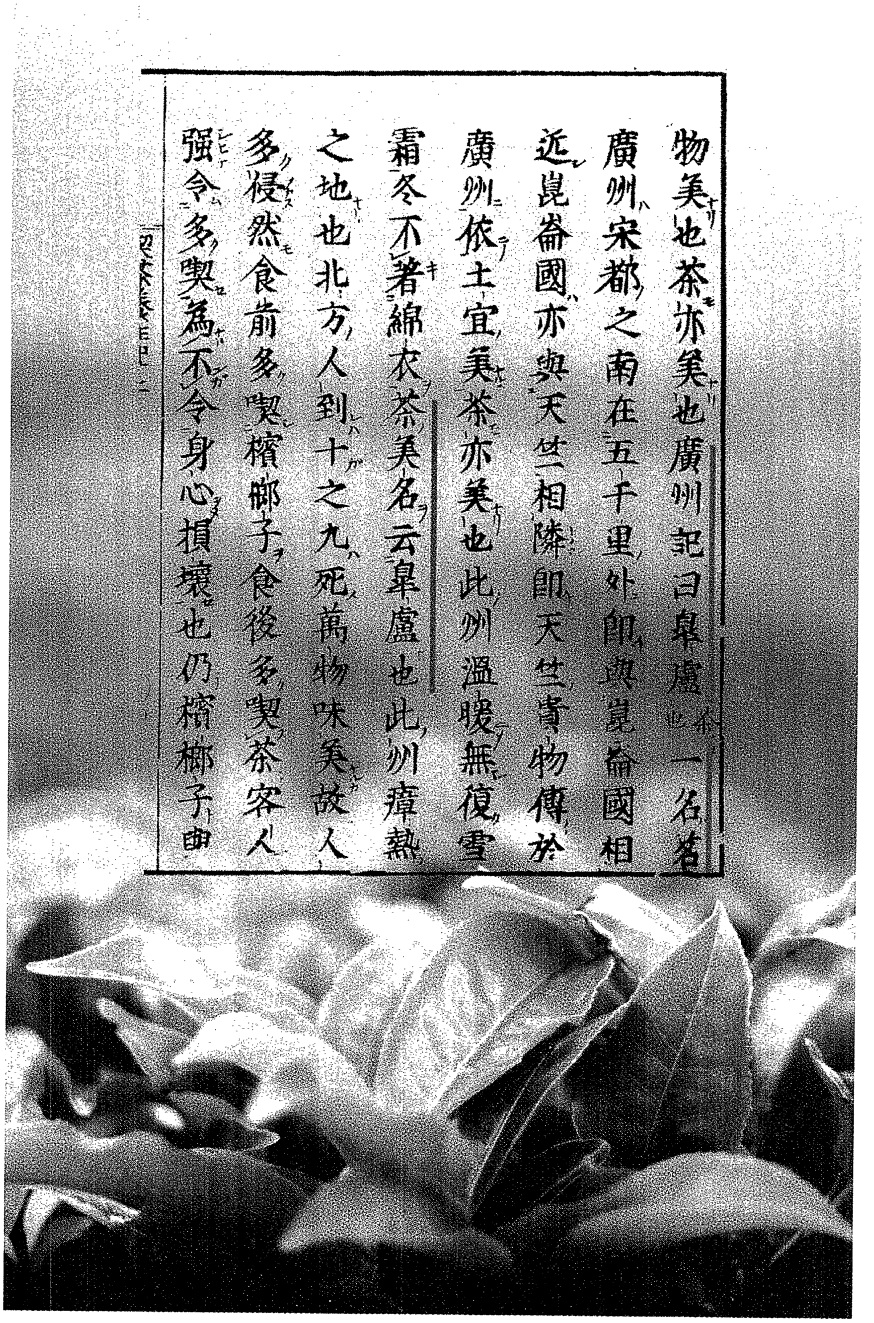
物美也茶亦美也廣州記曰皐盧也一名苦
廣州宋都之南在五千里外即與崑崙國相
近崑崙國亦與天竺相隣即天竺書物傳於
廣州依土宜美茶亦美也此州溫暖無霜雪
霜冬不著綿衣茶美名云皐盧也此州瘴熱
之地也北方人到十之九死萬物味美故人
多侵然食前多喫檳榔子食後多喫茶客人
強令多喫為不令身心損壞也仍檳榔子曲

"*Cao Lô là trà, một tên khác là mính […] tên đẹp của trà là Cao Lô vậy*." Dẫn theo *Khiết trà dưỡng sinh ký*. Nguồn ảnh: *National Diet Library Digital Collections (Japan)*.

Trà

MỘC MẠC

GIẢI MẬT CAO LÔ

Lý giải về một biệt danh của trà

"Nhất ác Cao Lô hoạt hỏa thường"
Một nắm Cao Lô ngọn lửa đun.
(Nguyễn) Cao Bá Quát

Năm 1830, vua Minh Mạng lần đầu tiên thưởng thức cà phê, có lẽ được người Pháp dâng tặng trong một dịp lễ đặc biệt. Ông rất tò mò trước thức uống lạ lẫm tới từ phương Tây này, sau khi tìm hiểu, đã tự tay viết những dòng mô tả kỹ càng, kèm bài thơ đề vịnh. Vua Minh Mạng không chắc là người Việt Nam đầu tiên uống cà phê, song những ghi chép của ông cho tới thời điểm hiện tại, có lẽ là những dòng viết đầu tiên mở ra trang sử cà phê Việt. Bằng kinh nghiệm tự thân của một vị vua đã dùng trà nhiều năm, muốn đặt tên cho đồ uống mới, ông liên tưởng ngay tới thức uống tương tự ở quê hương, đặt tên cho cà phê là Dương trà (*chè Tây*). Ông giải thích: *"Dương trà, nguyên xuất ở Tây Dương [...] Nguyên tiếng Tây gọi là cà phê, thường uống thay trà, nên đặt tên như vậy."*[1] Dĩ nhiên, tên gọi Dương trà chỉ lưu hành trong sách vở quan phương triều Nguyễn, về sau mất đi, nhường chỗ cho cách phiên đọc âm gốc là cà phê.

1. (Nguyễn) *Minh Mệnh ngự chế thi sơ tập* - quyển 10 - Vịnh Dương trà. Tr.106-107. Nguyên văn:《明命御製詩初集•卷十•詠洋茶》按洋茶原出西洋。樹高大七尺。葉似黃皮葉而不甚光。子大如指頭，殷紅色，綴之滿枝。形本非茗檟之屋。原洋語呼為迦飛。常飲以代茶，故命名。Ở đây cần nói thêm, nhiều bài viết về lịch sử cà phê Việt Nam hiện nay đều ghi người Việt lần đầu tiên biết đến cà phê là năm 1857 do Pháp mang vào trồng. Tuy nhiên, qua tập thơ này có thể thấy ngay từ năm 1830, cà phê đã xuất hiện trong cung đình nhà Nguyễn.

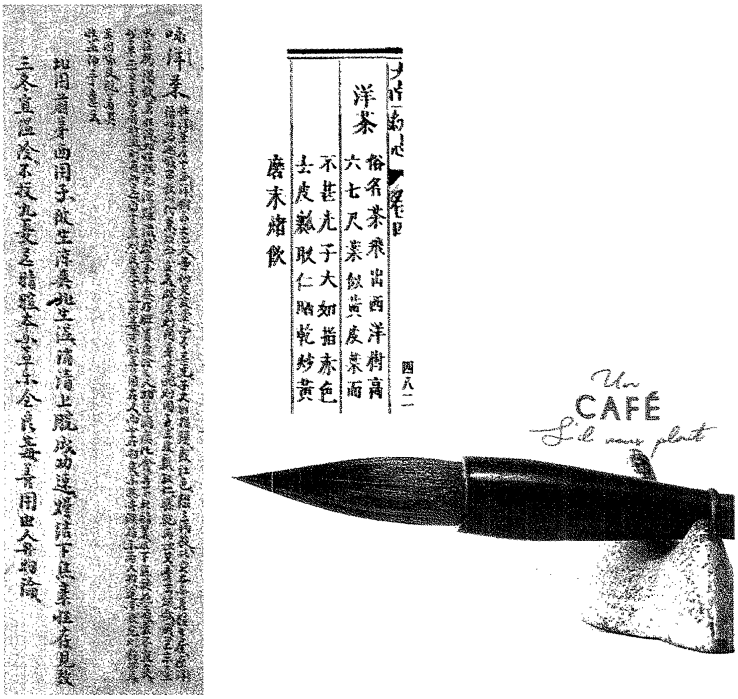

Bài thơ *Vịnh Dương trà* chép trong *Minh Mệnh ngự chế thi sơ tập* và mục Dương trà chép trong *Đại Nam nhất thống chí*.

Kinh nghiệm và nhận thức không ngừng được tích lũy, xây dựng trong quá trình trải nghiệm đời sống. Trải nghiệm khác nhau, cảm quan hiện thực theo đó cũng khác nhau. Ngôn ngữ, thứ công cụ của tư duy, về bản chất luôn mang tính võ đoán, gắn liền với những trải nghiệm tự thân. Cách vua Minh Mạng đặt tên Dương trà - chè Tây, hệt như cách người Việt gọi tên "chè" vằng, "chè" đắng, "trà" atiso, "trà" thảo mộc vậy. Mặc dù trên thực tế các loài cây này vốn chẳng phải chung một họ. Có điều, sự võ đoán trong nhận thức ngôn ngữ mang tính phổ quát, chẳng riêng gì ở người Việt.

Có một giống trà đặc biệt ở Nhật Bản từng khiến các nhà nghiên cứu trà Nhật lặn lội sang Trung Hoa để truy tìm nguồn gốc. Danh xưng của nó vốn cũng là một sự võ đoán: Cao Lô[1]. Năm 1982, đoàn nghiên cứu trà

1. *Khảo chứng về trà Cao Lô và trà Khổ Đăng* dẫn theo *Hồ Nam Nông học viện học báo* 《湖南农学院学报》. Tr.47. Tiếng vang đầu tiên, gây xôn xao trà giới Trung Quốc là Báo cáo đầu tiên nghiên cứu về cây trà Cao Lô (1966) của học giả Toyao Tadayuki được dịch sang tiếng Trung vào năm 1973.

Cây Cao Lô minh họa trong *Cổ kim đồ thư tập thành* (quyển 150) khoảng những năm 1700-1725.

Nhật[1] mang theo ảnh chụp cây trà Cao Lô tới thăm Học viện Nông học Hồ Nam, Trung Quốc. Sau khi giới thiệu, đoàn chuyên gia mới đặt câu hỏi: Vùng trà nào ở Trung Quốc hiện còn giống trà Cao Lô; trà Cao Lô Nhật Bản liệu có phải cây Cao Lô ghi chép trong thư tịch cổ Trung Quốc hay không? Hai câu hỏi đặt ra lập tức được giới nghiên cứu trà Trung Quốc bấy giờ hết sức quan tâm, trong suốt hơn mười năm liên tục có các bài nghiên cứu xoay quanh giống cây này.

3879 皋芦 gāo lú (《本草拾遗》)

【异名】 过罗、拘罗、物罗(《南越志》),瓜芦(陶弘景),苦蔞(《纲目》),苦芋(《南越笔记》)。

【基原】 为山茶科植物皋芦的叶。

【原植物】 皋芦 *Camellia sinensis* O. Ktze. var. *macrophylla* Sieb.

Ghi chép về Cao Lô trong *Trung dược đại từ điển.*

Điểm qua các thư tịch cổ Trung Quốc, tên gọi Cao Lô chỉ xuất hiện từ thời Đường (618-907) trở về trước, với ghi chép sớm nhất là *Quảng Châu ký* viết vào thế kỷ thứ IV, cho biết Cao Lô là tên gọi khác của cây trà, cho lá to, vị chát. Theo quan niệm thời Đường thì Cao Lô được coi là tên gọi khác của cây trà. Loại cây này sinh trưởng ở một số vùng núi trải quanh khu vực Lưỡng Quảng cho tới bộ phận miền Bắc Việt Nam. Danh xưng Cao Lô là tên phiên âm từ ngôn ngữ bản địa, *"là tiếng của người man di"*, ngoài cách phiên Cao Lô, còn có các cách phiên đọc gần gụi như Qua Lô, Quá Lô,

1. Đoàn nghiên cứu hơn chục thành viên do các giáo sư Nunome Choufuu, Minoru Hashimoto dẫn đầu.

Quá La và Câu La[1]. Cây Qua Lô đề cập trong *Trà kinh*, được người dân Giao-Quảng (khu vực Lưỡng Quảng Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam) hết sức ưa chuộng chính là loại cây này.

Những sử liệu sớm nhất ghi chép về Cao Lô

(Thế kỷ IV) **Quảng Châu ký:** *"Huyện Dậu Bình có Cao Lô, là tên gọi khác của chè, lá to mà chát. Người phương Nam lấy làm thức uống."*[2]

(Thế kỷ V) **Nam Việt chí:** *"Long Xuyên có Cao Lô, lá tựa chè, vị đắng chát, người thổ hái uống, nay vùng Nam Hải gọi là Quá La hoặc Câu La."*[3]

(Thế kỷ VIII) **Trà kinh:** *"Cây chè tựa cây Qua Lô [...] Qua Lô sinh trưởng ở vùng Quảng Châu, cũng tựa chè mà vị đắng chát." [...] Sách* Đồng Quân lục *viết: "Phương Nam có cây Qua Lô, tựa chè, rất đắng chát, hái lấy làm thành vụn uống như trà, cũng có thể thâu đêm không ngủ [...] người Giao-Quảng ưa chuộng nhất. Khách đến bày biện trước tiên, rồi mới trộn thêm rau cỏ thơm."*[4]

(Thế kỷ VIII) **Bản thảo thập di:** *"Trà Cao Lô làm thức uống [...] mọc trên các núi ở Nam Hải, người Nam cực ưa chuộng [...] Vùng Nam Hải gọi là Quá La, cũng có nơi gọi là Câu La, đều là tiếng của người man di."*[5]

Lại nói về việc phiên âm, tiếng Việt ta hiện nay chỉ có phụ âm đơn, song trở về ba bốn trăm năm trước, rất nhiều từ được đọc với phụ âm đôi. Chữ Nôm Việt cùng tiếng Mường hiện đều lưu dấu những cách đọc cổ đó. Ngay như cách ký âm tiếng Việt thế kỷ XVII của Alexandre de Rhodes qua *Từ điển Việt-Bồ-La* cũng có thể thấy được điều này. Tỉ như rất nhiều từ nay được đọc bằng phụ âm *tr* xưa kia được đọc là *cl, bl, tl,* con *blai* là

1. 皋盧, 皐蘆 cao lô, 瓜蘆qua lô, 過盧 quá lô, 過羅 quá la, 拘羅 câu la.

2. (Đường) *Thái Bình ngự lãm*. Nguyên văn:《太平御覽·卷867·廣州紀》酉平縣出皋盧，茗之別名，葉大而澀。南人以為飲。Dậu Bình, nay ở phía Tây huyện Huệ Dương, Quảng Đông.

3. (Đường) *Thái Bình ngự lãm*. Nguyên văn:《太平御覽·卷997·南越志》龍川縣出皋盧，味苦澀，南海謂之過盧，土人以為飲。今南海謂之過羅，或拘羅。Long Xuyên nay là huyện Long Xuyên, Quảng Đông.

4. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. Nguyên văn: 陸羽《茶經》其樹如瓜蘆 [...] 瓜蘆木，出廣州，似茶，至苦澀 [...] 桐君錄南方有瓜蘆木，亦似茗，至苦澀，取為屑茶飲亦可通夜不眠。煮鹽人但資此飲，而交廣最重，客來先設，乃加以香芼輩。

5. (Đường) *Thái Bình ngự lãm*. Nguyên văn:《太平御覽·卷867·本草拾遺》皋盧茗作飲 [...] 生南海諸山中，南人極重之 [...] 南海謂之過羅，或日物羅，皆夷語也。

con trai, ông *blời* là ông trời, *blánh* là tránh, *cleo* là trèo v.v Những từ lánh - tránh, leo - trèo, lộn - trộn, lồi - trồi, lụi - trụi trường nghĩa tương đồng hoặc rất gần gụi, bởi vốn dĩ những cặp từ ấy vốn cùng một gốc. Vậy nên mới có chuyện vùng đất Chèm ở Hà Nội được phiên viết ra chữ Hán là Từ Liêm, vốn xuất phát từ âm đọc bản địa */*tlem/*. Hay câu chuyện thành Cổ Loa, tòa thành theo truyền thuyết được xây theo hình trôn ốc, An Dương Vương xây mãi không được, về sau phải có móng rùa thần mới xây xong. *Loa* nghĩa là con ốc, nay mang nghĩa cái loa khuếch đại âm thanh. Song, kết quả khai quật thành Cổ Loa cho thấy, tòa thành vuông vức như các tòa thành thông thường, không hề có hình trôn ốc. Sau người ta mới vỡ lẽ, hóa ra Cổ Loa 古螺 chỉ là cái tên phiên âm. Trong *An Nam chí lược*, sách viết vào thời Trần, vùng đất ấy được phiên thành hai chữ Hán khác là 可縷 Khả Lũ. Nếu nay về tham quan vùng đất cổ này, hỏi thăm dân làng ở đây, người ta cho biết làng còn được gọi với tên dân gian là làng Chủ, xa xưa hẳn bắt nguồn từ âm đọc */*klu/*. Ai đó về sau phiên âm từ này thành hai chữ Hán *Cổ Loa*, khiến những người viết truyền thuyết mới dựa vào mặt chữ mà sáng tác câu chuyện tòa thành xây theo hình trôn ốc, kỳ thực vốn chẳng có mấy sự liên quan. Xét tưởng trường hợp Cao Lô không khác vậy là bao.

BLỞ MẠT LẠI : Quay mặt lại ai.

BLÓC : Bị tróc ra, gióc ra. *Sơn blóc ra* : Sơn bị tróc ra.

BLỐI : Chúc thư, làm chúc thư, trối.

BLỐI BLANG : Cùng một nghĩa.

BLỜI : Trời. *Mạt blời* : Mặt trời. *Sổ blời* : Cầu vồng. *Móũ blời* : Dấu hiệu bão táp trên trời.

TLÂU, CON TLÂU : Con trâu. *Rẫõ tlâu* : Giữ trâu. *Sẹo tlâu* : Dùi mũi trâu để dắt nó đi dễ dàng hơn bằng việc xỏ thừng vào mũi. X. *sẽu*.

TLẤU : Vỏ hạt thóc. Có người nói *trấu*.

TLE : Tre. *Tle hỏá, tle gai, tle la nga, tle gày* : Những loại tre khác nhau. *Mặt tle* : Nhánh đâm ra từ đốt tre. *Mang tle* : Mầm mọc ra từ chính gốc tre. *Blóũ tle* : Khoảng cách giữa hai đốt tre, gióng tre. *Róc mày tle* : Chặt, róc những đốt cây tre.

Một số phụ âm đôi, tiền thân của phụ âm *tr*, ghi nhận trong *Từ điển Việt - Bồ - La*.

Các tư liệu Trung Quốc ở các thế kỷ sau dần cho rằng Cao Lô chỉ có hình dạng giống cây trà cùng vài tính trạng tương tự, đặc biệt một số sách ghi chép sản vật địa phương đề cập tới cây khổ đinh đắng chát, xuất hiện ở vùng Lưỡng Quảng cho tới đảo Hải Nam Trung Quốc, đa phần

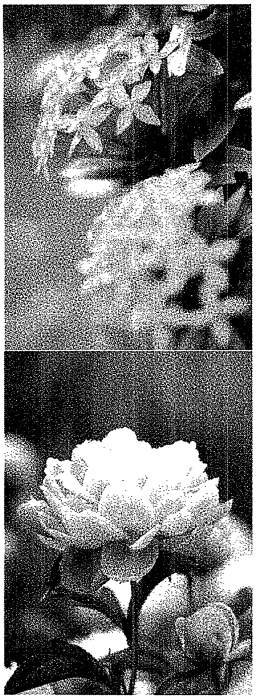

Mẫu đơn ta (Ixora) và mẫu đơn tàu (Peony) tuy cùng tên gọi, song là hai loài khác nhau.

đi kèm chú giải, khổ đinh là Cao Lô[1]. Các nhà trà học Trung Quốc hiện nay hầu hết đều nhất trí với nhận định này. *Khổ đinh* 苦丁 còn gọi *khổ đăng* 苦荼 là cây "chè" đắng, mọc ở một số vùng miền Bắc Việt Nam và phía Nam Trung Quốc, vốn không phải họ Chè (Camellia sinensis) mà thuộc họ Nhựa ruồi (Aquifoliaceae). Loại chè đắng gắt khó uống ở ta đề cập trong *Vân đài loại ngữ*[2] của Lê Quý Đôn hay *An Nam chí lược* của Lê Tắc chính là loại "chè" đắng này. Tuy nhiên, học giả Toyao Tadayuki cho rằng, vẫn có thể lý giải Cao Lô trong thư tịch cổ là cây chè hoang hoặc bán hoang, loại chè lá to phân bố ở vùng Tây Nam Trung Quốc. Chẳng qua tên gọi của nó gây lầm lẫn mà thôi[3].

Nói tới tên gọi gây lầm lẫn, danh xưng đồ ăn thức uống trong ẩm thực Việt là ví dụ điển hình, thể hiện rõ điều này. Tỉ như người miền Bắc gọi là chả nem, người miền Nam gọi là chả giò, còn người miền Trung lại gọi là chả ram chẳng hạn. Nếu chỉ gọi tên nem, người Nam lập tức liên tưởng tới nem thính vậy. Người ta vẫn tranh cãi xem tên gọi nào chuẩn, vùng miền nào có trước, song tôi đồ rằng tất cả kỳ thực vốn chung một gốc mà thôi. Cái gọi là chuẩn, chẳng qua chỉ là quy ước. Trước đây khi đọc *An Nam chí lược*, tôi để ý tới chi tiết người Việt thời Trần có tục vào *tiết Hàn thực, đem bánh cuốn tặng nhau*[4]. Lúc ấy tôi mới nghĩ, khái niệm bánh cuốn thời Trần là loại bánh gì, liệu có như bánh cuốn hiện nay không.

---

1. *Khảo thuật về trà Cao Lô*, dẫn theo *Nông nghiệp khảo cổ* 《农业考古》.1986. Tr.361

2. Lê Quý Đôn dẫn sách *Nghiên Bắc tạp chí* (thời Nguyên) trong *Vân đài loại ngữ* cho biết: "*Giao Chỉ sản trà như rêu xanh, vị cay gắt, tên gọi Đăng*" (Nguyên văn: 李仲賓學士言，交趾出茶如緑苔，味辛烈，名曰登).)

3. Giống trà thuộc biến chủng Assamica (var macrophylla) theo hệ thống phân loại của J.C. Sealy (1958), hoặc "trà đắng" lá to thuộc biến chủng Cao Lô (var macrophylla or kulusis) theo phân loại của Trang Vân Phương. (Toyao Tadayuki 鳥屋尾忠之. *Khảo chứng về câu đố Cao Lư*, dẫn theo *Trà diệp khoa học giản báo* 《茶叶科学简报》. Tr.39.

4. (Nguyên) Lê Tắc. *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 黎崱《安南志畧·卷一·風俗》寒食以捲餅相饋。Theo Lê Quý Đôn (*Vân đài loại ngữ*), vào tiết Hàn thực, người Việt thời Lê đã không còn ăn "bánh cuốn" nữa mà chuyển sang ăn bánh trôi nước như ngày nay.

Nhưng bánh cuốn hiện nay cũng có dăm bảy đường bánh cuốn. Hà Nội, Lạng Sơn, Cao Bằng v.v. mỗi vùng lại có mỗi kiểu bánh cuốn khác nhau. Trong khi chả nem, chả giò, chả ram chẳng phải cũng đều là dạng bánh trộn nhân cuốn lại đó sao? Xét kỹ danh xưng bánh cuốn, được dùng vào tiết Hàn thực, hẳn là loại bánh ít nhiều có nhân được cuốn lại và ăn nguội. Trong bài thơ vua Trần Nhân Tông viết tặng sứ thần nhà Nguyên nhân dịp tiết Hàn thực, ông gọi bánh cuốn là bánh xuân thái, cho biết xuân thái được sắp đầy trên mâm son, ăn loại bánh này vào tiết Hàn thực là *phong tục lâu đời* của người Việt[1]. Xuân thái trong sách *Chỉ Nam ngọc âm* thời Lê, khắc in năm 1641, được giải thích: "*nhiều nhân càng ngon, hiệu là* ***bánh cuốn*** *lăn tròn khéo thay*". Với những mô tả như vậy, bánh cuốn hoàn toàn có thể hiểu là nem cuốn, gỏi cuốn, bánh tráng cuốn, hay thậm chí là phở cuốn, bánh cuốn để nguội ngày nay. Tất cả vốn đều chung một gốc, cho thấy thói quen ẩm thực cố hữu của người Việt. Liệu Cao Lô cũng có thể được hiểu theo nhiều nghĩa tương tự?

"*Bán bánh quấn*" đầu thế kỷ XX. Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

Tại Nhật Bản, giống trà Cao Lô còn được gọi với cái tên khổ trà (trà đắng), Đường trà (trà Trung Quốc), sơn trà (trà núi), cũng có người gọi là Nam Man trà (trà của dân tộc thiểu số phía Nam)[2]. Giống trà này được di thực về trồng tại Nhật từ khi nào, không có ghi chép cụ thể, e khó có thể xác định. Có người cho rằng, Cao Lô hẳn được du nhập từ thời Đường, thế kỷ VII, theo chân những du học tăng Khiển Đường sứ; cũng lại có người cho rằng, Cao Lô hẳn được du nhập từ đầu thời Thanh, giữa thế kỷ XVII, quãng thời gian thuyền buôn Nhật vượt biển, buôn bán nhiều giống

1. (Trần) Lê Tắc. *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 黎崱《安南志畧·卷十九·安南名人詩·饋天使張顯卿春餅》況值今朝三月三，紅雪雕盤春菜餅，從來風俗舊安南。"*Hôm nay đúng ngày mồng ba tháng Ba* (tức tiết Hàn thực), *trên chiếc mâm sơn son nạm ngọc sắp bánh* ***xuân thái****, ấy là phong tục lâu đời của An Nam*".

2. Minoru Hashimoto, *Luận về giống trà Cao Lô*, dẫn theo *Phúc Kiến trà diệp*. Tr.11

Phụ nữ Nhật thưởng thức Chanoyu trong tranh của Mizuno Toshikata, năm 1897. Nguồn ảnh: Tokyo Metro Library.

trà với tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc[1]. Hai mốc thời gian này cách nhau những một ngàn năm, mốc nào cũng có cái lý và cả sự vô lý nhất định. Riêng tên gọi Cao Lô với biệt danh Đường trà, Nam Man trà, sơn trà, khổ trà, rõ ràng đều khớp với những mô tả cơ bản về Cao Lô trong thư tịch cổ Trung Hoa. Nhận thức này có lẽ bắt nguồn từ *Khiết trà dưỡng sinh ký* (Kissa yōjōki), thư tịch đầu tiên ghi chép về Cao Lô tại Nhật. Sư Eisai viết: "Quảng Châu ký *chép về Cao Lô, chính là trà vậy [...] Tên đẹp của trà là Cao Lô.*"[2] Ở đây cần lưu ý, trong văn bản gốc, *Quảng Châu ký* chép Cao Lô là "*tên gọi khác của trà*", còn ở *Khiết trà dưỡng sinh ký*, thiền sư Eisai đã chuyển thành "*tên đẹp của trà*", thay đổi hẳn sắc thái của từ Cao Lô. Có thể nói đây là cảm nhận ngôn ngữ chủ quan của thiền sư, mà tôi ngờ rằng, điều này còn ảnh hưởng tới cảm quan ngôn ngữ của những người Nhật say mê *Khiết trà dưỡng sinh ký* về sau.

Vậy Cao Lô, Qua Lô, Quá La, những cái tên xuất phát từ ngôn ngữ của "*người man di*", cụ thể bắt nguồn từ ngôn ngữ của tộc người nào, có ý nghĩa gì đặc biệt? Nghiên cứu *Khảo về từ nguyên của Giả và Cao Lô được dùng để gọi trà* của giáo sư ngữ âm học lịch sử Lý Cẩm Phương[3], phát biểu năm 2005 tại Trung Quốc, đã đưa ra chứng lý khá thuyết phục cho vấn đề này. Dựa vào tên gọi khác của trà là 檟 /ka/ (âm Hán Việt là "giả") cùng các tên phiên âm Cao Lô, Qua Lô, Quá La, Câu La, giáo sư truy lại âm đọc thượng cổ của nhóm cặp đôi chữ Hán này là /*ka*lwa/, từ đó phục dựng

1. *Khảo thuật về trà Cao Lô*, dẫn theo *Nông nghiệp khảo cổ* 《农业考古》. 1986. Tr.366

2. (Nhật) Minh Am Vinh Tây. *Khiết trà dưỡng sinh ký*. Nguyên văn: 明菴栄西《喫茶養生記・卷之上・一茶名字》廣州記曰皐盧，茶也 [...] 茶美名云皐盧。(Tr.15).

3. GS. Lý Cẩm Phương 李锦芳 hiện là Viện trưởng Viện nghiên cứu Choang - Động học, thuộc Đại học dân tộc Trung Ương, Trung Quốc.

nên hình thức nguyên thủy /*gla/ với quá trình diễn biến ngữ âm: *gla –> *kla –>*ka, *la. Sau khi khảo sát ngôn ngữ của các dân tộc phía Nam Trung Quốc, giáo sư nhận thấy chỉ có từ **trà** và **thuốc** trong nhóm ngôn ngữ Thái-Kadai vẫn bảo lưu cách đọc gần gũi với hình thức nguyên thủy phục dựng. Nhiều tiểu vùng phương ngữ Thái ở khu vực Nam Trung Hoa và Bắc Việt Nam gọi trà và thuốc là /la/, /ku/, /kja/, /kau/, /lo/[1]. Đặc biệt, tiếng Mộc Lao giữ cả hai từ đơn gọi trà là /kə33/ hoặc /lu21/, gọi thuốc là /kɣa2/ hoặc /lo35/. Từ những chứng cứ ngôn ngữ trên, giáo sư nhận định, tên gọi Cao Lô có nguồn gốc từ tiếng Thái-Kadai trong cộng đồng Bách Việt phương Nam, đây cũng là một trong những cộng đồng dân tộc "*uống trà sớm nhất*", thoạt kỳ thủy, sử dụng trà như vị thuốc[2].

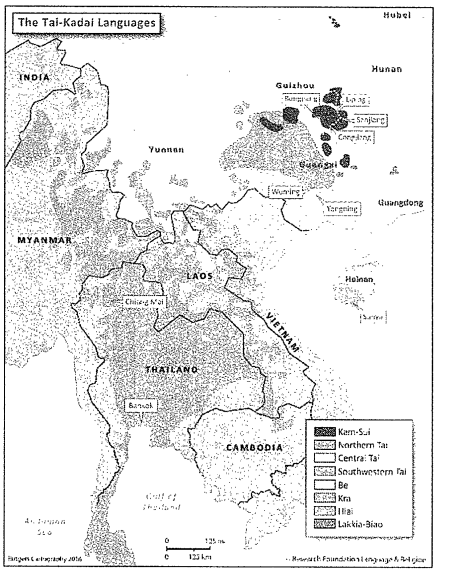

Ngữ hệ Thái-Kadai (nhóm Thái gồm tiếng Tày, Thái, Nùng, Sán Chay, Giáy, Lào, Lự, Bố Y; nhóm Kadai gồm La Chí, La Ha, Cơ Lao, Pu Péo).

Với những chứng lý đã trình bày, tôi cho rằng /*ka*lwa/ (Cao Lô hay Qua Lô) xuất phát từ ngôn ngữ Thái-Kadai vốn được dùng để chỉ cây chè hoang lá to, phân bố ở khu vực Bắc Việt Nam và Nam Trung Quốc. Trong quá trình người Hoa Hạ tiếp xúc, hấp thu văn hóa của các dân tộc xung quanh, đã du nhập trà cùng những từ chỉ trà như *đồ* 荼, *suyễn* 荈, *thiết* 啜 trong tiếng Thục-Tứ Xuyên, hay *giả* 檟, *cao lô* 皋盧 trong cộng đồng ngôn ngữ Thái-Kadai khu vực Vân Nam, Lưỡng Quảng, Bắc Việt. Kế đến, từ những mô tả của người Hoa quãng thế kỷ IV, V, trải qua trăm ngàn năm sau, Cao Lô hoàn toàn có thể được đoán định là cây chè hoang hay cây chè đắng, thậm chí là các loại chè lá to có vị đắng chát

1. Như từ trà trong tiếng Thái vùng Xi Xoong Bản Na đọc là /la4/, tiếng Pu Péo /la33/, tiếng Choang vùng Đức Bảo /kja2/, tiếng Cờ Lao trắng huyện Ma Lật Pha /kau33/, tiếng Cờ Lao đỏ vùng biên giới Trung-Việt /ku35/ v.v. Bên cạnh đó, từ thuốc trong tiếng La Chí là /lo35/, tiếng Cơ Lao vùng Trinh Phong là /kja35/, tiếng Cơ Lao huyện Ma Lật Pha là /kau33/, tiếng Cơ Lao vùng Tam Xung là /la35/v.v.

2. *Khảo về từ nguyên của Giả và Cao Lô được dùng để gọi trà* 《茶称"檟"、"皋卢"语源考》, dẫn theo *Cổ Hán ngữ nghiên cứu* 《古汉语研究》. Tr.77-79.

như chè Truồi, chè Bạng, chè cam khổ theo đoán định của một số trí thức Việt Nam thời Nguyễn sau này.

Chính bởi xuất phát từ tri giác cảm tính cùng suy tưởng võ đoán, nhiều khi nhận thức, cảm quan của người sáng tác và người đón nhận đối với cùng một "tác phẩm" không phải luôn đồng nhất. Đó cũng là lý do khiến các sách chú giải kinh điển tôn giáo càng về sau càng đa dạng phức tạp, tạo nên nhiều tông phái với nhận thức đặc thù. Song, chính sự phức tạp mới là cuộc sống, tính đa dạng là bản chất của di truyền, còn sự suy diễn là đặc trưng của não bộ người. Câu đố Cao Lô vẫn chấp nhận nhiều đáp án, một danh xưng có thể chỉ nhiều sự vật khác nhau, trà vẫn cho nhiều biến chủng tùy thổ nhưỡng khí hậu.

Chồi chè cổ thụ Hà Giang.
Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

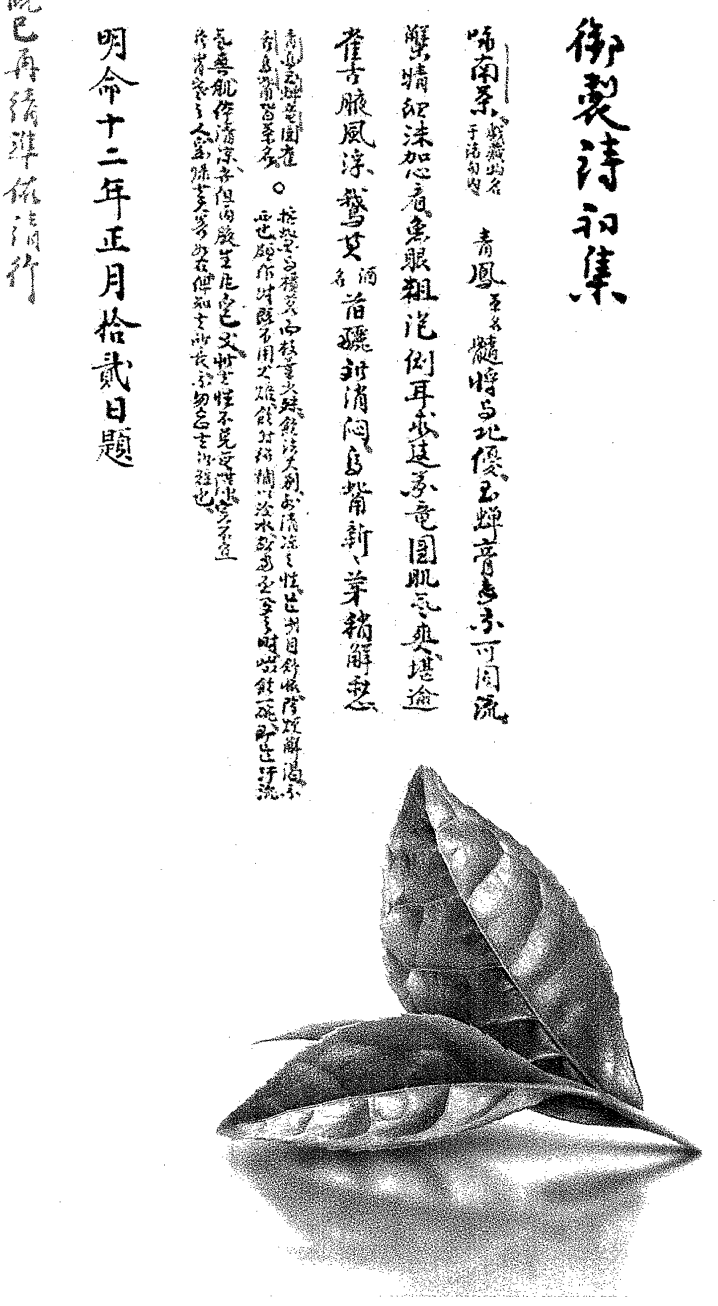

御製詩初集

明命十二年正月拾貳日題

Nguyên văn bài thơ *Vịnh Nam trà* cùng các dòng chú thích của hoàng đế Minh Mạng, chép trong *Ngự chế thi sơ tập* (tập thơ được hoàn thành năm 1832).

NAM TRÀ QUỐC TÚY

Sự phổ biến của chè tươi

"Trà ơi! Còn nước là vinh hạnh.
Cháy lưỡi khô môi thảm những ai."
(Nguyễn) Phan Bội Châu, *Gọi trà*

Trong dòng văn học trung đại Việt Nam, tôi thích giọng thơ hào sảng, nhiều khi ngông nghênh, phá cách của Cao Bá Quát. Những bài thơ rượu ông viết, có thể nói đã choán riêng một đỉnh cao, trước và sau ông, chưa thấy ai hơn được. Kỳ thực, Cao Chu Thần không chỉ là khách quen trong làng rượu, mà giữa chiếu trà, ông cũng chễm chệ chiếm một chỗ ngồi với tư cách trà nhân sành sỏi, nếm thưởng đủ phong vị Bắc Nam. Chu Thần thích trà, chẳng phân trà tàu hay chè tươi, bất kể ướp hoa sen hay ướp hoa mộc. Cuộc đời trà nhân của họ Cao sẽ còn tốn nhiều lời ở các phần sau. Ở đây như quãng dư âm vang vọng của giai điệu cổ Cao Lô, không thể không nhắc tới bài thơ *Tạp hứng* thứ hai, ông viết sau khi thưởng thức loại chè Bạng

Ghi chép về trà trong *Chỉ Nam ngọc âm* (khắc in năm 1641): "*Hảo trà, trà lộc lấy và tiến dâng*", tức loại chè ngon được dâng lên cung đình nhà Lê phải là những lộc chè non.

cổ truyền pha theo lối Huế, kèm lời chú thích: *Chè Bạng, tên là Qua Lô, một tên khác là Cao Lô. Chè Bạng Lâm Tiên, thời Lê hằng năm đều dành sẵn tiến vua.*

"Nhất ác Cao Lô hoạt hỏa thường, bát phân sinh thủy nhị phân thang.
Lâm Tiên phong vị tri đa thiểu, bất hướng lân ông khất nộn khương."
Một nắm Cao Lô đun trên bếp lửa; tám phần nước nguội, hai phần nước sôi.
Mùi vị Lâm Tiên ngon biết mấy; khỏi phải sang ông hàng xóm xin gừng non[1].

Đây là bài thơ đặc biệt. Sự đặc biệt không nằm ở ngôn từ trau chuốt hay ý vị sâu xa. Trái lại, mọi thứ đều mộc mạc, dung dị, hệt như thứ nước chè Bạng ông uống vậy. Vẻn vẹn bốn câu thơ, kèm một dòng chú thích, Cao Chu Thần đề cập tới danh xưng cổ Cao Lô liên hệ với chè Bạng vùng Lâm Tiên, được pha chế theo lối uống chè xanh từ Huế trở vào Hội An, trộn lẫn nước cốt sôi với nước nguội, đôi khi thả thêm củ gừng non đun trong nồi cho thơm nước, ấm bụng.

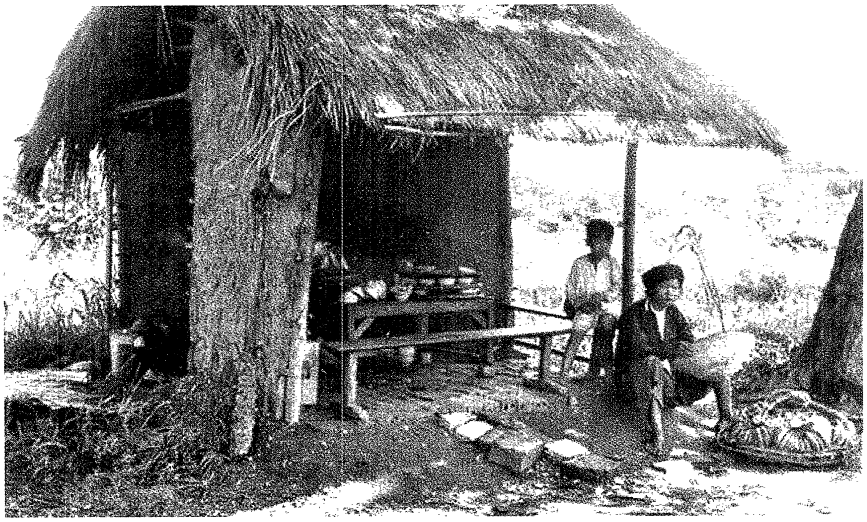

Quán nước ở Hà Nội đầu thế kỷ XX.

1. Nguyên văn: 高伯适《雜興·其二》一握皋盧活火嘗，八分生水二分湯。臨仙風味知多少，不向鄰翁乞嫩薑。原註：蚌茶，名瓜盧，一名皋盧。臨仙蚌茶，黎時歲備上進. Dịch thơ: *Cao Lô một nắm lửa đun dài, nước nguội tám phần, nước nóng hai. Mùi vị Lâm Tiên đằm biết mấy, xin gừng thôi khỏi hỏi nhà ai.*

Quãng cuối thế kỷ XIX, mặc dù giá trà tàu nhập về rất rẻ nhưng người ưa thích vẫn chỉ giới hạn trong một bộ phận *"quyền môn thế tộc"*[1], dân gian Việt Nam bao đời riêng chuộng nước chè xanh. Khắp cây đa bến nước, đi đâu cũng thấy quán chè, tự xưa đã vậy, dần dà hình thành nên thói quen ẩm thực cố hữu của người Việt, truyền nối đến tận ngày nay. Chẳng đâu như Việt Nam, đầu đường cuối phố nhan nhản những quán cóc, tuy sơ sài với dăm ba cái ghế con cùng chiếc bàn lỡ cỡ, bày la liệt cốc chén hộp lọ, nhưng chè nước khi nào cũng sẵn.

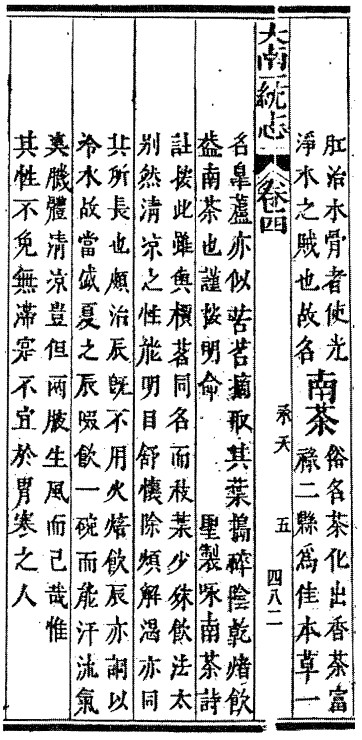
大南統志 卷四 承天 五 四八二

肛治水骨者使光淨水之賊也故名南茶俗名茶化出香茶富祿二縣爲佳本草一名皐蘆亦似苦茗摘取其葉搗碎陰乾煮飲蓋南茶也謹按明命聖製咏南茶詩註按此雖與櫃茗同名而枝葉少殊飲法太別然清涼之性能明目舒懷除煩解渴亦同其所長也頗治辰既不用火焙飲辰亦調以冷水故當盛夏之辰啜飲一碗而能汗流氣爽機體清涼豈但兩腋生風而已哉惟其性不免無滯寒不宜於胃寒之人

Ghi chép về Nam trà trong *Đại Nam nhất thống chí*.

Theo quan niệm của người Việt bấy giờ, các loại chè mộc trực tiếp hái lá tươi chế biến sơ qua được gọi là chè xanh, chè tươi, Nam trà, đối lập với dòng chè khô sao sấy tinh chế, có hương thơm, gọi chung là trà/chè tàu, Bắc trà hay Bắc mính[2]. Nam trà tùy vùng sản chè ngon, lại mang những cái tên khác nhau như chè Huế, chè Truồi, chè Bạng, chè Thủ, chè Gay v.v. Mặc dù vẫn cùng là một giống trà nhưng được trồng ở miền trung du, để phát triển tự nhiên, chịu cái nắng nóng oi ả của mùa hè, nên Nam trà cho lá to, vị chát hơn, khiến những trí thức đọc rộng ở ta mới liên hệ tới danh xưng Cao Lô trong thư tịch cổ. Như Cao Bá Quát coi Cao Lô là chè Bạng, Trương Quốc Dụng cho là chè cam khổ, còn Quốc sử quán triều Nguyễn lại nhận định là chè Huế.

1. (Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút*. Nguyên văn: 范廷琥《雨中隨筆》北茶價錢賤而好之亦寡，惟權門世族乃有之。

2. Trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ khi nhắc tới chè tươi gọi là **Nam trà**, trà tàu gọi là **Bắc trà** hoặc **Bắc mính**. *Văn minh Việt Nam* (Nguyễn Văn Huyên, tr.211) viết: "*Họ cũng uống rất nhiều chè đủ loại: ... **chè tươi** hay **chè xanh**." An Nam phong tục sách* (Đoàn Triển, tr.81) viết: "*Khách đến chơi nhà... có **thanh trà (chè xanh)**, tựu trung thì **Bắc trà (chè Tàu)** là ngon nhất.*" *Connaissance du Viet-nam* (Pierre Huard & Maurice Durand, tr.205) giải thích: "*Le thé chinois (chè Trung Quốc): **chè Tàu**. Le thé vietnamien vert (chè xanh Việt Nam): **chè tươi**.*"

"Phượng Tủy cùng đem sánh hạng ưu, Ngọc Thiền Cao cũng đáng giao lưu
Tăm cua hạt nhỏ nhìn cho kỹ, mắt cá bọt to dõi thật lâu.
Vượt hẳn Long đoàn người sảng khoái, hơn xa Tước Thiệt gió phiêu du[1]
Nga Hoàng rượu cũ nguyên phiền muộn, Ô Chủy búp non khá giải sầu."

Nguyên chú: *Phượng Tủy, Ngọc Thiền Cao, Long đoàn, Tước Thiệt, Ô Chủy đều là tên trà Trung Quốc.*

(Nguyễn) Hoàng đế Minh Mạng (1791-1841), *Vịnh Nam trà*

"Sọt để chè tươi", "bỏ chè vào sọt vuông", việc buôn bán lá chè tươi đầu thế kỷ XX minh họa trong *Kỹ thuật của người An Nam*.

Năm Giáp Ngọ (1774) thời Lê Cảnh Hưng, Phạm Đình Hổ theo cha về sống ở phường Hà Khẩu (nay là phố Chợ Gạo, Hàng Buồm). Ông kể bấy giờ liền mấy năm được mùa, vật giá rất rẻ, hai bát chè tươi cỡ lớn với hai miếng trầu chỉ phải trả nhõn một đồng, bằng tiền mua hai thanh kẹo[2]. Chè tươi nhắc tới ở đây, trong bản gốc chữ Hán, ông dùng hai chữ *Nam trà*. Đây là sử liệu sớm nhất xuất hiện tên gọi Nam trà để chỉ chè tươi, chè xanh. Trong các sách *Đại Nam nhất thống chí* (1882), *Đồng Khánh dư địa chí* (1887-1907), khi liệt kê sản vật trà địa phương trong khắp cả nước, các tác giả cũng nhất quán sử dụng danh xưng này. Đặc biệt, *Đại Nam nhất thống chí* khi viết về Nam trà sản ở huyện Hương Trà, Phú Lộc, cho biết dân gian gọi là chè Huế; sản ở huyện Kim Anh, Đông Ngàn thì dân gian gọi là chè Bạng. Đủ thấy Nam trà hay chè Huế, chè Bạng thực chất đều chỉ chung một giống chè trung du bản địa; tên gọi Huế hay Bạng vốn chỉ là địa danh. Tuy nhiên sau khi được sơ chế, chè Huế và chè Bạng không còn là dạng lá chè tươi thông thường như ở các vùng miền khác.

1. Gió phiêu du: nguyên văn là "dịch phong phù" (gió bên nách nổi lên), lấy ý từ *Thất oản trà ca* của Lư Đồng.
2. (Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ - *Vũ trung tùy bút*. 范廷琥《雨中隨筆》景興甲午先大夫從西承歸，居河口坊宅。時天下承平，比歲豐稔。市廛間，物價甚賤。密熬二枚值錢一文。南茶二大碗、芙蓉二口值亦如之。

"Xe khách giữa trưa đỗ giậu nhà, tóc nàng sơn nữ chẳng gài hoa,
Bích đào rụng hết, lan già cỗi; chỉ hái dâu non với hái trà."

(Nguyễn) Tuy Lý vương Miên Trinh, *Đi qua nhà trên núi*[1]

Giám mục Aj.L. Taberd (1794-1840) giải thích chè Huế là chè An Nam, người An Nam đem sắc lá uống[2]. *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: *"Nam trà, dân gian gọi là chè Huế, xuất ở hai huyện Hương Trà, Phú Lộc là ngon. Sách* Bản thảo *có tên cây Cao Lô, cũng tựa trà đắng,* ***hái lấy lá cây, giã nát, phơi trong bóng râm*** *rồi đun uống, hẳn là Nam trà vậy. Kính cẩn dựa theo lời chú thích trong bài thơ* Vịnh Nam trà *của hoàng đế Minh Mạng, vua viết: Loại trà này tuy cùng tên với giả mính (tức trà), nhưng cành lá có hơi khác, cách uống thì quá khác biệt... Trà này không dùng lửa sấy, lúc uống lại điều chế thêm nước lạnh."*[3]

Các con mời trà và chúc Tết cha đầu năm mới (đầu thế kỷ XX).

Huế đương thời là chốn đế kinh, từ thời chúa Nguyễn đã là mảnh đất hội tụ nhân tài, gây dựng văn minh, tuy có trở ngại về địa lý cũng như sự chia cách tâm thức đồng nhất đối với người dân Bắc hà trước kia, song sự ảnh hưởng của văn hóa Huế, bao gồm ẩm thực, lại lan tỏa rộng rãi, âm thầm tới nhiều miền đất xung quanh, đặc biệt là miền Trung

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tuy Lý vương.
2. *Dictionarium Annamitico-Latinum*. Tr.60, tr.640.
3. (Nguyễn) *Đại Nam nhất thống chí* - Phủ Thừa Thiên. Nguyên văn: 《大南一統志•卷四•承天府•土產•四八一》南茶，俗名茶化，出香茶、富祿二縣為佳。本草名皐蘆，亦似苦茗，摘取其葉，搗碎陰乾煮飲，蓋南茶也。謹按明命聖製咏南茶詩註。按此雖與檟茗同名而枝葉少殊，飲法太別 [...] 既不用火焙，飲辰亦調以冷水。

và Nam kỳ. Trịnh Hoài Đức (1765-1825) cho biết thói tục ở Sài Gòn đầu thời Nguyễn hay uống chè Huế[1]. Phan Bội Châu (1867 - 1940) trong bài thơ *Gọi trà*, có câu: *"Chẳng tàu thì Huế tha hồ thú"*, cho thấy phần nào sức ảnh hưởng rộng rãi, thậm chí trở thành trào lưu của thú uống trà tàu và chè Huế quãng đầu thế kỷ XX ở Việt Nam. Người xứ Quảng và người miền Nam gần đây vẫn gọi nước chè tươi là chè Huế. Huình Tịnh Paulus Của (1830-1908) định nghĩa: "**Chè Huế**: *trà đất Huế, lớn lá, cũng hiểu chung về trà Nam kỳ.* **Trà Thủ**: *Trà trồng tại Thủ Dầu Một, cũng hiểu là các thứ chè ở tại Nam kỳ.*"[2] Chứng tỏ nguồn gốc giống chè cùng kỹ thuật gieo trồng, chế tác ở Nam kỳ được di thực và du nhập từ miền Trung.

*"**Nhứt quân tử**, ăn mứt gừng, **uống nước chè tàu**,*
ngồi chiếu bông, nằm nhà trong, đánh cờ tiên.
***Nhì quân tử**, ăn thịt trâu, **uống nước chè Huế**,*
ngồi chiếu kế, nằm nhà giữa, đánh cờ tướng.
***Tam quân tử**, ăn cơm nguội, **uống nước lạnh**,*
ngồi chiếu manh, nằm nhà ngoài, đánh cờ chó[3]*."*

Tục ngữ Sài Gòn cuối thế kỷ XIX

Chè Huế xuất ở huyện Phú Lộc được ghi nhận trong *Đại Nam nhất thống chí* đến nay vẫn là thức uống không thể thiếu trong đời sống thường ngày của người dân nơi đây. Từng bó lá chè vẫn được bán khắp các chợ đầu mối, được gọi với tên chè Truồi, xuất ở vùng Truồi, xã Lộc An, huyện Phú Lộc.

Bên cạnh sự lan tỏa rộng khắp của lối uống chè Huế ở miền Trung và Nam kỳ; ngoài Bắc, không thể không nhắc tới chè Bạng, danh trà xuất hiện lần đầu tiên trong *Nam dược thần hiệu* của thiền sư Tuệ Tĩnh (1330-1400), được khắc in vào năm 1761, triều vua Lê Hiển Tông. Thiền sư viết: *"Mính trà tục gọi là chè Bạng. Ngọt đắng hơi hàn, lợi cho tạng. Giải nhiệt, gió*

1. (Nguyễn) Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. Tr.384. Nguyên văn: 鄭懷德《嘉定城通志•卷四•風俗志》能飲順化茶。
2. (Nguyễn) Huình Tịnh Paulus Của. *Đại Nam quấc âm tự vị*. 1895. Tr.17
3. (Nguyễn) *Thông loại khóa trình*. Trương Vĩnh Ký. Tr.4.

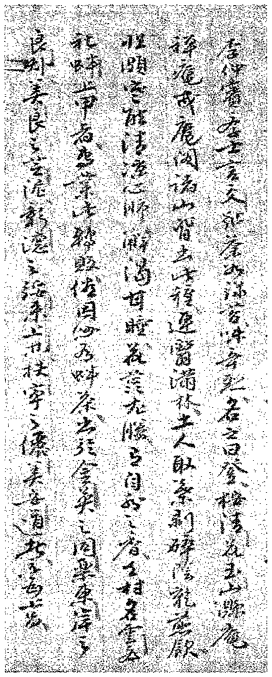

Ghi chép về chè Bạng trong *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn.

thanh nhẹ mắt, đầu. Hạ đờm, trị kiết, tiêu hóa chóng"[1]. Năm 1773, trong *Vân đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn cho biết trà mọc đầy rừng, quanh các núi Am Thiền, Am Giới, Am Các ở Thanh Hóa, người "thổ" ***hái lá giã nát, phơi trong bóng râm, đun uống***. Nhị hoa có mùi hương tự nhiên, lại được coi quý hơn cả. Có làng tên Vân Trai ở giáp Bạng Thượng chuyên buôn bán loại trà này, dân gian gọi là chè Bạng[2].

Như vậy, tên chè Bạng vốn bắt nguồn từ tên giáp Bạng Thượng ở huyện Tĩnh Gia[3], Thanh Hóa, với quy trình chế tác đơn giản, tương tự như chè Huế: giã nát làm vỡ tế bào, để lên men, phơi ở nhiệt độ thấp. Chè Bạng bấy giờ được buôn bán trên nhiều tỉnh thành miền Bắc, kéo theo sự sản xuất dạng chè tương tự ở các làng thuộc Bắc Ninh, Hưng Yên, Sơn Tây. Cũng theo Lê Quý Đôn, các làng Đồng Lạc ở huyện Kim Hoa (Kim Anh), Lương Quy huyện Đông Ngàn, Chi Nê huyện Mỹ Lương, Tuy Lai và Thượng Lâm huyện Chương Đức, Lệ Mỹ và An Đạo huyện Phù Ninh (Phù Khang) đều trồng và xuất chè Bạng. Chè Bạng ở những làng này được coi là thượng phẩm[4]. Quốc sử quán triều Nguyễn cũng ghi nhận Nam trà sản ở hai

---

1. (Trần) Tuệ Tĩnh. *Nam dược thần hiệu*. Nguyên văn: 慧靜《南藥神效・卷首・二十二》茗茶俗号羅茶棒，甘苦微寒，多利臟，去熱，清風爽目頭，下痰瘴痢，食消暢。Ở đây cần nói thêm, nguyên văn chữ Nôm 棒 vốn có thể cho nhiều âm đọc như bổng, bọng, bộng. Trong văn bản *Nam dược thần hiệu* này, nằm trong chỉnh thể bài thơ được gieo vần với chữ Tạng, Sướng/sáng. Đặc biệt, mục từ 茶棒 được thu lục trong *Dictionarium Annamitico-Latinum* in năm 1838, với lời giải nghĩa "Teucrium thea" (Tr.626). Trong từ điển *Dictionnaire classique d'histoire naturelle*, in năm 1823, cho biết, "Cay che baong, le Teucrium thea, Lour." (Tr.287). Qua đó có thể phiên đọc 棒 là bạng. Trong các văn bản của Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát và Quốc sử quán triều Nguyễn về sau được viết là 蚌. Tôi cho đây là tên Nôm, bởi vậy cho phép nhiều cách ký âm, 茶棒 hay 蚌茶 chỉ cùng một loại trà mà thôi.

2. (Lê) Lê Quý Đôn. *Vân đài loại ngữ*. Nguyên văn: 黎貴敦《芸臺類語•品物》按清花玉山縣庵禪、庵戒、庵閣諸山皆出此種，連翳滿林。土人取葉搗碎，陰乾煎飲，性頗寒，能清涼心肺，解渴甘睡。花藥尤勝，有自然之香。有村名雲齋蚌上甲者，專業轉販，俗因呼為蚌茶。

3. Theo nhà nghiên cứu Hoàng Tuấn Phổ (*Thanh Hóa nghìn xưa lưu dấu*), các núi Am Thiền, Am Các và làng Vân Trai nay đều thuộc huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

4. (Lê) Lê Quý Đôn. *Vân đài loại ngữ*. Nguyên văn: 黎貴敦《芸臺類語•品物》蚌茶，出於金英（花）之同樂，東岸之良規，美良之芝泥，彰德之綏來上林，扶寧（康）之儷美安道者亦為上品。

huyện Kim Anh và Đông Ngàn ngon, dân gian gọi là chè Bạng[1]. Chè Bạng thường được trồng khá nhiều ở vườn nhà các huyện Thần Khê, Diên Hà thuộc tỉnh Hưng Yên, song chất lượng không thật tốt[2]. Cao Bá Quát nhắc đến địa danh Lâm Tiên trong bài thơ *Tạp hứng*, đồng thời cho biết chè Bạng Lâm Tiên hằng năm đều được tiến cống vào triều đình vua Lê. Lâm Tiên nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội, từ thời Nguyễn trở về trước, huyện Đông Anh bao gồm phần đất thuộc huyện Kim Hoa và huyện Đông Ngàn, khớp với ghi nhận của *Vân đài loại ngữ* và *Đại Nam nhất thống chí*.

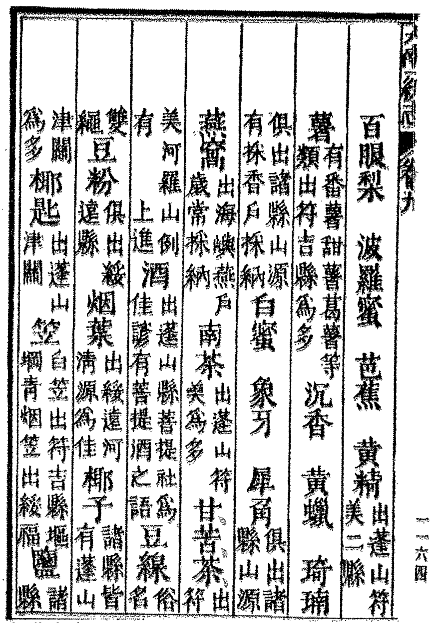
百服梨 波羅蜜 芭蕉 黃精 出蓬山符美二縣
薯 有番薯甜薯葛薯等類出符吉縣為多 沉香 黃蠟 玳瑁
俱出諸縣山源有採香戶採納 白蜜 象牙 犀角 俱出諸縣山源
燕窩 出海嶼燕戶歲常採納 南茶 出蓬山符美為多 甘苦茶 出符
美河羅山例有上進 酒 出蓬山縣菩提社為佳諺有菩提酒之語 豆綠 俗名
雙豆粉 俱出綏遠縣 烟葉 出綏遠河清源為佳 椰子 諸縣皆有蓬山
津關為多 椰匙 出蓬山津關 笠 白笠出符吉縣擱青烟笠出綏福 鹽 諸縣

Ghi chép về chè cam khổ trong *Đại Nam Nhất thống chí.*

Cũng được đoán định là Cao Lô, đồng thời là một trong những danh trà tiến vua, *Đại Nam nhất thống chí* cho biết, chè cam khổ (ngọt-đắng) xuất ở huyện Phù Mỹ và vùng núi Hà Ra (huyện Phù Cát), hằng năm có lệ tiến cống[3]. Theo nhà thơ Quách Tấn (1910-1992), đây vốn là chè hoang mọc trong rừng, lá to, cọng lớn, cho vị đắng, hương nồng, hơi có mùi mốc, sau khi uống xong mới lưu lại vị ngọt và thơm trong cổ họng. Tháng Ba, tháng Chín hằng năm, người dân nơi đây hái đưa về Huế[4]. Chính bởi những đặc tính này, đại học sĩ Trương Quốc Dụng (1797-1864) lại liên hệ tới Cao Lô: *"Trà, từ Bình Định trở ra Bắc nơi nào cũng trồng, từ Phú Yên trở vào thì không. Trong đó có một loại chè cam khổ, Bình Định nhiều nhất, Thừa Thiên, Thanh Hóa cũng có. Sách* Quảng bác vật chí *chép: 'Cao Lô là tên gọi khác của trà.' Sách* Bản thảo *chú thích rằng: 'Cao Lô*

1. (Nguyễn) *Đại Nam nhất thống chí.* Nguyên văn:《大南一統志•卷三十八•北寧•土產》南茶金英、東岸二縣為佳。俗名蚌茶。

2. (Nguyễn) *Đồng Khánh dư địa chí.* Nguyên văn:《同慶輿地誌•興安省•產物•2a》園宅神溪、延河多樹蚌茶。35b延河縣併攝興仁縣。民間園宅，常樹蚌茶，但不甚佳。

3. (Nguyễn) *Đại Nam nhất thống chí.* Nguyên văn:《大南一統志•卷九•平定•土產》南茶出蓬山、符美為多。甘苦茶出符美、河羅山，例有上進。

4. *Nước non Bình Định.* Tr.362.

không phải trà. Lấy một miếng bỏ vào trong ấm, vị cực đắng, bỏ ít thì ngược lại có vị ngọt'. Tức là nó." Sau những năm tháng chiến tranh, chè cam khổ Bình Định nay đã mất dấu tích, cũng có nhiều người nặng lòng, lặn lội vào rừng tìm kiếm, hòng nhặt nhạnh những *"lấp lánh"* trong câu chuyện kể ngày xưa, nhưng kết quả vẫn trắng tay ra về. Một số cụ già vùng Vạn Hội lại kể có hai giống trà cam và trà khổ, người ta hái rồi trộn với tỷ lệ hai phần lá ngọt, một phần lá đắng[1], dường như không khớp với những ghi nhận trong thư tịch xưa. Thực hư ra sao nhất thời khó đoán định. Có điều, một khi đã là "chè" hoang mọc tự nhiên, chắc hẳn *"chỉ trong núi ấy đâu xa, vì mây phủ kín biết là nơi nao"*[2]. Hy vọng một ngày không xa, người ta có thể tìm lại được giống trà từng được đem tiến vua này.

"Đỉnh núi mười năm dựng trại. Chè xanh đến mấy trăm cây[3]".

La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp (1723-1804),
Nhớ non xưa

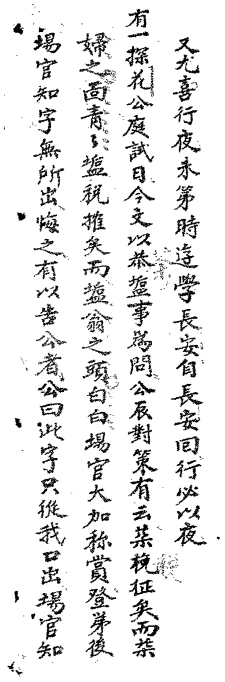

Thuế chè tươi đề cập trong
Đăng khoa lục sưu giảng.

Chè xanh là thức uống phổ biến lâu đời của người dân Việt, nhu cầu có lẽ chưa khi nào suy giảm. Song ngặt vì là thức uống phổ thông, lại được đem trồng trong nhiều vườn hộ gia đình, thành ra nhà nước muốn triển khai thu thuế cũng không phải việc dễ dàng. Năm 1724, năm thứ 5 niên hiệu Bảo Thái thời vua Lê Dụ Tông, nhà Lê mới lần đầu tiên thu thuế chè. Nội dung thuế lệ quy định năm 1724 áp dụng cho hạng mục thổ sản từ trước chưa đánh thuế, trong đó liệt tên lá chè[4]. Nhà nghiên cứu Nishimura cho rằng thuế lệ này là

1. *Biệt dấu trà cam khổ*. Lê Viết Thọ. 2005. (baobinhdinh.com.vn/datnuoc-connguoi/2005/12/19547/)
2. Thơ Giả Đảo.
3. (Tây Sơn) Nguyễn Thiếp. *Tư cố sơn.* Nguyên văn: 阮浹《思故山》山頂十年寨，青荼數百株。Dẫn theo *La Sơn phu tử* (Hoàng Xuân Hãn, tr.773).
4. (Lê-Nguyễn) Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nguyên văn: 潘輝注《歷朝憲章類志•國用志•卷三十一•徵權之課•土產67》裕宗保泰五年，租庸各例既定。凡諸土產，昔無今有，隨其所宜，從中參酌平價准定，除租庸錢有差。用物類：茶葉。

nhằm vào dòng chè nhập từ Trung Quốc[1]. Tuy nhiên, giai đoạn cuối Lê trung hưng, Phạm Đình Hổ cho hay, giá trà tàu rẻ mà người ưa chuộng ít. Lại xét tổng thể nhu cầu sử dụng chè tươi trong dân gian, tôi cho rằng thuế lệ này đánh vào lá chè tươi. Sách *Đăng khoa lục sưu giảng* chép câu chuyện kể về một vị thám hoa thời Lê (khuyết danh), khi thi đình được hỏi về lệ thuế chè, thuế muối mới áp dụng trưng thu, đã viết vào bài thi mấy câu: *"Thuế chè đã thu, mặt bà bán chè xanh lét. Thuế muối đã đánh, đầu ông buôn muối bạc phơ."*[2] Dù không rõ niên đại, nhưng có lẽ mấy câu này chỉ thuế lệ năm 1724. Triều Nguyễn sau đó cũng thu thuế chè tươi, song chưa thấy ghi chép cụ thể. Chỉ biết *Đại Nam nhất thống chí* ghi nhận các xã Đồng Diên, Trà Châu, Bồng Lãng ở huyện Thanh Liêm, Hà Nội, trồng chè xanh và đã đóng thuế[3].

"Trà vườn đơm lá nõn, chim hót bên giậu hoa,
Vạn vật theo tự tính, di dưỡng tâm tình ta."

(Nguyễn) Phạm Phú Thứ, *Bệnh khỏi mừng vì trời tạnh*

Như vậy, có thể thấy trước khi cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thay đổi dẫn đến sự xuất hiện của tầng lớp thị dân, trước khi có sự lan tỏa của thú uống trà tàu kiểu cách cùng sự phát triển rộng rãi của dòng chè khô trong khoảng nửa đầu thế kỷ XX, Việt Nam vẫn là xứ sở của lá chè xanh, với nhiều cách thức pha nấu dân dã, song cũng hết sức đặc trưng. Phần nào đúng như nhà văn Võ Phiến (1925-2015) mô tả trong thiên tùy bút *Hạt bọt trà*, quanh vùng thôn quê nghèo nàn miền Trung, trong cái xã hội lam lũ đầu tắt mặt tối, ông *"chưa được nghe câu chuyện nào liên quan đến cái giới uống trà tàu. Đây đó chỉ nghe toàn những giai thoại về chè Huế"*[4]. Chè Huế tuy cùng là chè xanh, nhưng lối pha chế vẫn có khác biệt so với miền Bắc và thay đổi ít nhiều khi dần trở vào các tỉnh phía Nam Trung kỳ. Dòng

1. Nishimura Masanari. ベトナムの茶飲文化・茶業に関する資料初探 *Bước đầu tìm hiểu tư liệu liên quan đến ngành trà và văn hóa uống trà Việt Nam.* Tr.88.
2. (Lê) *Đăng khoa lục sưu giảng.* Nguyên văn:《登科錄搜講》茶稅徵矣而茶婦之面青青，鹽稅搉矣而鹽翁之頭白白。(Tr.93)
3. (Nguyễn) *Đồng Khánh dư địa chí.* Nguyên văn:《同慶輿地誌•河內省•青廉縣•產物 69a》同延、茶洲、蓬閬等社樹青茶已經受稅。
4. *Quê hương tôi.* Tr.184.

Nam giới uống trà hút thuốc đầu thế kỷ XX.
Nguồn ảnh: Albert Kahn.

chè ấy, vua Minh Mạng hết lời ngợi ca, cho rằng có nét độc đáo riêng biệt, không kém các loại danh trà Trung Quốc. Đặng Huy Trứ gọi nó là Nam quốc Ô Long, Vương Hồng Sển thì cho là lối uống chè *"thuần túy Việt Nam"*[1]. Đem so các lối pha chế trà trên thế giới hiện nay, rõ ràng, cách đun hãm chè tươi kiểu Bắc, cách pha nước sôi lẫn nguội kiểu Huế hay cách nấu cả lá lẫn cành như chè Gay xứ Nghệ, đều mang đậm dấu ấn bản địa, đồng thời cũng là những lối pha chế cổ xưa nhất trong lịch sử trà.

1. *Khảo về đồ sứ cổ men lam Huế*. Tr.60.

"Ngồi chơi uống nước, (trên) ghế trường kỷ". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

PHONG VỊ NGÀN XƯA

Lối uống cổ truyền dân dã

"Trà khá thanh tâm giải khát, uống một bát muôn mối nghĩ tan nhanh.
Rượu thời hành huyết khu phong, nhấp ba chén ngàn nỗi sầu gột sạch."
(Trần) Tuệ Tĩnh thiền sư, *Bài phú Dược tính chỉ nam trực giải*

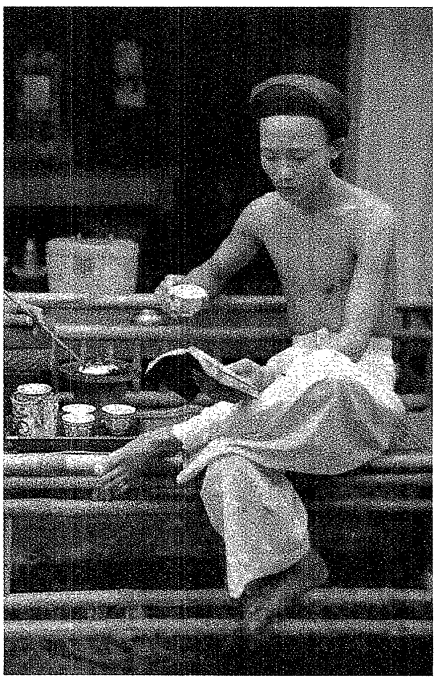

Thanh niên đọc sách uống chè những năm 1914-1917. Nguồn ảnh: Albert Kahn.

Trước sự thay đổi của môi trường sống, ngôn ngữ thường có sự vận động thích nghi nhanh chóng, trong khi thói quen ẩm thực lại mang tính bảo thủ, khó lay chuyển hơn nhiều. Xét riêng bản sắc cố hữu trong tập quán uống chè Việt, bất chấp trà cụ hay cách thức pha rót thay đổi, thậm chí chẳng quản chè tươi hay chè khô, ngụm chè vừa miệng phải là ngụm chè đậm đặc, mang lại vị đắng chát ban đầu (nhiều tanin, théin) và ngọt dịu hồi sau. Nào là

đặc cắm tăm, đặc cắm đũa, "*chẳng tàu thì Huế tha hồ thú, pha tục pha tiên đặc bỏ đời*"[1], "*nước chè xanh xứ Nghệ, càng chát lại càng ngon*"[2], hay như "*Chú tôi hay tửu hay tăm, hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa*" v.v. Truy về nguồn cội xa xưa, người Giao Châu đầu Công nguyên chuộng uống Cao Lô, cũng chính vì vị đắng chát loại chè này mang lại. Dĩ nhiên trong nhãn quan của những người sành trà tàu, quen thú thưởng hương phẩm vị, ắt coi cách pha chè đặc là tục[3]. Nhưng tục mới là dân gian, mặc cho thời thế đổi thay, khẩu vị dân gian vẫn vậy. Ngày nay, chẳng riêng gì trà, đến thưởng tách cà phê, dân ta cũng vẫn chuộng vị đặc. Dĩ nhiên đây là cách nói mang tính bao quát thôi. Trên thực tế, độ đậm đặc có thể gia giảm tùy theo khẩu vị từng người. Bởi vậy hàng quán vỉa hè nay vẫn còn thói quen chế thêm nước sôi vào một phần chè cốt, đó cũng chính là nguyên ủy của từ "pha" trong pha trà vậy.

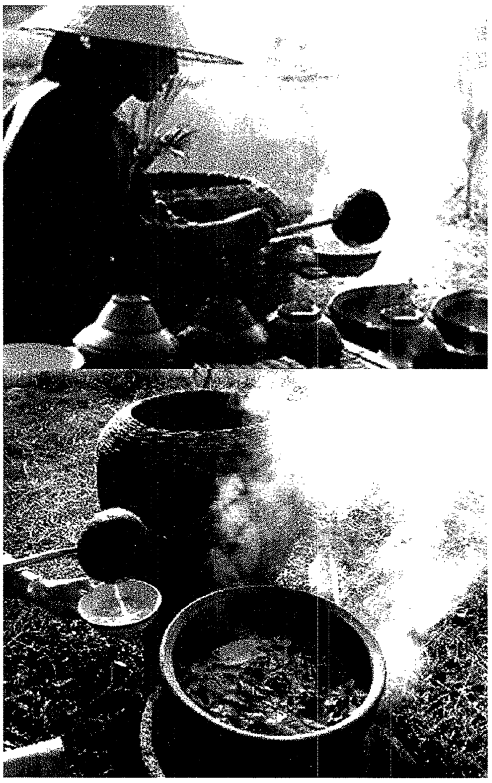

Om chè tươi. Nguồn ảnh: Internet.

Gọi là "pha" theo đúng nghĩa, lối uống chè Huế xem ra lắm công phu hơn cả. Người Huế nay vẫn gọi *ngạ nước chè*. Cách thức pha nấu trong cung đình nhà Nguyễn ra sao hiện chưa rõ, song theo lối Huế dân dã trước đây, nấu chè phải bằng cái om tròn ủng miệng loe, với thanh tre cật dài làm kẹp. Người ta vốc lá chè thả vào om, rồi mới đổ nước. Sau vài lần nước sôi gần trào, lại chế thêm nước lã trấn xuống. Đến khi chè chín, trước khi trút ra bát, trong bát đã phải trữ sẵn lưng phần nước nguội. Một số nơi ở Huế ngày nay pha theo tỷ lệ bảy phần nguội ba phần sôi; còn theo cách thức của Cao Bá Quát, tỷ lệ hai sôi tám

1. Câu thơ trong bài *Gọi trà* của Phan Bội Châu.
2. Lời bài thơ *Gửi người bạn Nghệ Tĩnh* của Huy Cận.
3. *Hà Nội thanh lịch*. Tr.121.

nguội. Lúc này người ta dùng cây kẹp nhấc om lên trút nước chè vào bát, phải chú ý độ cao giữa om với bát, để làm sao tạo được bọt sủi như đầu tăm, bủa kín mặt nước, càng nhiều bọt càng được coi là đẹp. Uống chè bằng bát kiểu này, người ta vừa thổi bọt vừa nhai miếng kẹo hột điều, thường khi uống cạn xong, *phải chép môi, thở phì*, phát ra tiếng ừng ực mới *khoái tận mây xanh*[1]. Vậy nên Võ Phiến mới cho rằng cái ngon của trà tàu là cái ngon đài các, cầu kỳ, còn cái ngon của chè Huế thô bạo, khỏe mạnh, nhưng thích hợp với bản chất của nông dân lao động[2].

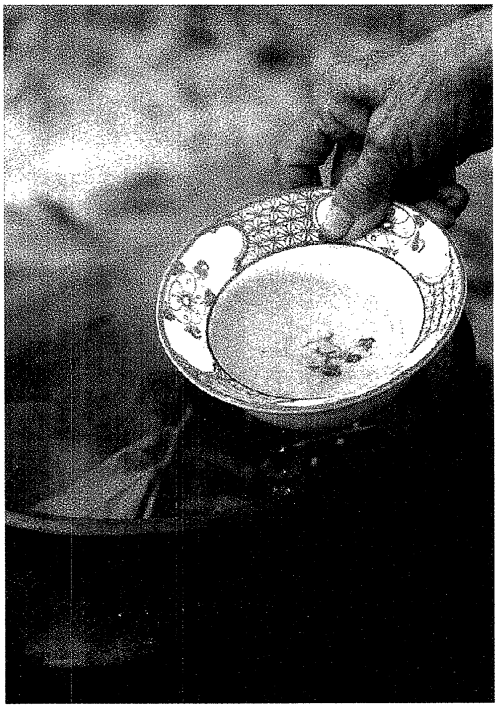

"*Đọi nước chè xanh xứ nghệ*". Nguồn ảnh: Nghệ ngữ.

Chẳng trách những người sành trà kiểu cách đầu thế kỷ XX mới có câu chê những anh phàm phu "*vai u thịt bắp mồ hôi dầu, lông nách một nậm, trà tàu một hơi*". Nguyên ủy là do thói quen uống chè xanh bằng bát mà ra cả. Uống chè kiểu Huế thật là lối uống phù hợp với thời tiết nắng nôi miền Trung, đã uống là phải uống bằng bát to, uống một hơi, phần vì bát chè Huế sau khi pha ra không nóng hổi như chén chè ngoài Bắc, vả chăng cũng chỉ cần một bát là đủ. Vậy nên vua Minh Mạng mới nói "*vào lúc giữa hè, uống một bát có thể đổ mồ hôi sảng khoái, cơ thể mát lạnh, đâu chỉ dừng lại ở việc hai nách cảm thấy nổi gió thôi đâu!*"[3].

"Đầy vườn tươi rọp lá trà trồng. Giải khát: giã, phơi, cất trữ xong.
Nước lẫn nguội, sôi, xua nắng hạ; vị xen đắng, ngọt, cởi phiền lòng.
Gái tằm đua hỏi màu phai đậm, trai ruộng chen xem bọt lắm không.

1. Từ dùng của Vương Hồng Sển.
2. *Quê hương tôi*. Tr.183.
3. (Nguyễn) *Minh Mệnh ngự chế thi sơ tập*. Nguyên văn:《明命御製詩初集•卷二•詠南茶》故當盛夏之辰，啜飲一碗而能汗流氣爽，肌體清涼，豈但兩腋生風而已哉！(Tr.27)

Nhắn bảo kinh kỳ muôn thượng khách, nước Nam nên biết có Ô Long[1]."

Đặng Huy Trứ (1825-1874),
Chè xanh giải khát[2]

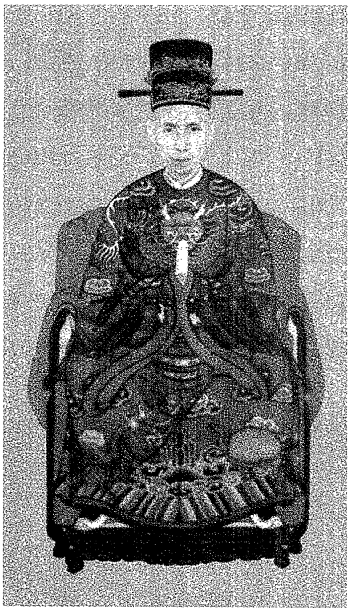

Chân dung Đặng Huy Trứ do người nhà Thanh vẽ.

Việc hai nách cảm thấy nổi gió, vốn là cái cảm giác uống trà bát to kiểu Đường của ông ẩn sĩ Lư Đồng (?-835) sau khi đã xơi hết bát thứ sáu, chuyển sang bát thứ bảy. Vị ẩn sĩ này cho rằng đến bát thứ sáu, thứ bảy là có thể "*thông tiên linh*", cơ thể nhẹ bẫng bay tới tiên cảnh Bồng Lai, trong khi thiền sư Eisai lại mô tả thần trí có thể thượng thông cảnh giới chư thiên. Vậy mà Trịnh Hoài Đức (1765-1825) kể trước kia ở Sài Gòn có anh chàng Nguyễn Văn Thịnh thi uống chè Huế với người ta. Anh chàng dùng một cái om lớn chứa đầy nước ngọt, tự tay nấu chè, rót vào bát to rồi uống liên tục. Anh ta mặc sẵn hai lớp áo, mồ hôi cứ thế vã ra như mưa, chốc lát hết nước liền thắng cuộc[3]. Chẳng rõ sau khi uống hết cả om chè Huế, Nguyễn Văn Thịnh có cảm thấy hai nách nổi gió, thông linh hay không, nhưng công dụng thanh nhiệt, giải khát, lợi tiểu, gây thao thức, hễ ai uống nhiều khắc rõ.

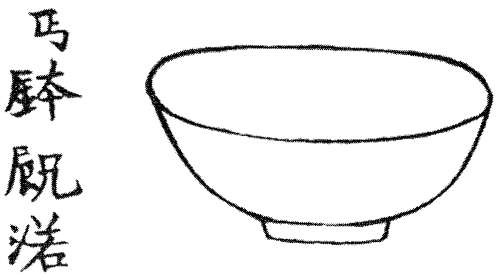

"*Cái bát uống nước*". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam*.

"Trà Huế là một thứ nước vị chát, màu nước rất sẫm, với những mảnh lá nhỏ và cành tăm hương, có thể mua dễ dàng ở góc

1. Nguyên văn chữ Hán xin xem ở "Trà văn chương".
2. Dẫn theo Đặng Huy Trứ con người và tác phẩm. Tr.89. Nguyên tác Hán văn xin xem "Thưởng trà giai phẩm". Các bản dịch thơ trong *Chuyện Trà* đều của tác giả.
3. (Nguyễn) Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. Nguyên văn: 鄭懷德《嘉定城通志•卷四•風俗志》昔有阮文盛典人賭飲，用竜甕一大口，滿貯甘水，手自煮茶，酌大碗而連飲之。身服重衣，汗濕如雨，須臾水盡，遂得賭勝。(Tr.384)

các vườn hoa với giá vài đồng trinh một bát nóng bỏng, uống vào thực sự kích thích và phục hồi sức khỏe."[1]

C. Capus, *La production du thé en Indochina* (1918)

Ấm tích gốm Lái Thiêu năm 1938. Nguồn ảnh: *Gốm Việt Nam kỹ thuật và nghệ thuật.*

Tuy cùng ưa chuộng nước chè tươi, nhưng thực tế mỗi vùng miền lại có kiểu chế biến riêng, đại thể tương đồng, chi tiết lại có chút dị biệt. Lá chè tươi trước khi đem nấu hoặc hãm chỉ cần rửa vài lượt nước sạch là đủ, có nơi vò qua lá chè, có nơi không. Riêng vùng chè Gay xứ Nghệ, người ta hái cả lá lẫn cành, bẻ nhỏ đem đun hết trong nồi. Người Bắc nấu chè tươi, ắt phải đợi nước sôi già mới bỏ chè. Khi đem lá chè hãm vào ấm tích, lượt nước sôi đầu chần qua bỏ đi, lượt nước thứ hai mới dùng. Người ta ủ ấm tích trong giành để nước chè luôn nóng. Giành tích giờ đây vẫn được bán ở chợ quê. Loại Bát Tràng sản xuất nom vẫn chắc chắn, ưa mắt.

Trong quy trình chế biến lá chè tươi, có một thao tác đã trở nên xa lạ với nhiều người Việt hiện nay, đó là thao tác giã lá chè. Nguyên ủy có lẽ xuất phát từ tục uống chè tươi của người Mường vùng núi Bá Thước, Thanh Hóa. Như tôi đã đề cập ở trên, chè Bạng và chè Huế có quy trình chế biến giống nhau, đều là *hái lá giã nát, phơi trong bóng râm, rồi đun uống*. Người Hội An ngày nay vẫn lưu giữ quy trình này, sau khi rửa sạch lá chè, liền cho vào cối giã nát, ủ một ngày mới đem nấu dùng[2]. Người Mường đơn giản hơn, chọn hái những lá già giòn, xanh bóng, bỏ vào cối giã nát, sau đó hãm trực tiếp với nước sôi uống nóng[3].

1. Dẫn theo *Cây chè Việt Nam.* Tr.162.
2. *Văn minh trà Việt.* Tr.79.
3. TS. Vũ Thế Long. "Chè tươi hãm - lối uống cổ xưa". 15:12, 25/07/2011. http://baochinhphu.vn/Lien-hoan-tra-Quoc-te-lan-thu-nhat/Che-tuoi-ham-loi-uong-co-xua/93510.vgp

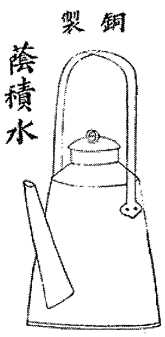

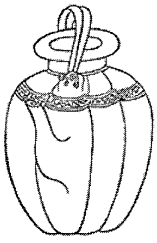

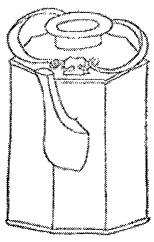

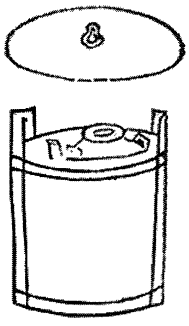

(Từ trên xuống dưới, trái qua phải) *"Trẻ con rót nước"*, *"ấm tích thủy bằng đồng"*, *"cái ấm bình tích"*, *"ấm Phù Lãng"*, *"tích thủy đồng"*, *"tích thủy thiếc"*. Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam*.

Đây cũng chính là lối chế biến chè trong câu chuyện Nguyễn Xí giả mù được Trương Quốc Dụng kể lại trong *Thoái thực ký văn*. Chuyện kể rằng, Nguyễn Xí từ nhỏ đã đi theo Lê Lợi ở Thanh Hóa, về sau trở thành khai quốc công thần của nhà Lê. Sau khi Lê Nghi Dân giết Lê Thái Tông cướp ngôi vua, Nguyễn Xí (1397-1465) lấy cớ bị mù xin về hưu trí. Bè nhóm Lê Nghi Dân cho thân tín trà trộn vào nhà Nguyễn Xí để thăm dò hư thực. Trong đó có tên được đưa vào làm hầu trà. Một hôm, ngay trước chỗ ông ngồi, tên hầu trà cố tình ghẹo tỳ nữ. Thấy có tiếng động lạ phát ra, ông mới đánh tiếng hỏi. Tên hầu trà lại ngang nhiên đáp y đang giã trà. Ông nói: "*Giã xong thì đun cho ta uống*". Sau khi nghe bẩm báo, người ta mới tin ông mù thật. Về sau ông bí mật cùng các đại thần Lê Niệm, Đinh Liệt bày mưu chém gian thần, phế Lê Nghi Dân rồi rước Thánh Tông lên ngôi. Người xưa mới có câu thơ vịnh rằng: "*Thiên hạ vị bình mục vị minh, như hà bất kiến đảo trà thanh*"[1] (Gầm trời còn loạn mắt còn lòa, hà có không nghe tiếng giã trà). Như vậy, có thể đoán định lối giã chè Mường (núi Bá Thước, Thanh Hóa) chắc chắn có chung nguồn gốc với cách thức giã chè trong quy trình chế tác chè Bạng Thanh Hóa, chè Huế và chè Thủ Nam kỳ. Cần lưu ý, Lê Quý Đôn ghi nhận việc chế tác chè Bạng xuất phát từ người "thổ", mà tôi đồ rằng, "thổ" ấy là chỉ người Mường, lối chế tác đơn giản của người Mường có trước, sau đó ảnh hưởng tới những người Thanh Hóa chế tác chè Bạng, rồi lại lan tỏa vào Huế theo bước chân của các vị chúa Nguyễn, vốn cũng là người gốc Thanh, sau rốt, trở thành thú ẩm thực phổ biến vào triều Nguyễn.

Hãm chè tươi cùng gừng.
Nguồn ảnh: Trà Việt.

1. (Nguyễn) Trương Quốc Dụng. *Thoái thực ký văn*. Nguyên văn: 張國用《退食記聞•卷三•人品•阮熾》天下未平目未明，如何不見搗茶聲。

Qua bài thơ *Tạp hứng* số hai, có thể thấy Cao Bá Quát đã uống chè Bạng pha theo lối Huế. Song ông tự thấy hương vị chè Lâm Tiên đã đủ thơm ngon, không cần tiếp tục thả gừng. Việc bỏ thêm gừng giã giập om cùng chè xanh cũng là thói quen om chè phổ biến từ Huế trở vào Hội An. Ông Tuy Lý vương khi pha trà tàu không dám giao cho hề đồng, phải tự ngồi canh hỏa lò là vì sợ hề đồng thả thêm gừng theo thói quen om chè dân gian[1]. Tôi cho đây là thói tục chung lâu đời, về sau theo thời gian mà mỗi vùng thay đổi ít nhiều. Đọc kỹ đoạn mô tả trong *Đồng quân lục: "Khách đến ắt bày biện trước tiên, đoạn mới trộn thêm rau cỏ thơm"* cũng có thể thấy thấp thoáng sự xuất hiện của củ gừng trong nồi Cao Lô của người Giao Chỉ.

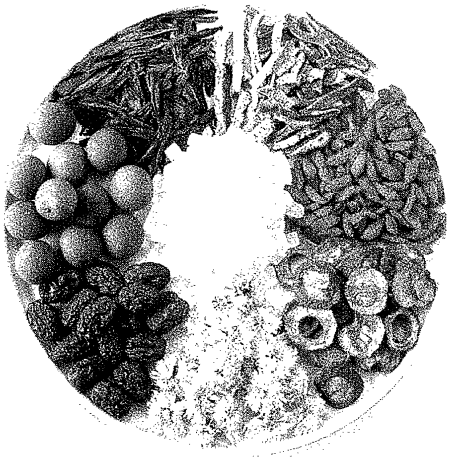

Trà trộn cùng cẩu kỷ tử, táo tàu, long nhãn, trần bì, hoa cúc như bát bảo lường xà (chè mát bát bảo) có thể là nguyên uỷ khiến người Việt gọi các món nước tráng miệng có vị ngọt là chè.

Nói đến việc bỏ gừng nấu với chè, sách *Quảng Nhã* được viết vào khoảng năm 227 là tư liệu sớm nhất của Trung Quốc cho biết cư dân vùng Hồ Bắc, Tứ Xuyên, Trùng Khánh *"giã chè thành mạt vụn bỏ trong đồ sứ, lấy nước sôi trút lên, dùng hành và gừng trộn lẫn"*[2]. Đến thời Lục Vũ, thói tục dân gian Trung Quốc vẫn có nhiều người dùng hành, gừng, táo, quất bì, thù du, bạc hà thả vào nồi nước sôi nấu với trà[3]. Nhà thơ Bì Nhật Hưu (838?-883?) cho rằng, lối trộn lẫn trà với củ quả đem đun ấy, *"chẳng khác nào luộc rau mà uống"*[4]. Ở vùng Phổ Nhĩ, Tư Mao Vân Nam, quãng thế kỷ IX, các tộc người Nam Chiếu thu gom lá chè rải rác tự nhiên, không chế tác, cũng lấy gừng, tiêu, quế, quấy đều với lá chè đun uống[5]. Tập tục này vẫn được người dân

1. (Nguyễn) Tuy Lý vương. *Vi Dã hợp tập*. Nguyên văn: 綏理王《葦野合集•卷一•張端公惠茶》薑鹽不敢委童僕，鵲爐獸炭親自烹。

2. (Ngụy) Trương Tập. *Quảng Nhã*. Nguyên văn: 張揖《廣雅》擣末置瓷器中，以湯沃覆之，用葱、姜芼之。

3. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. 陸羽《茶經》或用葱、姜、棗、橘皮、茱萸、薄荷之等，煮之百沸。

4. (Đường) Bì Nhật Hưu. *Trà trung tạp vịnh tự*. Nguyên văn: 皮日休《茶中雜咏序》必渾以烹之，與夫瀹蔬而啜者無異。

5. (Đường) Phàn Xước. *Man thư*. Nguyên văn: 樊綽《蠻書·管內產物第七》茶出銀生城界諸山，散收無采造法。蒙舍蠻以薑椒桂和烹而飲之。

Vân Nam tiếp nối đến ngày nay[1]. Như vậy đủ thấy lối nấu lá chè tươi thả gừng ở ta với tập tục uống chè sơ khai ở bên kia biên giới phía Bắc quãng mười thế kỷ đầu Công nguyên hẳn có quan hệ liên đới sâu xa.

Có thể nói đầu thế kỷ XX là giai đoạn lịch sử mang tính bản lề, dưới tác động của người Pháp, cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam đã có chuyển biến vô cùng to lớn. Đặc biệt phải kể tới sự xuất hiện của đô thị và tầng lớp thị dân, tư sản, tiểu tư sản. Văn hóa uống trà ở thành thị Việt Nam theo đó cũng thay đổi mạnh mẽ, thể hiện ở sự thịnh hành của trào lưu uống chè Huế, trà tàu kiểu cách phong lưu, vốn đã lưu hành sẵn trong tầng lớp văn nhân quý tộc, bên cạnh sự phát triển của dòng chè khô được định hướng bởi người Pháp. Tuy nhiên, liền sau đó lại là những cuộc chiến liên miên, các giai tầng xã hội bị xáo trộn, để rồi sau chiến tranh, văn hóa thị dân trở ra nửa quê nửa tỉnh. Đó là hướng đi của bánh xe lịch sử, không thể đổi khác.

Lối uống chè tươi mang đậm sắc màu dân gian bình dị, như người xứ Nghệ *"bao ân tình mộc mạc làng quê, trưa nắng hè gọi nhau râm ran chè xanh"*, hoàn toàn khác với tinh thần trà chuyên nước rót phong lưu, khi đãi bạn tao nhân, lúc cô sầu độc ẩm, vừa nhấp chén trà vừa thưởng thức hương, hoa, trăng, gió. Nhưng chính vì găm sẵn cái mầm tinh thần bình dân *tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau* ấy, sau này ở phố thị, khi chè khô dần hoán đổi vị trí của chè tươi, người ta vẫn thích ngồi túm tụm bên hàng nước, rít hơi điếu cày, làm ngụm chè đặc, cũng chẳng thiết đến mùi hương, rôm rả chuyện trò cùng nhau, lắm khi chẳng hề quen biết. Người chê bảo là căn tính tiểu nông, người khen lại cho đó là cái tình.

Quán nước vỉa hè Hà Nội năm 1988. Nguồn ảnh: William E. Crawford.

1. *Văn hóa trà Phổ Nhĩ*《普洱茶文化》. Tr.69.

Phụ lục

NHỮNG VÙNG SẢN NAM TRÀ THẾ KỶ XIX

Địa phương	Đồng Khánh dư địa chí	Đại Nam nhất thống chí
Thái Nguyên		Nam trà xuất ở các huyện Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phổ An, vị tốt.
Bắc Ninh	Nam trà xuất ở Nghĩa Phương thuộc Lục Ngạn, Kim Tiên thuộc Kim Anh.	Nam trà ở hai huyện Kim Anh và Đông Ngàn, chất lượng tốt. Tục gọi là Bạng trà (chè Bạng).
Hưng Yên	Vườn nhà ở huyện Thần Khê, huyện Diên Hà phần nhiều trồng chè Bạng. Huyện Diên Hà sát với huyện Hưng Nhân, vườn nhà dân gian thường trồng chè Bạng, song chất lượng không thật tốt.	
Hải Dương	Xã Phao Sơn huyện Chí Linh trồng Nam trà. Huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn trồng xen Nam trà.	
Hà Nội	Huyện Chương Đức, các thôn xã Thượng Lâm, Tuy Lai, Đường Kệ, Lỗ Sơn gần chân núi phần nhiều trồng chè xanh. Huyện Thanh Liêm, các xã Đồng Diên, Trà Châu, Bồng Lãng trồng chè xanh, đã đóng thuế.	Thổ trà, các xã Kim Bảng, Bài Lễ đều có. Huyện Chương Đức, chất lượng tốt nhất.

Sơn Tây	Huyện Yên Sơn, cũng có Nam trà, là vật thường. Huyện Lập Thạch, trà là vật thường.	Nam trà ở lâm phận xã Chi Nê huyện Mỹ Lương. Nam trà ở các xã Lệ Mỹ, Yên Đạo huyện Phù Ninh tốt hơn.
Ninh Bình		Trà ở huyện Lạc Yên.
Thanh Hóa	Huyện Ngọc Sơn, những vùng gần núi thường có Nam trà. Huyện Mỹ Hóa, các xã Phong Mục, Chu Tử, Sơn Trang, Phú Điền sản Nam trà.	Trà các huyện Hậu Lộc, Vĩnh Lộc và Hoằng Hóa đều có. Trà ở các sơn phận Thượng Giáp, Ngọc Ban tốt hơn.
Nghệ An		Trà xuất ở Mạn Lâm - Thanh Chương, Lãng Điền - Lương Sơn, Quỳnh Văn - Quỳnh Lưu, Vân Tụ - Đông Thành.
Hà Tĩnh		Trà các huyện đều có, song xuất ở Thạch Hà, Hương Bộc là ngon.
Huế Phủ Thừa Thiên		Trà ở vườn và rừng các huyện đều có. Nam trà, tục gọi là chè Huế, xuất ở hai huyện Hương Trà, Phú Lộc là ngon.
Quảng Yên	Phủ Sơn Định, Nam trà.	
Quảng Nam	Huyện Hòa Vang, các vùng Phù Nam, Tùng Sơn, Phú Thượng, Hội An có Nam trà. Huyện Duy Xuyên, hằng năm có lệ đem trà tiến vua. Huyện Hà Đông, trung tổng Đức Hòa phần nhiều sản Nam trà.	Nam trà xuất ở huyện Quế Sơn, nguồn sông Thu Bồn, chất lượng tốt. Huyện Hà Đông kém hơn.
Bình Định	Huyện Phù Cát, Nam trà mọc xen kẽ các làng ven núi.	Nam trà xuất ở Bồng Sơn, Phù Mỹ là nhiều.

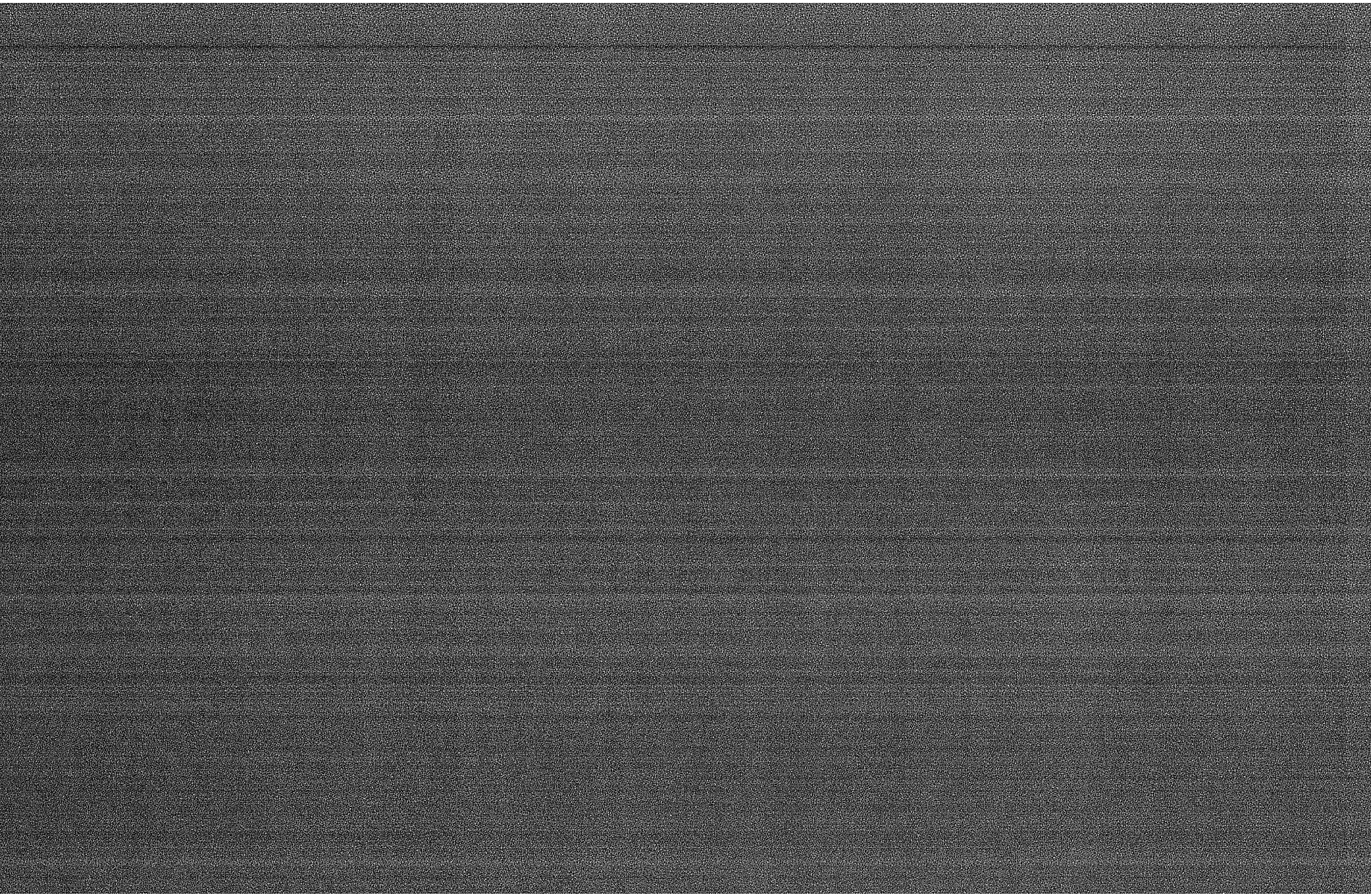

Trà

HƯƠNG SẮC

TRANH KỲ ĐẤU XẢO

Sự dụng công chế tác trà tàu

Cây chè ở Mường Khương, Lào Cai.
Ảnh: Hiệp hội Chè.

Theo điều tra thực địa của người Pháp về tập quán uống trà và sử dụng chè tại Việt Nam trước năm 1882, có thể thấy, người bình dân nói chung chỉ uống một loại chè chế biến thô (chè tươi, chè giã băm), trồng trong vườn hộ gia đình, còn tầng lớp thượng lưu quý tộc thường uống trà tàu, tức loại trà được dụng công chế tác, mang lại nhiều dạng hương sắc khác nhau, có xuất xứ từ Trung Quốc. Những người dân tộc Dao, H'mông v.v. khai thác chè hoang trên rừng núi cao, đặc biệt là giống chè Shan tuyết. Tuy nhiên, do người Kinh bấy giờ cho miền núi là *"vùng ma thiêng nước độc"*, thành ra chỉ đem di thực cây chè trồng chủ yếu ở vùng trung du và đồng bằng. Bởi vậy ngành chè ở Việt Nam *"không phát triển lớn được"* như đáng lý phải vậy[1].

1. *Cây chè Việt Nam*. Tr.19-21.

"Thị hiếu nước ta khá giống với Trung Quốc. Ta sinh vào lúc thịnh của thời Cảnh Hưng (1740-1786) [...] mỗi lần dạo chơi quán trà, ngựa chật hàng buôn, bạc trắng tiền xanh, đua văng nối tiếp; lúc nhàn cư đối ẩm, có người cược xem trà xuân sớm hay muộn, có người đoán giá chợ thấp hay cao, kẻ này thích hương hoa, người kia ưa hậu vị. Nghiêng ấm úp chén, chỉ hãng tìm tên, thậm chí đặt tiền trước để mua Chính Sơn, thuê thuyền buôn để lựa đồ mới. Sở thích muôn vàn, có thể nói là cùng cực vậy."

Phạm Đình Hổ (1768-1839), *Vũ trung tùy bút*

Đọc *Vũ trung tùy bút*, có thể thấy phong khí chuộng trà tàu ngoài Bắc thời Cảnh Hưng (1740-1786) rầm rộ đến mức nào. Phạm Đình Hổ kể, đó là giai đoạn người ta sẵn sàng bỏ ra mấy chục lạng vàng để mua trà sắm ấm từ Trung Hoa, cầu kỳ lựa lấy hỏa lò, ấm chén để tương thích với từng phẩm trà, phân loại từng mùi hương, từng cách thức chế tác, giám thưởng hết mực tinh tế. Bản thân Phạm Đình Hổ cũng là người ghiền trà nặng. Cùng thời, ở Phú Xuân (Huế), Lê Quý Đôn miêu tả, ngay binh lính của chúa Nguyễn đều ngồi chiếu mây, pha trà ngon, uống bằng chén sứ bịt bạc[1], cũng hết sức phong lưu.

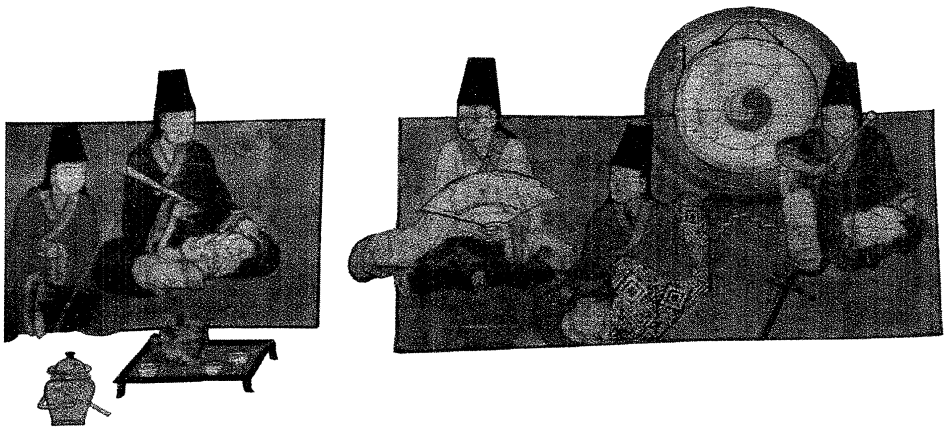

Nam giới thời Lê thưởng trà, nghe nhạc, trong *Võ quan vinh quy đồ* (thế kỷ XVIII).
Nguồn ảnh: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

1. (Lê) Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục.* Nguyên văn: 黎貴敦《撫邊雜錄·卷六·產物風俗》兵士者皆坐藤席，倚綵隱囊俗曰果拶，擁古香爐，烹好茗，飲銀磁杯.

Phạm Đình Hổ cũng cho biết, đương thời giá trà tàu rẻ, song người ưa thích rất ít, chủ yếu là tầng lớp thượng lưu *"quyền môn thế tộc"*. Xét ra, trà tàu kén người ưa chuộng, không hẳn do vấn đề giá cả. Hầu hết những người yêu thích trà tàu, phải có điều kiện và thời gian, nói chung phải phong lưu, nhàn hạ. Bởi nhàn tản, phong lưu nên mới có điều kiện hưởng thụ cuộc sống, nhất là thưởng thức thứ trà phải kinh qua nhiều công đoạn đun pha nhiễu sự, cần có kiến thức phân biệt đủ loại sắc hương, trà cụ cầu kỳ. Người bình dân cả ngày đầu tắt mặt tối, lam lũ vất vả, khó có thể cảm được cái nhã thú phong lưu của mấy vị đại nhàn ấy. Như Tuy Lý vương Miên Trinh từng mô tả đời sống nhàn nhã trong phủ đệ, *"bếp trà, màu trúc gột; trang sách, hương tần rây. Chốn chốn giang hồ cả, người nhàn mấy kẻ đây*[1]*"*. Cao Bá Quát cũng nhàn không kém, nhưng không chịu chôn chân một chỗ, ông vác trà cụ lên đỉnh núi rồi ngâm nga: *"Gầy bếp trà trên đỉnh, trà ngon người cũng nhàn. Gió lành thổi bất tận, chim hót khắp non ngàn"*[2]. Tục ngữ miền Nam xưa có câu *"Nhứt quân tử, ăn mứt gừng, uống nước chè tàu..."*, trở đến xuống đệ nhị quân tử uống nước chè Huế, đệ tam quân tử uống nước lã. Có nghĩa rằng việc uống trà tàu được coi là biểu hiện của hạng quân tử bậc nhất trong xã hội trước đây, hay nói như học giả Đào Duy Anh (1904-1988), *"ở nước ta uống chè tàu sành là một biểu hiện phong lưu*[3]*"*. Thành ra mới có chuyện có những anh muốn *"giả bậc phong lưu"*, mới bày vẽ mua ấm chén rồi pha rót cho cảnh vẻ[4]. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là giai đoạn xuất hiện đô thị cùng các tầng lớp thị dân tư sản, tiểu tư sản ở ta. Đây cũng là dịp lối uống trà tàu kiểu cách (còn gọi là trà chuyên) từ giới văn nhân quý tộc gây ảnh hưởng, lan tỏa vào dân gian. Sau khi người Pháp khai thác và phát triển ngành chè Việt, ở thành thị, chè khô mới dần hoán đổi vị trí của chè tươi. Song nói vậy không có nghĩa rằng chỉ khi người Pháp phát triển ngành chè Việt, người dân Việt Nam mới biết đến chè khô, mới biết chế tác loại trà hương sắc. Kỳ thực, các dạng chè khô đưa xuống đồng bằng từ miền núi, từ vùng Vân Nam Trung Quốc từ lâu đã hiện diện trong đời sống của người dân Việt. Một số vùng dù hy hữu cũng đã từng sản xuất chè khô nội

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tuy Lý vương.
2. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Cao Bá Quát.
3. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Tr.190.
4. *Đàm tục phú*. Nguyên văn: *"Trà chuyên chén mẫu, giả bậc phong lưu."*

Người đàn ông gảy đàn nguyệt, bên cạnh điếu thuốc, khay trà. Nguồn ảnh: *Những người bạn cố đô Huế*.

tiêu trong nước. Nhìn chung, trà với người Việt là thức uống rất đỗi thân quen, khi mộc mạc giản đơn, khi kiểu cách cầu kỳ. Trà xuất hiện khắp nơi trong đời sống, có mặt trong mọi cuộc giao đãi lễ lạt, hiếu hỷ cũng như tết nhất. Nếu không hiện diện thường xuyên, đâu có lý nào người Việt lại dùng để đặt tên cho một phần cơ thể với tên gọi: xương bánh chè.

THẾT TRÀ ĐÃI KHÁCH

Trịnh Hoài Đức (1765-1825). ***Gia Định thành thông chí***: *"Ở Gia Định (Sài Gòn) khách tới, trước tiên dâng mời trầu cau, đãi trà, sau đó mời cơm bánh, nhất thiết phải thịnh soạn. Không cần biết người thân sơ thế nào, lạ hay quen, tới từ đâu, hễ đến nhà nhất định mời vào khoản đãi*[1]*."*

Đoàn Triển (1854-1919). ***An Nam phong tục sách***: *"Khách đến, khoản đãi bằng chè. Có chè Mạn, chè tùng viên*[2]*, chè xanh, chè tàu. Tựu trung, chè tàu là thượng phẩm*[3]*."*

Quan họ Bắc Ninh: *"Mấy khi khách đến chơi nhà. Đốt than quạt nước pha trà người xơi. Trà này quý lắm người ơi. Mỗi người một chén cho tôi vừa lòng."*

"Khách quý tới, chồng châm hương, vợ pha trà, nô đồng trải chiếu". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

1. (Nguyễn) Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. Nguyên văn: 鄭懷德《嘉定城通志·卷四·風俗志》嘉定客至。先進芙榔、待茶，繼而飯餅，務必豐厚。不問人之親疏生熟蹤跡下落，至必收納款待。(Tr. 379)

2. Trong truyện ngắn *Lửa nến trong tranh*, Nguyễn Tuân cho biết: *"Để thi vị hóa cảnh mình thanh bạch, ông Đồ gọi chè hột là chè tùng viên - hột tùng!"*

3. (Nguyễn) Đoàn Triển. *An Nam phong tục sách*. Nguyên văn: 段展《安南風俗冊》客至款以茶。有漫好茶，有松圓茶，有青茶，有北茶。就中北茶。

Ở vùng Hoa Nam Trung Quốc quãng mấy thế kỷ đầu Công nguyên, thoạt kỳ thủy, người ta cũng hái lá chè tươi về đun uống như người Việt[1]. Đến đầu thế kỷ III, để tiện vận chuyển buôn bán xa, chè được chế thành dạng khô, ép đóng thành hình cố định, gọi là *bánh chè* (餅茶 bính trà, tức chè đóng thành dạng bánh)[2]. Thiết tưởng, bánh chè lưu hành ở Giao Châu trong khoảng thời gian này chắc to cỡ "xương bánh chè", nên người Việt mới liên tưởng trực quan, gọi tên như vậy. Liên tưởng trực quan là thói quen đặt tên nói chung. Những cái tên dân gian Việt Nam đặt tuy thô mộc, song rất tượng hình. Như danh xưng quả óc chó, cà dái dê, do thực tế quan sát những vật được liên hệ quả thực có vẻ ngoài tương đồng.

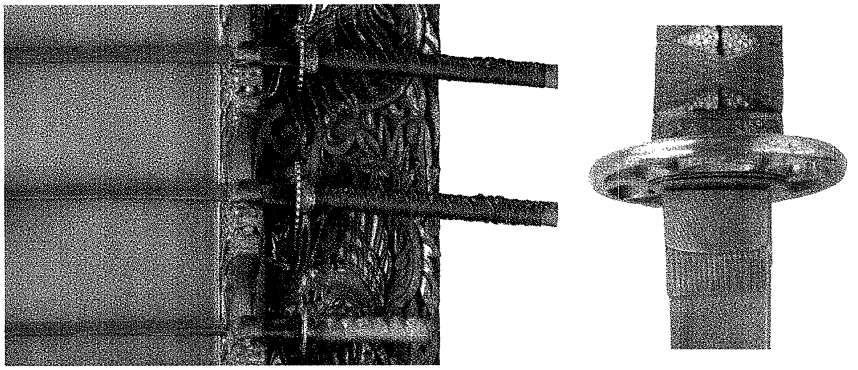

Ba thanh gươm thời Lê trung hưng nằm trong bộ sưu tập vũ khí của Cornelis Tromp (1629-1691), hiện lưu giữ tại bảo tàng Rijks (Hà Lan). Theo *Từ điển Việt - Bồ - La* (thế kỷ XVII), phần hộ thủ hình tròn trên thanh kiếm, đương thời được người Việt gọi là "*bánh chè gươm*".

Bánh chè bởi vậy có thể suy luận là một trong những hình thức chè phổ biến tại đất Việt tự lâu đời. Dĩ nhiên, đây cũng là dạng chè chủ lưu trong hơn ngàn năm từ thời Hán cho tới Tống, thịnh hành khắp Trung Quốc, nhất là sau khi được Lục Vũ (?-804) tổng kết và đề cao[3]. Song nói vậy không có nghĩa rằng, bánh chè là dạng chè duy nhất lưu hành. Ít

1. Học giả thời Đường là Dương Hoa, tác giả *Thiện phu kinh thủ lục,* cho biết, quãng thế kỷ III, mới thấy người khu vực Giang Tô hái lá chè về đun. Nguyên văn: 楊華《膳夫經手錄》茶古不聞，近晉宋以降，吳人採其葉煮之。
2. *Trà sự biến lược* 《茶事遍略》. Tr.170. Ở đây cần lưu ý thêm, chữ 餅 cho âm *bính* và *bánh*. Mối liên hệ ngữ âm i - a này, còn xuất hiện trong các trường hợp tính - tánh, chính - chánh, thịnh - thạnh, sinh - sanh v.v. 餅茶 bính trà sau này còn được gọi là 團茶 đoàn trà, 片茶 phiến trà.
3. *Trà sử sơ thám* 《茶史初探》. Tr.167.

nhất từ thế kỷ III, dạng chè khô lá rời bán theo cân cũng đã lan rộng[1]. Đến thế kỷ VIII, theo ghi nhận của Lục Vũ có bốn dạng chè phổ biến ở Trung Quốc[2], trong đó, chè bánh vẫn được ưa chuộng hơn cả, chiếm thế thượng phong đến hết thế kỷ XIV, sau đó nhường chỗ cho chè lá rời. Ở đây cần nói thêm, ngoài *Tuất dân thông thương chế* do Đường Ý Tông ban hành năm 863, cho phép chè Bắc vẫn được buôn bán vào An Nam, Dương Hoa trong *Thiện phu kinh thủ lục* (viết năm 856) cho biết, có loại bánh chè Hành Sơn ở Hồ Nam, *"dù người Giao Chỉ xa xôi cũng thường mua uống"*[3], đủ thấy vào thời thuộc Đường, bánh chè từ vùng Hoa Nam đã được buôn bán thường xuyên vào đất Việt.

Về cách chế tác bánh chè, chúng ta không biết gì hơn đối với cách làm của người Việt tự xa xưa. Chỉ biết những năm 1889-1890, Lefèvre Pontalis qua vài lần lưu trú tại Hà Nội, đã thấy chè Mạn chất đống trong kho các cửa hàng chè là những *bánh chè gói kỹ trong lá chuối khô, **hình tròn, được đóng ép bằng hơi nước nóng***, có xuất xứ từ Ipang, *nhập vào Bắc kỳ bằng con đường sông Hồng đi qua Mạn Hảo và Lào Cai*[4]. Ipang và Mạn Hảo đều là tên địa danh, nay thuộc tỉnh Vân Nam[5], Trung Quốc, sát Hà Giang, là địa điểm tập trung chè Phổ Nhĩ, chè Mạn và cả chè ống lam của đồng bào người Dao[6]. Khu vực biên giới Vân Nam,

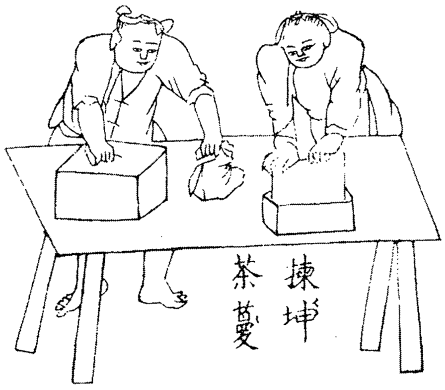

"Đóng khuôn chè/trà Mạn". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

1. Như trong bức thư gửi cháu tên Diễn, thứ sử Duyện Châu 與兄子南兗州刺史演書 Lưu Côn (270-318) người thời Tấn cho biết *"trước được hai cân chè khô An Châu, một cân gừng, một cân quế, đều là nhu yếu cả"* 前得安州乾茶二斤薑一斤桂一斤皆所須也. Dẫn theo *Trà sử sơ thám*. Tr.171.

2. Gồm **chè thô** (thô trà, khả năng là loại chè lá già, phẩm kém), **chè rời** (tán trà, tức chè xanh lá rời), **chè vụn** (mạt trà, chè khô nghiền vụn nhưng chưa đóng khuôn để trở thành bánh chè) và **chè bánh** (bính trà, chè khô đóng thành bánh). (*Trà sử sơ thám*. Tr.173).

3. (Đường) Dương Hoa. *Thiện phu kinh thủ lục*. Nguyên văn: 楊曄《膳夫經手錄》衡州衡山團餅而巨串，歲收千萬。自瀟湘達於五嶺皆仰給焉。及至滋味悉變，雖遠自交趾之人亦常食之。

4. Dẫn theo *Cây chè Việt Nam*. Tr.163, 172.

5. Mạn Hảo vốn phải đọc là Mạn Hào 曼毫. Từ "hào" đọc theo tiếng Hoa dễ khiến người Việt nghe thành "hảo", tương tự ngày nay nhiều người gọi trà Pái Hảo, mà thực chất là Bạch Hào (tơ trắng).

6. *Cây chè Việt Nam*. Tr.483.

ngay từ thế kỷ XVII, cũng được ghi nhận là nguồn nhập chè khô chính vào miền Bắc Việt[1]. Ca dao vùng đồng bằng Bắc bộ có câu: "*Chồng tôi từng ngược sông Ngâu, mua chè Mạn Hảo tháng sau thì về*", là mô tả con đường buôn bán chè theo đường thủy từ thượng lưu sông Hồng về này. Có thể nói các dạng bánh chè khô phổ biến tại Việt Nam bấy giờ hầu hết có xuất xứ Vân Nam, về sau các vùng thượng du phía Bắc mới phỏng theo phương thức chế tác, sử dụng nguyên liệu chè Shan để làm chè ngay tại địa phương, cũng gọi là chè Mạn Hảo hoặc gọi tắt là chè Mạn, hay chè Mạn Hà Giang[2]. Phẩm chè Mạn chất lượng cao rất đắt tiền, được giới phong lưu thành thị cuối thế kỷ XIX hết mực ưa chuộng[3]. Chè Mạn trở thành thức uống ưa chuộng, có lẽ phần vì hàm lượng cafein, tanin trong loại chè này thấp, khiến vị chè dịu mát, thanh thuần, không chát mạnh như chè xanh[4]. Hoàng Đạo Thúy cho biết: "*Chè Mạn, thứ tốt mua từ thượng lưu sông Hồng đem về. Thứ thường của rừng ngang là lá già, giã, rồi nhét vào ống tre, gác bếp.*"[5] Loại chè thường qua mô tả của Hoàng Đạo Thúy chính là chè ống lam của người Dao còn truyền đến ngày nay. Chắc bởi sắc nước đỏ, hương vị thơm dịu nên đương thời cũng được coi thuộc dòng chè Mạn. Độ vài chục năm trở lại đây, không ít người dùng từ "chè Mạn" để chỉ dòng chè xanh Thái Nguyên, kỳ thực có chút nhầm lẫn.

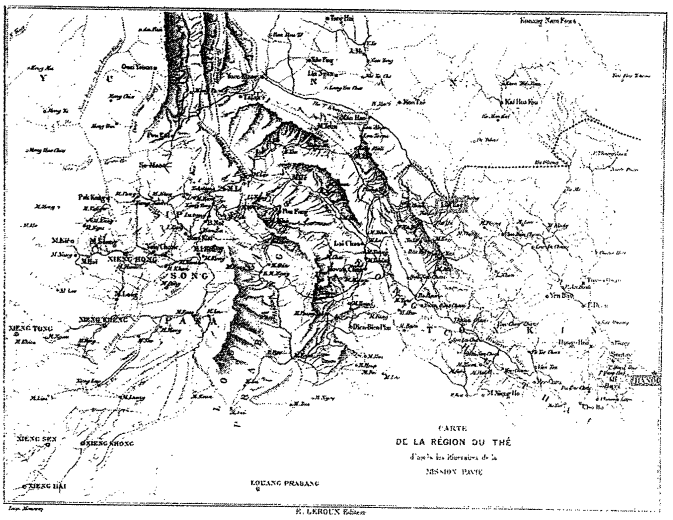

Ba địa danh Mạn Hảo, Lào Cai, Hà Nội (khoanh đỏ), trong bản đồ vùng trà phía Bắc Việt, dẫn theo *Note sur l'exploitation et le commerce du Thé au Tonkin* (Ghi chú về việc khai thác và buôn bán chè ở Bắc kỳ).

1. *Những người châu Âu ở nước An Nam. Tr.165.*
2. *Đất lề quê thói.* Tr.132.
3. *Cây chè Việt Nam.* Tr.164.
4. *Cây chè Việt Nam.* Tr.483.
5. *Hà Nội thanh lịch.* Tr.121.

"Làm trai biết đánh tổ tôm,
Uống trà Mạn Hảo, ngâm nôm Thúy Kiều."

Ca dao

Cách chế tác chè Mạn theo quy trình: búp chè sau khi hái về, sao nhanh trong chảo, tiếp đến vò qua, để lên men nhẹ, sau đó tãi ra phên tre phơi nắng, gần khô lại đưa vào bếp sấy kỹ, đoạn mới gác bếp[1]. Cùng với chè Phổ Nhĩ ngày nay, chè Mạn, chè ống lam dù gợi cảm giác mộc mạc, mang phong vị núi rừng, song trên thực tế đều được thực hiện sau khi đã có kỹ thuật sao sấy, chế tác chè khô thành thục. Những miêu tả về khu vực Phổ Nhĩ, Vân Nam cuối thế kỷ IX cho biết, chè ở đây được thu gom rải rác tự nhiên, không chế tác. Dĩ nhiên để có kỹ thuật sao sấy phải kinh qua chặng đường phát triển lâu dài. Cách chế tác càng đơn giản càng bảo lưu được hình thái nguyên thủy sơ khai. Vào quãng thế kỷ III, ở khu vực Tứ Xuyên, Hồ Nam, Hồ Bắc, người ta chỉ *"hái lá làm bánh, lá chè già, bánh thành, xát bột gạo cho ra*[2]*"*. Nước chè thời kỳ này được đun cùng gừng, hành, không khác canh rau, cách chế tác cũng chỉ được mô tả sơ lược. Sau bốn trăm năm phát triển và lan tỏa, tới thế kỷ VIII, kỹ thuật hấp diệt men đã định hình, đồng thời phổ biến khắp khu vực Hoa Nam. Để tiện dụng hơn khi đun uống, lá chè khô sau khi giã vụn mới đóng thành bánh, lúc dùng thì lấy thuyền tán, tán nhỏ thêm vụn trà, đoạn mới bỏ vào nồi. Quy trình chế tác bánh chè khô thời kỳ này, theo Lục Vũ ghi nhận gồm bảy bước: *hái lá, hấp diệt men, giã nát, đóng bánh, sấy khô, xâu lỗ, đóng gói trà*[3].

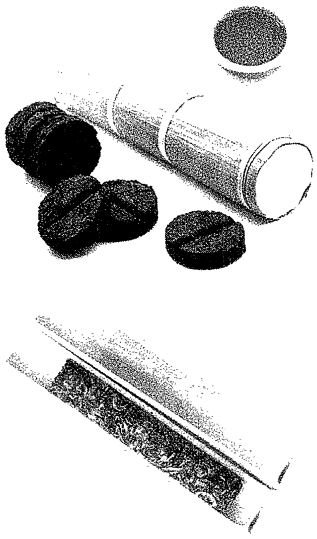

Bánh chè Phổ Nhĩ loại nhỏ của Vân Nam và chè ống lam của người Dao.

1. *Cây chè Việt Nam*. Tr.21, 483.
2. (Tam Quốc) Trương Tập. *Quảng Nhã*. Nguyên văn: 張揖《廣雅》荊巴間採葉作餅。葉，老者。餅成以米膏出之。欲煮茗飲，先炙令赤色，搗末置瓷器中，以湯澆覆之，用薑蔥芼之。
3. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. Nguyên văn: 陸羽《茶經·三之造》晴采之，蒸之，搗之，拍之，焙之，穿之，封之，茶之乾矣。

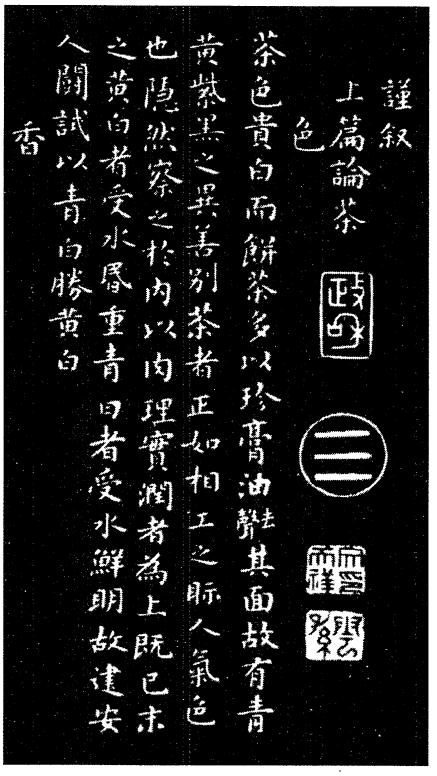

Trà lục được Sái Tương hoàn thành năm 1051, đến năm 1064, được khắc đá theo thủ bút của chính Sái Tương.

Để trở thành một nét văn hóa có bề dày, một môn nghệ thuật tầm cỡ, cần có sự dụng công kỹ lưỡng và kinh qua thử thách của thời gian. Bánh chè vào thời Tống sở dĩ phát triển cực thịnh, được trau chuốt, tỉ mỉ từ cách chế tác cho tới cách pha rót, chính bởi triều đình nhà Tống xuất hiện nhiều nhân vật có trình độ văn hóa cao, đặc biệt chuộng trà, sành trà. Các đại thần như Sái Tương, Thẩm Quát, Âu Dương Tu, Tô Đông Pha đều là người mê trà có tiếng, từng tốn nhiều bút mực viết về trà. *Trà lục* của Sái Tương cùng *Đại Quan trà luận* của Tống Huy Tông đều được coi là những cuốn trà thư quan trọng bậc nhất thời Tống. Về mặt chính trị, Huy Tông xưa nay có nhiều điều tiếng, song ở phương diện văn hóa nghệ thuật, ông là nghệ sĩ đa tài thực thụ, có nhiều thành tựu đỉnh cao. Riêng trong khoản ăn chơi, ông còn là bậc thầy sành trà, vị vua duy nhất viết sách trà. Dưới sự quan tâm đặc biệt của các vua quan sành sỏi, tinh tế, việc chế tác và thưởng trà thời Tống, có thể ngẫm hiểu, đã phát triển tới một đỉnh cao khác mà Lục Vũ cũng như trà nhân thời Đường khó có thể hình dung.

Chân dung Tống Huy Tông tự họa trong *Thính cầm đồ*, bảo tàng Cố cung Quốc lập Đài Loan lưu giữ.

"Khổ thân chẳng thấy đâu giai phẩm.
Chẳng học Sái Tương đã chẳng phiền."

(Nguyễn) Tùng Thiện vương Miên Thẩm, *Xem trà*

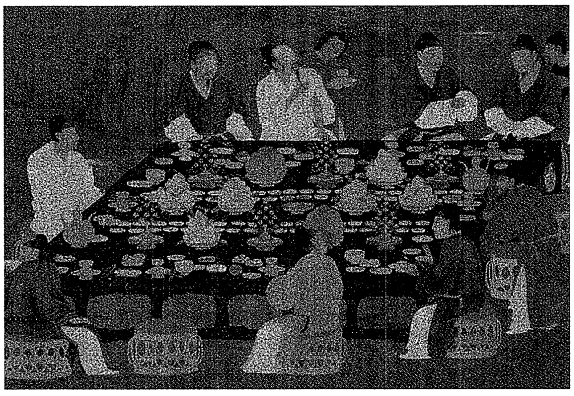

Tiệc trà cung đình trong *Văn hội đồ*, Tống Huy Tông vẽ, Bảo tàng Cố cung Quốc lập Đài Loan lưu giữ.

Vào thời kỳ này, lá chè khô được nghiền thành mạt, nhỏ mịn hơn trà đời Đường, sau đó mới dùng khuôn ép bánh. Với riêng trà cống vua, người ta sử dụng ván bạc có khuôn tròn hình rồng phượng bên trong, ép mạt bột trà thành bánh, gọi là Long đoàn, Phượng đoàn, Nguyệt đoàn[1]. Sái Tương (1012-1067), tác giả *Trà lục*, sau khi nhậm chức Phúc Kiến chuyển vận sứ, cư ngụ trường kỳ tại vùng sản trà danh tiếng của nhà Tống, Bắc Uyển, lại chế thêm bánh Tiểu Long đoàn, chất lượng vượt hẳn các phẩm trà trước, tiến cống lên triều đình Tống Nhân Tông. Tống Nhân Tông rất mực nâng niu, giữ làm của riêng, chỉ một đôi lần hãn hữu ban cho Trung Thư sảnh và Khu Mật viện, hai cơ quan cấp cao nhất nhà Tống, mỗi phủ một bánh Tiểu Long đoàn. Âu Dương Tu từng nhậm chức ở cả hai phủ, làm quan hơn hai mươi năm, rốt cuộc cũng chỉ một lần duy nhất được ban một bánh chè[2]. Đủ thấy lúc này, trà không còn là đồ uống thông thường, mà đã phát triển thành một thứ ngoạn vật, một món hàng sưu tập của giới có tiền và

Bánh chè Tiểu Long đoàn minh họa trong *Tuyên Hòa Bắc uyển cống trà lục*, dẫn theo *Trà điển*.

1. *Trà sự biến lược*《茶事遍略》. Tr.172.
2. (Tống) Âu Dương Tu. *Long trà lục hậu tự*. Nguyên văn: 歐陽修《龍茶錄後序》仁宗尤所珍惜，雖輔相之臣，未嘗輒賜，惟郊禮致齋之夕，中書樞密院各四人共賜一餅[...]余至登二府二十余年，才一獲賜。

quyền. Có thể nói, các loại cống trà xuất từ Bắc Uyển liên tục tranh kỳ đấu xảo, hễ tuyệt phẩm mới xuất hiện, danh trà trước liền trở thành phẩm thường. Tiểu Long đoàn ra mắt, Long Phượng đoàn thành thứ phẩm. Mật Vân Long được tạo tác thời Tống Thần Tông, phẩm chất lại vượt Tiểu Long đoàn. Đến thời Tống Huy Tông chuộng bạch trà, bạch trà từ đó soán ngôi đệ nhất[1]. Mật Vân Long bởi vậy lui dần vào dĩ vãng, nhường chỗ cho phẩm bạch trà Long Viên Thắng Tuyết, rồi kế đến là Tân Long Viên Thắng Tuyết v.v. "Thiên ngoại hữu thiên", các bánh chè siêu phẩm vẫn đua nhau xuất hiện không ngừng. Xây dựng trên tinh thần cầu tiến, không có chất lượng nào tốt nhất, chỉ có chất lượng ngày một tốt hơn, chắc chắn không có cửa cho sự tự mãn. Tuy nhiên, để cả một nghề chè thực sự phát triển, không phải chỉ dựa vào những bánh thượng hạng cung cấp cho quý tộc cung đình, còn phải có nhu cầu lớn từ xã hội, đòi hỏi những phẩm trà ngon nhưng giá cả phải chăng. Ngay ở những vùng chuyên xuất cống trà, ngày thường vẫn sản chè lá rời để đáp ứng nhu cầu xã hội[2]. Chè bánh với chè rời, xét cho cùng vẫn chia sẻ nhiều kỹ thuật chế tác tương đồng. Có điều, việc chế tạo bánh chè cống phẩm quá mức kỳ công, khiến vua Thái Tổ nhà Minh, vốn xuất thân từ gia đình nông dân, cho rằng việc chế tạo Long đoàn lớn nhỏ làm nhọc sức dân, cho nên năm 1391 bãi bỏ việc chế tạo bánh chè, chỉ cho phép hái chè búp, dâng cống chè rời mà thôi[3].

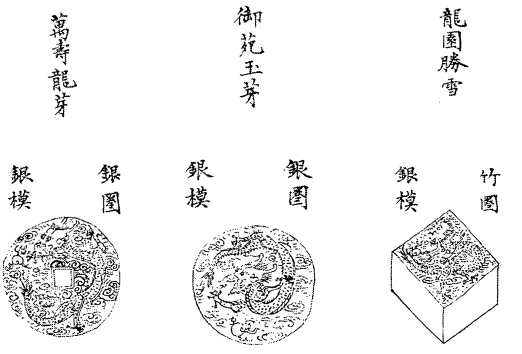

Các bánh chè cống phẩm Long Viên Thắng Tuyết, Ngự Uyển Ngọc Nha, Vạn Thọ Long Nha minh họa trong *Tuyên Hòa Bắc Uyển cống trà lục*, dẫn theo *Trà điển*.

Kể từ đây, việc chế tác chè bánh bị hạn chế, chè rời dần soán ngôi vị, trở thành dòng chủ lưu. Đặc biệt dòng chè xanh sao diệt men đã có những

1. *Trà sử sơ thám* 《茶史初探》. Tr.69.
2. *Trung Quốc trà kinh* 《中国茶经》. Tr.30.
3. (Minh) *Minh sử*. Nguyên văn: 《明史・卷八十・志第五十六・食貨四》舊皆採而碾之，壓以銀板，為大小龍團。太祖以其勞民，罷造，惟令採茶芽以進。

bước phát triển toàn diện và mạnh mẽ. Như vậy dựa vào hình dạng phẩm trà trong dòng phát triển của trà sử Trung Quốc với mốc thế kỷ XIV đi kèm chiếu lệnh của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương, có thể chia làm hai giai đoạn, giai đoạn Đường Tống với chè bánh chủ đạo và giai đoạn Minh Thanh về sau với sự thịnh hành độc tôn của chè lá rời. Đây là cột mốc quan trọng bởi nó đánh dấu sự thay đổi to lớn về cách thức dùng trà cũng như trà cụ ở Trung Hoa. Tuy nhiên ở những khu vực "trời cao hoàng đế xa" như Vân Nam, kỹ thuật sao sấy chưng hấp được tiếp biến, bánh chè vẫn được âm ỉ sản xuất cho đến ngày hôm nay.

"Chạnh tưởng cụ Pha đà khuất bóng,
Chẳng cùng bình phẩm Mật Vân Long."

(Nguyễn) Tùng Thiện vương Miên Thẩm

Mấy năm gần đây, phong khí thưởng trà ở Việt Nam ngày một khởi sắc, nhiều phẩm trà ngon từ Trung Quốc, Đài Loan được nhập về thị trường trong nước, có không ít siêu phẩm giá cao ngất ngưởng, một cân lên tới cả trăm triệu đồng. Nhiều người băn khoăn không hiểu tại sao một cân trà lại đắt đỏ đến vậy. Có công đoạn chế tác nào đặc biệt? Chất lượng liệu có thực sự vượt trội hơn? Dĩ nhiên, người buôn trà luôn viện vào một số lý do để hợp lý hóa cái giá đặt ra, song đó là câu chuyện khác. Xét riêng ở góc độ chế tác, chỉ cần có sự dụng công, đau đáu với nghề, nhất định cho ra sản phẩm tốt. Cái gọi là giai phẩm, siêu phẩm, bất quá là nắm bắt tốt kỹ thuật, luôn gắng vượt qua chính những gì mình đã làm được đó thôi. Năng lực có tiến hóa, sản phẩm làm ra mới có tiến hóa. Mọi việc khác cũng vậy, không riêng gì trà.

Từ cách làm nguyên thủy như vò chè, giã nát, phơi trong bóng râm, hay hong lá qua lửa đến ngả vàng, đoạn mới đun uống, đúc rút từ kinh nghiệm thực tế, đều nhằm giảm bớt vị chát ngái của lá chè. Càng về sau, người ta càng đào sâu tìm tòi phương thức chế tác, làm sao để tạo ra những phẩm trà ngon, cho hương thơm bền hơn, vị thanh dịu hơn, màu tươi đẹp hơn, nhìn chung có đủ cả sắc hương vị vận. Mà vận cảm là cảm nhận tinh tế để lại sau khi thưởng trà, một yêu cầu cao, chẳng dễ gì đạt được. Vào thời Đường, Lục Vũ quan niệm phải hái lá chè trong khoảng từ

Hái chè. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

tháng Một tới tháng Tư âm, khi *lá mầm mới nhú, còn ngậm sương*, và chỉ hái lúc trời tạnh hửng không mây[1]. Các dạng chè lâu nay ta vẫn gọi Vũ tiền, Vũ hậu, Minh tiền, Minh hậu, tức trước sau tiết Cốc vũ, tiết Thanh minh, thực chất là chè vụ xuân, cùng lắm là chớm hè theo giá trị quan được đặt định từ thời Lục Vũ. Trà nhân thời Tống chia sẻ chung quan điểm phải hái chè nhằm ngày tạnh ráo, từ tinh mơ khi lá còn ngậm sương, ngoài vụ chè xuân, còn thu hoạch thêm vụ thu, cách hái xét ra dụng công, cầu kỳ hơn thời Đường. Tống Huy Tông (1082-1135) cho biết: "*Hái chè vào tảng sáng, mặt trời ló thì dừng. Dùng móng ngắt chồi, không lấy ngón miết, e mồ hôi và hơi tay ám, khiến chè không tươi sạch. Bởi vậy, thợ chè phần đông đem nước mới gánh mang theo, ngắt được chồi liền thả vào nước. Hễ chồi nhỏ như lưỡi sẻ, như hạt ngũ cốc là tuyệt phẩm. Một tôm một lá là chồi tuyển, một tôm hai lá là thứ phẩm, còn lại là hạ phẩm.*"[2] Việc hái ngắt từ khi chồi lá ngậm sương, hay mỗi khi ngắt xong liền thả chồi vào dòng nước mát mới kín, đều nhằm lựa chọn, bảo lưu phẩm liệu tinh khôi, tươi sạch nhất, cho thấy sự kỳ công của trà nhân

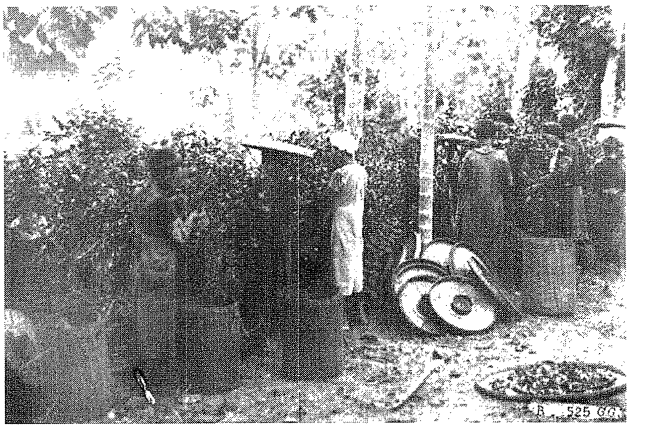

Phụ nữ Việt đầu thế kỷ XX hái chè.

1. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. Nguyên văn: 陸羽《茶經・三之造》若微蕨始抽，凌露採焉。其日有雨不採，晴有雲不採，晴採之。

2. (Tống) Tống Huy Tông. *Đại Quan trà luận*. Nguyên văn: 宋徽宗《大觀茶輪・採擇》擷茶以黎明，見日則止。用爪斷芽，不以指揉，慮氣汗熏漬；茶不鮮潔。故茶工多以新汲水自隨，得芽則投諸水。凡芽如雀舌穀粒者為鬥品，一槍一旗為揀芽，一槍二旗為次之，餘斯為下。

đương thời, đời sau ít nơi nào làm theo được vậy. Còn việc phân định chất lượng giữa các nguyên liệu, hiển nhiên, phẩm một tôm một lá ưu việt hơn loại chè bồm lá già vỡ vụn. Song việc khai thác chồi non mới nhú bất quá xuất phát từ tâm lý chuộng tinh cầu kỳ mà thôi, vị trà thực tế không khác biệt tới trời vực.

"Vị trà tuy đồng đều, song tinh phẩm nằm ở chồi non, ngắt lấy chồi mới nhú như lưỡi sẻ, gọi là thương (mũi giáo, ta quen gọi là tôm), lá hơi xòe ra, gọi là kỳ (lá cờ). Lá thì không phải thứ đáng quý, bất đắc dĩ hái lấy một thương một kỳ (một tôm một lá) còn có thể được. Quá hơn là loại già rồi. Chồi non mới là thứ khó có vậy."[1]

Diệp Mộng Đắc (1077-1148), *Tị thử lục thoại*

Không hiểu sao, lâu nay các câu chuyện đồn thổi về trà tàu ở ta hay nhắc tới thứ trà trảm mã, trà trinh nữ, coi đó như những sự dụng công cầu kỳ của người Trung Hoa đối với việc chế tác lá trà. Sau khi tìm hiểu, quả nhiên vài cuốn sách trà trong nước có mô tả những thứ trà này thật. Nào là người Trung Hoa cho ngựa ăn trà rồi mổ bụng để lấy uống, hay để trà ám hương thiếu nữ, dưỡng âm rồi mới dùng, xét ra toàn những sự thô thiển, không có mấy cứ liệu đáng tin. Thế nhưng thói thường người ta vẫn ưa nghe những chuyện kỳ dị lạ lùng, hơn là sự thực đơn thuần. Thị trường sách vẫn tràn lan dạng sách dã sử mang tính đồn thổi đó thôi. Người ta vẫn thuộc lòng việc vua Minh Mạng *nhất dạ ngũ giao sinh tứ tử* ra làm sao, Từ Hy thái hậu ăn uống dị hợm thế nào, toàn thông tin thực hư điên đảo. Xét cho cùng, nhảm là nhu cầu giải trí của con người. Miễn sao, nên phân biệt rõ giữa thông tin hư cấu và câu chuyện thực tế là được. Chỉ sợ, những chuyện ngoa truyền về lâu lại được coi là sử thực mà thôi.

Trước nay, khi nói tới sự dụng công lựa chọn nguyên liệu làm trà, người xưa đều nhắc tới lưỡi sẻ hay móc câu, vốn là những cái tên liên tưởng trực quan tới chồi trà mới nhú. *Trà phổ*, từ thế kỷ X, cho biết các loại chồi non có hình dạng như lưỡi sẻ (tước thiệt), mỏ quạ (ô chủy),

1. (Tống) Diệp Mộng Đắc. *Tị thử lục thoại*. Nguyên văn: 葉夢得 《避暑錄話・卷下》蓋茶味雖均，其精者在嫩芽，取其初萌如雀舌者，謂之槍。稍敷而為葉者，謂之旗。旗非所貴，不得已取一槍一旗猶可。過是則老矣。此所以為難得也。

hạt mạch (mạch lạp) v.v. là thượng phẩm bậc nhất của chè lá rời[1]. Vua quan nhà Tống như Tống Huy Tông, Diệp Mộng Đắc, Sái Tương đều cho rằng lưỡi sẻ cũng là nguyên liệu tuyệt phẩm để làm chè bánh. Chỉ riêng Thẩm Quát (1031-1095), học giả có cống hiến lớn lao đối với nền khoa học trung đại của Trung Quốc, lại có quan điểm khác. Ông cho rằng nguyên liệu chè thượng phẩm phải là loại chồi đã mọc dài, cỡ hơn một tấc (3,5cm), còn loại chồi quá non như lưỡi sẻ, hạt mạch thực ra là nguyên liệu cực kém, do người miền Bắc không hiểu nên mới nhầm lẫn[2]. Kể từ thế kỷ XVI trở đi, dưới sự thúc đẩy của chiếu lệnh ban ra từ Minh Thái Tổ, nhận định của Thẩm Quát được cho là đúng đắn, chồi non không còn được coi là tinh phẩm, nguyên liệu một tôm một lá mới là hảo hạng[3]. Đây cũng là quan điểm chung của trà giới ngày nay.

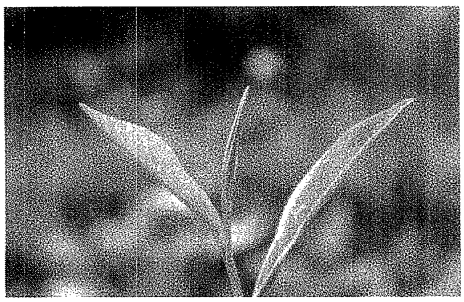

Một tôm hai lá. Nguồn ảnh: Hiệp hội Chè.

Xét từ tư liệu Việt Nam, trong khoảng từ thế kỷ XIV tới thế kỷ XVI, văn nhân tri thức Việt vẫn hết sức đề cao phẩm trà lưỡi sẻ. Trà nhân vẫn khai thác chế tác, chứng tỏ kỹ thuật làm chè khô ở ta đã xuất hiện từ sớm. Thiền sư Tuệ Tĩnh (1330-1400) là người đầu tiên nhắc tới loại chè này, bằng chữ Nôm, ông nhận định: "*Chè lưỡi sẻ là Tước Thiệt hảo trà*"[4]. Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) ung dung tự thưởng cho mình một ấm chè lưỡi sẻ mới pha, nước hứng từ sương

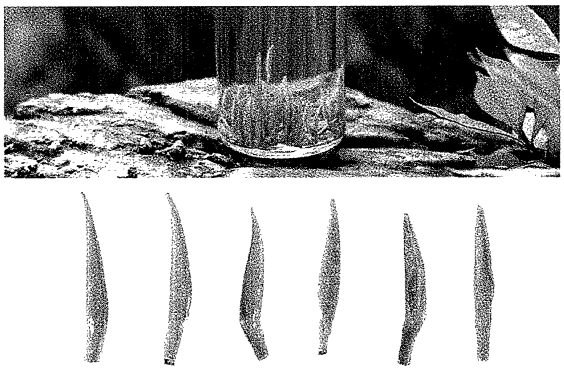

Chè lưỡi sẻ. Nguồn ảnh: Puertea.

1. Sách gốc đã mất, được chép lại trong *Thái Bình hoàn vũ ký* (thế kỷ X). Dẫn theo *Trà sử sơ thám*. Tr.172.
2. (Tống) Thẩm Quát. *Mộng khê bút đàm*. Nguyên văn: 沈括《夢溪筆談·卷二四·雜誌一》芽茶，古人謂之雀舌，麥顆，言其至嫩也。今茶之美者，其質素良而所植之土又美，則新芽一發便長寸餘，其細如鍼。惟芽長為上品以其質幹土力皆有餘故也。如雀舌麥顆者，極下材耳。乃北人不識，誤為品題。
3. (Minh) Lý Hủ. *Giới Am mạn bút*. Nguyên văn: 李詡《戒庵漫筆》昔人論茶以槍旗為美，而不取雀舌，麥顆。
4. (Trần) Tuệ Tĩnh. *Nam dược quốc ngữ phú*. 慧靜《南藥國語賦》. Dẫn theo *Tuệ Tĩnh toàn tập*. Tr.382.

tuyết[1]. Sống cùng thời với Nguyễn Bỉnh Khiêm, quan nhà Mạc là Dương Văn An (1514-1591), khi khảo sát các vùng núi từ Quảng Bình trở vào Quảng Nam, cho hay *"trà ở huyện Kim Trà có tên là Tước Thiệt, xuất ở núi An Cựu, giải khát, tỉnh thần, xua phiền não, chữa sưng phù, đứng đầu bách thảo... Trà ở Kim Trà vị rất ngon."*[2] Trước đó, Nguyễn Trãi (1380-1442) cũng ghi nhận loại chè này xuất hiện ở châu Sa Bôi, xứ Thuận Hóa[3]. Không rõ đương thời, Tước Thiệt ở ta là dạng đóng bánh hay lá rời, song có thể khẳng định, khu vực Huế-Quảng Trị muộn nhất vào thế kỷ XV, XVI đã khai thác chồi chè non, nội tiêu trong nước. Tuy nước ta có một số vùng sản chè khô, nắm bắt được kỹ thuật chế tác, thậm chí một số cá nhân có thể tự trồng trọt, sao sấy chè, như sư cụ chùa Long Đọi (Hà Nam) vào đầu thế kỷ XIX *"tự tay hái sấy, phong vị như Vũ tiền, mà hương khí rất nồng hậu"*[4], song kỳ thực sản lượng chè khô trong nước không nhiều, các triều đại phong kiến Việt Nam cũng không chú trọng phát triển ngành chè, chủ yếu vẫn là chè nhập qua con đường Vân Nam phục vụ một bộ phận nhỏ trong xã hội.

"Ta nhân vậy cảm khái, trước giờ những người nắm giữ đất nước chưa từng lưu ý đến việc lợi dụng (kỹ thuật) để dẫn dắt người dân vậy [...] Người trị nước nếu biết nhân cái sản vật tự nhiên mà khéo léo sử dụng, chế thành các thứ cần dùng, thì so với Trung Quốc, thiết tưởng cũng chẳng cách nhau quá xa[5]*."*

Phạm Đình Hổ (1768-1839), *Vũ trung tùy bút*

Để trà có thể có *"phong vị Vũ tiền mà hương khí rất nồng hậu"*, chắc chắn cần đến kỹ thuật sao sấy thuần thục. Sư cụ chùa Long Đọi kế thừa kỹ thuật ấy từ đâu, về sau có truyền nhân hay không, thực khó có thể trả

---

1. (Mạc) Nguyễn Bỉnh Khiêm. *Đệ tam thập bát*. Nguyên văn: 阮秉謙《第三十八》雪水新烹雀舌茶. Trong nhiều câu thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm có nhắc tới tuyết, nước tuyết, theo tôi nên hiểu là sương.
2. (Mạc) Dương Văn An. *Ô Châu cận lục*. Nguyên văn: 楊文安《烏州近錄・卷二・產物門總論》金茶之茶名雀舌，出安舊山，消渴清神，除煩去腫，百草之魁也。藥品此其最靈焉。金茶之茶味甚佳，定魁百草。
3. (Lê) Nguyễn Trãi. *An Nam vũ cống*. Nguyên văn: 阮薦《安南禹貢・肇豐府・沙盃州》沙盃茶惟雀舌。
4. (Nguyễn) Nguyễn Tư Giản. *Thạch Nông thi tập*. Nguyên văn: 阮思澗《石農詩集·七月十七日登龍隊山寺》日午登寺遊覽，老僧薦茗，別院及下山，手封惠茗，乃僧氏所採焙，風味似雨前，而氣頗濃厚。
5. (Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút*. Nguyên văn: 范廷琥《雨中隨筆·茗飲》余因慨，夫前此秉國者之未嘗留意于利用前民也 [...]《雨中隨筆·地脈人物》謀國者，能因自然之產而善用之，製作之利，服用之需，較之中州，想亦不甚相遠。

Sáu loại sắc trà.
Tranh Mai Trung Thứ vẽ năm 1974.

lời. Chỉ biết rằng, thời Pháp thuộc, người Pháp đã khảo sát kỹ các vùng chè Việt Nam, đồng thời cho người học tập, nghiên cứu công nghệ chế tác chè xanh của Trung Quốc, Nhật Bản, ứng dụng vào những xưởng chè đầu tiên, lớn nhất bấy giờ là Phú Hộ và Bảo Lộc[1]. Nhờ có kỹ thuật chế tác mà sắc hương vị vận của trà biến đổi muôn màu muôn vẻ, dần dà hình thành nên các dòng trà phô sắc khoe hương, có thể phân biệt dựa theo màu nước từ xanh tươi, ngả vàng, chuyển dần về đỏ sậm. Trước kia người làm trà Việt chủ yếu chế tác chè xanh, phát triển đến ngày nay, lục, bạch, hoàng, hồng, Ô Long, hắc, Phổ đều được nghiên cứu, chế tác đầy đủ.

1. *Cây chè Việt Nam.* Tr.441.

PHÔ SẮC KHOE HƯƠNG

Những bước tạo nên hương sắc của trà

"Danh trà, mời khách uống. Cười nói, khói thơm bay."
(Lê trung hưng) Hải Thượng Lãn Ông, *Thượng kinh ký sự*

Ngày trước miệt mài uống chè xanh, với những phẩm chè Thái cao cấp, ngoài dư vị đượm bền, đôi lúc bất giác cảm nhận được mùi cỏ cây tươi tắn phảng phất trên mặt nước chè. Đến khi thường xuyên nhấm nháp dòng Ô Long, hồng trà, nhận ra bao cung bậc hương sắc của những phẩm loại khác nhau, mới thấy đây quả là một thế giới cỏ cây muôn vẻ, ẩn hiện trong làn khói nước bềnh bồng. Có những phẩm đọng lại dư hương tinh tế, cùng thang sắc sóng sánh tươi trong, đủ đầy vận vị. Dĩ nhiên, hương sắc ở đây là do kỹ thuật sao sấy tạo nên, chưa bàn tới việc chế ướp. Chỉ có kỹ thuật cao mới có thể bộc lộ, phát huy được hết những tinh túy trong lá chè.

Vài năm trở lại đây, tôi hay được bạn trà rủ lên các vùng chè ở miền núi cao phía Bắc, khi ngắm nhìn rừng chè cổ thụ xanh um, quanh năm mây phủ, khi

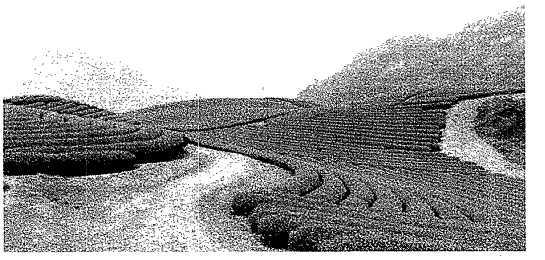

Đồi chè Mộc Châu. Nguồn ảnh: TQĐ.

tham quan những công xưởng rộng lớn, bạt ngàn đồi chè thấp cao. Trong làn khói mỏng tang phả lên từ chén trà, người ta tán thưởng nguyên liệu vùng cao hấp thu được tinh hoa trời đất, song cũng phác chút ngậm ngùi, cảm thán kỹ thuật chưa tương xứng hết với tiềm năng. Rõ ràng, đóng cửa cài then lại dễ khen nhau, anh dân dã thích vị đậm đặc, tôi mộc mạc ưa hương núi rừng, dẫu thế nào, một khi mở cửa hội nhập, bước vào sân chơi quốc tế, để có thể sản xuất những phẩm trà chất lượng cao, buộc phải nắm bắt tốt công nghệ, kỹ thuật, không thể chỉ dựa vào cái tâm, cái tình. Trước khi quay trở lại thấu hiểu sự mộc mạc ban đầu, buộc phải tiến tới đỉnh cao tinh xảo, không thể khác.

"Từ thời Minh Thanh về sau, cách làm trà tinh vi, việc dùng trà tỉ mỉ, từ các phẩm loại như bạch hào hay tiểu chủng sấy bằng gỗ thông, cho tới âu, ấm, oản sứ, than lửa, hỏa lò, siêu tay, không có thứ nào không dụng tâm chế tác."

Phạm Đình Hổ (1768-1839), *Vũ trung tùy bút*

Lá chè sau khi được hái xuống, liền được đem phơi héo. Việc phơi héo rút bớt độ ẩm trong lá khiến hương chất cô đọng, tuy nhiên phơi lâu phản ứng dần chậm lại hoặc dừng, thành ra chốc chốc phải đảo nong, lắc nong đánh động, để tiếp tục kích thích chuỗi phản ứng hương chất trong lá chè. Sau khâu phơi héo là tới công đoạn diệt men. Diệt men là nhằm hạn chế enzyme xúc tác oxy hóa lá chè, khiến lá giữ được hàm lượng polyphenol. Đây là một trong những khâu quan trọng của công nghệ chế tác trà, càng phát triển về sau, kỹ thuật càng được hoàn thiện. Ở Trung Quốc, thời Đường Tống (thế kỷ VII-XIII), cách thức diệt men chủ yếu là chưng thanh, hấp diệt men, song phương pháp sao thanh, sao diệt men

Khâu phơi héo lá chè. Nguồn ảnh: TQĐ.

đã bước đầu manh nha hình thành. Từ thế kỷ XIV trở đi, sao diệt men trở nên phổ biến hơn cả. Trong các sách trà mô tả kỹ thuật này, đặc biệt phải kể tới ghi chép trong *Trà giải* của học giả La Lẫm (1573-1620) thời Minh, về quy trình chế tác chè xanh cũng như những điểm mấu chốt trong kỹ thuật sao chè. Đây có thể coi là tổng kết toàn diện, hệ thống và chuẩn xác nhất liên quan tới việc chế tác trà trong thư tịch cổ, xét trên phạm vi thế giới[1].

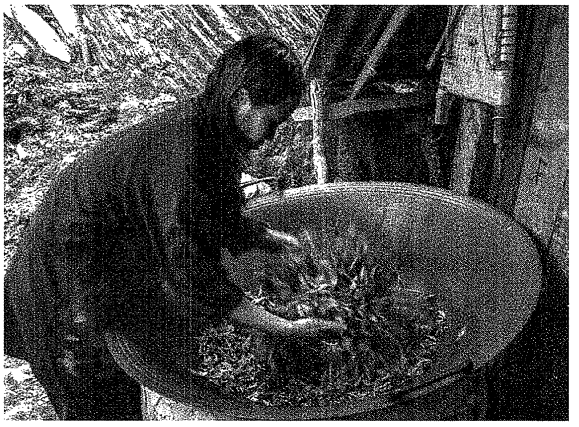

Sao diệt men trên chảo. Nguồn ảnh: Tân House.

"Chảo sao chè nên nóng, chảo sấy nên ấm. Hễ sao trà, chỉ làm một nắm, đợi chảo hơi bỏng tay, cho chè vào chảo, có tiếng tanh tách thì mau tay sao đều, cho ra nong, trải mỏng, dùng quạt quạt mát, hơi vò thêm, lại cho vào sao thêm một chút, để lửa nhỏ cho chảo sấy khô, sắc chè xanh như màu phỉ thúy. Nếu cho ra khỏi chảo không quạt, chè không tránh khỏi đổi màu. Lá chè tươi mới, chất nước mọng đầy, thoạt dùng lửa mạnh sao mau, ***để đẩy hương ra****, song lửa cũng không nên quá dữ, kỵ nhất là sao khô một nửa. Không sấy trong chảo mà đặt trong lồng tre quây dày, dùng lửa ri rỉ sấy khô. Sau khi sao chè chín, nhất định phải vò, vò thì mỡ màng tan chảy, cho một chút vào nước sôi là hương vị đã đủ đầy."*[2]

La Lẫm (1573-1620), *Trà giải*

Những kinh nghiệm được ghi lại trong *Trà giải* tới nay vẫn là nguyên tắc, kỹ thuật được các vùng gia công, chế tác chè xanh cao cấp ở Trung Quốc tuân thủ, so với kỹ thuật làm chè thủ công Việt Nam không có

1. *Trà sử sơ thám*《茶史初探》. Tr.93.

2. Nguyên văn: 羅廩《茶解·製》炒茶鐺宜熱，焙鐺宜温。凡炒，止可一握，候鐺微炙手，置茶鐺中，札札有聲，急手炒匀，出之箕上，薄攤，用扇扇冷，略加揉挼，再略炒。入文火鐺焙乾，色如翡翠。若出鐺不扇，不免變色。茶葉新鮮，膏液具足，初用武火急炒，以發其香，然火亦不宜太烈。最忌炒至半乾。不於鐺中焙燥而厚罨籠内，慢火烘炙。茶炒熟後，必須揉，揉則脂膏溶液，少許入湯，味無不全。

Thao tác vò chè. Nguồn ảnh: Trà Phong.

nhiều khác biệt. Từ khi công nghiệp hóa sản xuất lá chè, công đoạn sao chè hầu hết sử dụng lò quay có quạt gió phả hơi nóng diệt men. Các phẩm trà cao cấp đều kinh qua nhiều dạng kỹ thuật diệt men đặc biệt để khống chế một số chất hoạt tính trong hàm lượng polyphenol theo tỷ lệ nhất định. Tinh phẩm hay không được quyết định ở khâu này. Sau khi đã sao diệt men, lá chè trở nên mềm mại, dễ tạo hình, trà nhân bắt đầu tiến hành vò hoặc vê chè, đoạn mới tiến tới công đoạn cuối cùng là sấy khô. Đặc biệt, trong khâu chế tác các loại Ô Long, hồng trà, sấy chè bằng than gì, gỗ gì, lửa để thế nào, sấy trong bao lâu, kinh qua bao lần sấy, mỗi lần cách nhau bao nhiêu ngày v.v. tựu trung đều có tác động lớn tới hương vị trà. Đây là những bí quyết nhà nghề, chẳng dễ gì có thể lần hỏi được, buộc phải tự mày mò, thử nghiệm.

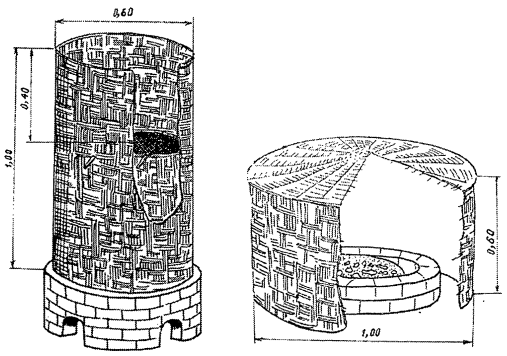

Quầy sấy khô (do giám đốc, kỹ sư Du Pasquier người Pháp, thiết kế tại Phú Hộ). Nguồn ảnh: *Cây chè Việt Nam.*

Trà sở dĩ có thể coi là một môn nghệ thuật ẩm thực, ngoài sự cầu kỳ về cách thức pha rót, sâu sắc với tinh thần Thiền đạo, còn bởi sự biến đổi không ngừng trong công nghệ chế tác. Đối với nghệ thuật, việc lặp đi lặp lại một phong cách trong một khoảng thời gian quá dài, sức sáng tạo coi như chết lâm sàng. Làm trăm cái như một chưa chắc đã là hay, cái hay nhiều khi xuất hiện cùng sự biến dị, đến từ chỗ không ngờ. Trà cũng tương tự như vậy, tuy vẻ ngoài hòa nhã êm đềm, song ẩn chứa bên trong là cả một thế giới sắc hương không ngừng vận động. Lá chè để già héo tự

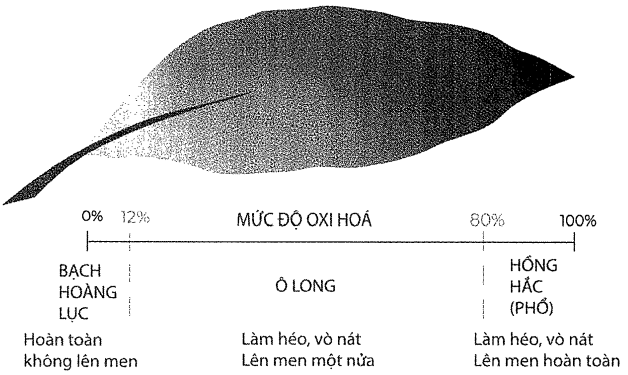

Mức độ oxy hoá của lá chè, theo Teapro.

nhiên, ắt tự động đổi màu. Nắm bắt được kỹ thuật, tức có thể chủ động khống chế được sự biến sắc và các phản ứng hóa học trong lá chè, từ đó chế tác các phẩm trà tùy theo ý muốn. Trà sư bấy giờ xét ra, đâu khác nghệ sĩ. Từ quy trình chế tác chè xanh cơ bản: sao diệt men, vò chè, sấy khô, mỗi một khâu thêm bớt biến dị, có thể tạo ra các dòng hoàng, hồng, hắc, bạch khác nhau[1]. Và đôi khi, khởi đầu của một dòng trà đến từ một "tai nạn". Tỉ như khi sao diệt men, nếu nhiệt độ sao thấp, hoặc sau khi sao xong không kịp thời hong, không kịp thời vò, hoặc vò xong không kịp thời sấy, chất đống quá lâu, đều khiến lá chè ngả vàng, cho sắc nước vàng, từ đó diễn tiến hình thành nên dòng hoàng trà. Cũng lại có khi người ta nhận ra phơi dưới ánh nắng mặt trời làm héo lá, sau khi vò xong, lá chè ngả đỏ, *"không dùng lửa sao, ngày mưa mới dùng than sấy khô, khi gom lại làm võ vụn thành mạt... gọi là hồng trà"*[2].

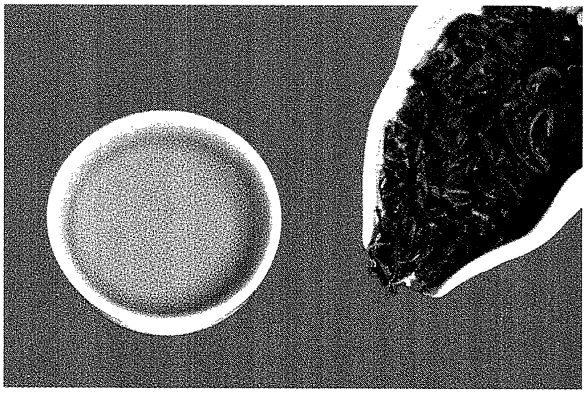

Hồng trà Shan tuyết, nguyên liệu và màu nước trà. Nguồn ảnh: TQĐ.

Cách chế tác hồng trà Shan tuyết cổ thụ ở Việt Nam, kỳ thực cũng không kém phần công phu. Do nguyên liệu búp và lá chè

1. *Trung Quốc trà kinh*《中国茶经》. Tr.38-40.

2. (Thanh) *Sùng Dương huyện chí*. Nguyên văn: 《崇陽縣志》其製，採細葉，暴日中揉之，不用火炒，雨天用炭烘乾，收者碎成末，名紅茶。Dẫn theo *Trà sử sơ thám* 《茶史初探》. Tr.95.

dày nặng, nhiều nước, nên việc hong phơi rất tốn công sức, sau đó phải vò và ủ chè nhiều lần. Vò làm sao để lá chè không gãy nát mà vẫn giập tế bào, còn ủ phải vừa độ ẩm, từ đó lá chè mới dần dần tự hô hấp, chuyển mình. Cuối cùng nhờ công phu sấy lửa nhiều lần từ nhiệt độ thấp đến cao, mới có thể đẩy ra hết được hương sắc của lá chè. Mùi hương tự nhiên của hồng trà Shan như hương hoa rừng, hương ô mai, hương mật ong, hương quế, bạc hà v.v. đều hình thành trong quá trình ủ và sấy.

Phẩm trà Chính Sơn được giới thượng lưu quý tộc thời Cảnh Hưng đua nhau vung tiền đặt mua, chính là danh phẩm Chính Sơn tiểu chủng xuất ở núi Vũ Di, được coi là hồng trà tị tổ, loại hồng trà sớm nhất thế giới. Chính Sơn được sấy bằng gỗ thông nên thoang thoảng mùi khói "tùng yên". Phạm Đình Hổ kể rằng *"sau khi lưu lạc, rất nghiện trà Bắc, dù ấm chén không đủ, tiền bạc eo hẹp, mà yêu như mạng sống, bạch hào hay tiểu chủng sấy gỗ thông, các phẩm nếm hết, bao lần cai vẫn không dừng được*[1]*."* Có câu *"vật dĩ hy vi quý"*, thói thường, mọi vật đều vì hiếm cho nên quý giá, đắt đỏ. Đẹp đẽ ngon lành đến mấy mà số lượng nhiều, người ta cũng không biết nâng niu trân trọng. Bởi vậy, nhiều khi cố tình hét một cái giá cao, bất quá là nhằm đề cao độ quý hiếm của vật phẩm mà thôi. Hồng trà Chính Sơn quãng ba bốn trăm năm trước hay lan đột biến cả tỷ đồng ngày hôm nay, đều theo cái lý đó. Làm được như Nguyễn Trãi *"ngọc tốt nào cần treo giá đắt, lan thơm rốt tự tỏa hương thanh"*[2], thiên hạ không được mấy người. Tại sao nhất thiết phải lựa đúng chồi non mới nhú làm tinh phẩm, là bởi tốn công sức mà sản lượng vẫn ít.

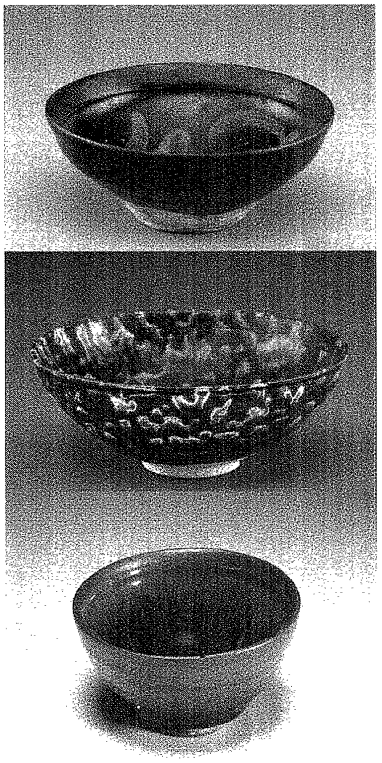

Chén trà thời Tống, dẫn theo tạp chí *Thu tàng gia* (số ra tháng 12/2018).

1. (Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút*. Nguyên văn: 范廷琥《雨中隨筆·序》流落以後，酷嗜北茗，雖甌瓶不具，資用弗繼，而愛之如命。毫焙松種，隨品遍嘗，屢斷之而不能絕。
2. (Lê) Nguyễn Trãi. *Thứ Cúc Pha tặng thi*. Nguyên văn: 阮鴈《次菊陂贈詩》美玉不勞求善價，猗蘭終自清芬。

Tương tự như thế, trong suốt các triều đại Lý Trần, chính sử ta có thể bỏ qua những chuyện ăn chơi ngủ nghỉ đời thường của vua chúa, song ngày nào năm nào có ai tiến cống voi trắng, rùa trắng, hươu trắng v.v. đều ghi chép lại tường tận. Bởi trong tự nhiên, các vật bạch hóa đâu có nhiều. Bạch trà, một giống trà biến chủng cho lá trắng, bởi vậy trở thành tuyệt phẩm ở Trung Hoa vào thời Tống, kéo theo sự ưa chuộng những chiếc chén màu đen hoặc đen ánh xanh, nhằm phô diễn sắc trắng đơm nở của bọt trà sau khi điểm nước sôi. Loại chén đen ấy đương thời được tăng lữ Nhật Bản đem từ núi Thiên Mục về nước, trở thành trân phẩm sưu tàng xưa nay. Phôi loại chén này cũng được tìm thấy tại di chỉ lò gốm Kim Lan, có niên đại thời Trần.

"Bạch trà - chè trắng là một chủng loại riêng, không giống chè thường. Cành trổ rộng mà vươn cao, lá sáng trong mà mỏng mảnh. Giữa vách núi rừng sâu, ngẫu nhiên đơm mọc, dẫu dùng sức người cũng không thể tạo ra được. Nơi có nó không quá bốn năm nhà, mỗi nhà không quá một hai cây, sản lượng chế tạo ra chỉ có hai ba xâu mà thôi. Mầm chồi không nhiều, cực khó hấp sấy, dụng nhiệt lỡ rồi, lại biến đổi mà thành phẩm thường. Phải chế tạo tinh vi, thao tác đúng mực, thì trong ngoài sáng rạng, như ngọc trong đá, không gì có thể so bì."[1]

Tống Huy Tông (1082 - 1135),
Đại Quan trà luận

Bánh chè bạch trà minh họa trong *Tuyên Hòa Bắc uyển cống trà lục* thời Tống, dẫn theo *Trà điển*.

1. (Tống) Tống Huy Tông. *Đại Quan trà luận*. Nguyên văn: 宋徽宗《大觀茶論·白茶》白茶自為一種，與常茶不同，其條敷闡，其葉瑩薄。林崖之間，偶然生出，雖非人力所可致。有者不過五家，生者不過一二株，所造止於二三胯而已。芽英不多，尤難蒸培，湯火一失已則變而為常品。須製造精微，運度得宜，則表裡昭徹，如玉之在璞，它無與倫也。

Bạch trà Shan tuyết.

Từ ưa chuộng giống cây bạch trà, người ta ưa lây sang những búp chè non mọc đầy tơ trắng mịn, vốn là nguyên liệu chế tác một số phẩm chè xanh vào thời Tống[1]. Khai thác nguyên liệu búp tơ trắng, bạch hào, để giữ nguyên toàn bộ lớp tơ mịn trên búp trà, trà nhân không vò lá, chỉ hong phơi trong bóng mát cho đến khi khô, hoặc sau khi lên men một chút dùng lửa nhẹ sấy khô. Lá chè bởi vậy phô sắc trắng, trở thành dòng trà riêng biệt mang tên bạch trà. Đến khi pha hãm, tơ trắng mới nổi trên mặt nước, chứng tỏ lá chè tươi mới. Hải Thượng Lãn Ông kể rằng, trước khi ông lên thuyền về quê, thị nội tả quan đóng ở Hoành Đình mới đem biếu ông một cân Bạch Hào để tỏ lòng hậu tạ. Ông cho biết đây là thứ trà danh tiếng, vị tả quan còn hứa sẽ tặng thêm vào lần sau[2], chứng tỏ Bạch Hào bấy giờ là một trong những phẩm trà được người Việt thời Lê ưa chuộng. Bạch trà ở ta khai thác từ nguyên liệu Shan tuyết với kỹ thuật tốt, cho hương vị thơm ngậy, để ý trong chén nước cũng thấy những sợi tơ trắng lóng lánh bềnh bồng, xứng đáng liệt vào hàng thượng phẩm.

"*Bán lọ chè tàu, Sinh Mậu, Ô Long, Liên Tâm*".
Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

1. *Trung Quốc trà kinh* 《中国茶经》. Tr.39.
2. (Lê) Lê Hữu Trác. *Thượng kinh ký sự*. Nguyên văn: 黎有卓《新鐫海上醫宗心領全帙・記事尾卷・九四》侍內左官軍次在橫亭。余來敍別，悒快之情動於顏色。辰余作別，伊官出贈名茶一包，詩一首。其詞云：禁城久衛，無以為贈，殊覺無聊，今有白毫一斤遞候，預為他日寄梅，笑納。

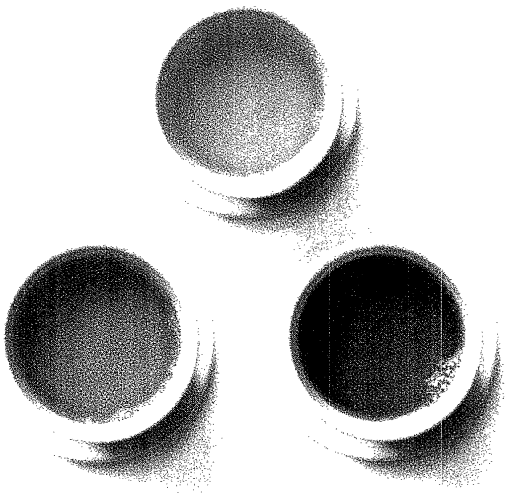

Các sắc độ nước trà Ô Long. Nguồn ảnh: Rishi Tea.

Trong các phẩm trà tàu được ưa chuộng tại Việt Nam vào quãng thế kỷ XIX, XX, không thể không nhắc tới danh trà Ô Long, Long Tỉnh, Thiết Quan Âm, Liên Tử Tâm. Đặc biệt, Ô Long chính là dòng trà thượng phẩm được giới phong lưu thành thị ưa chuộng tìm mua nhất, là thức uống đắt tiền của tầng lớp giàu có[1]. Tùng Thiện vương Nguyễn Phúc Miên Thẩm (1819-1870), vị hoàng tử thứ mười, con vua Minh Mạng, đương thời nổi tiếng là người sành trà. Ông kể, có bận mở phong trà Ô Long ra định pha, thoáng ngửi thấy mùi hương thoảng nồng trong gió xuân êm ả, chợt nhớ tới người bạn thiếu sư Nguyễn Văn Chính quá cố. Sinh thời, mỗi khi ông thiếu sư được tặng trà Ô Long, không bao giờ nỡ thưởng thức một mình, nhất định phải đợi có đủ mặt Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương Miên Trinh và Quảng Ninh quận vương Miên Mật, mới tự tay mở gói trà ra pha uống[2]. Hoàng Đạo Thúy (1900-1994) thì kể lại, đoạn phố nhỏ từ giữa Cầu Gỗ đi ra Bờ Hồ (nay là phố Hồ Hoàn Kiếm) xưa chuyên bán trà. Rất nhiều vị nghiện trà đều đổ tới đây mua Ô Long, đến mức nhiều nhà buôn khôn lỏi tự chế ra Ô Long bằng cách trộn hương liệu với chè Thái hoặc chè Phú

1. *Cây chè Việt Nam*. Tr.164.
2. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương, *Uống trà Ô Long chạnh nhớ thiếu sư Nguyễn Văn Chính quá cố.*

Thọ. Mấy vị nghiện trà cứ thế lũ lượt kéo đến, mua hết cân này đến cân khác về cất trữ, hầu giữ lấy hương vị đầu xuân, phải mấy chục năm sau mới phát giác[1]. Đủ thấy trước đây, với phẩm Ô Long hảo hạng, người ta yêu chuộng, nâng niu đến mức nào.

"Vũ Di luyện lửa đã tinh tay.
Từng đọ phẩm ưu, đệ nhất này.
Chén nổi nụ vàng rồng uyển chuyển,
Khói vờn củi quế hạc tung bay.
Đẩy lui cơn ngủ đem trao suốt.
Đánh bạt ma men nếm thử hoài.
Tìm kiếm nâng niu mùi đắng ngọt.
Du nang chớ để giọt nào rơi.[2]"

Trịnh Hoài Đức (1765-1825), *Đem trà Vũ Di tặng Ngô Nhữ Sơn*

Người Việt xưa tại sao lại chuộng Ô Long đến vậy? Ô Long có gì đặc biệt? Xét ở mức độ lên men, Ô Long là loại lên men một nửa, nằm giữa lục trà (diệt men hoàn toàn) và hồng trà (lên men hoàn toàn), cho nên vừa có mùi hương hoa trong trẻo, vừa có vị đậm đà tinh tế. Cũng bởi là giống trà đặc biệt, cho nên tùy theo thổ nhưỡng khí hậu từng vùng, công thức chế tác gia giảm ở từng nơi, hình thành nên những phong vị khác nhau hết sức rõ rệt[3]. Những danh trà tiêu biểu thuộc dòng Ô Long phải kể đến Nham trà Vũ Di, Thiết Quan Âm An Khê, Đại Hồng Bào, Thiết La Hán, Nhục Quế, Thủy Tiên, Phượng Hoàng Đơn Tùng, Đông Phương Mỹ Nhân, Ô Long Đống Đỉnh v.v. Mỗi phẩm mang một nét hương quyến rũ đặc thù, day dứt đọng lại trong đáy chén, nhất là khi đã nhấp cạn nước trà. Bởi vậy thưởng thức dòng trà hương nói chung, sau khi chiêu xong ngụm nước, người ta lại đưa chén

---

1. Tham khảo *Hà Nội thanh lịch*. Tr.121. *Cây chè Việt Nam*. Tr.479.

2. (Nguyễn) Trịnh Hoài Đức. *Dĩ Vũ Di trà tặng Ngô Nhữ Sơn*. Nguyên văn: 鄭懷德《以武彝茶贈吳汝山》武夷精揀火前方，茗戰曾優第一場。金顎甌浮龍宛轉，桂薪烟裊鶴翱翔。睡魔可卻堪持贈，酒鬼能驅已試嘗。珍重須尋甘苦味，莫教餘瀝入油囊。

Du nang: *Vân Tiên tạp ký* cho biết thời Đường có loại trà tuyệt phẩm tên là Tử Nhung hương, các chùa chuyên dùng để cúng dâng Phật. Nhiều vị khách tới chùa hết sức nâng niu từng giọt trà này, thành ra mang sẵn theo du nang (loại túi chứa nước, làm từ nhau thai, bọng đái của trâu dê) để hứng lấy nước trà trong chén cúng mang về.

3. *Trung Quốc trà kinh* 《中国茶经》. Tr.287.

lên khẽ ngửi. Thứ hương gây bịn rịn lưu luyến ấy nhất thiết chớ bỏ qua ở những lượt trà đầu. Khởi nguyên của dòng Ô Long, trà giới nay còn bàn cãi, song công nghệ chế tác dòng trà Vũ Di này, muộn nhất đã hoàn bị vào đầu thời Thanh, thế kỷ XVIII. Cách chế tác Nham trà Vũ Di ngày nay vẫn bảo lưu được công nghệ chế trà Ô Long truyền thống tự ngày xưa[1].

"Trà Vũ Di... sau khi hái chè, trải đều trên nong, gác lên giá phơi trong nắng gió. Đợi khi sắc xanh dần lợt, sau đó sao sấy thêm vào. Như Dương Tiện, Giới Phiến chỉ hấp không sao, lửa sấy xong là thành hình. Tùng La, Long Tỉnh đều sao mà không sấy, cho nên sắc thuần xanh. Riêng trà Vũ Di sao sấy đều kiêm, khi pha ra, nửa xanh nửa đỏ, xanh là màu sao, đỏ là màu sấy. Chè hái rồi trải ra nong, trải xong thì lắc, hương khí phát ra lại sao, quá đi hoặc chưa tới đều không được. Vừa sao vừa sấy, lại lựa bỏ lá già, cuống cạnh, khiến hết thảy cùng chung một sắc."[2]

Vương Thảo Đường (thế kỷ XVIII), *Trà thuyết*

Nham trà Vũ Di.

1. *Trung Quốc trà kinh* 《中国茶经》. Tr.40.

2. (Thanh) Lục Đình Xán. *Tục trà kinh*. Nguyên văn: 陸廷燦《續茶經·茶說》武夷茶 [...] 茶採後，以竹筐勻鋪，架於風日中，名曰曬青，俟其青色漸，再炒焙。陽羨、岕片只蒸不炒，火焙以成。松蘿、龍井皆炒而不焙，故其色純。獨武夷炒焙兼施，烹出之時，半青半紅，青者乃炒色，紅者乃焙色也。茶採而攤，攤而搖，香氣發越即炒，過時不及皆不可。既炒既焙，复揀去老葉，枝蒂，使一種顏色。

Coi trọng mùi hương tự nhiên của trà và tìm cách đẩy hương tối đa, không phải câu chuyện một sớm một chiều, ngoài tâm huyết còn cần có kỹ thuật. Từng có thời gian dài, trà nhân thời Tống đem xạ hương, long não trộn lẫn với trà để trợ hương. Sau này, bên cạnh dòng trà hương sắc tự nhiên, còn có dòng trà phát triển song song, phảng phất hương sen, nhài, thủy tiên, mộc quế v.v. với kỹ thuật gây hương ngày một điêu luyện, khiến trà từng chút một, ướp quện cùng "thần hoa".

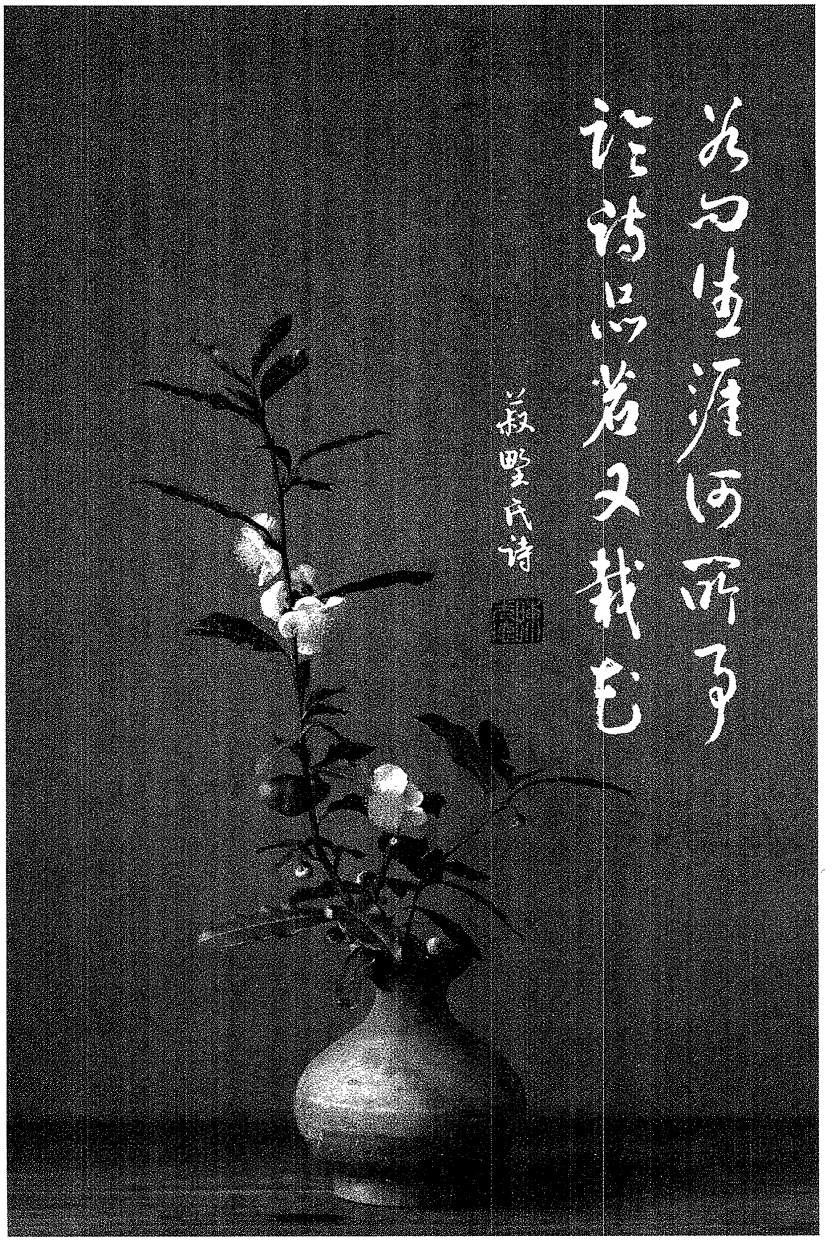

Cành hoa trà cùng câu thơ đề
"*Nhược vấn sinh nhai hà sở sự? Luận thi, phẩm mính, hựu tài hoa*"
(Hỏi kế sinh nhai, sao đáp lại? Thưởng trà, luận chữ, với trồng hoa)
của Thúc Dã Thị Nguyễn Phúc Ưng Bình. Ảnh minh họa: TQĐ.

ƯỚP QUỆN THẦN HOA

Lược khảo về trà hương hoa

"Sân trúc, sách bàn đương bóng nguyệt.
Thủy đình, trà rót quện hương sen."
Ngô Thì Lữ (1773-1821)

Một sớm trong veo mùa hạ, bên hiên nhà thoảng gió, chậm rãi tẽ cánh sen Tây Hồ, thu lấy dúm trà ướp xổi qua đêm, dầm trong chiếc ấm quả quýt phả khói dặt dìu. Đến khi nhấp ngụm trà đầu, hương sen theo làn nước nóng thấm đẫm cảm quan, chợt nhớ tới một sáng Huế xa, men theo lối cỏ mưa giăng bước vào chùa Từ Hiếu, hơi ẩm nồng của đất, của nước phảng phất mùi hương hoa thanh nhẹ. Lần theo dấu hương ấy, bất giác thấy trước mặt là cả một đầm sen chớm nở phủ kín hạt mưa. Cảm giác thật tinh khôi, sảng khoái. Lại có lần nọ, tụ tập bạn hữu thết tiệc trà, nhón tay lựa lấy tua, gạo trong búp sen đầu mùa, thả vào chiếc ấm da chu quện lẫn lớp trà đã đánh thức qua lượt nước sôi, dăm mười phút sau mới đem pha hãm. Mấy mái đầu túm tụm, hào hứng chờ chén trà đầu tiên thử phỏng theo cách điểm hoa tự cuối

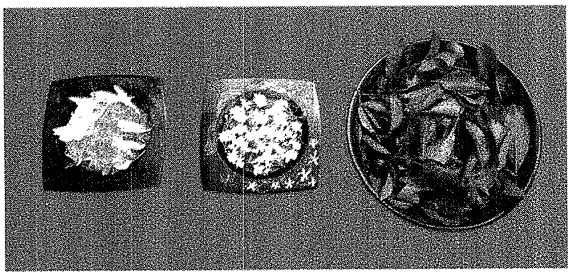

Trà điểm hoa. Nguồn ảnh: TQĐ.

thời Cảnh Hưng. Vẫn hương sen trong trẻo, vẫn vị trà đượm nồng, những "người ăn sen" như vừa bước qua cả mấy trăm năm.

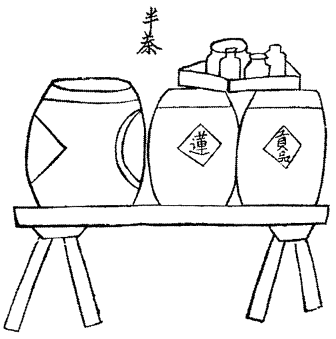

"*Bán trà, sen, cống phẩm*". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam*.

Người ăn sen (Lotus-eaters) trong tiếng Hy Lạp, ám chỉ những người nhàn hạ, dành thời gian tận hưởng thú vui thanh cảnh, hơn là xử trí những chuyện tục sự tầm thường. Ở đất Việt, từ lâu trà ướp sen được coi là tuyệt phẩm dành cho những người đài các phong lưu. Người có thì giờ ngồi lại thưởng thức chén trà sen hẳn cũng chẳng hơi đâu để tâm tới chuyện đời tủn mủn. Phan Kế Bính (1875-1921) kể, thói tục thời cuối Nguyễn ưa dùng trà Mạn, "*phong lưu hơn thì dùng trà tàu, trà ướp sen*"[1]. Xa hơn nữa, từ thế kỷ XVI, hai vị ẩn sĩ thời Mạc là Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Hàng cũng đều mến chuộng, thưởng trà sen tự lúc ban mai[2]. Thú thưởng trà hoa nhàn dật ấy, trong tầng lớp văn nhân nhã sĩ đã bén rễ lâu đời.

"Chỉ khủng dạ hàn xuân mộng khiếp, ám tương la tụ hộ hồng trang."
Mộng hoa ngỡ nhát đêm xuân lạnh, tay áo ngầm che lấy sắc hồng[3].

Lại Đức công chúa Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa (1830-1882),
Đêm ngắm mẫu đơn

Trước tiên hãy thử bàn qua về việc yêu hoa, trong khi nữ nhân bao đời thường ưa chuộng những loài yêu kiều diễm sắc, cánh nam tử văn nhân riêng thích vẻ đạm nhã thanh tao, lắm khi còn gửi gắm vào hoa xiết bao biểu tượng tinh thần. Điểm mặt danh hoa tiêu biểu thường xuất hiện trong thơ ca Việt Nam trung đại, ắt phải kể tới mai, lan, sen, cúc,

1. *Việt Nam phong tục*. Tr.310.
2. "*Trà sen sáng đợi người đưa khát*" (Nguyễn Bỉnh Khiêm, bài 139) và "*Sớm ba chén trà sen mát ruột*" (Nguyễn Hàng, *Tịch cư ninh thể phú*) cũng chính là những dòng tư liệu sớm nhất đề cập tới trà sen trong sử Việt.
3. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa. *Huệ Phố thi tập*. Nguyên văn: 阮福靜和《蕙圃詩集·夜看牡丹》祇恐夜寒春夢怯，暗將羅袖護紅妝。

Ướp trà với hoa cúc.
Nguồn ảnh: Trà Phong.

nhài, thủy tiên v.v. tựu trung có thể gói gọn trong hai từ: (hương) thơm và (sắc) nhã. Mai chất khiết bạch, trong giá rét vẫn trổ bung hương sắc tinh khôi, Nguyễn Bỉnh Khiêm ngợi ca *"tiết tháo kiên trinh trong giá buốt, riêng nhành mai lạnh bạn cùng ta"*[1]. Cao Bá Quát ngâm thơ đến câu hoa mai, tự cảm giác mồm miệng thơm trong, bèn viết *"lập đương trúc ảnh thân nghi họa, ngâm đáo mai hoa vẫn giác hương"*[2] (đứng vào bóng trúc thân ngờ vẽ, ngâm tới hoa mai miệng thấy thơm). Lan tính trang đài, "bất phùng tri âm, u cốc tự phương", dẫu không ai thấu hiểu, ở nơi u vắng vẫn âm thầm tỏa hương, bởi vậy, Cao Chu Thần lại tán dương *"nhã khiết hợp quân tử, u lan phẩm đứng đầu"*[3]. Cúc hạnh đạm bạc, chẳng muốn so bì hương sắc, nhằm lúc trăm hoa lục tục lụi tàn, mới *"một mình hương muộn nở trong sương"*[4], đến khi gió bấc ùa về, giữ nguyên ngạo cốt *"diệp bất ly thân, hoa vô lạc địa"*, từ lâu được coi là biểu tượng của người thanh ẩn.

"Băng là da thịt, ngọc dung nhan. Cười dựa đông song cả buổi nhàn.
Mười mấy lầu tiên đâu xứ sở. Lỡ theo dòng nước tới nhân gian."[5]

Trần Bích San (1840-1877), *Thủy tiên*

Sen cư trần bất nhiễm, cũng chiếm riêng một cõi phong tao, *"Hoa sen xứng với tâm thanh tịnh, tự tại trong bùn chẳng nhuốm nhơ"*[6] (Huệ Phố công chúa), *"mến hương thanh của sen ấy chừ, thường thấp thoáng mà ngát thơm;*

---

1. (Mạc) Nguyễn Bỉnh Khiêm. *Loạn hậu quy cố viên vịnh mai.* Nguyên văn: 阮秉謙《亂後歸故園詠梅》雪中不改堅貞操，惟有寒梅伴主人。

2. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Quá Phạm thị viên, đắc Hoài Phủ ký đáp Thận Tư thi, tức tịch phan vận lưu đề, kiêm trí Hoài Phủ.* Nguyên văn: 高伯适《過范氏園得懷甫寄答慎思詩即席攀韻留題兼致懷甫》立當竹影身疑畫，吟到梅花吻覺香。

3. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Lan vi quân tử.* Nguyên văn: 高伯适《蘭為君子》雅潔符君子，幽蘭品最良。

4. (Mạc) Nguyễn Bỉnh Khiêm. *Đông cúc.* Nguyên văn: 阮秉謙《冬菊》晚香獨向雪中開。

5. (Nguyễn) Trần Bích San. *Mai Nham thi thảo.* Nguyên văn: 陳碧山《梅岩詩草水仙》冰爲肌魄玉爲顏，笑倚東窗盡日閒，十二仙樓何處所，偶隨流水到人間。

6. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa. *Huệ Phố thi tập.* Nguyên văn: 阮福靜和《惠圃詩集·奉次韻倉山先生無非新榭避暑雜詠十首》蓮花能共俱心靜，自在泥中不染污。

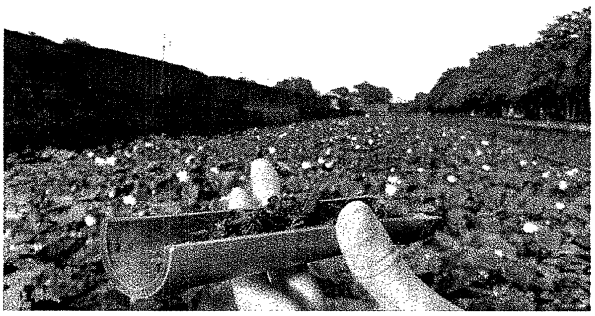

Thưởng trà sớm bên hồ sen, hoàng thành Huế. Ảnh: TQĐ.

sinh trong bùn không nhuốm bẩn chừ, so băng ngọc mềm mại hơn"[1] (Ngô Thì Nhậm). Đặc biệt, sen còn được coi là biểu tượng giác ngộ, mọc lên từ bùn lầy, giải thoát cũng trong chính bùn lầy, một khi hoa nở, tức thời muôn cảnh sáng bừng, hương thanh tỏa ngát. *"Muốn biết thân này cùng với Phật, trồng sen lặng ngắm sắc hồng đơm"*[2] (Tuệ Trung thượng sĩ), *"Ngọc đẹp náu đá cứng, hoa sen mọc bùn lầy, biết rằng chỗ sinh tử, bồ đề ngộ ở đây"*[3] (Minh Lương thiền sư).

"Chân tri Phật bất yêu cầu Phật, thành ái liên phi tham thái liên."
Thấu hiểu Phật không hoài tìm Phật, thật yêu sen chẳng hám hái sen.[4]

Ngô Thì Nhậm (1746-1803), *Đáp thân đệ Minh Trai*

Giới văn nhân trí thức bao đời vẫn luôn sinh ra lắm kẻ phong lưu nhàn hạ, thành ra mới có nhã thú thưởng trà ngắm hoa, ngâm thơ đề vịnh. Lúc này, ngoài thưởng thức hương vị trà-hoa, người ta hẳn còn bị ám thị bởi những biểu tượng thanh cao minh triết các loài hoa này gợi nhắc. Khi đứng trước ao sen, khi

Thưởng trà cùng hoa nhài. Ảnh: TQĐ.

1. (Lê) Ngô Thì Nhậm. *Thưởng Liên đình phú.* Nguyên văn: 吳時任《賞蓮亭賦》羨此蓮之清香兮，恒隱隱而撲鼻。生於泥而不染兮，淩玉壺而逶迤。

2. (Trần) Tuệ Trung thượng sĩ. *Thượng sĩ ngữ lục.* Nguyên văn: 慧中上士《上士語錄》欲知身與佛，種藕出紅蓮。

3. (Lý-Trần) Minh Lương thiền sư. *Tiểu kệ.* Nguyên văn: 明良禪師《小偈》美玉藏頑石，蓮花出淤泥。須知生死處，悟是即菩提。

4. (Lê) Ngô Thì Nhậm. *Đáp thân đệ Minh Trai.* Nguyên văn: 吳時任《答親弟明齋》真知佛不邀求佛，誠愛蓮非貪採蓮。

ngồi gần giậu cúc, lúc lại kề sát giò lan hay khóm thủy tiên v.v., hỏa lò, cấp thiêu, ấm chén lúc nào cũng chực sẵn. Để rồi *"chén rót trà pha đỏ, ghế ngồi lan lặng thơm"*[1] (Cao Bá Quát), *"trà kề sen trắng, hương đầy chén; trúc rủ bờ sông, bóng ngắt xanh"*[2] (Nguyễn Khuyến), hoặc giả *"ngẫm nghĩa nói cười bên khóm cúc, thưởng trà thết rượu hứng chưa tan"*[3] (Nguyễn Tư Giản) v.v. Bởi yêu tiếc hoa hương, đặc biệt ghiền trà, nên người ta mới tìm cách ấp ủ ngạt ngào lúc chớm đâm bông, đem quện lẫn với hương vị trà. Thoạt đầu, hoa tươi được thả trực tiếp vào trà rồi trút nước sôi như cách làm của thiền sư Tuệ Tĩnh: *"Mạt lị hoa tên gọi hoa lài [...] Mấy đóa hòa trà sảng khoái thay!"*[4].

Không rõ trà sen thời Mạc các vị ẩn sĩ Nguyễn Hàng, Nguyễn Bỉnh Khiêm thưởng thức được ướp quện thế nào. Còn trà sen lấy được lòng chúa Trịnh Sâm và "Bà chúa Chè" Đặng Thị Huệ cũng được sơ chế đơn giản không khác cách điểm hoa của thiền sư. *Thưởng Liên đình phú* với những dòng chú thích của chính tác giả Ngô Thì Nhậm (1746-1803) đã mô tả khá chi tiết cách chế trà sen đương thời. Trà sen ở đây,

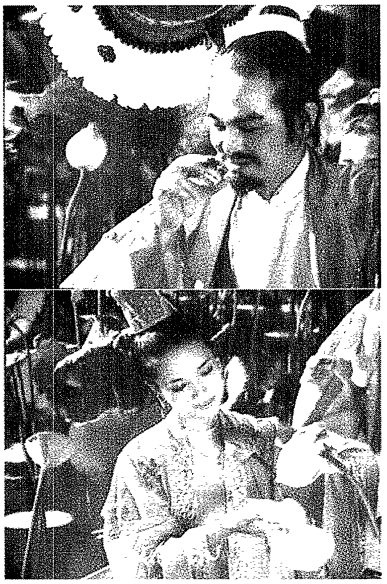

Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm và Tuyên phi Đặng Thị Huệ cùng thưởng trà sen trong phim *Đêm hội Long Trì*.

1. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Đề Trần Thận Tư học quán, thứ Phương Đình vận, kỳ thập nhất*. Nguyên văn: 高伯适《題陳慎思學館次方亭韻·其十一》幽蘭生坐馥，新茗入杯紅。

2. (Nguyễn) Nguyễn Khuyến. *Nhật mộ Thái giang hành chu*. Nguyên văn: 阮勸《日暮泰江行舟》岸垂綠竹影逾碧，茶近白蓮香滿杯。

3. (Nguyễn) Nguyễn Tư Giản. *Thưởng cúc ca*. Nguyên văn: 阮思澗《賞菊歌》循覘索笑叢菊邊，賞茶汎酒看未足。

4. (Trần) Tuệ Tĩnh. *Nam dược thần hiệu*. Nguyên văn: 慧靜《南藥神效·茉莉》茉莉花名号花菜，热辛無毒氣香佳。清肌潤燥能長髮，數朵調茶爽入懷。Phiên âm: *"Mạt lị hoa danh hiệu hoa lài. Nhiệt tân vô độc khí hương giai. Thanh cơ nhuận táo năng trưởng phát. Sổ đóa điều trà sảng nhập hoài."* (Dịch thơ: *Mạt lị hoa tên gọi hoa lài. Không độc, hương thơm, tính nóng cay. Nhẹ người, nhuận táo, thêm dài tóc. Mấy đóa hòa trà sảng khoái thay!*) Ở đây cần lưu ý, trong các văn bản chữ Hán *Nam dược thần hiệu* khắc in vào thời Nguyễn, nhiều chữ tam sao thất bản, khiến các bản dịch quốc ngữ về sau cũng lầm theo. Cụ thể trong bài thơ này, xưa nay người ta vẫn đọc và dịch câu cuối thành "mấy vị ướp trà". Trong khi đối chiếu với văn bản *Nam dược thần hiệu* xưa nhất còn đến nay là bản trùng khan năm Tân Tỵ (1761) thời Cảnh Hưng (ký hiệu A.3024, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm), mới thấy chữ 朵 *đóa* trong các bản in sau khắc thành 呆, rồi người đời sau đọc nhầm thành 味 *vị*. Mấy đóa "điều trà" nghĩa là đem mấy bông hòa vào với trà uống trực tiếp, không hẳn là ướp, cũng không *điều* thêm vị thuốc nào khác.

theo nguyên tác, gọi là Liên nhị trà. Đại để, trong tư dinh của quận công Nguyễn Hoàn (1713-1792) có ao trồng sen, tới mùa, quận công cho người *"hái lấy nhị sen làm trà"*. Một dịp, quận công dâng trà lên chúa Trịnh, chúa cùng Tuyên phi thưởng thức xong, lấy làm tâm đắc, bèn thưởng ba mươi lạng vàng trắng. Kể từ đó, *"**mỗi lần hái được nhị sen**, quận công liền cho **ruổi ngựa dâng lên**. Thịnh vương **lập tức pha trà**, triệu Tuyên phi tới cùng thưởng. Tuyên phi **thích nhất nhị sen**"*. Ngô Thì Nhậm miêu tả qua lời phú: *"Thu nhị bạc với tua vàng chừ, chạy về nhanh như chớp được. Vào bếp trà chốn phủ chúa chừ, vời mỹ nhân lên điện rực"*[1]. Kết hợp lời thơ với dòng nguyên chú, có thể thấy ngay sau khi sen được hái về, lập tức đưa vào bếp trà nội phủ để chế tác. Liền sau đó, chúa vời Tuyên phi tới thưởng thức. Chứng tỏ, bấy giờ người ta đem tua và gạo sen trộn lẫn cùng trà, để ngấm một lúc dùng ngay.

So với lối điểm sen thời Cảnh Hưng, cách ướp trà sen của Cao Bá Quát và ông bạn Phan Nhạ, xem ra đã cầu kỳ hơn.

"Búp sen thử tẽ thu trà mới, cùng bạn gánh đem suối lạnh về."

Cao Bá Quát, *Cùng Phan sinh dưới trăng uống trà*

Cao và Phan là hai ông bạn ghiền trà, thường hẹn nhau đối ẩm, thiết tưởng đã thưởng thức đủ loại danh phẩm trên đời. Cao Bá Quát mô tả cách ướp sen của hai ông qua dòng chú thích bài thơ *Tiểu kệ phẩm trà, ngồi khuya cùng Phan sinh*. Ông cho biết: *"Phan sinh thích đem trà đưa vào trong hoa sen, để qua đêm, cất trữ đem uống, vui thích vì có hương thơm mát"*[2]. Cách ướp này không chắc hai ông là người

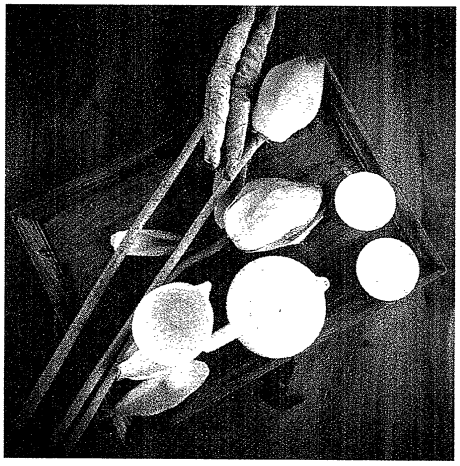

Thưởng thức trà sen ướp xổi.
Nguồn ảnh: Trà Phong.

1. Nội dung *Thưởng Liên đình phú* của Ngô Thì Nhậm được dẫn theo *Kim mã hành dư*, Ngô gia văn phái (ký hiệu VHv. 1743/21, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm). Toàn bộ đoạn phú liên quan đến việc thưởng trà và các dòng nguyên chú chữ Hán xin xem tại "Thưởng trà giai phẩm", thơ Ngô Thì Nhậm.

2. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Phẩm mính tiểu kệ đồng Phan sinh dạ tọa* - tiểu chú. Nguyên văn: 高伯适《品茗小偈同潘生夜坐》注：潘生好取茗荄納菡萏中，經宿儲飲，喜有涼馥。

đầu tiên thực hiện, song những ghi chép của Chu Thần, cho tới thời điểm hiện tại, vẫn là tư liệu sớm nhất đề cập tới cách chế ướp trà sen ở ta. Để trở thành một trào lưu mang tính xã hội, chắc chắn không phải cuộc vận động lẻ tẻ của dăm ba người. Không phải bỗng dưng vài chục năm sau, kể từ thời Cao Bá Quát, trà ướp sen lại thành danh trà được đông đảo người Việt ưa chuộng đến thế.

Có thể nói, trà ướp hoa xưa nay có vị trí quan trọng, thể hiện nét tinh tế thanh tao trong văn hóa ẩm thực dân tộc, đặc biệt là trà sen. Mặc dù trong lịch sử, việc ướp trà sen cũng từng được một số văn nhân Trung Quốc thực hiện, song sau rốt, vẫn không trở thành danh trà được ưa chuộng rộng rãi như ở Việt Nam. Có lẽ phần vì Trung Quốc vốn đã đầy rẫy những phẩm trà có hương tự nhiên đặc sắc, người sành trà xưa nay cũng chỉ ưa chuộng "chân hương", khiến trà hoa ít nhiều yếu thế, lu mờ. Song nói vậy không đồng nghĩa với việc phủ nhận sự phát triển dù là một nhánh tiểu lưu của dòng trà ướp hoa ở đất nước tỷ dân này, thậm chí, kỹ thuật ướp trà hoa đã có lịch sử lâu đời tại đây.

Chân dung họa sĩ Nghê Toản (1301-1374).

Trà ướp sen, sớm nhất được đề cập trong *Vân Lâm di sự*, cuốn sách ghi lại những câu chuyện về Vân Lâm lúc sinh thời. Vân Lâm là tên hiệu của Nghê Toản (1301-1374), một trong "Nguyên tứ gia", bốn họa sĩ lớn nhất thời Nguyên, đương thời có rất nhiều người hâm mộ. Nghê Toản đồng thời cũng nổi tiếng có tính cách kỳ quái, và hết mực mê trà. Ông tìm đủ cách chế ra những phẩm trà có phong vị đặc biệt. Như dùng quả óc chó, lõi hạt thông hòa với bột đậu vê thành viên nhỏ như hình dạng hòn đá, đặt vào trong nước trà, gọi là trà Thanh Tuyền Bạch Thạch. Bấy giờ có Triệu Hành Thứ là tông thất nhà Tống, hâm mộ danh tiếng họa sĩ tới thăm, Nghê Toản cho tiểu đồng dâng trà này lên mời. Hành Thứ nhoắng một cái ăn hết. Nghê Toản mới bực mình bảo: *"Tôi tưởng ngài là vương tôn, cho nên mới mời phẩm trà này.*

Hóa ra chẳng hiểu gì về thưởng thức. Thật là hạng thô tục", từ đó tuyệt giao[1]. Chính bởi tính cách cổ quái nên mới tạo ra được những thứ khác người, ngoài món trà Thanh Tuyền Bạch Thạch, phải kể đến Liên hoa trà của Nghê Vân Lâm.

"***Liên hoa trà.*** *Khi mặt trời vừa ló, lựa lấy bông sen mà nhị hơi hé mở, dùng ngón tay tẽ ra, đưa trà đầy vào trong, dùng sợi dây gai buộc túm lại, để qua một đêm, sáng sớm hôm sau hái cả bông xuống, lấy giấy trà bọc phơi, cứ vậy ba lần, rồi dùng hộp thiếc đựng, đóng nắp cất trữ*[2]."

(Minh) Cố Nguyên Khánh, *Vân Lâm di sự*

Xét kỹ ra, cách thức ướp trà sen Nghê Toản sáng tạo không khác cách làm của Cao Bá Quát và Phan Nhạ sau này. Cùng thời với hai ông Cao - Phan, ở Trung Quốc, Thẩm Phục (1763-1825), trong *Phù sinh lục ký*, cũng tả người vợ mình có cách ướp trà sen tương tự: *"Mùa hạ, khi hoa sen chớm nở, tối ngậm mà sớm xòe, Vân dùng túi the nhỏ, nhón một chút lá trà, bỏ vào tâm hoa, sớm hôm sau lấy ra, pha bằng nước suối trời, hương vị cực tuyệt."*[3] Chứng tỏ, ướp trà sen theo cách thức của Nghê Vân Lâm vẫn được tao nhân nhã sĩ các đời tham phỏng và kế thừa tới tận cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX, sau đó dần phai nhạt tại Trung Hoa. Trong khi ở Việt

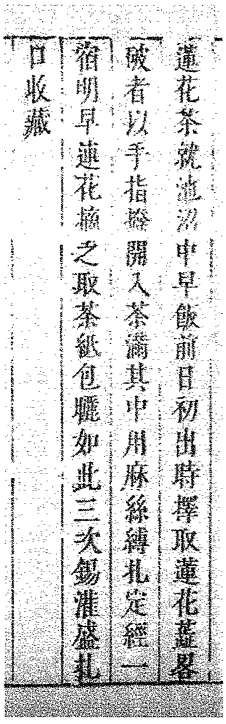
蓮花茶就池沼中早飯前日初出時擇取蓮花蓋畧
破者以手指撥開入茶滿其中用麻絲縛扎定經一
宿明早連花摘之取茶紙包曬如此三次錫灌盛扎
口收藏

Cách thức ướp trà sen của Nghê Toản ghi lại trong *Vân Lâm di sự*.
Nguồn ảnh: Thư viện đại học Harvard.

1. (Minh) Cố Nguyên Khánh. *Vân Lâm di sự*. Nguyên văn: 顧元慶《雲林遺事》元鎮素好飲茶，在惠山中，用核桃，松子肉和真粉成小塊如石狀，置於茶中，名曰清泉白石茶。有趙行恕者，宋宗室也，慕元鎮清致，訪之，坐定，童子供茶，行恕連啖如常，元鎮靦然曰：吾以子為王孫，故出此茶，乃略不知風味，真俗物也。自是絕交。Dẫn từ Harvard Library (https://curiosity.lib.harvard.edu/chinese-rare-books)

2. (Minh) Cố Nguyên Khánh. *Vân Lâm di sự*. Nguyên văn: 顧元慶《雲林遺事》蓮花茶就池沼中，早飯前，日出初時，擇取蓮花蕊略破者，以手指撥開，入茶滿其中，用麻絲縛扎定，經一宿，明早連花摘之，取茶紙包曬。如此三次，錫罐盛，扎口收藏。

3. (Thanh) Thẩm Phục. *Phù sinh lục ký*. Nguyên văn: 沈復《浮生錄記》夏月荷花初開時，晚含而曉放。芸用小紗囊撮茶葉少許，置花心，明早取出，烹天泉水泡之，香韻尤絕。*Nước suối trời ở đây chỉ nước mưa hoặc sương tuyết.*

Trà sen ướp xổi.
Nguồn ảnh: Minh Lam.

Nam, chẳng ai có thể tiên liệu tại sao trà sen lại được ưa chuộng đến vậy, đặc biệt về sau trà sen Việt Nam được phát triển tới tầm tinh phẩm, kỹ lưỡng hơn về việc chọn hoa, tinh tế hơn về việc lựa trà và cầu kỳ hơn về kỹ thuật chế ướp.

Cách ướp trà sen đầu thế kỷ XX, qua lời kể của bà Bảy, người sinh vào những năm 1930, chuyên ướp trà sen có tiếng ở Ngõ Gạch (Hoàn Kiếm, Hà Nội) trước đây, cho biết, "*sen phải là sen Tây Hồ, trà phải là trà Mạn Hảo. Bánh chè Mạn Hảo để lâu chừng bốn năm, mới đem ra ướp. Mà khâu quan trọng nhất là sấy. Phải sấy nhiều lần. Người xưa sấy bằng than củi, giã than thành vụn nhỏ mịn, sau khi đốt thì toàn bộ sắc đỏ, không có chấm đen, để tránh khói ám vào trà. Trước khi sấy phải gói kín, nếu mở gian sấy mà mùi sen ngào ngạt, coi như xôi hỏng bỏng không*[1]".

Theo quan niệm trước kia, trà đem ướp hoa phải là trà để lâu như trà Mạn, hoặc trà đã lạt hương nhưng đượm vị. Không ai dùng trà Ô Long còn mới nguyên đem ướp, phí cả hoa lẫn trà. Nguyễn Tuân qua *Chén trà sương sớm*, cũng có chung nhận định: "*Không bao giờ cho ướp trà mới, bất cứ là với hoa thơm nào [...] chỉ nên ướp, lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du*"[2]. Về sau, khi ngành công nghiệp trà ở ta phát triển, người ta mới hay dùng trà xanh để ướp hoa. Ở Việt Nam, ngoài sen và nhài, các loại hoa thường dùng ướp trà còn có thủy tiên, mộc quế, ngọc lan và chu lan (tức hoa sói). Quy trình kỹ thuật ướp trà hoa nói chung trong độ vài chục năm trở lại đây gồm những bước cơ bản như: trộn hoa, thông hoa, sàng hoa,

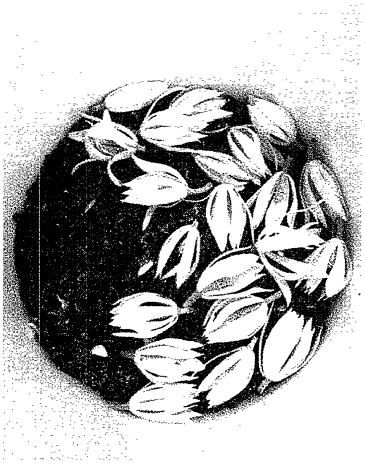

Trà ướp ngọc lan.
Nguồn ảnh: Tân House.

1. Hoàng Cường Long, *Một người thêm hương sen cho chè*, dẫn theo *Văn hóa trà Việt Nam*. Tr.121.
2. **Phát du**: nghĩa là biến đổi, biến chất. (BBT)

sấy khô, hong nguội và đề hoa. Ở khâu trộn ướp trà hoa cần được thực hiện trong thùng gỗ hoặc quây cót, nếu làm nhỏ lẻ thì có thể dùng âu sứ, hết lớp hoa này phủ lên lớp trà kia, đan xen hòa quện. Trà hút hương song cũng hút ẩm, khiến nhiệt độ tăng, cho nên mười lăm, hai mươi phút phải cào thành những luống trà nhỏ cho thoát hơi và giảm nhiệt, gọi là thông hoa. Sau khi sàng sẩy để loại bỏ cánh hoa thì sấy trà ở nhiệt độ cao, nếu cần, lại ướp thêm lần hai hoặc lần ba. Sau rốt, dùng một lượng hoa tốt tiếp tục trộn lẫn để trợ hương lần cuối cho trà, gọi là đề hoa. Sau công đoạn này lại sàng bỏ đi lớp hoa đề, đoạn mới đóng gói trà[1].

Ướp trà nhài. Nguồn ảnh: Tân House.

Trà ướp hoa ở Trung Quốc cũng xuất hiện từ sớm. Mặc dù nhiều phẩm trà thời Đường-Tống đều phát ra được hương thơm tự nhiên, song thói quen bấy giờ, theo Sái Tương, với những bánh trà cống phẩm, người ta vẫn đem một chút long não trộn lẫn với trà để trợ hương[2]. Đến cuối thời Tống, thế kỷ XIII, một số văn nhân kiêm trà nhân đã nghĩ tới việc ướp hoa cho trà, đặc biệt là hoa nhài[3]. Cách ướp trà hoa bấy giờ được mô tả như sau: "*Mộc quế, nhài, tường vi, lan huệ, hoa mai v.v. đều có thể làm trà. Khi hoa nở, ngắt lấy những bông nửa ngậm nửa hé, lượng xem trà nhiều ít, ngắt hoa trộn lẫn. Hoa nhiều thì quá thơm, hoa ít thì thiếu hương, đều không toàn mỹ. Ba*

1. *Cây chè Việt Nam.* Tr.486.
2. (Tống) Sái Tương. *Trà lục.* Nguyên văn: 蔡襄《茶錄》茶有真香，而入貢者微以龍腦和膏，欲助其香。
3. Thi Nhạc 施樂, sống vào khoảng những năm 1247, viết bài từ *Mạt lị* tả hoa nhài, có câu: 玩芳味，春焙旋熏 "*Thưởng mùi hương, trà xuân ướp quện*", được coi là ghi chép sớm nhất về việc ướp nhài ở Trung Quốc.

phần trà một phần hoa là cân xứng."[1] Sau hơn ba trăm năm phát triển, kỹ thuật ướp trà thời Minh trở nên dụng công, lão luyện hơn, đặc biệt phải kể đến kỹ thuật hấp cách thủy mà nhiều nơi chế ướp trà hoa tại Trung Quốc ngày nay vẫn truyền nối: *"Nên ngắt hoa trộn khi hương khí toàn vẹn, ba phần trà một phần hoa thu vào trong bình sứ, một lớp trà một lớp hoa, xen kẽ lấp đầy. Sau đó dùng giấy và vỏ tre bọc chặt, đưa vào chảo sạch hấp cách thủy, lấy ra để nguội, lại dùng giấy bọc lại, sấy khô trên lửa rồi cất trữ sử dụng. Song với loại trà chồi nhỏ thượng hạng, kỵ ướp hương hoa, đoạt mất hương vị, chỉ có trà thường là hợp thôi."*[2]

Trong các ghi chép về hoa đem ướp trà, không thể không đề cập tới dòng mô tả hoa nhài trong *Toàn phương bị tổ*, cuốn sách tương tự *Hoa phổ* thời Tống. Sách này cho hay, thói tục thời Tống bấy giờ dùng nhài làm thuốc thoa dưỡng mặt, cũng lại dùng nhài để pha trà và ướp trà. Đặc biệt, *Toàn phương bị tổ* dẫn *Nam Việt hành kỷ* cho biết khoảng thế kỷ II, III trước Công nguyên, nhài được di thực từ Ấn Độ tới vùng đất Nam Việt. Người Nam Việt rất mực ưa chuộng hương nhài, trồng ở khắp nơi. Những cô gái Việt còn xâu vòng hoa nhài, hoa đại đội lên đầu làm trang sức.

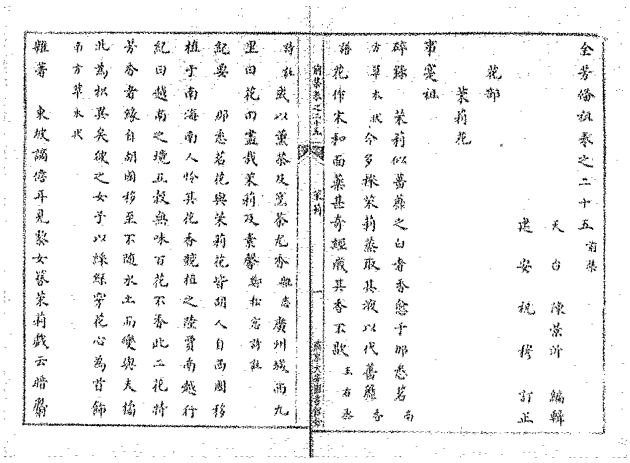

Hoa nhài ghi chép trong *Toàn phương bị tổ* (quyển 25, tờ 1).

"Nhài trắng như hoa tường vi, hương thơm hơn hoa đại, nay phần nhiều hái nhài hấp lấy nước để thay tường vi, nghiền thành bột hòa làm thuốc dưỡng nhan rất kỳ diệu, cả năm không bay hương. Có người đem ướp trà hoặc pha trà

1. (Tống) Triệu Hy Hộc. *Điều nhiếp loại thiên*. Nguyên văn: 趙希鵠《調燮類編·卷三》木樨、茉莉、玫瑰、薔薇、蘭蕙、橘花、橘子、木香、作梅花皆可茶。諸開花時、摘其半含半曲全者，量茶葉多少，摘花為伴。花多則太香，花少則欠香，而不盡美。三停茶葉，一停花始稱。

2. (Minh) Vương Tượng Tấn. *Quần phương phổ*. Nguyên văn: 王像晉《群芳譜》當於諸花香氣全時摘拌，三停茶、一停花，收於瓷罐中，一層茶一層花，相間填滿，以紙箬封固，入淨鍋中，重湯煮之，取出待冷，再以紙封裹，於火上焙乾貯用。但上好細芽茶，忌用花香，反奪其味，惟平等茶宜之。

cực thơm [...] Hoa đại và hoa nhài đều do người Hồ[1] *đem từ Tây quốc di thực tới vùng Nam Hải. Người phương Nam rất thích hương hoa này, đua nhau trồng. Sách* Nam Việt hành ký *của Lục Giả (240 TCN - 170 TCN) viết: Trong địa giới Việt Nam*[2] *[...] hai hoa này đặc biệt ngát thơm [...] Nữ nhân nơi đây dùng sợi chỉ màu xuyên qua lõi hoa làm trang sức đeo trên đầu."*[3]

(Nam Tống) Trần Cảnh Hân, *Toàn phương bị tổ*

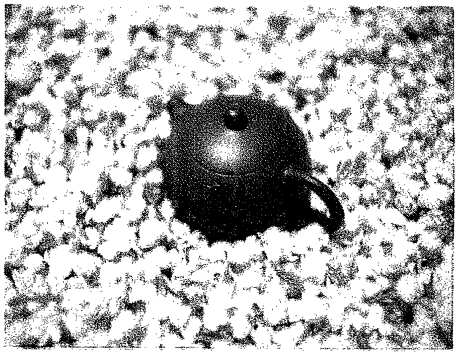

Ướp hoa nhài.
Nguồn ảnh: Tân House.

"Mạt lị hoa, tên gọi hoa lài" (Tuệ Tĩnh), vào quãng thế kỷ XVII, lài - nhài được người Việt đọc với phụ âm đôi *mlài*[4], cùng với "mạt lị hoa" trong tiếng Hán, vốn đều bắt nguồn từ tên gọi hoa nhài theo tiếng Ấn Độ "mallika". Người Việt Nam suốt bao thế kỷ nay có lẽ đã quá quen thuộc với mùi hương thanh u quyến rũ của loài hoa này. Đến mức như Nguyễn Bỉnh Khiêm sẵn sàng liệt hương nhài đứng đầu các phẩm hương hoa, ông viết: *"Mai sau nếu viết thành Hoa phổ, ta liệt hương nhài đệ nhất danh"* v.v. Vị quan dưới triều vua Tự Đức, Đặng Huy Trứ, người được coi là ông tổ của ngành nhiếp ảnh Việt, sinh thời cũng hết sức yêu nhài. Bài thơ *Mạt lị* - Hoa nhài, ông viết, từng lời đều chứa chan cảm xúc, trong đó có mấy câu kinh điển: *"Ta yêu nhài sắc trắng, ta yêu nhài hương thanh, dùng nhài để dưỡng mặt, dùng nhài pha trà xanh*[5]*"*. Qua ghi nhận trong *Toàn phương bị tổ* của Trần Cảnh Hân, *Nam dược thần hiệu* của Tuệ Tĩnh và bài thơ *Mạt lị* của Đặng Huy Trứ, có thể thấy ở

1. Người Hồ, Tây quốc ở đây chỉ người Ấn Độ.
2. Tức phía Nam nước Nam Việt, bao gồm một phần miền Bắc Việt Nam hiện nay.
3. *Toàn phương bị tổ* được khắc in vào khoảng những năm 1253-1258, niên hiệu Bảo Hựu thời Tống. Nguồn sách ảnh dẫn từ Chinese Text Project (https://ctext.org)
4. Alexandre de Rhodes ghi âm đọc tiếng Việt thế kỷ XVII cho biết: *nhặt* bấy giờ được đọc là *mlặt*; *lầm* hay *nhầm* được đọc là *mlầm*, *lạc* (lục lạc) hay *nhạc* (ngựa) đọc là *mlạc*, *nhài quạt* (mảnh kim loại giữ hai đầu cái suốt của quạt giấy) được đọc là *mlài*. Tuy ông bỏ sót không thu lục mục từ *hoa lài/nhài*, nhưng có thể loại suy được như vậy. (*Từ điển Annam Lusitan Latinh*. Tr.149)
5. (Nguyễn) Đặng Huy Trứ. *Mạt lị*. Nguyên văn: 鄧輝著《茉莉》我愛爾花白，我愛爾香清。面葯用爾作，春焙用爾烹。Dẫn theo *Đặng Huy Trứ con người và tác phẩm*. Tr.202.

cả Việt Nam và Trung Quốc, ngoài việc hoa nhài được dùng làm thuốc dưỡng nhan, còn dùng để ướp trà, nhiều khi được thả trực tiếp vào trà pha hãm. Cách làm hết sức giản đơn, song vẫn đủ đầy mỹ quan, vận vị.

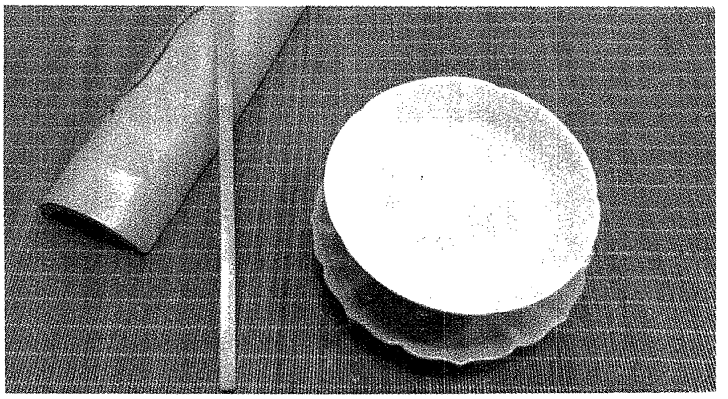

Trà điểm hoa nhài. Nguồn ảnh: TQĐ.

"Người thời nay hay dùng trái cây thay trà, chẳng bằng dùng ba loài hoa: mai, quế, nhài là tốt nhất. Có thể đem vài nụ thả vào trong chén hãm nước. Một lúc sau hoa ấy tự nở. Chén còn chưa dấp môi mà hương khí đã nức mũi rồi[1]*."*

(Minh) Ninh Hiến vương Chu Quyền, *Trà phổ*

Cách uống điểm hoa trực tiếp có thể thực hiện trong trường hợp quanh nơi ở có sẵn phẩm hoa tốt. Nhài thì dễ kiếm, còn sen không phải giống nào cũng đủ hương để quện được với trà. Kỳ tình, cũng khó mà so sánh vận vị giữa trà điểm hoa với trà ướp hoa. Điểm hoa cho hương hoa tươi mới cùng hình ảnh thanh tao đẹp mắt. Bạn thử tưởng tượng, giữa mặt nước trà sóng sánh, một hai bông nhài trắng muốt như mây nổi bềnh bồng, phảng phất mùi hương thanh tân lan theo làn khói phả. Đó hẳn là một trải nghiệm tuyệt vời. Song hai ba nước đầu còn được hương, đến nước thứ tư có lẽ phải thay hoa mới. Còn muốn hương hoa vấn vít với vị trà, nước hương bền đượm, lại có thể lưu trữ lâu ngày, đem tặng bạn phương xa, vẫn cần có kỹ thuật chế ướp công phu.

---

1. (Minh) Chu Quyền. *Trà phổ*. Nguyên văn: 朱權《茶譜》今人以果品為換茶，莫若梅，桂，茉莉三花最佳。可將蕾數枚投於甌內罨之。傾，其花少自開。甌至唇，未盈鼻矣.

Xét ra mỗi người là một thế giới tri nhận riêng với trải nghiệm hiện thực khác biệt. Ngay ở một người, nhận thức ở mỗi lứa tuổi cũng mỗi khác. Bởi vậy, đối với cùng một sự việc, có người yêu, ắt có người ghét, có người tán thưởng, ắt có người chê bai, chín người mười ý, kể cũng là sự thường. Đối với dòng trà ướp hương, ngoài những người ngợi ca cổ vũ, cũng không ít trà nhân buông lời phê phán, đặc biệt các học giả, trà nhân thời Minh. Như các tác giả của *Trà lục, Mính đàm* nhận xét: "*Trà tự có chân hương, có chân sắc, có chân vị. Một khi điểm hoa hay ướp hoa, liền đánh mất đi sự chân thực vốn có. Như trong nước bỏ muối, trong trà bỏ hương liệu, trong bát bỏ trái cây, đều mất đi vị chân thực.*"[1] "*Đem hoa trộn với trà cất trữ thực sự đánh mất hương vị tự nhiên của trà. Người Mân (Phúc Kiến) phần đông đem mấy thứ hoa nhài thả vào nước pha trà, tuy nhất thời hương khí nổi trên chén bát, song rất trái với nguyên lý dùng trà.*"[2] v.v.

"Chọn bạn chớ lựa mặt, lựa mặt lỡ lòng nhân
Uống trà chớ ướp hoa, ướp hoa mất vị chân [...]
Thưởng hương cốt thật thanh, khỏi vị ngoài trộn nữa
Đừng vì chút hiếm hoi, dối lừa mắt mũi tó [...] [3]"

(Nguyễn) Cao Bá Quát,
Tiểu kệ phẩm trà, ngồi khuya cùng Phan sinh

Ở Việt Nam, người duy nhất phê phán trà ướp hoa có lẽ có mỗi mình Cao Bá Quát, nổi tiếng qua *Tiểu kệ phẩm trà*. Song tôi cho rằng, khi viết *Tiểu kệ phẩm trà* ngồi cùng ông bạn thân Phan Nhạ, Chu Thần cũng chỉ là nhất thời mượn cớ chỉ dâu mắng hòe mà thôi. Bởi xét về tổng thể, Cao Chu Thần là người phóng khoáng, cởi mở, thậm chí ngang tàng, không khư khư câu nệ. Cùng lúc phê bình trà ướp hoa với Phan Nhạ, vẫn lại cùng Phan Nhạ thử ướp trà sen. Rồi chính Chu Thần cũng từng vừa nhâm nhi chén trà ướp hoa quế, vừa lật giở trang sách dưới tàu lá chuối xanh

1. (Minh) Trương Nguyên. *Trà lục*. Nguyên văn: 張源《茶錄》茶自有真香，有真色，有真味。一經點染，便失其真。如水中著咸，茶中著料，碗中著果，皆失真也。
2. (Minh) Từ Hỏa Bột. *Mính đàm*. Nguyên văn: 徐火勃《茗譚》取諸花和茶藏之，殊奪真味。閩人多以茉莉之屬，浸水瀹茶，雖一時香氣浮碗，而於茶理大舛。
3. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Cao Bá Quát.

biếc[1] đó thôi. Xét cho cùng, Cao Bá Quát phê bình trà ướp hoa là viện cớ để nói chuyện khác.

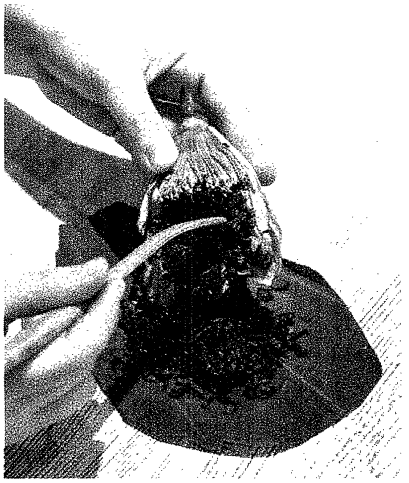

"*Búp sen thử tẽ thu trà mới*", thơ Cao Bá Quát. Nguồn ảnh: Trà Phong.

Trong nguyên tác chữ Hán, Cao Bá Quát nói chọn bạn chớ lựa 氣 "khí", chữ *khí* ở đây xưa nay được nhiều người dịch thành "tính" do liên hệ với từ *tính khí*, tôi cho là không thực đúng với bản ý của Chu Thần. *Khí* nên hiểu là vẻ bề ngoài, khí sắc, khí độ, tập nhiễm do môi trường sinh sống và học tập, khác với bản tính cốt lõi bên trong con người là lòng nhân từ. Bởi vậy nếu chỉ lựa chọn vẻ bề ngoài thì dễ bỏ qua thiện căn sẵn có trong mỗi con người ta. Khí và lòng nhân trong *Tiểu kệ phẩm trà* là những khái niệm của Tống nho, bắt nguồn từ tư tưởng tính thiện của Mạnh Tử: *"Tâm người ta vốn nhân từ... nhưng người ta lại thả đi không biết tìm lại, thật đáng đau buồn! Người ta có gà chó thả ra còn biết đi tìm, có cái tâm thả ra không biết đường tìm lại. Con đường học vấn không có gì khác, chỉ là nhằm tìm lại cái tâm đã thả ra mà thôi[2]"*.

Cao Bá Quát vốn có thừa sự cởi mở, chính sự cởi mở ấy khiến ông luôn trăn trở sáng tân, luôn muốn thay đổi những thứ đã không còn hợp thời, dù trong thơ ca, trong cách pha trà, hay thậm chí việc canh tân đất nước. Ông từng nói: *"Trà pha phải dõi tay tam muội, thơ luận mới lên đạo thượng thừa"*[3], hay như: *"Hôm trước xuân về phá rét đông. Sớm nay muôn tía đọ ngàn hồng. Sự đời giá được như hoa nhỉ. Mưa gió thay màu khắp núi sông."*[4] Đặt trong dòng lịch sử phát triển, trà cụ cùng cách thức pha hãm cũng liên tục vận động đổi mới. Có âu bát, nồi om để dùng chè tươi theo lối cổ; có nồi sanh, thuyền tán để đun nấu bánh chè; có bình thủy, chổi con để

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Cao Bá Quát.

2. (Xuân Thu) *Mạnh Tử*. Nguyên văn: 《孟子》孟子曰 仁 人心也 [...] 放其心而不知求，哀哉！人有雞犬放則知求之，有放心而不知求。學問之道無他，求其放心而已矣。

3. Xin xem "Thiền trà một vị".

4. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Lập xuân hậu nhất nhật tân tình*. Nguyên văn: 高伯适《立春後一日新晴》去日春來破舊寒，今朝紅紫鬥千般。何當世事如花事，風雨江山盡改觀。

quấy nở bọt hoa; cũng lại có ấm chén dầm bàn để thưởng thức *"trà chuyên nước nhất"*[1]. Rõ ràng, sự bảo thủ và cách tân luôn cùng tồn tại và đồng hành, cách uống trà cùng công cụ đun pha cũng không ngừng được kế thừa, tiếp biến. Các món trà cụ tinh xảo lần lượt ra đời, dần dà trở thành thú sưu tàng không thể thiếu của những người ưa thưởng ngoạn.

1. *"Trà chuyên nước nhất, hương dồn khói đôi."* (Nguyễn Gia Thiều, *Cung oán ngâm khúc*)

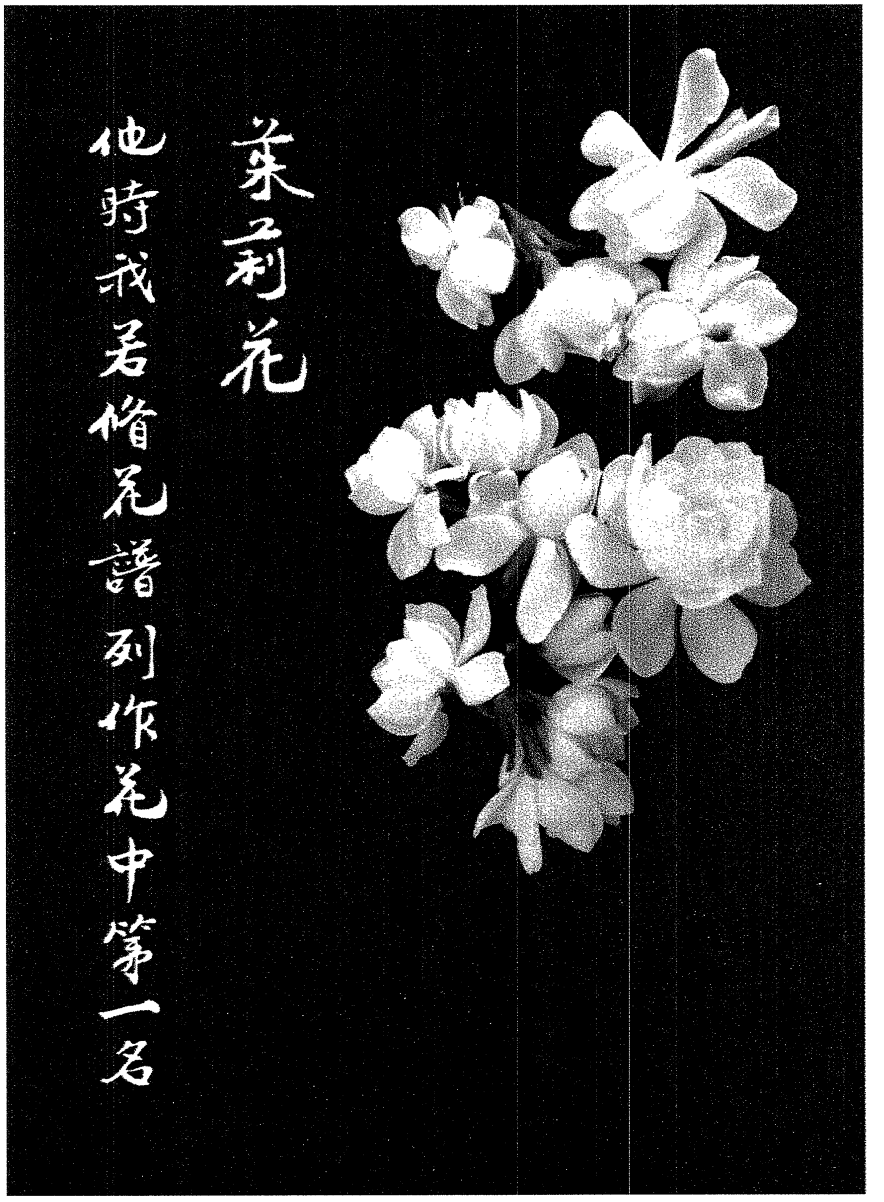

Nguyên văn chữ Hán của câu thơ "*Tha thời ngã nhược tu Hoa phổ, liệt tác hoa trung đệ nhất danh*" (Mai sau nếu viết thành Hoa phổ, ta liệt hương nhài đệ nhất danh) trong bài thơ *Mạt lị hoa* (hoa nhài) của Nguyễn Bỉnh Khiêm, chép trong *Toàn Việt thi lục*, quyển 17.

Trà

THƯỞNG THỨC

NƯỚC SÔI VẠC CỔ

Cách dùng nước và hỏa lò của người xưa

"Khói đọng trà lan sôi vạc cổ."
(Trần) Trần Nguyên Đán,
Cảm xúc đêm ngày ba mươi tháng Chín

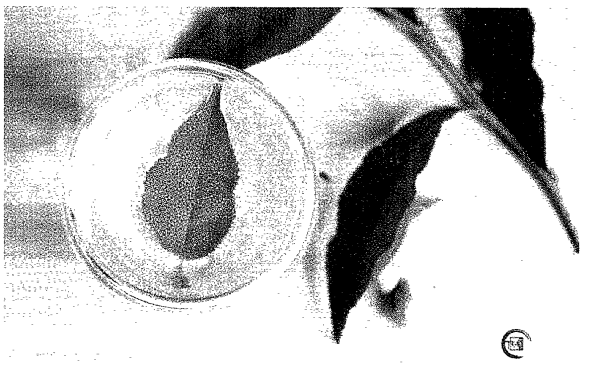

Nước chè tươi thả đá. Nguồn ảnh: Trà Việt.

Những buổi sớm thu đông giao mùa, gió thổi lạnh, ngõ phố heo hút bóng người, thi thoảng mặt đường lại lạo xạo xác lá. Cái lạnh trong veo se sắt rất Hà Nội, rất Bắc kỳ ấy có thể dọa dẫm được những người miền Nam vốn quen trời ấm áp. Còn với dân Bắc, nhất là cánh nam giới, chắc chẳng có gì đã đời hơn cảm giác trong một sớm mai, co ro bên quán cóc vỉa hè, trên cái ghế thấp tẹt, hai tay vân vê chiếc chén thủy tinh lỡ cỡ phả hơi trà nóng, cứ thế hít hà, nhấp từng ngụm nhỏ. Người Bắc thích uống trà nóng hổi, nhất là trong những ngày se lạnh. Từ Hà Tĩnh trở vào Hội An, chè tươi trút ra cốc, chỉ gọi là đủ ấm bụng, càng xuôi vào Nam, đồ uống càng nguội dần. Thời tiết, phong thổ hình thành nên những thói quen ẩm thực ấy.

"*Chuyên nước trà tàu*". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

Xét ra chè tươi vẫn là thức uống cổ truyền được đông đảo đại chúng đón nhận, trải qua mấy ngàn năm, dụng cụ om hãm vẫn chẳng lấy gì làm khác biệt. Ở nhiều vùng quê miền Trung ngày nay, người dân vẫn quen om chè bằng nồi, uống bằng bát, không khác sinh hoạt ăn uống đời thường là bao nhiêu. Cách hãm trong giành tích cũng chỉ có lịch sử vài trăm năm trở lại. Càng giản đơn dung dị, càng bảo lưu hình thái sơ khai. Chỉ từ khi trà được chế tác cầu kỳ, trở thành thức uống mang tính thưởng thức, rồi thành nghệ thuật ẩm thực, trà cụ mới trở nên lỉnh kỉnh, lối pha rót cũng theo đó dụng công, tinh tế hơn. Phép dùng trà tinh tế ấy trước đây ngoài được gọi là trà tàu, còn được gọi là trà chuyên. *Chuyên* vốn có nghĩa *chăm chỉ làm một việc, luyện cho thật thành thục*[1]. Trà chuyên là trà điêu luyện, tương đương với khái niệm trà công phu 功夫茶 trong văn hóa trà Phúc Kiến, Triều Châu cùng thời, về sau mới chuyển thành động từ, mang nghĩa pha rót một cách công phu. Đã gọi là công phu, tức là có sự dụng công tinh ý trong mọi thao tác pha chế từ việc sắp bếp, gầy than, kín nước, cho tới lựa trà, chọn chén, đun pha v.v. Bấy giờ, để phân biệt nhã tục lắm khi chỉ cần xem qua thao tác pha rót cùng cách cầm chén dùng trà là đủ biết. Ca dao có câu "*Vai u thịt bắp mồ hôi dầu, lông nách một nậm, trà tàu một hơi*" là chê những anh phàm phu uống trà tàu như uống chè tươi bằng bát, một ngụm là cạn ráo cả chén

"Ấm chuyên trà", "cái ấm chuyên". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

1. *Đại Nam quấc âm tự vị*: "**Chuyên:** *chăm chỉ cứ một việc, luyện cho ròng. Chuyên vàng: luyện vàng. Chuyên bạc: luyện bạc.*" (Tr.163).

nước con. Trà chuyên, phải uống nhâm nhi từng ngụm nhỏ mới có thể thưởng thức được trọn vẹn hương vị của trà.

"Khi vườn sau, khi sân trước, khi điếu thuốc, khi miếng trầu.
*Khi **trà chuyên** năm bảy chén, khi Kiều lẩy một đôi câu."*

(Nguyễn) Nguyễn Khuyến, *Anh già điếc*

Phụ nữ Hà Nội đầu thế kỷ XX chuyên trà.

Những người sành trà chuyên ở ta đến nay vẫn truyền tai nhau câu nói: *Nhất thủy, nhì trà, tam pha, tứ ấm*. Trước khi dông dài bàn chuyện ấm chén, pha rót, nhất thiết phải để ý lựa lấy nguồn nước thanh trong, có thể phối hợp được với trà. Bởi nước không thanh, vị trà ắt tổn. Trà nhất hay nước nhất, người xưa sớm đã luận bàn[1]. Cái nhìn của Trương Nguyên tuy có chút huyền hồ, song lại tả được mối liên hệ khăng khít giữa bản thể cùng tinh thần của trà nước, xét ra, đều quan trọng như nhau: *"Trà là cái thần của nước, nước là cái thể của trà, không phải nước khiết sao tỏ được thần trà, không phải trà tinh sao thấy được thể nước [...] Nguồn thuần không vị, nước thuần không hương!"*[2] Nguồn nước thuần khiết không hương đã đành, song có nhất thiết phải vô vị? Chất nước và vị nước dùng với trà, từng được Tống Huy Tông tổng kết thành bốn từ: *thanh, khinh, cam, khiết* (trong, nhẹ, ngọt, sạch). Ông cho rằng: *"Nhẹ, ngọt là tính nước tự nhiên, khó mà có được, phải lấy dòng nước thanh khiết ở suối ngàn. Thứ đến là kíp nước thường ở giếng mới có thể dùng. Nhược bằng thứ nước sông hồ, ắt có mùi cá tanh tao, bùn lầy dơ bẩn, tuy nhẹ*

1. (Minh) Trương Đại Phục. *Mai hoa thảo đường bút ký*. Nguyên văn: 張大復《梅花草堂筆記》茶性必發於水，八分之茶遇十分之水，茶亦十分矣。八分之水試十分之茶，茶只八分耳。*"Tính trà ắt lộ ra bởi nước, trà tám điểm, gặp nước mười điểm thì trà cũng được mười điểm. Nước tám điểm, mà dùng với trà mười điểm thì trà cũng chỉ được tám điểm mà thôi".*

2. (Minh) Trương Nguyên. *Trà lục*. Nguyên văn: 張源《茶錄·品茶》茶者水之神，水者茶之體，非真水莫能顯其神，非精茶曷窺其體。真源無味，真水無香。

ngọt cũng không lấy."[1] Trong khi trước đó, Lục Vũ lại cho rằng thứ nước trên núi là thượng phẩm, nước sông là trung phẩm, nước giếng là hạ phẩm. Nước sông chỉ cần lấy ở chỗ xa người ở, còn nước giếng phải kín ở những chỗ có nhiều người dùng là được[2]. Người Phúc Kiến quãng thế kỷ XV, thấy nước suối khó kiếm, đa phần dùng nước mưa. Người ta cho rằng vị ngọt của nước mưa tuy không bằng nước suối, song chất thanh lại có khi hơn[3]. Tựu trung, nước dùng để pha trà ắt phải là "hoạt thủy", thứ nước thiên nhiên thanh khiết lưu thông, tối kỵ dùng nước tù đọng, còn sự phân chia phẩm hạng đối với nước suối, nước sông, nước giếng hay nước mưa, chưa hẳn đã có thể định luận.

*"Tâm thanh **hoạt thủy** nhất âu trà."*

(Lê sơ) Nguyễn Trãi, *Mạn hứng*

*"**Hoạt thủy**, nước mới kín về*
*Hoặc thuở **nấu chè**, hoặc thuở tiên thang."*

(Lê trung hưng) *Chỉ Nam ngọc âm*

Xét từ lịch sử trà Việt, trong các nguồn nước được lựa chọn để pha trà, nước suối vẫn được coi là tuyệt phẩm. Như Nguyễn Trãi từng viết: "*Khi nào lợp lán bên mây núi, nước suối đun trà, gối đá mơ*"[4]. Lê Quý Đôn cũng nhận thấy nước suối pha trà thật ngọt: "*Một dòng suối ngọt pha trà đượm*"[5]. Vua Minh Mạng cùng các con ông, đương thời đều cho kín nước suối về đun pha: "*Suối trong, lửa rực, pha trà tuyệt*" (hoàng đế Minh Mạng)[6], "*Pha trà nhắp thử suối, phủi đá ngồi đề thơ*"(Tuy Lý vương), "*Cao lựa suối ngàn*

---

1. (Tống) Tống Huy Tông. *Đại Quan trà luận*. Nguyên văn: 宋徽宗《大觀茶論》水以清輕甘潔為美。輕甘乃水之自然，獨為難得。當取山泉之清潔者。其次，則井水之常汲者為可用。若江河之水，則魚鱉之腥，泥滓之污，雖輕甘無取。
2. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. Nguyên văn: 陸羽《茶經·五之煮》其水用，山水上，江水中，井水下。江水取去人遠者。井取汲多者。
3. (Minh) Trương Đại Phục. *Ngũ tạp trở*. Nguyên văn: 張大復《五雜俎·卷十一·物部三》閩人苦山泉難得，多用雨水，其味甘不及山泉而清過之。
4. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Nguyễn Trãi.
5. (Lê) Lê Quý Đôn. *Nguyệt Đường tự*. Nguyên văn: 黎貴敦《月堂寺》一道泉甜烹茗熟，三關雨重看碑回。
6. "Thưởng trà giai phẩm", thơ hoàng đế Minh Mạng.

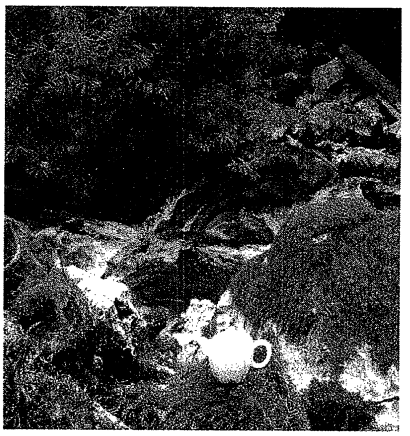

Bên suối Tú Làn, Quảng Bình.
Nguồn ảnh: TQĐ.

pha tuyệt phẩm" (Mai Am công chúa)[1] v.v. Đặc biệt, phải kể đến những mô tả kỹ lưỡng của Đan Sơn ẩn nhân trong *Sơn cư tạp thuật* về đường đi tới con suối nằm trong địa giới Trấn Ninh, kèm nhận xét: "*Từ bậc đá phía trên tuôn ra dòng nước cực ngọt... Nước ấy pha trà rất tuyệt.*"[2] Đây là ghi chép hiếm hoi cho thấy người Việt xưa đã hết sức dụng tâm đối với nguồn nước pha trà, không phải chỉ viết những lời thơ cảnh vẻ. Ngoài thứ nước "sơn thủy thượng", nước sông, nước giếng vẫn là lựa chọn dễ dàng hơn. Như Tuy Lý vương Miên Trinh sau khi tạm dừng chân ở căn nhà ven núi, đã cầm bút đề thơ lên vách tường: "*Buồng gianh lặng, giữ khách; nước giếng trong, pha trà*"[3]. Để có được thứ nước trong trẻo tinh khôi nhất ngày, Cao Bá Quát từ sáng sớm đã ra giếng kín nước, thậm chí có lần từng kín nước ở sông Hương: "*Sớm múc nước giếng trong, than mịn đem gầy lửa*"[4], "*Kín nước sông Hương lúc sớm tinh, thử trà xuân gửi tự Long thành*"[5] v.v. Ở những nơi hẻo người, gần núi rừng, nước sông hồ cũng có những dòng trong ngọt, không đến mức tanh tao như nhận định của Tống Huy Tông. Đại thần thời Lê trung hưng là Nguyễn Huy Oánh (1713-1789) khi lướt thuyền trên sóng hồ long lanh nắng xế, giữa dòng nổi lửa, dùng nước hồ pha trà, đoạn còn tiếc dòng

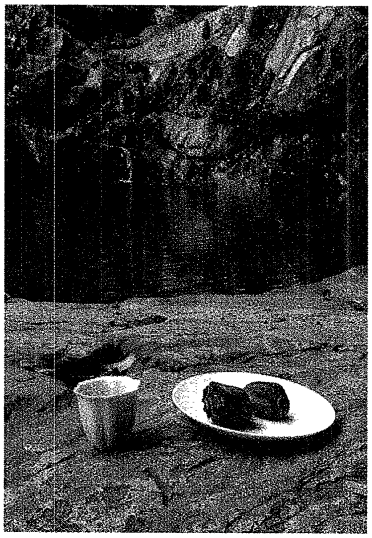

Bên suối Mỡ, Bắc Giang.
Nguồn ảnh: TQĐ.

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Mai Am Nguyễn Phúc Trinh Thận.
2. (Tây Sơn) Đan Sơn ẩn nhân. *Sơn cư tạp thuật*. Nguyên văn: 丹山隱人《山居雜述·佳泉》鎮寧界即古盆蠻國有更虔。去更虔之東南三里有土山，一從北至山麓，石分三級有泉，從上級湧出水極甜[...]其水烹茶甚佳。
3. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tuy Lý vương.
4. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Cao Bá Quát.
5. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Đáp Lưu Nguyệt Trì huệ Bắc mính*. Nguyên văn: 高伯适《答劉月池惠北茗》不辭曉汲香江津，判斷龍城一掬春。

nước trong mà trút vào bình mang về. Ông viết: *"Ngậm nắng, nước lồng, trời đảo lộn. Ruổi chim, ráng lẻ, bóng tung hoành. Pha trà giữa sóng, thơ lai láng. Múc lấy hồ trong rót đổ bình."*[1] v.v.

Uống nước trong chum. Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam*.

Ngoài ba thứ nước *"Sơn thủy thượng, giang thủy trung, tỉnh thủy hạ"*, người Việt cũng rất chuộng nước mưa, nhiều nhà trữ nước mưa trong những chiếc chum lớn, để lâu năm dùng dần[2]. Cầu kỳ, phong lưu hơn, còn có những người hứng cho kỳ được những giọt sương mai, đủ pha cho một ấm trà. Câu chuyện *Chén trà sương sớm* Nguyễn Tuân kể lại đã đi vào tâm thức của nhiều thế hệ người Việt, neo vào lòng sự hướng vọng về những điều trong trẻo, đẹp đẽ nhất của một thời quá vãng chưa xa: *"Nước trà pha không gì thơm lành bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có ít thôi. Phải gạn ở nhiều lá mới đủ uống một ấm... đi thuyền thúng vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm... là kỳ thú nhất*[3]." Nhiều câu thơ của người xưa tả việc dùng *nước tuyết* pha trà, đọc đến đó, ta nên hiểu họ hứng nước sương, thứ nước lạnh lẽo trong trẻo của ban mai. Như *"tuyết đượm chè mai câu dễ động"*, *"cởi tục chè thường pha nước tuyết"* (Nguyễn Trãi) hay *"nước tuyết om chè dưới bếp"*, *"tuyết thủy tân phanh Tước Thiệt trà"* (Nguyễn Bỉnh Khiêm) v.v.

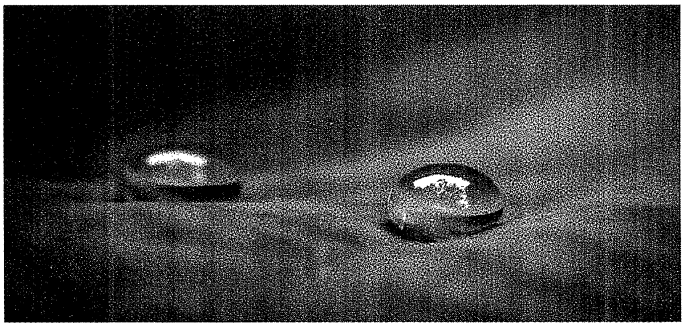

Giọt sương trên lá sen. Nguồn ảnh: Aotaro.

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Nguyễn Huy Oánh.
2. *Văn minh Việt Nam*. Tr.211.
3. *Vang bóng một thời*. Tr.169, 170.

Nước suối, nước sông, nước giếng hay nước mưa liệu có thực tinh khiết để pha trà, đối với người xưa, có lẽ không cần bàn cãi. Song nhiều người thời nay, viện dẫn đủ chứng cứ khoa học, thiết kế các loại máy lọc để có được thứ nước với hàm lượng tạp chất phù hợp nhất với trà. Thậm chí đi xa hơn, họ phân biệt từng loại trà cần được pha với nước ở nhiệt độ bao nhiêu, hãm trong thời gian bao lâu v.v. Tất cả đều được mã hóa thành các con số. Máy pha trà bởi vậy đã sớm ra mắt thị trường. Việc này xét kỹ ra cũng có cái lý nhất định và không phải không có chỗ sở thủ. Tuy nhiên, tin vào máy móc một cách máy móc, chẳng thà không có máy móc. Đạo học phương Đông từ xưa ngoài chú trọng những thao tác rất thực, còn đặc biệt nhấn mạnh tới cảnh giới hư huyền. Trong cõi thần tình hỗn độn, không phân biệt rạch ròi ấy, những thứ lệch chuẩn nhiều khi mang lại phong vị, sắc thái riêng. Làm trăm thứ như một chưa chắc đã hay, cái hay nhiều khi xuất hiện cùng sự biến dị, đến từ chỗ không ngờ. Con người khác máy móc ở chỗ có cái thần tình hư huyền đó. Pha trà không nhất thiết lúc nào cũng cần chuẩn chất nước, chuẩn độ sôi, chuẩn thao tác v.v. Dĩ nhiên để có thể phá chuẩn vẫn phải trên nền tảng đã đạt chuẩn. Còn với các loại nước thiên nhiên, cổ nhân coi trọng, cũng có cái lý riêng của họ. Xét từ khoa học hiện đại, nước dẫu tinh khiết vẫn có tạp chất, chất nước liên quan chặt chẽ tới chất lượng nước trà. Nếu trong mỗi lít nước chứa trên tám milligram ion canxi và magiê, người ta coi đó là nước cứng, dưới mức đó là nước mềm. Pha bằng nước cứng thì sắc trà tăng mà độ trong của nước giảm, vị trà cũng không thanh nhẹ. Nước có nhiều chất khoáng, trà thang ít nhiều có vị đắng hoặc chát v.v. Người xưa hứng nước mưa, nước sương kỳ thực đều là nước mềm[1]. "*Chân thủy vô hương*", nguồn thuần chưa chắc hoàn toàn vô vị. Dùng nước quá tinh khiết hoặc nhiều chất khoáng đem pha trà không

Âm dương trong một chỉnh thể Thái cực, theo quan niệm phương Đông.

1. *Trung Quốc trà kinh*《中国茶经》. Tr.769.

hẳn đã phù hợp. Song nhìn chung, các dạng nước thiên nhiên không ô nhiễm, sau khi đun sôi, tạp chất phân giải hoặc lắng cặn, trở thành nước mềm, đều có thể hãm pha.

"Ngẫm xem hòn đất thế mà to, đủ cả âm dương đúc một lò.
Thế vững tam sơn chăm việc nước, lòng thông thất khiếu sạch màu tro.
Mặc người than củi đà không lụy, sẵn khách thang trà chẳng có lo.
Khắp cả bốn mùa dư kẻ quạt, phong lưu trời đất đã dành cho."

(Nguyễn) Nguyễn Khuyến, *Hỏa lò*

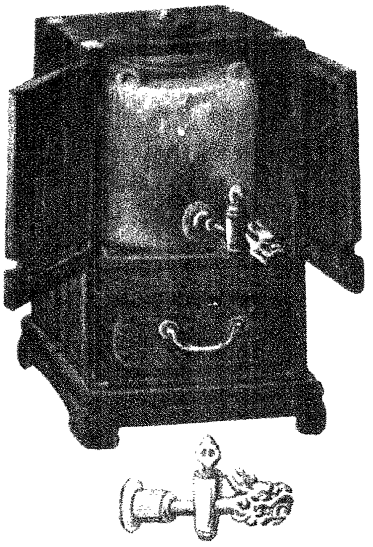

Bình trà mang đi đường, làm bằng gốm phủ men lục, vòi đồng. Tủ hộp hai cửa bọc bình trà, bên dưới có ngăn đúp bằng tôn chứa than nóng. Nguồn ảnh: *Bảo tàng Khải Định.*

Người hay tửu hay tăm xét ra mang vác bầu rượu túi thơ đi đâu cũng tiện. Mấy vị ghiền trà, ngoài đau đáu câu chuyện nước nôi, riêng tha lôi cái hỏa lò siêu ấm đi theo cũng đến mệt. Vậy mà những ông trà si dù lên núi hay chơi sông, cũng đều tay xách nách mang cả mớ trà cụ lích kích. Dĩ nhiên nhiều vị cho trà đồng đi theo khắp nơi như Hải Thượng Lãn Ông, không đến mức khổ lụy vì đường trà cụ. Hỏa lò trước đây được gọi là phong lư, đỉnh (vạc), từ thời Đường gọi chung là trà táo - bếp trà, là vật nhu yếu của tao nhân mặc khách bấy giờ[1]. Tôi cho cái bếp trà chính là một trong những tiêu chí để xác định trà nhân, phải ghiền trà đến mức nào mới mang vác bếp núc nước nôi đi đun pha như vậy. Như Nguyễn Quý Đức (1648-1720) viết bài thơ *Cuối xuân theo ngự giá xem thi cử, nhân hứng chơi sông Nhị*, có câu: *"Bếp trà, giá bút thêm thi hứng; làng liễu, bến hoa, sẵn cảnh quan"*[2]. "Bút

1. *Nông nghiệp khảo cổ* 《农业考古》, 2007. Tr.122.
2. (Lê) Nguyễn Quý Đức. *Mộ xuân bồi giá quan thí, thừa hứng du Nhị hà*. Nguyên văn: 阮貴德《暮春陪駕觀試乘興遊珥河》筆床茶灶供吟興，芳渡楊村助勝觀。

sàng trà táo" (giá bút bếp trà) bởi vậy gắn chặt với đời sống của những văn nhân yêu trà. Cao Bá Quát không thể không tính là một trong những trà nhân Việt sành sỏi, luôn mang vác bếp trà đi khắp nơi: *"Gầy bếp trà trên đỉnh, trà ngon người cũng nhàn"*, *"mưa vương nhành thắm trăng vừa nhú, hiên đặt bếp trà gió chửa ngưng"*[1] v.v. Hoặc đời sống vương tử trong cung được Hòa Thịnh vương Nguyễn Phúc Miên Tuấn mô tả: *"Canh khuya bầu bạn bếp trà, lò hương*[2]*."* v.v.

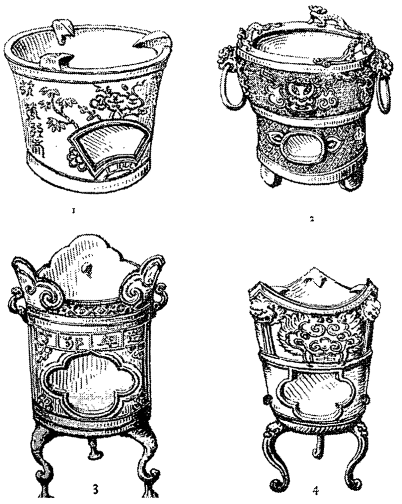

Lò đồng trong cung nhà Nguyễn.
Nguồn ảnh: *Bảo tàng Khải Định.*

Phạm Đình Hổ cho biết, vào thời Cảnh Hưng, mọi người đua nhau mua hỏa lò đất nung nhập từ Tô Châu, cùng loại lò siêu bằng đồng, chế tác rất tinh xảo. Có điều, lò đồng thường để lại mùi khét tanh, theo ông, lò đất nung có lỗ dày mà thưa vẫn tốt hơn hết. Sau khi hỏa lò Tô Châu được nhập khẩu, thợ làm lò ở ta mới xem xét, vỡ lẽ ra cách thức chế tác, làm được loại lò khéo léo tương tự, không thật khác biệt so với lò Trung Hoa, được người trong nước nhiệt tình ủng hộ[3]. Xét ra, thầy thợ nước ta thừa sức làm đồ thủ công khéo léo, cứ

"Làm hỏa lò đất", "bán hỏa lò".
Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

1. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Hàn vận họa Thận Tư.* Nguyên văn: 高伯适《寒韻和慎思》花枝帶雨月初上，茶灶臨軒風未闌。

2. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Tuấn. *Trai cư ngẫm chiếm.* Nguyên văn: 阮福綿寓《齋居偶占》香爐茶灶伴宵深。

3. "Thưởng trà giai phẩm", phần Tản văn, *Vũ trung tùy bút.*

nhìn những món đồ gỗ chạm lộng tinh kỳ thời Lê Nguyễn là đủ biết. Có lẽ phần vì căn tính dân tộc dễ hài lòng với hiện thực, với những thứ sẵn có, không thấy cần thiết phải sáng tạo, cải tiến thêm, phần lại do giới văn nhân quý tộc hay sính đồ ngoại nhập, thành ra việc sản xuất nội tiêu lúc nào cũng đi sau người. Điều này để nhận ra thì dễ, ai cũng phê phán được, song để cả dân tộc vận động chuyển mình, có lẽ cần rất nhiều người có chí tiên phong.

"Ta thường muốn kén chọn những thiếu niên tuấn tú [...] đem tiền bạc mà sang Trung Hoa. Người qua lò gốm sứ [...] kẻ đến hiệu lụa là, ăn ở cùng người, học nghề khôn khéo. Hoặc đi tới các tỉnh Mân, Dương, Chiết, Kinh, lựa mua trà thuốc, xem xét thổ nghi, học tinh rồi về, mỗi người mỗi nghiệp. Những đồ ăn mặc vật dụng, cứ vậy loại suy, không tới mười năm, có thể tinh thạo. Song hiềm nỗi kẻ gặp thời lại không có chí, kẻ có chí lại không gặp thời[1]*."*

(Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*

Đã sắp bếp đặt cấp thiêu, vậy nước sôi đến đâu là vừa độ? Nay ta đun nước trong bình siêu tốc hoặc đặt ấm nước trên bếp đợi đến khi sôi sục mới đem dùng. Thứ nước ấy là nước sôi già, các cụ xưa chỉ dùng đun lá chè tươi mà thôi, đem pha trà hương sắc ắt không ngon. Để có được thứ nước sôi vừa độ, buộc phải chực bên bếp lò. Nếu đặt nồi sanh không đậy nắp, có thể dễ dàng dõi xem dòng nước nóng đến khi sủi tăm, tăm như mắt cua là vừa sôi, tăm như mắt cá là sôi độ một, như

Em bé quạt lò trực nước sôi trong tranh Mai Trung Thứ vẽ năm 1971.

1. (Lê - Nguyễn) Phạm Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút*. Nguyên văn: 范廷琥《雨中隨筆·地脈人物》余常欲 [...] 揀年少俊童 [...] 各携銀幣遊客中州，或往 [...] 陶窯，或來 [...] 緞舖，與之居處，習其智巧，兼諸閩揚浙荊各省，採買茶藥，遍察土宜，業成而歸，分授以事。其他服食器用，以此類推，不出十年，可以精其業。而有其時而無其志，有其志而無其時。

chuỗi hạt châu nối liền là độ hai, như sóng vỗ dồn dập là độ ba, để lâu hơn nữa thì không thể dùng[1]. Thường thì nước sủi tăm mắt cua, mắt cá đều có thể dùng pha trà. Độ sôi sủi tăm cua, tương đương cỡ tám mươi lăm độ ngày nay, được coi là vừa vặn[2]. Vua Minh Mạng từng viết: *"Tăm cua hạt nhỏ nhìn cho kỹ, mắt cá bọt to dõi thật lâu"*[3] là nói về kinh nghiệm trực nước sôi này. Cao Bá Quát cũng vậy: *"Đun trăng sóng đỏ sủi tăm cua"*[4] v.v. Ngoài việc dõi xem nước sủi tăm, người xưa còn truyền lại kinh nghiệm nghe tiếng nước sôi reo: *"Đợi đến khi có tiếng như thông reo, tức thì bỏ nắp để giảm độ sôi già, sau khi sủi tăm mắt cua, nước hơi cuộn sóng, khi ấy là vừa vặn."*[5] Tùng Thiện vương và Tuy Lý vương khi pha trà cũng đều đích thân trực nước sôi, dõi mắt cua, mắt cá và dỏng tai nghe tiếng "thông reo": *"Lò rực than hồng ngọn lửa đun, mắt cua đã chuyển gió thông dồn"*[6], *"Mắt cua dứt, mắt cá theo, sùng sục siêu đá tiếng thông reo. Lửa nhỏ cháy, lửa mạnh bùng, ấm bạc trút ra suối một dòng"*[7] v.v.

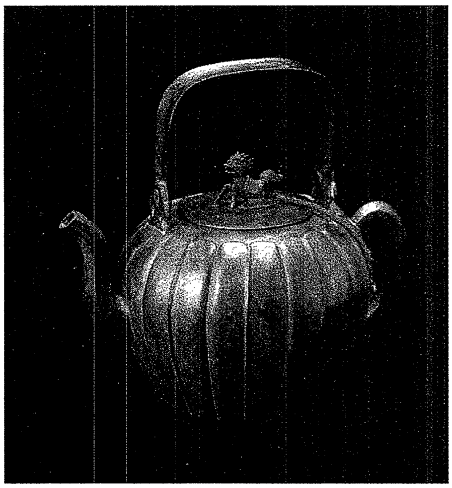

Ấm đồng đun nước thế kỷ XVIII, XIX. Nguồn ảnh: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Ngày nay đã có sẵn bếp hồng ngoại hiện nhiệt độ sôi, kể cũng thuận tiện. Có điều, như trong những buổi thưởng thức trà đạo Nhật, người ta vẫn đun nước theo kinh nghiệm cổ xưa, lề lối ấy vẫn có những sự lý thú mà chỉ khi nào ta tạm buông được những bộn bề công việc, chậm rãi lắng lòng mới có thể cảm nhận thấm thía. Chiếc hỏa lò nho nhỏ, cùng than không khói đi kèm bếp đốt than, nay cũng không khó đặt mua. Trong

---

1. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. Nguyên văn: 陸羽《茶經·五之煮》其沸如魚目，微有聲為一沸，緣邊如湧泉連珠為二沸，騰波鼓浪為三沸，已上水老不可食也。
2. (Minh) Trương Đại Phúc. *Ngũ tạp trở*. Nguyên văn: 張大復 《五雜俎・卷十一・物部三》：古時之茶，曰煮，曰烹，曰煎。須湯如蟹眼，茶味方中。
3. "Thưởng trà giai phẩm", thơ hoàng đế Minh Mạng.
4. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Cao Bá Quát.
5. (Minh) Điền Nghệ Hoành. *Chử trà tiểu phẩm*. Nguyên văn: 田藝衡《煮茶小品·用火》候有松聲即去蓋以息其老鈍，蟹眼之後，水有微濤，是為當時。
6. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương.
7. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tuy Lý vương.

Nước sôi reo. Nguồn ảnh: Foad Roshan.

cuộc sống không nhất thiết lúc nào cũng cần tiến lên, đôi khi dừng lại một chút, chậm lại một chút, buông lơi một chút, cũng là dịp để nuôi dưỡng đời sống tinh thần, có âm dương, có hư thực. Nói như thân phụ của Nguyễn Trãi: *"Trăm năm phù thế người đều mộng, nửa buổi trộm nhàn tớ cũng tiên"*[1].

1. (Hồ) Nguyễn Phi Khanh. *Du Côn Sơn.* Nguyên văn: 阮飛卿《遊崑山》百年浮世人皆夢，半日偷閒我亦仙。

Gầy bếp pha trà trên rừng mận Mộc Châu, Sơn La. Nguồn ảnh: TQĐ.

ĐUN MẠT ĐIỂM HOA

Các cách pha hãm trà trong lịch sử

Cô gái bán ấm chén bát đĩa.
Nguồn ảnh: *Connaissance du Vietnam.*

Mấy ông bạn thân tôi ghiền trà, không ông nào không sở hữu mấy cái hỏa lò, siêu tay, kể cả bếp hồng ngoại đi kèm ấm đun nước bằng đồng. Ấy là còn chưa kể ấm vàng, ấm bạc, rồi đôi ba chục chiếc ấm tử sa lẫn chu nê la liệt. So với nhiều người chơi khác, vậy hẵng còn ít. Rồi dạo gần đây trà phong trong nước rộ lên các loại chén thiên mục, lông thỏ, giọt dầu cho tới các dạng đồ sứ phỏng cổ. Dân tình lại đua nhau tìm sắm. Cái mạch trà chuyên vẫn âm ỉ chảy ngầm qua những tháng năm khăn khó, đợi đến khi điều kiện kinh tế khá giả, liền được dịp trỗi mình. Kỳ tình, trà cụ quả có nhiều món tinh phẩm nhỏ xinh đầy cám dỗ, còn con người ta đứng trước cám dỗ, như Leonard Cohen nghêu ngao hát đó: *"Chiến đấu với cám dỗ, có thích thắng bao giờ. Đàn ông ta chẳng muốn, thấy ả cám dỗ thua"*[1]. Thành ra hễ ai bén duyên với cái thú phong lưu nhàn tản này, về lâu dài kể cũng tốn kha khá ngân lượng. Song đem so với những cuộc nhậu tưng bừng và khoản tiền chi cho vang, whisky, brandy, thú chơi trà nhìn chung vẫn còn lành chán.

1. Lời bài hát *On the Level* của Leonard Cohen, nguyên văn: *I was fighting with temptation. But I didn't want to win. A man like me don't like to see Temptation caving in.*

Bưng nước "phanh trà". Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

Đã có đủ nhất nước nhì trà, phần còn lại tam pha tứ ấm, kể cũng không ít sự nhiêu khê. Do thú thưởng thức trà chuyên ở ta từng khuất lấp trong một thời gian dài, sự đời lại lắm tuồng dâu bể, thành thử sau này người ta quay lại phục cổ, từ cách pha rót, dưỡng ấm cho tới việc thưởng hương phẩm vị, mỗi "trà sư" là mỗi câu chuyện riêng về trà, về truyền thống, về sự thuần Việt. Thậm chí đối với trà Trung Hoa, thông tin đồn thổi vẫn luôn hấp dẫn hơn sự thật đơn thuần. Chẳng phải người ta luôn muốn tin, và vẫn chịu chi cho hàng bao thứ hư cấu đó thôi. Rốt cuộc lối pha rót trà chuyên thế nào, truyền thống được gây dựng và phát triển ra sao, ta hãy thử cùng lần ngược dòng lịch sử, lênh đênh trên chiếc thuyền trà chắp ghép bởi những ghi chép vụn vặt từ thuở Lý Trần Lê Nguyễn, đối sánh với trà lưu Trung-Nhật xem sao!

Trước nay, người yêu trà Việt thường biết đến đoạn mô tả lối uống trà tàu trong *Vũ trung tùy bút*. Ngoài ghi chép ấy, Phạm Đình Hổ còn có phần khảo trà trong *Quần thư tham khảo* hoặc *Bị khảo lục*[1]. Theo ghi nhận của ông bấy giờ, tức khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XVIII tới đầu thế kỷ XIX, tóm gọn có bốn cách pha hãm chính. Cụ thể được mô tả:

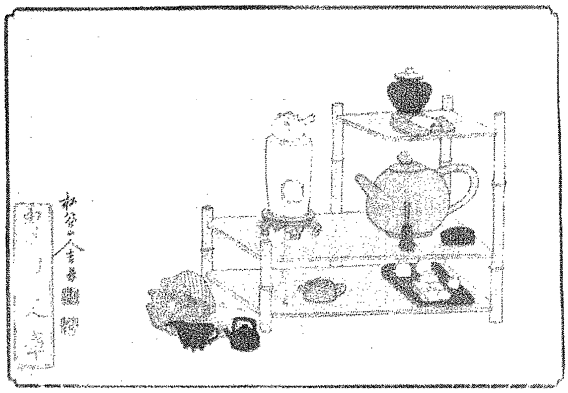

Tiên trà đồ thức, tác giả Sakai Tadatsune, xuất bản năm 1865.

1. Nội dung khảo về trà trong hai sách này như nhau.

Phanh trà 烹茶: *Sắm đủ lò vạc, quạt than, đặt sanh trà (dạng nồi hoặc chảo có hai quai[1]) lên trên đợi nước sôi. Đến khi nước sủi tăm cua, bỏ trà vào sanh, đợi trà phả hơi xong, lấy môi múc ra mà uống.*

Điểm trà 點茶: *Bỏ "trà tiển" vào trong oản (dạng cốc miệng rộng như chiếc bát con), ước lượng bỏ mạt trà vào, trút nước sôi lên, đậy nắp vào oản, một lúc sau, bỏ "trà tiển" đi gạn bã mà uống.*

Thược trà 瀹茶: *Bỏ trà vào trong ấm tử sa, trút nước sôi vào ấm, rót ra uống, như lối uống trà ngày nay, là* ***chuyên*** *trà uống vậy.*

Bào trà 泡茶: *Bỏ lá trà vào âu lớn, trút nước sôi trước trữ sẵn, khi tiếp khách mới rót ra uống vậy[2].*

Trong *Nhật dụng thường đàm*, cuốn từ điển do chính Phạm Đình Hổ biên soạn, ông giải thích: "*Thược trà là chuyên trà. Bào trà là om trà*"[3], cũng khớp với mô tả trong *Bị khảo lục*. Do các khái niệm phanh, thược, bào trong tiếng Hán lúc chuyên chỉ, lúc phiếm chỉ, được dùng lẫn qua các thời kỳ lịch sử, dễ gây hiểu nhầm[4], ở đây, xin được sử dụng đan xen các khái niệm chuyển qua tiếng Việt tương đương là: *đun trà, điểm trà, chuyên trà* và *om trà*. Bốn lối pha hãm kể trên cũng là những lối đun pha chủ đạo tương ứng với các triều đại Đường, Tống, Minh Thanh trong trà sử Trung Quốc.

Nguyễn Khuyến (1835-1909) từng viết bài phú trào lộng, tả cảnh nhà nho nghèo trong xã hội trước đây, trong đó có chi tiết mấy ông hàn nho đem lá bàng, lá vối góp vào hãm cùng chè tươi, pha ra mùi chua chua chát chát[5]. Lối pha trộn vài loại lá đem đun nước ấy, không phải

---

1. *Chỉ Nam ngọc âm* (khắc in năm 1641) giải thích: "*Đồng sanh là sanh hai tai; Cang sanh là chảo cùng loài của gang*"; Đại Nam quốc ngữ (khắc in năm 1899) giải thích: "*Đồng sanh: sanh đồng hai tai.*"

2. (Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ. *Bị khảo lục*. Nguyên văn: 范廷琥《備考錄·茶》烹茶者具爐鼎發風火熾，發風 *"là quạt lửa"*。加茶鐺於其上候湯，如蟹眼投茶於鐺，候茶葉既汽，杓酌而飲之。瀹茶者寔茶於砂壺，注以沸湯，酌而飲之，如今之茗飲 *"là chuyên trà uống"* 是也。品茶者各攜茶葉相會而飲之，品量其高下，是也。點茶者置茶筅於碗中，量加茶末，注以沸湯，加蓋於碗，少頃，撤筅去渣而飲之。其略見於朱子家禮者也。泡茶者寔茶葉於茶甌預注沸湯貯之，款客則酌甌中茶水而飲之是也。

3. (Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ. *Nhật dụng thường đàm*. Nguyên văn: 范廷琥《日用常談·火用門第十三》瀹茶羅專茶。泡茶羅熇茶。*Đại Nam quốc ngữ* xuất bản năm 1899 cũng theo cách giải thích này của ông.

4. Phanh 烹, Tiên 煎, Chử 煮, Thược 瀹 đều mang nghĩa đun, nấu, sắc, trước thế kỷ XIV được dùng lẫn với nhau. Kể từ khi trà nhân thời Minh chế ra cách hãm trà trong ấm, *thược trà* mới chính thức được dùng để chuyên chỉ lối pha hãm này. Trong tiếng Trung cận hiện đại, cách pha hãm trà trong ấm lại được gọi là bào trà, phanh trà. Thành thử ở đây có sự lẫn lộn về ngữ nghĩa mang tính lịch sử của các từ vựng kể trên.

5. (Nguyễn) Nguyễn Khuyến. *Hàn nho phong vị phú*. Nguyên văn: "*Ấm trà góp lá bàng lá vối, pha mùi chát chát chua chua.*"

Đun trà trong *Tiêu Dực trám Lan Đình đồ*, do họa sĩ thời Đường là Diêm Lập Bản vẽ, bảo tàng Cố cung Quốc lập Đài Loan lưu giữ.

việc nhất thời, dân gian xưa nay vẫn thường làm vậy. Người Giao Châu khi xưa cũng được mô tả đem trộn rau cỏ với "trà Cao Lô" nấu chung đó thôi. Ngay ở Trung Quốc thời Đường, nếu không có Lục Vũ định hướng, đặt ra lối uống trà thanh cảnh, nhiều người vẫn dùng hành, gừng, táo, quất bì, thù du, bạc hà thả vào nồi nước sôi nấu với trà, như Lục Vũ nhận xét: "*Nước ấy như nước cống, mà thói tục vẫn không ngừng.*"[1] Song, xét cho cùng, lối pha nấu chuẩn mực theo Lục Vũ cũng là được cải thiện dựa trên cách thức truyền thống sẵn có. Cách nấu trà tinh tế được Lục Vũ đặt định này, gồm các bước: *nướng bánh chè, dùng thuyền tán nghiền vụn, sàng lấy mạt trà mịn, đặt nồi hoặc sanh đun nước sôi, đoạn thả mạt trà vào nước, dùng thìa hoặc đũa quấy đều để tạo bọt, sau rốt múc ra bát*. Trong khi cách đó năm trăm năm, muốn uống trà thì trước tiên *nướng (bánh chè) cho đỏ, giã vụn bỏ vào đồ đựng, trút nước sôi, dùng gừng, hành trộn cùng*. Công lao của Lục Vũ thể hiện ở việc thay đổi cách dùng trà như luộc rau, ăn canh, để trở thành lối thưởng thức hương vị của riêng lá trà. Mặc dù, theo cách của ông, vẫn cần bỏ một chút muối từ khi nước chớm sôi để điều vị.

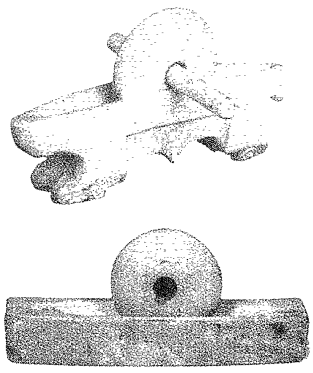

Thuyền tán nghiền trà men trắng, lò Hình, thời Đường.

1. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. Nguyên văn: 陸羽《茶經 • 六之飲》或用葱、姜、棗、橘皮、茱萸、薄荷之等，煮之百沸，或揚令滑，或煮去沫，斯溝渠間棄水耳，而習俗不已。

Lục Vũ rất coi trọng bọt hoa nổi trên mặt nước trà, ông gọi việc quấy nước tạo bọt là *"dục hoa"* (tạo tinh hoa), phân biệt đủ các loại bọt dày, bọt mỏng, bọt nhỏ mà nhẹ[1]. Khi trà được múc ra bát, phải thưởng thức bọt hoa trước rồi mới uống. Điều này ảnh hưởng tới mỹ quan của lối điểm trà thời Tống về sau. Xa hơn, so với lối uống chè Huế ở ta, *"gái tằm đua hỏi màu phai đậm, trai ruộng chen xem bọt lắm không"*, hạt bọt trà cũng từng một thời rất được coi trọng, hẳn có nguyên ủy từ thị hiếu xa xưa.

Đương thời, lối đun trà trong nồi được gọi chung là phanh trà 烹茶 như cách dùng từ của Phạm Đình Hổ. Cách thức Lục Vũ điều chỉnh lại, gọi là **tiên trà** 煎茶, cũng có người gọi là chử trà 煮茶[2]. Với lối đun trà này, Lục Vũ liệt ra nào hỏa lò, đũa gắp than, thùng chứa nước, túi lọc nước cho tới thuyền tán, hộp muối, nồi bát lên tới hai mươi tư món trà cụ. Vậy mà người đương thời, *xa gần ngưỡng mộ, những ai ưa thích đều sắm giữ một bộ ở nhà*[3]. Tuy nhiên theo Lục Vũ, nếu ngồi ở phiến đá cội tùng hoặc kề bên khe suối thì có thể lược bớt non nửa những dụng cụ rườm rà. Nghĩa rằng những thứ ông trà thánh liệt kê không cần khư khư câu nệ, có thể thay đổi tùy vào hoàn cảnh, địa điểm dùng trà. Đây cũng là tính cách, nhận thức của tác giả *Trà kinh*, mà sau này khi gặp phải những người quá chấp nê vào hình thức, ông đã viết *Hủy trà luận* để bày tỏ thái độ của mình.

Tượng Lục Vũ đun trà khai quật tại mộ táng Trương phu nhân thời Đường, năm 832, hiện lưu giữ tại bảo tàng thành phố Củng Nghĩa (Hà Nam, Trung Quốc).

Bộ trà cụ thời Lục Vũ gồm: 1. *Phong lô* kèm *Hôi thừa* (tức hỏa lò và khay đựng tro); 2. *Cử* (giỏ đựng than); 3. *Thán qua* (búa đập than); 4. *Hỏa kiệp* (đũa gắp than); 5. *Phú* (nồi đun nước); 6. *Giao sàng* (ghế kê nồi); 7. *Giáp*

1. Theo Lục Vũ, thứ bọt dày được ông gọi là Bột, bọt mỏng gọi là Mạt, bọt mịn nhẹ gọi là Hoa.

2. Tiên, phanh và chử trong Hán ngữ cổ đại đều có nghĩa đun, nấu, luộc, sắc.

3. (Đường) Phong Dần. *Phong thị văn kiến ký*. Nguyên văn: 封演《封氏聞見記》楚人陸鴻漸為茶論，說茶之功效並煎茶、炙茶之法，造茶具二十四事，以都統籠貯之，遠近傾慕，好事者家藏一副。

(kẹp bánh chè để nướng); 8. *Chỉ nang* (túi giấy bọc bánh chè); 9. *Niển* kèm *phất mạt* (thuyền tán nghiền trà và chiếc phủi mạt); 10. *La hợp* (hộp sàng mạt trà); 11. *Tắc* (thìa đong trà); 12. *Thủy phương* (thùng vuông đựng nước sạch); 13. *Lộc thủy nang* (túi lọc nước); 14. *Biều* (bầu múc nước); 15. *Trúc kiệp* (đũa trúc quấy mạt trà); 16. *Ta quỹ* kèm *yết* (khay muối và thìa); 17. *Thục vu* (hũ đựng nước sôi để nguội); 18. *Oản* (âu, bát uống trà); 19. *Bổn* (sọt đựng bát); 20. *Trát* (chổi rửa bát); 21. *Địch phương* (thùng vuông đựng nước rửa); 22. *Chỉ phương* (thùng vuông đựng bã chè); 23. *Cân* (khăn lau); 24. *Cụ liệt* (giá đựng trà cụ).

Dẫn theo *Trà kinh*

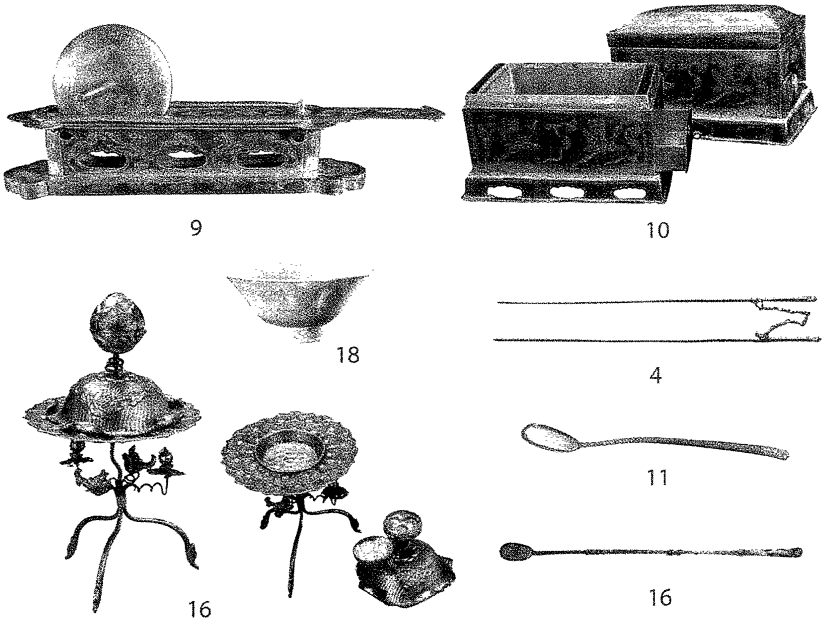

Một số trà cụ thời Đường, khai quật tại địa cung chùa Pháp Môn, hiện lưu giữ tại bảo tàng Pháp Môn Tự (Thiểm Tây, Trung Quốc). Nguồn ảnh: Bảo tàng Cố cung Quốc lập Đài Loan (dpm.org.cn).

Có thể hình dung đơn giản hơn, trà thời Đường được nấu trong nồi hoặc sanh, uống bằng bát lớn. Bát trà trước kia vốn chỉ là dạng bát ăn thông thường, về hình thức không có gì đặc biệt. Tới thời Đường, một số nhà làm gốm mới thiết kế những chiếc bát chuyên dụng với kiểu dáng tinh gọn, duy mỹ hơn, ghi hẳn vào lòng bát hoặc trôn bát hai chữ "trà

Hỏa lò và sanh trà men vàng lò Củng Nghĩa thời Đường.

oản". Bát trà bấy giờ chủ yếu làm bằng sứ, được gọi là trà oản[1] hoặc trà âu. Khoảng những năm 780-783, để cầm bát trà cho khỏi bỏng tay, người Thục (Tứ Xuyên) mới chế ra loại đĩa lót với đế cao tròn, gọi là trà thác[2]. Nhiều đĩa lót và bát trà được thiết kế riêng theo bộ, chỉ dùng cho việc uống trà. Thời Đường có tam đại danh diêu, gồm Việt diêu ở Chiết Giang chuyên chế bát trà sứ men xanh, Trường Sa diêu ở Hồ Nam nổi tiếng với bình bát sứ men vẽ màu, và Hình diêu ở Hà Bắc đặc biệt chế bát trà sứ men trắng. Có câu *Nam thanh Bắc bạch* chỉ hai dòng men sứ xanh trắng tiêu biểu ở hai miền Nam Bắc thời Đường[3]. Lục Vũ là người phương Nam, hết sức đề cao bát sứ Việt diêu. Ông nhận định: *"Âu oản thì Việt châu là thượng phẩm, miệng không cong, đáy cong mà nông... sắc men xanh, xanh thì làm tôn sắc trắng hồng của trà."*[4] Với những kết quả khảo cổ tại hoàng thành Thăng Long và cố đô Hoa Lư gần đây, có thể thấy các loại bát Việt diêu, Hình diêu và Trường Sa diêu đều xuất hiện ở Việt Nam với số lượng lớn, có niên đại Đại La thế kỷ VIII, IX, cùng vào thời Đường, trong đó nhiều

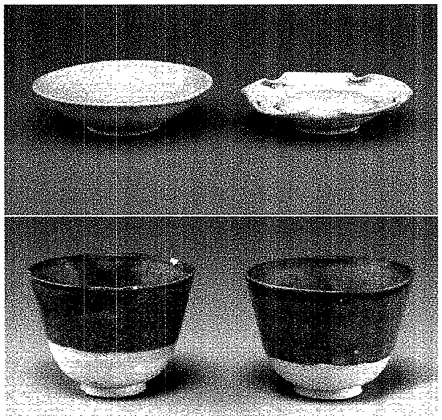

Bát trà và đĩa lót trà lò Hình thời Đường, dẫn theo tạp chí *Thu tàng gia* (số ra tháng 11/2019). Âu men lục lò Củng Huyện thời Đường, dẫn theo tạp chí *Thu tàng gia* (số ra tháng 12/2018).

1. (Nguyễn) *Đại Nam quốc ngữ*: "*Oản là bát nhỏ. Trà oản là chén trà.*" Đại để, oản dùng để uống trà là loại bát nhỏ.

2. (Đường) Lý Khuông Nghệ. *Tư hạ lục*. Nguyên văn: 李匡乂《资暇录・卷下・茶托子》建中蜀相崔寧之女以茶杯無襯，病其熨指，取碟子承之，既啜而杯傾，乃以蠟環碟子之央，其杯遂定。即命匠以漆環代蠟，進於蜀相。蜀相奇之，為製名而話於賓親。人人為便，用於世。是後傳者更環其底，愈新其製，以至百狀焉。

3. *Trung Quốc trà kinh* 《中国茶经》. Tr.747.

4. (Đường) Lục Vũ. *Trà kinh*. Nguyên văn: 陸羽《茶經·四之器》甌，越州上，口唇不捲，底捲而淺，受半升已下。越州瓷、岳瓷皆青，青則益茶，茶作白紅之色。

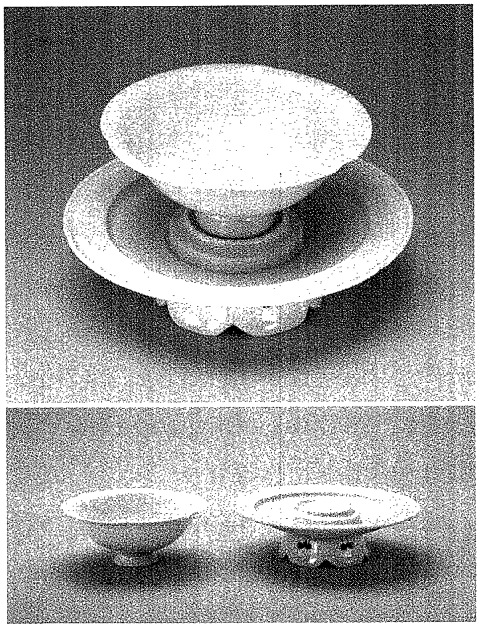

Trà oản và trà thác men xanh trắng lò Hồ Điền thời Bắc Tống, bảo tàng Princeton (Hoa Kỳ) lưu giữ.

nhất là bát sứ Việt diêu. Kết hợp với những chứng cứ về việc buôn bán bánh chè Hoa Nam vào Bắc Việt như *Thiện phu kinh thủ lục* (năm 856) và *Tuất dân thông thương chế* (năm 863), có thể thấy trà phong thời Đường đã gây ảnh hưởng và được du nhập trực tiếp vào đất Việt cùng thời, góp phần định hình nên những giá trị thẩm mỹ, tinh thần trong văn hóa trà Việt về sau. Điều này cần gác lại lòng tự ái để nhìn nhận cho khách quan. Không nên đánh đồng giữa hiện tại với quá khứ, giữa những cảm quan đương thời với câu chuyện văn hóa tinh thần khi xưa.

"Tùng viện **chử trà** hương mạc mạc, hạc tuyền tẩy **bát** thủy sàn sàn."
Đun trà ngào ngạt sân thông núc, rửa bát rì rào suối hạc reo.

(Trần) Phạm Nhân Khanh, *Tiễn quốc sư Lãm Sơn về núi*

Tuy lối chế tác bánh chè cùng trà cụ diễn ra nhiều cuộc cải cách vào thời Tống, điểm trà trở thành lối pha chế chủ đạo, song đun trà không bởi vậy mất đi, vẫn được kế thừa qua các thời đại sau. Lúc này, cách thức đun nấu cơ bản như Phạm Đình Hổ ghi nhận, đặt sanh trà hoặc siêu, ấm lên hỏa lò trực nước sôi, đến khi nước sủi tăm cua thì thả lá trà, đợi lá trà bung nở chốc lát, đoạn múc ra uống. Ở Việt Nam, có thể nói lối đun trà là một trong những cách pha chế được ưa chuộng và truyền nối qua nhiều đời, dù ở nơi cửa Thiền hay trong đời sống của văn nhân, quý tộc. Như có

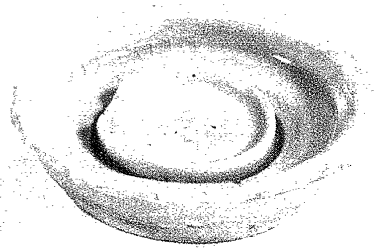

Trà thác (đĩa đựng chén trà) lò Quảng Châu khai quật tại hoàng thành Thăng Long. Nguồn ảnh: *Kinh thành cổ Việt Nam.*

"Bỏ trà vào siêu", "cái siêu tay".
Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam.*

người từng hỏi Phật hoàng Trần Nhân Tông về nếp sinh hoạt đời thường của các sư trong chùa. Nhân Tông trả lời: *"Phá nạp ủng vân triêu khiết chúc, cổ bình tả nguyệt dạ* ***tiên trà****"* (Áo rách ôm mây sáng húp cháo, bình xưa dốc nguyệt tối đun trà)[1]. Danh thần phò tá vua Trần Minh Tông là Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370) cho biết, khi lênh đênh trên sông nước vào sáng sớm, những người trên thuyền đã nổi lửa, đun trà trong sanh: *"Vụ tán giang không thiên hướng thụ, cúc tôn chước bãi* ***mính sanh phanh****"* (Sông vắng sương tan trời hửng sáng, nhắp xong chén cúc nấu sanh trà)[2]. Đặc biệt, Nguyễn Trãi sinh thời cũng thường xuyên đun trà uống. Nguyễn Trãi tự nhận: *"Tảo tuyết* ***chử trà*** *hiên trúc hạ"* (quét tuyết đun trà hiên trúc ngả), *"****Trà tiên*** *nước kín nguyệt đeo về", "Phong lưu mòn mỏi ba đường cúc, ngày tháng tiêu ma một* ***bát chè****"*[3] v.v. Lối đun trà cứ vậy được tiếp nối qua các thời đại Trần, Lê trải dài tới cuối Nguyễn.

*"****Ngõa đỉnh phanh trà*** *yên tán bích, địa lô thí hỏa thán sinh hồng."*
Vạc đất đun trà đùn khói biếc, hỏa lò thử lửa rực than hồng.

(Lê sơ) Nguyễn Thiên Tích, *Viết lại nỗi niềm ở Mao Trai*

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Trần Nhân Tông.
2. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Nguyễn Trung Ngạn.
3. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Nguyễn Trãi.

*"Một bài thơ mới, một **sanh trà**."*[1]

(Nguyễn) Cao Bá Quát,
Tặng bạn láng giềng Trần Cung Trọng chủ sự

Vào thời Nguyễn, Trương Đăng Quế (1793-1865), vị đại thần trải bốn triều, thầy dạy của vua Thiệu Trị cùng Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, cũng là người sành trà. Ông từng tỉ mỉ học cách thức tiên trà khi nhàn hạ: *"Tế học **tiên trà pháp**, nhàn miêu thái cúc đồ"* (Nhàn hạ tô dần tranh hái cúc, chỉn chu học kỹ phép tiên trà)[2]. Có lẽ Trương Đăng Quế cũng đem những hiểu biết của mình về trà hướng dẫn cho học trò, nên Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương về sau đều trở thành những vị trà si. Tuy Lý vương kể từng đắm mình trong rượu, đến khi ngộ ra, cũng là lúc được ông thầy thấu hiểu tâm can, từ xa gửi tặng mấy lạng trà tàu, bọc bằng mo tre[3].

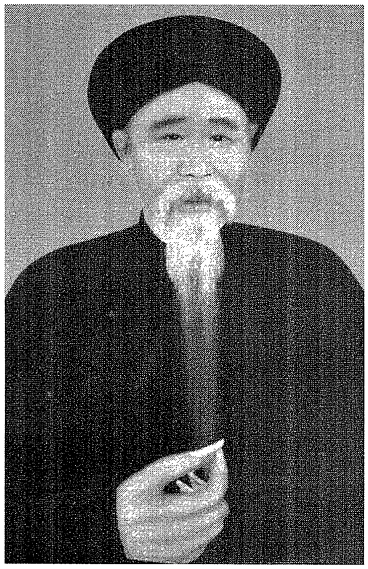

Chân dung Trương Đăng Quế. Nguồn ảnh: Lê Hồng Khánh.

Nức tiếng là thi nhân kiêm trà nhân sành sỏi bậc nhất triều Nguyễn, Tùng Thiện vương hẳn chịu ảnh hưởng không nhỏ từ thầy mình. Đương thời, ông cũng thạo lối đun trà: *"Lò đun ánh lửa hồng. Sôi vạc trà xanh khói. Mưa gió thâu đêm đợt lạnh dài, hẳn tương tư nguyên tối"*[4], *"Chới với hồn thơ không điểm tựa, bảo con xin lửa dậy **tiên trà**"*[5]. Tùng Thiện cũng thường xuyên mời hoàng đệ, hoàng muội tới phủ, hướng dẫn thưởng trà, làm thơ. Trong số đó có các cô công chúa em ruột ông là Mai Am, Huệ Phố, Nguyệt Đình, sau này lừng lẫy văn đàn với mỹ hiệu Nguyễn triều tam khanh. Bài thơ *Phẩm trà* của công chúa Mai Am có thể nói là một trong những bài thơ

1. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Tặng lân hữu Trần Cung Trọng chủ sự.* Nguyên văn: 高伯适《贈鄰友陳恭仲主事》一篇新詠一鐺茶。

2. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Trương Đăng Quế.

3. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tuy Lý vương, *Trương Đoan công tặng trà.*

4. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương.

5. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Thu dạ chu thứ bất mị.* Nguyên văn: 阮福綿審《秋夜舟次不寐》牢落詩懷無處著，呼兒索火起煎茶。

hay nhất về lối đun trà: *"Trăng ngà giải đất mộng còn vương, dưới trúc lò đun tự nếm lường. Lựa lấy suối ngàn pha tuyệt phẩm, đứng xem lửa ngọn thử thần hương [...]"*.

"Cao tuyển danh tuyền tham diệu phẩm,
Trữ khan hoạt hỏa thí chân hương."

(Nguyễn) Công chúa Mai Am Nguyễn Phúc Trinh Thận, *Phẩm trà*

Như vậy có thể thấy đun trà là một trong những lối pha chế có bề dày lịch sử tại Việt Nam. Song có lẽ từ khi cách hãm trà trong ấm trở thành cách pha chủ đạo, việc đun trà dần khuất lấp. Gần đây, theo phong trào phục cổ, một số trà nhân ở ta và Trung Quốc quay lại đun trà trong siêu đặt trên hỏa lò. Xét sâu xa, việc này vốn bắt nguồn từ ảnh hưởng của trà phong Nhật Bản trong độ vài chục năm trở lại. Người Nhật du nhập và phát triển văn minh Trung Hoa thời Đường Tống, Tiên trà đạo (Senchado) và Mạt trà đạo (Matchado). Hai lối pha trà cổ xưa nhất khu vực Á Đông bởi vậy được bảo lưu gần như nguyên vẹn tại xứ sở Phù Tang.

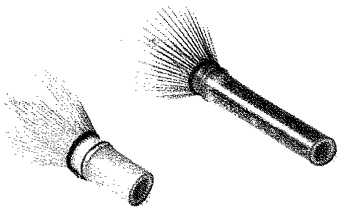

Chasen (chổi trà) trong trà đạo Nhật Bản.

Điểm trà, lối pha chế đặc trưng, thịnh hành vào thời Tống, sau khi trà lá rời chiếm thế độc tôn, dần tuyệt tích ở ngay chính quê hương, song được bảo lưu trong văn hóa trà đạo Nhật Bản. Trong mô tả phía trên, Phạm Đình Hổ đã có chút nhầm lẫn điểm trà với cách pha trà trong "cái oản" (bát nhỏ có nắp), thậm chí hiểu sai chức năng của "trà tiển". Có điều cũng không trách được ông, nhiều học giả Trung Quốc cuối Minh khi đọc văn bản thời Tống cũng không còn rõ trà tiển là vật gì[1]. Bởi lẽ phong tục dùng trà bấy giờ ở Việt Nam và Trung Quốc đã kinh qua nhiều cải cách, có những thứ được kế thừa, cũng có những thứ bị mất đi. Cũng như lâu nay chúng ta luôn nghĩ tổ tiên ngàn đời đều búi tóc vấn khăn, mặc áo dài cổ đứng. Trong khi chưa tới ba

1. *Trà cụ và chuyện trà các đời*《历代茶具与茶事》. Tr.25.

trăm năm trước, người thời Lê còn chuốt sáp, buông xõa tóc dài phủ lưng, mặc áo giao lĩnh, thoáng trông ngỡ phong cách Nhật, Hàn, hay một lối cổ phong xa xưa nào đó ở Trung Quốc. Song dù ở triều đại nào, thói tục dân ta vẫn thích đi chân đất và nhuộm răng đen. Nhiều khi giữa các nước đồng văn, một số nét văn hóa từng chia sẻ chung, tuyệt tích ở nước này, nhưng lại được bảo lưu ở nước khác, tùy từng thời kỳ lịch sử, đó cũng là một sự độc đáo. Trà tiển 茶筅, chiếc chổi đánh mạt trà mà văn nhân quý tộc Trung Quốc và Việt Nam xưa kia từng quen thuộc, ngày nay vẫn được người Nhật sử dụng trong các buổi trà đạo, được đọc là *chasen*[1].

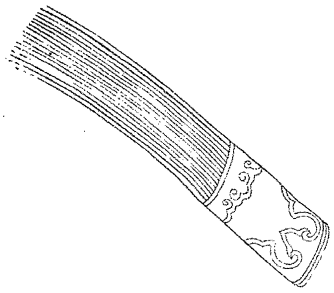

Trà tiển (chổi trà) thời Tống minh họa trong *Trà cụ đồ tán*, năm 1269.

*"**Trà tiển** làm bằng loại trúc già, thân phải dày nặng, chổi phải thưa cứng, gốc phải chắc thì ngọn mới rộn, nên như hình dạng sống kiếm. Đại để thân dày nặng thì cầm có lực mà dễ vận dụng; chổi thưa cứng, hình dạng như sống kiếm thì đánh quấy tuy quá đà cũng không có bọt nổi lều phều*[2]*."*

(Tống) Tống Huy Tông,
Đại Quan trà luận

Nghiền trà và điểm trà trong tranh *Niện trà đồ* (cục bộ) của họa sĩ Lưu Tùng Niên thời Nam Tống, bảo tàng Cố cung Trung Quốc lưu giữ.

Nếu như bánh chè thời Đường khi sử dụng phải nướng qua lửa, rồi dùng thuyền tán nghiền vụn, bước sang thời Tống, người ta nghiền bánh trà và sàng lấy bột mịn, bỏ vào bát con,

1. 筅 tiển, cái chổi con, âm Hán Nhật đọc là /せん sen/ (như âm sên trong tiếng Việt).
2. (Tống) Tống Huy Tông. *Đại Quan trà luận*. Nguyên văn: 宋徽宗《大觀茶論》茶筅以觔竹老者為之，身欲厚重，筅欲疎勁，本欲壯而末必吵，當如劍瘠之狀。蓋身厚重則操之有力而易於運用；筅疎勁如劍瘠則擊拂雖過而浮沫不生。

Điểm trà thể hiện trong bích họa trong mộ táng thế kỷ XIII (huyện Đồn Lưu, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc).

khi nước sôi trút từ bình thủy vào chén lần đầu tiên, dùng trà tiển quấy đều tay để nước và bột hòa quện, đến những lần trút nước tiếp theo, tiếp tục đánh chổi mau chậm nhặt thưa nhịp nhàng, nhằm tạo một lớp bọt hoa phủ kín mặt nước, gọi là **điểm trà**. Nếu mạt trà không được nghiền mịn, sàng sẩy không tinh, đánh quấy không đều, dễ khiến hạt vón cục lắng xuống, hoặc tán ra chung quanh, bọt hoa không phủ kín mặt bát (gọi là Vân cước tán) đều coi là thiếu mỹ quan. Thời kỳ này đặc biệt có hình thức **đấu trà**, trà nhân thi đấu pha rót để thể hiện được chén trà công phu, không chỉ thơm ngon, còn phải đẹp mắt với những tiêu chí thẩm mỹ đặt riêng cho lối pha rót này.

*"**Điểm trà**: Trà ít nước nhiều thì bọt như chân mây phân tán, nước ít trà nhiều thì bọt như mặt cháo đặc sệt. Xúc bỏ một thìa trà, trước tiên rót nước sôi quấy cho thật nhuyễn, lại rót thêm nước sôi đánh quấy tròn đều. Nước sôi trên chén chỉ bốn phân là dừng, xem màu sắc bề mặt nước trà mà tươi trắng, không có ngấn nước bám thành chén là tốt nhất[1]."*

(Tống) Sái Tương (1012-1067), *Trà luận*

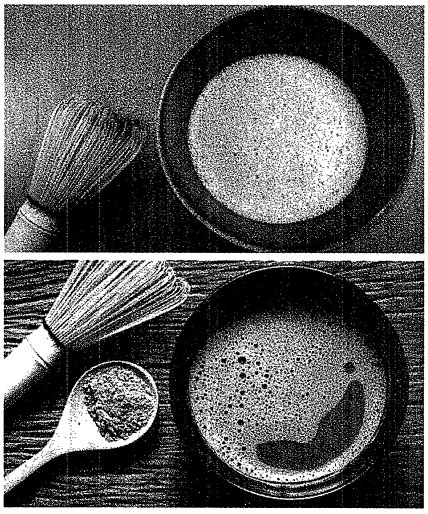

Bọt hoa phủ kín và bọt hoa phân tán trong bát matcha Nhật Bản.

1. (Tống) Sái Tương. *Trà lục*. Nguyên văn: 蔡襄《茶錄》點茶，茶少湯多則雲腳散，湯少茶多則粥面聚。鈔茶一錢匕，先注湯調令極勻，又添注入環回擊拂。湯上盞可四分則止，視其面色鮮白，著盞無水痕為絕佳。

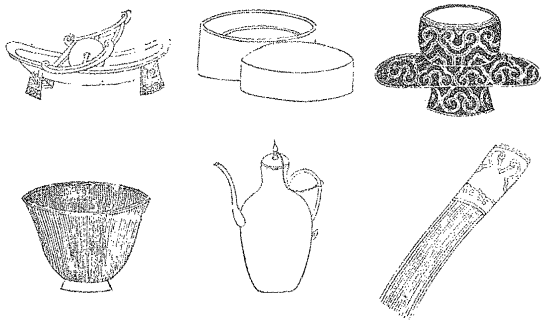

Một số trà cụ minh họa trong *Trà cụ đồ tán*, năm 1269.

Trà cụ thời Đường điểm sơ qua lên tới hai mươi tư thứ, không thật tiện dụng, nhất là mang vác đi xa. Người Tống nhân vậy giản hóa hơn nửa số dụng cụ không cần thiết. Như khay muối, hũ đựng nước sôi để nguội bị loại bỏ hoàn toàn, hỏa lò, giỏ đựng than, kẹp sắt cũng không còn được coi là trà cụ. Đồ trà Sái Tương và Tống Huy Tông liệt kê nhìn chung chỉ còn sáu thứ: thuyền tán, sàng sẩy, bình nước sôi, chén, chổi con và thìa đong[1]. Thói tục lúc này ưa chuộng loại âu oản nhỏ gọn như chiếc cốc nhỡ cầm vừa tay, gọi là trản (chén)[2]; nồi sanh đun nấu chuyển sang bình thủy vòi dài miệng nhỏ chuyên trữ nước sôi. Trà cụ của quý tộc, cung đình, từ thuyền tán, sàng sẩy cho tới thìa đong đều làm bằng vàng bạc. Dân gian mới dùng đồ sắt hoặc sứ[3].

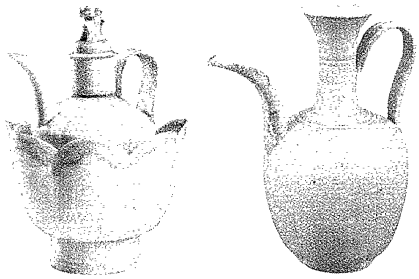

Bình thủy (chú tử) men trắng lò Hồ Điền (trái) và lò Định (phải) thời Bắc Tống (thế kỷ XII). Nguồn ảnh: *Trà cụ và chuyện trà các đời.*

1. Sái Tương liệt kê trong *Trà lục* sáu thứ trà cụ gồm *Trà lung* (lồng đựng trà), *Trà niễn* (thuyền tán nhỏ nghiền trà), *Trà la* (sàng trà), *Trà trản* (chén to dùng trà), *Trà thi* (thìa đong trà) và *Thang bình* (bình trữ nước sôi). Tống Huy Tông liệt kê trà cụ trong *Đại Quan trà luận* có *La* (sàng), *Niễn* (nghiền), *Trản* (chén), *Tiển* (chổi), *Bình* (bình) và *Thược* (thìa).

2. 盞 *trản* có âm đọc tiền Hán Việt là *chén* (tương tự như 斬 *trảm* có âm tiền Hán Việt là *chém,* 減 *giảm* có âm tiền Hán Việt là *kém* v.v.), xưa nay thường được dịch là chén. Song, chén theo cách hiểu của người miền Bắc Việt Nam ngày nay lại chỉ cái chén uống trà hoặc rượu con con, trong khi người miền Nam lại hiểu là cái bát. Trong trường hợp này, tôi vẫn dùng theo thói quen gọi là chén, song cần lưu ý, những chiếc chén uống trà thời Tống ở Trung Quốc và thời Lý Trần ở Việt Nam, trên thực tế to như chiếc cốc nhỡ hoặc bát nhỡ, cầm vừa tay.

3. (Tống) Sái Tương. *Trà lục*. Nguyên văn: 蔡襄《茶錄》瓶要小者易候湯，又點茶注湯有准。黃金為上，人間以銀鐵或瓷石為之。Tống Huy Tông. *Đại Quan trà luận* - Bình. Nguyên văn: 瓶宜金銀嘴之口差大而宛直，則注湯力緊而不散；嘴之未欲圓小而峻削，則用湯有節而不滴瀝。

Ngay từ thời Đường, sắc chén được lựa chọn tùy theo sắc trà, nhằm tôn lên màu sắc của trà thang. Đến thời Tống, triều đình chuộng trà trắng, thành ra chén đen nghiễm nhiên chiếm vị trí độc tôn. Dĩ nhiên, bên cạnh chén men đen, vẫn có các loại men màu tương (nâu), màu xanh, xanh trắng v.v. Sái Tương nhận định ngay ở dòng đầu tiên viết về chén: *"Sắc trà trắng nên dùng chén đen, loại chén vùng Kiến An chế tạo màu đen ánh đỏ, vằn vện như lông thỏ, phôi hơi dày, hong lửa thì giữ nhiệt lâu khó nguội, được trọng dụng nhất. Chén xuất ở những nơi khác, hoặc mỏng hoặc sắc tía, đều không bằng. Các loại chén trắng hay xanh, tự người thi đấu điểm trà không dùng."*[1] Loại chén men đen Sái Tương đề cập chính là Kiến trản 建盞 xuất ở Kiến diêu (lò Kiến), Phúc Kiến. Đương thời, tăng lữ Nhật Bản tới tu tập tại tự viện trên núi Thiên Mục, Chiết Giang, sau khi mãn hạn, đã đem Kiến trản về nước. Người Nhật về sau phỏng chế theo, gọi tên chén là Tenmoku - Thiên Mục[2].

Kiến trản lông thỏ (Thố hào) thời Tống men đen và men tương (Tử trản). Nguồn ảnh: *Trà cụ và chuyện trà các đời.*

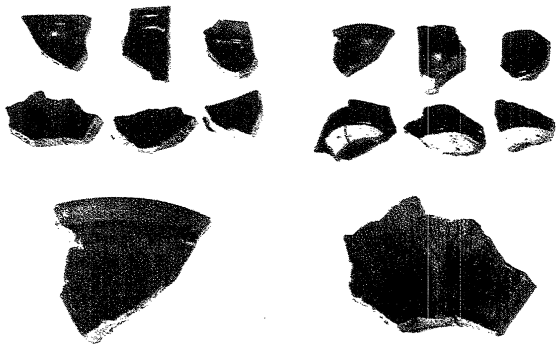

Mảnh vỡ Kiến trản khai quật tại hoàng thành Thăng Long. Nguồn ảnh: *Kinh thành cổ Việt Nam.*

1. (Tống) Sái Tương. *Trà lục*. Nguyên văn: 蔡襄《茶錄》茶色白，宜黑盞，建安所造者紺黑，紋如兔毫，其坯微厚，熁之久熱難冷，最為要用。出他處者，或薄或色紫，皆不及也。其青白盞，鬥試家自不用。

2. *Nguyệt san thông tin khai quật di sản văn hóa* 月刊文化財発掘出土情報. Tr.49.

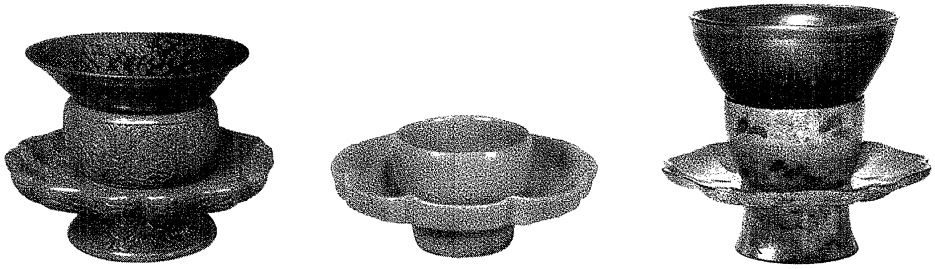

Kiến trản giọt dầu (Du trích) đặt trên trà thác thời Nam Tống (Seikado Bunko Art Museum, Nhật Bản, cất giữ). Trà thác Hàn Quốc thời Cao Ly (Bảo tàng Quốc lập Tokyo, Nhật Bản, cất giữ). Kiến trản lông thỏ (Thố hào) thời Nam Tống đặt trên trà thác thế kỷ XIV (China Guardian, Hongkong, cất giữ).

Chén trà và trà trong *Tống nhân thập bát đồ*. Nguồn ảnh: National Palace Museum, Đài Bắc.

Sanh trà thời Tống dùng theo lối đun trà, lò Hành Sơn, cao 12,3cm, đường kính 14,2cm. Nguồn ảnh: Tạp chí *Tống từ thu tàng*, kỳ 186.

Tại Việt Nam, các nhà khảo cổ đã khai quật được hàng loạt những mảnh vỡ Kiến trản tại hoàng thành Thăng Long, phần lớn là loại chén lông thỏ (Thố hào), có niên đại thuộc thế kỷ XI, XII[1], tương đương với thời kỳ nhà Lý. Đặc biệt, nhà nghiên cứu Nishimura Masanari (1965-2013), người có nhiều đóng góp lớn lao đối với ngành khảo cổ học Việt Nam, đã phát hiện những chiếc chén và phôi chén thuộc cùng hệ Thiên Mục ở hai di chỉ lò gốm Đương Xá và Kim Lan (Bắc Ninh), có niên đại thế kỷ XIV, thời Trần. Theo ông, đây là những chén trà phỏng chế từ Kiến trản của Trung Quốc, song có thể nhận thấy việc phỏng chế có sự khác nhau giữa các khu vực, và mang dấu ấn bản địa. Những chiếc Kiến trản phỏng chế của Việt Nam có miệng rộng, phần nhiều được phủ lớp men nâu[2]. Đặc biệt, ông còn phát hiện chiếc thuyền tán nghiền trà (trà niễn) tại lò gốm Đương Xá, với đủ máng nghiền và bánh lăn, chứng tỏ lối điểm trà cùng trà cụ phong cách Tống đã được du nhập và tiếp biến tại Việt Nam, phổ biến trong một bộ phận cung đình quý tộc trong suốt thời đại Lý-Trần.

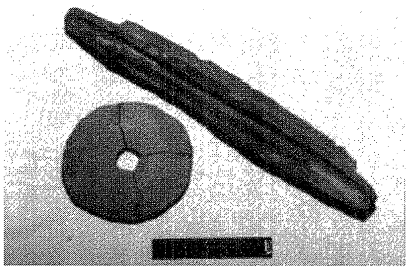

図7　ドゥオンサー窯址出土の碗船形薬研（茶碾）と回転円盤
（両者とも無釉陶器）

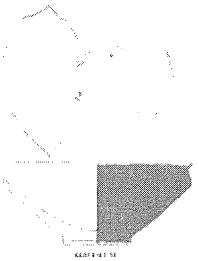

図8　天目系内白外褐釉碗
（ハノイ郊外キムラン遺跡出土）

Thuyền tán nghiền trà và phôi chén Thiên Mục thời Trần, phát hiện bởi nhà nghiên cứu Nishimura. Nguồn ảnh: *Bước đầu tìm hiểu tư liệu liên quan đến ngành trà và văn hóa uống trà Việt Nam.*

Bên cạnh những chiếc Kiến trản hoặc trực tiếp trao đổi buôn bán hoặc phỏng chế, các loại âu bát dùng để uống trà làm bằng sứ trắng, gốm men ngọc do nghệ nhân thời Lý Trần thực hiện có thể nói đã đạt tới đỉnh cao về thẩm mỹ cũng như kỹ thuật chế tác. Ta cũng thấy sự hiện diện của những chiếc bình thủy thời Lý có vòi dài miệng nhỏ, nhiều khả năng được dùng để điểm trà. Chúng ta hầu như không còn tư liệu chữ viết để

1. *Kinh thành cổ Việt Nam.* Tr.64.
2. ベトナムの茶飲文化・茶業に関する資料初探 *Bước đầu tìm hiểu tư liệu liên quan đến ngành trà và văn hóa uống trà Việt Nam.* Tr.82.

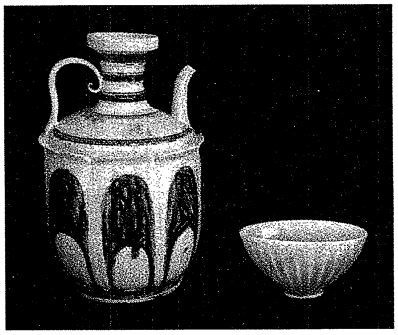

Bình thủy cao 21cm và bát trà cao 7,7cm thời Lý. Nguồn ảnh: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

ấn chứng thêm cho điều này, song hiện vật khảo cổ lại chính là thiết chứng, đặc biệt khi so sánh với trà lưu Trung-Nhật cùng thời. Ngoài ra, sử nhà Tống ghi nhận, triều đình Tống đã từng đôi ba lần gửi tặng các bánh trà thơm cống phẩm xuất từ vùng Kinh Tương (Hồ Nam, Hồ Bắc)[1] cho triều đình Trần Thánh Tông (1240-1290). Đây là những bánh mạt trà hảo hạng, khi sử dụng hẳn phải pha chế theo lối điểm trà. Từ thế kỷ XIV trở về sau, chè lá rời lên ngôi, dần kéo theo những cuộc cải cách về trà cụ cùng cách thức pha hãm. Kết quả, những chiếc bánh trà đóng ép từ mạt bột đi tới hồi cáo chung, lối điểm trà với thuyền tán, sàng sẩy, chổi con, chén men đen, men nâu dần dà mất dấu ở cả Việt Nam và Trung Quốc. Một bàn trà dàn trận với chiếc ấm quả quýt phối cùng một loạt chén nhỏ ra đời, gây ảnh hưởng lâu dài, trải tới tận ngày nay.

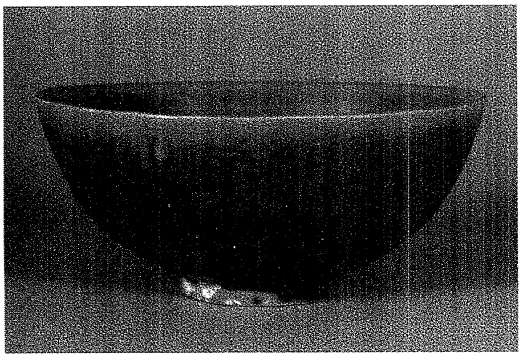

Bát trà Việt thế kỷ XIV, XV, cao 7,2cm, đường kính 16,3cm. "*Nước men gần gụi với loại men Thiên Mục của Trung Quốc*". Dẫn theo *Vietnamese and Chinese Ceramics Used in the Japanese Tea Ceremony.*

1. (Tống) *Tống sử*. Nguyên văn:《宋史・卷四十四・理宗本紀四》寶祐五年（1257）十一月乙丑，獎諭安南國，賜金器幣、香茗。*Khâm định tục văn hiến thông khảo*. Nguyên văn:《欽定續文獻通考・卷二十八・土貢考》咸淳九年（1273）安南又進方物，特賜金五百兩、帛百匹、荊湘貢茶片。

Tước trà Việt thế kỷ XVI *"ban đầu được dùng để uống rượu và sau đó được cải tiến để dùng trong trà đạo"* (dẫn theo *Vietnamese and Chinese Ceramics Used in the Japanese Tea Ceremony*) và tước trà thể hiện trong tranh *Phổ tuyền* của họa sĩ Trần Hồng Thụ (1598-1652) thời Minh. Nguồn ảnh: *National Palace Museum, Taiwan*.

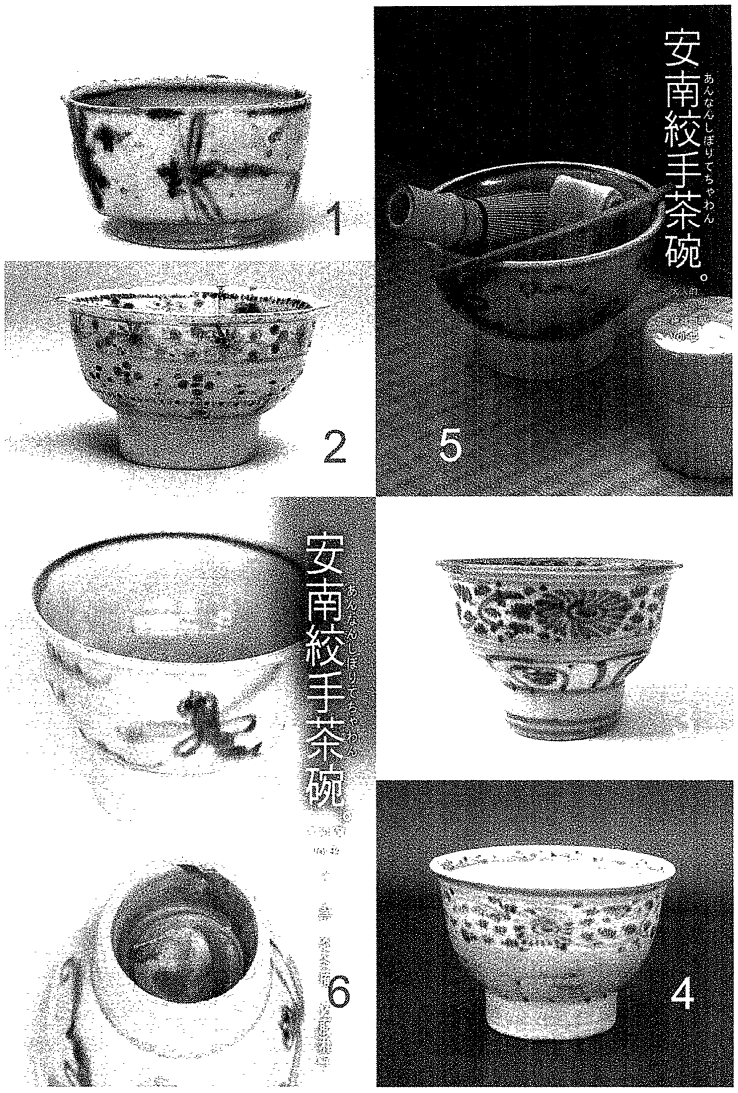

Bát trà Việt thế kỷ XV.

1, 2, 4. Nguồn ảnh: *The Tokugawa Art Museum* và *Japanartweb.*

3. Nguồn ảnh: Bộ sưu tập của họa sĩ Nguyễn Ngọc Dân.

5, 6. Nguồn ảnh: *Season of Life (Studioss, Taiwan).*

TỐNG QUÂN DÀN TRẬN

Lược khảo về dụng cụ trà chuyên

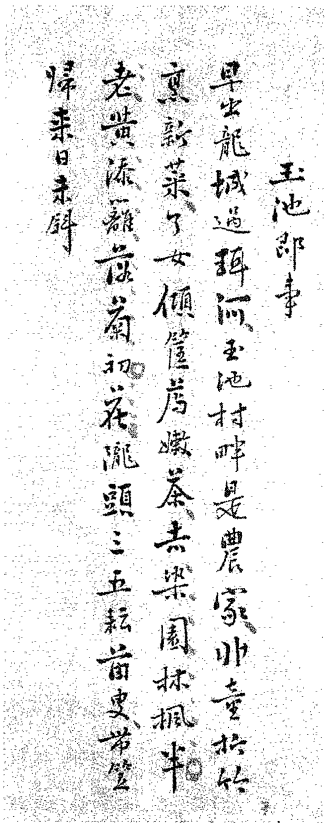

Câu thơ "*Thiếu nữ nghiêng giành biếu trà non*" trong bài *Ngọc Trì tức sự* (Đông dã học ngôn thi tập) của Phạm Đình Hổ.

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX là giai đoạn lịch sử nội chiến đầy biến động ở Việt Nam. Người chọn phò vua Lê, người về phe chúa Nguyễn, người lại ủng hộ lực lượng Tây Sơn. Cũng lại có những người chẳng theo ai, như Phạm Nguyễn Du, Đan Sơn bỏ vào núi ở ẩn, Phạm Quý Thích, Phạm Đình Hổ sống cuộc đời lánh loạn, nay đây mai đó. Sau này khi vua Gia Long nhà Nguyễn thống nhất đất nước, đã mời những vị ẩn sĩ Bắc hà có tài danh ra làm quan, song kỳ thực, họ chẳng mấy mặn mà, phần vì mối tâm kết với triều đại cũ. Phạm Đình Hổ viết *Vũ trung tùy bút* hay *Tang thương ngẫu lục* (ghi chép chuyện đời dâu bể), đều nhằm ký thác lòng hoài niệm về những xưa cũ thuở tiên triều. Những mô tả về văn hóa thưởng trà thời Cảnh Hưng ông *viết tùy ý trong mưa*, chính là bày tỏ nỗi niềm hoài cựu ấy. Trong bài thơ *Hiểu tế Nhị hà* (Sớm qua sông Nhị), ông từng cảm thán: *"Trên bến dắt trâu còn kẻ khéo, trong thuyền mò kiếm vốn ta gàn. Tựa mui ngoảnh ngắm La thành*

cũ, tai lắng khôn nghe tiếng mõ tàn."[1] Ông tự nhận mình là kẻ mò kiếm trong thuyền, kẻ vẩn vơ lần tìm những điều đã mất, dẫu có gắng dỏng tai, cũng chẳng còn nghe thấy tiếng tù và nơi thành cổ, xao xác lúc tàn canh.

Lã thị xuân thu có câu chuyện kể về anh chàng trên thuyền qua sông, không may đánh rơi thanh kiếm xuống nước, vội đánh dấu lên mạn thuyền, hòng khi thuyền dừng thì lặn xuống chỗ đã vạch dấu để mò kiếm. Ở đời, mọi thứ diễn ra đều tự nhiên, phù hợp với từng **thời** điểm và hoàn **cảnh**. Thời thế đổi thay, bối cảnh đổi thay, thói tục cũng đổi thay, chẳng có gì nhất thành bất biến. Trần Nhân Tông đương thời nhìn mọi sự thấu tỏ, những chuyện đến và đi, có và không, đều là nhân duyên giả hợp. Ông nói: "*Chẳng phải có cũng chẳng phải không có, tất cả chỉ như vạch thuyền tìm gươm*"[2]. Bởi vậy, truyền thống không chỉ là sự kế thừa, mà cũng có thể được sáng tân, miễn sao phù hợp với thời và cảnh. Đứng yên giữ nếp cũ như kẻ mò kiếm trong thuyền hay tiến lên tạo ra những điều mới mẻ, hoặc làm tất cả cùng lúc, hoặc chẳng làm bất kỳ điều gì, tất cả đều là những lựa chọn.

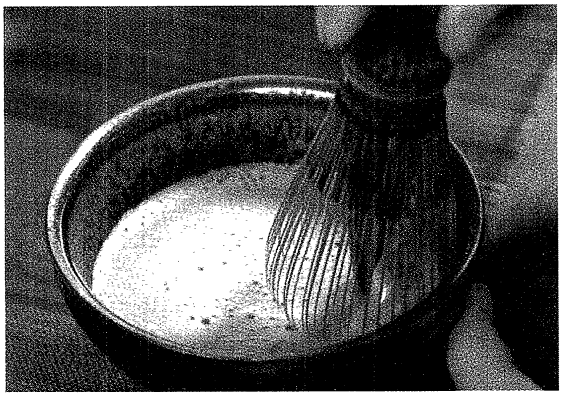

Điểm trà trắng trong Kiến trản.
Nguồn ảnh: Chamagood.

Kiến trản men đen được coi là tuyệt phẩm, bởi vua quan nhà Tống ưa chuộng trà bột. Trà bột sau khi quấy trong chén cho ra lớp bọt trắng hoặc bọt xanh vây kín mặt nước, chỉ có chén men sẫm màu mới có thể tôn sắc. Ấy là sự phù hợp. Người đời sau phỏng cổ, chế lại chén Kiến diêu, trong khi dạng trà và lối pha chế đã thay đổi, dùng chén đen miệng rộng chứa đủ màu sắc trà thang, không còn lớp bọt bềnh bồng, chẳng những không ngắm được sắc trà, càng chẳng thể thưởng được mùi

1. (Lê-Nguyễn) Phạm Đình Hổ. *Hiểu tế Nhị hà.* Nguyên văn: 范廷琥《曉濟珥河》求劍舟中原如我，牽牛江上更何人，倚篷回首羅城北，殘角聲聲不可聞。
2. (Trần) Trần Nhân Tông. *Hữu cú vô cú.* Nguyên văn: 陳仁宗《有句無句》非有非無，刻舟求劍。

hương. Ấy liệu có phù hợp? Từ thế kỷ XV trở về sau, trà lá rời được pha hãm trong ấm phối với những chiếc chén sứ trắng nhỏ, nhằm thưởng thức trọn vẹn sắc hương vị vận của trà[1]. Trà nhân thời Minh cũng từng nhận xét: *"Âu trà xưa dùng loại có hoa văn lông thỏ xuất ở Kiến diêu, chỉ thích hợp với loại trà nghiền và đấu trà mà thôi. Còn ngày nay, trắng thuần mới là đẹp, lại quý ở chỗ chén nhỏ. Chén Định diêu là quý nhất."*[2] Sở dĩ dùng chén sứ trắng, bởi quan niệm bấy giờ *"trắng sạch như ngọc, có thể kiểm tra được sắc trà"*[3]. Ấy lại là sự phù hợp. Lúc này, truyền thống đã thay đổi, ấm chén trở thành trà cụ đặc trưng theo lối pha hãm mới. Ấm tử sa, chu nê ở Nghi Hưng, chén sứ trắng xuất ở Định diêu (tức chén bạch định) là những đồ thưởng ngoạn mới, được trà nhân và văn sĩ thời Minh đua nhau sưu tàng[4].

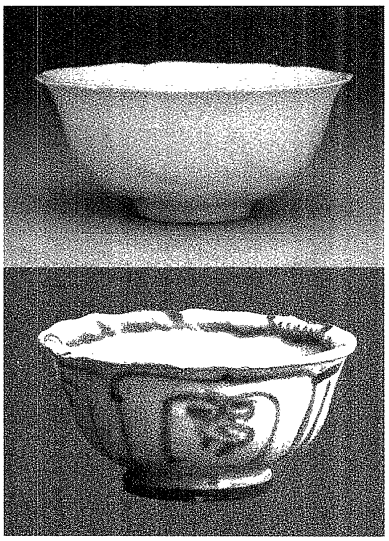

Chén trà ám hoa trắng thời Vĩnh Lạc thế kỷ XV (Trung Quốc) và chén nhỏ vẽ lam thời Lê sơ (Việt Nam). Nguồn ảnh: Bảo tàng Cố cung Quốc lập Đài Loan, *Hoàng thành Thăng Long*.

*"**Sứ oản**, khéo tạc bát Ngô. **Sứ điệp** đĩa sứ, đựng đồ thanh thay!*
***Sứ trản**, chén Ngô chuốc đầy."*

(Lê trung hưng) *Chỉ Nam ngọc âm*

Thược trà như mô tả vắn gọn của Phạm Đình Hổ: *bỏ trà vào ấm tử sa, trút nước sôi vào ấm, rót ra uống*, được đặt định và phổ biến từ thời Minh. Phạm Đình Hổ cho rằng từ thời Khang Hy (1661-1722) về sau, thược trà

1. Như Ký Tuyền trong *Điệp giai ngoại sử* nhận định: *chén nhỏ như chung rượu, khách đến mỗi người một chiếc, nhấm nháp từng giọt thanh trong mà thưởng vị.* 寄泉《蝶階外史・工夫茶》甌如黃酒卮，客至每人一甌，含其涓滴咀嚼而玩味之。若一鼓而牛飲，即以為不知味，肅客出矣。

2. (Minh) Hứa Thứ Trữ. *Trà sớ*. Nguyên văn: 許次紓《茶疏·甌註》茶甌古取建窯兔毛花者，亦鬥碾茶用之宜耳。其在今日，純白為佳，兼貴於小。

3. (Minh) Văn Chấn Hanh. *Trượng vật chí*. Nguyên văn: 文震亨《長物誌·卷十二·茶壺茶盞》潔白如玉，可試茶色。

4. *Trà cụ và chuyện trà các đời*《历代茶具与茶事》. Tr.26.

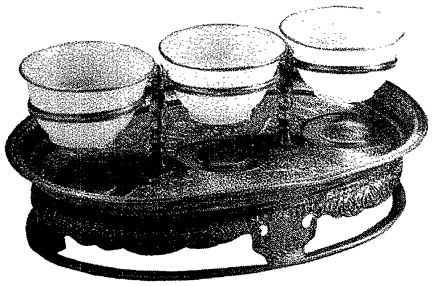

Chén sứ bịt vàng thời Nguyễn. Nguồn ảnh: *Rồng - phượng trên bảo vật triều Nguyễn.*

mới bắt đầu thay thế điểm trà[1], thực có chút nhầm lẫn. Cách Phạm Đình Hổ hơn hai trăm năm, các bước pha trà thời Minh đã được ghi lại: *"Trước tiên trút một chút nước sôi vào trong ấm để xua tan hơi lạnh, dốc đổ hết sau đó mới bỏ trà"*[2]; *"sắp trà cụ trước, phải sạch phải khô, mở nắp chờ sẵn. Nắp hoặc đặt ngửa, hoặc để vào cóng sứ, chớ úp lên bàn, mùi sơn hoặc mùi thức ăn đều có thể làm hỏng trà. Đầu tiên nắm trà trong tay, nước sôi thì bỏ vào ấm, tiện tay trút nước sôi, úp nắp ấm lại yên vị. Trong khoảng thời gian ba lần hít thở, sau đó dốc đổ ra cóng, rồi lại trút nước sôi vào ấm lần hai, nhằm đánh động hương vị, cũng để sắc trà khỏi trầm trệ. Lại trong khoảng ba lần hít thở tiếp theo, khiến trà quay cuồng trở về ổn định, sau đó rót ra đãi khách, bấy giờ trà sóng sánh thơm trong, hương thoảng đầu mũi*[3]*."*

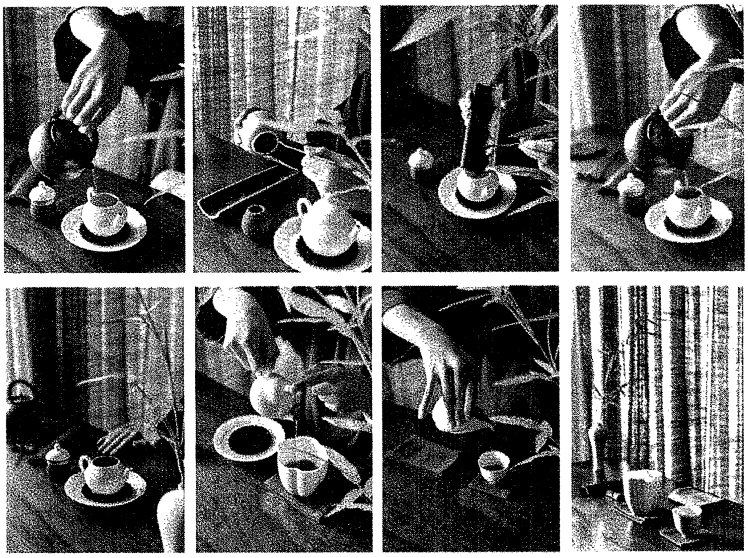

Các bước pha trà công phu. Nguồn ảnh: Trần Trọng Ngữ.

1. "Thưởng trà giai tác" - Tản văn - *Vũ trung tùy bút.*
2. (Minh) Trương Nguyên. *Trà lục.* Nguyên văn: 張源《茶錄》先注少許壺中，祛蕩冷氣。傾出，然後投茶。
3. (Minh) Hứa Thứ Trữ. *Trà sớ.* Nguyên văn: 許次紓《茶疏·烹點》先備茶具，必潔必燥，開口以待。蓋或仰放，或置瓷盂，勿意覆之案上，漆氣食氣，皆能敗茶。先握茶手中，俟湯既入壺，隨手投茶湯。以蓋覆定。三呼吸時，次滿傾盂內，重投壺內，用以動蕩香韻，兼色不沈滯。更三呼吸項，以定其浮薄。然後瀉以供客，則乳嫩清滑，馥郁鼻端。

"Vằng vặc trăng đông ánh lạnh ngà. Sương mù dày đặc phủ non xa.
Pha trà, đọc sách, tiêu sầu tạm; khỏi dựa lan can ghé dưới hòa[1]*."*

(Nguyễn) Hoàng đế Minh Mạng, *Ngẫu vịnh*

Ngày nay, nhiều người Việt có thói quen uống đặc, hãm trà trong ấm sứ cỡ lớn, độ một hai phút mới trút ra chén. Nước chè xanh bấy giờ đặc quánh, cơ bản không có hương thơm. Trong khi pha rót phẩm trà có hương sắc, nên hãm trong ấm nhỏ, chừng mười lăm giây, bằng ba nhịp hít thở như *Trà sớ* ghi nhận là đủ. Dĩ nhiên, nói ba nhịp hít thở, thực tế có người thở nhanh, thở chậm, thời gian có thể du di, không nhất thiết phải đúng chằn chặn theo con số hiện trên đồng hồ. Còn việc pha trà bằng ấm nhỏ là bởi *ấm nhỏ thì hương không tán loạn, vị không trì hoãn*[2]*, to thì hương khí dễ bay tan*[3].

Thả trà om trong bình lớn, hoặc trong cái oản (bát nhỏ có nắp và đế lót)[4], không thể nói là mất hết hương vị, song thưởng thức như vậy, kể ra chưa thật tinh. Tuy nhiên, đâu phải lúc nào cũng cần dàn trận ấm chén, chú tâm phẩm vị thưởng hương, nhiều khi om trà trữ sẵn trong bình dùng thay nước uống cả ngày, cũng là thói quen người nghiền trà vẫn thường làm. Lối om đó

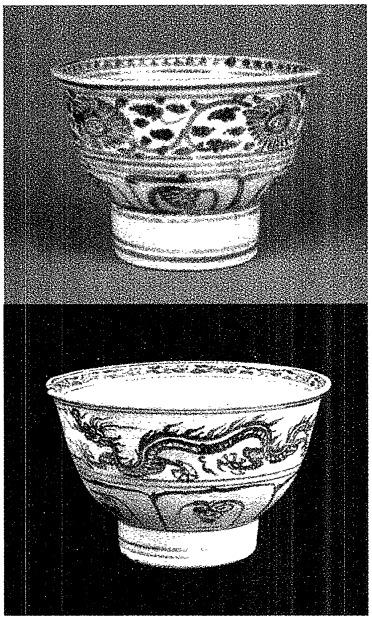

Bát trà Việt xuất Nhật thế kỷ XVI cao 9.5cm, đường kính 13cm, dẫn theo *Vietnamese and Chinese Ceramics Used in the Japanese Tea Ceremony;* và bát trà được dùng trong hoàng cung thời Lê sơ, dẫn theo *Hoàng thành Thăng Long.*

1. "Thưởng trà giai tác", thơ hoàng đế Minh Mạng.
2. (Minh) Phùng Khả Tân. *Giới trà tiên.* Nguyên văn: 馮可賓《岕茶箋》壺小則香不渙散，味不耽擱。
3. (Minh) Hứa Thư Trữ. *Trà sớ.* Nguyên văn: 許次紓《茶疏》香氣氤氳，大則易於散漫。
4. **Cái oản**, nay nhiều người gọi là *chén khải. Khải* là âm đọc ngoa truyền của từ "cái", vốn có nghĩa là cái nắp. Pha trà trong cái oản có thể vừa thưởng hương phẩm vị, vừa nhìn được lá trà, đặc biệt thịnh hành ở Trung Quốc vào thời Thanh. Người Việt thời Lê cũng ưa chuộng cách uống này. Jean-Baptiste Tavernier (1605-1689) cho biết: *người Đàng Ngoài rất trọng dụng thứ cỏ gọi là chè, nhập của Trung Quốc hay Nhật Bản... khi nước sôi bỏ chè vào, ước độ một hai dúm vào một chiếc cốc, rồi uống thứ nước đó thật nóng, càng nóng càng tốt* (*Tập du ký Đàng Ngoài.* Tr.68) chính là mô tả cách hãm trà trong cái oản.

là cách pha hãm thứ tư mà Phạm Đình Hổ đề cập, bào trà. Nhiều chiếc bình trà cao trên dưới 15cm đã xuất hiện vào thời Minh[1]. Đặc biệt qua bức tranh *Sự mính đồ* của danh họa Đường Bá Hổ (1470-1525) thời Minh, hình ảnh người đàn ông đánh trống trong loạt tranh mô tả Tonkin năm 1685 của Samuel Baron, *Võ quan vinh quy đồ* (tác giả khuyết danh) thế kỷ XVIII thời Lê trung hưng, có thể thấy đương thời, người ta om trà trong những chiếc ấm đề lương lớn, trút ra chén to uống, có thể vừa ngồi đọc sách, thưởng thức múa hát, vừa nhâm nhi chén thơm mà không sợ hết trà. Nói như Hải Thượng Lãn Ông, "*tọa thượng khách thường mãn, bôi trung trà bất không*" (khách có lúc kín nhà, trà chửa từng vơi chén). Những chiếc chén với vòng đế cao thời Lê giai đoạn thế kỷ XV, XVI này, cũng "*đặc biệt thích hợp với lối uống trà*" của người Nhật Bản đương thời, được người Nhật nhập về qua con đường giao thương, sử dụng trong các buổi trà đạo Nhật[2].

Ấm đề lương thời Minh Mạng (1828) với minh văn khắc dưới đáy "*Phụng mệnh tạo tác vào năm Minh Mạng thứ 9, vàng tám tuổi rưỡi, nặng 15 lạng 9 tiền 1 phân, cùng vàng trắng bọc quai đề lương nặng 9 tiền 9 phân. Lê Khương tạo tác*". (Nguyên văn: 明命玖年奉造，捌五歲黃金重拾五両玖錢壹分，並白金裹提梁重玖錢玖分。黎姜造。Nguồn ảnh: *Rồng - phượng trên bảo vật triều Nguyễn*) và ấm đề lương lục lăng thời Vạn Lịch (Trung Quốc).

Sự mính đồ của danh họa Đường Bá Hổ thời Minh.

1. *Trà cụ và chuyện trà các đời*《历代茶具与茶事》. Tr.26-27, 137-138.
2. *Vietnamese and Chinese Ceramics Used in the Japanese Tea Ceremony*. Tr.9.

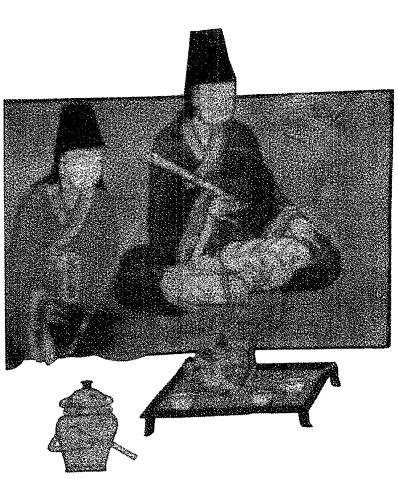

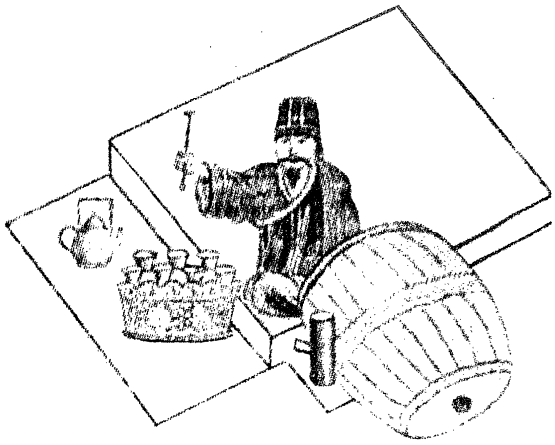

Nam giới thời Lê trung hưng thưởng trà trong *Võ quan vinh quy đồ* (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam) và trong tranh minh họa *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài* của Samuel Baron.

"Nam Bắc nắng mưa ngàn dặm ngựa,
Sóng mây co duỗi một ***bình trà***[1]*."*

Bùi Huy Bích (1744-1818),
Cuối thu, nghe ngóng lầu chuông chùa Linh Vân

Dạo gần đây, bên cạnh những chiếc ấm tử sa, hàng loạt ấm sứ nung củi cũng ra mắt thị trường trà cụ trong nước. Nhiều chiếc nhỏ xinh, đẹp mắt, pha rót cũng rất tiện. So với tử sa, chu nê, giá thành ấm sứ luôn thấp hơn vài đẳng tới vài chục đẳng. Vậy mà suốt mấy trăm năm nay, người chơi vẫn luôn ưa chuộng tử sa, lắm khi *"giá của một ấm một chén lên tới mấy chục lạng vàng"*, mà *"bạc trắng tiền xanh đua văng nối tiếp"*[2]? Xét kỹ, ấm tử sa có nhiều điểm ưu việt, các loại ấm sứ, ấm đất không thể so được. Thứ nhất, tử sa là dạng đất sét thiên về sắc tím đỏ (chu nê cũng thuộc dòng tử sa, là loại bùn sét sắc đỏ pha vàng), có hàm lượng sắt cao, **chịu nhiệt tốt**, đặc biệt *không có hơi đất*[3]. Bởi vậy, dùng ấm tử sa pha trà *đã không đoạt*

1. (Lê-Nguyễn) Bùi Huy Bích. *Văn thu Linh Vân tự chung văn vọng, kỳ bát.* Nguyên văn: 裴輝璧《秋晚靈雲寺鍾樓閒望其八》南北寒溫千里馬，雲濤伸縮一瓶茶

2. *Thưởng trà giai tác*, Tản văn, *Vũ trung tùy bút.*

3. (Minh) Hứa Thứ Trữ. *Trà sớ.* Nguyên văn: 許次紓《茶疏·甌註》蓋皆以粗砂製之，正取砂無土氣耳。

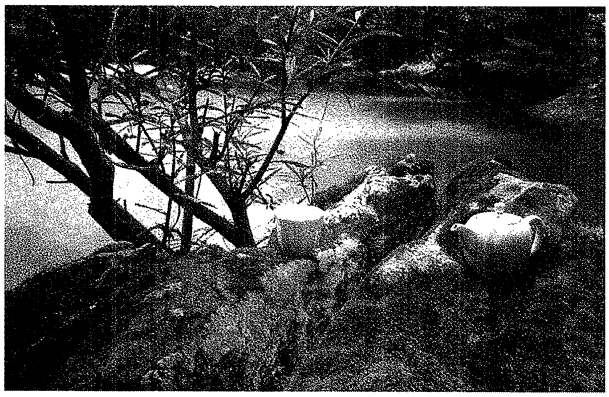

Thưởng trà bên suối. Nguồn ảnh: TQĐ.

mùi hương, lại không phả hơi nước nóng.[1] Nhiều chiếc ấm đất khi trút nước sôi, cầm lên bỏng giẫy tay, trong khi ấm tử sa loại tốt, một đằng giữ được nhiệt độ trà thang, một đằng không truyền nhiệt ra quai ấm, mặc cho trà nhân phẩy tay, rót pha tự tại. Ấy là ưu điểm nổi trội của tử sa. Thứ đến, tử sa hút hương và **giữ hương**. Theo lối trà công phu, *"mỗi loại trà dùng một ấm, trà nhân phải để ý kỹ tới việc dưỡng ấm, bằng cách trút nước sôi từ đỉnh ấm ra bốn phía xung quanh, để làm dậy hương trà"*[2]. Nhiều người còn trút quanh ấm bằng lượt nước tráng trà đầu tiên, nhằm khiến trong ngoài ám hương. Dưỡng ấm lâu năm, về sau mỗi khi tưới nước sôi, ấm lại thoảng hương thanh nhẹ. Thành thử mỗi ấm đem pha riêng một loại trà, hương mới không bị lẫn. Đã gọi là thú vui lúc thanh nhàn, dưỡng ấm hay dưỡng lan, nuôi chim hay nuôi cá, có thứ gì không mất thời gian, không cần tới tâm huyết. Tôi dạo mới bước chân vào cửa trà, cũng sắm đủ loại da chu, da tía, kỳ công phân biệt ấm này trà nọ, chăm chút dưỡng ấm, về sau hay phải đi lại nhiều, thường lăm lăm mỗi chiếc ấm sứ con, hễ pha xong gột nước sạch banh, tịnh không ám hương cũ, xét ra lại tiện dụng. Tuy nhiên có thời gian ở nhà pha rót, dùng ấm tử sa vẫn thú vị. Thường khi mới nhập môn, người ta hay câu nệ, chơi riết quen rồi, sau cứ tiện là được, dùng ấm nào cũng có cái hay.

Ấm tử sa Lưu Bội thế kỷ XVIII, dẫn theo *Tử sa cổ điệu* (tr.94).

1. (Minh) Văn Chấn Hanh. *Trượng vật chí*. Nguyên văn: 文震亨《長物誌·卷十二·茶壺茶盞》茶壺以砂者為上，蓋既不奪香，又無熟湯氣。

2. (Thanh) Ký Tuyền. *Điệp giai ngoại sử*. Nguyên văn: 寄泉《蝶階外史 • 工夫茶》壺皆宜興沙質。龔春、時大彬不一式。每茶一壺[...]從壺頂灌之週四面，則茶香發矣。

"Mịt mùng bầu ấm tuôn mây nước,
Nghi ngút làn hương gợi Vũ tiền."

(Nguyễn) Công chúa Mai Am Nguyễn Phúc Trinh Thận, *Khói trà*

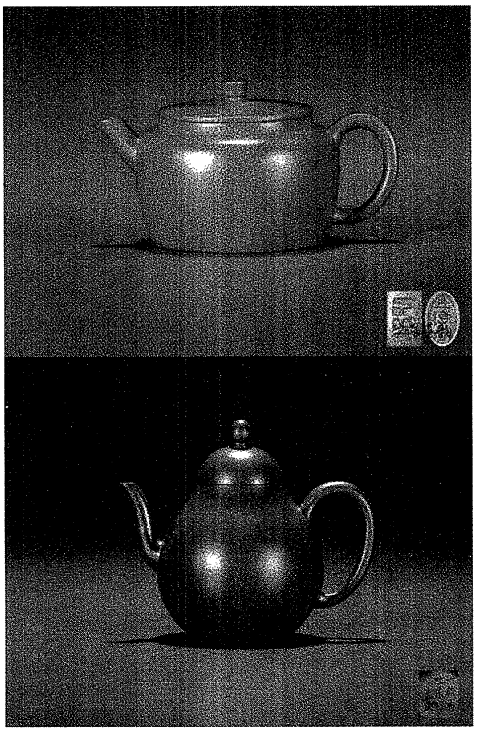

Ấm chu nê hiệu Thế Đức đường và ấm tử nê Mạnh Thần thế kỷ XVIII, dẫn theo *Tử sa cổ điệu* (tr.206).

Ấm tử sa có những chiếc giá cao khôn lường, không chỉ vì thứ đất sét đặc biệt ở Nghi Hưng ấy ngày một hiếm, mà bởi nó vừa **dễ tạo hình**, lại vừa bền chắc, nghệ nhân có thể mặc sức nhào nặn, tỉa tót, tạo ra muôn hình vạn trạng những kiểu dáng khác nhau. Nhiều chiếc ấm được chế tác kỳ công, đường nét tinh xảo, họa pháp và thư pháp đều đạt đỉnh cao. Hoặc lắm khi nghệ nhân cao tuổi này chế ấm, thư họa gia nức tiếng kia đề chữ cùng tranh, giá hét cao ngất, người nghe mắt tròn mắt dẹt. Trong khi những anh thợ non tay làm ra chiếc ấm tưởng mô phỏng được hình dáng đấy, đem ấm ra thử pha rót, thế nào nước cũng dây rớt xuống bàn. Người Việt xưa có câu thơ phân hạng các loại ấm tử sa, như một gợi ý cho việc mua ấm: *"Thứ nhất Thế Đức gan gà, thứ nhì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần."* Thế Đức, Lưu Bội là danh hiệu của những nhà chế tác, sưu tàng ấm tử sa nổi tiếng thời Thanh[1]. Mạnh Thần vốn tên đầy đủ là Huệ Mạnh Thần, nghệ nhân chế ấm ở Nghi Hưng, có thuyết cho là người thời Minh, sống vào khoảng những năm Thiên Khải, Sùng Trinh (1621-1644), cũng có thuyết cho là người thời Thanh, sống vào giai đoạn Khang Hy, Ung Chính (1662-1735). Những chiếc ấm tử sa do Huệ Mạnh Thần chế tác

1. Thế Đức đường 世德堂 là ấn ký sưu tàng của tư gia thời Thanh, có lẽ đương thời cũng là tên cửa hàng. Lưu Bội có hai kiểu viết là 留佩 và 留珮, vốn do hai người chế ấm khác nhau lạc khoản. Loại ấm lạc khoản 留珮 là tác phẩm chế tác từ thời Càn Long (1736-1795), ấm lạc khoản 留佩 chế tác sau thời Đạo Quang (1821-1850).

có kiểu dáng tinh tế mỹ quan, mang màu sắc cá nhân riêng biệt. Trong khoảng ba trăm năm, ấm tử sa có lạc khoản Mạnh Thần vẫn không ngừng xuất hiện, không chỉ trà nhân Việt truyền tai nhau câu thơ chọn ấm, giới yêu trà Nhật Bản bấy giờ cũng đua nhau sưu tàng, đủ thấy ấm Mạnh Thần xưa nay được ưa chuộng đến mức nào[1].

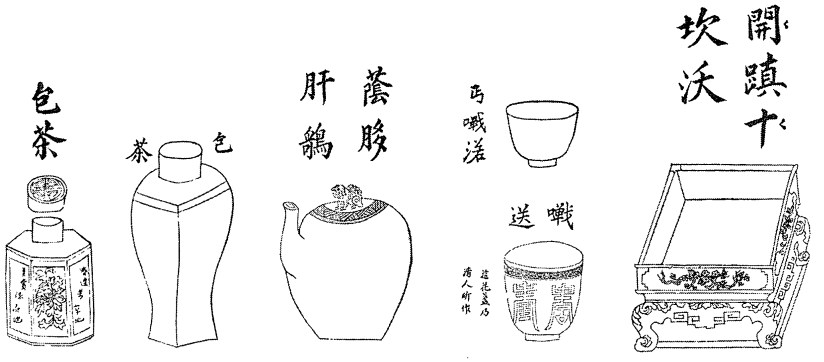

"Bao trà" (lọ đựng trà), *"ấm da gan gà"*, *"cái chén nước"*, *"chén tống, chén hoa này do người Thanh làm"*, *"khay chân sập khảm ốc"*. Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam*.

"Tục chuộng uống trà, trà cụ tinh mà nhỏ, ấm nhất định phải là ấm Mạnh Thần, chén nhất định phải là chén Nhược Sâm. Lá trà nặng một lạng mà giá có loại đắt tới bốn năm xâu tiền... Khách thưởng trà ắt phải phân biệt được sắc hương vị, rồi chậm rãi nhâm nhi, bằng không sẽ bị chê cười, gọi là ***trà công phu***"[2]; *"**Trà công phu**, cách thức đun pha vốn bắt nguồn từ* Trà kinh *của Lục Vũ, song trà cụ tinh tế hơn. Ấm xuất từ lò Nghi Hưng là tốt nhất... chén và đĩa bàn phần nhiều là sứ hoa, trong ngoài vẽ sơn thủy, nhân vật, cực tinh xảo, không giống những vật thời cận đại... Hỏa lò, ấm, đĩa bàn mỗi thứ một chiếc, chỉ có số lượng chén là phải xem có bao khách tới. Chén nhỏ mà đĩa bàn như trăng tròn... Trước tiên đem nước suối trữ trong sanh, dùng than mịn đun đến khi chớm sôi, bỏ trà Vũ Di vào trong ấm, trút nước hãm. Đậy nắp, lại rót nước khắp phía*

1. *Chu nê Kinh Khê - Nghiên cứu ấm chu nê Nghi Hưng thời Minh Thanh* 《荆溪朱泥——明清宜興朱泥壺研究》. Tr.16 - 17.

2. (Thanh) *Hạ Môn chí*. Nguyên văn: 《廈門志·卷十五·風俗記》俗好啜茶，器具精小，壺必曰孟公壺，杯必曰若深杯，茶葉重一兩，價有貴至四五番錢者 [...] 客必辨其色香味而細啜之，否則相為嗤笑，名曰工夫茶。(Dẫn từ https://ctext.org)

ngoài, sau đó rót ra mà nhâm nhi, hương vị thơm nức, so với việc nhấm hoa mai còn trong trẻo hơn[1]*."*

Trà công phu, dẫn theo *Hạ Môn chí* và *Mộng xưởng tạp trước*

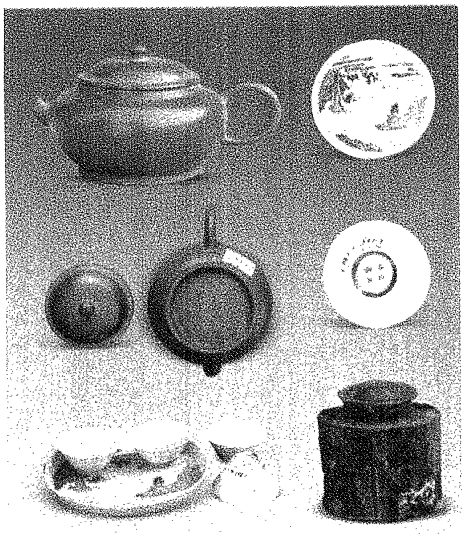

Ấm tử sa, chén Nhược Sâm, đĩa bàn, lọ trà thiếc thế kỷ XVII-XVIII, xuất thổ tại mộ Lam Quốc Uy (Phúc Kiến, Trung Quốc). Nguồn ảnh: *Trà cụ và chuyện trà các đời.*

Bởi cần trút nước để dưỡng ấm, đánh động hương vị, nên theo lối trà công phu, ấm tử sa phải đặt trên thuyền trà, ban đầu có khi giản đơn chỉ là chiếc bát cỡ nhỡ. Lúc này, các chén nhỏ được đặt trong đĩa phẳng gọi là đĩa bàn. Kinh nghiệm lựa chọn ấm, chén, đĩa bàn được Phạm Đình Hổ chia sẻ: *"Chén trà quý ở chỗ nhỏ mà mỏng, nhằm đẩy hương nổi vị; vòi ấm thẳng thì rót nước không đọng; mặt đĩa bàn phẳng thì đặt chén không kênh"*[2]. Có thể nói, bộ trà cụ với ấm chén, đĩa bàn theo mô tả của Phạm Đình Hổ, cũng là bộ đồ trà cơ bản theo văn hóa trà công phu vùng Phúc Kiến - Triều Châu cùng thời. Phúc Kiến là cái nôi của văn hóa trà tàu, người Phúc Kiến qua lại, cư trú ở Việt Nam từ lâu đời. Bởi vậy, nói cho gần gụi, văn hóa trà tàu ở ta chính là chịu ảnh hưởng từ văn hóa trà Phúc Kiến, bao gồm cả Triều Châu. Cách chê *"ngưu ẩm"* vốn cũng bắt nguồn từ văn hóa trà công phu ở những vùng này: *"mỗi người một chén nhỏ, nhấp từng giọt nước, nhâm nhi mà thưởng vị. Nếu nhoắng một cái như ngưu ẩm, tức cho rằng không biết thưởng vị, liền kính mời khách ra về."*[3] Thái độ thất vọng với người không

1. (Thanh) Du Giao. *Mộng xưởng tạp trước*. Nguyên văn: 俞蛟《夢廠雜著・潮嘉風月・工夫茶》工夫茶，烹治之法，本諸羽茶經，用器具更為豐富。壺出宜興窯者最佳...杯盤則花瓷居多，內外寫山水人物，極工致，類非近代物...爐及壺、盤各一，惟杯之數，則視客之多寡。杯小而盤如滿月...先將泉水貯鐺，用細炭煎至初沸，投閩茶於壺內沖之；蓋定，复遍澆其上；然後斟而細呷之，氣味芳烈，較嚼梅花更為清絕。

2. "Thưởng trà giai phẩm", Tản văn, *Vũ trung tùy bút*.

3. (Thanh) Ký Tuyền. *Điệp giai ngoại sử*. Nguyên văn: 寄泉《蝶階外史・工夫茶》甌如黃酒卮，客至每人一甌，含其涓滴咀嚼而玩味之。若一鼓而牛飲，即以為不知味，肅客出矣。

biết thưởng trà ấy, đâu khác Nghê Toản khi xưa tuyệt giao thẳng thừng với Triệu Hành Thứ. Chê người không biết thưởng thức hương vị, như trâu uống nước, xưa cũng là lời người Hoa ở Việt Nam chê người bản địa uống *trà tàu một hơi*, như cách uống chè tươi bằng bát vậy[1]. Ông Vương Hồng Sển sinh thời vốn rất ưa lối "*ngưu ẩm*" kiểu chè Huế, từng coi chè Huế mới là quốc hồn quốc túy, đâm ra mới thấy từ này hơi nặng, "*nhưng biết làm sao, phong tục ông bà để lại là vậy*". Lại nói, câu cửa miệng *trà tam tửu tứ* của cánh nam giới ưa rượu chè xưa nay, vốn có nguyên bản "*trà tam, tửu tứ, phiện nhị*"[2], nghĩa là số lượng người thích hợp để thưởng trà là ba, để bày trận rượu là bốn, còn để nằm lả lơi hút thuốc phiện cùng nhau chỉ nên có hai. Ngạn ngữ tiếng Tiều (Triều Châu) cũng có câu tương tự: "*Trà tam, tửu tứ, du ngoạn nhị*" (Trà ba, rượu bốn, du ngoạn hai)[3] v.v. Nguyên ủy của quy định "trà tam" theo quan niệm của các trà nhân vùng Phúc Kiến là bởi ba chiếc chén trên bàn trà tạo thành hình chữ 品 phẩm, nghĩa là "phẩm trà", thưởng thức trà vậy.

Bao trà sứ triều Nguyễn. Nguồn ảnh: Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế.

"Trà Vũ Di, sứ Thành Hóa, ấm tử sa Dương Tiện (tên cổ của Nghi Hưng) liền trở thành tuyệt phẩm trong thiên hạ. Việc chế tác theo thời thượng có lúc khác nhau, song cũng không vượt ngoài mấy thứ kể trên."

Phạm Đình Hổ (1768-1839), *Vũ trung tùy bút*

Dựa vào những hiện vật đồ sứ men lam ở ta, có thể thấy giai đoạn từ thế kỷ XVIII trở về sau, mặc dù nội chiến triền miên, triều đình Lê Trịnh Đàng Ngoài, chúa Nguyễn Đàng Trong, nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn đều lần lượt cho sứ thần qua trấn Cảnh Đức đặt làm đồ sứ theo kiểu mẫu thiết

1. *Connaissance du Vietnam*. Tr.207.
2. Như trên.
3. *Phong tục ăn ở đi lại của tộc Hán*《汉族衣食住行风俗》. Tr.116. Nguyên bản tiếng Tiều 茶三酒四踢桃二

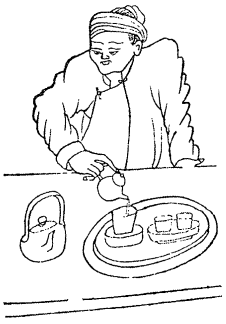

Chuyên nước chè sang chén tống. Nguồn ảnh: *Kỹ thuật của người An Nam* và *BAVH.*

kế trong nước, gọi là đồ ký kiểu. Trong số đó, có những bộ chén đĩa dùng riêng cho việc thưởng trà, đặc biệt phải kể tới hai bộ được đặt làm năm Giáp Tý (1804) và Quý Dậu (1813) thời vua Gia Long[1]. Bộ đồ trà *Giáp Tý niên chế*, gồm một đĩa bàn, ba chén nhỏ cùng một chén to. Gọi là chén to, kỳ thực chỉ nhỉnh hơn ba chiếc chén còn lại chút xíu, xưa nay được gọi là chén tống, vốn từ chữ *tướng* đọc chệch. Các chén nhỏ được gọi là chén quân hoặc chén tốt[2]. Khảo sát các loại trà cụ Trung Hoa cùng thời, không có bộ trà cụ nào gồm chén tướng chén quân tương tự. Quãng thập niên tám mươi, chín mươi cuối thế kỷ XX, trà nhân Trung Quốc mới chế ra chiếc chén to có miệng thu gọn lại để đựng nước trà chung và tiện san sẻ sang các chén nhỏ, gọi là công đạo bôi, hoặc trà hải. Sau khi du nhập vào Việt Nam, những người Việt sành trà bấy giờ mới dùng khái niệm có sẵn, gần tương đương, gọi tên là chén tống. Vậy nên có thể khẳng định, nhất tướng tam quân là bộ trà cụ vua Gia Long lệnh đặt làm riêng cho mình. Chiếc chén tống bấy giờ vốn là chén dành cho vua, về mặt hình thức không lấy gì làm khác biệt so với các chén quân còn lại. Bộ đồ trà được đặt làm năm Quý Dậu (1813), có số lượng chén đĩa thay đổi, bao gồm một chén tống đi kèm chiếc đĩa

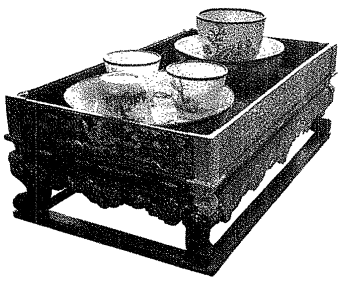

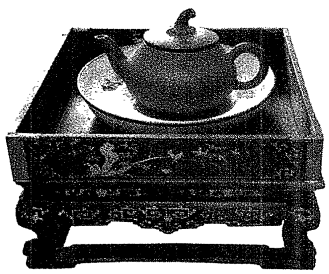

Bộ trà cụ dầm bàn tống tốt thời Nguyễn. Nguồn ảnh: Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

1. *Khảo về đồ sứ cổ men lam Huế*. Tr.156.
2. *Connaissance du Vietnam*. Tr.207.

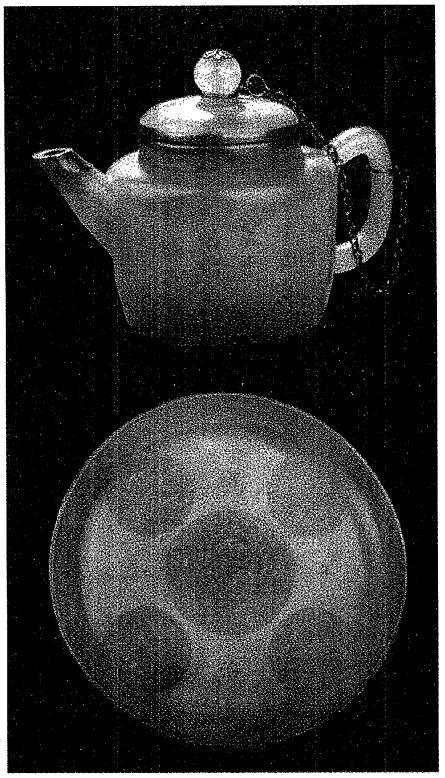

Ấm trà ngọc bịt vàng và đĩa ngọc thời Thiệu Trị. Nguồn ảnh: *Cổ ngọc Việt Nam.*

lót riêng cỡ nhỡ, gọi là đĩa dầm, cùng bốn chén tốt đặt trong đĩa bàn to hơn, để có sự phân biệt. Đương thời vua Gia Long sử dụng trà cụ thế nào, tại sao đang nhất tướng tam quân, lại đổi thành nhất tướng tứ quân, không ai có thể biết, cách diễn dịch sau này hầu hết là suy diễn, ức đoán. Tuy nhiên, kể từ năm 1813, bốn món *dầm, bàn, tống, tốt*, đặt trên khay trà gỗ khảm hoặc sứ, hoặc ngà, trở thành bộ trà cụ mang màu sắc Việt Nam, từ đây được giới phong lưu quý tộc trong nước nối tiếp đặt mua và sưu tầm qua suốt hai thế kỷ XIX và XX.

Suốt mấy ngàn năm vận động và phát triển, nhiều thứ tưởng tuyệt tích ở nơi này, lại được bảo lưu ở nơi khác, thời trước gây dựng, thời sau tiếp biến, lại có những thứ tiền nhân coi là tuyệt phẩm, hậu bối lại hạ xuống làm phẩm thường, bên đây lu mờ, chỗ kia khởi sắc, người ra sức phê phán, kẻ hết mực ngợi ca. Truyền thống hay cách tân, hòa hợp hay mâu thuẫn, quá khứ hay hiện tại, không phải nằm trên tuyến thời gian tịnh tiến, một đi không trở lại; tất cả đều là những bức tranh đồng hiện trong cùng một không thời gian, toàn thể, ba chiều. Mò kiếm trong thuyền có thể là lần tìm quá vãng, cũng có thể tạo ra những mới mẻ cho tương lai, chẳng ai biết trước. Tất cả đều là những sự lựa chọn. Phù hợp thì tồn tại, không phù hợp thì tiêu vong. Từ trà phong dung dị, trọng tinh thần giản kiệm hài hòa, tới cuộc tranh kỳ đấu xảo, kéo theo trào lưu sưu tầm các bánh trà trân ngoạn, rồi cuộc chạy đua của các loại trà cụ gốm sứ, tử sa v.v., phẩm loại ngày càng đa dạng, giám thưởng ngày một công phu, sưu tàng ngày thêm tốn kém, song nói như Phạm Đình Hổ: "*Cái thú thực sự của trà, há nằm ở chỗ đó sao! Xét trà là một vật, tính thẳng mà sạch, mùi thanh mà thơm... có thể lay tỉnh mộng trần, có thể gột tan lòng tục.*" Xưa

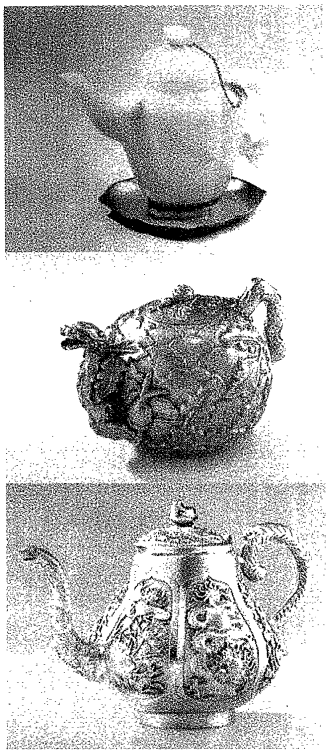

Ấm ngọc, ấm vàng và ấm bạc trong cung đình triều Nguyễn.
Nguồn ảnh: *Rồng - phượng trên bảo vật triều Nguyễn*.

nay với những người ưa hoạt động tinh thần, ngắm hoa không còn chỉ là ngắm hoa, thưởng trà cũng không còn chỉ là thưởng trà, ngoài thao tác rất thực, còn có tâm cảnh hư huyền. Cũng chính bởi họ mà việc uống trà trở thành văn hóa tinh thần thâm sâu, đôi khi không kém phần ảo diệu. Dù rằng trí thức Việt xưa kia không định danh trà đạo, không biến việc thưởng trà thành nghi lễ cầu kỳ như người Nhật, song vẫn chia sẻ tinh thần thiền sâu sắc khi đối diện với chén trà. Xét đến cùng, mọi thao tác cũng như dụng cụ pha rót chỉ là hình thức. Hình thức có thể có những khác biệt theo thời gian, song tinh thần thưởng thức gắn với thiền đạo vượt qua giới hạn của quốc gia, dân tộc, trở thành tư tưởng chung của những người trí thức Á Đông yêu thích hương vị trà.

Phụ lục

TRÀ VÀ TRÀ CỤ NHÀ THANH TẶNG CHO TRIỀU TÂY SƠN VÀ TRIỀU NGUYỄN

Nguồn tư liệu dựa vào sách *Khâm định Đại Thanh hội điển sự lệ*, quyển 569, bộ Lễ, mục Triều cống.

Năm	Thân phận	Tặng phẩm
1784	Chánh sứ	Cao trà, bánh trà.
	Phó sứ	
1789	Quốc vương	Bốn hũ trà Trịnh Trạch, bảy bánh trà Phổ Nhĩ tròn, hai hộp cao trà, một chén pháp lam.
	Chánh sứ	Một lọ trà Liên Tâm, một hộp trà Tử Dương, hai hộp cao trà, bốn bánh trà Phổ Nhĩ tròn.
	Phó sứ	Một hộp cao trà, bốn bánh trà Phổ Nhĩ tròn.
1790	Quốc vương	- Sáu lọ trà, hai bánh trà tròn lớn. Một chén ngọc bích. Một khay trà (茶盤) bằng ngà. - Một bánh Phổ Nhĩ tròn, hai lọ trà, một khay trà.
	Thế tử	Hai lọ trà, hai hộp cao trà Phổ Nhĩ, một khay trà bằng ngà.
	Sứ thần	Hai lọ trà, một hộp cao trà, một khay trà.
1791	Quốc vương	Một lọ trà Liên Tâm, một lọ trà hương hoa, hai lọ trà búp, hai hộp cao trà, một bánh trà Phổ Nhĩ lớn, sáu bánh trà Phổ Nhĩ nhỏ.
	Sứ thần	Bốn bánh trà Phổ Nhĩ, một hộp cao trà.

1796	Chánh sứ	Một khay trà sơn kiểu Tây.
1803	Quốc vương	Bốn lọ trà.
1804	Sứ thần	Hai lọ trà búp Nhật Chú, hai lọ trà nhị Phổ Nhĩ.
1821	Quốc vương	Bốn lọ trà.
	Sứ thần	Hai lọ trà.
1841	Quốc vương	Bốn lọ trà.
1848	Quốc vương	Bốn lọ trà.
1869	Quốc vương	Bốn lọ trà.
	Sứ thần	Bốn lọ trà.
1871	Quốc vương	Bốn lọ trà.

Ấm tử sa và ấm chu nê thế kỷ XVI-XVIII.
1. Ấm tử sa đề lương do nghệ nhân Thời Đại Bân (1573-1648) chế tác (Nam Kinh bác vật quán cất giữ).
2. Ấm tử sa hiệu Thế Đức (*Tử sa cổ điệu*).
3, 4. Ấm chu nê hiệu Mạnh Thần (*Tử sa cổ điệu*).

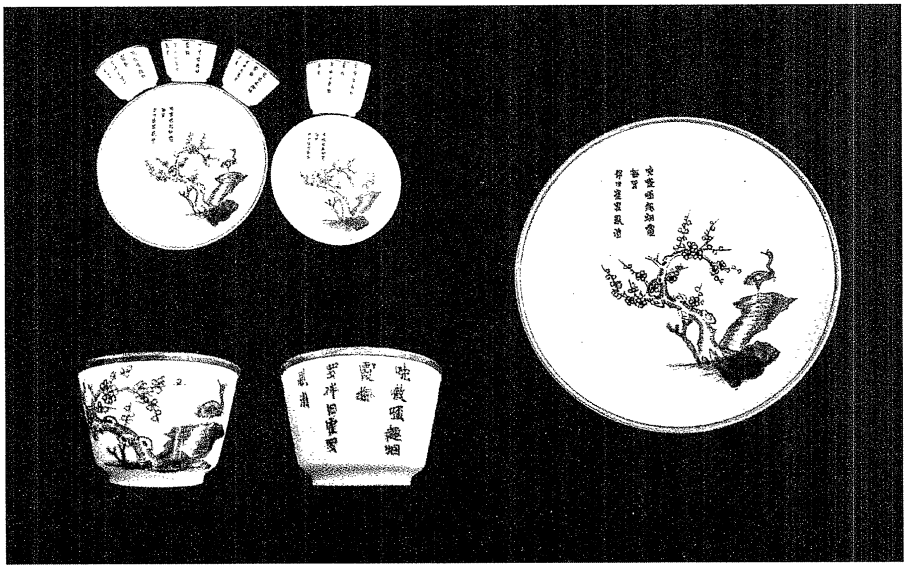

Bộ trà cụ "dầm, bàn, tống, tốt" Mai Hạc với câu thơ Nôm đề vịnh "*Nghêu ngao vui thú yên hà, mai là bạn cũ, hạc là người quen*" từng là món đồ cổ ngoạn hấp dẫn nhiều nhà sưu tập trong và ngoài nước từ thế kỷ XIX. Nguồn ảnh: nhà sưu tập Lê Văn Kiên (Vũng Tàu).

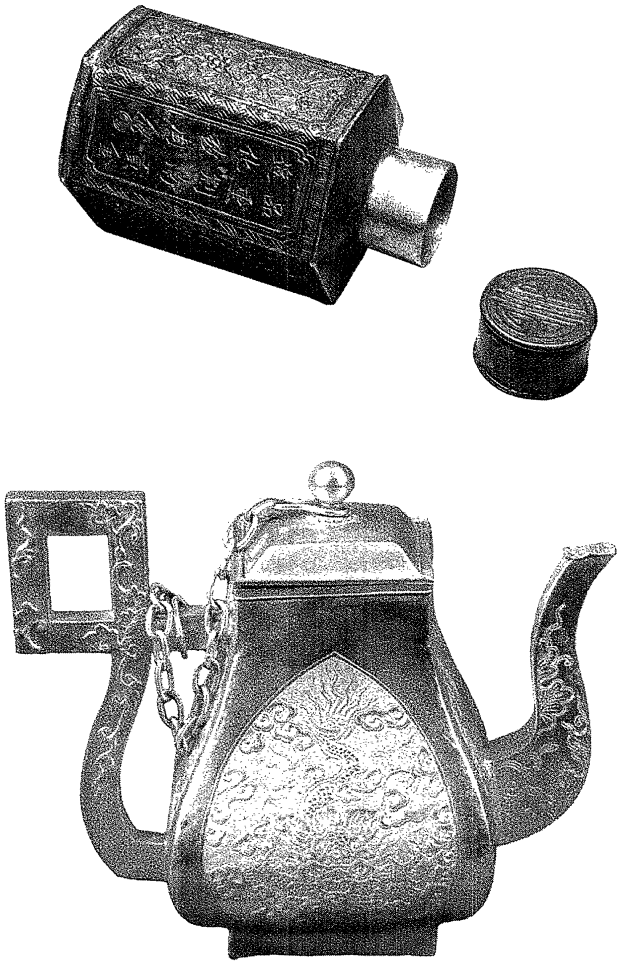

Lọ trà bạc triều Nguyễn, cao 10cm, rộng 5.5cm. Nguồn ảnh: Huỳnh Chí Thanh.
Ấm trà vàng triều Nguyễn. Nguồn ảnh: Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Trà

TINH THẦN

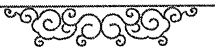

CÀY NHÀN CÂU LẶNG

Tinh thần thưởng trà của trà nhân

"Phàm lứa loan bạn hạc, mặc khách tao nhân, đều có thể lòng dứt cõi trần, thần nương ngoài vật, chẳng hùa đời tục, không nhuốm thói thường. Có kẻ họp bên suối đá, có người ở dưới trúc tùng. Hoặc đứng trước gió mát trăng thanh, hoặc ngồi kề song yên cửa sáng. Bèn cùng khách trò chuyện thanh tao, thăm thú hư huyền mà hòa cùng tạo hóa, lắng trong thần trí mà lìa khỏi phàm trần[1]."

(Minh) Ninh Hiến vương Chu Quyền, *Trà phổ*

Phụ nữ Huế mời khách thưởng trà. Nguồn ảnh: *Những người bạn cố đô Huế.*

Có câu: *Nước chảy thông reo trời tạo nhạc, trót ôm đàn tới khỏi cần đàn.* Thời và cảnh, theo tự nhiên, tác động tới hành vi, ý niệm của con người. Có những việc, những lời, đặt trong thời điểm này, bối cảnh này thì phù hợp, chuyển sang thời điểm khác, bối cảnh khác, lại chênh vênh. Phạm Đình Hổ khi xưa nhận thấy, nếu ra

1. (Minh) Chu Quyền. *Trà phổ* - Tựa. Nguyên văn: 朱權《茶譜序》凡鸞儔鶴侶，騷人墨客，皆能志絕塵境，棲神物外，不伍於世流，不污於時俗。或會於泉石之間，或處於松竹之下。或對皎月清風，或坐明窗靜牖。乃與客清談款話，探虛玄而參造化，清心神而出塵表。

giữa phố chợ ồn ào, ruồi nhặng lăng xăng, trong lòng đầy rẫy âu lo, dẫu trà ngon chén đẹp đến mấy cũng không lấy làm thú vị. Bởi vậy, thưởng trà cần có không gian tương thích, có bạn hữu phù hợp. Người đến với trà phải sẵn tâm thái u nhàn, đặng mới có thể cảm thấu được đủ đầy sắc hương vị vận. Nhiều khi chẳng quản đường xa, gặp nhau sắp lò nổi lửa, trực nước rót pha mất nửa ngày, chỉ để uống dăm ba tuần trà, không hơn. Trà đến nước thứ tư, coi như dùng để bồi thêm câu chuyện. Tác giả *Trà sớ* khi xưa cũng quan niệm: "*Trà trong một ấm chỉ nên uống hai tuần. Tuần đầu tươi ngon, tuần sau ngọt thuần, tuần thứ ba ý vị đã hết*"[1]. Để cảm thấu được vị ngọt thuần ở những tuần trà đầu, danh họa Từ Vị thời Minh còn chia sẻ tỉ mỉ cách nhấm nháp nước trà trong khoang miệng: "*Trà đưa vào miệng, trước tiên nên súc, sau đó nhấp từ từ, đợi đến khi nước ngọt trào ra trên lưỡi, mới cảm được chân vị. Nếu dùng lẫn hoa quả, hương vị đều bị tước đoạt*"[2]. Cũng chính Từ Vị cho hay, bạn trà phải là văn nhân, mặc khách, đạo sĩ, thiền tăng, kẻ nhàn tản hưởng già, hoặc người cao sang thoát tục[3].

Phẩm trà đồ, tranh của họa sĩ Trần Hồng Thụ (1598-1652) thời Minh.

Người yêu trà ở ta gần đây truyền tai nhau câu nói: *Nhất thủy, nhì trà, tam pha, tứ ấm, ngũ quần anh*[4]. Quần anh kể cũng là cách diễn đạt khác của bạn trà đó thôi. Tuy ngày nay ta lựa chọn bạn trà không kỹ như cổ nhân, song tự trong lòng cũng

1. (Minh) Hứa Thứ Trữ. *Trà sớ*. Nguyên văn: 許次紓《茶疏》一壺之茶只堪再巡。初巡鮮美，再巡甘醇，三巡則意味盡矣。

2. (Minh) Từ Vị. *Tiên trà thất loại*. Nguyên văn: 徐謂《煎茶七類》茶入口, 先須灌漱，次復徐啜，俟甘津潮舌，乃得真味。若雜以花果，則香味俱奪矣。

3. Như trên. Nguyên văn: 茶侶，翰卿墨客，緇流羽士，逸老散人或軒冕之徒超然世味也。

4. Vào thời Minh, tác giả của *Trà phổ* là Cố Nguyên Khánh từng đặt ra tám điều quan trọng cần lưu ý trong việc phẩm trà, cũng có ý tương tự: *Nhất phẩm, nhị tuyền, tam phanh, tứ khí, ngũ thí, lục hậu, thất lữ, bát huân* 品茶八要，一品，二泉，三烹，四器，五試，六候，七侶，八勛 (Thứ nhất là phẩm trà, nhì là nước suối, ba là pha hãm, bốn là trà cụ, năm là thưởng thức, sáu là trực bếp, bảy là bạn trà, tám là công dụng của trà).

cần có cân nhắc. Ngồi trước cuộc rượu, bạn nhậu lắm khi mới gặp lần đầu, đẩy đưa được vài chén, hơi men đã bốc, lập tức nói cười rôm rả, tay bắt mặt mừng, ngỡ thân quen tự đời nảo đời nào. Hôm sau tỉnh rượu, mới thấy ái ngại bởi bữa trước lỡ tay lỗi mồm. Còn để cùng nhau phẩm thưởng chén trà, người ngồi cùng nên có hiểu biết về nhau từ trước để cân nhắc lời nói, câu chuyện, bối cảnh sao cho phù hợp vẫn hơn. Người xưa coi *uống trà quý ở chỗ ít khách, đông thì ồn, ồn thì nhã thú giảm*, bởi vậy, độc ẩm là thưởng thức sự yên lặng, đối ẩm là thưởng thức vẻ đẹp nhã, tam tứ ẩm là thưởng thức điều thú vị, uống tới năm sáu người trở lên là bừa phứa[1], chẳng còn thưởng thức được điều gì.

"Xét trà là một vật, bẩm thụ vẻ đẹp của Âu Mân[2], chung đúc khí thiêng của sông núi, xua gột buồn bực, dẫn dắt thanh hòa, không phải thứ phàm phu tục tử có thể thấu hiểu được. U nhàn nhã khiết, tĩnh lặng thanh cao, không phải lúc hối hả cập rập có thể ưa chuộng được[3]."

(Tống) Tống Huy Tông, *Đại Quan trà luận*

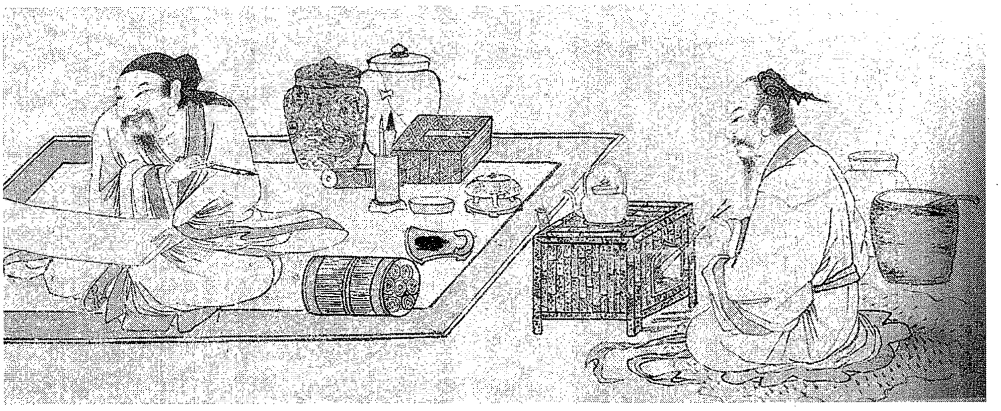

Chử trà đồ, tranh của họa sĩ Vương Vấn (1497-1576) thời Minh.

1. (Minh) Trương Nguyên. *Trà lục.* Nguyên văn: 張源《茶錄》飲茶以客少為貴，眾則喧，喧則雅趣乏矣。獨啜曰幽，二客曰勝，三四曰趣，五六曰泛，七八曰施。
2. Âu Mân: tức đất Phúc Kiến, xưa kia từng là hai nước Đông Âu Việt và Mân Việt.
3. (Tống) Tống Huy Tông. *Đại Quan trà luận.* Nguyên văn: 宋徽宗《大觀茶論》茶之為物，擅甌閩之秀氣，鍾山川之靈稟，祛襟滌滯，致清導和，則非庸人孺子可得而知矣。沖澹閒潔，韻高致靜，則非遑遽之時可得而好尚矣。

Cứ theo mô tả của trà nhân, văn sĩ khi xưa, bên cạnh chén trà, ắt phải có lò hương, có tiếng đàn, có bút mực, khi kề bên khóm trúc, lúc ngồi dưới nhành mai, nhất thời hào hứng, vung tay gảy rối dăm điệu nhạc, ngâm tràn mấy vần thơ, dù đắc chí hay thất vọng, cũng đều di dưỡng được tinh thần. Song xét cho cùng trà hương hay đàn bút cũng chỉ là vỏ bề ngoài, tinh thần bên trong của trà nhân mới là điều đáng tìm hiểu. Có người coi trà chỉ là đồ uống, có người coi trà là đạo, cũng lại có người coi trà là sự trải nghiệm, cởi bỏ phiền ưu, cày nhàn câu lặng v.v. Xét trong trà sử Việt Nam, không thể không đề cập tới bốn vị trà nhân Ức Trai, Hải Thượng, Chu Thần và Tùng Thiện. Cuộc đời của họ gắn liền với bếp trà, song mỗi người có một đời sống trà riêng, chẳng ai giống ai. Phạm Đình Hổ cũng nghiễm nhiên giữ một ghế trà nhân, song từ đầu tới giờ, chúng ta đã hiểu về ông đủ nhiều.

"Đầy nhà mây tỏa sớm xông bách,
Quanh gối thông reo ***tối nấu trà.***"

(Lê sơ) Nguyễn Trãi, *Ngẫu thành*

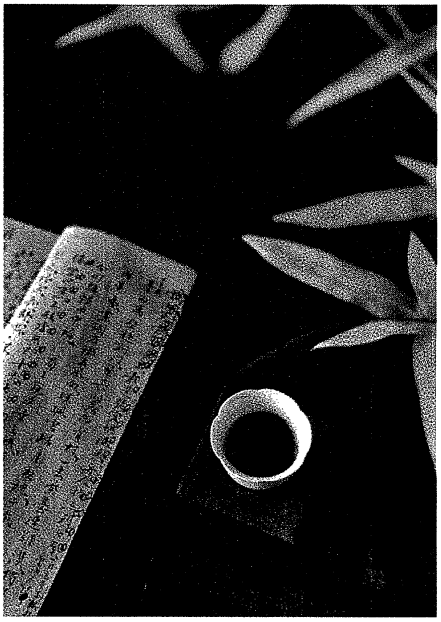

Lý Tử Tấn, bạn đồng liêu của Nguyễn Trãi (1380-1442), một lần qua chơi nhà, đã viết bài thơ đề vách, vịnh cuộc sống của Ức Trai: khi thuộc lại ra về, trước sân chỉ còn sắc cỏ, lúc khách quen bước tới, bên trúc luôn có khói trà, sau khi hết việc công liền đốt hương ngồi lặng, tháng ngày vui cùng bức họa, cây đàn[1]. Chính Ức Trai cũng

"*Đến nay chỉ thích vào non ở, lợp lán bên hoa đọc sách xưa*", minh họa câu thơ Nguyễn Trãi. Nguồn ảnh: Trần Trọng Ngữ.

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Lý Tử Tấn.

tự sự: *"**Trà thuở tiên** thì mình **kín nước**, cầm khi đàn khiến thiếp thiêu hương"*[1], *"**Quét tuyết đun trà** hiên trúc ngả, châm hương đọc sách gác mai kề"* v.v. Cuộc sống của Ức Trai tiên sinh có đủ cầm kỳ thi họa, còn thêm thú vui thưởng trà, phẩm hương. Nếu chỉ dừng lại ở đó, cuộc đời ấy thật nhàn hạ, thanh thản biết bao. Song Nguyễn Trãi luôn ưu thời mẫn thế, thứ tinh thần tự nhiệm của một nhà nho hành đạo và tử vì đạo. Nguyễn Trãi tự nhận là người *"hữu tâm"*, lúc nào cũng lo toan, suy nghĩ. Khi bất đắc chí trong triều thì mơ về ở ẩn, *"**khi nào** lợp lán bên mây núi, nước suối **đun trà** gối đá mơ"*[2], *"chỉ có quê nhà lòng chửa dứt, **khi nào** lợp lán hướng bên mai"*[3] v.v. đến khi ở ẩn lại đau đáu với việc trong triều, *"dốt nát lại lên làm tể tướng, lộng quyền nguy nước hại triều - dân"*[4], *"không chắc làm quan phải đọc nhiều"*[5], *"nào từng một bữa nỡ quên vua"*[6] v.v. Chính vì vậy, nội tâm ông luôn bị giằng xé, luôn chẳng thể an nhiên, như chính tên hiệu Ức Trai (ức: đè nén) ông tự đặt. Khổng Tử từng nói: *người quân tử ngụ chí ở Đạo, vui chơi ở Nghệ*. Chữ Nghệ ấy nên hiểu với nghĩa thật rộng, gồm viết chữ, làm thơ, vẽ tranh và sau này là thưởng trà. Có lẽ, chỉ khi thưởng trà, làm thơ, Nguyễn Trãi mới thấy nhẹ lòng, trong trẻo, được cởi bỏ những ưu lo canh cánh: *"Say mùi đạo, chè ba chén. Tả lòng phiền, thơ bốn câu"*[7]. *"Tuyết đượm chè mai câu dễ động"*, *"Cuộc lần cờ thấp tan ngày diễn. Bếp thắng chè thô cởi thuở âu"*[8]...

"Mộng tỉnh vườn xưa ba lối cúc, lòng thanh nước suối một âu trà.
Sáu mươi năm trước nay nhìn lại, tóc đốm sương mờ mắt đốm hoa."

(Lê sơ) Nguyễn Trãi, *Mạn hứng*, bài 3

1. (Lê) Nguyễn Trãi. *Quốc âm thi tập - Tự thán*, bài 1. Nghĩa là: Lúc đun trà thì tự mình đi gánh nước, khi gảy đàn cầm thì bảo nàng thiếp châm hương.
2. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Nguyễn Trãi.
3. (Lê) Nguyễn Trãi. *Hạ nhật mạn thành*. Nguyên văn: 阮廌《夏日漫成》唯有故山心未斷，何時結屋向梅邊。
4. (Lê) Nguyễn Trãi. *Phúc đáp Đại đô đốc Đinh công*. Nguyên văn: 阮廌《覆答大都督丁公》目不識丁為宰相，弄權危世害朝民。Dẫn theo *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (108), 2011, Tr.70 - 77 (Nguồn Viện nghiên cứu Hán Nôm: hannom.org.vn)
5. (Lê) Nguyễn Trãi. *Ngẫu thành*. Nguyên văn: 阮廌《偶成》致身未必讀書多。
6. (Lê) Nguyễn Trãi. *Mạn hứng kỳ nhất*. Nguyên văn: 阮廌《漫興·其一》何曾一飯忍忘君。
7. (Lê) Nguyễn Trãi. *Quốc âm thi tập - Thuật hứng*, bài 13.
8. (Lê) Nguyễn Trãi. *Quốc âm thi tập - Bảo kính cảnh giới*, bài 27. Câu thơ Nôm này có nghĩa rằng: Đánh cờ cho qua ngày dài, đun trà trên bếp, giải tỏa những lúc âu lo.

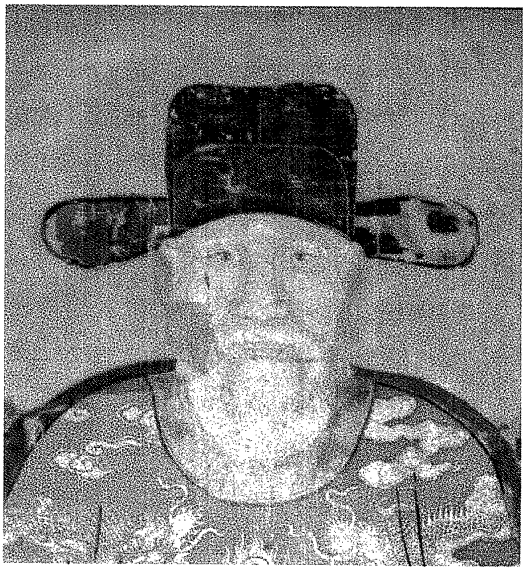

Chân dung Nguyễn Trãi. Nguồn ảnh: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Đáng lý theo tinh thần lạc đạo của chính vị chí thánh tiên sư của đạo Nho, đã chẳng mệt lòng đến thế: *"Người quân tử ra làm quan, cứ làm những điều đúng đắn, còn đạo không thi hành được, cũng đã biết rồi"*, *"cứ đem đạo ra mà thờ vua, không được thì thôi"*[1]. Song Nguyễn Trãi quá ư chấp niệm, lúc nên buông, vẫn cứ bám riết, lúc nên về nhàn, vẫn *"bui có một lòng trung lẫn hiếu, mài chẳng khuyết nhuộm chẳng đen"*. Để đến cuối đời, mới sực nhận ra, những việc gồng gánh, lo toan bấy lâu, rốt cuộc là sai lầm, hư hão: *"Cười ta càng già càng rồ dại"*[2], *"Cuối cùng mọi sự hư ảo hết"*[3], *"Muôn việc tỉnh ra hão cả rồi"*[4], *"Mũ nho lầm lỡ bao lâu đội, vốn kẻ cày nhàn câu lặng thôi"*[5]. *Cày nhàn câu lặng*, vốn để nhàn tản được mùa, để yên lặng tràn hom, để quanh năm suốt tháng thong dong tự tại. Song thời và cảnh đã lỡ. Thảm án Lệ Chi viên, không phải lỗi của nàng Thị Lộ. Tiếc là cuối cùng, Ức Trai muốn quay lại những cuộc lữ ngày xưa, cũng đã muộn rồi: *"Từng cuộc rong chơi ta nhớ rõ, chuyện xưa tìm lại mộng mà thôi"*[6]. Nỗi ưu quân, lòng chấp niệm, rốt đổi lại một án chu di, bi thống không thể hơn, *"đáng cười sự nghiệp đời ta nhỉ, được cái hư danh để thế gian"*[7].

---

1. (Xuân Thu) *Luận ngữ*. Nguyên văn: 君子之仕也，行其義也。道之不行，已知之矣。以道事君，不可則止。
2. (Lê) Nguyễn Trãi. *Thứ vận Hoàng môn thị lang Nguyễn Cúc Pha hạ tân cư thành*. Nguyên văn: 阮廌《次韻黃門侍郎阮菊坡賀新居成》笑我老來狂更甚。
3. (Lê) Nguyễn Trãi. *Thu dạ khách cảm*. Nguyên văn: 阮廌《秋夜客感》到頭萬事皆虛幻。
4. (Lê) Nguyễn Trãi. *Ngẫu thành*. Nguyên văn: 阮廌《偶成》覺來萬事總成虛。
5. (Lê) Nguyễn Trãi. *Đề Từ Trọng Phủ Canh Ân đường*. Nguyên văn: 阮廌《題徐仲甫耕隱堂》嗟余久被儒冠誤，本是耕閒釣寂人。
6. (Lê) Nguyễn Trãi. *Chu trung ngẫu thành*. Nguyên văn: 阮廌《舟中偶成》舊遊歷歷余曾記，往事重尋只夢魂。
7. (Lê) Nguyễn Trãi. *Hải khẩu dạ bạc hữu cảm*. Nguyên văn: 阮廌《海口夜泊有感》一生事業殊堪笑，贏得虛名落世間。

"Đêm ấy, tôi lặng ngồi bần thần, lại nhớ quê nhà, bên song trăng tỏ, muôn mối u tình không sao ngăn được... Tôi sai tiểu đồng ôm đàn cầm đến, lựa khúc điệu hồi lâu, đến khi nghe được âm vận thê lương thì dừng. Lại sai pha trà, mới uống được mấy chén, lại thấy nhạt nhẽo mà bỏ ra trước sân dạo bộ, gượng ngâm một hai bài thơ luật để tự an ủi[1]."

(Lê trung hưng) Lê Hữu Trác, *Thượng kinh ký sự*

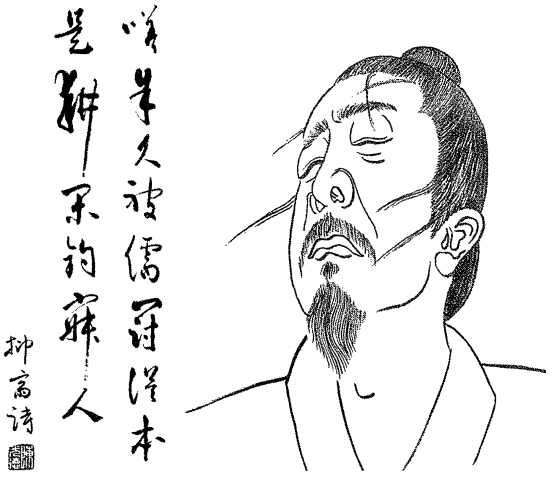

"Mũ nho lầm lỡ bao lâu đội, vốn kẻ cày nhàn câu lặng thôi", thơ Nguyễn Trãi, minh họa Trần Quang Đức.

Sau Nguyễn Trãi ba trăm năm, có một nhân vật cuộc đời cũng gắn liền với bếp trà, cây đàn, cũng khát khao "cày nhàn câu lặng", dù đi bất cứ đâu luôn dắt theo dược đồng, gánh gồng đủ thứ, từ y cụ, trà cụ, cho tới cây thất huyền cầm[2]. Dọc đường từ xứ Nghệ ra Thăng Long, hễ tức cảnh lại sinh tình, nơi đâu cũng thấy làm thơ, gảy đàn, nhấp rượu, uống trà, trên đường bộ cũng như đường thủy, đến mức tự nhận *"khách thường xuyên kín nhà, trà chưa từng vơi chén"*. Đó là Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720-1791). Sự nghiệp y học của Hải Thượng xin không lạm bàn, bởi những thành tựu ông viết quá đồ sộ, lớn lao. Trong khi xét cho cùng, y học với ông vốn chỉ là tay ngang, điều đó càng làm nổi bật lên sự vĩ đại và tài ba của ông. Hải Thượng vốn con nhà võ, thời trẻ từng lập chí giúp nước phò vua, song tự thấy khí thế nhà Lê đã kiệt, muốn giúp rập

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Lê Hữu Trác.

2. Hải Thượng luôn đề cập đến việc gảy "cầm" trong thơ văn, đặc biệt ở *Thượng kinh ký sự*, trong lời dẫn họa thơ của em vợ ông, chính ông đã chú thích, bên mình luôn mang theo cây thất huyền cầm. *"Viên Hình công có thơ và lời dẫn: [...] được thấy nghe tiếng cầm cao diệu (bấy giờ chỗ ta ngồi có cây thất huyền cầm), phong nhã hơn người, vô cùng ngưỡng mộ."* Nguyên văn: 黎有卓《新鐫海上醫宗心領全帙・記事尾卷・三十》員刑公和詩并引：又聞絕見得琴趣之高 時余坐處有七絃琴，風雅襲人，不勝景慕。

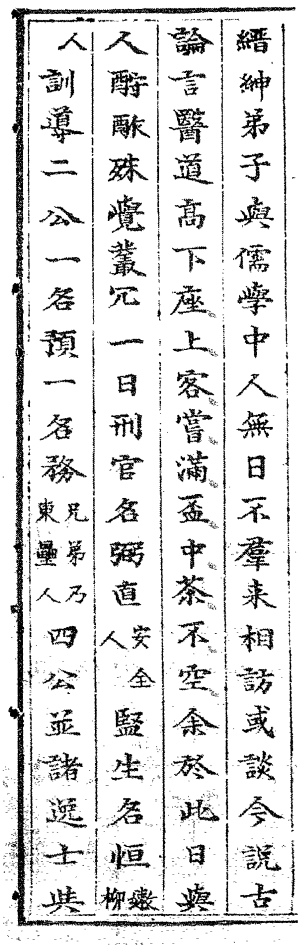

"*Tọa thượng khách thường mãn, bôi trung trà bất không*" chép trong *Thượng kinh ký sự* (trang 29, quyển 49, *Tân thuyên Hải Thượng y tông tâm lĩnh toàn trật*).

cũng vô phương, sau bao phen bôn ba sông bể, cuối cùng từ một thanh niên ôm chí lớn trở thành kẻ "*đại cuồng*"[1]. Cái đại cuồng ông tự giễu ấy là cuồng nhàn, cuồng chơi, cuồng thơ ca, cuồng trà rượu. Sau này, ông đã chọn cho mình một cuộc sống ẩn dật an nhàn, làm y, viết sách, để có thể thực sự cuồng với những thú vui, không vướng mắc vào vòng lợi danh, vinh nhục. Dù làm thơ, gảy đàn, uống rượu hay thưởng trà, tất cả đều bày tỏ một lòng nghiện mùi nhàn, "*nhàn si nhất phiến tâm*", như lời ông nói. Tên hiệu Lãn Ông, ông già lười, hẳn không phải đặt bừa!

"Mài gươm đọc sách chí trò lớn.
Chuốc rượu ôm đàn mặt lão hồng.
Giã biệt các trò, sau có nhớ.
Thăm ta ở chỗ khói mây lồng[2]*."*

(Lê trung hưng) Lê Hữu Trác,
Từ biệt các học trò Bồ Đề

Hải Thượng viết: "*Không dây vinh nhục nữa, ôm đạo vào non ngàn, nợ quá khó mua rượu, nhàn dư lại gảy đàn*"[3], "*Sư nhàn, mây nước thảy thênh thang. Có giống lang nhàn ở thảo đường. Chim mến song the ngân khẽ giọng, hoa*

1. Ông từng viết: "*Mười năm mài một kiếm, lưỡi sắc lóe tay giương, sát khí xông Ngưu Đẩu, uy nghiêm động tuyết sương. Vào Tần đà hết cách, theo Hán cũng vô phương. Sông bể bao phiêu dạt, chí xưa thành đại cuồng.*" Nguyên văn: 黎有卓《無題》十年磨一劍。鋒刃正光芒。殺氣橫牛斗。嚴威動雪霜。入秦既不可。歸漢亦未遑。湖海空飄蕩。壯志成大狂。

2. (Lê) Lê Hữu Trác. *Biệt Bồ Đề chư sinh.* Nguyên văn: 黎有卓《別菩提諸生》磨劍讀書君壯志，攜琴酌酒我酡顏。別後諸君如憶我，雲煙深處可重看。

3. (Lê) Lê Hữu Trác. *An bần.* Nguyên văn: 黎有卓《安貧》不干榮辱事，抱道入窮林。債冗難賒酒，閒餘更鼓琴。

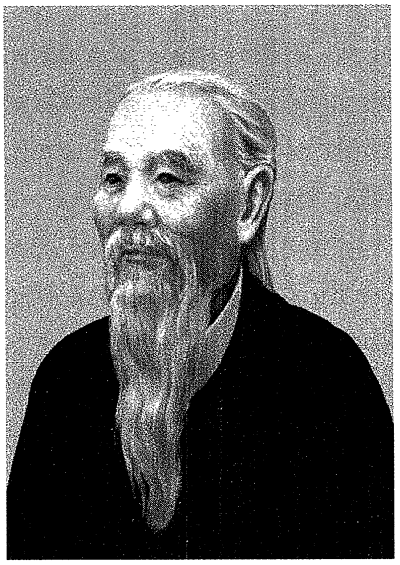

Chân dung Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, vẽ lại theo ảnh cổ bởi họa sĩ Nguyễn Ngân Giang.

ngây khúc nhạc gửi thầm hương"[1], *"Ngày cho dân núi qua xem bệnh, đêm ấp biển trăng lại gảy đàn, trời đã gần trưa say chửa dậy, chỉ vì một nỗi nghiện mùi nhàn"*[2], *"Danh hão cũng mừng không bén niệm, gần trưa kín cửa giấc còn say"*[3] v.v. Để có được cái lòng nghiện nhàn và quyết nhàn cho bằng được ấy, là bởi ông đã từng như chim vào lồng, cá trong nơm, từng có trải nghiệm vô cùng thấm thía, và hơn hết, nó trái với bản tính của ông. Chuyến đi vào Thăng Long xem bệnh ở phủ chúa, cũng là lần đầu tiên bước vào cấm thành, sau này ông kể lại: *"ý định từ đầu không vững... nghĩ lại hối đã muộn rồi"*. Mọi việc vẫn phải trải qua mới thấm thía, mới hiểu được mình thực sự muốn gì, bằng không những ý niệm coi danh vọng là phù du, giàu sang là mây nổi, chỉ là thuần tưởng tượng. Trong vòng một năm *"vớ bừa được chức quan"*, *"ngàn lần nài xin mới được thả"*, việc đầu tiên khi thoát khỏi phủ chúa, Hải Thượng vội chạy ngay lên thuyền về quê, pha trà uống cho thỏa thích: *"Tôi ở trên thuyền lặng ngắm, pha trà uống thỏa, trò chuyện râm ran, chẳng khác nào cá thoát lưới, chim sổ lồng vậy*[4]*."*

"Dù trong vòng danh lợi mà không mê lầm vì danh lợi. Nấn ná mà tới, thênh thang mà về, gặp lại ngọn núi quê nhà, gối đá ngủ trước hoa... Thầm nghĩ, ta sở dĩ không bị người khác chê cười, chỉ bởi không mang lòng tham mà thôi[5]*."*

(Lê trung hưng) Lê Hữu Trác, *Thượng kinh ký sự*

---

1. (Lê) Lê Hữu Trác. *Xuân nhật nhàn hứng*. Nguyên văn: 黎有卓《春日閒興》山僧閒裏水雲茫。豈似閒醫坐草堂。鳥戀窗幽傳細語，花癡琴韻遞微香。

2. (Lê) Lê Hữu Trác. *Sơn cư dật hứng*. Nguyên văn: 黎有卓《山居逸興》時許山人來問藥，夜攜海月共鳴琴，醉來未起三竿日，只為閒癡一片心。

3. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Hải Thượng Lãn Ông.

4. "Thưởng trà giai phẩm", Tản văn, *Thượng kinh ký sự*.

5. (Lê) Lê Hữu Trác. *Thượng kinh ký sự*. Nguyên văn: 黎有卓《新鐫海上醫宗心領全帙・記事尾卷・九十六》雖在名利場中而不為名利所迷。望望然而來，于于然而去，直與故山相見，枕石睡花前...忖曰：我不為人嗤笑者，惟不貪故耳。

Tuy nhiên, trà để hợp miệng Hải Thượng có lẽ đều được pha đậm. Bởi trong những ghi chép đề cập đến trà, ông nhiều lần dùng từ "khổ trà", "khổ mính"[1] tức chè có vị đắng. Dẫu sinh ra ở trấn Hải Dương, song cuộc đời Hải Thượng lại gắn bó với quê mẹ, vùng Nghệ-Tĩnh, nơi người dân đến nay vẫn có thói quen uống trà đặc cắm đũa, chứ không chỉ đặc cắm tăm. Trà với *ông già lười* là đồ uống thưởng thức khi nhàn, mà hầu hết thời gian ông đều nhàn, bởi vậy đã quá mức quen thuộc, đến độ không lấy gì làm đặc biệt, cứ uống và thưởng thức bình thường vậy thôi.

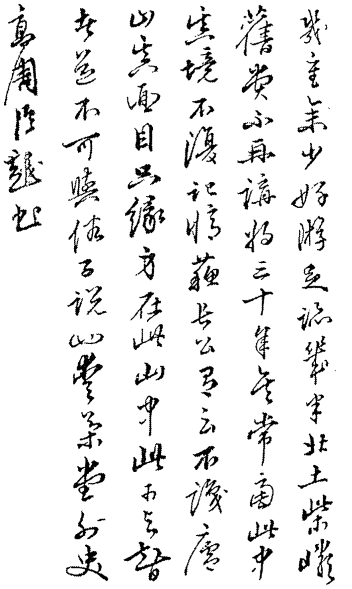

"*Cao Chu Thần đề thư*", thủ bút của Cao Bá Quát. Nguồn ảnh: *Cao Bá Quát toàn tập*.

Cũng năng văn, cũng thạo võ, cũng rượu chè không kém một ai, cũng bao phen sông bể, có đủ chất phong lưu, khoáng đạt của Hải Thượng, cũng gồm vẻ suy tư, thanh nhã của Ức Trai, thêm hơi hướng hào sảng, ngang ngạo của Lý Bạch, mang tiên cốt tiêu dao, thoát tục của Trang Chu, sau những biến cố cuộc đời, lại phảng phất vị cô sầu, lẫm liệt. Ấy là tất cả những hình dung của tôi về Chu Thần Cao Bá Quát. Tuy nhiên xét kỹ căn tính, Chu Thần gần với tinh thần Trang Chu hơn cả. Ông từng pha trà tự sáng sớm đãi khách, đến khi cao hứng, mở lòng ngâm vịnh sách *Nam Hoa* của Trang Chu[2], từng ví mình là tiên bướng bỉnh (ngoan tiên), "*tiên xưa bướng bỉnh rớt trần gian*"[3]. Đặc biệt, ông còn nằm mơ về tiền

---

1. Trong bài *Cảm xúc nơi quán khách gặp mưa*, Hải Thượng viết: *Nói gì trà đắng xưa cơn ngủ (*Xin xem "Thưởng trà giai phẩm"*)*, hay trong *Thượng kinh ký sự* cũng viết: *Nửa vách đèn tàn, mấy chén trà đắng, cùng nhau bàn chuyện xưa nay*. Nguyên văn: 《新鐫海上醫宗心領全帙・記事尾卷・十二》半壁殘燈，數盃苦茗，相與說昔談今。

2. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Hiểu tọa ký vọng*. Nguyên văn: 高伯适《曉坐寄望》回首喚鄰叟，乞火烹新茶。茶清客亦至，開懷詠南華。

3. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Dạ thoại túng bút đồng Phan Hành Phủ*. Nguyên văn: 高伯适《夜話縱筆同潘衡甫》瀟然謫墜古頑仙。

kiếp: *"Giấc mộng bay về đêm rõ rệt. Tiền thân còn nhớ vốn là Chu"*[1]. Chu ở đây là tên của Trang Tử, tuy cùng chữ Chu trong tên tự Chu Thần (bề tôi nhà Chu) mang ước vọng gửi gắm của ông thân sinh, song bản chất là hai đường đạo, hai lối sống, hai cách tư duy khác biệt. Một đằng là đạo phò vua trị quốc, sống vì nước vì dân, một đằng là đạo tự tại vô vi, sống cho mình vì mình. Chu Thần bước trên đường Nho, song căn cốt lại hướng về đường Đạo, không chịu gò bó, câu thúc, không hùa theo thời tục, luôn có cảnh giới tinh thần "bướng bỉnh" riêng, người cùng thời ít ai có thể chia sẻ. Chính chất tiêu sái, hào sảng ấy tạo nên sự khác biệt của Chu Thần, kể cả trong văn chương.

"Vung chén gần một tiếng, giật tơi nón rời chân
Cúi nhìn hoa nói nhỏ, cùng đường rượu làm quân[2]*."*

(Nguyễn) Cao Bá Quát,
Uống cùng Chuyết Hiên, say mèm dưới hoa, đội mưa mà về

Đun trà bên sông. Nguồn ảnh: TQĐ.

Chu Thần ghiền trà và sành trà. Trà với Chu Thần, có lẽ thiên về sự trải nghiệm, thưởng thức, càng đa dạng càng tốt. Bởi vậy, ông uống chè Bạng theo lối Huế, tự tay hái lá chè tươi đun[3], tỉ mỉ pha rót đủ loại trà tàu, cũng từng thử ướp trà sen, từng ôm hỏa lò lên đỉnh núi, từng gõ cửa chùa xin lửa từ sáng sớm để nhóm bếp pha trà bên sông: *"Trà mới, gọi sư xin lửa sớm, bởi yêu khói nước quện ngàn thông"*[4]. Với Chu Thần, việc uống trà, đọc sách thâu đêm là chuyện thường tình: *"Mồi lửa bếp trà thêm hứng khởi, không dưng tựa gối đến bình*

1. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Tiểu ẩm hý bút*. Nguyên văn: 高伯适《小飲戲筆》夜間憶得歸飛夢，猶記前身本是周。
2. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Đồng Chuyết Hiên ẩm đại túy hoa hạ mạo vũ nhi quy*. Nguyên văn: 高伯适《同拙軒飲大醉花下冒雨而歸》揮杯一長叫， 攝取簑衣行。 低聲語花主， 窮途看酒兵。
3. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Khiển hứng*. Nguyên văn: 高伯适《遣興》手攝嫩茶烹。
4. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Cao Bá Quát.

minh"[1], "*Xem sách chốc soi đuốc. Pha trà hằng cuốn rèm. Trăng thơ, hoài chẳng ngủ. Buồng lộng gió thu đêm*"[2] v.v. Không chỉ uống rượu Chu Thần mới hào sảng, ngay cả khi uống trà, ông cũng bộc lộ khí chất này. Đặc biệt là hành động xõa tóc như biểu tượng tiêu sái, phá bỏ lề lối: "*Thì thầm nói nhỏ, pha trà uống. Phấn khích hát tràn, xõa tóc bay*"[3].

"*Gió chiều, nấn ná, cầu phai nắng. Xõa tóc cười ta tự biết ta.*[4]"

(Nguyễn) Cao Bá Quát, *Đề bia đá quán Trấn Vũ*

Cao Bá Quát xõa tóc, minh họa bởi Trần Quang Đức.

Bản tính Chu Thần là vậy, luôn ưa trải nghiệm, khám phá, chẳng chấp nê khuôn sáo. Con người ấy không gò bó mình, cũng không gò bó người. Bởi vậy mới nói *Tiểu kệ phẩm trà* chỉ là mượn cớ chỉ dâu mắng hòe. Chớ dựa vào vẻ bề ngoài của con người để phán xét. Chớ vì vài con chữ húy mà đánh trượt một tài năng, lỡ dở một đời người. Cái án dùng muội đèn sửa bài thi, xuất phát từ lòng "biệt nhãn liên tài", về sau lại thành hệ lụy đưa đẩy cuộc đời Chu Thần tới hồi bi kịch, chống triều đình, bị bắt và bị tru di. Dầu sao ông đã sống rực rỡ, chơi rực rỡ: "*Bạc đầu chửa bớt hứng ham chơi*"[5]. Đạo của ông

1. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Dữ Quảng Nam học chính Bùi đồng túc dạ khởi kiến nguyệt.* Nguyên văn: 高伯适《與廣南學正裴同宿夜起見月》茶灶煙媒還遣興，頹然凴枕到天明。

2. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Thập ngũ dạ vọng nguyệt.* Nguyên văn: 高伯适《十五夜望月》看書臨燭短，瀹茗捲簾長。不寐頻吟望，西風滿北堂。

3. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *An Nhân, An Thái nhị hữu lưu túc.* Nguyên văn: 高伯适《安仁安泰二友留宿》低迴軟語遺茶後，激烈高歌散髮初。

4. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Đề Trấn Vũ quán thạch bi.* Nguyên văn: 高伯适《題鎮武館石碑》晚風斜照不歸去，散髮危檣笑自知。

5. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Vãn du Sài Sơn, vũ hậu đăng sơn đầu đề bích, kỳ tứ.* Nguyên văn: 高伯适《晚遊柴山雨後登山頭題壁·其四 》頭白貪遊興未慵。

là đạo trải đời. Trà với ông cũng vậy. Không viển vông, không ảo diệu, không gò ép và không lệ thuộc, chính bởi vậy nên ông cô độc. *"Leo cao bè bạn đều ôm mộng, tựa gối lặng yên đọc sách thôi"*[1]. Bạn cứ việc ôm mộng quan trường, còn với Cao, có lẽ cũng chỉ muốn *cày nhàn câu lặng*, thưởng trà đọc sách, tiêu dao tháng ngày mà thôi, *"cố vụng vẫn thừa nhã, mê nhàn chẳng dối mình"*[2], *"Tiêu dao một quạt mát, giẫm bóng bước thênh thênh"*[3].

Nhưng thời và cảnh đều không hợp. Để cuối cùng, Chu Thần cô độc bước vào chặng đường cùng, không một hy vọng, dằng dặc như bãi cát dài: *"Nghe ta cùng đường, một khúc hát! Phía Bắc núi Bắc, núi ngút ngát! Phía Nam núi Nam, sóng ồ ạt. Sao người trơ lại trên bãi cát!"*[4]. Những lúc cô độc ấy, ký ức khiến Chu Thần day dứt nhất, không phải sự dập vùi của một ông vua, một triều đình, hay cả một thời đại, mà là hình ảnh cả nhà quây quần bên nhau: *"Vợ nghèo trước chõng pha trà Bắc, gái nhỏ vỗ song hát tiếng Nam"* (Chiều hôm nhớ nhà)[5], cùng nhau thưởng trà và nhành lan chớm nở: *"Mấy đóa tinh khôi hương chửa bay, chồi sương e ấp ngón tay gầy. Vợ con chừng xót nâng niu lắm, đem thưởng trà non, hiên phía Tây"* (Chậu lan)[6] v.v.

"Lủi thủi càn khôn một chiếc thân, ven trời hình bóng tự tương thân [...]
Giao tình, ngoảnh dõi phương Nam mãi. Xá tội, ngày ngày ngóng thánh ân[7]*."*

(Nguyễn) Tùng Thiện vương Miên Thẩm, *Tặng Cao Bá Quát*

Văn như Siêu - Quát vô tiền Hán, thi đáo Tùng - Tuy thất thịnh Đường. Người đời vẫn truyền nhau câu nói như lời ngợi ca văn tài xuất chúng của bốn vị danh nhân triều Nguyễn: Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát, Tùng Thiện vương và Tuy Lý vương. Đương thời, bốn ông ít nhiều đều thăm

---

1. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Nhàn cư phụng giản chư hữu.* Nguyên văn: 高伯适《閑居奉簡諸友》故人各有追攀夢，倚枕看書獨不言。
2. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Ký Lê Hy Vĩnh, kỳ nhất.* Nguyên văn: 高伯适《寄黎希永·其一》用拙何傷雅，眈閑不自欺。
3. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Phản chiếu.* Nguyên văn: 高伯适《返照》逍遙一羽扇，踏影步涼行。
4. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Sa hành đoản ca.* Nguyên văn: 高伯适《沙行短歌》聽我一唱窮途歌。北山之北山萬疊，南山之南波萬級，君胡為乎沙上立。
5. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Bạc mộ tư gia.* Nguyên văn: 高伯适《薄暮思家》對榻貧妻烹北茗，敲門小女弄南音。
6. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Bồn lan.* Nguyên văn: 高伯适《盆蘭》新不渝香朵朵花，露依尖指數條芽。妻兒大有憐卿意，催向西軒品嫩茶。
7. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Tặng Cao Bá Quát.* Nguyên văn: 阮福綿審《贈高伯适》踽踽乾坤一介身，天涯形影自相親 [...] 交情為爾慇南顧，日日金雞望赦頻。

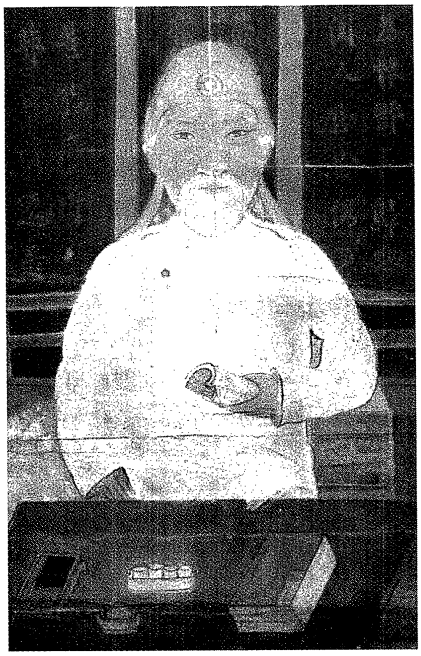

Chân dung Nguyễn Văn Siêu uống trà đọc sách. Nguồn ảnh: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

nom qua lại. Song người có giao tình với Cao Bá Quát, tình cảnh lại trái ngược hơn cả, chính là Tùng Thiện vương Miên Thẩm. Tùng Thiện vương và Chu Thần, một người hầu hết thời gian quanh quẩn trong kinh thành Huế bởi quy định của triều đình, song ngay từ khi sinh ra "*vào đời nhàn tựa sư lui viện*"(1), một người bôn ba khắp Bắc Nam, "*vào đời thân ngựa ngàn trùng quạnh*", "*cười phác biết thân chửa được nhàn*"(2). Một người cao sang đài các, cuộc sống êm ả trôi qua, là một phần của triều đình, gắn liền với triều đình, một người dân dã phong lưu, hơn bốn chục năm thăng trầm biến động, bị vùi dập bởi triều đình, rồi chống lại triều đình. Một người coi nặng áng công danh: "*danh tính chẳng lưu cùng vũ trụ, tháng ngày lần lữa dễ trôi suông*"(3), một người lại coi lợi danh chỉ là thoáng chốc: "*Vô số anh hùng đầy nắm bụi, bấy nhiêu danh lợi một cơn mưa*"(4) v.v. Vậy mà họ lại có thể cùng giao du, cùng tôn trọng, cùng thưởng thức nhau qua ngần ấy tháng năm, cho đến khi xảy ra tấn thảm kịch của Chu Thần.

"Còn nhớ gió trăng nơi bạn cũ?
Mười năm vương phủ, mộng qua chơi(5)*."*

(Nguyễn) Cao Bá Quát, *Cây hoàng quỳ trong vườn*

---

1. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Bệnh khởi du sơn đoản ca.* Nguyên văn: 阮福綿審《病起遊山短歌》入世閒如退院僧。
2. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Bệnh trung.* Nguyên văn: 高伯适《病中》入世隻身千里馬 [...] 一笑那知閒未得。
3. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Tống nhân tòng quân.* Nguyên văn: 阮福綿審《送人從軍》不有大名垂宇宙，空令歲月易蹉跎。
4. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Xuân dạ độc thư.* Nguyên văn: 高伯适《春夜讀書》幾多名利終朝雨，無數英雄一聚塵。
5. (Nguyễn) Cao Bá Quát. *Viên trung hoàng quỳ tứ tuyệt, kỳ tứ.* Nguyên văn: 高伯适《園中黃葵四絕·其四》曾憶故人風月否，十年香邸夢中游。

Chân dung Tùng Thiện vương Nguyễn Phúc Miên Thẩm. Nguồn ảnh: phủ thờ Tùng Thiện vương.

Đời sống của Tùng Thiện vương là đời sống của bậc vương giả, quanh năm suốt tháng chỉ có một chữ nhàn, thưởng trà nhàn, làm thơ nhàn, qua lại thăm nom tôn thất đều là người nhàn, bầu bạn với sư nhàn v.v. Nhàn và lặng, cố nhiên chẳng cần cày, chẳng cần câu, sinh ra đã có đủ đầy. Trà với ông cũng vậy. Đọc các bài thơ ông viết về trà, phần lớn là thơ xướng họa giữa anh em như: *Cảm ơn Minh Tĩnh huynh tặng trà, Tử Dụ đệ tặng trà, Chuyết Viên huynh tặng quả vải và trước đó tặng cống trà, Qua thăm bát huynh kiêm trình lên lục huynh Tử Tĩnh* v.v. hoặc giao đãi cùng tăng sĩ, vừa thưởng trà vừa luận Thiền, như *Trong thiền phòng uống trà cùng Đoan thượng nhân, Mưa trú ở chùa Tường Vân uống trà, nhớ cao tăng Kính* v.v. Đặc biệt phải kể tới những buổi tiệc trà ở vườn Cơ Hạ, vua Minh Mạng và sau này là vua Tự Đức tổ chức, cho vời tôn thất đại thần tới dự thưởng. Vua Tự Đức từng đặc ban cho Tùng Thiện vương những phẩm trà ngon, dặn riêng sứ thần mua từ Trung Hoa, kèm hai bài thơ đề tặng. Trong đó có mấy câu: "*Hương thơm xứ lạ nào riêng thích, ngài thấy sứ thần nhớ đến ai?*"[1]. Ông cũng có thơ cung kính ghi lại sự

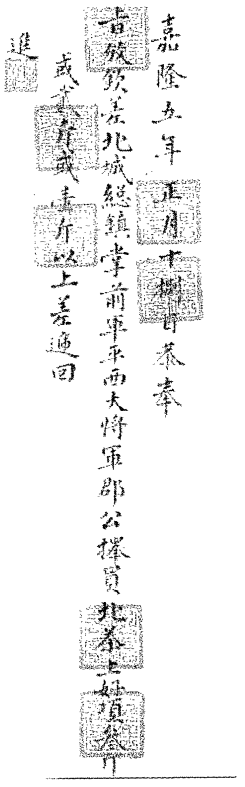

Chỉ dụ ban ngày 18 tháng Giêng năm Gia Long thứ 5 (1806) cho khâm sai tổng trấn Bắc thành vâng mệnh mua vài cân Bắc trà (trà tàu) loại thượng hảo hạng đưa về tiến dâng. Nguồn: Trung tâm lưu trữ Quốc gia I.

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ hoàng đế Tự Đức.

việc: *"Dự yến đội ơn ban thưởng hậu, trên yên còn dắt ngự trà về"*[1]. Một số phẩm trà vương từng thưởng thức được nhắc tới như Tiểu Hiện Xuân[2], Tử Lâm Du[3], *"trà uống Kiến Khê thơm"*[4] v.v. đều là những danh trà xuất từ An Huy, Phúc Kiến.

"Kẹp sách im lìm song trúc biếc. Chén trà thanh nhẹ án sen thơm."

(Nguyễn) Tuy Lý Vương Miên Trinh,
Cảm tác khi qua Lãm Phương hiên của thập huynh (Tùng Thiện vương) trò chuyện

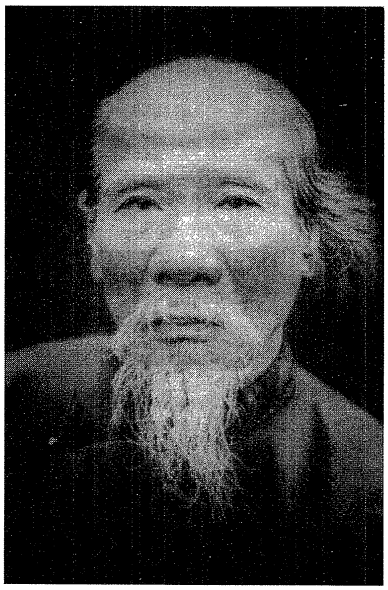

Chân dung Tuy Lý vương Miên Trinh. Nguồn ảnh: phủ thờ Tuy Lý vương.

Tiệc trà trong vườn Cơ Hạ thì hy hữu, song những cuộc thưởng trà làm thơ chẳng quản đêm ngày giữa mấy anh em tôn thất lại diễn ra thường xuyên, nhất là ở phủ Tùng Thiện. Năm Canh Tuất (1850), trong buổi tiệc trà ở vườn Tiêu Viên, Tuy Lý vương nhân thấy bức tranh *Trương Phương tiên trà đồ*, liền khởi xướng viết thơ đề, Tùng Thiện vương, công chúa Mai Am, Huệ Phố, Nguyệt Đình đều có thơ họa lại. Qua mấy bài thơ xướng họa, Tùng Thiện vương tự nhận là hậu thân ba đời của Ngọc Xuyên tử Lư Đồng[5], khen công chúa Mai Am là hậu thân của trà tiên Lục Vũ[6]. Tuy Lý vương khen thơ phẩm trà của công chúa *"tiên cốt thanh tao"*, đoạn ngợi ca: *"Triết huynh bút diệu sinh hoa mộng, tam muội tài cao phú*

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương, *Cung kính ghi chép việc dự yến tại vườn Cơ Hạ.*
2. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương, *Họa bài Đề thơ tranh đun trà.*
3. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Chuyết Viên huynh huệ lệ chi, thả tiên dĩ cống trà.* Nguyên văn: 阮福綿審《拙園兄惠荔枝且先以貢茶》況復副以紫琳瑜.
4. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Quá bát huynh kiêm trình tọa thượng Tử Tĩnh lục huynh.* Nguyên văn: 阮福綿審《過八兄兼呈座上子靜六兄》茶啜建溪香。
5. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương, *Họa bài đề thơ tranh đun trà.*
6. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Mai Am, *Khói trà.*

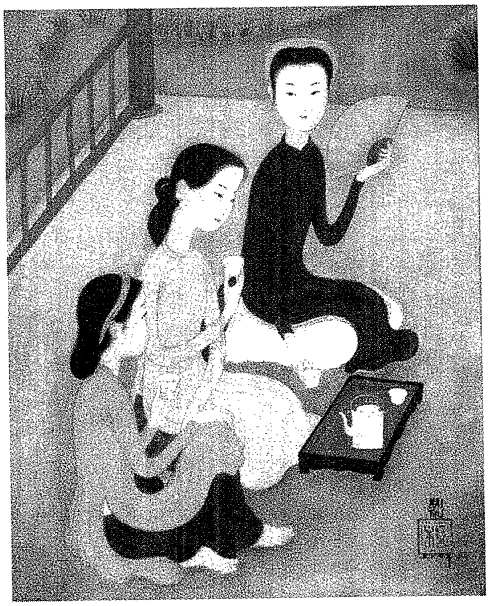

Ba cô gái Huế thưởng trà, tranh Mai Trung Thứ vẽ năm 1957. Nguồn ảnh: Artprecium.

mính hương."[1] (Mộng đẹp đơm hoa, huynh viết giỏi. Trà thơm thành phú[2], muội tài cao).

Tùng Thiện vương không thật ưa rượu, sinh thời ông chỉ uống trà. Trà với ông là thức uống "giải khát" hằng ngày, uống rất nhiều thành ra ghiền hương vị đó: "*Quên sầu hết cách đành nương rượu, giải khát còn phương cứ uống trà*"[3], nhất là khi ốm, ông lại càng khát: "*Đêm không ngủ được, lại ốm khát thèm trà, nửa đêm pha uống, nhìn bóng tự cười*"[4]. "*Vừa rồi ốm khát thèm trà, huynh đem trà ngon ban cho.*"[5] Do có nhiều cơ hội thưởng trà thượng phẩm, lại đọc rộng ghi chép về trà của Lục Vũ, Sái Tương, Tô Thức, cho nên Tùng Thiện rất am tường trà sử, nếu không muốn nói là người sành trà bậc nhất Nguyễn triều. Bài thơ *Xem trà*, ông viết có chút khoa trương, song thực tế không khác là bao: "*Tuổi trẻ a dua giễu kẻ ghiền. Ghiền rồi già cả khó mà quên. Khổ thân chẳng thấy đâu giai phẩm. Chẳng học Sái Tương đã chẳng phiền*"[6].

Trà diệc túy nhân hà tất tửu, thư năng hương ngã bất tu hoa.
Trà chuốc say người chi phải rượu, sách làm thơm tớ chẳng cần hoa.

Khuyết danh.

---

1. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Trinh. *Họa thập huynh Thanh Quang sạn nhã tập.* Nguyên văn: 阮福綿寘《和十兄清光棧雅集》哲兄筆妙生花夢，三妹才高賦茗香。
2. Trong *Trà kinh*, Lục Vũ cho biết, em gái của thi nhân Bào Chiếu (414?-466) là Bào Lệnh Huy từng làm *Hương mính phú* (Bài phú trà thơm), song nội dung đã thất lạc. Công chúa Mai Am đương thời viết nhiều bài thơ về trà, Tuy Lý vương mới dẫn dụng điển cố mà ví công chúa như Bào Lệnh Huy vậy.
3. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Bệnh trung mạn hứng.* Nguyên văn: 阮福綿審《病中漫興》忘憂無計空拚酒，止渴良方但啜茶。
4. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương.
5. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Thẩm. *Phụng thướng Tam huynh Minh Tĩnh chủ nhân.* Nguyên văn: 阮福綿審《奉上三兄明靜主人》頃病渴嗜茶兄以佳茗賜之。
6. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương.

Ức Trai, Hải Thượng, Chu Thần và Tùng Thiện, người thì ưu quân ưu quốc, người lại ẩn dật mê nhàn, người thì trải nghiệm phong lưu, người lại thanh cao đài các, mỗi cuộc đời người là mỗi cuộc đời trà. Tuy cảnh ngộ cùng lối sống khác nhau, đời ai cũng trải qua sóng gió, song giữa họ được gắn kết bởi những thú vui tinh thần thưởng trà, viết lách. Thân xác vật chất rồi cũng tiêu tan, song tinh thần là thứ còn lại lâu dài hơn, lan truyền bằng nhiều phương cách, có thể qua thơ phú, văn chương, cũng có thể qua dăm ba câu chuyện trò dung dị, từ người này lan tỏa sang người khác. Trà đàm, cuộc chuyện trà, là một trong những phương thức khiến tinh thần Thiền được truyền bá, trải hơn ngàn năm nay.

Bộ trà cụ vàng, ngọc của vua Khải Định. Nguồn ảnh: *Rồng - phượng trên bảo vật triều Nguyễn*.

Kề bên suối đá (Tú Làn, Quảng Bình). Nguồn ảnh: TQĐ.

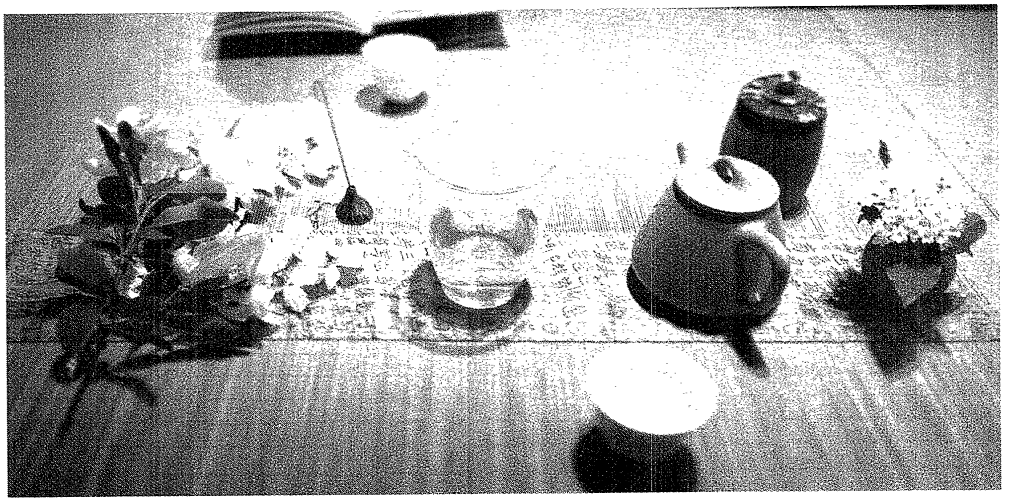

Thưởng trà, hoa và trầm hương. Nguồn ảnh: TQĐ.

THIỀN TRÀ MỘT VỊ

Thưởng thức trà với tinh thần Phật giáo

"Song giấy gió lùa, ngờ tuyết sớm,
Chén thanh hương dậy, luận Thiền đêm."
(Nguyễn) Công chúa Huệ Phố Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa, *Phẩm trà*

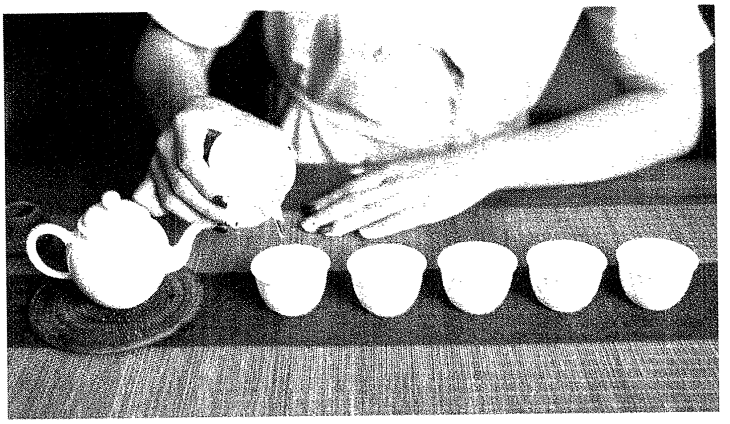

Trà nương chuyên nước từ chén tống sang các chén quân. Nguồn ảnh: Trà Phong.

Trong trà thất du dương tiếng nhạc dịu dàng, trà sư chậm rãi chuyên nước trà tỏa khói thơm từ chén tống vào những chiếc chén quân, lần lượt chuyển cho từng người ngồi chung quanh. Sau một hồi im lặng, khẽ khàng cảm nhận sắc hương vị vận len lỏi qua các giác quan, người thưởng trà mới bắt đầu cất tiếng, chia sẻ những câu chuyện tinh thần, như một cách cân bằng với cuộc sống cơm áo gạo tiền đang tạm gác lại ngoài kia. Xưa nay, người bị dòng đời xô đẩy, chạy theo đời sống vật chất thì nhiều, người đứng ngoài trào lưu, biết chăm chút cho tinh thần thì ít. Song xét

cho công tâm, chẳng ai có thể sống chỉ dựa vào tinh thần, cũng chẳng ai mãi đeo đuổi vật chất. Việc gì làm quá đi đều mất cân bằng. Người sống thiên về tinh thần hay bị trách viển vông, hư ảo. Người coi nặng vật chất lại bị chê thực dụng, tầm thường. Thời đoạn và bối cảnh sống khiến trải nghiệm và nhận thức của người ta như vậy. Điều kiện khác đi, nhận thức cũng theo đó khác đi. Chỉ e con người thường theo thói quen, bám riết lấy thế giới chủ quan để suy diễn thực tại rộng lớn xung quanh, như vậy tưởng thực tế, mà vẫn nằm trong ảo giới, khó thoát. Tinh thần càng cởi mở, khai phóng, càng tiếp nhận được nhiều sự lý thú hay ho. Thành ra trải nghiệm cá nhân chỉ trong những điều kiện tương đồng nhất định, mới có thể cảm thông, chia sẻ được cùng người khác. Nói không đúng thời, đúng cảnh, đúng người, tốt nhất không nên nói. Vô ngôn bởi vậy là nẻo tinh thần tự tại, mình biết với mình là đủ.

Chân dung thiền sư Tòng Thẩm.

Triệu Châu, thời Đường, có vị cao tăng pháp hiệu Tòng Thẩm (778-897), đời sau thường gọi thiền sư Triệu Châu, một dạo lưu trú tại Quan Âm viện. Bấy giờ, hai vị sư phương xa nghe tiếng, nhờ viện chủ giới thiệu tới tham thiền. Sau khi sửa y chỉnh tề, ngồi trước mặt thiền sư đảnh lễ, hai vị mới ướm hỏi về mùi vị của Thiền và giác ngộ. Thiền sư im lặng hồi lâu, đoạn hỏi một trong hai người: *"Thầy từng tới Triệu Châu chưa?"* Vị sư kia đáp: *"Tôi chưa từng tới"*. Thiền sư lúc này thong thả tiếp lời: *"Uống trà đi!"* Một lát sau, hai vị sư nhắc lại câu hỏi ban đầu. Thiền sư lại chậm rãi hỏi người còn lại: *"Thầy từng tới Triệu Châu chưa?"* Vị sư này đáp: *"Tôi từng tới rồi."* Sư lại ung dung nói: *"Uống trà đi!"* Hai vị sư tới tham thiền những tưởng có được câu trả lời giúp khai ngộ, ngờ đâu toàn bị giục uống trà. Sau khi hai sư ra về, viện chủ bấy giờ hỏi lại thiền sư, tại sao một vị đã từng đến Triệu Châu và vị kia chưa từng đến, ngài đều giục uống trà? Thiền sư đoạn trả lời:

"Vãn chùa chẳng nhẽ xin đồ cúng,
Chiếc bánh Vân Môn, trà Triệu Châu.[1]*"*

Tuy Lý vương Miên Trinh

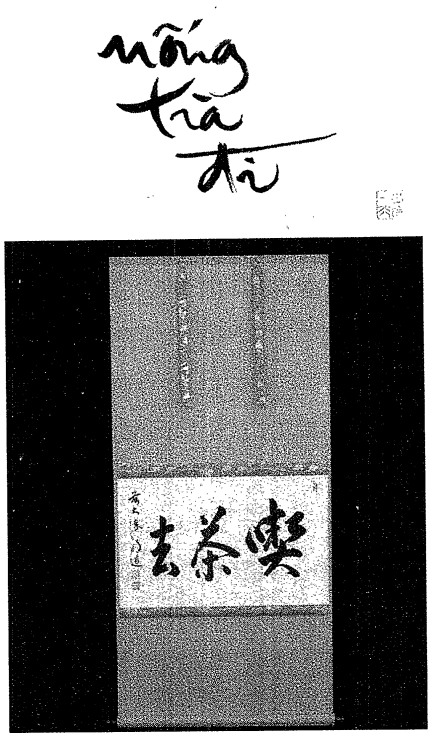

Thư pháp của thiền sư Thích Nhất Hạnh và thư pháp trong phòng trà đạo Nhật Bản, với nội dung "*Uống trà đi!*".

Bạn đọc hẳn đã đoán biết được câu trả lời của thiền sư rồi đấy. Mùi vị của Thiền hay giác ngộ là trải nghiệm cá nhân thuần túy, là sự vỡ lẽ từ thế giới tinh thần bên trong, ngôn từ không thể truyền tải được trọn vẹn. Hễ nói ra đã sai lạc từ đầu. Huống hồ lại thông qua sự tiếp nhận của người khác, dựa trên những cảm ngộ chủ quan, liệu bản ý có chắc được tri nhận vẹn nguyên? Vào thời Lý ở ta, cũng có người tới tham vấn thiền sư Viên Chiếu (999-1090), hỏi về khái niệm Chân Như. Sư Viên Chiếu bèn đáp: "*Tặng quân thiên lý viễn, tiếu bả nhất âu trà!*" (Tặng người ngàn dặm thẳm xa, mỉm cười cầm một âu trà vậy thôi!) Ý niệm tương tự như thiền sư Triệu Châu vậy. Thay vì cố gắng trả lời những câu hỏi càng nói càng huyền, chi bằng "vô ngôn", lẳng lặng mời người ta uống trà, như một lời nhắn nhủ, hãy tự thong thả chiêm nghiệm. Bởi trà cũng có biết bao phẩm loại, mỗi phẩm là mỗi hương vị khác nhau, chỉ có thể tự mình thưởng thức cảm nhận, không thể thông qua mô tả của người khác. Công án Thiền *Uống trà đi*, hay trà Triệu Châu, trà Triệu lão, sau trở thành điển tích, mở đầu cho câu chuyện Thiền trà một vị.

1. (Nguyễn) Nguyễn Phúc Miên Trinh. *Đề Quốc Ân tự*. Nguyên văn: 阮福綿寘《題國恩寺》擬向禪家求供養，雲門糊餅趙州茶。

"Trà Triệu lão, bánh Thiều Dương,
Bầy thiền tử hãy còn đói khát."

Trần Nhân Tông, *Cư trần lạc đạo phú* - Hồi thứ 9

Quãng thế kỷ X tới XIII, ở khắp khu vực Đông Á, trà đã gắn liền với đời sống tăng lữ, nhiều vị thiền sư kiêm trà sư tự tay trồng trọt sao sấy, đun pha hết sức thuần thục. Chính họ góp phần khiến tinh thần Thiền tông từng bước hòa quện vào văn hóa trà, gắn kết việc thưởng thức nghệ thuật ẩm thực đơn thuần với đời sống tinh thần, tâm linh. Trà đạo Nhật Bản được du nhập, hình thành chính là trong giai đoạn này. Còn ở Việt Nam, đời sống giản dị trong chùa bấy giờ, như vua Trần Nhân Tông mô tả: "*Áo rách ôm mây sáng húp cháo, bình xưa dốc nguyệt tối đun trà*", hay như nếp sống nửa đời nửa đạo của vua Trần Thái Tông: "*Mỗi khi xong bữa một âu trà*". Đủ thấy trà đã quen thuộc với chùa Việt thế nào. Tô Thức, văn nhân sành trà có tiếng lẫy lừng thời Tống, kể lại, một lần đi vãn chùa Thọ Tinh, Tây Hồ, có vị sư Khiêm, tu hành ở chân núi Nam Bình nghe tin, liền vượt sang núi Bắc muốn tới điểm trà cho họ Tô. Tô Đông Pha hết sức ngỡ ngàng với cách thức điểm trà của vị sư, nhất là phong thái ung dung điềm tĩnh. Kết quả, bát trà được sư điểm, hương vị vượt xa ngoài tưởng tượng của Tô Đông Pha. Tô mới hỏi kinh nghiệm của sư Khiêm. Sư nói: "*Tâm tôi nắm bắt được phép điểm trà, rồi thể hiện ra tay, không thể dùng lời truyền cho người học được.*" Đoạn, Tô Thức viết bài thơ ca ngợi: "*Đạo nhân sớm rời núi Nam Bình, điểm trà ra tay tam muội thử [...] Ta đây muốn viết tiếp* Trà kinh, *khiến vị sư Khiêm danh bất hủ*"[1].

Tam muội là phiên âm từ tiếng Phạn *samadhi*, một trạng thái ý thức khi thực hành thiền định. Trong trạng thái ấy, ý thức của bản ngã trở nên yên lắng vô cùng, không còn tạp niệm, không còn xúc cảm, vượt khỏi cái tôi nhỏ bé của chủ thể, trở thành một với đối tượng quan sát. Đó là khoảnh khắc tối thượng của thiền, là sự tự do vượt ra ngoài tâm trí. *Điểm trà ra tay tam muội*, ý nói khi pha rót trà, tâm thái sư Khiêm nhàn lặng vô cùng, đến mức mọi sự hiện hữu xung quanh đều không còn ranh giới, người pha rót cùng trà

1. (Minh) Mao Khôn. *Đường Tống bát đại gia*. Nguyên văn: 茅坤《唐宋八大家・蘇軾集》南屏謙師妙於茶事，自云：得之於心，應之於手，非可以言傳學到者。十月二十七日，聞軾遊壽星寺，遠來設茶作此詩贈之。道人曉出南屏山，來試點茶三昧手 [...] 先生有意續茶經，會使老謙名不朽。

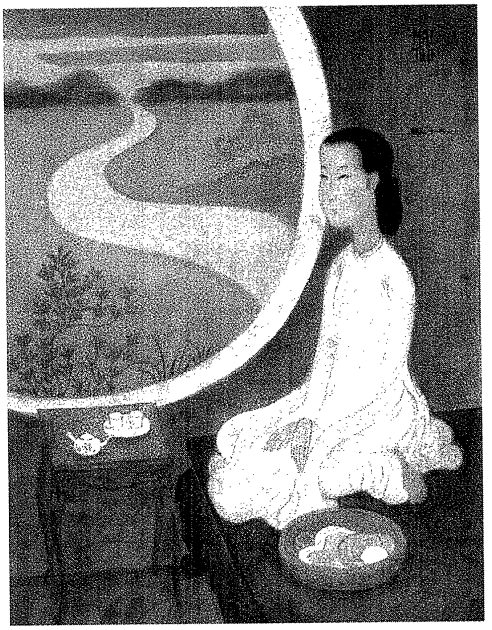

Người phụ nữ uống trà bên cửa sổ, năm 1952, tranh Mai Trung Thứ.

cụ, hết thảy hợp nhất. Tâm cảnh hòa đồng với ngoại cảnh. Trải nghiệm ấy, sư đâu thể dùng lời lẽ để chia sẻ được với Tô Đông Pha. Ngôn từ luôn là thứ gây võ đoán và trở nên thiểu năng trước những trải nghiệm sâu sắc của tinh thần. Một đêm, khi ngồi thưởng trà, trò chuyện cùng ông bạn Phan Nhạ, Cao Bá Quát đã vung bút viết: *"Chử mính thặng khan tam muội thủ, đàm thi chân đáo nhất thừa Thiền"*[1] (Trà pha còn dõi tay tam muội, thơ luận mới lên đạo thượng thừa), chính là dùng điển tích điểm trà của sư Khiêm, nhằm nhấn mạnh trạng thái tinh thần hư tĩnh, hợp nhất trong ngoài. Pha rót nhàn tản mà vẫn đạt hiệu quả tối ưu. Thiền nhất thừa, hay thiền tam muội bấy giờ còn là sự an trú thường trực trong phút giây hiện tại. Nếu mọi việc được thực thi trong sự an trú thường trực ấy, chắc chắn đều mang lại kết quả tốt.. Như khi đối diện với phẩm trà ngon, hương vị tinh tế, nếu không pha rót bằng đôi tay tam muội, không thưởng thức bằng tinh thần tam muội, liệu có cảm nhận được trọn vẹn sắc hương vị vận của trà?

"Rượu tỉnh trà tan đêm dặc dặc, dư hương phảng phất Thiền Như Lai."

Bùi Tự, *Ngẫu đắc ở vườn ngày hạ*[2]

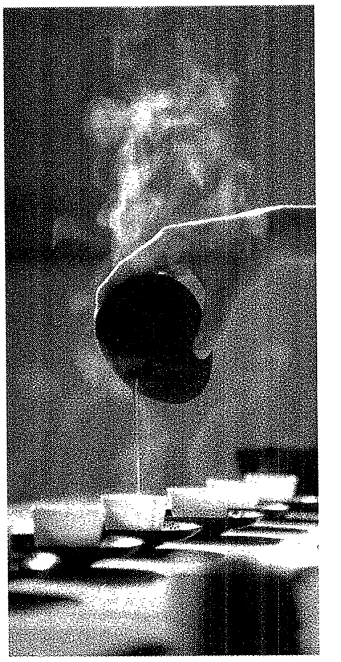

"Pha trà còn dõi tay tam muội". Nguồn ảnh: Oriento.

1. "Thưởng trà giai phẩm", thơ Cao Bá Quát, *Chuyện đêm khuya, vung bút cùng Phan Hành Phủ.*
2. (Nguyễn) Bùi Tự. *Hạ nhật viên cư ngẫu đắc.* Nguyên văn: 裴禩《夏日園居偶得》茗罷酒醒宵漏永，如來禪味有餘香.

Thói thường, người ta xưa nay làm việc gì giác quan cũng tán loạn, mấy khi biết tận hưởng niềm vui thở, vui ăn, vui uống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc. Khi xưa có người từng hỏi thiền sư Huệ Hải, các sư tu đạo có vất vả không. Sư mới trả lời, người tu đạo vất vả lắm, đói phải ăn, mệt lại phải ngủ. Người kia lấy làm lạ, chẳng phải mọi người đều như vậy sao. Sư đáp: "*Khác nhau lắm. Người ta lúc ăn thì không chịu ăn, lại suy nghĩ trăm điều, lúc ngủ cũng không chịu ngủ, lại mưu toan ngàn mối*". Từ xưa con người đã vậy, huống hồ là thời buổi có cả trăm thứ công nghệ thu hút tai mắt như hiện nay. Đói ăn, mệt ngủ, tưởng là đơn giản, song thực hiện được, với sự chú tâm thường trực không phải dễ. Cả đời đeo đuổi đạo cao siêu, đến cuối cùng mới sực nhận ra, cuộc sống vốn đơn thuần như vậy.

"Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, đói cứ ăn thôi mệt ngủ liền
Trong nhà có báu tìm chi nữa, trước cảnh vô tâm chớ hỏi Thiền."

(Trần) Trần Nhân Tông, *Cư trần lạc đạo*

Dĩ nhiên, sự đơn thuần khởi đầu và sự đơn thuần sau khi đã kinh qua cả một chặng đường dài dâu bể là khác nhau. Như ngọn núi thời thơ ấu nhìn thấy, tuổi thanh xuân ngắm lại, lúc về già hồi tưởng, cùng là một ngọn đấy, cũng đồng thời là ba bốn ngọn đấy. Nam Tuyền thiền sư (748-834) bởi vậy mới nói: "*Tâm bình thường là đạo*!" Trần Thái Tông (1218-1277) hết sức tán thưởng, đoạn mới diễn dịch: "*Lạnh thì bảo lạnh, nóng thì bảo nóng. Ngọc trắng vốn không vết đẽo dùi, miệt mài chế tác*

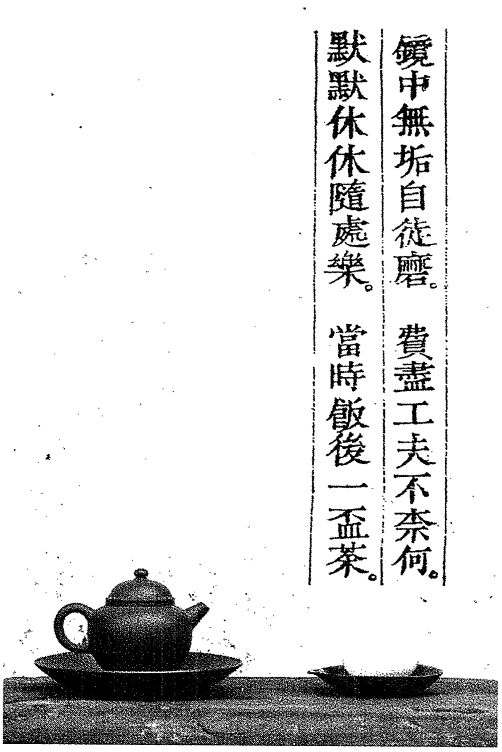
鏡中無垢自徒磨。費盡工夫不奈何。
默默休休隨處樂。當時飯後一盃茶。

Nguyên văn bài thơ thiền trà của vua Trần Thái Tông trong *Khóa hư lục*.

nhọc công thôi"[1], nghĩa rằng, tâm vốn thanh tịnh, đạo vốn bình thường, chớ tiếp tục nhọc lòng tìm kiếm ở đâu xa xôi. Từ ý niệm đó, đức vua viết một bài thơ Thiền trà thật hay: "*Trong gương chẳng bụi, cứ lau chà. Vô ích mà thôi, uổng sức ra. Lặng lẽ an nhàn, vui mọi cảnh. Mỗi khi xong bữa, một âu trà*"[2]. Tâm thái vui vẻ an nhiên trong mọi cảnh huống, là sau khi đã liên tục lau chà thứ vốn dĩ không hề nhơ bẩn, mải miết tìm kiếm thứ đã có sẵn trong lòng. Chặng đường đó vẫn phải trải qua, dù hình thức này hay hình thức khác. Tưởng mất công vô ích, song lại là đại ích. Chính đức vua Trần Thái Tông khi lần đầu vào núi "*cầu làm Phật*", cũng loay hoay đủ đường tìm đạo. Thiền sư Đạo Viên mới chia sẻ với vua: "*Núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm yên lắng thời biết, ấy là Phật thật. Nay nếu bệ hạ ngộ được tâm này, tức thời thành Phật, không cần tìm kiếm nhọc công*"[3]. Bởi vậy sau rốt, chỉ cần quay trở lại sống một cuộc đời lặng lẽ bình thường, như sau mỗi bữa ăn đều uống một âu trà, tự tại an nhiên, vậy là đủ.

Những người đang sống bình thường, nghe vậy tưởng mình đã giác ngộ, song vẫn khốn khổ với đủ thứ chuyện trong đời sống rất bình thường đó thôi. Sự bình thường khởi đầu và sự bình thường sau khi kinh qua bao thăng trầm, vấp ngã, tuy cùng là bình thường, song khác biệt lại ở tầm nhận thức. Huống hồ, để lý giải, vỡ lẽ ra vấn đề, thực ra không khó, để thực hành, đón nhận mọi sự dù vừa lòng hay trái ý một cách an nhiên,

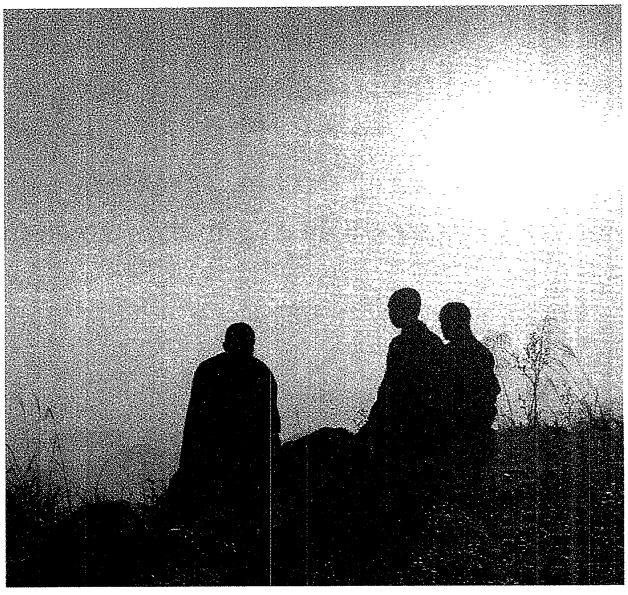

Trên đỉnh Ngọa Vân Am, Yên Tử. Nguồn ảnh: TQĐ.

1. (Trần) Trần Thái Tông. *Khóa hư lục.* Nguyên văn: 陳太宗《課虛錄·拈頌偈》舉：南泉曰平常心是道。拈：寒即言寒，熱即言熱。頌：白玉元來沒斧痕，何須鎚琢苦求新。Dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, Tr.113.

2. "Thưởng trà giai phẩm", mục thơ Trần Thái Tông, dẫn theo *Khóa hư lục.*

3. (Trần) Trần Thái Tông. *Thiền tông chỉ nam tự.* Nguyên văn: 陳太宗《禪宗指南序》朕 [...] 故入此山，惟求作佛。道圓禪師曰：山本無佛，惟存乎心。心寂而知，是名真佛。今陛下若悟此心，則立地成佛，無苦求也。

thường trực, tịnh chẳng dễ dàng. Bởi vậy việc không ngừng "lau chà" vẫn là cần thiết. Vua Trần Thái Tông phân tích thật sâu sắc: "*Ngộ rồi thoạt là vào cửa, làm được mới kể siêu phàm. Bước chân giẫm lên* ***thực*** *địa, đỉnh đầu đội lấy* ***hư*** *không. Khi dùng thì toàn cảnh phô bày, lúc xả thì mảy bụi chẳng vướng*"[1]. Chân giẫm thực, đầu đội hư, đâu có phân biệt vật chất hay tinh thần, viển vông hay thực tế. Đã có thể cảm thấu mùi Thiền tới đây, giữa thực và hư, tâm và cảnh, thảy đều là một. Không còn bám víu hình tướng luôn đổi thay bất định, đồng thời hiểu rằng "*toàn cảnh phô bày*" là thực tại ta muốn trở thành, muốn sử dụng, khi ấy, con người trở nên rộng lớn vô cùng, có thể trở thành mọi thứ và là tất cả. Song một khi buông xả trở về, mảy may hạt bụi cũng không dính dấp, như người diễn viên giỏi có thể xả vai ngay khi tròn vai diễn vậy.

Ở nhiều phòng trà hiện nay, không riêng gì Việt Nam, người ta cùng nhau hành thiền để chuẩn bị tâm thái thanh tịnh trước khi ngồi vào bàn trà, tập trung giác quan cho việc thưởng thức, kể ra cũng có tác dụng nhất định, miễn là đừng làm quá. Tương tự người Nhật khi tham gia một buổi trà đạo vậy. Đi vào vườn thiền một hồi, đoạn gột tay rửa mặt, nhẹ nhàng bước vào trà thất, cùng trà sư trực nước sôi, xem từng động tác đun pha tỉ mỉ, hết sức chậm rãi, sau rốt mới nâng niu trên tay bát trà phủ bọt, từ tốn uống hết trong vài hơi. Tôi không chắc trong suy nghĩ thường trực của các vị trà sư khi ấy có tinh thần Thiền như vua Trần Thái Tông chỉ ra hay không, song tôi đoan chắc, chén trà sau khi lắng lòng chờ đợi, quan sát, luôn thơm ngon và đáng trân trọng hơn chén trà vừa ngồi xuống đã có người mời tới tận miệng.

Chuyên chú pha trà.
Nguồn ảnh: Trà Phong.

Việc lắng lòng thanh tịnh, nhất tâm chuyên chú, vốn thuộc thế giới tinh thần cá nhân, tất cả

1. (Trần) Trần Thái Tông. *Khóa hư lục*. Nguyên văn: 陳太宗《課虛錄·普勸發菩提心》悟了方是入頭，行得始能脫俗。步步踏著實地，頭頭頂戴虛空。用時則萬境全彰，放下則一塵不立。Dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, Tr.60.

có thể thực hiện chỉ trong ý niệm tức thời. Còn như ngồi thiền, sắp chân kiết già, đặt tay nhắm mắt, tự thân mỗi người có thể thực hành ở chỗ riêng tư, không cần công nhiên cho người ngoài trông thấy. Vua Trần Thái Tông cũng từng nói, đi đứng ngồi nằm, lúc nào cũng có thể thiền, đâu chỉ có mỗi ngồi thiền mà thôi. Ngồi riết mà không thông thiền ý, khác nào sư Hoài Nhượng khi xưa bảo mài ngói thành gương[1]. Tích *mài gói thành gương* chỉ những người chăm chăm ngồi thiền, say đắm kiểu dáng ngồi thiền như biểu tượng của giác ngộ, nhưng chưa phải giác ngộ, xét cho cùng cũng chỉ là hình thức. Mã Tổ (709-788) trước kia nổi tiếng có thể từ sáng tới tối, ai nói gì làm gì cũng không bận tâm, chỉ quản ngồi thiền. Bấy giờ thiền sư Hoài Nhượng (677-744) đợi sau khi Mã Tổ xả thiền, mới hỏi: *"Ngươi cả ngày ngồi thiền để làm gì?"* Mã Tổ đáp: *"Để thành Phật"*. Hôm sau, Mã Tổ như thường lệ lại ra gốc cây tọa thiền, sư Hoài Nhượng mới đem phiến ngói tới trước mặt Mã Tổ, chốc chốc lại ra sức mài trên nền đất. Tới chiều, Mã Tổ hỏi: *"Ngài cả ngày mài gạch để làm gì?"* Sư Hoài Nhượng đáp: *"Để thành gương"*. Mã Tổ lập tức nói: *"Ngói thì làm sao có thể mài thành gương*?" Thiền sư Hoài Nhượng bấy giờ mới chốt câu nói như một gậy phang đầu: *"Vậy ngồi thiền làm sao có thể thành Phật"*. Mã Tổ nghe xong lập tức khai ngộ, bái Hoài Nhượng làm thầy.

Chân dung thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất.

Để xả ly được hình thức, nghĩa là phải từng chấp nê hình thức. Vậy nên tuy bàn tới sự lợi hại của hình thức, song cũng không nên chê trách

1. (Trần) Trần Thái Tông. *Khóa hư lục*. Nguyên văn: 陳太宗《課虛錄·坐禪論》然行住坐臥亦皆是禪，非惟獨坐。若坐時不息諸念，心猿競起，意馬奔馳。或亂想而識前塵，或無記而忘自性。倚床倚壁，閉眼藏睛，困睡流涎，低頭屈背，雖假名坐禪，猶坐在鬼窟內黑山之下。故讓禪師曰磨磚作鏡。斯之謂歟。Dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, Tr.87.

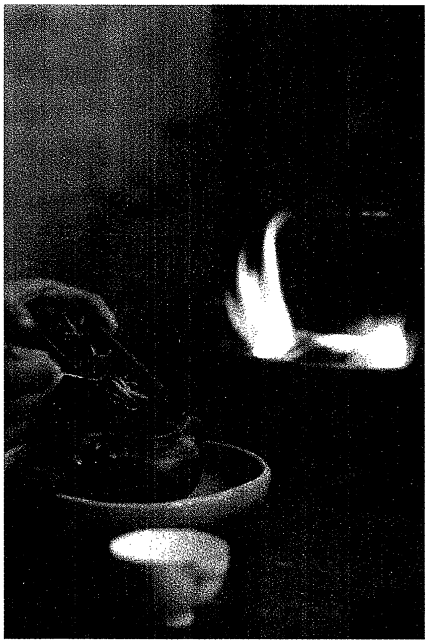

Trực nước pha trà. Nguồn ảnh: Tân House.

hình thức, trừ phi quá mức câu nệ mà thôi. Nếu Lục Vũ không từng câu nệ, làm sao có hơn hai mươi tư thứ trà cụ rườm rà liệt kê trong *Trà kinh*, cuốn sách kinh điển về trà thời Đường. Đã gọi là kinh điển tức phải tuân thủ một số quy tắc chuẩn mực nào đó. Song những quy tắc vốn dĩ do con người tùy từng thời, từng cảnh đặt ra, không phải bất biến. Như trẻ con mới tập viết, từ cách ngồi ghế, cầm bút, đưa nét, đều được hướng dẫn chỉn chu, nhưng về sau đâu nhất thiết phải ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách, đi đúng nét mới có thể viết ra chữ. Trà cũng vậy. Từ trà cụ, không gian dùng trà, cách thức đun pha, chuyên rót, tùy thời điểm và bối cảnh để tạo ra sự phù hợp, tự khắc thưởng thức được trà ngon. Bởi vậy phần cuối *Trà kinh*, Lục Vũ mới viết về việc giản lược các dụng cụ đun trà. Ấy là nhận thức của vị trà thánh đã thâm nhập cảnh Thiền, từng *thường xuyên một mình dạo bước ngoài đồng, tụng kinh Phật, đến khi tối trời cạn hứng, mới gào khóc quay về*. Người đã từng đi vào hình thức một cách cầu kỳ, rồi trở ra dung dị. Vậy mà sau cùng, khi gặp phải những kẻ hẹp hòi, cố chấp, ông đã bức bối viết *Hủy trà luận* để bày tỏ thái độ của mình đối với việc câu nệ hình thức thưởng trà.

"Ông Tang Trữ, Thiều Khê[1]. Tính chẳng hợp thời tục.
Trà có chi mà hay. Viết kinh, tâm huyết dốc.
Cội nguồn tới họa đồ[2]. Đầu đuôi chép đủ mục.
Hình gốm đặt miệng lò, thần trà được khấn chúc[3].

1. Lục Vũ lấy hiệu là Tang Trữ Ông, năm 760, làm nhà ở Thiều Khê viết sách.
2. Sách *Trà kinh* của Lục Vũ gồm mười thiên, từ thiên thứ nhất là Trà chi nguyên (nguồn cội của trà) tới thiên thứ mười là Trà chi đồ (hình vẽ đồ trà).
3. Sách *Đường thư* cho biết: 《唐書·陸羽傳》時鬻茶者，至陶羽形置煬突間，祀為茶神 *Bấy giờ người buôn bán trà tạo hình Lục Vũ bằng gốm đặt ở miệng lò, thờ làm trà thần.*

Đời thị hiếu khác nhau, chẳng hòa chung một khúc.
Tên Lý Quý Khanh kia, cậy giàu khinh tiện phục.
Biết là hạng túi cơm, chớ cho hưởng diễm phúc.
Lòng quân tử đừng so, bụng tiểu nhân hằn học.
Bóng đêm phủ lên mình, ông trước tiên chuốc nhục.
Lật lại luận Hủy trà, *chỉ e vì bức xúc."*

(Nguyễn) Tùng Thiện vương Miên Thẩm
Nhớ tạp nhạp chuyện trà của cổ nhân[1]

Lý Quý Khanh là người giàu sang, có tiền và quyền vào thời bấy giờ, một lần tới Kim Lăng, nơi Lục Vũ cư ngụ, đã gửi thiệp mời ông tới thưởng trà cùng. Lục Vũ vì nể nang nên nhận lời. Hôm có tiệc trà, ông ăn bận hết sức giản dị như ngày thường, tới tham dự. Tuy nhiên, khi Lý Quý Khanh gặp ông, nhìn lướt từ đầu tới chân trong bộ trang phục thô phác, nom không ra chất của một vị trà thánh họ Lý mong đợi, liền bày tỏ thái độ và có những hành động khinh khi. Lục Vũ cảm thấy bị nhục, liền bỏ về. Sau đó ông viết *Hủy trà luận*, phê phán những kẻ chấp nê vào vẻ bề ngoài, mà không hiểu cốt tủy của trà đạo. Cái cốt tủy ấy, ngay từ những dòng đầu tiên của *Trà kinh*, ông đã viết: *"Trà thích hợp nhất với người có đức hạnh giản kiệm"*, như chính con người ông vậy.

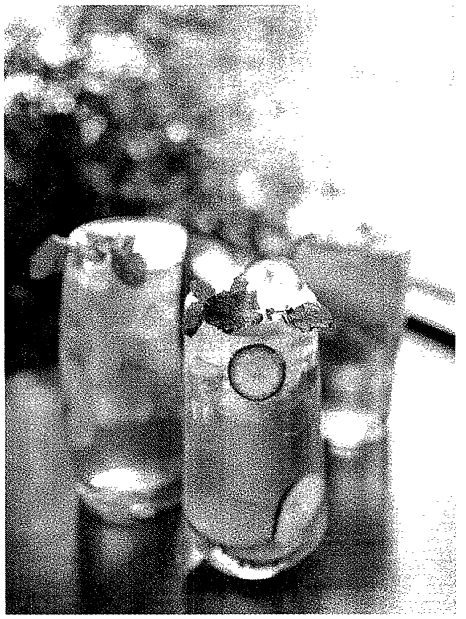

Trà chanh, trà đào, trà xí muội, hiện được giới trẻ ưa chuộng.
Nguồn ảnh: Trà Phong.

Trà vốn khởi đầu là đồ uống bình dân, dần dà được nâng tầm nghệ thuật, rồi tiếp tục gắn kết với đời sống tinh thần, hòa chung một vị với tư tưởng Thiền đạo. Phát triển tới ngày nay, trà quay trở lại làm thức uống đơn thuần, ngày càng nhiều bạn trẻ ưa thích trà sữa, trà vải, trà đào cam sả, trà chiều

1. Xin xem "Thưởng trà giai phẩm", thơ Tùng Thiện vương. Bài thơ vốn có tiêu đề rất dài, ở đây xin rút gọn, đặt lại như vậy.

kiểu Anh v.v., người dân miền quê hằng ngày om những nồi chè tươi uống giải khát, còn cánh nam giới phố thị vẫn nhiệt thành với chén trà bên quán cóc vỉa hè. Sau khi đã nhìn đủ rộng hai ngàn năm vận động phát triển, có thể thấy mỗi hình thức dùng trà là mỗi điều thú vị, tạo nên sự đa dạng của cuộc sống. Dù là bát nước om cành lá tươi, cốc matcha đánh nước sôi nở bọt, *chén trà trong sương sớm* rót ra từ ấm tử sa, ly trà quấy đường vắt chanh ăn kèm bánh ngọt, hay cốc trà sữa thuận tiện mang theo trên đường, khi mộc mạc giản đơn, khi phong lưu đài các, lúc *cẩn kính thanh tịch*, lúc lại hiện đại tân thời, với đủ cách thức và dụng cụ pha chế khác nhau, trà vẫn là trà, vẫn là cánh lá thơm thanh, tinh tế, để con người tiếp tục viết nên nhiều câu chuyện xoay quanh mình. Còn với người thưởng trà, sau tất cả những hình thức hoa mỹ, cuối cùng, chỉ cần tập trung pha rót bình thường, thưởng thức bình thường, trò chuyện bình thường, kể cũng đã đủ thú vị, an nhàn.

Một trong những kiểu bàn trà hiện đại.

Đơn giản là sự tinh tế tột cùng.[1]

Leonardo da Vinci

Hạnh phúc rất đơn giản, nhưng thật khó để có thể giản đơn.[2]

Rabindranath Tagore

1. Nguyên văn: *Simplicity is the ultimate sophistication.*
2. Nguyên văn: *It is very simple to be happy, but it is very difficult to be simple.*

Thiếu nữ thưởng trà, tranh Vũ Cao Đàm, bảo tàng Cernuschi cất giữ. Nguồn ảnh: Dẫn theo sách *Du fleuve Rouge au Mékong, visions du Viet Nam*.

MUÔN VÀN KẾT NỐI

Không chỉ là câu chuyện về trà

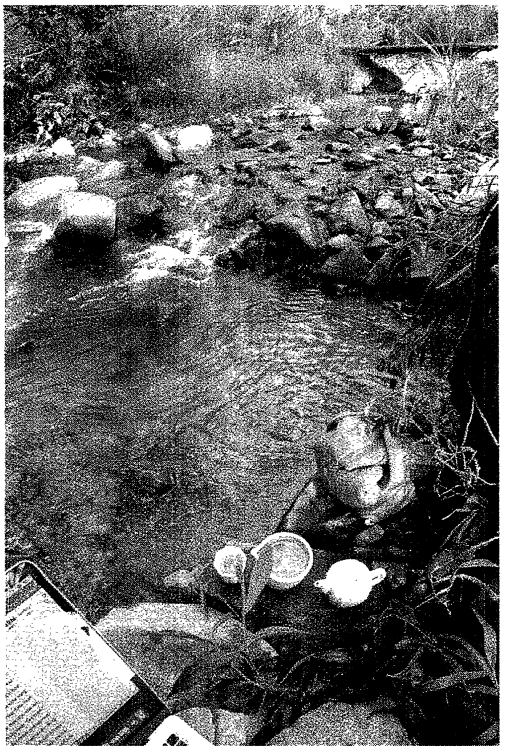

Chương cuối cùng của *Chuyện Trà* được viết tại Andante, Lạc Dương, Lâm Đồng. Nguồn ảnh: TQĐ.

Chuyện Trà đã tới hồi vĩ thanh, trong nhịp andante thong thả ngân dài, tôi vẫn muốn chia sẻ thêm đôi dòng suy nghĩ còn vương vấn, trước khi hoàn toàn khép lại cuốn sách. Tôi đến với trà, một cách tự nhiên, qua những buổi trò chuyện cùng anh bạn sành trà lâu năm, song chẳng bao giờ khoe khoang, hay nâng cao quan điểm về bất kỳ việc gì. Mọi chuyện to tác qua cách anh nói đều trở nên nhẹ nhàng, dung dị hơn. Bấy lâu anh vẫn cứ lẳng lặng pha rót, mời mọc đủ các loại trà ngon, nay phẩm này, mai lại phẩm khác. Hơn chục năm tôi ăn nhờ uống chực, dần dà mồm miệng cũng tinh hơn, thế rồi thành ra quen thích hương vị thơm thanh ấy. Về sau hay đi đây đi đó, quen thân với nhiều bạn làm trà, tiếp xúc trải nghiệm các cách chế tác cho tới pha rót, thưởng thức, thành ra khá gọi là biết nghề, nhưng không chuyên.

Có người từng hỏi tôi, làm sao để nhận biết được phẩm trà ngon,

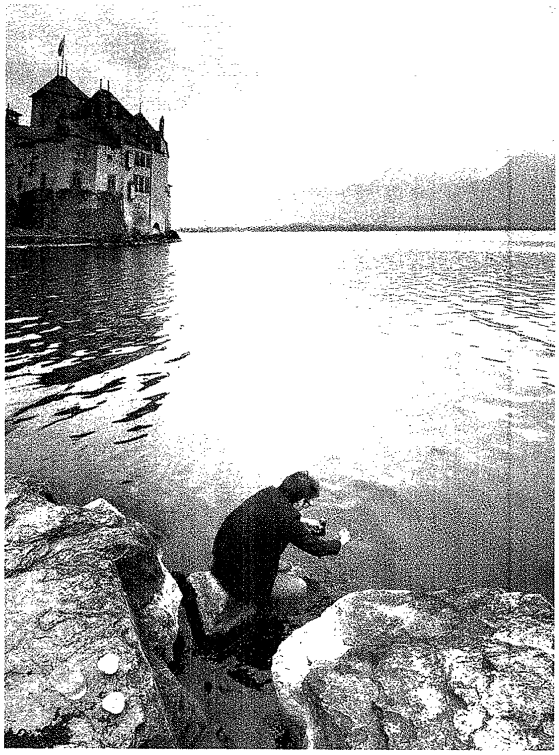

Bên hồ Lémon, Thụy Sĩ.
Nguồn ảnh: Nguyễn Sử.

trong đầu tôi lập tức vang lên câu cửa miệng của thiền sư Triệu Châu, song nếu trả lời cụt lủn như vậy, thời nay, e không đạt hiệu quả giao tiếp. Đoạn tôi hỏi ngược lại, làm sao để nhận biết được một bài thơ, một bức tranh, một bản nhạc hay? Người đó trả lời, dùng trực giác có thể cảm nhận được, chẳng phải vậy sao? Đúng là dùng trực giác có thể cảm nhận được ít nhiều. Song trực giác không tự nhiên có sẵn, mà được tích lũy dần từ những trải nghiệm, tiếp xúc dù có ý thức hay vô thức trong quá khứ. Để cảm biết được trà ngon, việc đầu tiên vẫn phải uống trà nhiều và uống nhiều loại trà. Đó là trực cảm tự nhiên. Song chỉ dừng ở đó thôi chưa đủ. Vẫn cần tham khảo, học hỏi kinh nghiệm chia sẻ, kiến thức chắt lọc của những người đi trước, trừ phi là thiên tài, vô sư tự thông. Đối với âm nhạc, hội họa, văn chương cũng vậy. Để biết thơ liệu có hay, trước tiên vẫn phải đọc và cảm nhiều thơ, thứ đến nên đọc qua nền tảng thi pháp, mỹ học thơ ca v.v. Song dừng ở đó thôi vẫn chưa đủ. Bởi trực giác đâu chỉ bó hẹp mỗi vậy. Các cơ quan cảm giác, tinh thần của con người đều có sự gắn kết, liên đới. Mọi giai điệu từng nghe, hương vị từng nếm ngửi, hình ảnh từng ngắm nhìn, phim sách từng xem, ý niệm hành động từng tạo tác v.v. đều dựng đắp nên nền tảng vô thức khổng lồ, hình thành cái

ta. Mỗi một sự cảm nhận, tiếp xúc, toàn bộ giác quan, tâm thức đều được huy động. Bởi vậy, ngắm hoa không chỉ còn là ngắm hoa, uống trà cũng không chỉ là uống trà. Sắc hương vị vận của trà và hoa bởi tâm thức con người truyền cảm mà hiển lộ. Bởi vậy, William Blake mới viết nên bài thơ nổi tiếng, thấm đẫm cả đạo học phương Tây và phương Đông: *"Nhìn thế giới trong một hạt cát, hoa đồng nội ánh hiện cả bầu không. Trong lòng tay nắm giữ cả Vô cùng, và vĩnh cửu trong một giờ thoáng chốc."*[1]. Vậy nên, tư duy càng cởi mở, trải nghiệm càng nhiều, nhận thức và trực giác càng nhạy cảm, tinh tế. Sự bình thường sau cùng, tự thân cũng chứa đựng cả một thế giới cảm quan, an bình và kết nối.

Nguyễn Du từng viết: *"Thi nhân bất đắc kiến, kiến thi như kiến nhân"* (Nhà thơ không còn gặp, thấy thơ như thấy người). Tôi trước hay đọc văn thơ cổ trung đại trong nước và khu vực Đông Á, trí nhớ ngôn ngữ tương đối tốt, thành ra dễ nhớ dễ thuộc, dễ "gặp" nhiều người xưa và cảm được tâm tình của họ. Sau dần đọc rộng hơn, đi nhiều hơn, hay tìm tòi, liên hệ giữa Đông Tây kim cổ, giữa các triều đại và thời đại, để nhận thức được sự dị đồng. Mỗi lần tiếp xúc với góc nhìn mới là mỗi lần nới rộng nhãn quan, để rồi nhận ra tất cả vốn được kết nối trong một chỉnh thể vô hình, nơi chúng ta gây ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng lẫn nhau nhiều hơn những gì có thể tưởng tượng. Kishore Mahbubani, nhà ngoại giao Singapore, trong cuốn sách *Can Asians think?*, quan sát thấy từ những năm 1990, ở các nước châu Á bắt đầu dấy lên những

Venice, Ý. Nguồn ảnh: TQĐ.

1. *Auguries of Innocence*. Nguyên văn: *To see a World in a Grain of Sand. And a Heaven in a Wild Flower. Hold Infinity in the palm of your hand. And Eternity in an hour.*

phong trào tái xác nhận các giá trị văn hóa truyền thống. Điều đó thể hiện khao khát kết nối lại với quá khứ, để tìm kiếm sự cân bằng phù hợp, sau khi kết nối này bị phá vỡ bởi sự thống trị của đế quốc và thế giới quan phương Tây trên toàn cầu. Ngoài ra, cũng thể hiện những cố gắng trong việc khẳng định cá tính cá nhân, quốc gia, bằng cách tăng cường lòng tự tôn đối với bản sắc văn hóa tinh thần vốn có, sau khi đã dung hòa với văn minh phương Tây. Đặt trong bối cảnh này, sự xuất hiện của những phong trào phục cổ, nghiên cứu văn hóa cung đình, ứng dụng trang phục truyền thống, họa tiết tranh dân gian, chạm khắc đình làng, cho tới các diễn đàn lịch sử, khảo cổ trên khắp các trang mạng xã hội Việt Nam trong hơn chục năm trở lại đây, không phải ngẫu nhiên. *Ngàn năm áo mũ* và cuốn *Chuyện Trà* bạn đang cầm trên tay đây cũng không ngoại lệ. Trong cuộc vận động tái xác lập bản sắc ấy, chắc chắn có những mâu thuẫn, tranh biện, cũng như sự ủng hộ, tán đồng, chín người thì mười ý. Tuy nhiên qua đó, chúng ta không ngừng hiểu biết hơn về bản thân cùng các cộng đồng dân tộc sinh sống chung quanh. Tất cả vốn đều kết nối và có sự ảnh hưởng lại qua, không có thứ gì là thuần chất. Cũng cần nói thêm, không phải cứ văn hóa dân gian, làng xã truyền thống là hay đẹp, văn hóa du nhập ngoại lai là xấu tồi. Xấu tốt hay dở là do cách ta lựa chọn và phát huy, đến từ sự lớn mạnh trong cảm thức của chính mình. Quá khứ, hiện tại và tương lai vốn vẫn luôn kết nối, đồng hiện. Những việc ta tạo tác hôm nay không ngẫu nhiên và cũng không vô ích.

Bên hồ Đại Lải, Vĩnh Phúc.
Nguồn ảnh: TQĐ.

Bên dòng sông Seine, Pháp. Nguồn ảnh: Nguyễn Sử.

Tôi từng lang thang ở vài nước Đông Á, vài nước Tây Âu, không quên mang theo ấm chén, bình thủy giữ nhiệt và đôi ba phẩm trà. Không phải do tôi quá mức nghiện hương vị ấy, mỗi ngày không có đôi ba chén thì cảm thấy thiếu vắng, ngẫm kỹ, là do tôi muốn có trải nghiệm mới mà thôi. Thưởng trà trong nhã thất có cái thú u nhàn thanh lặng. Song sắp ấm đặt chén, pha rót trước núi sông, kề suối đá, cảm xúc khác biệt vô cùng. Nhất là ngồi bên cầu Độ Nguyệt (Togetsu-kyo) đượm buồn lá đỏ, sát bờ sông Seine lững thững nước trôi, hay trên đỉnh Alpes bốn bề tuyết trắng v.v. cảm giác hân hoan, sảng khoái, đã đời biết dường nào. Ở mỗi thời cảnh ấy, những câu thơ của Nguyễn Trãi, Chu Thần lại bất giác hiện về trong tôi. Tôi cho đó là sự kết nối tinh thần, nơi không có cách biệt về thời không. Nếu kiên nhẫn đọc đến những dòng này, bạn đọc hẳn cảm nhận được phần nào tình cảm đặc biệt tôi dành cho Cao Bá Quát. Khi viết về ông, tôi bất giác cảm thông đồng điệu. Tôi thương con người luôn muốn sống cho mình ấy, luôn khao khát tự do, truy cầu những mới mẻ, sẵn sàng gạt đi những lề thói hủ lậu, bất chấp trả giá. Mạnh mẽ, hào sảng, song vẫn rất tình cảm, nhân văn. Con người ấy, tính cách ấy hiện diện ở thời đại ấy, thoạt tưởng sinh lầm thế kỷ, ngẫm kỹ lại chẳng phải lầm. Mọi sự tồn tại đều hợp lý. Tiêu vong cũng hợp lý. Câu chuyện về cuộc đời Cao Bá Quát cùng tinh thần ông sẽ tiếp tục truyền cảm hứng cho nhiều thế hệ sau, để rồi mỗi thế hệ lại cố gắng gây dựng xã hội cởi mở, nhân văn, tôn trọng con người hơn. Đó cũng là một sự tiếp nối tinh thần.

Tôi ngoài một hội bạn trà, còn có một toán bạn rượu. Viết xong mấy lời so găng giữa trà và rượu gửi cho cả hai hội bạn đọc, bạn rượu có vẻ lấy

làm ấm ức, bởi sự thiên vị của tôi dành cho trà. Kỳ tình, trà có lợi cho sức khỏe, còn rượu thì không. Song không bởi vậy mà có thể "dìm" rượu. Cuộc sống có lúc này lúc khác, lúc thanh đạm thưởng trà, lúc hồ hởi nhấp rượu. Mỗi thú phù hợp với mỗi cảnh, đều có ý vị riêng. Tuy nhiên, người xưa có câu: "*Mỹ tửu ẩm ư vi túy hậu, hảo hoa ưng khán bán khai thời*" (Rượu ngon uống tới khi ngà mặt, hoa đẹp xem vào lúc chớm bông). Uống trà có thể nhiều, song rượu không nên lạm. Không cần tán thưởng, cổ xúy thì trước nay rượu vẫn luôn phổ biến hơn trà, được ưa chuộng ở khắp mọi nơi, mọi thời đại. Bởi vậy thiên vị trà một chút cũng có sao. Thưởng trà và rượu cân bằng được như cụ Đốc trong *Chén trà trong sương sớm* của Nguyễn Tuân thì tốt: "*Canh khuya dăm chén rượu. Mai sớm một tuần trà. Mỗi ngày mỗi được thế. Thầy thuốc xa nhà ta*". Song, mọi việc thường phải kinh qua hai ngả cực đoan, mới tìm được điểm cân bằng. Tây hay ta cũng vậy, *balance* cũng vừa mang nghĩa cái *cân*, vừa mang nghĩa *cân bằng* đó thôi.

Đỉnh Jungfrau, núi Alps. Nguồn ảnh: TQĐ.

Chuyện Trà hẳn không chỉ là câu chuyện kể về trà, tôi hy vọng còn là sự gợi mở muôn vàn kết nối giữa quá khứ với hiện tại, giữa nét đẹp truyền thống với nhịp sống tân thời, giữa thú vui tinh thần với gánh lo sinh kế, giữa những người yêu trà và thích luận bàn *Thiền trà một vị*... Này bạn, hãy ngồi xuống đây, bên bàn trà này cùng tôi! Khi bạn đọc đến đây, chắc hẳn cũng đang rất ung dung nhàn lặng. Bạn vẫn có thể ung dung, nhàn lặng hơn nữa. Cùng tôi nhẹ nhàng xua đi những suy nghĩ chật hẹp, để trải lòng mình rộng lớn hơn, rộng lớn hơn nữa. Những dao động trong lòng ta cũng đang dần chậm lại, nhịp nhàng hơn, để tiến tới cân bằng. Lúc này, mọi thứ hiện diện quanh ta đều đang được kết nối, như chính tôi và bạn vậy. Cảm giác yên bình này thật tuyệt phải không? Giờ hãy cùng tôi, nhấp một chén trà đang tỏa hương thơm ngát, cùng chào đón những điều trong trẻo, đẹp đẽ đang diễn ra tự giây phút này!

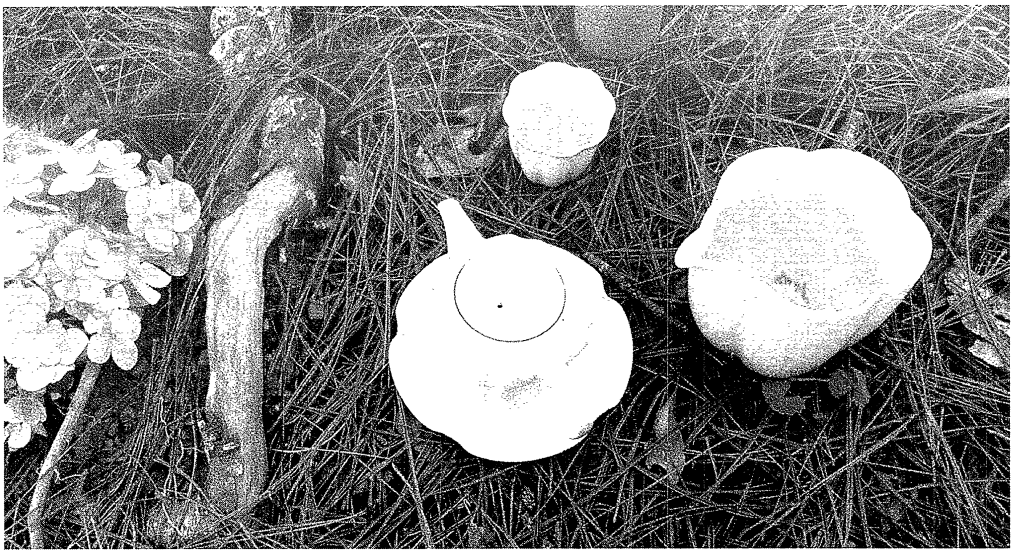

Bên hồ Trại Lốc (Yên Tử, Quảng Ninh) và bên hồ Tuyền Lâm (Đà Lạt). Nguồn ảnh: TQĐ.

LỜI BẠT

"Every something is an echo of nothing."

John Cage

Vừa nhận trên tay dăm bánh trà mới, tôi liền bóc ra pha cho hai anh em cùng uống. Chuyện trà giữa tôi và anh đã diễn ra vô số lần, kể ra chắc cũng đủ khắp nơi, lên núi băng, xuống biển vắng, vào rừng sâu, ra phố thị, gần như cứ mỗi lần xê dịch lại là một lần thưởng trà ở các không gian khác nhau. Lần này lạ hơn, nước đang còn tăm cua đã thấy anh đưa một tập bản thảo vừa in, rồi kèm theo giọng đọc sang sảng, thao thao bất tuyệt về những câu chuyện trà. Nhiều chuyện đã được nghe, được nói, được chia sẻ ở không biết bao nơi rồi. Có điều mới, có điều cũ, nhưng cái tâm tình của người vừa hoàn thành một công việc ấp ủ không biết bao lâu thì khó mà có thể hình dung.

"Trước mắt cảnh quan lời khó thốt
Bởi thơ Thôi Hiệu ở trên đầu."

Câu thơ của Lý Bạch đề lên vách lầu Hoàng Hạc chợt vẳng lên trong đầu tôi ngay khi nghe anh nhờ viết lời bạt cho sách. Đọc xong bản thảo, quả thực nếu bảo viết bình luận gì thêm có lẽ cũng thừa. Bởi cái khó là ở chỗ, sự vừa hoàn chỉnh lại vừa như dang dở ấy mới mở ra nhiều chân trời hơn những gì ta có thể nghĩ bàn. Dư vị tưởng đủ mà chưa đủ mang lại cảm giác

đất trời vẫn mênh mang trong câu chuyện còn đang tiếp diễn... Những cuộc thưởng trà vẫn tiếp tục diễn ra trong thời đại mọi thứ đều được đưa hết lên thế giới ảo! Lời bạt này tuy có cũng chỉ là chẳng đặng đừng mà thôi. Nó không nhằm tô điểm cho cuốn sách, tự thân đã là một thế giới hoàn thiện của riêng mình, mà chỉ là vài suy nghĩ của riêng người viết.

Vào mùa xuân năm 1087, Tô Đông Pha nhận được một bánh trà do Hoàng Đình Kiên gửi tới, kèm bài thơ có câu "*Muốn gặp Đông Pha cư sĩ cũ, bút vung như trút hạt minh châu*". Người Hoàng muốn tìm không phải Tô của thực tại mà là Tô trong hoài niệm của ông. Đúng hơn, Hoàng Đình Kiên muốn tìm gặp người bạn cũ, để nhắc lại những phong trần, những giấc mơ ban đầu của cư sĩ họ Tô, "*Vì anh nhắc mộng Hoàng Châu trước, một lá thuyền trôi tới Ngũ Hồ*". Người bạn của tôi ở đây, trong hiện thực đã đổi thay rất nhiều. Trần Quang Đức của *Ngàn năm áo mũ* chỉ tồn tại trong định kiến, ký ức của những người biết anh từ chục năm trước. Trần Quang Đức của hôm nay đã rũ áo mũ, nâng chén trà, bắt đầu cuộc rong chơi ngoài chữ nghĩa.

Đọc *Chuyện Trà*, có thể thấy được tác giả trong lòng ôm ấp núi rộng sông dài, trăng thanh gió mát, chứ không chỉ biết đắm mình trong sử liệu, từ chương. Ở đó, người ta tìm thấy chốn nghỉ chân thanh nhã, để thưởng ngoạn từ một thức uống thuần túy, đến hơn những thế giới tâm tưởng xa xôi. Bức tranh được vẽ ra từ việc bài trí không gian, sắp đặt trà cụ, phảng phất như những lãng mạn giả tưởng mà chân thực. Tâm tình của các tầng lớp chuyện từ thường dân, cho tới văn nhân, tăng sĩ, quý tộc được giãi bày, khắc họa trong những thời cảnh khác nhau. Đặc biệt là văn nhân nhàn tản. Nhàn thì uống trà, uống xong lại làm thơ vẽ tranh. Nhiều vị hoặc leo lên đỉnh núi cao, hoặc tới nơi suối thẳm, hoặc băng trên đỉnh tuyết, hay ngồi sát biển hồ, để tận hưởng không chỉ trà mà còn cả hơi thở, linh khí của núi sông trong đó. Văn nhân phẩm trà, phẩm chưa chắc ở trà, mà ở nhân sinh, sự đời. Sự tâm đắc hẳn không nằm ở chỗ đau đáu với triều đình như của Ức Trai, càng không phải ở nơi thư phòng như Tùng Thiện, mà lịch thiệp giang hồ, có cái ngạo khí, phong cốt như Chu Thần, thảng hoặc bình dị mà phiêu dật như Hải Thượng. Tay cầm chén trà, nhắm mắt lại, cảm giác tinh thần đã đưa tới những nơi vô hạn. Không còn sự gò bó của không gian và thời gian. Cái thấy là hữu hạn mà cái không thấy là bao la.

Chuyện Trà không chỉ tự sự, miêu tả, không chỉ giãi bày xúc cảm hay một biểu đạt tâm tình. Đó là một cuộc chiến đấu và hòa giải bất tận của Trần Quang Đức với chính mình. Mỗi một sự hoàn thành, mỗi một lần nhấc lên đặt xuống của câu từ đều là một quá trình tiếp nhận, chọn lọc và kiểm soát. Quá trình đó cần đủ dũng khí và tự tin, một sự chân thực với chính mình. Anh luôn cố gắng đi tìm, định nghĩa cái đẹp ở một góc độ độc lập hơn, rộng lớn hơn, thế giới hơn. Anh dùng thời gian của mình để tìm kiếm những thế giới chưa biết và tìm kiếm bản chất của nó. Anh không ngừng ham vui với những chân trời khác lạ.

Ngấu nghiến cuốn sách trong nửa ngày, thực là được nửa ngày nhàn hơn mười năm trần mộng! Nhưng đọc xong lại thấy có lỗi với sách, bởi đây không phải dạng sách nên đọc ngấu nghiến, mà nên thong dong để thưởng nhàn. Trà có sang hèn, chén có quý tiện, song xét cho cùng vẫn chỉ là trà, là chén mà thôi. Hơn hết, chén trà sang trọng là bởi ngồi cùng ai. Trà không chỉ là trà, *Chuyện Trà* cũng đâu chỉ có chuyện trà thôi đâu! Đặt *Chuyện Trà* xuống, sẽ có hàng ngàn chuyện trà khác tiếp tục ra đời…

"Thử pha trà mới lửa nhen lên, thơ rượu lúc hoa niên."

Đầu tháng 9 năm 2021, tại Hạc Sào, Nguyễn Sử viết bạt

Phụ lục

THƯỞNG TRÀ GIAI PHẨM

Những áng văn thơ hay viết về trà của người Việt

Tác giả tuyển dịch

(Lý) THIỀN SƯ VIÊN CHIẾU (999-1090)

禪苑集英 ***Thiền uyển tập anh***
贈君千里遠，笑把一甌茶。

Tặng quân thiên lý viễn, tiếu bả nhất âu trà.

Lại hỏi: Xanh xanh trúc thắm thảy Chân như, thế nào là Chân như?
Sư nói: Tặng người ngàn dặm thẳm xa, mỉm cười cầm một âu trà vậy thôi.

(Trần) TRẦN THÁI TÔNG (1218-1277)

課虛錄·語錄問答 ***Khóa hư lục - Ngữ lục vấn đáp***
鏡中無垢自徒磨，費盡工夫不奈何。
默默休休隨處樂，當時飯後一盃茶。

Kính trung vô cấu tự đồ ma, phí tận công phu bất nại hà.
Mặc mặc hưu hưu tùy xứ lạc, đương thời phạn hậu nhất bôi trà.

Trong gương chẳng bụi, cứ lau chà. Vô ích mà thôi, uổng sức ra.
Lặng lẽ an nhàn, vui mọi cảnh. Mỗi khi xong bữa, một âu trà.

(Trần) THIỀN SƯ HUYỀN QUANG (1254-1334)

贈仕途子弟 ***Tặng các đệ tử làm quan***
富貴浮雲遲未到，光陰流水急相催。
何如小隱林泉下，一榻松風茶一杯。

Phú quý phù vân trì vị đáo, quang âm lưu thủy cấp tương thôi.
Hà như tiểu ẩn lâm tuyền hạ, nhất tháp tùng phong trà nhất bôi.

Giàu sang chậm đến áng mây tà. Năm tháng vèo trôi ngọn nước sa.
Rừng suối chi bằng về tạm ẩn. Gió thông nửa chõng, một âu trà.

(Trần) TRẦN QUANG KHẢI (1241-1294)

福興園 ***Vườn Phúc Hưng*:**
暑來邀客澆茶碗， 雨過呼童理藥欄[1]。

Thự lai yêu khách kiêu trà oản, vũ quá hô đồng lý dược lan.

Hửng nắng rót trà mời khách khứa, tạnh mưa kêu trẻ sửa giàn hoa.

(Trần) TRẦN NHÂN TÔNG (1258-1308)

師弟問答 ***Sư đệ hỏi đáp***
破衲擁雲朝喫粥，古瓶瀉月夜煎茶。

Phá nạp ủng vân triêu khiết chúc, cổ bình tả nguyệt dạ tiên trà.

1. **Dược lan**: theo *Hán điển*, vốn chỉ giàn trồng hoa thược dược, sau chỉ giàn hoa nói chung. Không phải giàn thuốc, cũng không phải "bảo trẻ đem lan đi ướp trà" như một số nhà nghiên cứu hiểu lầm.

Hỏi thế nào là nếp nhà của hòa thượng?
Đáp rằng: Áo rách ôm mây sáng húp cháo, bình xưa dốc nguyệt tối đun trà.

(Trần) NGUYỄN TRUNG NGẠN (1289-1370)

贈詩許僧克山 ***Tặng thơ cho sư Hứa Khắc Sơn***
物外飄然只一身，此間榮辱兩無聞。
野梅骨格元非俗，海鶴風姿自不群。
詩袖拂來湘水月，禪鞋踏破楚山雲。
不知此去分南北，旅帳甌茶幾夢君。

Vật ngoại phiêu nhiên chỉ nhất thân, thử gian vinh nhục lưỡng vô văn.
Dã mai cốt cách nguyên phi tục, hải hạc phong tư tự bất quần.
Thi tụ phất lai Tương thủy nguyệt, thiền hài đạp phá Sở sơn vân.
Bất tri thử khứ phân Nam Bắc, lữ trướng âu trà kỷ mộng quân.

Chiếc thân ngoại vật cứ phiêu bồng, vinh nhục ngoài tai chẳng bén lòng
Bất tục mai rừng nguyên cốt cách, phi phàm hạc biển sẵn tư phong.
Giày thiền giẫm núi tan mây phủ, tay áo vung thơ vẫy nguyệt lồng.
Nam Bắc biết đâu giờ cách biệt, mơ người mấy bận chén trà mong.

永江月泛 ***Sớm lướt thuyền trên Vĩnh Giang***
波光山色描無盡，客思鄉心夢不成。
霧散江空天向曙，菊樽酌罷茗鐺烹。

Ba quang sơn sắc miêu vô tận, khách tứ hương tâm mộng bất thành.
Vụ tán giang không thiên hướng thự, cúc tôn chước bãi mính sanh phanh.

Gian nan bút tả màu sông núi, trần trọc lòng dâng nỗi nhớ nhà,
Sông vắng sương tan trời hửng sáng, nhắp xong chén cúc nấu sanh trà.

(Trần) CHU AN (1292-1370)

次韻贈水雲道人 ***Họa vần tặng Thủy Vân đạo nhân***
老逢昭代知何補，身落窮山笑拙謀。
檢點年年貧活計，茶甌詩卷伴湯休。

Lão phùng chiêu đại tri hà bổ, thân lạc cùng sơn tiếu chuyết mưu
Kiểm điểm niên niên bần hoạt kế, trà âu thi quyển bạn Thang Hưu.

Thời bình, già cả, làm vô bổ. Núi thẳm, cô cùng, giễu hết mưu
Điểm lại quãng đời sinh kế ngặt. Âu trà, quyển sách, bạn Thang Hưu[1].

春旦 ***Sớm xuân***
寂寞山家鎮日閒，竹扉斜擁護輕寒。
碧迷草色天如醉，紅濕花梢露未乾。
身與孤雲長戀岫，心同古井不生瀾。
柏薰半冷茶煙歇，溪鳥一聲春夢殘。

Tịch mịch sơn gia trấn nhật nhàn, trúc phi tà ủng hộ khinh hàn.
Bích mê thảo sắc thiên như túy, hồng thấp hoa sao lộ vị can.
Thân dữ cô vân trường luyến tụ, tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan.
Bách huân bán lãnh trà yên yết, khê điểu nhất thanh xuân mộng tàn.

Nhà trên núi vắng cả ngày nhàn, song trúc nghiêng che khí lạnh lan.
Biếc lòa sắc cỏ trời say khướt, đỏ ướt nhành hoa móc chứa chan.
Lòng với giếng xưa thôi sóng gợn, thân cùng mây lẻ luyến non ngàn.
Củi thông gần nguội trà tan khói, một tiếng chim xuân mộng suối tàn.

---

1. **Thang Hưu**: tức nhà sư Thích Huệ Hưu nước Tống thời Nam Triều (420-479), họ tục là Thang, giỏi văn chương, sau ngầm chỉ những nhà sư giỏi văn thơ.

(Trần) PHẠM MẠI

訪僧 ***Thăm sư***
罷脫塵中簿牒忙，暫攜僚吏訪僧房。
碧溪雪淨茶甌爽，紅樹風多竹院涼。
徐步要窮終日興，清談為解十年狂。
詩禪勘破聊歸去，一路蒲花荻葉芳。

Bãi thoát trần trung bạ điệp mang, tạm huề liêu lại phỏng tăng phòng.
Bích khê tuyết tịnh trà âu sảng, hồng thụ phong đa trúc viện lương.
Từ bộ yếu cùng chung nhật hứng, thanh đàm vị giải thập niên cuồng.
Thi thiền khám phá liêu quy khứ, nhất lộ bồ hoa địch diệp phương.

Văn thư rũ hết việc bên mình, dắt bạn thăm chùa vãn cảnh quanh
Tuyết sạch, khe xanh, trà sảng khoái. Gió êm, cây đỏ, viện trong lành.
Bước khoan một buổi gìn niềm thú, chữa ngạo mười năm tiếp chuyện thanh.
Vỡ lẽ thiền - thơ đành giã biệt, đường thơm lau cói nhẹ thênh thênh.

(Trần) NGUYỄN SƯỞNG

菊堂題開元觀自樂先生僑居 因次其韻 ***Cúc Đường đề thơ ở quán Khai Nguyên nơi trọ của tiên sinh Tự Lạc, nhân họa vần***
石鼎烹茶僧共語，松壇步月鶴同歸。

Thạch đỉnh phanh trà tăng cộng thoại, tùng đàn bộ nguyệt hạc đồng quy.

Vạc đá đun trà sư tiếp chuyện, nền thông dạo nguyệt hạc theo về.

(Trần) PHẠM NHÂN KHANH

送覽山國師還山 ***Tiễn quốc sư Lãm Sơn về núi***
松院煮茶香漠漠，鶴泉洗缽水潺潺。

Tùng viện chử trà hương mạc mạc, hạc tuyền tẩy bát thủy sàn sàn.

Đun trà ngào ngạt sân thông núc, rửa bát rì rào suối hạc reo.

(Trần) TRẦN NGUYÊN ĐÁN (1325-1390)

九月三十日夜有感 ***Cảm xúc đêm ngày ba mươi tháng Chín***
疏櫺半掩逗霜花，銀漢無光月影斜。
香度小鐺新稻粥，煙凝古鼎熟蘭茶。
千金難買好秋色，一去不回閒歲華。
晚菊早梅新富貴，青燈黃卷舊生涯。

Sơ linh bán yểm đậu sương hoa, Ngân Hán vô quang nguyệt ảnh tà.
Hương độ tiểu sanh tân đạo chúc, yên ngưng cổ đỉnh thục lan trà.
Thiên kim nan mãi hảo thu sắc, nhất khứ bất hồi nhàn tuế hoa.
Vãn cúc tảo mai tân phú qúy, thanh đăng hoàng quyển cựu sinh nha.

Hoa sương ghé cửa khép song hờ, trăng chếch duềnh Ngân ánh mịt mờ,
Khói đọng trà lan sôi vạc cổ, hương lừng cháo gạo quện nồi xưa.
Thanh nhàn năm tháng không quay lại, đẹp đẽ màu thu khó đổi mua.
Mai chớm cúc già là phú quý, đèn xanh sách cũ nghiệp bao giờ.

(Trần) TRẦN ÁI SƠN

無題 ***Vô đề***[1]
窗畔香雲暗碧紗，平分午睡不禁茶。
相思在望登樓怯，一樹木棉紅盡花。

Song bạn hương vân ám bích sa, bình phân ngọ thụy bất câm trà.
Tương tư tại vọng đăng lâu khiếp, nhất thụ mộc miên hồng tận hoa.

Song the biếc nhạt đóa mây sa, bên gối nghỉ trưa vẫn nhắp trà.
Sợ bước lên lầu, thương nhớ ngóng. Một cây gạo đỏ trổ rực hoa.

(Trần) THIỀN SƯ TUỆ TĨNH (1330-1400?)

直解指南藥性賦 ***Bài phú dược tính chỉ nam trực giải***
茶可清心解熱，飲一缽萬慮頓消。
酒能行血驅風，酌三杯千愁盡釋。

Trà khả thanh tâm giải khát, ẩm nhất bát nhi vạn lự đốn tiêu,
Tửu năng hành huyết khu phong, chước tam bôi nhi thiên sầu tận thích.

Trà khá thanh tâm giải khát, uống một bát muôn mối nghĩ tan nhanh.
Rượu thời hành huyết khu phong, nhắp ba chén ngàn nỗi sầu gột sạch.

(Lê sơ) NGUYỄN TRÃI (1380-1442)

亂後到崑山感作 ***Cảm xúc sau cơn loạn lạc đến Côn Sơn***
何時結屋雲峰下，汲澗烹茶枕石眠。

Hà thời kết ốc vân phong hạ, cấp giản phanh trà chẩm thạch miên.

Khi nào lợp lán bên mây núi, nước suối đun trà gối đá mơ.

---

1. Hồ Nguyên Trừng trong *Nam ông mộng lục* cho biết tôn thất nhà Trần có người lấy hiệu là Ái Sơn, làm thơ có nhiều bài hay, trong đó có dẫn bài trên. Do bài thơ được dẫn lại không kèm theo tiêu đề, nên tôi tự đặt là Vô đề.

漫興其一 ***Mạn hứng,* bài 1**
掃雪煮茶軒竹下，焚香對案閣梅邊。

Tảo tuyết chử trà hiên trúc hạ, phần hương đối án các mai biên.

Quét tuyết đun trà hiên trúc ngả, châm hương đọc sách gác mai kề.

漫興其三 ***Mạn hứng,* bài 3**
夢覺故園三徑菊， 心清活水一甌茶。
回頭六十年前事， 雙鬢星星兩眼花。

Mộng giác cố viên tam kính cúc, tâm thanh hoạt thủy nhất âu trà.
Hồi đầu lục thập niên tiền sự, song mấn tinh tinh lưỡng nhãn hoa.

Mộng tỉnh vườn xưa ba lối cúc, lòng thanh nước suối một âu trà.
Sáu mươi năm trước nay nhìn lại, tóc đốm sương mờ mắt đốm hoa.

偶成 ***Ngẫu thành***
滿堂雲氣朝焚柏，遶枕松聲夜瀹茶。

Mãn đường vân khí triêu phần bách, nhiễu chẩm tùng thanh dạ thược trà.

Đầy nhà mây tỏa sớm xông bách, quanh gối thông reo tối nấu trà.

題程處士雲窩圖 ***Đề thơ lên tranh ổ mây của Trình ẩn sĩ***
佳客相逢日抱琴，故山歸去興何深。
香浮瓦鼎風生樹，月照苔磯竹滿林。
洗盡塵襟花外茗，喚回午夢枕邊禽。
日長隱几忘言處，人與白雲誰有心。

Giai khách tương phùng nhật bão cầm, cố sơn quy khứ hứng hà thâm.
Hương phù ngõa đỉnh phong sinh thụ, nguyệt chiếu đài cơ trúc mãn lâm.
Tẩy tận trần khâm hoa ngoại mính, hoán hồi ngọ mộng chẩm biên cầm.
Nhật trường ẩn kỷ vong ngôn xứ, nhân dữ bạch vân thùy hữu tâm!

Đàn bên bạn quý gảy nguyên ngày, trở lại non xưa hứng thú đầy!
Trăng rọi thềm rêu rừng phủ trúc, hương chờm vạc đất gió vờn cây.
Mé hoa, trà gột tan niềm tục; bên gối, chim kêu tỉnh mộng say.
Tựa ghế quên lời ngây một buổi, người - mây ai kẻ có lòng đây?

***Mạn thuật*, bài 5**
Say minh nguyệt, chè ba chén. Địch thanh phong, lều một căn.

***Thuật hứng*, bài 3**
Khách đến chim mừng hoa sẩy rúng. Chè tiên nước kín[1] nguyệt đeo về.

***Thuật hứng*, bài 6**
Chè tiên nước kín bầu in nguyệt. Mai rúng hoa đeo bóng cách song.

***Tự thán*, bài 3**
Phú quý treo sương ngọn cỏ, công danh gửi kiến cành hòe.
Phong lưu mòn mỏi ba đường cúc, ngày tháng tiêu ma một bát chè.

***Tự Thán*, bài 14**
Tuyết đượm chè mai câu dễ động. Đìa[2] in bóng nguyệt hứng thêm dài.

(Lê sơ) LÝ TỬ TẤN (1378-1457)

題抑齋壁 ***Đề thơ lên vách nhà của Ức Trai***
吏散亭前惟草色，客來竹外有茶煙。
公餘退食焚香坐，畫軸張琴樂歲年。

Lại tán, đình tiền duy thảo sắc. Khách lai, trúc ngoại hữu trà yên.
Công dư thoái thực phần hương tọa, họa trục trương cầm lạc tuế niên.

Trước sân, sắc cỏ, quan đi khuất. Ngoài trúc, khói trà, khách đến chơi.
Hết việc đốt hương ngồi lặng lẽ, cây đàn bức họa tháng ngày vui.

1. **Tiên:** đun; **kín**: gánh nước.
2. **Đìa:** *ao.*

(Lê sơ) NGUYỄN THIÊN TÍCH (1400-1470)

茅齋書懷 ***Viết lại nỗi niềm ở Mao Trai***
半簾日影半窗風，一篆凝香萬慮空。
瓦鼎烹茶煙散碧，地爐試火炭生紅。
靜中點識羲圖畫，醉裏神交太極翁。
紙帳梅花閒日月，箇中眞樂有誰同。

Bán liêm nhật ảnh bán song phong, nhất triện ngưng hương vạn lự không.
Ngõa đỉnh phanh trà yên tán bích, địa lô thí hỏa thán sinh hồng.
Tĩnh trung điểm thức Hy đồ họa, túy lý thần giao Thái cực ông.
Chỉ trướng mai hoa nhàn nhật nguyệt, cá trung chân lạc hữu thùy đồng?

Rèm chờm nắng lọt, gió chờm song; sương bủa trên lư mọi niệm không.
Vạc đất đun trà đùn khói biếc, hỏa lò thử lửa rực than hồng.
Lặng yên ngầm hiểu Hy đồ họa, say khướt thần giao Thái cực ông[1].
Trướng giấy hoa mai nhàn tuế nguyệt, niềm vui trong đó có ai cùng?

(Lê sơ) NGUYỄN TRỰC (1417-1474)

詠柴山寺 ***Vịnh chùa Thầy***
地遠飛塵少，山高得月多。
上人留客宿，煨芋又烹茶。

Địa viễn phi trần thiểu, sơn cao đắc nguyệt đa.
Thượng nhân lưu khách túc, ổi vu hựu phanh trà.

Núi cao đầy trăng sáng, đất thẳm ít bụi lòa.
Sư ông lưu giữ khách, khoai nướng lại đun trà.

---

1. **Hy đồ họa:** Hình vẽ bát quái, tương truyền do Phục Hy tạo ra. **Thái cực ông:** Có lẽ chỉ Trương Tái, nhà nho thời Tống, viết cuốn *Thái cực đồ thuyết.*

(Lê sơ) NGUYỄN BẢO (1438-1502)

苦寒 ***Khổ vì rét***
風急雨漫漫，頻催歲暮寒。
熱薪溫夜臥，烹茶供朝餐。
自覺出門懶，卻思行路難。
昨宵灰管動，試向早梅看。

Phong cấp vũ man man, tần thôi tuế mộ hàn.
Nhiệt tân ôn dạ ngọa, phanh trà cúng triêu xan.
Tự giác xuất môn lãn, khước tư hành lộ nan.
Tạc tiêu khôi quản động, thí hướng tảo mai khan.

Mưa giăng gió thổi gấp, giục vội rét về, đông.
Đốt củi khuya yên giấc, pha trà sáng lót lòng.
Lên đường nghĩ cũng khó, ra cửa lười không xong.
Khôi quản[1] đêm qua động, nhành mai sớm thử trông.

(Lê sơ) LÊ THÁNH TÔNG (1442-1497)

Vịnh cảnh mùa hè
Từ thuở chu minh[2] chịu lệnh hè, thừa lương đình viếng[3] sáng bằng the.
Thi nhân khi ấy chi làm bạn, một triện trầm hương một chén chè.

---

1. **Khôi quản**: Dụng cụ xét nghiệm tiết khí thời xưa. Người ta đốt màng mỏng ở trong thân cây lau thành tro (khôi), đổ tro đó vào chiếc ống đã chia sẵn các lỗ (luật quản) cắm thẳng xuống mặt đất. Do tro của màng thân lau rất mịn nhẹ, cho nên khi tiết trời giao nhau sẽ khiến khí đất vẩn tro bay ra. Người xưa dựa vào đó để nghiệm xem sự thay đổi của tiết khí (Tro do khí đất vẩn lên thì hình dạng tán, do người tác động tới thì hình dạng tụ).
2. **Chu minh**: chỉ mùa hè. Sách *Nhĩ Nhã* viết, mùa hè khí màu đỏ và sáng, nên gọi là chu minh.
3. **Thừa lương đình**: đình hóng mát. **Viếng**: tới thăm, tới chơi.

(Lê sơ) VŨ DƯƠNG (1472-?)

奉和御製綠雲洞 ***Vâng lời họa lại bài Lục Vân Động của hoàng đế***
烹茶灶冷蒼苔合，洗耳泉清白石寒。
最愛山僧塵夢少，江邊掃葉夕陽閒。

Phanh trà táo lãnh thương đài hợp, tẩy nhĩ tuyền thanh bạch thạch hàn.
Tối ái sơn tăng trần mộng thiểu, giang biên tảo diệp tịch dương nhàn.

Suối trong, tai gột, se hơi đá, bếp nguội, trà đun, rợp sắc rêu.
Yêu nhất sơn tăng niềm tục ít, bên sông rảnh quét lá buông chiều.

(Mạc) NGUYỄN BỈNH KHIÊM (1491-1585)

偶成其二 ***Ngẫu nhiên thành thơ,* bài 2**
釣具茶甌新活計，山高水色舊知音。
歲寒更約松筠友，肯受嚴霜虐雪侵。

Điếu cụ trà âu tân hoạt kế, sơn cao thủy sắc cựu tri âm.
Tuế hàn cánh ước tùng quân hữu, khẳng thụ nghiêm sương ngược tuyết xâm.

Âu trà, giỏ cá đương nghề mới. Sắc núi, màu sông vẫn bạn xưa.
Trời rét hẹn thông, bầu bạn trúc. Mặc sương buốt đẽo, tuyết dầm cưa.

Thơ Nôm trong *Bạch Vân thi tập*

Nước tuyết om[1] chè dưới bếp, bút hoa điểm sách trên bàn.

Sớm uống chè xuân, hơi ngút ngút[2]. Hôm kề hiên nguyệt, tỏ làu làu.
Vun thông tưới cúc ba thằng trẻ. Đỏ lửa om chè một mụ hầu.[3]

---

1. Chữ Nôm 焰 có thể đọc là *hâm*, cũng có thể đọc là om. Ở đây tôi cho rằng phải phiên đọc là *om. Hâm* là làm nóng lại đồ ăn, còn *om trà* nghĩa là cho lá trà vào nồi đun sôi.
2. Chữ Nôm 吼 ngoài âm *ngọt*, cũng có thể đọc là *ngụt, ngút*. Ở đây tôi cho rằng phải phiên đọc là *ngút*, tả khói trà.
3. Các bài thơ Nôm trong thi tập đều không có tựa đề.

(Lê trung hưng) ĐOÀN THỊ ĐIỂM (1705-1749)

傳奇新譜 ***Truyền kỳ tân phả***
生涯何處數間屋，活計誰家一只船。
隔竹疎籬聞犬吠，烹茶敗壁透廚煙。

Sinh nhai hà xứ sổ gian ốc, hoạt kế thùy gia nhất chích thuyền.
Cách trúc sơ ly văn khuyển phệ, phanh trà bại bích thấu trù yên.

Chốn nao nương ngụ vài gian cỏ, ai kẻ sinh nhai một chiếc thuyền.
Chó sủa giậu thưa ngoài rặng trúc, nấu trà vách nát khói triền miên.

(Lê trung hưng) NGÔ THÌ ỨC (1709-1736)

漁家 ***Nhà chài***
煮茗談今古，浮觴話晉秦。
魚堆盤上雪，茶熟碗中雲。
醉眼迷青樹，狂歌倒白巾。
擧頭山欲暝，攜手路將分。

Chử mính đàm kim cổ, phù thương thoại Tấn Tần.
Ngư đôi bàn thượng tuyết, trà thục oản trung vân.
Túy nhãn mê thanh thụ, cuồng ca đảo bạch cân.
Cử đầu sơn dục mính, huề thủ lộ tương phân.

Nâng chén bàn Tần - Tấn, pha trà chuyện xưa nay.
Trên mâm cá tựa tuyết, trong chén trà như mây.
Mũ trắng văng hát ngạo, cây xanh díu mắt say.
Ngẩng đầu, non sập tối. Đôi ngả, tay cầm tay!

(Lê trung hưng) NGUYỄN HUY OÁNH (1713-1789)

順風穩泛 ***Thuận gió lướt thuyền êm***
一水光涵天上下，孤霞影逐鳥縱橫。
中流煮茗詩懷壯，小勺分湖入客瓶。

Nhất thủy quang hàm thiên thượng hạ, cô hà ảnh trục điểu tung hoành.
Trung lưu chử mính thi hoài tráng, tiểu chước phân hồ nhập khách bình.

Ngậm nắng, nước lồng, trời đảo lộn. Ruổi chim, ráng lẻ, bóng tung hoành.
Pha trà giữa sóng, thơ lai láng. Múc lấy hồ trong rót đổ bình.

(Lê trung hưng) HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG LÊ HỮU TRÁC (1720-1791)

上京記事 ***Thượng kinh ký sự***
座上客嘗滿，盃中茶不空

Tọa thượng khách thường mãn, bôi trung trà bất không.

Khách có lúc kín nhà. Trà chửa từng vơi chén.

想故山其二 ***Nhớ quê nhà,*** **bài 2**
是夕，余獨坐無聊，又想故山，明月當窓，縷縷長情不能自掩。夜深倦睡窓裡，然愁魂傍枕，不肯睡。聞鳥飛鳴，忽然驚醒。一點燈殘，依依在壁。余命隨童抱琴來，轉調久之，揆聽得音韻淒涼而止。又命烹茶來，纔啜數盃，又覺無味而又去庭前散步，強吟一二小律以自慰：

夜坐偏岑寂，雲邊聽雁過。
湖明深得月，樹古強開花。
茶歇詩懷少，琴餘客思多。
憐雞鳴失度，星斗滿閑河。

Dạ tọa thiên sầm tịch, vân biên thính nhạn qua.
Hồ minh thâm đắc nguyệt, thụ cổ cưỡng khai hoa.

Trà yết thi hoài thiểu, cầm dư khách tứ đa.
Liên kê minh thất độ, tinh đẩu mãn quan hà.

Đêm ấy, tôi lặng ngồi bần thần, lại nhớ quê nhà, bên song trăng tỏ, muôn mối u tình không sao ngăn được. Đêm khuya mệt lả bên song, mà hồn sầu trên gối không chịu ngủ. Nghe tiếng chim bay hót, bỗng giật mình tỉnh dậy. Một đốm đèn tàn, soi nguyên trên vách. Tôi sai tiểu đồng ôm đàn cầm đến, lựa khúc điệu hồi lâu, đến khi nghe được âm vận thê lương thì dừng. Lại sai pha trà, mới uống được mấy chén, lại cảm thấy nhạt nhẽo mà bỏ ra trước sân dạo bộ, gượng ngâm một hai bài thơ luật để tự an ủi:

Ngồi khuya càng vắng lặng, nghe nhạn lướt tầng không.
Hồ sáng bừng in nguyệt. Cây xưa gượng trổ bông.
Trà xong, thơ cạn kiệt. Đàn tiếp, tứ mênh mông.
Nháo nhác thương gà gáy. Sao đầy khắp núi sông.

客舍遇雨感懷 ***Cảm xúc nơi quán khách gặp mưa***
狂風驟雨忽然生，客舍蕭蕭萬縷情。
遠樹含烟雲外暗，平湖吹浪水中明。
歸巢暮鳥分群去，何處疎鍾報曉鳴。
不謂苦茶能却睡，應知此夜夢難成。

Cuồng phong sậu vũ hốt nhiên sinh, khách xá tiêu tiêu vạn lũ tình.
Viễn thụ hàm yên vân ngoại ám, bình hồ xuy lãng thủy trung minh.
Quy sào mộ điểu phân quần khứ, hà xứ sơ chung báo hiểu minh.
Bất vị khổ trà năng khước thụy, ưng tri thử dạ mộng nan thành.

Gió xối mưa sa bỗng giật mình; hắt hiu quán khách, xiết bao tình!
Mịt mùng cây khói, tầng mây phủ; cuồn cuộn hồ quang sóng nước dềnh.
Về tổ, chim chiều bay lẻ tẻ; vẳng đâu, chuông sớm điểm thênh thênh.
Nói gì trà đắng xua cơn ngủ, hẳn biết đêm nay mộng khó thành.

春日閒興 ***Hứng nhàn ngày xuân***
桃陰弄影翠生寒，讀罷黃經更倚欄。
鳥識人閒焉敢鬧，花知春淡強開顏。
藥童煮茗眠窗腳，老婦蒸藜盛草盤。
可喜虛名無所住，閉門深睡日三竿。

Đào âm lộng ảnh thúy sinh hàn, độc bãi Hoàng kinh cánh ỷ lan.
Điểu thức nhân nhàn yên cảm náo, hoa tri xuân đạm cưỡng khai nhan.
Dược đồng chử mính miên song cước, lão phụ chưng lê thịnh thảo bàn.
Khả hỷ hư danh vô sở trụ, bế môn thâm thụy nhật tam can.

Bóng đào biếc rủ lạnh hơi may. Đọc dứt y thư, tựa ghế hoài.
Chim biết người nhàn thôi rộn tiếng, hoa vì xuân nhạt gắng tươi mày.
Trẻ đun trà nước nương song ngủ, mụ luộc rau canh sắp đĩa bày.
Danh hão cũng mừng không bén niệm, gần trưa kín cửa giấc còn say.

(Lê trung hưng) NGÔ THÌ SĨ (1726-1780)

秋日村居即事 ***Tức cảnh ở quê mùa thu***
園圃秋深過盡花，白雲閒伴野人家。
疏窗靜几渾無事，數卷唐詩一盞茶。

Viên phố thu thâm quá tận hoa, bạch vân nhàn bạn dã nhân gia.
Sơ song tịnh kỷ hồn vô sự, sổ quyển Đường thi nhất trản trà.

Thu muộn trong vườn rụng hết hoa, ở quê mây trắng vởn quanh nhà.
Song thưa, ghế lặng lòng thanh thản. Mấy quyển Đường thi, một chén trà.

(Lê trung hưng) LÊ QUÝ ĐÔN (1726-1784)

登穿山巖 ***Leo lên động Xuyên Sơn***
白鶴幾秋天外落，玉簫何處月中吹。
老僧不作功名想，詩卷茶甌只自知。

Bạch hạc kỷ thu thiên ngoại lạc, ngọc tiêu hà xứ nguyệt trung xuy.
Lão tăng bất tác công danh tưởng, thi quyển trà âu chỉ tự tri.

Mấy thu hạc trắng chân trời liệng, đâu chốn tiêu vang bóng nguyệt lay.
Sư cụ rũ lòng danh lợi sạch, âu trà quyển sách chỉ mình hay.

(Lê-Nguyễn) NGÔ THÌ NHẬM (1746-1803)

賞蓮亭賦 ***Bài phú đình Thưởng Liên***

擲御前之元寶兮，市沼中之百瓣。
架丈六之橫橋兮，跨長虹於水面。
演歌兒之新曲兮，詠綠泓之清淺。
拾銀蕊與金英兮，走紅塵之追電。
登天府之茶灶兮，召麗華之彩殿。
賞相師之巧栽兮，誇仙娥之善翦。

Trịch ngự tiền chi nguyên bảo hề, thị chiểu trung chi bách biện.
Giá trượng lục chi hoành kiều hề, khóa trường hồng ư thủy diện.
Diễn ca nhi chi tân khúc hề, vịnh lục hoằng chi thanh thiển.
Thập ngân nhị dữ kim anh hề, tẩu hồng trần chi truy điện.
Đăng Thiên phủ chi trà táo hề, triệu lệ hoa chi thái điện.
Thưởng tướng sư chi xảo tài hề, khoa tiên nga chi thiện tiễn.

Trước nơi ngự vung tiền ngay chừ, mua trăm bông trong ao trước[1].
Cầu bắc ngang dài trượng sáu chừ, tựa cầu vồng băng mặt nước[2].
Lệnh ca nhi hát khúc mới chừ, vịnh vẻ thanh nơi duềnh biếc[3].
Thu nhị bạc với tua vàng chừ, chạy về nhanh như chớp được.
Vào bếp trà chốn phủ chúa chừ, vời mỹ nhân lên điện rực[4].
Thưởng tướng sư khéo gieo trồng chừ, khen nàng tiên giỏi cắt tước.

---

1. Nguyên chú: 盛王聞之，命公依方煉，進放白金三十兩賞蓮藥茶 "*Thịnh Vương nghe tin, sai quận công luyện theo phương thuốc ấy dâng lên. Lại ban cho ba mươi lạng vàng trắng, thưởng cho (việc dâng) trà nhị sen*".
2. Nguyên chú: 公架橫橋於水面，看列妾採蓮花 "*Quận công bắc cầu ngang trên mặt nước để xem các nàng thiếp hái hoa sen*".
3. Nguyên chú: 採蓮時侍兒棹扁舟，唱漁歌為樂 "*Lúc hái sen, thị nữ chèo thuyền nhỏ, hát khúc ngư ca làm vui*".
4. Nguyên chú: 公每得蓮藥即走馬上進，盛王即烹茶，召宣妃同賞。宣妃最好蓮藥。公之伯姊入侍輒得賞賜 "*Mỗi lần hái được nhị sen, quận công liền cho ruổi ngựa dâng lên. Thịnh vương lập tức pha trà, triệu Tuyên phi tới cùng thưởng. Tuyên phi thích nhất nhị sen. Người chị, con bác ruột của quận công vào hầu cũng được ban thưởng*".

(Lê-Nguyễn) PHAN HUY ÍCH (1751-1822)

洞海阻風住宿渠河廢寺秋宵即事
Tức cảnh đêm thu trú ngụ ở chùa hoang Cù Hà, do gặp gió to ở Đồng Hới
村墟夜寂潮聲急，寺壁秋涼雨滴多，
寥冷征衣眠未穩，深更呼僕試烹茶。

Thôn khư dạ tịch triều thanh cấp, tự bích thu lương vũ trích đa.
Liêu lãnh chinh y miên vị ổn, thâm canh hô bộc thí phanh trà.

Làng mạc đêm thanh con nước gấp, vách chùa thu lạnh giọt mưa sa.
Đìu hiu đất trọ khôn yên giấc, khuya khoắt kêu nô nổi lửa trà.

(Lê-Nguyễn) PHẠM QUÝ THÍCH (1760-1825)

瓶中殘蓮 ***Sen tàn trong lọ***
彷彿床頭列宿香，離披几上惜殘粧。
暗纏羊駕驚新夢，輕泛茶甌動早涼。
入戶圓蟾分色相，過簾戲蝶避鋒芒。
幾時惹著圖書裏，留得蓮蓬萬古芳。

Phảng phất sàng đầu liệt túc hương, ly phi kỷ thượng tích tàn trang.
Ám triền dương giá[1] kinh tân mộng, khinh phiếm trà âu động tảo lương.
Nhập hộ viên thiềm phân sắc tướng, quá liêm hý điệp tỵ phong mang.
Kỷ thời nhạ trước đồ thư lý, lưu đắc liên bồng vạn cổ phương.

Đầu giường hương thoảng suốt đêm lan. Trên kỷ chạnh thương vẻ rũ tàn.
Giấc mộng đẹp dài bừng thảng thốt. Chén trà sớm lạnh khẽ mơn man.
Song trơ vằng vặc vầng trăng ghé. Rèm ngỏ rập rờn cái bướm len.
Sách vở bao giờ đem ướp quện, ngàn năm phảng phất giữ mùi sen.

---

1. **Dương giá**: tức cỗ xe nhỏ do dê kéo, ngầm chỉ cảnh người đẹp dạo chơi. Điển tích này kể về Vệ Giới người nước Tấn (286-312), dung mạo thanh tú, tuổi thiếu niên khi đi xe dê ra ngoài, khiến bao người trầm trồ vây quanh. Câu thơ này có nghĩa là tác giả vương vấn vẻ đẹp của hoa sen ở trong mơ, rồi bất chợt giật mình tỉnh giấc.

(Lê-Nguyễn) LÊ QUANG ĐỊNH (1760-1813)

午茶興 ***Hứng trà trưa***
午倦不成夢，臨流渥足頻。
解衣驚作主，傾蓋漫逢人。
夏暑若無酷，南風未當仁。
茶甌能瀉悶，呼稚汲江濱。

Ngọ quyện bất thành mộng, lâm lưu ác túc tần.
Giải y kinh tác chủ, khuynh cái mạn phùng nhân.
Hạ thử nhược vô khốc, Nam phong vị đáng nhân.
Trà âu năng tả muộn, hô trĩ cấp giang tân.

Trưa mệt khó vào giấc, thả chân rửa trước dòng.
Lọng nghiêng còn ái ngại, áo cởi luống thẹn thùng.
Nắng hạ mà không gắt, gió Nam chẳng đáng mong.
Âu trà phiền muộn gột, kêu trẻ múc bờ sông.

(Lê-Nguyễn) NGUYỄN DU (1766-1820)

蒼梧竹枝歌其十 ***Bài ca trúc chi đất Thương Ngô, bài 10***
斑竹煙筒尺二長，茶甌浮動雨前香。
一來一往無人問，獨倚船窗正恨郎。

Ban trúc yên đồng xích nhị trường, trà âu phù động vũ tiền hương,
Nhất lai nhất vãng vô nhân vấn, độc ỷ thuyền song chính hận lang.

Ống điếu tre hoa cỡ thước hai, Vũ tiền trà đượm chén thơm hoài,
Lại qua bao kẻ không thăm hỏi, lặng tựa thuyền ai có giận ai?

Truyện Kiều
Khi hương sớm, lúc trà trưa. Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.

(Lê-Nguyễn) PHẠM ĐÌNH HỔ (1768-1839)

玉池即事 ***Tức cảnh ở Ngọc Trì***
早出龍城過珥河，玉池村畔是農家。
丱童折竹烹新菜，了女傾筐薦嫩茶。
赤染園林楓半老，黃添籬落菊初花。
隴頭三五耘苗叟，帶笠歸來日未斜。

Tảo xuất Long thành quá Nhị hà, Ngọc Trì thôn bạn thị nông gia.
Quán đồng chiết trúc phanh tân thái, liễu nữ khuynh khuông tiến nộn trà.
Xích nhiễm viên lâm phong bán lão, hoàng thiêm ly lạc cúc sơ hoa.
Lũng đầu tam ngũ vân miêu tẩu, đới lạp quy lai nhật vị tà.

Sớm giã Thăng Long vượt Nhị hà, Ngọc Trì bên xóm nghiệp nông gia.
Tiểu đồng bẻ trúc đun rau cỏ, thiếu nữ nghiêng giành tặng lá trà.
Đỏ nhuốm vườn cây bàng hóa cỗi, vàng chêm rào giậu cúc đơm hoa.
Ngoài đồng giẫy cỏ dăm ba cụ, đội nón về thôn nắng chửa tà.

懷表弟連禕甫 ***Nhớ em họ Liên Y Phủ***
疏梅發後吟詩否？凍雨來時啜茗無？
Sơ mai phát hậu ngâm thi phủ? Đống vũ lai thời xuyết mính vô?

Lưa thưa mai nở còn ngâm vịnh? Lạnh lẽo mưa giăng có uống trà?

(Lê trung hưng) HỒ XUÂN HƯƠNG

秋風歌 ***Bài ca gió thu***
我有酒兮無對飲，我有琴兮無知音。
不酌酒兮不鳴琴，數杯清茗兮故人心。

Ngã hữu tử hề vô đối ẩm, ngã hữu cầm hề vô tri âm.
Bất chước tửu hề bất minh cầm, sổ bôi thanh mính hề cố nhân tâm.

Ta có rượu chừ ai cùng uống? Ta có đàn chừ ai hiểu giờ?
Chẳng chuốc rượu chừ dứt phím tơ, mấy chén trà thanh chừ lòng người xưa.

(Nguyễn) HOÀNG ĐẾ MINH MỆNH (1791-1841)

詠南茶 ***Vịnh Nam trà***
青鳳髓將與比優，玉蟬膏亦可同流。
蟹睛細沫加心看，魚眼粗泡側耳求。
遠勝龍團肌氣爽，堪逾雀舌腋風浮。
鵝黃舊釅難消悶，烏嘴新芽稍解愁。

Thanh Phượng Tủy tương dữ tỷ ưu, Ngọc Thiền Cao diệc khả đồng lưu.
Giải tinh tế mạt gia tâm khán, ngư nhãn thô bào trắc nhĩ cầu.
Viễn thắng Long đoàn cơ khí sảng, kham du Tước Thiệt dịch phong phầu.
Nga Hoàng cựu sí nan tiêu muộn, Ô Chủy tân nha sảo giải sầu.

Phượng Tủy đem so thảy hạng ưu, Ngọc Thiền Cao cũng đáng giao lưu,
Tăm cua hạt nhỏ nhìn cho kỹ, mắt cá bọt to dõi thật lâu.
Vượt hẳn Long đoàn người sảng khoái, hơn xa Tước Thiệt gió phiêu du[1]
Nga Hoàng rượu cũ nguyên phiền muộn, Ô Chủy[2] *búp non khá giải sầu.*

寒天瀹茗 ***Trời rét pha trà***
寒天默坐倚東軒，徐把詩書自討論。
活火清泉瀹佳茗，何須彈指倒芳樽。

Hàn thiên mặc tọa ỷ Đông hiên, từ bả thi thư tự thảo luân.
Hoạt hỏa thanh tuyền thược giai mính, hà tu đàn chỉ đảo phương tôn.

Trời rét lặng ngồi dưới chái Đông. Thi thư nghiền ngẫm tự ung dung.
Suối trong lửa rực pha trà tuyệt. Khỏi phải hăng say chuốc rượu nồng.

偶詠 ***Ngẫu nhiên ngâm vịnh***
溶溶冬月射光寒，湛露繁霜蔽遠巒。
瀹茗觀書聊解悶，不須花下倚欄干。

---

1. **Gió phiêu du**: nguyên văn là "dịch phong phù" (gió bên nách nổi lên), lấy ý từ *Thất oản trà ca* của Lư Đồng.
2. Nguyên chú: *Phượng Tủy, Ngọc Thiền Cao, Long Đoàn, Tước Thiệt, Ô Chủy đều là tên trà. Nga Hoàng là tên rượu.*

Dung dung Đông nguyệt xạ quang hàn, trạm lộ phồn sương tế viễn loan.
Thược mính quan thư liêu giải muộn, bất tu hoa hạ ỷ lan can.

Vằng vặc trăng Đông ánh lạnh ngà. Sương mù dày đặc phủ non xa.
Pha trà, đọc sách, tiêu sầu tạm; khỏi dựa lan can ghé dưới hoa.

(Nguyễn) NGÔ THÌ LỮ

憶舊遊呈親叔玄齋公 ***Nhớ cuộc chơi xưa trình thơ lên chú Huyền Trai***
竹院談經當桂魄，水亭煮茗惹蓮香。

Trúc viện đàm kinh đương quế phách, thủy đình trử mính nhạ liên hương.

Viện trúc kinh bàn đương bóng nguyệt, lầu sông trà rót quện hương sen.

(Nguyễn) TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ (1793-1865)

寄河内阮方伯 ***Gửi Nguyễn Phương Bá ở Hà Nội***
秋來夜向徂，獨坐擁香爐，
細學煎茶法，閒描採菊圖。
鐘聲燈下永，花影月中孤，
寄語雲邊雁，湖西憶我無。

Thu lai dạ hướng tồ, độc tọa ủng hương lô,
Tế học tiên trà pháp, nhàn miêu thái cúc đồ.
Chung thanh đăng hạ vĩnh, hoa ảnh nguyệt trung cô.
Ký ngữ vân biên nhạn, hồ Tây ức ngã vô?

Thu về đêm lặng lẽ trôi qua, ngồi ủ lò hương một góc nhà
Dưới đèn chuông điểm dư âm vọng, bên giậu trăng in lẻ bóng hoa
Nhắn nhủ ven mây lời gửi nhạn, Tây hồ liệu có nhớ nhung ta?

(Nguyễn) NGUYỄN VĂN SIÊU (1799-1872)

夏日曉起 ***Ngày hè dậy sớm***
曉起窺園園氣融，芭蕉昨夜雨聲中。
相催隔戶群幽鳥，獨立溫書一小童。
宵枕近知無夢穩，早茶久愛與香通。
微涼此外猶相遣，且過疎籬護竹叢。

Hiểu khởi khuy viên, viên khí dung; ba tiêu tạc dạ vũ thanh trung.
Tương thôi cách hộ quần u điểu, độc lập ôn thư nhất tiểu đồng.
Tiêu chẩm cận tri vô mộng ổn; tảo trà cửu ái dữ hương thông.
Vi lương thử ngoại do tương khiển, thả quá sơ ly hộ trúc tùng.

Tàu tiêu đêm vẳng tiếng mưa rơi. Sớm dậy nhòm vườn, khí tốt tươi.
Ríu rít chim bầy kêu cách vách; quạnh hiu trẻ nhỏ đứng ôn bài.
Gối khuya thấy dạo không mơ mộng. Trà sớm ưa hoài đã bện hơi.
Ngoài vẻ sắt se, còn hứng thú; rào thưa, trúc khóm, ghé qua chơi!

夜永讀書偃臥南軒啜茗偶成 ***Đêm khuya đọc sách nằm khểnh ở hiên phía Nam uống trà, ngẫu nhiên thành bài thơ***
數碗清香一小童，殘書理罷臥南風。
滿園桂月紛紛白，夾壁榴花隱隱紅。
獨立每驚成褊狹，端居正恐落虛空。
自從真樂無人識，寥寂多為避俗翁。

Sổ oản thanh hương, nhất tiểu đồng. Tàn thư lý bãi ngọa Nam phong.
Mãn viên quế nguyệt phân phân bạch, giáp bích lựu hoa ẩn ẩn hồng.
Độc lập mỗi kinh thành biển hiệp, đoan cư chính khủng lạc hư không.
Tự tòng chân lạc vô nhân thức, liêu tịch đa vi tị tục ông.

Mấy chén thơm trong, một tiểu đồng. Gió Nam, nằm khểnh, sách làm xong.
Đầy vườn trắng quế trăng bàng bạc. Sát vách đỏ hoa lựu bập bùng.
Những sợ thẳng ngay, hư hão cả. Chỉ e cô độc, hẹp hòi không?
Từ khi nhận thấy niềm vui thực. Lánh tục, im lìm, có một ông.

曉坐 ***Ngồi buổi sáng***
曉坐對茶甌，空心懶應接。
溪鳥聲復聲，晴雲布亂蝶。

Hiểu tọa đối trà âu, không tâm lãn ứng tiếp.
Khê điểu thanh phục thanh, tình vân bố loạn điệp.

Sớm ngồi bên chén trà, trống rỗng lười tiếp chuyện
Chốc chốc chim suối kêu, mây quang bướm bay loạn.

苦熱避南軒偶成 ***Nóng bức, lánh ra hiên phía Nam, ngẫu nhiên thành thơ***
一山松意踈簾外，半沼荷香淡茗中。
却憶小亭方石坐，四邊流水帶花叢。

Nhất sơn tùng ý sơ liêm ngoại, bán chiểu hà hương đạm mính trung.
Khước ức tiểu đình phương thạch tọa, tứ biên lưu thủy đới hoa tùng.

Xa vợi rèm thưa, sắc núi thông. Nửa ao sen thoảng chén trà trong.
Tiểu đình nhớ mãi ngồi trên đá. Mấy khóm hoa quanh, nước chảy vòng.

早秋逢雨 ***Chớm thu gặp mưa***
獨把茶甌鎮寂寥，涼風吹雨過山腰。
不知此外香江水，漲得秋來第幾橋。

Độc bả trà âu trấn tịch liêu. Lương phong xúy vũ quá sơn yêu.
Bất tri thử ngoại Hương giang thủy, trướng đắc thu lai đệ kỷ kiều?

Nắm lấy âu trà đỡ tịch liêu. Sườn non gió lạnh kéo mưa theo.
Sông Hương ngoài ấy, giờ sao nhỉ. Mấy chiếc cầu thu ngập thủy triều?

(Nguyễn) VŨ TÔNG PHAN (1800-1851)

學舍曉起即事 ***Tức cảnh dậy sớm ở học xá***
啜罷煙筒天似轉，吟殘詩句夢初醒。
起來淡酌三杯茗，索蹻齋前接學生。

Xuyết bãi yên đồng thiên tự chuyển, ngâm tàn thi cú mộng sơ tỉnh.
Khởi lai đạm chước tam bôi mính, sách kiểu trai tiền tiếp học sinh.

Rít điếu thuốc lào trời lảo đảo, ngâm câu thơ dứt hết nằm co.
Nhắp nhanh trà nhạt dăm ba chén, rảo tới thư trai đón học trò.

(Nguyễn) CAO BÁ QUÁT (1809-1855)

題友人書屋 ***Đề thơ ở thư phòng của người bạn***
衣食功名誰復閒，出門便作萬重山，
幽居好事君知否，曉把茶甌一笑看。

Y thực công danh thùy phục nhàn, xuất môn tiện tác vạn trùng san,
U cư hảo sự quân tri phủ, hiểu bả trà âu nhất tiếu khan.

Cơm áo công danh lại thảnh thơi, trùng trùng núi thẳm sẵn hiên ngoài,
Ẩn cư việc thú người chăng tỏ? Sớm nắm âu trà, mỉm miệng cười.

題德溪子幽居 次阮循甫進士韻
Đề thơ nơi ở vắng lặng của Đức Khê Tử, họa vần tiến sĩ Nguyễn Tuân Phủ
疏篁臨曲徑，紅葉遶幽居。
斜日顏常駐，春風興未除。
桂花香受茗，蕉葉綠翻書。
我欲攜摩詰，君看畫不如。

Sơ hoàng lâm khúc kính, hồng diệp nhiễu u cư.
Tà nhật nhan thường trú, xuân phong hứng vị trừ.
Quế hoa hương thụ mính, tiêu diệp lục phiên thư.
Ngã dục huề Ma Cật, quân khan họa bất như.

Lá đỏ quanh nhà vắng, tre thưa trước lối vào.
Níu xuân hứng gió nhẹ; soi mặt nắng trời chiều
Trà quện hương hoa mộc, sách xanh biếc tàu tiêu,
Muốn mượn tay Ma Cật[1]. Ngài nom, chẳng giống sao?

同范叔明遊萬安遂登南曹山寺
Cùng Phạm Thúc Minh rong chơi Vạn An rồi leo lên chùa núi Nam Tào
閒呼僧火烹新茗，坐愛江煙落曉松。
便擬歸休訪樵隱，一枝笻竹樂緣空。

Nhàn hô tăng hỏa phanh tân mính, tọa ái giang yên lạc hiểu tùng.
Tiện nghĩ quy hưu phỏng Tiều Ẩn, nhất chi cung trúc lạc duyên không.

Trà mới, gọi sư xin lửa sớm, bởi yêu khói nước quện ngàn thông.
Những mong về nghỉ thăm Tiều Ẩn[2], gậy trúc vui cùng lẽ sắc không.

味茗小偈同潘生夜坐 ***Tiểu kệ phẩm trà, ngồi khuya cùng Phan sinh***
潘生好取茗莽納菡萏中，經宿儲飲，喜有涼馥
Phan sinh thích đem trà đưa vào trong hoa sen, để qua đêm, cất trữ đem uống, vui thích vì có hương thơm mát.

選友莫取氣，取氣迷其仁。
味茗莫托花，托花離其真。
曉井汲清泉，細炭理新火。
無煙與塵氣，釅手一笑可。
茹香貴清真，不用外鑠我。
無以一握慳，放爾鼻觀假。
炫服非壯顏，繁音變大雅。
試留一轉語，自在証現果。

Tuyển hữu mạc thủ khí, thủ khí mê kỳ nhân.
Vị mính mạc thác hoa, thác hoa ly kỳ chân.

---

1. Ma Cật ở đây chỉ Vương Duy (tự là Ma Cật), là nhà thơ, họa sĩ, thư pháp gia, chính trị gia nổi tiếng thời Đường. Ông tinh thông Phật học Thiền tông, đương thời gọi là Thi Phật (phật thơ).
2. Tên hiệu của Chu Văn An.

Hiểu tỉnh cấp thanh tuyền, tế thán lý tân hỏa.
Vô yên dữ trần khí, hối thủ nhất tiếu khả.
Nhự hương quý thanh chân, bất dụng ngoại thước ngã.
Vô dĩ nhất ác khan, phóng nhĩ tị quan giả.
Huyễn phục phi tráng nhan, phồn âm biến đại nhã.
Thí lưu nhất chuyển ngữ, tự tại chứng hiện quả.

Chọn bạn chớ lựa mặt, lựa mặt lỡ lòng nhân
Uống trà chớ ướp hoa, ướp hoa mất vị chân.
Sớm múc nước giếng trong, than mịn đem gầy lửa
Chẳng khói lẫn bụi trần, cười thoáng sạch tay rửa
Thưởng hương cốt thật thanh, khỏi vị ngoài trộn nữa
Đừng vì chút hiếm hoi, dối lừa mắt mũi tớ.
Mặt đẹp sá áo hoa; nhạc nhã, ồn khó chữa.
Thử lưu lời kệ này, tự chứng nhân quả nhớ!

同潘生月下飲茗 ***Cùng Phan sinh dưới trăng uống trà***
隙風如扇月如杯，無那煩襟撥不開
試劈荷花取新茗，與君共汲冷泉來。

Khích phong như phiến nguyệt như bôi, vô ná phiền khâm bát bất khai.
Thí phách hà hoa thủ tân mính, dữ quân cộng cấp lãnh tuyền lai.

Trăng ngỡ chén vàng, gió quạt khe; lòng phiền xua mãi vẫn tái tê,
Búp sen thử tẽ thu trà mới, cùng bạn gánh đem suối lạnh về.

夜話縱筆同潘衡甫 ***Chuyện đêm khuya, vung bút cùng Phan Hành Phủ***
煮茗剩看三昧手，談詩真到一乘禪。

Chử mính thặng khan tam muội thủ, đàm thi chân đáo nhất thừa Thiền.

Trà pha phải dõi tay tam muội[1], thơ luận mới lên đạo thượng thừa.

1. Xin xem "Thiền trà một vị."

山上小歇 ***Tạm nghỉ trên núi***
山巔理茶灶，茶佳人亦閒
好風吹不盡，啼鳥滿山間。

Sơn điên lý trà táo, trà giai nhân diệc nhàn,
Hảo phong xuy bất tận, đề điểu mãn sơn gian.

Gầy bếp trà trên đỉnh, trà ngon người cũng nhàn.
Gió lành thổi bất tận, chim hót khắp non ngàn.

曉起題詩其二 ***Dậy sớm đề thơ,*** **bài 2**
東風吹曉過寒篽，茶灶烟媒獨坐時
吟句欲成還忘却，一簾疎雨看茶縻。

Đông phong xuy hiểu quá hàn ly, trà táo yên môi độc tọa thì.
Ngâm cú dục thành hoàn vong khước, nhất liêm sơ vũ khán đồ mi.

Ban mai giậu lạnh gió xuân đi. Ngồi cạnh bếp trà, khói rỉ ri.
Ngỡ trọn vần thơ, quên ráo cả. Một rèm mưa bụi ngắm đồ mi.

酬范溫甫 ***Đáp lại Phạm Ôn Phủ***[1]
焚香掃地夜悄悄，屋角為我回微風。
呼兒將出理新茗，蟹眼煎月波波紅。

Phần hương tảo địa dạ tiễu tiễu, ốc giác vị ngã hồi vi phong.
Hô nhi tương xuất lý tân mính, giải nhãn tiên nguyệt ba ba hồng.

Đêm thanh quét đất, thắp hương lư. Phòng khuất vì ta gió nhẹ lùa.
Trà mới bảo con ra sắp bếp. Đun trăng sóng đỏ sủi tăm cua.

和慎思將歸故宅二首其二 ***Họa Thận Tư sắp về nhà cũ,*** **bài 2**
茶來閒日憑軒久，詩入寒宵擁膝長。
紅紫及辰爭鬥艷，誰知蘭室有孤芳。

---

1. Nguyên chú: 時攜茶灶臨軒自酌自詠 *Bấy giờ mang bếp trà ra trước hiên, tự pha rót tự ngâm vịnh.*

Trà lai nhàn nhật bằng hiên cửu, thi nhập hàn tiêu ủng tất trường
Hồng tử cập thời tranh đấu diễm, thùy tri lan thất hữu cô phương.

Ngày nhàn trà tới ngồi hiên mãi, đêm lạnh thơ về bó gối hoài.
Đúng lúc ngàn hoa tranh sắc đẹp. Buồng lan thơm quạnh, biết chăng ai.

(Nguyễn) TRẦN ĐÌNH TÚC (1818-1899)

不寐 ***Không ngủ***
獨坐沉吟還剪燭，深更解悶又烹茶。
會知動止誰能料，歎息人生似蟻磨。

Độc tọa trầm ngâm hoàn tiễn chúc, thâm canh giải muộn hựu phanh trà.
Hội tri động chỉ thùy năng liệu, thán tức nhân sinh tự nghĩ ma.

Cắt bấc ngồi ngây dạ bứt vò, pha trà canh muộn rũ buồn lo.
Biết đâu toan tính làm hay nghỉ? Than thở nhân sinh tựa kiến bò.

(Nguyễn) TÙNG THIỆN VƯƠNG NGUYỄN PHÚC MIÊN THẨM (1819-1870)

遊國恩寺 ***Vãn chùa Quốc Ân***
信步空山外，招提偶一臨。
寒崖春草淺，幽徑落花深。
塔勢侵雲影，鐘聲鬧夕陰。
禪窗清晝坐，品茗瀉煩襟。

Tín bộ không sơn ngoại, chiêu đề ngẫu nhất lâm.
Hàn nhai xuân thảo thiển, u kính lạc hoa thâm.
Tháp thế xâm vân ảnh, chung thanh náo tịch âm.
Thiền song thanh trú tọa, phẩm mính tả phiền khâm.

Dạo bước ngoài non hẻo, cửa chùa chợt tới nơi.
Vách se cỏ lún phún, lối vắng hoa bời bời.
Dáng tháp chờm mây bóng, tiếng chuông rộn xế trời.
Song thiền ngồi cả buổi, trà gột muộn phiền vơi.

禪房同端上人飲茗作 ***Trong thiền phòng uống trà cùng Đoan thượng nhân***
山房亭午春陰薄，林風不動閒花落。
石爐活火沸松濤，白甎瓷甌淨如削。
深深禪榻閱楞伽，一縷香煙拂幔斜。
安得淮南西壁句，為師同煮趙州茶。

Sơn phòng đình ngọ xuân âm bạc, lâm phong bất động nhàn hoa lạc.
Thạch lô hoạt hỏa phí tùng đào, bạch trụy từ âu tịnh như tước.
Thâm thâm thiền tháp duyệt Lăng Già, nhất lũ hương yên phất mạn tà.
An đắc Hoài Nam Tây bích cú, vị sư đồng chử Triệu Châu trà.

Giữa trưa buồng núi màu xuân mỏng, rừng lặng gió yên hoa tự rụng.
Chén sứ vò men sạch tinh tươm, lửa bùng lò đá sôi trào sóng.
Chõng thiền sâu hút đọc Lăng Già, một sợi khói thơm lướt bức là.
Câu vách Tây chùa mà có được, cùng sư đun uống Triệu Châu trà[1].

雨憩祥雲寺茗飲，憶鏡闍黎，辰示寂三年矣，感賦一絕
Mưa, trú ở chùa Tường Vân uống trà, nhớ cao tăng Kính*[2], *bấy giờ viên tịch đã ba năm, cảm động làm bài thơ tứ tuyệt

---

1. Nguyên chú: 第七語見桂苑叢談，第八語見五燈會元 *Câu thứ bảy xem trong sách* Quế uyển tùng đàm, *câu thứ tám xem trong sách* Ngũ đăng hội nguyên. Hai câu thơ cuối có nghĩa rằng: Giá như có được loại nước suối ngon nhất thiên hạ, ắt sẽ cùng sư Đoan thưởng thức trà thiền. Trong sách *Quế uyển tùng đàm* của Phùng Dực Tử thời Đường có câu chuyện *Lời đề trong chùa Đại Minh* kể rằng Thái bảo Lệnh Hồ Đào đi chơi chùa Đại Minh ở Hoài Nam, đi qua hành lang phía Tây chùa, thấy trên vách đề mấy dòng chữ: 一人堂堂。二曜重光。泉深尺一。點去氷旁。二人相連。不欠一邊。三梁四柱烈火燃。添却雙勾兩日全。(Một người đường đường. Hai vầng tỏa sáng. Suối sâu thước một. Chấm bỏ bên băng. Hai người liền nhau. Bất thiếu một bên. Ba rường bốn cột lửa bùng bùng. Thêm đôi móc câu hai mặt trời). Đây là câu đố chữ, hợp lại là 大明寺水天下無比 Đại Minh tự thủy, thiên hạ vô tỷ (nước của chùa Đại Minh, thiên hạ không so được). Điển tích trà Triệu Châu, xin xem *Thiền trà một vị*.
2. Tức sư Tính Khoát Huệ Kính 性闊慧鏡 (1798-1869), còn gọi là sư Huệ Cảnh, tổ sáng lập chùa Tường Vân, là người bạn tâm đắc của Tùng Thiện vương. Nguyên chú: 昔過此，天甚寒。師方坐禪，牀煨榾柮。侍者樵未還。獨起為設茗飲 *Trước qua đây, trời rất rét. Sư vừa mới ngồi thiền. Giường lùi củi đốt. Thị giả đánh củi chưa về. Sư một mình dậy pha trà cho.*

迢迢蔥嶺別三年，方丈重來花雨天。
茗飲忽思前日事，一杯回施阿師前。

Điều điều thông lĩnh biệt tam niên, phương trượng trùng lai hoa vũ thiên.
Mính ẩm hốt tư tiền nhật sự, nhất bôi hồi thí a sư tiền.

Ba năm biền biệt giã non xưa. Chùa cũ về thăm, hoa đẫm mưa.
Bất chợt uống trà liền chạnh tưởng, tưới mời một chén trước nhà sư.

幾暇園侍宴恭紀六首其五 ***Cung kính ghi chép việc dự yến tại vườn Cơ Hạ***
瀛洲山水得徘徊，繡闥珠窗四面開。
遊宴疊蒙殊錫重，歸鞍猶帶御茶來。

Doanh Châu sơn thủy đắc bồi hồi, tú thát chu song tứ diện khai.
Du yến điệp mông thù tích trọng, quy yên do đới ngự trà lai.

Doanh Châu phong cảnh sững người mê, cửa gấm song son ngỏ bốn bề.
Dự yến đội ơn ban thưởng hậu, trên yên còn dắt ngự trà về.

子裕弟惠茶 ***Em Tử Dụ[1] tặng trà***
鴉山之茶乃絕品，不數天柱並石廩。
栗園持贈苦吟人，芍藥花前對春飲。
紅爐碳熾活火烹，蟹眼已過松風鳴。
渴羌自有甘草癖，入唇便覺肌骨清。
腦中古文五千卷，歲久消磨忘識面。
憑君數碗麴塵香，一一分明宛如見。
九難六羨世不聞，玉鉼金碾徒紛紛。
神農徂落陸羽死，茗戰只合同使君。

Nha Sơn chi trà nãi tuyệt phẩm, bất sổ thiên trụ tịnh thạch lẫm.
Lật Viên trì tặng khổ ngâm nhân, thược dược hoa tiền đối xuân ẩm.
Hồng lô thán xí hoạt hỏa phanh, giải nhãn dĩ quá tùng phong minh.

---

1. Nguyễn Phước Miên Khoan 綿寬 (1826-1863), tự là Tử Dụ 子裕, hiệu là Lật Viên 栗園, tước Lạc Biên quận công 樂邊郡公, là con trai thứ 33 của vua Minh Mạng.

Khát khương tự hữu cam thảo tích, nhập thần tiện giác cơ cốt thanh.
Hung trung cổ văn ngũ thiên quyển, tuế cửu tiêu ma bất thức diện.
Bằng quân sổ oản cúc trần hương, nhất nhất phân minh uyển như kiến.
Cửu nan Lục tiện thế bất văn, ngọc bình kim niễn đồ phân phân.
Thần Nông tồ lạc Lục Vũ tử, mính chiến chỉ hợp đồng sứ quân.

Trà ở Nha Sơn là tuyệt phẩm, không tính Thiên Trụ với Thạch Lẫm[1].
Lật Viên đem tặng kẻ ngâm thơ, thược dược hoa xuân cùng đối ẩm.
Lò rực than hồng ngọn lửa đun, mắt cua đã chuyển gió thông dồn.
Nghiền trà tính lại ưa cam thảo[2], *nhấp môi thoáng thấy nhẹ người hơn.*
Bụng chứa cổ văn năm ngàn cuốn, ngày tháng trôi qua không nhớ trọn.
Nhờ chàng mấy chén nước trà thơm, từng quyển rành rành như nghênh đón[3].
Lục tiện, Cửu nan[4] *đã lỗi thời, bình ngọc nghiền vàng trông rối bời.*
Thần Nông khuất bóng Lục Vũ chết, trận trà chỉ hợp cùng người thôi.

謝明靜兄惠茶 ***Cảm ơn anh Minh Tĩnh***[5] ***tặng trà***
箬篷蘆雨晝愔愔，自瀹新泉擁鼻吟。
好寄月團三百片，幾分清苦助詩音。

Nhược bồng lô vũ trú âm âm, tự thược tân tuyền ủng tị ngâm[6].
Hảo ký Nguyệt đoàn tam bách phiến, kỷ phân thanh khổ trợ thi âm.

---

1. Nha Sơn ở An Huy, từ thời Đường đã là nơi sản trà nổi tiếng. Hành Sơn ở Hồ Nam, gồm năm ngọn núi chính, trong đó có Thiên Trụ và Thạch Lẫm. Ngọn Thạch Lẫm cũng sản trà từ thời Đường.
2. Nguyên chú: 陸嗜茶，人稱其有甘草癖 *Lục Vũ thích trà, người đời bảo ông ta ghiền vị cam thảo.*
3. Lấy ý từ câu thơ "*Ba bát gột ruột khô, chỉ còn chữ nghĩa năm ngàn cuốn*" trong bài *Thất oản trà ca* của Lư Đồng.
4. Nguyên chú:九難見茶經。又陸羽有六羨之歌 *Cửu nan xem trong Trà kinh. Lục Vũ còn có bài ca Lục tiện.* Ở đây cần nói rõ thêm, trong *Trà kinh*, Lục Vũ đưa ra chín quy trình từ hái trà tới thưởng thức trà, cho rằng đều là những việc không dễ dàng, gọi là Cửu nan "*thứ nhất là chế tác, thứ nhì là giám biệt, thứ ba là trà cụ, thứ tư là lửa, thứ năm là nước, thứ sáu là hong, thứ bảy là giã vụn, thứ tám là đun, thứ chín là uống*". Lục Vũ lại có bài ca Lục tiện, nói lên sáu điều bản thân ưa lẫn không ưa: "*Chẳng ưa vò rượu vàng, chẳng ưa chén ngọc sang, chẳng ưa sớm vào sảnh, chẳng ưa chiều thăng đàng, trăm dấu ngàn yêu nước Tây Giang, từ xưa chảy xuống thành Kim Lăng.*"
5. Nguyễn Phúc Miên Định 綿定 (1808-1885), tự là Minh Tĩnh 明靜, tước Thọ Xuân vương 壽春王, là con trai thứ ba của vua Minh Mạng.
6. Tạ An (320-385), tể tướng thời Đông Tấn từ nhỏ bị viêm mũi, khi ngâm thơ, âm mũi hơi nặng. Nhiều kẻ sĩ mô phỏng giọng ngâm thơ của ông, thường lấy tay bịt mũi mà ngâm. Cách làm đó gọi là *Ủng tị ngâm*. Ở đây, Tùng Thiện vương có lẽ ngầm chỉ giọng ngâm thơ mang nhiều giọng mũi.

Rầu rĩ mui tre, sậy đổ mưa. Tự pha suối mới tiếng ngâm trơ.
Nguyệt đoàn gửi tặng ba trăm bánh[1], đắng dịu đôi phần giúp giọng thơ.

友人送筆，答一絕句且回寄，願以茶換
Bạn tặng cây bút, trả lời bằng một bài tuyệt cú gửi lại, mong đổi lấy trà
摩詰熏禪久，輸君大作家。
意塵嫌未靜，須待覺悟茶。

Ma Cật huân thiền cửu, thu quân đại tác gia.
Ý trần hiềm vị tĩnh, tu đãi giác lâm trà.

Thiền ngấm lâu Ma Cật, trước tác kém ngài xa,
Lòng trần hiềm chửa lắng, phải đợi giác ngộ trà.

啜烏龍茶感憶先少師阮文正公
Uống trà Ô Long chạnh nhớ thiếu sư Nguyễn Văn Chính quá cố[2]
故人遠餉釵頭茗，局腳繩床睡初醒。
簷際梅花放一枝，石邊恰好安茶鼎。
當年絳帳坐春風，幾度親開香篛封。
惆悵老坡仙去久，不堪説道密雲龍。

Cố nhân viễn hướng Thoa đầu mính, cục cước thằng sàng thụy sơ tỉnh.
Thiềm tế mai hoa phóng nhất chi, thạch biên kháp hảo an trà đỉnh.
Đương niên giáng trướng tọa xuân phong, kỷ độ thân khai hương nhược phong.
Trù trướng lão Pha tiên khứ cửu, bất kham thuyết đạo Mật Vân Long.

Bạn xa gửi tặng trà ngon lạ, nằm ghế giấc hồ chân hẵng gá.
Mái trổ hoa mai điểm một nhành, vạc trà vừa đặt kề bên đá.

---

1. Lấy ý từ câu thơ "*Tay duyệt Nguyệt đoàn ba trăm bánh*" trong bài *Thất oản trà ca* của Lư Đồng.
2. Nguyên chú: 先少師每得人餉此茶必待余及葦野芸亭至，親開封瀹茗飲之。與蘇門四學士廖正一輩亦復相似
Thiếu sư trước kia mỗi khi được người ta tặng trà này, ắt đợi ta và Vĩ Dã (tức Tuy Lý vương Miên Trinh), Vân Đình (tức Quảng Ninh quận vương Miên Mật) tới, mới tự tay mở gói trà pha uống, cũng giống như hội Liêu Chính Nhất, bốn học sĩ nhà họ Tô (Tô Đông Pha) vậy.

Xưa ngồi trướng đỏ gió xuân lồng, mấy bận mở mo hương thoảng nồng.
Chạnh tưởng cụ Pha đà khuất bóng, chẳng cùng bình phẩm Mật Vân Long[1].

題煮茶圖次韻 ***Họa bài Đề thơ tranh đun trà***
桃花流水隔紅塵，縹碗香浮小峴春。
身是三生玉川子，不妨添個白毫人。

Đào hoa lưu thủy cách hồng trần, phiếu oản hương phù Tiểu Hiện Xuân.
Thân thị tam sinh Ngọc Xuyên Tử, bất phương thiêm cá Bạch Hào nhân.

Đời tục cách xa chốn suối đào. Lục An hương thoảng chén thanh tao.
Ngọc Xuyên[2] *ba kiếp là ta đó, nay lại có thêm một Bạch Hào*[3].

茶興 ***Hứng trà***
詩心如水湛清漣，七碗深宵興尚顛。
睡癖湖州狂太守，輸君容易作茶仙。

Thi tâm như thủy trạm thanh liên, thất oản thâm tiêu hứng thượng điên.
Thụy tích Hồ Châu cuồng thái thú, thu quân dung dị tác trà tiên.

Lòng thơ trong trẻo gối triền miên. Bảy bát đêm khuya hứng vẫn bền.
Thái thú Hồ Châu rồ, nghiện ngủ[4]*. Thua ông thật dễ hóa trà tiên.*

看茶 ***Xem trà***
少日從人誚渴羌，老來此癖更難忘。
可憐所見無佳者，不是初心學蔡襄。

Thiếu nhật tòng nhân tiếu khát khương, lão lai thử tích cánh nan vương.
Khả liên sở kiến vô giai giả, bất thị sơ tâm học Sái Tương.

---

1. Tô Đông Pha sinh thời rất chuộng trà Mật Vân Long, loại cống trà xuất ở núi Vũ Di, thời Tống.
2. Ngọc Xuyên Tử là tên hiệu của Lư Đồng (795?-835).
3. Nguyên chú: 小峴春茶名，白毫亦茶名，余眉間有白毫，故戲云。"*Tiểu Hiện Xuân là tên trà. Bạch Hào cũng là tên trà. Giữa lông mày của ta có sợi bạc (bạch hào), cho nên viết đùa như vậy.*" Ở đây cần nói rõ thêm, Tiểu Hiện Xuân tức trà Lục An, danh trà thời Minh Thanh, xuất ở huyện Lục An tỉnh An Huy, Trung Quốc.
4. Tức Tô Đông Pha, năm 1079 được điều chuyển làm thái thú Hồ Châu.

Tuổi trẻ a dua giễu kẻ ghiền. Ghiền rồi, già cả khó mà quên.
Khổ thân chẳng thấy đâu giai phẩm. Chẳng học Sái Tương[1] đã chẳng phiền.

品茗 ***Thưởng trà***
推枕南窗午夢遙，平章茶事鎮無聊。
六漿信美非吾飲，百卉雖香故自超。
真覺清寒宜士類，宛然風味在僧寮。
論功更不殊歡伯，也把胸中壘塊澆。

Thôi chẩm Nam song ngọ mộng diêu, Bình Chương trà sự trấn vô liêu.
Lục tương tín mỹ phi ngô ẩm, bách hủy tuy hương cố tự siêu.
Chân giác thanh hàn nghi sĩ loại, uyển nhiên phong vị tại tăng liêu.
Luận công cánh bất thù Hoan bá, dã bả hung trung lũy khối kiêu.

Xê gối song Nam ngả giấc trưa, chuyện trà bình phẩm khỏi ngồi trơ
Sáu dòng rượu nhạt không ưa uống[2], trăm áng hoa thơm vẫn lụi mờ
Thanh lạnh cảm quan cùng kẻ sĩ, mỏng manh hương vị hợp nhà sư.
Luận công chẳng kém men say lắm, phiền muộn ngổn ngang thảy gột trừ.

不寐絕句 ***Tuyệt cú mất ngủ***
淡茗殘香夜四更，衰年見事易關情。
燈花豆大照無寐，臥聽蝤蠐食木聲。

Đạm mính tàn hương dạ tứ canh, suy niên kiến sự dị quan tình.
Đăng hoa đậu đại chiếu vô mị, ngọa thính tu tề thực mộc thanh.

Canh tư trà nhạt, lụi hương trầm. Việc vận già nua dễ bận tâm.
Đèn đậu chong chong người mất ngủ. Vẳng nghe mọt nhấm suốt đêm nằm.

---

1. Sái Tương (1012-1067), viết *Trà lục*, chuyên luận quan trọng về trà thời Tống.
2. (Đường) Bì Nhật Hưu trong *Trà trung tạp vịnh tự* cho biết: *Theo Chu lễ, chức quan Tương nhân dâng lên vua sáu thức uống là Thủy (nước), Tương (rượu hơi có vị chua), Lễ (rượu nhạt, hơi ngọt), Lương (cháo cho thêm nước mát), Y (rượu đục mà nhạt), Di (rượu gạo như cháo)... Đem nước hòa vào rượu, người đương thời lấy rượu lễ làm thức uống, gọi là Lục tương, tức rượu nhạt vậy.*

夜不能寐且病渴嗜茶，中宵烹啜，顧影獨笑，雜記古人茶事口占四首，命兒輩錄之。其一 ***Đêm không ngủ được, vả ốm khát thèm trà, nửa đêm pha uống, nhìn bóng tự cười, nhớ tạp nhạp chuyện trà của người xưa mà ứng khẩu làm bốn bài, sai đám con chép lại. Bài thứ nhất.***

苕溪桑苧翁，付性不諧俗。
茶者有何好，著經殊款曲。
之源逮之圖，終始要備錄。
陶形煬突間，樂受荼神祝。
人生各有心，安得同嗜欲。
彼哉李季卿，挾貴驕埜服。
從知酒飯囊，勿享清風福。
妄以君子心，誤加小人腹。
夜光暗投人，翁寔先取辱。
發憤論毀茶，無乃自反覆。

Thiều Khê, Tang Trữ Ông. Phó tính bất hài tục.
Trà giả hữu hà hảo, trước kinh thù khoản khúc.
Chi nguyên đãi chi đồ, chung thủy yếu bị lục.
Đào hình dượng đột gian, lạc thụ trà thần chúc.
Nhân sinh các hữu tâm, an đắc đồng thị dục.
Bỉ tai Lý Quý Khanh, hiệp quý kiêu dã phục.
Tòng tri tửu phạn nang, vật hưởng thanh phong phúc.
Vọng dĩ quân tử tâm, ngộ gia tiểu nhân phúc.
Dạ quang ám đầu nhân, ông thật tiên thủ nhục.
Phát phẫn luận *Hủy trà*, vô nãi tự phản phúc.

Ông Tang Trữ, Thiều Khê[1]. Tính chẳng hợp thời tục.
Trà có chi mà hay. Viết kinh, tâm huyết dốc.
Cội nguồn tới họa đồ[2]. Đầu đuôi chép đủ mục.
Hình gốm đặt miệng lò, thần trà được khấn chúc[3].

1. Lục Vũ lấy hiệu là Tang Trữ Ông, năm 760, làm nhà ở Thiều Khê viết sách.
2. Sách *Trà kinh* của Lục Vũ gồm 10 thiên, thiên thứ nhất là Trà chi nguyên (nguồn cội của trà) và thiên thứ mười là Trà chi đồ (hình vẽ trà).
3. Sách *Đường Thư* - Lục Vũ truyện cho biết: 時鬻茶者，至陶羽形置煬突間，祀為茶神 *Bấy giờ người buôn bán trà tạo hình Lục Vũ bằng gốm đặt ở miệng lò, thờ làm trà thần.*

Đời thị hiếu khác nhau, chẳng hòa chung một khúc.
Tên Lý Quý Khanh kia, cậy giàu khinh tiện phục.
Biết là hạng túi cơm, chớ cho hưởng diễm phúc.
Lòng quân tử đừng so, bụng tiểu nhân hằn học.
Bóng đêm phủ lên mình, ông trước tiên chuốc nhục.
Lật lại luận Hủy trà[1]*, chỉ e vì bức xúc.*

西江月***Điệu từ Tây Giang Nguyệt***
冉冉櫻桃風信，蒙蒙芍藥煙霏。
美人別後夢依稀，試問相思還未？
拋擲花明酒釅，伶俜燕語鶯飛。
蘭缸石銚皂羅幃，管領書香茶味。

Nhiễm nhiễm anh đào phong tín, mông mông thược dược yên phi.
Mĩ nhân biệt hậu mộng y hy, thí vấn tương tư hoàn vị?
Phao trịch hoa minh tửu nghiệm, linh binh yến ngữ oanh phi.
Lan cang thạch điệu tạo la vi, quản lĩnh thư hương trà vị.

Gió lướt anh đào run rẩy, khói tuôn thược dược mịt mùng,
Chia tay người đẹp vẫn mơ mòng, thử hỏi nhớ nhung dường đúng?
Vất liệng hoa tươi rượu đượm, cô đơn yến gọi oanh lồng,
Đèn lan siêu đá trướng thâm trùng, hương sách vị trà quây đóng.

卜算子一寒夜有懷 ***Điệu từ Bốc Toán Tử - Nỗi niềm đêm lạnh***
爐溫蕙火紅，鼎沸茶烟碧。
風雨淒淒此夜長，真個相思夕。
孤吟興轉闌，多病愁增劇。
祇恐陽烏不耐寒，裂盡雲間翮。

Lô ôn huệ hỏa hồng, đỉnh phất trà yên bích.
Phong vũ thê thê thử dạ trường, chân cá tương tư tịch.
Cô ngâm hứng chuyển lan, đa bệnh sầu tăng kịch.
Chỉ khủng dương ô bất nại hàn, liệt tận vân gian cách.

---

1. **Hủy trà luận** cùng câu chuyện giữa Lục Vũ với Lý Quý Khanh, xin xem "Thiền trà một vị."

Lò đun ánh lửa hồng. Sôi vạc, trà xanh khói.
Mưa gió thâu đêm đợt lạnh dài, hẳn nhớ nhung nguyên tối.
Quạnh ngâm hứng cạn dần, nhiều bệnh buồn nhức nhối.
Chỉ sợ ác vàng rét khó kham, xé rách mây bay khỏi[1].

鷓鴣天 ***Điệu từ Giá Cô Thiên***
小凴紅欄聽夜泉，春愁脈脈怨芳年。
半簾明月篩花影，一縷微風裊茗煙。
空悵望，苦纏綿。欲言不語漫成憐。
偷拈恨譜題新句，暗滴鮫珠濕彩牋。

Tiểu bằng hồng lan thính dạ tuyền, xuân sầu mạch mạch oán phương niên.
Bán liêm minh nguyệt si hoa ảnh, nhất lũ vi phong niểu mính yên.
Không trướng vọng, khổ triền miên. Dục ngôn bất ngữ mạn thành liên.
Thâu niêm hận phổ đề tân cú, ám trích giao châu thấp thái tiên.

Tựa cửa đêm nghe tiếng suối xa, miên man sầu oán tuổi xuân qua.
Nửa rèm trăng sáng rây hoa bóng, một sợi gió êm vẩn khói trà.
Trơ ngóng vọng, khổ dần dà, tiếc thương thầm lặng nói không ra.
Sách hờn lén giở đề câu mới, rớt giấy hoa tiên giọt lệ nhòa.

(Nguyễn) TUY LÝ VƯƠNG NGUYỄN PHÚC MIÊN TRINH (1820-1897)

江湖散人 ***Người nhàn chốn giang hồ***
竹色淨茶竈，蘋香灑書卷。
江湖無處無，散人不數見。

Trúc sắc tịnh trà táo, tần hương sái thư quyển.
Giang hồ vô xứ vô, tản nhân vị sổ kiến.

1. Theo truyền thuyết phương Đông, trên mặt trời có con quạ ba chân, gọi là dương ô (dương: *mặt trời*, ô: *chim quạ, chim ác*). Câu thơ này có ý nói rằng, hẳn do con quạ không chịu được rét, nên đã xé rách tầng mây bay lên mặt trời.

Bếp trà, màu trúc gột; trang sách, hương tần rây.
Chốn chốn giang hồ cả, người nhàn mấy kẻ đây.

承流途中 ***Trên đường qua trạm Thừa Lưu***
蟬響隨沿路，樵聲認隔林。
悠然岩壑趣，品茗坐榕陰。

Thiền hưởng tùy diên lộ, tiều thanh nhận cách lâm.
Du nhiên nham hác thú, phẩm mính tọa dung âm.

Cách rừng tiều hát vọng. Dọc lối ve ngân nga.
Tha thẩn, ngắm khe hẻm; tán đa rợp, thưởng trà.

過山家 ***Đi qua nhà trên núi***
日午茅籬駐客車，山村兒女髻無花。
碧桃落盡叢蘭老，只采柔桑又采茶。

Nhật ngọ mao ly trú khách xa, sơn thôn nhi nữ mấn vô hoa,
Bích đào lạc tận, tùng lan lão; chỉ thái nhu tang, hựu thái trà.

Xe khách giữa trưa đỗ giậu nhà, tóc nàng sơn nữ chẳng gài hoa,
Bích đào rụng hết, lan già cỗi; chỉ hái dâu non với hái trà.

秋園 ***Vườn thu***
檐外三竿日，幽人睡起遲。
試泉親瀹茗，拂石坐題詩。
柑子黃金彈，桐孫碧玉枝。
涼風先商氣，吹上鬢絲絲。

Thiềm ngoại tam can nhật, u nhân thụy khởi trì.
Thí tuyền thân thược mính, phất thạch tọa đề thi.
Cam tử hoàng kim đạn, đồng tôn bích ngọc chi.
Lương phong tiên thương khí, xuy thướng mấn ti ti.

Ngoài cửa nắng gần trưa, ai nhàn ngủ đến giờ.
Pha trà nhấp thử suối, phủi đá ngồi đề thơ.
Múi quýt vàng nhưng nhức, nhành vông biếc phất phơ,
Gió thu lùa khí mát, thổi lọn tóc mai tơ.

題山人壁 ***Đề thơ lên vách nhà của người trên núi***
返照下林谷，煙霞半嶺明。
柴門圍竹色，石徑入松聲。
留客茅齋靜，烹茶井水清。
對斯有餘契，因識古人情。

Phản chiếu hạ lâm cốc, yên hà bán lĩnh minh.
Sài môn vi trúc sắc, thạch kính nhập tùng thanh.
Lưu khách mao trai tĩnh, phanh trà tỉnh thủy thanh.
Đối tư hữu dư khế, nhân thức cổ nhân tình.

Lũng rừng vương nắng xế. Nửa núi ráng mây sa.
Thông rụng vẳng đường đá; trúc xanh om cửa nhà.
Buồng gianh lặng, giữ khách; nước giếng trong, pha trà.
Trước cảnh thêm thầm hiểu, tâm tình người thuở xưa.

禪房睡起 ***Ngủ dậy ở thiền phòng***
遶榻茶煙白，幽窓午夢回。
鐘殘山鳥下，僧定野棠開。
浮世傷華屋，空門問劫灰。
夕陽孤墟下，誰弔惠休來。

Nhiễu tháp trà yên bạch, u song ngọ mộng hồi.
Chung tàn sơn điểu há, tăng định dã đường khai.
Phù thế thương hoa ốc, không môn vấn kiếp khôi.
Tịch dương cô tháp hạ, thùy điếu Huệ Hưu lai?

Quanh chõng khói trà trắng, song nhàn tỉnh giấc trưa
Sư lặng, hoa rừng nở; chuông ngưng chim núi mơ.
Gác tía buồn đời hão, cửa Không hỏi kiếp thừa.
Chiều tàn dưới tháp lẻ, ai viếng Huệ Hưu[1] giờ?

酬仲恭與東仲見過 ***Đáp lại việc Trọng Cung và Đông Trọng[2] tới thăm***
竹外村春急，松間佛火明。
一杯陽羨茗，遮莫禁愁生。

Trúc ngoại thôn thung cấp, tùng gian Phật hỏa minh.
Nhất bôi Dương Tiện mính, già mạc cấm sầu sinh.

Chày xóm vang ngoài trúc, lửa chùa đóm dưới thông.
Trà Dương Tiện một chén, ngăn đứt nỗi buồn lòng.

喜九兄見過 ***Mừng khi cửu huynh[3] tới thăm***
蝶嫺鶯聲老，閒園事事幽。
茗芽香正焙，桑落綠新蓣。
流水春通浦，涼風晚上樓。
門前芳草路，乘月送鳴騶。

Điệp lãn oanh thanh lão, nhàn viên sự sự u.
Mính nha hương chính bội, tang lạc lục tân sô.
Lưu thủy xuân thông phố, lương phong vãn thướng lâu.
Môn tiền phương thảo lộ, thừa nguyệt tống minh sô.

Giọng oanh già, bướm nhác. Vườn rảnh, việc thôi màng.
Trà búp hương vừa sấy. Dâu chồi, lá lại vàng.

---

1. Tức Thích Huệ Hưu, nhà sư nước Tống thời Nam Triều (420-479), họ tục là Thang, giỏi văn chương, sau ngầm chỉ nhà sư giỏi văn thơ.
2. Trọng Cung và Đông Trọng đều là hai em cùng cha khác mẹ của Tuy Lý Vương. Đông Trọng là tên tự của Nguyễn Phúc Miên Thanh (1830-1877), người con thứ 51 của vua Minh Mạng. Trọng Cung là tên tự của Nguyễn Phúc Miên Kiền (1831-1855), người con thứ 55 của vua Minh Mạng.
3. **Cửu huynh**: anh chín, tức Hàm Thuận công Nguyễn Phúc Miên Thủ 咸順公阮福綿守 (1819-1859).

Gió lầu chiều lộng lộng. Bến nước xuân mênh mang.
Trước cửa thơm đường cỏ. Trăng đưa, vó ngựa vang.

過十兄擘芳軒對話作
Cảm tác khi qua Lãm Phương hiên của thập huynh[1] trò chuyện
入座荷香清茗碗，當窗竹色靜書籤。

Nhập tọa hà hương thanh mính oản, đương song trúc sắc tĩnh thư thiêm.

Kẹp sách im lìm song trúc biếc. Chén trà thanh nhẹ án sen thơm.

張端公惠茶 ***Trương Đoan công[2] tặng trà***
少年作達不自謹，詩情酒興劇肝腎。
豈無芝朮與金石，漫云藥也其寔堇。
有如刲羊椎牛困，厭飫腥臊憶蔬筍。
小龍團鳳不易致，無寧杞菊潤喉吻。
美人思我識我意，箬籠包藏遠惠寄。
雀舌色發雷莢青，蟬膏香透春芽輕。
薑鹽不敢委童僕，鵲爐獸炭親自烹。
蟹眼過，魚眼生，颼颼石銚候松聲。
緩火炙，活火煎，滴滴銀鉼瀉乳泉。
七碗玉川飲不得，一甌我亦叫奇絕。
夜窗細讀牛毛字，愁魔不來睡魔滅。
大笑韓公未識趣，高士何須嗜麴蘗。

Thiếu niên tác đạt bất tự cẩn, thi tình tửu hứng quế can thận.
Khởi vô chi truật dữ kim thạch. Mạn vân: Dược dã, kỳ thật cận.
Hữu như khuê dương trùy ngưu khốn, yếm ốc tanh tao ức sơ duẩn.
Tiểu Long, Đoàn Phượng bất dị trí. Vô ninh kỷ, cúc nhuận hầu vẫn.
Mỹ nhân tư ngã, thức ngã ý. Nhược lung bao tàng viễn huệ ký.
Tước thiệt sắc phát Lôi giáp thanh, thiền cao hương thấu xuân nha khinh.
Khương diêm bất cảm ủy đồng bộc, thước lư thú thán thân tự phanh.

---

1. **Thập huynh**: anh mười, tức Tùng Thiện vương Miên Thẩm.
2. **Trương Đoan công**: tức Trương Đăng Quế (1793-1865), hiệu là Đoan Trai.

Giải nhãn quá, ngư nhãn sinh. Sưu sưu thạch điệu hậu tùng thanh.
Hoãn hỏa trá, hoạt hỏa tiên. Trích trích ngân bình tả nhũ tuyền.
Thất oản Ngọc Xuyên ẩm bất đắc, nhất âu ngã diệc khiếu kỳ tuyệt.
Dạ song tế độc ngưu mao tự, sầu ma bất lai thụy ma diệt.
Đại tiếu Hàn công vị thức thú, cao sĩ hà tu thị khúc nghiệt.

Thanh niên phóng lãng tính bất cẩn, tình thơ hứng rượu hại gan thận.
Vì trữ linh đan với chi truật. Nói xằng: Thuốc đấy. Mà độc thật.
Còn việc đâm trâu, mổ dê khổ. Chỉ thèm măng rau, ngấy tanh, mỡ.
Đoàn Phượng, Tiểu Long, kiếm tìm khó. Nhuận họng, đành dùng cúc sẵn có.
Quý nhân nhớ ta, hiểu ý đặng. Bọc bằng mo tre, xa gửi tặng.
Tước thiệt có màu Lôi Nha xanh, thiền cao hương thấm búp xuân xinh.
Sợ đám hề đồng bỏ gừng muối, lò chim than thú, tự ta canh.
Mắt cua dứt, mắt cá theo, sùng sục siêu đá tiếng thông reo.
Lửa nhỏ cháy, lửa mạnh bùng, ấm bạc trút ra suối một dòng.
Bảy bát Ngọc Xuyên uống không được. Một âu cũng đủ thốt: kỳ tuyệt!
Song khuya đọc sách chữ nhung nhúc. Ma sầu chẳng quấy, ma ngủ diệt.
Cười giễu ông Hàn, thú chẳng sành. Cao sĩ đâu cần nghiện rượu mệt.

感作 ***Cảm tác***
晝掩高齋看秘籙，年來習靜疏情欲。
更無塵客共交遊，惟許閒雲為眷屬。
梅閣吟成字亦香，竹窓茶罷煙猶綠。
晚晴童僕荷鋤歸，儘道田疇新雨足。

Trú yểm cao trai khan bí lục, niên lai tập tĩnh sơ tình dục.
Cánh vô trần khách cộng giao du, duy hứa nhàn vân vi quyến thục.
Mai các ngâm thành tự diệc hương, trúc song trà bãi yên do lục.
Vãn tình đồng bộc hạ sừ quy, tẫn đạo điền trù tân vũ túc.

Sách tiên đọc kín, rèm cao rủ. Bớt dục, lìa tình, yên lặng, nhủ.
Chỉ để mây nhàn tới bắt thân, bặt không khách tục sang vui thú.
Gác mai thơ dứt, chữ thơm lây; song trúc trà tan, khói biếc phủ,
Chiều tạnh người làm vác cuốc về, đều thưa đồng ruộng mưa vừa đủ.

椒園席題張芳煮茗圖 ***Trên tiệc ở Tiêu Viên đề thơ tranh Trương Phương đun trà***
宛洛經過萬斛塵，清風偏占洞天春，
可憐一碗匆匆別，輸爾松間石上人。

Uyển Lạc kinh qua vạn hộc trần, thanh phong thiên chiếm động thiên xuân,
Khả liên nhất oản thông thông biệt, thu nhĩ tùng gian thạch thượng nhân.

Dứt nơi đô hội bụi mùng mùng. Xuân tới non tiên gió mát lồng.
Một chén chạnh thương ly biệt vội. Thua người bên đá biếc lùm thông.

(Nguyễn) TƯƠNG AN QUẬN VƯƠNG NGUYỄN PHÚC MIÊN BỬU (1820-1854)

宿閣 ***Trọ trong chùa***
半窗明月生欄角，一枕西風惱客情。
小院沙彌來喚起，手持香茗雨前名。

Bán song minh nguyệt sinh lan giác, nhất chẩm Tây phong não khách tình.
Tiểu viện sa di lai hoán khởi, thủ trì hương mính vũ tiền danh.

Nửa rèm trăng lọt lan can chếch, một gối gió thu dạ khách sầu.
Chú tiểu bên chùa sang gọi dậy, trà thơm đem gói vũ tiền theo.

(Nguyễn) MAI AM NGUYỄN PHÚC TRINH THẬN (1826-1904)

衍波亭偶成 ***Ngẫu thành ở đình Diễn Ba***
釣罷茶餘無箇事，多情明月到粧臺。

Điếu bãi trà dư vô cá sự, đa tình minh nguyệt đáo trang đài.

Cần câu cất, vị trà phai. Đa tình trăng rọi bên đài điểm trang.

十五夜月作 ***Trăng đêm rằm***
一欄花影罩窗紗，裊裊茶煙拂幙斜。
自愛焚香夜深坐，不關明月此宵多。

Nhất lan hoa ảnh trạo song sa, niểu niểu trà yên phất mạc tà.
Tự ái phần hương dạ thâm tọa, bất quan minh nguyệt thử tiêu đa.

Song the rủ bóng một hiên hoa, màn trướng vấn vương lọn khói trà.
Thích thắp hương khuya ngồi lặng lẽ, đâu vì đêm ngập ánh trăng ngà.

茶煙 ***Khói trà***
倉山云當是茶仙後身，葦野云仙骨珊珊
畫閣窗開近曉天，欹斜隔幔裊輕煙。
半壺散漫流雲液，一縷氤氳記雨前。
松月斜辰縈復散，花風颺處斷還連。
夜深殘夢維摩榻，香氣薰人欲破禪。

Họa các song khai cận hiểu thiên, ỷ tà cách mạn niểu khinh yên.
Bán hồ tản mạn lưu vân dịch, nhất lũ nhân uân ký vũ tiền.
Tùng nguyệt tà thời oanh phục tán, hoa phong đãng xứ đoạn hoàn liên.
Dạ thâm tàn mộng Duy Ma tháp, hương khí huân nhân dục phá thiền.

Thương Sơn (Tùng Thiện vương) khen là hậu thân của trà tiên.
Vĩ Dã (Tuy Lý vương) khen là tiên cốt thanh tao.
Gác vẽ ngỏ song sáng hửng lên, la đà màn trướng khói lan chen.
Mịt mùng bầu ấm tuôn mây nước, nghi ngút làn hương gợi Vũ tiền[1].
Tùng nguyệt nghiêng nghiêng vờn lại tỏa, gió hoa phơ phất dứt xong liền.
Duy Ma chõng ngả khuya tàn mộng, hương nức người thơm muốn phá Thiền[2].

1. Trà hái trước tiết Cốc Vũ gọi là Vũ tiền.
2. Câu cuối dẫn dụng từ câu "*Hoa khí huân nhân dục phá Thiền*" của Hoàng Đình Kiên thời Tống, chỉ hương thơm ngào ngạt như hun vào người, khiến người hân hoan náo nức, muốn phá bỏ công lao tu tập thiền định.

品茗 ***Thưởng trà***
夢迴滿地月昏黃，竹裏風爐自煮嘗。
高選名泉參妙品，竚看活火試真香。
蒙山應是讓三舍，顧渚不須誇擅場。
滌渴絕勝甘露飲，瑤池何待乞玄霜。

Mộng hồi mãn địa nguyệt hôn hoàng, trúc lý phong lô tự chử thường.
Cao tuyển danh tuyền tham diệu phẩm, trữ khan hoạt hỏa thí chân hương.
Mông Sơn ưng thị nhường tam xá, Cố Chử bất tu khoa thiện trường.
Địch khát tuyệt thăng Cam lộ ẩm, Dao Trì hà đãi khất huyền sương[1].

Trăng ngà rải đất mộng còn vương, dưới trúc lò đun tự nếm lường.
Lựa lấy suối ngàn pha tuyệt phẩm, đứng xem lửa ngọn thử thần hương.
Mông Sơn còn phải nhường đường bước, Cố Chử không nên diễu sở trường.
Vượt hẳn Cam lồ, đem giải khát. Dao Trì thuốc thánh khỏi nhờ nương.

煮茶圖次韻 ***Họa bài Đề thơ tranh đun trà***
山房石徑靜行塵，白甌花瓷自在春。
愛殺苔磯題句處，松風溪月最宜人。

Sơn phòng thạch kính tĩnh hành trần, bạch trụy hoa từ tự tại xuân.
Ái sát đài cơ đề cú xứ, tùng phong khê nguyệt tối nghi nhân.

Lối đá, buồng non, lắng bụi trần. Sứ hoa, vò trắng, thảnh thơi xuân.
Đề thơ ưa chốn thềm rêu phủ. Trăng suối gió thông, hợp lại gần.

哭十八富麗公主詩其三 ***Thơ khóc công chúa thứ mười tám Phú Lệ***[2]
苔跡重尋舊履綦，珊珊望處訝來遲。
消魂月白風清夜，茗話琴歌好共誰。

Đài tích trùng tầm cựu lý kỳ, san san vọng xứ nhạ lai trì.
Tiêu hồn nguyệt bạch phong thanh dạ, mính thoại cầm ca hảo cộng thùy.

---

1. **Huyền sương** tương truyền là thuốc bất tử do thần tiên chế ra.
2. Tức Nguyễn Phúc Đôn Trinh 阮福敦貞 (1838-1890), con gái thứ mười tám của vua Thiệu Trị.

Ngấn rêu tìm lại dấu hài phai, thảng thốt trông mong, tới muộn rồi.
Trăng sáng, sầu dâng, đêm gió lạnh. Chuyện trà, đàn hát biết cùng ai?

(Nguyễn) HÒA THỊNH VƯƠNG NGUYỄN PHÚC MIÊN TUẤN (1827-1907)

春日 ***Ngày xuân***
喈喈鶯囀柳，栩栩蝶穿花。
睡覺饒清興，觀書更品茶。

Giai giai oanh chuyển liễu, hủ hủ điệp xuyên hoa.
Thụy giác nhiêu thanh hứng, quan thư cánh phẩm trà.

Ríu rít oanh gù liễu, la đà bướm rúc hoa.
Mộng tàn nhiều nhã hứng, xem sách lại pha trà.

(Nguyễn) HOÀNG ĐẾ TỰ ĐỨC (1829-1883)

以新茶賜從善公因成二絕
Ban trà mới cho Tùng Thiện công (Miên Thẩm), nhân làm hai bài tứ tuyệt
佳茗新從遠使回，消寒應共夜銜杯。
知君素有耽書癖，合愛餘甘破睡才。

Giai mính tân tòng viễn sứ hồi, tiêu hàn ưng cộng dạ hàm bôi.
Tri quân tố hữu đam thư tích, hợp ái dư cam phá thụy tài.

Trà ngon mới được sứ đem về, nhắp chén đêm đông bớt tái tê
Xưa đã biết ngài ghiền đọc sách, lại ưa ngọt hậu, thức lê thê.

一甌月露自忘疲，翰墨交情淡若斯。
異域真香寧獨好，君看四牡念伊誰。

Nhất âu nguyệt lộ tự vong bì, hàn mặc giao tình đạm nhược ti.
Dị vực chân hương ninh độc hiếu, quân khan tứ mẫu niệm y thùy.

Một chén sương trăng bẵng mệt nhoài, giao tình bút mực nhạt vầy thôi.
Hương thơm xứ lạ nào riêng thích, ngài thấy sứ thần nhớ đến ai?

(Nguyễn) HUỆ PHỐ NGUYỄN PHÚC TĨNH HÒA (1830-1882)

秋晴奉呈月亭梅菴 ***Trời thu quang đãng kính gửi Nguyệt Đình, Mai Am***
遠水開斜照，寒林響暮蟬。
茶餘憑檻望，清話想當年。

Viễn thủy khai tà chiếu, hàn lâm hưởng mộ thiền.
Trà dư bằng hạm vọng, thanh thoại tưởng đương niên.

Nước xa nắng xế trải, rừng lạnh ve chiều kêu.
Trà đượm, bên hiên ngóng, chuyện thanh nhớ buổi nào.

侍問之餘奉陪倉山先生晚坐
Vấn an xong, tối ngồi cùng tiên sinh Thương Sơn[1]
暇日多餘興，開窗坐晚暉。
波明湖水淨，風定茗煙微。
宿鳥依林喚，流螢傍竹飛。
清言與幽景，此會別來稀。

Hạ nhật đa dư hứng, khai song tọa vãn huy,
Ba minh hồ thủy tịnh, phong định mính yên vi.
Túc điểu y lâm hoán, lưu huỳnh bạng trúc phi.
Thanh ngôn dữ u cảnh, thử hội biệt lai hy.

Ngày nhàn nhiều hứng thú, song ngỏ ngắm chiều tà
Sóng loáng trong hồ nước; gió yên vẩn khói trà.

1. Tên hiệu của Tùng Thiện vương Miên Thẩm.

Về rừng chim rộn rạo, ghé trúc đóm la đà.
Cảnh vắng, lời thanh lịch, dễ gì lúc đã xa.

奉次倉山先生病中曉起之作
Kính họa bài Đương bệnh dậy sớm của tiên sinh Thương Sơn
鐘動未明天，幽懷夢不便。
瓦霜留曙色，池月幕秋煙。
好茗偷閒酌，奇香愛曉燃。
拈花微笑意，真示指頭禪。

Chung động vị minh thiên, u hoài mộng bất tiên.
Ngõa sương lưu thự sắc, trì nguyệt mạc thu yên.
Hảo mính thâu nhàn chước, kỳ hương ái hiểu nhiên.
Niêm hoa vi tiếu ý, chân thị chỉ đầu thiền.

Chuông điểm trời tang tảng, niềm u giấc khó khuây.
Ngói sương màu nắng đọng, trăng nước khói thu xây.
Trà tuyệt nhân nhàn rót, hương thơm thích sớm gầy.
Vin hoa cười thoáng nụ, tỏ ý Thiền trên tay[1].

奉題煮茶圖次韻 ***Kính họa bài Đề thơ tranh đun trà***
花落微風不動塵，清泉活火焙先春。
晚來拂石題新句，滿地松陰月近人。

Hoa lạc vi phong bất động trần, thanh tuyền hoạt hỏa bội tiên xuân.
Vãn lai phất thạch đề tân cú, mãn địa tùng âm nguyệt cận nhân.

Hoa rụng gió êm lắng bụi trần, suối trong lửa ngọn nấu trà xuân.
Chiều về phủi đá đề câu mới, đầy đất bóng thông nguyệt lại gần.

品茗 ***Thưởng trà***
摘得春芽雨後鮮，山房小坐瀹清泉。

1. Nguyên chú: 是日姬人有進花一枝，先生示而微笑，故及之 *Hôm ấy người thiếp dâng một nhành hoa, tiên sinh khoe rồi mỉm cười, cho nên có bài này.*

紙窗拂響朝疑雪，縹盞浮香夜話禪。
敢效盧仝吟七碗，且憑陸羽著三篇。
平生只有耽斯味，療渴消煩獨占先。

Trích đắc xuân nha Vũ hậu tiên, sơn phòng tiểu tọa thược thanh tuyền.
Chỉ song phất hưởng triêu nghi tuyết, phiếu trản phù hương dạ thoại thiền.
Cảm hiệu Lư Đồng ngâm thất oản, thả bằng Lục Vũ trước tam thiên.
Bình sinh chỉ hữu đam tư vị, liệu khát tiêu phiền độc chiếm tiên.

Vũ hậu búp xuân nõn hái liền, suối trong ngồi nấu, chái lâm tuyền.
Gió lùa song giấy sớm ngờ tuyết, hương dậy chén thanh tối luận Thiền.
Bắt chước Lư Đồng ngâm bảy bát, cậy nhờ Lục Vũ viết ba thiên.
Bình sinh vị ấy là ưa nhất, giải khát tiêu phiền đứng trước tiên.

(Nguyễn) PHẠM PHÚ THỨ (1821-1882)

病起喜晴 ***Bệnh khỏi mừng vì trời tạnh***
園茶生嫩葉，籬鳥變新聲。
物性各自適，對之怡我情。

Viên trà sinh nộn diệp, ly điểu biến tân thanh,
Vật tính các tự thích, đối chi di ngã tình.

Trà vườn đơm lá nõn, chim hót bên giậu hoa,
Vạn vật theo tự tính, di dưỡng tâm tình ta.

(Nguyễn) NGUYỄN TƯ GIẢN (1823-1890)

重宿嘉林縣 ***Lần nữa ngủ lại huyện Gia Lâm***
雪兒呼不起，應自惜雲鬟。
耿耿繁星夜，盈盈一水間。
雞聲花巷靜，燈影茗甌閒。
君看前宵月，當筵照玉顏。

Tuyết nhi hô bất khởi, ưng tự tích vân hoàn.
Cảnh cảnh phồn tinh dạ, doanh doanh nhất thủy gian.
Kê thanh hoa hạng tĩnh, đăng ảnh mính âu nhàn.
Quân khán tiền tiêu nhật, đương diên chiếu ngọc nhan.

Ca nhi gọi chẳng dậy, tự tiếc thiếu hồng nhan[1].
Sáng rực đêm sao tỏa, dềnh dềnh sóng nước lan.
Gà kêu ngõ liễu vắng, đèn rọi chén trà nhàn.
Có nhớ trăng đêm trước, soi người đẹp chứa chan.

次常夫二月望夜話 ***Chuyện trò đêm rằm tháng Hai với Thường Phu***
短燭書還展，新泉茗屢煎。
莫須春睡美，散步小池邊。

Đoản chúc thư hoàn triển, tân tuyền mính lũ tiên.
Mạc tu xuân thụy mỹ, tản bộ tiểu trì biên.

Đuốc soi trang sách còn dang dở. Suối mới đem đun mấy lượt trà.
Chẳng thiết đêm xuân nằm đã giấc, bên ao dạo bước một mình ta.

樓上乘涼玩月 夜深乃歸寢 欣然有會
Trên lầu hóng mát ngắm trăng, đêm khuya về ngủ, vui mừng bắt gặp
晴天多好月，高閣易涼風。
野濶千村靜，江清萬象空。
茶香留淡薄，燈燼落深紅。
不覺憑軒久，殘星昭寢東。

Tình thiên đa hảo nguyệt, cao các dịch lương phong.
Dã khoát thiên thôn tĩnh, giang thanh vạn tượng không.
Trà hương lưu đạm bạc, đăng tẫn lạc thâm hồng.
Bất giác bằng hiên cửu, tàn tinh chiếu tẩm đông.

---

1. Nguyên chú: 是夜，縣令邀宿，命价過河喚妓部，請女郎，無一至者 *Đêm ấy, huyện lệnh mời ngủ lại, sai kẻ ở qua sông gọi gánh ca kỹ, mời các nàng mà không một ai đến.*

Trời tạnh ánh trăng đẹp, gác cao gió mát lồng.
Xóm yên đồng nội trải, vật lắng nước sông trong.
Mỏng mảnh hương trà đọng, ngổn ngang ngọn bấc hồng.
Chợt hồi lâu tựa cửa, sao rạng phía tường Đông.

(Nguyễn) ĐẶNG HUY TRỨ (1825-1874)

青茶解渴 ***Trà xanh giải khát***
滿園茶葉正鮮穠，搗曬儲為解渴供。
水間陰陽清夏暑，味兼甜苦瀉煩胸。
農夫爭問泡多少，蠶婦相看色淡濃。
謂報京都諸上客，須知南國有烏龍。

Mãn viên trà diệp chính tiên nùng, đảo sái trữ vi giải khát cung.
Thủy gián âm dương thanh hạ thử, vị kiêm điềm khổ tả phiền hung.
Nông phu tranh vấn bào đa thiểu, tàm phụ tương khan sắc đạm nồng.
Vị báo kinh đô chư thượng khách, tu tri Nam quốc hữu Ô Long.

Đầy vườn tươi rợp lá trà trồng. Giải khát: giã, phơi, cất trữ xong.
Nước lẫn nguội, sôi, xua nắng hạ; vị xen đắng, ngọt, cởi phiền lòng.
Gái tằm đua hỏi màu phai đậm, trai ruộng chen xem bọt lắm không.
Nhắn bảo kinh kỳ muôn thượng khách, nước Nam nên biết có Ô Long.

(Nguyễn) KHIẾU NĂNG TĨNH (1835-1915)

臨知茶 ***Trà Lâm Tri***
天地精英生子葉， 滌煩止渴果非訛。

Thiên địa tinh anh sinh tử diệp, địch phiền chỉ khát quả phi ngoa.

Tinh hoa trời đất sinh chồi lá, giải khát gột sầu thật chẳng ngoa.

(Nguyễn) PHAN BỘI CHÂU (1867-1940)

Gọi trà
Vì cớ sao mà khát nước hoài? Trà đâu ta sẽ nếm mày chơi.
Chẳng Tàu thì Huế tha hồ thú, pha tục và tiên đặc bỏ đời.
Nóng nguội tình người năm bảy chén, lạt nồng mùi thế, một vài hơi.
Trà ơi! Còn nước là vinh hạnh. Cháy lưỡi khô môi thảm những ai.

(Nguyễn) NGUYỄN THƯỢNG HIỀN (1868-1925)

漫興 ***Mạn hứng***
涼風夢後茗煙斜，飛雁聲中對菊花。
誰繪樓前秋一幅，水光山色遶田家。

Lương phong mộng hậu mính yên tà, phi nhạn thanh trung đối cúc hoa.
Thùy hội lâu tiền thu nhất bức, thủy quang sơn sắc nhiễu điền gia.

Tỉnh mơ gió mát khói trà pha, tiếng nhạn ngang trời cúc trổ hoa.
Ai vẽ trước lầu thu một bức, màu non ánh nước tỏa quê nhà.

(Nguyễn) NGUYỄN PHÚC UNG BÌNH (1877-1961)

乙亥春日偶吟 ***Ngẫu hứng làm thơ vào ngày xuân Ất Hợi***
若問生涯何所事，論詩品茗又栽花。

Nhược vấn sinh nhai hà sở sự? Luận thi, phẩm mính hựu tài hoa.

Hỏi kế sinh nhai, sao đáp lại? Thưởng trà, luận chữ, với trồng hoa.

TẢN VĂN

HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG LÊ HỮU TRÁC (1720-1791)

上京記事 ***Thượng kinh ký sự***[1]

諸公子邀來湖邊水榭，烹茶閒談。但見一頃平湖約千畝，住還水鳥弄波光，跳躍遊魚爭葉落，湖心蘋浪飄風騰，岸畔閒花連夜發。湖之前又築小堤，半月形。堤內皆種白蓮。堤邊古樹交陰，名花吐艷。庭前數樹老梅，倦臥石床。窓外幾行綠竹，影侵書案。野鶴孤立見寒生，百花如對話。觸目生光，說不盡幽閒風味。辰諸公索詩，余曰：諸君先唱，我請續貂。皆不肯首出，余乃援筆題一小律云：老相崇涼景，亭臺向水邊。窓明多得月，秋老尚開蓮。葉落遊魚躍，花叢野鶴眠。名茶邀客飲，談笑出香煙。右貧醫黎氏別號海上懶翁題余題罷，致仕官令取來覽閱，謂曰：清新可愛。命粘之榭壁。

Các công tử mời tới thủy tạ ven hồ, pha trà trò chuyện. Chỉ thấy một khoảnh hồ phẳng lặng chừng nghìn mẫu, mòng bỡn sóng dềnh lục tục, cá tranh lá rụng tung tăng, giữa hồ gió xối cỏ tần, mé nước đêm đơm hoa bụi. Trước hồ lại đắp đê nhỏ hình bán nguyệt. Trong đê trồng toàn sen trắng. Bên đê xùm xòa cổ thụ, rực rỡ hoa chen. Trước sân mấy cội mai già, lơi mình phiến đá. Ngoài cửa dăm hàng trúc thắm, ngả bóng bàn văn. Hạc lạnh đứng co ro, trăm hoa dường thủ thỉ. Mắt chạm đâu, cảnh hiện tới đó, tả khôn xiết phong vị u nhàn. Bấy giờ các ông ấy đòi thơ, tôi nói rằng: *Các ngài cứ xướng trước, tôi xin nối điêu sau*. Đều không ai chịu làm trước, tôi bèn lấy bút đề một bài thơ luật rằng:

---

1. Dựa theo bản chữ Hán *Tân thuyên Hải Thượng y tông tâm lĩnh toàn trật*, Ký sự vĩ quyển.《新鐫海上醫宗心領全帙・記事尾卷・五十》

Lão tướng sùng lương cảnh, đình đài hướng thủy biên.
Song minh đa đắc nguyệt, thu lão thượng khai liên.
Diệp lạc du ngư dược, hoa tòng dã hạc miên.
Danh trà yêu khách ẩm, đàm tiếu xuất hương yên.
Hữu: Bần y Lê thị, biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông đề
(Lão tướng ưa cảnh lạnh, đình đài hướng nước chơi.
Thu già, sen nở nốt. Song tỏ, nguyệt buông lơi.
Hạc nội rúc hoa ngủ, cá nhàn bỡn lá rơi.
Danh trà, mời khách uống. Cười nói, khói thơm bay.
Thầy thuốc nghèo họ Lê biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông đề thơ)
Tôi đề thơ xong, vị quan trí sĩ sai đem tới đọc duyệt, bảo rằng: *"Thơ thật thanh tân khả ái!"* Lệnh cho dán lên vách thủy tạ.

一夕，乘月臨軒，見得疎竹迎風篩影淡，幽花含露出微香，正是可景。茶童煮茗，凭欄獨酌，偶得弟妹員刑公來説些心事，余喜不自勝，相與歡飲。員刑公曰：如此良宵，明月清風無負我，何我自負耶！余曰：好説！公當與我共賦，乃以夜月烹茶話舊為題，更清烹鯨為韻。余先唱云：
茶甌浮月色，寒玉浸冰清。
夢覺人千里，歌殘夜二更。
甘言無逆耳，苦茗不須烹。
星斗驚詩句，吟餘欲騎鯨。

Một tối, nhân lúc trăng rọi trước hiên, thấy cảnh: đón gió trúc thưa rây bóng nhạt, ngậm sương hoa quạnh tỏa hương thanh, thực là đẹp. Trà đồng pha trà, tựa lan can độc ẩm. Bất chợt gặp em vợ là Viên Hình công tới nói đôi lời tâm sự, ta mừng vui khôn xiết, cùng ông ta uống thỏa. Viên Hình công nói: "Đêm đẹp như vầy, gió mát trăng trong chẳng phụ ta, ta lại nỡ tự phụ sao!" Tôi đáp: *"Nói hay lắm! Ông nên cùng tôi làm thơ thôi!"* Bèn lấy Đêm trăng pha trà trò chuyện làm đề tài, lấy các chữ Canh, Thanh, Phanh, Kình làm vần. Tôi làm trước:

Chén trà vờn sắc nguyệt, như ngọc lạnh băng thanh.
Mộng tỉnh người ngàn dặm, tiệc tàn đêm hết canh.
Lời hay không nghịch nhĩ. Trà đắng khỏi đun phanh.
Thơ ngỡ động sao Đẩu, ngâm xong muốn cưỡi kình.

侍内左官軍次在横亭。余來敍別，悒快之情動於顔色。辰余作別，伊官出贈名茶一包，詩一首。其詞云：禁城久衛，無以為贈，殊覺無聊，今有白毫一斤遞候，預為他日寄，笑納！其詩云：傲盡寒霜冬五夜，相思況又憶懷人。分歧萬里堪惆悵，腸断西山日暮雲。余行至長信寺津，登舟順流而下。余在舟中閒望，烹茶暢飲，談話揚揚　。何異脫網之魚，離籠之鳥。歸心似箭，西望千山深如黛色。每見深處，疑是家山。

Thị nội tả quan đóng ở Hoành Đình, tôi tới nói lời giã biệt, tâm trạng buồn rầu hiện cả ra mặt. Bấy giờ tôi cáo từ, vị quan ấy đưa tặng một gói trà danh phẩm cùng một bài thơ. Lời đề rằng: "*Bảo vệ cấm thành đã lâu, không biết lấy gì đem tặng, thực lòng băn khoăn, nay có một cân Bạch Hào xin gửi, dịp tới sẽ tặng tiếp, mong ngài vui nhận!*" Thơ viết: "*Sương đông giá rét giãi canh chầy. Da diết trông mong, dạ khó khuây. Giã biệt ngậm ngùi muôn dặm thẳm, non đoài ruột đứt dõi chiều mây.*" Tôi tới bến sông chùa Trường Tín, lên thuyền xuôi dòng mà đi. Tôi ở trên thuyền lặng ngắm, pha trà uống thỏa, trò chuyện râm ran, chẳng khác nào cá thoát lưới, chim sổ lồng vậy.

PHẠM ĐÌNH HỔ (1768-1839)

雨中隨筆 ***Tùy bút trong mưa - Uống trà cùng Tô huynh***[1]

歲戊午秋，余就舘河柳之慶雲村。在京諸生，時相問遺。雖蔬水不甚裕，而茶品未嘗闕也。村郭林溪，頗稱幽勝。蒙課之暇，輒與鄉表蘇儒生携爐雲寺，或登邑西之三層岡，汲泉細瀹。浮雲聚散，野烏鳴啼，與夫草木之榮謝，行旅之往来，往往寄諸篇什。館後枕蘇江，循堤北上，至藻溪橋，即村人納涼之所。一夕，余偕蘇兄登橋觀漁槎網罟。兩岸樹影參差，波澄月小，偶坐叢談，不覺心神俱爽。荏苒數四年間，余既解館而蘇兄亦已物化。錢牧庵所云「山水朋友之樂，造物不輕與人，殆有甚於榮名利禄者」。不其然歟！

1. Tựa đề do soạn giả tự ý đặt. Đây vốn là đoạn kể chuyện uống trà cùng bạn trong bài khảo Phép uống trà của Phạm Đình Hổ, mà phần cuối chương là toàn văn bản dịch chú của bài khảo này.

Mùa thu năm Mậu Ngọ (1798), ta tới quán dạy học ở thôn Khánh Vân, xã Hà Liễu. Các nho sinh ở kinh thành, thi thoảng lại thăm hỏi tặng quà. Dù rau dưa không thật dư dả, song trà phẩm chưa từng thiếu khuyết... Nơi đây làng mạc suối rừng, khá là chốn thanh u đẹp đẽ. Nhân khi dạy học rảnh rang, liền cùng người anh trong làng là Tô nho sinh xách lò vãn chùa, hoặc leo lên sườn núi ba tầng ở phía Tây thôn ấp, múc nước suối, tỉ mỉ pha trà. Khi ấy phù vân tan hợp, quạ nội kêu chiều, rồi cỏ cây tươi héo, lữ khách vãng lai, thường gửi gắm cả vào trong thơ phú. Phía sau quán học, gối dòng sông Tô, men đường đê lên phía Bắc, tới cầu Nhị Khê, chính là nơi người làng hóng mát. Một tối, ta cùng Tô huynh lên cầu, xem bè chài thả lưới. Hai bờ cây bóng đổ bờm xờm, nước trong trăng nhỏ, chợt ngồi lại phiếm đàm, bỗng tinh thần sảng khoái. Thấm thoắt khoảng ba bốn năm, ta đã rời quán học, mà Tô huynh cũng đã lìa đời. Tiền Mục Am[1] từng nói rằng: *"Niềm vui sơn thủy bằng hữu, con tạo chẳng dễ cho ai, thậm chí còn khó hơn cả công danh, lợi lộc"*. Chẳng phải vậy sao!

NGÔ THÌ HOÀNG (1770-1814)

三橋月夜遊記 ***Bài ký rong chơi đêm trăng ở Tam Kiều***

歲乙丑八月望前二日　梧雨初晴，風涼日淡。余課徒于義柱溪板橋之上。弟希濂公、老友陳公，各以其徒自講舘來會。三村童冠二三十人，列坐橋之左右，命題以巢父洗耳為詩，嚴陵瀨為賦，富春耕釣為文。課既罷，或臨流而濯纓，或倚樹而迎涼，欣欣然，各適其性。憑欄望之，溪流曲折，水色清瑩，炎暑既退，清風徐來。乃命遍舟載茶酒。老友辭歸，獨與吾弟攜手登舟，童冠願從者不禁。對酌舟中，凝眸四顧：遠岫孤村，浮雲落霞，飛鷗翔雁，古樹孤舘，牧豎之往來，田翁之歸去，一一在目，應接不暇。即景聯吟，命冠者執筆於船頭書之。順流而泛，至華洞橋，維舟泊岸，登橋烹茗，或醉或叫，盤桓若有所待。茶煙歇，暮靄合，橋下晴紋蕩漾如萬隊金蛇。童子曰：山東月出矣。收拾歸舟，滿眼煙光雲物，則有一番精神。蒹葭兩岸，迭相送迎，風拂稻香，時在酒卮茶碗中。清興來迫，

1. **Tiền Mục Am**: tức Tiền Khiêm Ích 錢謙益 (1582-1664), tự Mục Trai 牧齋, thượng thư bộ Lễ những năm Vạn Lịch cuối Minh. Văn bản *Vũ trung tùy bút* chép lầm thành Mục Am. Nguyên văn câu Phạm Đình Hổ dẫn, xuất từ 耦耕堂記 *Ngẫu canh đường ký*: 山林朋友之樂，造物不輕予人，殆有甚於榮名利祿也. Nguyên văn là "sơn lâm" không phải "sơn thủy".

吟不成調，誦溪橋之賦，與風聲、樹聲、溪聲間響。靜而聽之，亦忘溪之東西，橋之上下。月送歸舟，瞬息又在課徒之所。

Hai ngày trước rằm tháng Tám, năm Ất Sửu (1805), mưa ngô vừa tạnh, nắng nhạt gió trong. Ta dạy học trò trên cầu khe Nghĩa Trụ. Em ta là Hy Liêm công, cùng người bạn già Trần công, ai nấy đều mang theo học trò từ nơi giảng dạy tới hội ngộ. Học trò lớn bé ba thôn, dăm ba chục người, ngồi dàn hàng ở hai bên cầu. Sai lấy điển *Sào Phụ rửa tai* làm đề thơ, *dòng Nghiêm Lăng* làm đề phú, *Phú Xuân cày ruộng câu cá* làm đề văn. Giảng bài xong, có kẻ ra dòng nước mà gột dải mũ, có kẻ tựa cội cây mà hóng mát, vẻ hân hoan, vui theo sở thích. Tựa bao lơn ngắm nhìn, dòng khe uốn khúc, sắc nước trong xanh, khí nóng đã tan, gió lành nhẹ thổi. Đoạn bèn sai lấy thuyền con chở đầy trà rượu. Người bạn già cáo biệt, duy chỉ có anh em ta, cùng nhau nắm tay lên thuyền. Học trò lớn bé muốn theo, đều không cấm. Trong thuyền đối ẩm, phóng mắt bốn bề: nào núi xa xóm lẻ, mây nổi ráng sa, nhạn liệng âu trao, quán trơ cây cổ, mục đồng qua lại, nông phủ quay về, từng cảnh trước mắt hiện ra, nối tiếp không dứt. Tức cảnh cùng nhau làm bài liên ngâm, sai học trò lớn chấp bút viết lại ở đầu thuyền. Xuôi dòng mà thả thuyền trôi, đến cầu Hoa Động, cột thuyền ghé bến, lên cầu pha trà, rồi say sưa, rồi huýt gió, bồi hồi như chờ đợi điều gì. Khói trà nhạt, nắng xế tàn, gợn sóng dưới cầu lóng lánh, dập dềnh như vạn con rắn vàng. Có trò nhỏ nói: *"Trăng đã mọc ở đầu núi phía Đông rồi!"* Đoạn mới thu dọn về thuyền. Cảnh sắc khói mây ngập mắt mà tinh thần lại hứng khởi một phen. Lau lách đôi bờ, nối nhau đưa đón, gió thoảng hương lúa, bấy giờ phảng phất trong chén rượu âu trà. Hứng thú dập dồn, ngâm không thành điệu, giọng đọc phú Khê Kiều vang vọng giữa tiếng gió, tiếng cây, tiếng khe nước chảy. Lắng lặng mà nghe, cũng quên cả cầu khe ở Đông hay Tây, trên hay dưới. Trăng đưa thuyền về, chớp mắt đã cập nơi dạy học.

PHAN HUY ÍCH (1751-1822)

保真觀記 ***Bài ký Bảo Chân quán***

爰於寢堂之後，架沼為方亭。南軒依土階，東西北軒並臨水次。亭之四旁，鋪設板座，山壁八角，各施圖畫，標詠其上。虛其四面，以受風月。亭前栽鳳仙巨樹，花葉成陰。滿庭雜以芳卉。沼浮素蓮，香風襲人。柳塘蕉岸，交迭蒼翠。余晨夕盤桓，睡寢斯亭。倚檻而品茶，俯流而垂釣。演琴兒於飲局，延墨客於吟壇。隨興欣適，覺有得意。守靜養默，而自處於材不材。正性存神而了悟於想非想。保其固有，勉其未能。使斯心不越矩繩而無愧乎衿影。是吾廬為養真底安宅也。

Phía sau nhà liền bắc trên ao làm tòa phương đình (đình vuông), hiên phía Nam dựa trên nền đất, hiên phía Đông Tây Bắc đều hướng ra mặt ao. Trong đình bốn bên bày đặt sập ngồi, vách chia tám góc, thảy treo thư họa, đề thơ ở trên. Bỏ trống bốn mặt, để đón gió trăng. Trước đình trồng cây phượng tiên lớn, bông lá xùm xòa. Đầy sân hoa cỏ thơm chen. Dưới ao bồng bềnh sen trắng, gió hương quện người. Bờ trồng liễu, chuối; xanh mướt nối nhau. Tôi sớm khuya quanh quẩn, ngơi nghỉ trong đình. Khi tựa lan can mà thưởng trà, lúc nhìn dòng nước mà câu cá. Sắp tay đàn trong cuộc rượu, mời mặc khách trước bàn thơ. Tùy hứng mà vui, thấy niềm đắc ý. Nuôi dưỡng được lòng tĩnh lặng mà đối diện sự tài lẫn bất tài. Giữ gìn được cõi thần tình mà thấu hiểu lẽ tưởng cùng phi tưởng. Giữ lấy điều vốn có, gắng gỏi việc chưa thành. Khiến tâm này không vượt ra ngoài khuôn thước mà chẳng thẹn với bóng hình. Vậy thì ngôi đình này là nơi nuôi dưỡng lòng thiên chân, và sự an nhiên vậy.

PHẠM ĐÌNH HỔ (1768-1839)

雨中隨筆·茗飲 ***Tùy bút trong mưa - Uống trà***

茗飲之始，詳見《堅瓠》諸書。盧、陸諸家迭樹赤幟，至宋始其鐺鼎瓷器。然大約皆煮泉泛茗，如介甫之品陽羨茶，子瞻之發密雲龍是已。明清而後，其製精，其用周，毫種松焙諸色與夫甌壺、瓷碗、炭火、爐銚，無不經營慘淡。而武夷茶、成化窯、陽羨砂壺遂為天下絕品。俗尚時製，間或不同，亦不出數者而已。至於蒙頂、雪芽、紅心、泉窟，惟中州人士，未得遍嘗，蓋未可以臆論也。

我國嗜好與中土略同。余生景興盛時，宇內無事，戚里公侯，縉弁子弟，以侈靡相高。一壺一碗之費，至數十金者。每經遊茶肆，繁馬商廛，白鏹青蚨，從者相屬，閒居對啜，或賭茶候之早晚，或猜市價之低昂。彼愛花香，此喜後味。傾壺覆碗，指號索名，甚至下定金以購正山，賃商艚而陶新器。種種好尚，可謂極矣。然茶之真趣，豈在是哉！

蓋茶之為物，其性介而潔，其嗅清而香。風晨月夕之暇，瀹而薦之，與酒陣詩成，相為主客。可以醒幽夢，可以浣俗腸。古人尚之，良有以也。近代以降，賞鑒日精，味之稍別，製之稍佳者，類以別之。而爐鼎甌瓷，亦各取其適用。然而刊經類譜，識者尚厭其煩。若乃味雙槍於蠅蚋之場，歌七碗於是闤闠之屋，塵囂聒耳，俗慮縈心，惟宋樹盈甌，古窰奪目，吾不知其真趣之所在也。茶仙可作，當不以此言為誣。

康熙而後，始以瀹茗代點茶。大略，茶碗貴小且薄，取其發香呈味；壺注直則出水不留；盤面平則放盞不側；爐底之竅厚而疏則火性常烈；銚心之上凸而薄則火氣易通。所謂「始粗終精」是己。近代用銅爐銚，製頗工巧而金火相逼，時帶焦腥，不若陶瓦之為佳也。然權門富室，懶於自煎，每每委之僮僕，取其易用難毀，不得不代以銅。此固不須贅筆。景興間，蘇州火爐南來，俗爭傳尚，與北炭均為茶客必需之用。近有悟其術者，罨火而炭，搏土而爐，與北製不甚分別，人皆便之。余因慨，夫前此秉國者之未嘗留意于利用前民也。

Việc uống trà khởi tự khi nào, có thể thấy rõ qua tập sách *Kiên Hồ* (1). Các nhà họ Lư (2), họ Lục (3) lần lượt dựng cờ, đến thời Tống mới bắt đầu có các đồ gốm sứ sanh (4), đỉnh (5). Đại để đều dùng để đun nước suối thả trà, như ông Giới Phủ (6) thưởng trà Dương Tiện (7), ông Tử Chiêm (8) dùng trà Mật Vân Long (9) là vậy. Từ thời Minh Thanh về sau, cách làm trà tinh vi, việc dùng trà tỉ mỉ, từ các phẩm loại như tiểu chủng sấy bằng gỗ thông (10), cho tới âu (11), ấm, oản sứ (12), than lửa, hỏa lò, siêu tay (13), không có thứ nào không dụng tâm chế tác. Trong đó, trà Vũ Di, sứ Thành Hóa, ấm tử sa Dương Tiện liền trở thành tuyệt phẩm trong thiên hạ. Việc chế tác theo thời thượng có lúc khác nhau, song cũng không vượt ngoài mấy thứ kể trên. Còn như trà Mông Đỉnh (14), Tuyết Nha, Hồng Tâm (15), nước suối dưới lòng đất, ngay nhân sĩ Trung châu còn chưa được nếm hết, vậy cũng chưa thể lạm bàn.

Thị hiếu nước ta khá giống với Trung Quốc. Ta sinh vào lúc thịnh của

thời Cảnh Hưng (1740-1786), trong nước vô sự, công hầu quốc thích, con cháu tấn thân đua nhau xa xỉ. Giá của một ấm, một chén có khi lến tới mấy chục lạng vàng. Mỗi lần dạo chơi quán trà, ngựa chật hàng buôn, bạc trắng tiền xanh, đua văng nối tiếp; lúc nhàn cư đối ẩm, có người cược xem trà xuân sớm hay muộn, có người đoán giá chợ thấp hay cao, kẻ này thích hương hoa, người kia ưa hậu vị. Nghiêng ấm úp chén, chỉ hãng tìm tên, thậm chí đặt tiền trước để mua Chính Sơn (16), thuê thuyền buôn để lựa đồ mới. Sở thích muôn vàn, có thể nói là cùng cực vậy. Song cái thú thực sự của trà, há nằm ở chỗ đó sao!

Xét trà là một vật tính thẳng mà sạch, mùi thanh mà thơm. Những khi nhàn hạ trước cảnh gió sớm trăng chiều, pha mà thưởng thức, cùng trận rượu thơ, thay phiên chủ khách, có thể lay tỉnh mộng trần, có thể gột tan lòng tục. Cổ nhân chuộng ưa, thật có lý vậy. Thời buổi gần đây, việc giám thưởng ngày càng tinh tế. Hương vị nào hơi khác, cách chế nào khá hay, đều phân loại kỹ càng. Còn lò, đỉnh, ấm chén, thứ nào cũng chọn dùng loại tương thích với nó. Có điều việc biên kinh chép phổ, bậc thức giả vẫn trách là phiền. Còn như thưởng lá Song thương (17) nơi ruồi nhặng, hát bài Thất oản (18) chốn chợ nhơ, ồn ào nhức óc, tục lụy rộn lòng, thì dẫu Tống thụ (19) đầy âu, sứ xưa đẹp mắt, ta cũng không hiểu thú vị chỗ nào. Trà tiên có tái xuất, hẳn không cho lời này là xằng vậy [...](*)

Từ thời Khang Hy (1661-1722) về sau, bắt đầu dùng lối thược trà (20) thay cho điểm trà (21). Đại khái, chén trà quý ở chỗ nhỏ mà mỏng, nhằm đẩy hương nổi vị; vòi ấm thẳng thì rót nước không đọng; mặt đĩa bàn (22) phẳng thì đặt chén không kênh; lỗ đáy lò dày mà thưa thì sức lửa thường mạnh; mặt trên của lòng siêu lồi và mỏng thì hơi lửa dễ thông. Có câu "*thoạt thô sau tinh*" là vậy. Gần đây người ta lại dùng loại lò siêu bằng đồng, chế tác khá khéo, song kim hỏa bức nhau, thường có mùi khét tanh, chẳng thà dùng loại đất nung là hơn. Có điều, các nhà quyền môn phú hộ, lười chẳng tự đun, lần nào cũng giao cho tiểu đồng, cốt dễ dùng khó vỡ, buộc phải thay bằng đồng, việc này chẳng cần dông dài thêm. Trong những năm Cảnh Hưng, hỏa lò Tô Châu nhập vào nước Nam, thói tục đua nhau mến chuộng, cùng với than Bắc, đều là vật dụng tất yếu của trà nhân. Dạo gần, có kẻ vỡ lẽ ra thuật chế tác, ủ lửa mà làm than, vò đất mà làm lò, so với kiểu cách phương Bắc không thật khác biệt, mọi người đều

cho là tiện. Ta nhân vậy mà cảm khái, trước giờ những người nắm giữ đất nước chưa từng lưu ý đến việc lợi dụng (kỹ thuật) để dẫn dắt người dân vậy.

Chú thích:

(*) Đoạn lược [...] là đoạn kể về cuộc leo núi uống trà cùng Tô huynh, tôi đã để riêng thành bài độc lập dịch ở trên, để khỏi loãng mạch kê khảo về trà của ông.

1. **Kiên Hồ**: tức *Kiên Hồ tập*, gồm 15 tập bút ký tạp nhạp do Chử Nhân Hoạch, người thời Thanh viết.

2. **Họ Lư**: tức Lư Đồng (795?-835), nhà thơ thời Đường, hiệu là Ngọc Xuyên Tử, ham uống trà. Bài thơ *Tẩu bút tạ Mạnh gián nghị ký tân trà* của ông còn được gọi là *Ngọc Xuyên trà ca* hay *Thất oản trà ca*, nổi danh cùng *Trà kinh* của Lục Vũ.

3. **Họ Lục**: tức Lục Vũ (733-804), tự Hồng Tiệm, hiệu Cảnh Lăng Tử, Trà Sơn Ngự sử, tác giả của *Trà kinh*, bộ chuyên trước về trà đầu tiên trên thế giới. Ông được hậu thế tôn xưng là Trà thánh, Trà tiên, nhiều nơi thờ làm Trà thần.

4. **Sanh**: cũng tức là cái xanh, thời cổ chỉ một dạng nồi ba chân làm bằng kim loại hoặc gốm sứ, về sau cũng chỉ loại chảo nông mà đáy phẳng, đều có hai quai.

5. **Đỉnh:** vạc ba chân, hai tai cầm, làm bằng kim loại.

6. **Giới Phủ**: tên tự của Vương An Thạch (1021-1086), chính trị gia thời Tống.

7. **Dương Tiện**: là tên cổ của vùng Nghi Hưng, Giang Tô, Trung Quốc. Vào thời Đường, trà Dương Tiện được đưa vào hạng mục trà cống phẩm (cống trà).

8. **Tử Chiêm**: tên tự của Tô Thức (1037-1101), còn gọi Tô Đông Pha, nhà văn, nhà thơ trứ danh thời Bắc Tống.

9. **Mật Vân Long**: tên một loại trà sản xuất tại núi Vũ Di, Phúc Kiến, Trung Quốc, từng là cống trà thời Bắc Tống.

10. **Hào chủng tùng bồi:** tức Chính Sơn tiểu chủng, nổi tiếng bởi "tùng yên hương" (mùi thơm khói thông) bởi được sấy bằng gỗ thông. Xin xem chú thích 16.

11. **Âu**: chỉ chung các loại cốc ngắn cầm vừa lòng bàn tay.
12. **Oản**: chỉ chung các loại bát cỡ nhỡ, cốc miệng rộng, hoặc chén nhỏ trông như chiếc bát. Loại bát/chén có nắp gọi là cái oản (cái: nắp). Đến cuối thời Nguyễn, Đại Nam quốc ngữ giải thích: "*Oản: bát nhỏ; Trà oản: chén trà*".
13. **Siêu tay**: nguyên văn là *điệu*, chỉ loại siêu lẫn ấm, đều có tay cầm. *Đại Nam quốc ngữ* giải nghĩa: "*Trà điệu là cấp thiêu*", tức là ấm đun nước nhanh (cấp: nhanh; thiêu: đun).
14. **Mông Đỉnh:** dạng trà xanh, sản xuất tại núi Mông Đỉnh tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc, thời Đường Huyền Tông trở thành trà cống phẩm.
15. **Tuyết Nha, Hồng Tâm**: tên các loại danh trà Trung Quốc.
16. **Chính Sơn**: tức Chính Sơn tiểu chủng, xuất tại núi Vũ Di, là loại hồng trà sớm nhất trên thế giới, chế tác tại huyện Sùng An tỉnh Phúc Kiến vào giữa thời Minh.
17. **Song thương**: chỉ búp trà non (tôm) mọc thành đôi như hai ngọn thương.
18. **Thất oản**: tức *Thất oản trà ca* (Bài ca bảy bát trà) của Lư Đồng, thời Đường.
19. **Tống thụ**: Trong sách *Quần thư tham khảo*, Phạm Đình Hổ giải thích "*Khoảng đời Càn Long nhà Thanh (1736-1796) trên núi Vũ Di vẫn còn cây chè cổ thụ chín nhánh, gọi là Tống thụ - cây chè thời Tống, cành tán xum xuê mà người không thể trèo lên được. Các sư ở chùa phải nuôi khỉ vượn để hái làm chè tiến vua. Loại chè này có tên gọi là Tống thụ trà. Ngoài dân gian cũng có người mua được, coi là loại thượng phẩm*". Hoàng Đạo Thúy cho hay, trước kia người Hoa bán chè ở khu vực giữa phố Cầu Gỗ, đem sang những hòm chè dán tranh núi Vũ Di có hình con khỉ hái chè (*Hà Nội thanh lịch*. Tr.120), bên trong là các loại chè Thanh Tâm, Ô Long, chính là minh họa cho cây chè này.
20. **Thược trà**: tức lối hãm trà như hiện nay. Ở đây Phạm Đình Hổ có chút nhầm lẫn, xin xem phần "Tống quân dàn trận".
21. **Điểm trà:** chỉ lối uống trà chuyên biệt thời Tống. Xin xem phần "Đun mạt điểm hoa".
22. **Bàn**: tức trà bàn, đĩa bàn để đặt chén, trong bộ tứ "dầm, bàn, tống, tốt".

THƯ MỤC SÁCH TRÍCH DẪN THAM KHẢO

Tư liệu Việt Nam:

An Nam vũ cống. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: A.2251.

An Nam phong tục sách. Đoàn Triển. Nxb Hà Nội. 2008.

Bà chúa Chè. Nguyễn Triệu Luật. Xuất bản Bốn Phương. 1938.

Bị khảo lục. Phạm Đình Hổ. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: VHv.2226.

Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Thái Công Nguyên chủ biên. Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. 1997.

Cao Bá Quát toàn tập. Trung tâm nghiên cứu Quốc học. Nxb Văn học. 2004.

Cây chè Việt Nam. Đỗ Ngọc Quỹ, Nguyễn Kim Phong. Nxb Nông Nghiệp. 1997.

Cổ ngọc Việt Nam. Bảo tàng lịch sử Việt Nam. Hà Nội. 2011.

Diệu Liên tập. Nguyễn Phúc Trinh Thận. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: VHv.685.

Chỉ Nam ngọc âm. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: AB.372.

Đại Nam quốc ngữ. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: AB.106.

Đại Nam nhất thống chí. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: A.69.

Đại Nam quấc âm tự vị. Huình Tịnh Paulus Của. Imprimerie Rey, Curiol & Cie. Saigon. 1895.

Đăng khoa lục sưu giảng. Thư viện Quốc gia. Kí hiệu: R.21.

Đặng Huy Trứ con người và tác phẩm. Nhóm Trà Lĩnh biên soạn. Nxb thành phố Hồ Chí Minh. 1990.

Đất lề quê thói. Nhất Thanh. Cơ sở ấn loát Đường Sáng. 1970.

Đồng Khánh Dư địa chí. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin. Nxb Thế Giới. 2003.

Gia Định thành thông chí. Nxb Giáo Dục. 1999.

Hà Nội thanh lịch. Hoàng Đạo Thúy. Nxb Giáo dục. 1996. Tr. 121.

Hải Thượng Lãn Ông y tông tâm lĩnh. Nxb Y Học. 2005.

Hoàng thành Thăng Long. Viện khảo cổ học. Nxb Văn hóa - Thông tin. 2006.

Huệ Phố thi tập. Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: A.1163.

Hương Trà. Đỗ Trọng Huề. Hoa Lư. 1968.

Kim mã hành dư. Ngô gia văn phái. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: VHv 1743/21.

Kinh thành cổ Việt Nam. Viện nghiên cứu kinh thành. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội. 2021.

Khảo về đồ sứ cổ men lam Huế. Vương Hồng Sển. Nxb Tổng hợp thành phố HCM. 1993.

La Sơn phu tử. Hoàng Xuân Hãn. Nxb Văn học. Hà Nội. 2003.

Lê quý dật sử. Bùi Dương Lịch. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội. 1987.

Lý thuyết và thực hành chữ Nôm. Trần Trọng Dương chủ biên. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 2016.

Lịch triều hiến chương loại chí. Đông Dương văn khố.

Lịch sử của trà. Laura C. Martin. Nxb Dân Trí. 2019.

Minh Mệnh ngự chế thi sơ tập. Thư viện Quốc gia. Kí hiệu: R.518.

Nam dược thần hiệu. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: A.3024.

Nhã Đường thi tập. Nguyễn Phúc Miên Tuấn. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: VHb.7.

Nhật dụng thường đàm. Phạm Đình Hổ. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: Vnv.128.

Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt. Nguyễn Tài Cẩn. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 2001.

Nguyễn Trãi Quốc âm thi tập. Phạm Luận phiên âm và chú giải. Nxb Giáo dục Việt Nam. 2012.

Nước non Bình Định. Quách Tấn. Nam Cường xuất bản. 1967.

Ô Châu cận lục. Dương Văn An. Nxb Giáo dục Việt Nam. 2009.

Quê hương tôi. Tràng Thiên. Nxb Thời Đại. 2012.

Rồng - phượng trên bảo vật triều Nguyễn. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Trung tâm di tích cố đô Huế. Nxb Văn hóa dân tộc. Hà Nội. 2018.

Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam. Tập 3. Lê Mạnh Thát. *Nxb thành phố HCM. 2002.*

Tổng tập văn học Việt Nam (trọn bộ 42 tập). Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội. 2000.

Tuệ Tĩnh toàn tập. Lê Trần Đức hiệu chỉnh và khảo cứu. Nxb Y Học. 2007.

Tuyển tập Ngô gia văn phái. PGS.TS Trần Thị Băng Thanh (chủ biên). Nxb Hà Nội. 2010.

Tư liệu các công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Hoàng Anh Tuấn. Nxb Hà Nội. 2010.

Thạch Nông thi tập. Nguyễn Tư Giản. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: VHv.700.

Thiền Tông khóa hư ngữ lục. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: AB.268.

Thoái thực ký văn. Trương Quốc Dụng. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: VHv.1274.

Thông loại khóa trình. Trương Vĩnh Ký. Nxb Saigon. 1888.

Thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm tổng tập. Nxb Văn học. 2014.

Thơ văn Lý Trần. Viện Văn học. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội. 1977.

Thương Sơn thi tập. Nguyễn Phúc Miên Thẩm. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: A.1496.

Thượng kinh ký sự. Lê Hữu Trác. Thư viện Quốc gia. Kí hiệu: R.1077.

Ức Trai di tập. Nguyễn Trãi. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: A.140.

Vang bóng một thời. Nguyễn Tuân. Nxb Hội Nhà Văn. 2014.

Văn hóa trà Việt Nam. Hiệp hội Chè Việt Nam. 2002.

Văn minh trà Việt. Trịnh Quang Dũng. Nxb Phụ nữ. 2012. Tr.79.

Vân đài loại ngữ. Thư viện Quốc gia. Kí hiệu: R.136.

Vi dã hợp tập. Nguyễn Phúc Miên Trinh. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm. Kí hiệu: A.782.

Việt Nam văn hóa sử cương. Đào Duy Anh. 1938.

Việt Nam phong tục. Phan Kế Bính. Nxb Văn học. 2005.

Vũ trung tùy bút. Thư viện Quốc gia. Kí hiệu: R.1609.

Tư liệu phương Tây

A History of Japanese Buddhism. Kenji Matsuo. Global Oriental. 2007.

All about Tea. William H. Ukers. New York The Tea and Coffee trade journal Company. 1935.

Connaissance du Vietnam. Pierre Huard, Maurice Durand. École française d›Extrême-Orient Hanoi. 1954.

Dictionarium Annamitico-Latinum. AJ.L.Taberd. Nxb Văn học. 2004.

Đạo của vật lý. Fritjof Capra. Nguyễn Tường Bách dịch. Nxb Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh. 2001.

Kỹ thuật của người An Nam. Henri Oger. Nxb Thế Giới. 2009.

Những người châu Âu ở nước An Nam. C.B. Maybon. Nxb. Thế Giới. 2011.

Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài. Jean Baptiste Tavernier. Nxb Thế Giới. 2005.

Tea culture. Beverly Dubrin. Charlesbridge Publishing. 2010.

The Industrious Revolution - Consumer Behavior and the Household Economy, 1650 to the Present. Jan de Vries. Cambridge University Press. 2008.

The Japanese Way of Tea: From Its Origins in China to Sen Rikyū. Hansō, Sōshitsu. University of Hawaii Press. Honolulu. 1998.

Từ điển Annam Lusitan Latinh. Alexandre de Rhodes (1651). Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính dịch. Nxb Khoa học Xã hội. 1991.

Vietnamese and Chinese Ceramics Used in the Japanese Tea Ceremony. Hiromu Honda and Noriki Shimazu. Oxford University Press. 1993.

Zen-life: Ikkyu and Beyond. Evgeny Steiner.Cambridge scholars Publishing. 2014.

An Introduction to Japanese Tea Ritual. Jennifer L. Anderson. State University of New York Press. 1991.

Tư liệu Trung Quốc

Cổ Hán ngữ nghiên cứu. Kỳ 3.《古汉语研究》第3期（总第68期）。2005。

Chu nê Kinh Khê - Nghiên cứu ấm Chu nê Nghi Hưng thời Minh Thanh. Hoàng Kiến Lượng, Hoàng Di Gia chủ biên.《荆溪朱泥——明清宜興朱泥壺研究》黄健亮，黄怡嘉主编。盈記唐人工藝出版社。2010。

Hồ Nam Nông học viện Học báo. Kỳ 2.《湖南农学院学报》第二期。1984。

Phong tục ăn ở đi lại của dân tộc Hán. Mạc Cao, Từ Kiệt Thuấn, Ngô Hoa.《汉族衣食住行风俗》莫高，徐杰舜，吴华 。广西教育出版社。1994。

Phúc Kiến trà diệp. Kỳ 2.《福建茶叶》第二期。1986。

Nghiên cứu quan hệ triều Tống và Việt Nam. Đặng Xương Hữu.《宋朝与越南关系研究》邓昌友。暨南大学，中外关系史，博士K244，2005。

Nông nghiệp khảo cổ. Kỳ 2.《农业考古》第二期。1986。

Nông nghiệp khảo cổ. Kỳ 2.《农业考古》第二期。1997。

Nông nghiệp khảo cổ. Kỳ 2.《农业考古》第二期。2007。

Trà cụ và chuyện trà các đời. Liệu Bảo Tú.《历代茶器与茶事》廖宝秀。故宫出版社。2018。

Trà diệp khoa học giản báo. Kỳ 3.《茶叶科学简报》第三期。1988。

Trà điển.《茶典》山东画报出版社。2004。

Trà sử sơ thám. Chu Tự Chấn.《茶史初探》朱自振。中国农业出版社。1996。

Trà sự biến lược. Trần Thuấn Thần (Chin Shunshin).《茶事遍略》陳舜臣。广西师范大学出版社。2009。

Trung Quốc trà kinh. Trần Tông Mậu, Dương Á Quân chủ biên.《中国茶经》陈宗懋，杨亚军主编。上海文化出版社。2011。

Tử sa cổ điệu.《紫砂古调》。盈记唐人工艺出版社。2013。

Văn hóa trà Phổ Nhĩ. Hoàng Quế Xu.《普洱茶文化》黄桂枢。云南大学出版社。2016。

Tư liệu Nhật Bản

Bước đầu tìm hiểu tư liệu liên quan đến ngành trà và văn hóa uống trà Việt Nam. Nishimura. 西村昌也. ベトナムの茶飲文化・茶業に関する資料初探. 周縁の文化交渉学シリーズ1 『東アジアの茶飲文化 と茶業』2011. Kansai University Institutional Repository.

Đại từ điển Thiền ngữ dùng trong bàn Trà. Arima Raitei. 有馬頼底『茶席の禅語大辞典』淡交社. 2002.

Khiết trà dưỡng sinh ký. Myoan Eisai. 明菴栄西『喫茶養生記』。法蔵館。1939。記号751-280。国立国会図書館オンラインへのリンク000000732706。

Nguyệt san thông tin khai quật di sản văn hóa. 月刊文化財発掘出土情報. ジャパン通信社, 1985.

CHUYỆN TRÀ
- LỊCH SỬ MỘT THỨC UỐNG LÂU ĐỜI CỦA NGƯỜI VIỆT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM TRẦN LONG

Biên tập	Trịnh Hồng Hạnh
Biên tập viên Nhã Nam	Đặng Thanh Giang
Thiết kế bìa	Ngọc Điệp
Trình bày	Thu Ngân
Sửa bản in	Phạm Thủy

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024. 38253841 | Fax: 024. 38269578

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận I, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028. 38220102
Email: marketing@thegioipublishers.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 35146875 | Fax: 024 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: info@nhanam.vn
http://www.facebook.com/nhanampublishing

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 38479853 | Fax: 028 38443034
Email: kinhdoanhsg@nhanam.vn

In 2.000 cuốn, khổ 17x25cm tại Công ty CP in Viễn Đông (Km19+400 Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 3160-2021/CXBIPH/02-205/ThG và quyết định xuất bản số 1338/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 31.12.2021. Mã ISBN: 978-604-77-9986-2. In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

Vẫn nghiêm cẩn, công phu, sắc sảo như trong *Ngàn năm áo mũ*, nhưng thêm vào đó vẻ phóng khoáng, tươi mới từ những chuyến đi và những trải nghiệm riêng, Trần Quang Đức trở lại để kể về một thức uống có lịch sử lâu đời của người Việt. Trong khoảng thinh không lắng đọng, câu chuyện trà hiện lên qua giọng kể của anh, từ nơi rừng núi bạt ngàn đến chốn phòng văn thanh nhã, từ thuở sơ khai dân dã cho đến hình thái tinh xảo dụng công. Vượt qua tất cả các giới hạn về không gian và thời gian, trà ngày nay vẫn kết nối con người trong một thế giới tinh thần dung dị, khiến những dao động trong lòng ta dần chậm lại, nhịp nhàng hơn, tiến tới một sự cân bằng thật đẹp.

"Trà không phải là trà, Chuyện trà cũng đâu chỉ có chuyện trà thôi đâu! Đặt Chuyện Trà *xuống, sẽ có hàng ngàn chuyện trà khác tiếp tục ra đời..."*

– NGUYỄN SỬ

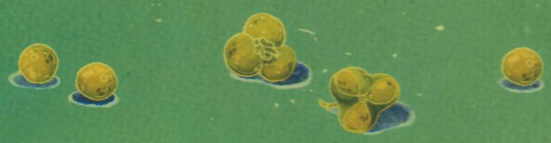

ISBN: 978-604-77-9986-2
nhã nam
www.nhanam.vn
9 786047 799862
Giá: 290.000đ
Mua bản sách giả là giết chết sách thật
8 935235 232303

BECOME A MEMBER!
Nhã Nam Reading Club